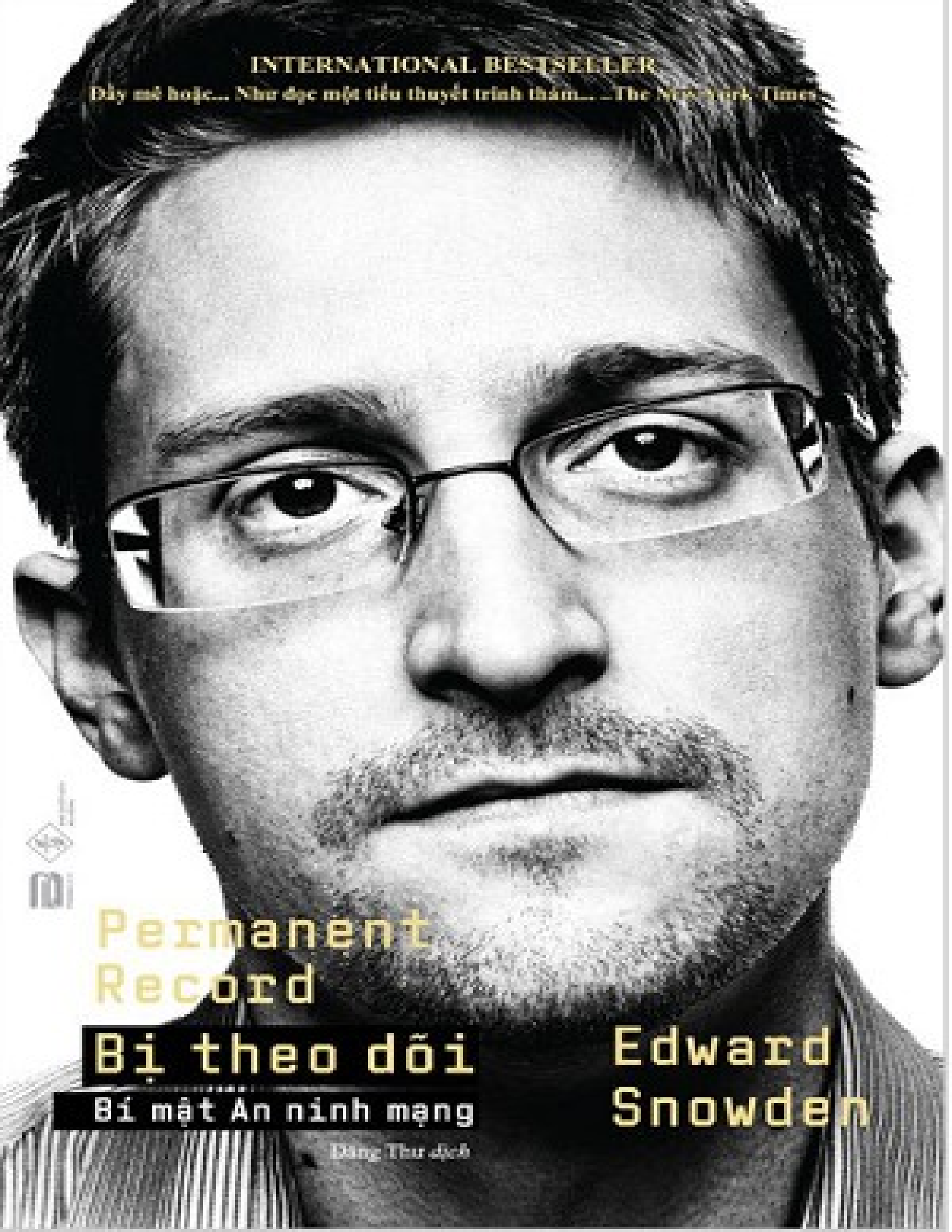
INTERNATIONAL BESTSELLER
Đầy mê hoặc... Như đọc một tiểu thuyết trinh thám... –The New York Times
Permanent Record
Bị theo dõi
Bí mật An ninh mạng
Edward Snowden
Đặng Thư dịch

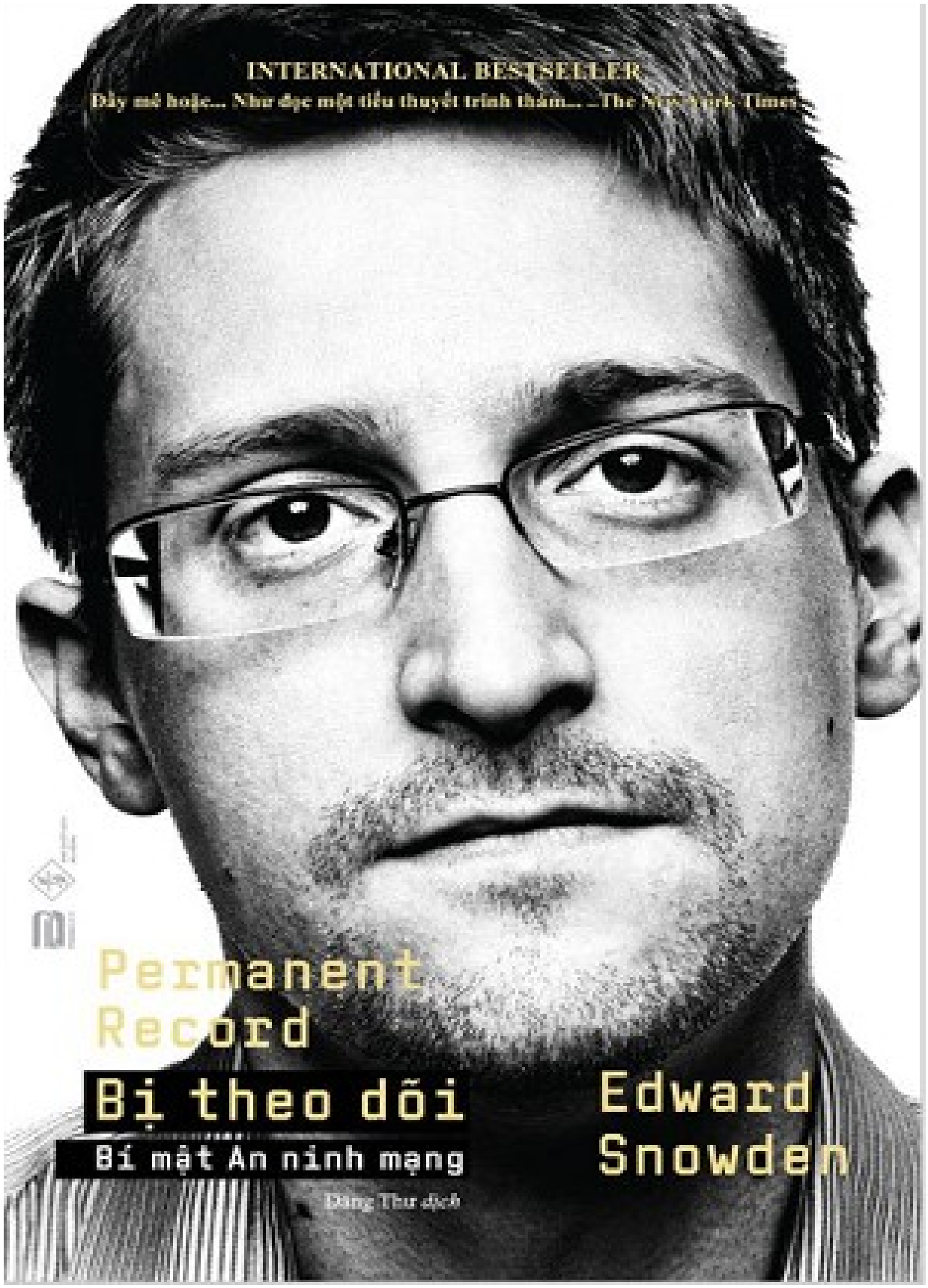
INTERNATIONAL BESTSELLER
Đầy mê hoặc... Như đọc một tiểu thuyết trinh thám... –The New York Times
Permanent Record
Bị theo dõi
Bí mật An ninh mạng
Edward Snowden
Đặng Thư dịch

Giới thiệu

Edward Snowden sinh tại Thành phố Elizabeth, Bắc Carolina. Anh là một kỹ sư hệ thống máy tính lành nghề, từng làm sĩ quan của Cơ quan Tình báo Trung ương (CIA) và làm nhà thầu cho Cơ quan An ninh Quốc gia Hoa Kỳ (NSA).

Anh đã nhận được nhiều giải thưởng về dịch vụ công, bao gồm giải Right Livelihood, giải "Người thổi còi" của Đức, giải Ridenhour cho Câu chuyện Sự thật và huy chương Carl von Ossietzky từ Liên đoàn Nhân quyền Quốc tế.

Hiện anh là chủ tịch hội đồng quản trị của Tổ chức Tự do Báo chí.

Bị theo dõi (tựa gốc: Permanent Record) mô tả về thời thơ ấu của Snowden và thời gian anh làm việc tại CIA, NSA cũng như động cơ khiến anh tiết lộ hoạt động giám sát hàng loạt của các cơ quan này. Những tiết lộ của Snowden đã tạo nên cuộc tranh luận trên quy mô toàn cầu về hoạt động giám sát.

Cuốn tự truyện này được viết một cách dí dỏm, duyên dáng, đầy đam mê, hấp dẫn với nhiều bí mật được phanh phui. Đây là một cuốn tự truyện quan trọng trong thời đại kỹ thuật số của chúng ta và chắc hẳn sẽ khiến chúng ta lưu tâm hơn về quyền tự do cá nhân trong không gian mạng.

Acknowledgement

Tặng L

"Snowden không đưa bất kỳ 'bom tấn' mới nào vào cuốn sách của mình, nhưng lại mang đến cho chúng ta một cuốn hồi ký dễ đọc về việc lớn lên với Internet, nguồn cơn cho hành động của anh, và nhìn vào cách chính phủ đã thể hiện sự giám sát kể từ khi anh tiết lộ."

- Greg Myre, NPR News

"... Hấp dẫn... Phần kết sách là bản mô tả thú vị về cách Snowden thu thập chứng cứ về các công cụ và phương pháp mà NSA đã tạo ra để tuân thủ những đơn đặt hàng 'một lần duy nhất' mà họ đã nhận từ các chính trị gia của họ sau sự kiện 11/9... Anh cũng thẳng thắn nói về những cảm xúc dằn vặt mà dự án bí mật này áp lên anh, đặc biệt là nỗi đau khổ khi phải bất chợt từ bỏ người yêu của mình, Lindsay, mà chẳng thể cho cô bất kỳ cảnh báo nào về những gì anh sẽ làm. Nếu bất cứ ai nghĩ rằng "tuýt còi" là việc dễ dàng, thì có lẽ họ chưa từng kinh qua."

- John Naughton, The Observer (UK)

Bị theo dõi là nỗ lực lật ngược hướng ống nhòm và mang đến bức chân dung của một người đàn ông - một người tuýt còi?, người tiết lộ?, người chống đối? hay một gián điệp? - người đã bước đi trên mặt đất, trong những ngày này dưới cái tên Edward Snowden... Vậy nên cuốn tự truyện của anh cũng rất bộc trực và đáng khâm phục. Anh đã đánh liều giả định rằng độc giả không chỉ quan tâm đến hành động ngông cuồng vốn mang lại danh tiếng lẫn tai tiếng cho mình, mà còn đến sự hình thành nhân cách của anh, cũng như quá trình hiểu biết về công nghệ, hoạt động gián điệp, sự theo dõi và nhân quyền...

Bị theo dõi có phần chạm đỉnh sớm hơn Snowden nghĩ, và hơn cả độc giả kỳ vọng. Bộ phim truyền hình riêng tư về những phát hiện và khám phá bản thân của anh, về những khao khát ban đầu của anh dành cho các hệ thống và tính xác thực, về sự trỗi dậy của lòng yêu nước ở cả giai đoạn ngây thơ lẫn muộn màng, về cuộc phiêu lưu của anh như một người làm việc bình thường với tâm trí phi thường, và, trên hết, sự hình thành bất lực một cuộc khủng hoảng đạo đức của chính anh - tất cả những điều này làm cho cuốn sách trở nên đáng đọc.

- Jonathan Lethem, The New York Review of Books

Khi xem qua những giai đoạn quan trọng trong cuộc đời Snowden, vốn nhằm mục đích bối cảnh hóa quyết định cuối cùng của anh là lấy tài liệu từ cơ sở NSA ở Hawaii, nơi anh đang làm việc, bạn sẽ thấy tựa đề này như một thước phim trinh thám. Nếu những tiết lộ đến từ Snowden mang tính bùng nổ, thì việc anh kể lại những tiết lộ của họ là một cao trào. Mọi việc đều hướng đến những khoảnh khắc mà anh hồi hộp chờ đợi các nhà báo đến phòng khách sạn của mình để trao các tài liệu tuyệt mật và vội vàng tìm vị trí an toàn, có liên quan đến cuộc chạm trán với FSB của Nga sau khi tiết lộ... Mặc dù khó có thể thay đổi suy nghĩ của mọi người về hành động của Snowden, ***Bị theo dõi*** chính là là nỗ lực của "người tuýt còi" trong việc nêu lên câu chuyện của chính anh.

- Matt Burgess, Wired

Các chữ viết tắt

- ACLU (American Civil Liberties Union): Liên minh Dân quyền Mỹ.
- CASL (Center for Advanced Study of Language): Trung tâm Nghiên cứu Ngôn ngữ cao cấp.
- CERN (Conseil Européen pour la Recherche Nucléaire): Hội đồng nghiên cứu Hạt nhân châu Âu.
- CIA (Central Intelligence Agency): Cơ quan Tình báo Trung ương Hoa Kỳ.
- DA (Directorate of Administration): Tổng cục Hành chính.
- DI (Directorate of Intelligence): Tổng cục Tình báo.
- DIA (Defense Intelligence Agency): Cơ quan Tình báo quốc phòng.
- DO (Directorate of Operations): Tổng cục Tác chiến.
- DS (Directorate of Support): Tổng cục Hậu cần.
- DST (Directorate of Science and Technology): Tổng cục Khoa học - Kỹ thuật.
- FBI (The Federal Bureau of Investigation): Cục điều tra Liên bang.
- FCC (Federal Communications Commission): Ủy ban truyền thông Liên bang.
- FISC (Foreign Intelligence Surveillance Court): Tòa Giám sát Tình báo Nước ngoài.
- FPF (Freedom of the Press Foundation): Tổ chức Tự do Báo chí.
- FSB (Federal Security Service): Tổng cục An ninh Liên bang Nga.
- GCHQ (Government Communications Headquarters): Tổng bộ Thông tin Chính phủ.
- IC (Intelligence Community): Cộng đồng Tình báo Mỹ.
- IRS (The Internal Revenue Service): Sở Thuế vụ.
- JCITA (Joint Counterintelligence Training Academy): Học viện Liên kết Đào tạo Phản gián.
- JWICS (Joint Worldwide Intelligence Communications System): Hệ thống Liên kết Thông tin Tình báo Toàn cầu.
- NSA (National Security Agency): Cơ quan An ninh quốc gia Hoa Kỳ.
- NTOC (National Threat Operations Center): Trung tâm Tác chiến Nguy cơ quốc gia.

- PTC (Pacific Technical Center): Trung tâm kỹ thuật Thái Bình Dương.
- SCIF (Sensitive Compartmented Information Facility): Cơ sở Thông tin Đặc biệt Nhạy cảm.
- SCS (Special Collection Service): Vụ Thu thập Đặc biệt.
- TAO (Tailored Access Operations): Ban Tác chiến Truy cập Chuyên biệt.

Lời tựa

Tôi tên Edward Joseph Snowden. Tôi từng làm việc cho chính phủ, nhưng bây giờ tôi làm việc cho công chúng. Tôi mất gần ba mươi năm mới nhận ra rằng có sự khác biệt giữa hai điều ấy, và nhận thức đó khiến tôi gặp một chút rắc rối ở cơ quan. Vì vậy, tôi bây giờ lại dành thời gian của mình để cố bảo vệ công chúng tránh khỏi con người đã từng là tôi - một gián điệp của Cơ quan Tình báo Trung ương (Central Intelligence Agency - CIA) và Cơ quan An ninh Quốc gia (National Security Agency - NSA), một chuyên viên kỹ thuật trẻ tuổi bình thường lúc đó đang quyết chí xây dựng một thế giới mà bản thân tin chắc sẽ tốt đẹp hơn.

Sự nghiệp của tôi trong Cộng đồng Tình báo Mỹ *(Intelligence Community* - IC) chỉ kéo dài bảy năm ngắn ngủi, một giai đoạn mà giờ đây tôi ngạc nhiên nhận ra là chỉ dài hơn một năm so với khoảng thời gian tôi sống lưu vong kể từ đó ở một xứ sở mình không lựa chọn. Thế nhưng, trong suốt bảy năm ấy, tôi đã tham gia vào cuộc thay đổi quan trọng nhất trong lịch sử gián điệp Mỹ - thay đổi từ việc theo dõi cá nhân có mục tiêu sang việc theo dõi toàn bộ nhiều dân số quốc gia không từ một ai. Tôi đã giúp sức thực hiện về mặt công nghệ để cho một chính phủ duy nhất thu thập mọi thông tin liên lạc kỹ thuật số của cả thế giới, lưu trữ chúng vô thời hạn, và mặc sức tìm kiếm trong nguồn dữ liệu ấy.

Sau biến cố 11/9, Cộng đồng IC bị dằn vặt vì tội không bảo vệ được nước Mỹ, vì đã để cho cuộc tấn công tàn khốc và hủy diệt nhất kể từ trận Trân Châu Cảng xảy ra trên đất nước này ngay trong phiên canh gác của họ. Để phản ứng lại, các nhà lãnh đạo IC đã tìm cách xây dựng một hệ thống sẽ giúp họ không bao giờ mất cảnh giác nữa. Nền tảng của hệ thống này sẽ phải là công nghệ, một điều xa lạ với đội quân tình báo toàn những người thuộc chuyên ngành khoa học chính trị và thạc sĩ quản trị kinh doanh. Cánh cửa đưa đến các cơ quan tình báo bí mật nhất đã mở toang cho các chuyên viên kỹ thuật trẻ như tôi. Và thế là dân rành máy tính đã thừa hưởng cả trái đất.

Nếu như lúc ấy tôi có am hiểu điều gì thì đó chính là máy tính, vì vậy tôi thăng tiến nhanh chóng. Ở tuổi hai mươi hai, tôi đã được NSA cấp chứng nhận an ninh tối mật đầu tiên cho một công việc ở vị trí tận cùng của sơ đồ tổ chức. Chưa đầy một năm sau, tôi đã ở CIA, làm kỹ sư hệ thống với quyền truy cập rộng khắp vào một số mạng máy tính nhạy cảm nhất hành tinh. Người duy nhất giám sát tôi là một ông chuyên dành thời gian trực để

đọc tiểu thuyết gián điệp của Robert Ludlum và Tom Clancy. Các cơ quan này đã phá vỡ mọi quy tắc của chính họ trong việc săn tìm người giỏi kỹ thuật để tuyển dụng. Theo lệ thường thì họ sẽ không bao giờ tuyển những người không có bằng cử nhân, hoặc như sau này, người được tuyển ít nhất phải có bằng cao đẳng, cả hai bằng ấy tôi đều không có. Đáng lý ra, tôi thậm chí còn không bao giờ được phép bước vào tòa nhà đó.

Từ năm 2007 đến 2009, tôi được bố trí ở Sứ quán Hoa Kỳ tại Geneva như một trong những chuyên viên kỹ thuật hiếm hoi được điều động dưới vỏ bọc ngoại giao, với nhiệm vụ đưa CIA tiến vào tương lai bằng cách đưa các trạm châu Âu của cơ quan này lên mạng, số hóa và tự động hóa hệ thống mạng mà chính phủ Hoa Kỳ sẽ sử dụng để làm gián điệp. Thế hệ của tôi không chỉ thiết kế lại công việc tình báo; mà đã định nghĩa lại toàn bộ khái niệm tình báo. Đối với chúng tôi, đó không phải là những cuộc gặp gỡ lén lút hay những hộp thư bí mật, mà chính là dữ liệu.

Đến năm hai mươi sáu tuổi, tôi trở thành nhân viên trên danh nghĩa của hãng Dell, nhưng một lần nữa lại làm việc cho NSA. Việc hợp đồng tuyển dụng như vậy đã trở thành vỏ bọc của tôi, cũng giống như hầu hết mọi điệp viên thiên về công nghệ trong đội quân này. Tôi được phái đến Nhật Bản, nơi tôi đã giúp thiết kế một hệ thống gần như là phương tiện sao lưu dự phòng dữ liệu toàn cầu của NSA - một hệ thống mạng bí mật đồ sộ đảm bảo rằng ngay cả khi cơ quan đầu não có tan thành tro bụi trong một vụ nổ hạt nhân thì vẫn không hề mất một dữ liệu nào. Vào lúc đó, tôi không hiểu được rằng việc thiết kế một hệ thống lưu trữ vĩnh viễn hồ sơ về cuộc đời của mọi con người lại chính là một sai lầm khủng khiếp.

Tôi trở về Hoa Kỳ ở tuổi hai mươi tám và được thăng chức rất cao vào nhóm liên lạc kỹ thuật phụ trách mối quan hệ của hãng Dell với CIA. Công việc của tôi là ngồi cùng với những người đứng đầu các bộ phận kỹ thuật của CIA để thiết kế và bán giải pháp cho bất kỳ vấn đề nào họ có thể nghĩ ra. Nhóm của tôi đã giúp CIA xây dựng một loại kiến trúc điện toán mới - "đám mây", công nghệ đầu tiên cho phép mọi nhân viên, bất kể đang ở đâu, truy cập và tìm kiếm được bất kỳ dữ liệu nào họ cần, bất kể khoảng cách.

Tóm lại, việc quản lý và kết nối dòng thông tin đã nhường chỗ cho việc tìm kiếm cách lưu trữ thông tin đó mãi mãi, rồi việc này lại tiếp tục nhường chỗ cho việc bảo đảm sao cho nguồn thông tin này luôn sẵn sàng và có thể tìm kiếm được ở bất kỳ nơi đâu. Tôi bắt đầu hình dung ra được các kế hoạch này khi ở Hawaii, nơi tôi chuyển đến theo hợp đồng mới với NSA ở tuổi hai mươi chín. Cho đến lúc đó, tôi vẫn miệt mài làm việc theo

tôn chỉ cần Phải Biết, chứ không hiểu được mục đích tích tụ đằng sau các nhiệm vụ chuyên môn, tách biệt của mình. Chỉ đến khi tới xứ thiên đường Hawaii, tôi cuối cùng mới ở vào vị trí có thể thấy được mọi công việc tôi làm liên kết với nhau ra sao, mới thấy chúng ăn khớp như những bánh răng của một cỗ máy khổng lồ để tạo ra một hệ thống theo dõi toàn cầu đại quy mô.

Sâu trong một đường hầm dưới cánh đồng dứa - nguyên là nhà máy chế tạo phi cơ thời Trân Châu Cảng - tôi ngồi trước một máy tính trạm cuối mà từ đó tôi thực tế có quyền truy cập không giới hạn vào các thông tin liên lạc của gần như mọi người trên trái đất - mọi đàn ông, phụ nữ và trẻ em nào đã từng bấm số một máy điện thoại hoặc chạm vào một chiếc máy tính. Trong số đó có khoảng 320 triệu công dân Mỹ đồng bào tôi, những người đang sống cuộc sống thường ngày của mình nhưng lại bị theo dõi một cách phi pháp, một hành động vi phạm trắng trợn không chỉ với Hiến pháp Hoa Kỳ, mà còn với các giá trị cơ bản của mọi xã hội tự do.

Sở dĩ bạn đang đọc cuốn sách này là vì tôi đã làm một điều nguy hiểm đối với một người ở cương vị như mình: Tôi quyết định nói ra sự thật. Tôi đã thu thập các tài liệu nội bộ của IC làm bằng chứng về việc phạm pháp của chính phủ Hoa Kỳ và chuyển cho các nhà báo, những người đã xem xét và công bố chúng trước một thế giới rúng động bàng hoàng.

Cuốn sách này nói về những gì dẫn đến quyết định ấy, những nguyên tắc tinh thần và đạo đức đã tác động đến điều này, và cách chúng đã hình thành - như vậy cũng có nghĩa là cuốn sách nói về cuộc đời tôi.

Cái gì tạo nên cuộc đời? Nhiều hơn những gì ta nói; thậm chí còn nhiều hơn những gì ta làm. Cuộc đời cũng là những gì ta yêu, những gì ta tin. Với tôi, điều tôi yêu và tin nhất là sự kết nối, sự kết nối của con người, và những công nghệ giúp đạt được điều đó. Những công nghệ ấy bao gồm sách vở, tất nhiên. Nhưng với thế hệ tôi, sự kết nối nói chung có nghĩa là Internet.

Trước khi bạn giật mình thối lui, vì quá biết rõ sự điên rồ độc hại lan tràn khắp cái hang ổ đó trong thời đại chúng ta, xin hãy hiểu rằng đối với tôi, khi tôi biết được điều ấy thì Internet đã là một thứ rất khác xưa. Thời trước, Internet là một người bạn, và là một bậc cha anh. Đó là một cộng đồng không có ranh giới hay hạn chế, một tiếng nói với hàng triệu người, các bộ lạc đa dạng sống khá thân tình bên nhau trên một miền biên ải chung đã được định cư nhưng không ai lợi dụng, mỗi thành viên bộ lạc được tự do chọn danh tính, lai lịch và tập quán của riêng mình. Ai cũng đeo mặt nạ,

thế nhưng cái văn hóa ẩn-danh-qua-nhiều-tên-gọi này lại tạo ra nhiều sự thật hơn là giả dối, bởi vì nó mang tính sáng tạo và hợp tác hơn là thương mại và cạnh tranh. Chắc chắn là có xung đột, nhưng điều này lại ít hơn là thiện chí và hảo ý - một tinh thần tiên phong đích thực.

Như vậy bạn sẽ hiểu khi tôi nói rằng không thể nhận ra Internet ngày nay. Điều đáng chú ý là sự thay đổi này lại là một lựa chọn có ý thức, kết quả của một nỗ lực có hệ thống từ phía một số ít kẻ có đặc quyền. Cuộc đổ xô ban đầu nhằm biến thương mại thành thương mại điện tử đã nhanh chóng dẫn đến tình trạng bong bóng, và rồi, ngay sau khi bước sang thiên niên kỷ mới, đã vỡ tan. Sau đó, các công ty biết được rằng những người lên mạng lại ít quan tâm đến việc chi tiêu hơn là việc chia sẻ, và các công ty nhận ra là có thể kiếm tiền từ chính sự kết nối con người mà Internet đã giúp tạo nên. Nếu như phần lớn những điều mọi người muốn làm trên mạng là chuyện họ có thể nói với gia đình, bạn bè và người lạ về những gì họ đang dự định, và chuyện họ được nghe những gì gia đình, bạn bè và người lạ đáp lại, vậy thì các công ty chỉ cần tìm ra cách để đặt mình vào giữa những trao đổi xã hội đó và biến chúng thành lợi nhuận.

Đây là khởi đầu chủ nghĩa tư bản do thám, và kết thúc hình thức Internet như tôi đã biết.

Giờ đây, chính thế giới web sáng tạo đã sụp đổ, vì vô số website cá nhân, tốt đẹp, khó làm, đã bị đóng. Những hứa hẹn về sự thuận tiện đã khiến mọi người đánh đổi các trang web cá nhân của mình - thứ đòi hỏi phải liên tục tốn nhiều công sức duy trì - để lấy một trang Facebook và một tài khoản Gmail, vẻ bề ngoài của quyền sở hữu rất dễ nhầm lẫn với thực tế của quyền sở hữu. Vào lúc đó, chúng ta rất ít ai hiểu được điều này, nhưng mọi thứ mà chúng ta đang tiếp tục chia sẻ đều không còn thuộc về chúng ta nữa. Các công ty thương mại điện tử đã thất bại vì họ không tìm ra được bất cứ thứ gì chúng ta quan tâm muốn mua; nhưng các công ty tiếp nối bây giờ lại có một sản phẩm mới để bán.

Sản phẩm mới đó là Chúng Ta.

Những gì ta quan tâm, các hoạt động ta làm, những địa điểm ta đến, bao điều ta mong muốn - mọi điều về bản thân mà ta đã tiết lộ, dù có ý thức hay không, đều đang bị lén lút theo dõi và bán, để trì hoãn cái cảm giác bị xâm phạm không thể tránh khỏi mà hầu hết chúng ta mãi đến bây giờ mới nhận ra. Và việc theo dõi này lại tiếp tục được tích cực khuyến khích, thậm chí còn được tài trợ bởi một đội quân các chính phủ tham lam muốn giành lấy lượng thông tin khổng lồ này. Vào đầu những năm 2000, ngoài các

trang đăng nhập và giao dịch tài chính, hầu như không có bất kỳ thông tin trực tuyến nào được mã hóa, điều đó có nghĩa là trong nhiều trường hợp, các chính phủ thậm chí không cần phải mất công tiếp xúc các công ty để biết khách hàng của các công ty này đang làm gì. Họ tha hồ theo dõi cả thế giới mà không cần phải nói với một ai cả.

Hoàn toàn bất chấp hiến chương lập quốc, chính phủ Mỹ đã trở thành con mồi của chính sức cám dỗ này, và sau khi đã nếm hoa trái của thứ cây độc ấy thì sa vào một cơn mê cuồng bất tận. Trong bí mật, chính phủ nước này tự cho mình quyền theo dõi hàng loạt, một thẩm quyền mà nhìn chung làm khổ người vô tội nhiều hơn là kẻ có tội.

Mãi đến khi tôi hiểu rõ hơn việc theo dõi này và những tác hại của nó, tôi mới bị ám ảnh với nhận thức rằng công dân chúng ta - không chỉ công dân của một quốc gia mà là của cả thế giới - chưa bao giờ được cho một lá phiếu hay thậm chí một cơ hội để bày tỏ ý kiến của mình trong tiến trình đó. Hệ thống theo dõi gần như khắp mọi nơi ấy đã được lập ra không những không được chúng ta đồng ý, mà còn tiến hành theo cách cố tình che giấu không cho chúng ta biết mọi khía cạnh của các chương trình nó thực hiện. Ở mọi giai đoạn, các thể thức thay đổi và hậu quả của chúng đều được giấu kín với mọi người, kể cả với hầu hết các nhà lập pháp. Tôi biết trông cậy vào ai đây? Tôi biết nói với ai đây? Ngay cả việc hé lộ sự thật, ngay cả với một luật sư hay thẩm phán hay với Quốc hội, cũng bị xem là tội nghiêm trọng đến mức chỉ cần phác họa cơ bản về những sự kiện tổng quát nhất cũng đủ lãnh án chung thân trong một nhà tù liên bang.

Tôi đã hoang mang, và rơi vào tâm trạng u ám trong lúc phải vật lộn với lương tâm của mình. Tôi yêu đất nước tôi, và tôi tin vào việc phục vụ công dân - toàn bộ gia đình tôi, toàn bộ dòng họ tôi suốt nhiều thế kỷ, đầy những con người, cả nam lẫn nữ, đã dành cả cuộc đời để phục vụ đất nước này và công dân của nó. Bản thân tôi đã tuyên thệ phục vụ không phải cho một cơ quan, thậm chí không phải cho chính phủ, mà là cho nhân dân, để củng cố và bảo vệ Hiến pháp, mà sự bảo đảm quyền tự do dân sự hiến định đã bị vi phạm trắng trợn. Thế mà tôi không chỉ dính líu đến sự vi phạm đó: Tôi đã tham gia vào điều đó. Tất cả những công việc ấy, tất cả những năm tháng ấy - tôi đã làm việc cho ai? Làm thế nào tôi có thể cân bằng được lời cam kết giữ bí mật của mình với các cơ quan tuyển dụng tôi và lời thề mà tôi đã tuyên thệ trước các nguyên tắc lập quốc của nước Mỹ? Tôi phải có bổn phận lớn hơn đối với ai, hoặc với điều gì? Đến lúc nào thì tôi buộc phải vi phạm pháp luật vì những nguyên tắc đạo lý?

Tôi đã có câu trả lời khi ngẫm nghĩ về những nguyên tắc đó. Tôi nhận ra rằng việc đứng ra tiết lộ với các nhà báo về mức độ lộng hành của đất nước tôi sẽ không phải là việc ủng hộ bất kỳ hành động cực đoan nào, như là phá hoại chính phủ, hay thậm chí là phá hoại Cộng đồng IC. Việc làm này sẽ là sự trở về với những mưu cầu lý tưởng mà chính phủ và IC đã tự đề ra.

Nền tự do của một quốc gia chỉ có thể được đo lường bằng sự tôn trọng các quyền công dân của nước ấy và tôi tin rằng những quyền này trên thực tế là những mốc giới hạn của quyền lực nhà nước, xác định chính xác nơi nào và khi nào chính phủ không được xâm phạm vào địa hạt của các quyền miễn trừ cá nhân hoặc riêng biệt mà trong thời Cách mạng Mỹ được gọi là "quyền tự do", và trong thời Cách mạng Internet, được gọi là "quyền riêng tư".

Đã sáu năm kể từ khi tôi bước ra lên tiếng, vì tôi đã chứng kiến mức độ cam kết của cái gọi là các chính phủ tiên tiến trên toàn thế giới về việc bảo vệ quyền riêng tư này ngày một giảm sút, điều mà tôi coi là - và Liên Hiệp Quốc coi là - một quyền con người cơ bản. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian đó, sự giảm sút này chỉ càng tiếp diễn trong lúc các nền dân chủ lại thoái trào thành chủ nghĩa dân túy độc tài. Không nơi nào mà sự thoái trào này rõ ràng cho bằng mối quan hệ của các chính phủ với báo chí.

Những nỗ lực phá hoại uy tín báo chí của các viên chức dân cử đã được hỗ trợ và xúi giục bằng một cuộc tấn công toàn diện vào nguyên tắc của sự thật. Những gì là thật đang được pha trộn một cách có chủ đích với những điều giả trá, thông qua các công nghệ có khả năng mở rộng kiểu pha trộn đó thành một sự hỗn loạn toàn cầu chưa từng có.

Tôi không xa lạ gì với tiến trình này, bởi vì việc tạo ra điều không có thực luôn là ngón nghề đen tối nhất của Cộng đồng tình báo. Cũng chính các cơ quan ấy, chỉ trong khoảng thời gian tôi làm việc cho họ thôi, đã thao túng thông tin để tạo ra một cái cớ cho chiến tranh - và sử dụng các chính sách bất hợp pháp và bộ máy tòa án trong bóng tối để cho phép việc bắt cóc người trở thành "dẫn độ đặc biệt", việc tra tấn trở thành "thẩm vấn tăng cường", và việc theo dõi hàng loạt trở thành "thu thập đại trà" - họ đã có lúc không ngần ngại gọi tôi là điệp viên hai mang của Trung Quốc, điệp viên tay ba của Nga, và tệ hơn nữa: "tên nhãi ranh tuổi 8x".

Họ đã có thể nói gì cũng được, và nói tha hồ, chủ yếu là vì tôi từ chối biện hộ cho bản thân. Từ lúc tôi bước ra lên tiếng cho đến hiện tại, tôi đã kiên quyết không bao giờ tiết lộ bất kỳ chi tiết nào về đời sống cá nhân mà

có thể gây thêm đau khổ cho gia đình và bạn bè mình, những người đang chịu quá đủ khổ sở vì những nguyên tắc của tôi.

Chính vì ngại làm tăng thêm nỗi đau khổ ấy mà tôi do dự khi viết cuốn sách này. Rốt cuộc đối với tôi, việc quyết định bước ra đưa bằng chứng về hành động sai trái của chính phủ lại dễ dàng hơn việc quyết định, ở đây, thuật lại câu chuyện đời mình. Những điều lộng hành mà tôi đã chứng kiến đòi hỏi tôi phải hành động, nhưng chẳng có ai viết hồi ký vì họ không thể cưỡng lại được tiếng gọi của lương tâm. Đó là lý do tôi đã cố gắng xin phép mọi thành viên trong gia đình, bằng hữu và đồng nghiệp, những người được nêu tên, hoặc có thể nhận dạng công khai theo cách khác, trong những trang sách này.

Cũng giống như tôi từ chối tự nhận vai trò người phán quyết duy nhất về quyền riêng tư của ai khác, tôi không hề nghĩ rằng một mình tôi có thể chọn lựa bí mật nào của nước Mỹ có thể công bố và bí mật nào không nên. Vì thế, tôi chỉ tiết lộ các tài liệu của chính phủ cho các nhà báo mà thôi. Số lượng tài liệu mà tôi tiết lộ trực tiếp cho công chúng thực tế là con số 0.

Tôi tin, giống như những nhà báo ấy tin, rằng chính phủ có quyền giấu kín một số thông tin. Ngay cả một nền dân chủ minh bạch nhất thế giới cũng được phép hạn chế thông tin, chẳng hạn, danh tính của các đặc vụ bí mật và các hoạt động của quân đội quốc gia trên chiến trường. Cuốn sách này không hề có những bí mật nào như vậy.

Kể lại câu chuyện cuộc đời tôi đồng thời bảo vệ quyền riêng tư của những người thân yêu của mình và không tiết lộ những bí mật chính đáng của chính phủ là một việc không hề đơn giản, nhưng đó là việc tôi phải làm. Giữa hai ranh giới trách nhiệm đó chính là vị trí của tôi.

Phần MỘT

1
Nhìn qua cửa sổ

THỨ ĐẦU TIÊN TÔI TỪNG "HACK" là giờ đi ngủ.

Thật bất công khi bị ba má bắt phải đi ngủ - trước khi họ đi ngủ, trước khi chị tôi đi ngủ, khi tôi thậm chí còn chưa mệt mỏi. Chút bất công nhỏ bé đầu tiên của cuộc đời.

Nhiều đêm trong khoảng 2.000 đêm đầu tiên của đời tôi đã kết thúc bằng những hình thức bất phục tùng dân sự: khóc lóc, năn nỉ, mặc cả, cho đến khi - vào đêm thứ 2.193, đêm tôi tròn sáu tuổi - tôi khám phá ra việc hành động trực tiếp. Những người có thẩm quyền đâu màng đến những lời kêu gọi cải cách, và tôi cũng đâu phải con nít mới sinh hôm qua. Tôi vừa có một trong những ngày tuyệt vời nhất trong cuộc đời non trẻ của mình, đầy đủ bạn bè, tiệc vui, lại có nhiều quà tặng nữa, và tôi sẽ không để cho ngày hôm ấy kết thúc chỉ vì những người khác phải về nhà. Thế là tôi bắt đầu lén lút chỉnh tất cả các đồng hồ trong nhà cho lui lại vài giờ. Đồng hồ của lò vi ba thì dễ vặn lùi giờ hơn so với đồng hồ trên bếp, chỉ là vì tôi dễ với tới hơn thôi.

Khi những người có thẩm quyền không hay biết - trong sự thờ ơ vô tận của họ - tôi vừa phát cuồng lên vì quyền năng của mình, vừa nhảy nhót lòng vòng quanh phòng khách. Tôi, bá chủ của thời gian, sẽ không bao giờ bị bắt đi ngủ nữa. Tôi được tự do. Và thế là tôi ngủ thiếp luôn trên sàn nhà, sau khi rốt cuộc đã nhìn thấy hoàng hôn vào ngày 21 tháng 6, ngày hạ chí, ngày dài nhất trong năm. Lúc tôi thức dậy, các đồng hồ trong nhà một lần nữa khớp giờ với đồng hồ đeo tay của ba.

$_0O_0$

Nếu thời buổi này có ai mất công chỉnh đồng hồ đeo tay, thì làm sao họ biết chỉnh giờ theo cái gì? Nếu bạn giống như hầu hết mọi người hiện nay, bạn sẽ chỉnh đồng hồ theo thời gian trên chiếc smartphone của mình. Nhưng nếu bạn nhìn vào chiếc điện thoại ấy, ý tôi là thực sự nhìn kỹ, đi sâu vào các tùy chọn trong phần cài đặt hệ thống, cuối cùng bạn sẽ thấy giờ phút của điện thoại được "chỉnh tự động". Điện thoại của bạn cứ lâu lâu lại âm thầm - không một tiếng động - hỏi hệ thống mạng của nhà cung cấp dịch vụ: "Này, mấy giờ rồi?". Hệ thống mạng lại tiếp tục hỏi một mạng

lưới lớn hơn, rồi mạng này lại đi hỏi một hệ thống khác còn lớn hơn nữa, và cứ thế chuyển tiếp qua hàng loạt tháp phát sóng và đường dây cho đến khi câu hỏi được gửi tới những bá chủ đích thực của thời gian, một Máy chủ Thời gian Mạng *(Network Time Server)* được vận hành hoặc tham chiếu theo các đồng hồ nguyên tử đặt ở những nơi như Viện Tiêu chuẩn và Công nghệ Quốc gia Hoa Kỳ, Viện Khí tượng và Khí hậu Liên bang ở Thụy Sĩ và Viện Công nghệ Thông tin và truyền thông Quốc gia ở Nhật Bản. Hành trình dài vô hình đó, được hoàn thành trong một phần rất nhỏ của giây, cho nên bạn sẽ không thấy số 12:00 báo nhấp nháy trên màn hình điện thoại của bạn những lúc bạn bật lại nguồn sau khi máy hết pin.

Tôi sinh năm 1983, lúc kết thúc một thế giới mà ở đó mọi người phải tự chỉnh đồng hồ cho mình. Đó là năm Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ chia đôi hệ thống các máy tính được kết nối nội bộ, tạo ra một mạng để sử dụng cho cơ sở quốc phòng, gọi là MILNET và một mạng khác cho công chúng, gọi là Internet. Trước khi năm 1983 chấm dứt. Các quy tắc mới đã xác định ranh giới của không gian ảo này, tạo ra Hệ thống tên miền *(Domain Name System)* mà chúng ta vẫn sử dụng ngày nay - nào là .gov, *.mil, .edu,* và tất nhiên là có *.com* - và các mã quốc gia được ấn định cho thế giới còn lại: *.uk, .de, .fr, .cn, .ru,* và cứ thế. Vậy là Nước Mỹ của tôi (và cả tôi nữa) đã có một lợi thế, một bước đi trước. Tuy nhiên, phải mất sáu năm nữa World Wide Web mới được phát minh, và khoảng chín năm nữa nhà tôi mới có một chiếc máy tính gắn modem có thể kết nối với thế giới Web.

Tất nhiên, Internet không phải là một thực thể duy nhất, mặc dù chúng ta hay coi nó là như thế. Về mặt kỹ thuật, thực tế là có nhiều mạng mới được sinh ra mỗi ngày trên cụm mạng truyền thông kết nối toàn cầu mà bạn - và khoảng ba tỷ người khác, hay khoảng 42% dân số thế giới - sử dụng thường xuyên. Dù vậy, tôi sẽ sử dụng thuật ngữ này theo nghĩa rộng nhất của nó, để hàm ý một mạng lưới chung của nhiều mạng lưới kết nối đại đa số các máy tính trên thế giới với nhau thông qua một tập hợp nhiều giao thức chung.

Một số bạn có thể e ngại rằng mình chẳng hiểu giao thức là cái thứ quái quỷ gì, nhưng tất cả chúng ta lâu nay vẫn sử dụng nhiều giao thức đấy. Hãy xem các giao thức như là ngôn ngữ cho các máy móc, những quy tắc chung mà chúng phải tuân theo để hiểu nhau. Nếu bạn ở độ tuổi của tôi, hẳn bạn còn nhớ là phải gõ *"http"* vào thanh địa chỉ của trình duyệt trước một địa chỉ website. Việc này liên quan đến *Hypertext Transfer Protocol* (Giao thức truyền siêu văn bản), ngôn ngữ bạn sử dụng để truy cập World Wide Web, tập hợp khổng lồ các trang mạng chủ yếu dựa trên văn bản

nhưng cũng có khả năng âm thanh và video như Google và YouTube và Facebook. Mỗi lần bạn kiểm tra email, bạn sử dụng một ngôn ngữ như IMAP *(Internet Message Access Protocol* - Giao thức truy cập thư tín Internet), SMTP *(Simple Mail Transfer Protocol* - Giao thức chuyển thư đơn giản) hoặc POP3 *(Post Office Protocol* - Giao thức bưu điện). Việc truyền tập tin qua Internet là dùng FTP *(File Transfer Protocol* - Giao thức truyền tập tin). Và với quy trình định giờ trên điện thoại của bạn mà tôi đã nói, những tinh chỉnh liên tục đó được nạp về thông qua NTP *(Network Time Protocol* - Giao thức thời gian mạng).

Tất cả các giao thức này được gọi là giao thức ứng dụng và chỉ bao gồm một hệ giao thức trong vô vàn các hệ giao thức trên mạng. Ví dụ, để cho dữ liệu trong bất kỳ giao thức ứng dụng nào trong số này có thể vượt qua Internet và chuyển giao đến máy tính để bàn, máy tính xách tay hoặc điện thoại của bạn, trước tiên, nó phải được đóng gói bên trong một giao thức vận chuyển chuyên biệt - hãy liên tưởng đến cách thức mà dịch vụ bưu chính rùa bò muốn ta gửi thư và những bưu phẩm trong phong bì và hộp đựng theo kích thước tiêu chuẩn của họ. TCP *(Transmission Control Protocol* - Giao thức điều khiển chuyển giao) được sử dụng để định tuyến các trang web và email, cùng nhiều ứng dụng khác. Còn UDP *(User Datagram Protocol* - Giao thức gói dữ liệu người dùng) được sử dụng để định tuyến các ứng dụng thời gian thực, đòi hỏi cấp tốc, chẳng hạn như điện thoại Internet và phát thanh-truyền hình trực tiếp.

Có nói bao nhiêu về cách hoạt động nhiều lớp của môi trường mà trong thời thơ ấu của tôi được gọi là không gian mạng, Net, Infobahn và Siêu xa lộ Thông tin cũng không thể đầy đủ, nhưng điểm cốt yếu là như thế này: Các giao thức đó đã cho chúng ta phương tiện để số hóa và đưa lên mạng gần như toàn bộ những gì trên đời mà chúng ta không ăn được, uống được, mặc được hoặc ở được. Internet đã trở nên gần như không thể thiếu đối với cuộc sống của chúng ta giống như không khí, mà rất nhiều thông tin liên lạc phải đi qua bầu không khí này. Và như tất cả chúng ta ai cũng được nhắc nhở - mỗi lần các luồng thông báo từ mạng xã hội cho ta biết về một bài đăng có gắn thẻ *(tag)* ta với nội dung nhạy cảm - việc số hóa một điều gì đó chính là lưu trữ nó, dưới một hình thức sẽ tồn tại mãi mãi.

Đây là điều khiến tôi chú ý khi nhớ lại thời thơ ấu, nhất là chín năm đầu đời không có Internet: Tôi không thể chịu trách nhiệm cho mọi chuyện đã xảy ra vào thời đó, bởi vì tôi chỉ biết trông cậy vào trí nhớ của mình. Làm gì có dữ liệu. Khi tôi còn nhỏ, "kinh nghiệm không thể nào quên" không phải là một lời mô tả về công nghệ theo nghĩa đen đầy đe dọa, mà là một

cụm từ hình tượng sôi nổi quen dùng để nói về tầm quan trọng: những tiếng bi bô, những bước chập chững, những chiếc răng gãy đầu tiên; cũng như lần đầu biết đi xe đạp.

Thế hệ tôi là thế hệ cuối cùng trong lịch sử nước Mỹ và có lẽ trong cả lịch sử thế giới mà điều nói trên là đúng - thế hệ cuối cùng không bị số hóa, thế hệ có tuổi thơ không ở trên đám mây điện toán mà chủ yếu bị mắc kẹt trong các định dạng analog như nhật ký viết tay với ảnh chụp phim Polaroid và băng video VHS, những hiện vật hữu hình và không hoàn hảo, sẽ hư hỏng theo thời gian và có thể bị hư mất, không thể cứu vãn. Việc học hành của tôi được thực hiện trên giấy với bút chì và cục tẩy, chứ không phải trên các máy tính bảng nối mạng lưu lại từng phím tôi nhấn. Những đợt nhổ giò vụt lớn của tôi không bị theo dõi bởi các ngôi nhà công nghệ thông minh, mà đánh dấu bằng những vết dao khắc trên khung cửa gỗ của ngôi nhà nơi tôi lớn lên.

$_0O_0$

Chúng tôi sống trong một ngôi nhà xưa bề thế xây bằng gạch đỏ nằm trên một bãi cỏ nhỏ rợp bóng cây sơn thù du và mùa hè vương vãi những bông hoa mộc lan trắng; bãi cỏ này thường làm chỗ trốn cho tôi bò quanh cùng những chú lính nhựa. Ngôi nhà có lối bố trí khác thường: cửa chính nằm trên tầng một, đi lên bằng một cầu thang gạch đồ sộ. Tầng này là không gian sinh hoạt chính, với nhà bếp, phòng ăn và phòng ngủ.

Bên trên tầng chính này là căn gác bụi bặm, nhện giăng được dùng làm nhà kho và nghiêm cấm tôi vào, nơi lai vãng của những sinh vật mà má khiến tôi hy vọng đó là lũ sóc, còn ba lại khăng khăng rằng đó là lũ ma sói hút máu sẽ nuốt chửng bất cứ đứa trẻ nào dại dột dám liều mạng đi lên. Tầng trệt gần như là một tầng hầm hoàn chỉnh - điều hiếm thấy ở Bắc Carolina, nhất là khi nhà nằm rất gần bờ biển. Các tầng hầm hay bị ngập lụt, và tầng hầm nhà tôi đương nhiên là ẩm ướt quanh năm, bất kể máy hút ẩm và máy bơm thoát nước hoạt động liên tục.

Vào lúc gia đình tôi dọn đến ở, phía sau tầng chính đã được mở rộng và chia thành phòng giặt ủi, phòng tắm, phòng ngủ của tôi và một phòng sinh hoạt gia đình có trang bị TV và ghế xa-lông. Tầm nhìn từ phòng ngủ của tôi bao quát được phòng sinh hoạt này qua một khung cửa sổ nằm ở nơi ngày trước vốn là bức tường phía ngoài ngôi nhà. Cửa sổ này vốn từng nhìn ra bên ngoài, bây giờ lại nhìn vào bên trong.

Gần như suốt bao năm gia đình tôi sống trong ngôi nhà đó ở Elizabeth City, phòng ngủ này là phòng của tôi, và khung cửa sổ ấy cũng thuộc về tôi. Dù cửa sổ có một bức màn, nhưng nó không tạo được bao nhiêu sự riêng tư, nếu có. Như tôi còn nhớ, hoạt động ưa thích của tôi hồi nhỏ là kéo màn sang một bên và nhìn trộm qua cửa sổ về phía phòng sinh hoạt. Có thể nói, từ thời xa xôi mà tôi nhớ được, hoạt động ưa thích của tôi là theo dõi.

Tôi theo dõi chị tôi, Jessica, người được phép thức khuya hơn tôi và xem những bộ phim hoạt hình mà tôi không được xem vì còn quá bé. Tôi theo dõi má tôi, Wendy, người mỗi tối hay ngồi trên xa-lông để vừa xếp đồ giặt vừa xem tin thời sự. Nhưng người tôi theo dõi nhiều nhất chính là ba tôi, Lon - hay, như mọi người gọi ông theo kiểu miền Nam là Lonnie - người chiếm dụng phòng sinh hoạt vào những giờ nửa đêm về sáng.

Ba tôi ở trong Lực lượng Tuần duyên, mặc dù lúc đó tôi chẳng hề hiểu chút gì về điều đó. Tôi biết là có lúc ba tôi mặc quân phục và có lúc lại không. Ông đi sớm và về muộn, thường hay mang về nhà những thứ máy móc mới lạ - chiếc máy tính khoa học TI-30 của hãng Texas Instruments, chiếc đồng hồ bấm giờ Casio có dây đeo, chiếc loa đơn lẻ cho dàn máy hát stereo gia đình - có món ông cho tôi xem, và có món ông giấu tôi. Bạn có thể hình dung được tôi quan tâm đến món nào hơn.

Một đêm nọ, ngay sau giờ phải đi ngủ, thứ máy móc tôi quan tâm nhất đã đến. Tôi đang nằm thiu thiu trên giường thì nghe tiếng chân ba từ ngoài sảnh đi vào. Tôi liền đứng trên giường, kéo màn qua một bên, và ngóng chờ. Ba đang ôm một chiếc hộp bí ẩn, kích thước gần bằng chiếc hộp đựng giày và từ trong đó ông lấy ra một vật màu be trông như một khối gạch, thòi ra những sợi cáp đen dài ngoằn ngoèo như những xúc tu của loài quái vật biển sâu nào đó từng xuất hiện trong một cơn ác mộng của tôi.

Làm việc chậm rãi và cẩn thận - đó một phần là vì thói quen làm mọi việc theo kiểu kỹ sư đã được rèn luyện của ông, một phần là cố không làm ồn - ba tôi tháo các sợi dây cáp và kéo căng một sợi từ đằng sau chiếc hộp đó qua tấm thảm lông xù và nối vào lưng máy TV. Sau đó, ông cắm một dây cáp khác vào ổ điện trên tường phía sau ghế xa-lông.

Đột nhiên TV bỗng sáng lên và khuôn mặt ba tôi cũng bừng sáng theo. Thông thường, buổi tối ông chỉ ngồi trên đi văng, khui mấy chai nước ngọt Sun Drop rồi xem những người trên TV chạy quanh một sân bóng, nhưng lần này thì khác. Chỉ trong chốc lát thôi là tôi nhận ra ngay điều kinh ngạc nhất trong cả cuộc đời, dù phải thừa nhận là ngắn ngủi: *Ba đang điều khiển những gì diễn ra trên TV.*

Tôi đã thấy tận mắt chiếc Commodore 64 - một trong những bộ máy vi tính gia đình đầu tiên trên thị trường.

Tất nhiên, tôi nào biết máy vi tính là cái gì, chứ đừng nói là biết ba tôi đang dùng cái máy đó để chơi trò chơi hay làm việc. Ba tươi cười và tỏ vẻ thích thú nhưng ông cũng đang hết sức cố gắng với những gì đang diễn ra trên màn hình bằng sự chuyên chú tập trung như những lúc ông làm những việc liên quan đến máy móc khác trong nhà. Tôi chỉ biết một điều thôi: bất cứ việc gì ba đang làm, tôi cũng muốn làm theo.

Sau đó, hễ ba tôi bước vào phòng sinh hoạt để chuẩn bị sử dụng khối gạch màu be đó thì tôi lại đứng trên giường, kéo màn, và theo dõi những việc kỳ thú của ông. Một đêm nọ, màn hình hiện ra một quả bóng đang rơi xuống và một thanh ngang ở phía dưới; ba tôi đã phải di chuyển thanh ngang đó theo chiều ngang để hứng quả bóng, làm cho nó nảy lên, và đánh sập một bức tường gạch đủ màu (trò *Arkanoid)*. Một đêm khác, ba ngồi trước một màn hình toàn những viên gạch đủ màu có nhiều hình dạng khác nhau; chúng cứ tuôn rơi xuống, và trong lúc những viên gạch này rơi, ông di chuyển và xoay chúng để sắp thành những hàng ngay ngắn, và khi hàng đã sắp đủ thì nó lập tức biến mất (trò *Tetris)*. Nhưng tôi thực sự chỉ hoang mang về điều ba tôi đang làm - giải trí hay liên quan đến công việc của ông - khi tôi lén nhìn qua cửa sổ một đêm nọ và thấy ba đang lái máy bay.

Ba tôi là người luôn luôn khiến tôi thích thú khi chỉ cho tôi thấy những chiếc trực thăng thực sự của Căn cứ Không quân Lực lượng Tuần duyên khi chúng bay ngang nhà, bây giờ ông đang lái chiếc trực thăng của riêng ông ngay tại đây, ngay trước mặt tôi, trong phòng sinh hoạt gia đình. Ba cho máy bay cất cánh từ một căn cứ nhỏ, có cả một lá cờ Mỹ nhỏ xíu phấp phới, chiếc máy bay phóng vào một bầu trời đêm đen đầy sao lấp lánh, rồi ngay lập tức rơi xuống đất. Ba đã khẽ thốt lên một tiếng át luôn tiếng kêu của tôi, nhưng ngay khi tôi nghĩ cuộc vui đã kết thúc, ba lại quay trở về căn cứ nhỏ có lá cờ tí xíu, cho máy bay cất cánh thêm lần nữa.

Đó chính là trò *Choplifter!* và cái dấu cảm thán kia không chỉ gắn liền với tên gọi trò chơi, mà cũng gắn liền với trải nghiệm chơi. *Choplifter!* thật là hồi hộp. Tôi lại liên tục chứng kiến những chuyến xuất kích từ phòng sinh hoạt nhà mình bay lên một mặt trăng hoang vu bằng phẳng, bắn và bị bắn bởi những chiếc phản lực cơ và thiết giáp của địch quân. Chiếc trực thăng tiếp tục hạ cánh và cất cánh, trong lúc ba cố gắng giải cứu một đám đông người đột ngột hiện ra và đưa họ đến nơi an toàn. Đó là cảm nhận thuở ban đầu của tôi về ba: ông là một anh hùng.

Khi lần đầu tiên chiếc trực thăng tí hon đáp xuống nguyên vẹn chở đầy những con người bé xíu, tiếng reo phát ra từ chiếc ghế xa-lông đúng là khá lớn. Ba tôi quay phắt về hướng cửa sổ để xem có làm tôi thức giấc không, và ông bắt gặp tôi ngay tại trận.

Tôi nhảy lên giường, kéo chăn lên, và nằm thật im trong lúc bước chân nặng nề của ba tiến đến phòng tôi.

Ông gõ nhẹ vào cửa sổ. "Quá giờ đi ngủ rồi, nhóc. Con vẫn còn thức à?"

Tôi nín thở. Đột ngột, ba mở cửa sổ ra, thò tay vào phòng ngủ của tôi, bế tôi lên - còn nguyên cả tấm chăn trùm kín người - và lôi tôi vào trong phòng sinh hoạt. Mọi chuyện xảy ra quá nhanh, đôi chân tôi thậm chí còn chưa chạm xuống thảm.

Chưa kịp hiểu ra thì tôi đã thấy mình ngồi trong lòng ba làm phi công phụ cho ông. Tôi còn quá nhỏ và quá mừng rỡ nên nào hay biết rằng chiếc cần điều khiển mà ba đưa cho tôi đâu có cắm vào máy. Có hề chi, điều quan trọng là tôi đang được lái máy bay cùng với ba.

$_0O_0$

2
Bức tường vô hình

ELIZABETH CITY là một thành phố cảng cỡ trung bình, trông hơi kỳ lạ với cốt lõi lịch sử vẫn còn tương đối nguyên vẹn. Giống như hầu hết các khu định cư ban đầu khác của Mỹ, thành phố này hình thành quanh những vùng sông nước, trong trường hợp này là quanh các bờ sông Pasquotank - tên tiếng Anh của con sông này lại là một kiểu phiên âm sai lạc một từ thổ ngữ của bộ tộc da đỏ Algonquin, vốn có nghĩa là "nơi dòng nước chia nhiều nhánh". Sông này chảy từ vịnh Chesapeake, qua các đầm lầy ở biên giới Virginia-Bắc Carolina, rồi đổ vào cửa sông Albemarle Sound cùng với sông Chowan, sông Perquimans và các sông khác. Bất cứ khi nào tôi nghĩ đến việc cuộc sống mình có thể đã rẽ hướng về đâu, tôi lại nhớ đến lưu vực sông ấy: bất kể dòng nước từ đầu nguồn có chảy theo đường nào, cuối cùng nó vẫn đến cùng một điểm cuối.

Dòng họ nhà tôi luôn gắn liền với biển, nhất là phía bên má tôi. Bà là hậu duệ trực tiếp của những người Anh Thanh giáo đến nước Mỹ trên chiếc tàu *Mayflower* - ông tổ đầu tiên của bà trên những bờ biển này là John Alden, thợ đóng thùng của tàu *Mayflower*. Ông ấy kết hôn với một nữ hành khách cùng tàu tên Priscilla Mullins, cô gái có điểm nổi bật đáng ngại là người phụ nữ độc thân duy nhất trong độ tuổi kết hôn ở trên chiếc tàu đó, và do đó là người phụ nữ độc thân duy nhất trong độ tuổi kết hôn của toàn bộ thế hệ di cư đầu tiên ở Thuộc địa Plymouth.

Tuy nhiên, việc thành đôi lứa của John và Priscilla vào dịp Lễ Tạ ơn suýt nữa đã không bao giờ xảy ra, vì sự phá rối của người đứng đầu Thuộc địa Plymouth là Myles Standish. Standish si mê Priscilla và việc Priscilla cự tuyệt rồi cuối cùng kết hôn với John, đã trở thành cơ sở cho một tác phẩm văn chương mà tôi luôn được nhắc đến trong suốt thời tuổi trẻ: bài thơ thuật sự *The Courtship of Miles Standish* (Cuộc đeo đuổi ái tình của Miles Standish) của thi sĩ Henry Wadsworth Longfellow (bản thân nhà thơ lại là hậu duệ của dòng họ Alden-Mullins):

Gian phòng im ắng chỉ nghe tiếng ngòi bút hối hả của chàng niên thiếu,
Bận rộn viết những thư từ quan trọng, để gửi theo chiếc tàu Mayflower,
Đã sẵn sàng ra khơi ngày mai, hoặc muộn nhất là hôm sau nữa, mong thay!
Chuyến trở về cùng bao tin dữ của mùa đông khủng khiếp ấy,
Những lá thư của Alden, và toàn nhắc tên cô gái Priscilla,

Toàn nhắc tên và tiếng thơm của nàng trinh nữ Thanh giáo Priscilla!

Elizabeth, con gái của John và Priscilla, là đứa bé di dân đầu tiên chào đời ở New England. Má tôi, cũng tên là Elizabeth, là hậu duệ trực tiếp của bà này. Tuy nhiên, do dòng dõi cơ hồ chỉ toàn truyền qua phụ nữ, nên gần như cứ sau một đời lại phải đổi họ khác - với một người họ Alden kết hôn với một người họ Pabodie kết hôn với một người họ Grinnell kết hôn với một người họ Stephens kết hôn với một người họ Jocelin. Những tổ tiên chuyên nghề đi biển của tôi đã giong buồm dọc theo bờ biển của nơi bây giờ là Massachusetts đến Connecticut và New Jersey - vừa theo các hải trình thương mại vừa tránh né hải tặc giữa vùng Tân thuộc địa và biển Caribbe - cho đến khi nhánh tộc họ Jocelin, với cuộc chiến tranh Cách mạng Mỹ bùng nổ, đã chọn Bắc Carolina làm nơi định cư.

Amaziah Jocelin, cũng viết là Amasiah Josselyn trong nhiều biến thể khác, là người chỉ huy chiến thuyền đánh thuê và là một anh hùng chiến tranh. Là thuyền trưởng của chiếc tàu ba buồm, mười đại bác *The Firebrand,* ông được ghi công bảo vệ mũi Cape Fear. Sau khi Mỹ độc lập, ông trở thành người của Hải quân Hoa Kỳ, một sĩ quan quân nhu của Cảng Wilmington. Tại đây, ông lập ra phòng thương mại đầu tiên, mà thú vị thay ông lại gọi là "Sở thông tin". Gia đình Jocelin và con cháu của họ - những người mang họ Moore và Hall và Meyland và Howell và Steven và Reston và Stokley - những người hợp thành phần dòng họ còn lại phía bên má tôi đã chiến đấu trong mọi cuộc chiến của lịch sử nước Mỹ, từ cuộc Chiến tranh Cách mạng và Nội chiến (trong đó các họ hàng ở Carolina đã chiến đấu cho phe Liên minh miền Nam chống lại anh em bà con theo phe New England/Liên bang miền Bắc), cho đến cả hai cuộc thế chiến. Dòng họ tôi là dòng họ luôn đáp lại tiếng gọi của trách nhiệm.

Ông ngoại tôi, người tôi gọi là Pop, được nhiều người biết đến với danh xưng Chuẩn đô đốc Edward J. Barrett. Lúc tôi sinh ra thì ông là phó chỉ huy bộ phận kỹ thuật hàng không, Sở chỉ huy Tuần duyên, ở thủ đô Washington. Ông sẽ tiếp tục giữ nhiều chức vụ chỉ huy kỹ thuật và tác chiến khác nhau, từ đảo Governors ở thành phố New York, cho tới đảo Key West ở bang Florida, nơi ông làm giám đốc Lực lượng Đặc nhiệm Liên ngành miền Đông (một lực lượng phối hợp nhiều cơ quan, nhiều quốc gia do Tuần duyên Hoa Kỳ lãnh đạo, chuyên ngăn chặn buôn lậu ma túy ở vùng biển Caribbe). Lúc đó tôi không biết Pop còn được thăng chức cao đến đâu, chỉ biết là các nghi thức chào mừng chỉ huy theo thời gian sẽ càng lúc càng phức tạp hơn, với những bài diễn văn dài hơn và những chiếc bánh lớn hơn. Tôi còn nhớ món quà lưu niệm mà đội pháo binh của

một dịp như thế đã cho tôi: một vỏ đạn 40mm, còn nóng và khét lẹt thuốc súng, vừa được bắn để chào mừng vinh dự của Pop.

Rồi còn Lon, ba tôi nữa, lúc tôi sinh ra thì ba đang là sĩ quan chuyên viên của Trung tâm Huấn luyện Kỹ thuật Hàng không Lực lượng Tuần duyên ở Elizabeth City, là người thiết kế chương trình giảng dạy kiêm giảng viên môn điện tử. Ba thường xuyên đi vắng, để má ở nhà nuôi chị em tôi. Để chúng tôi có ý thức trách nhiệm, má đã cho chúng tôi làm những việc vặt trong nhà; để dạy chúng tôi biết đọc chữ, bà dán nhãn lên các ngăn kéo tủ quần áo của chúng tôi với nội dung là những thứ chứa bên trong - VỚ, ĐỒ LÓT. Bà thường đặt chị em tôi lên chiếc xe trẻ con hiệu Red Flyer và kéo hai đứa đến thư viện trong vùng, nơi tôi lập tức chạy thẳng tới gian sách yêu thích, gian mà tôi gọi là *"Mái móc* to"[1]. Mỗi lần má hỏi tôi xem thử tôi thích loại *"mái móc* to" nào thì tôi lại nói không ngừng: "Xe ben với xe lu với xe nâng với cần cẩu với... "

"Hết chưa, con?"

"Ồ", tôi lại nói tiếp, "với cả máy trộn xi-măng với máy ủi với... "

Má thích thử sức tôi bằng những bài toán đố. Ở siêu thị Kmart hay Winn-Dixie, bà thường cho tôi chọn lựa sách và mô hình xe hơi với xe tải rồi mua cho tôi nếu tôi tính nhẩm được giá tổng cộng các món này. Suốt thời thơ ấu của tôi, má không ngừng gia tăng độ khó, ban đầu thì bắt tôi ước tính và làm tròn tới số tiền gần nhất, rồi tới bắt tôi tính ra số đô-la và xu chính xác, và sau đó là bắt tôi tính 3 phần trăm số tiền đó rồi cộng thêm vào tổng số. Tôi đã bối rối trước thử thách sau cùng này - không phải vì bài toán mà là lý do. "Tại sao vậy chứ?"

"Cái đó gọi là tiền thuế", má tôi giải thích. "Mọi thứ chúng ta mua, chúng ta đều phải đóng ba phần trăm cho chính phủ".

"Họ làm gì với nó?"

"Con thích đường sá phải không, nhóc? Con thích cầu cống phải không?" bà nói. "Chính phủ dùng tiền đó để sửa chữa cầu đường. Họ dùng tiền đó mua đầy sách cho thư viện".

Một thời gian sau, tôi đâm lo rằng kỹ năng làm toán vừa chớm nở của tôi đã bị hỏng, khi tổng số tiền tôi tính nhẩm ra lại không khớp với những con số trên màn hình của máy tính tiền. Nhưng một lần nữa, má tôi giải thích. "Họ đã tăng thuế doanh thu rồi. Bây giờ con phải thêm bốn phần trăm nữa".

"Vậy bây giờ thư viện sẽ có thêm nhiều sách hơn?" Tôi hỏi.

"Hy vọng vậy đi", má tôi nói.

Bà tôi sống cách chúng tôi vài con phố, đối diện nhà máy Carolina Feed & Seed Mill và một cây hồ đào cao ngất. Sau khi kéo căng chiếc áo của mình để làm thành giỏ đựng đầy quả hồ đào rụng, tôi thường đi tới nhà bà và nằm trên thảm cạnh một kệ sách dài thâm thấp. Bạn đồng hành thường lệ của tôi là cuốn *Ngụ ngôn Aesop* và, có lẽ là cuốn *Truyện thần thoại Bulfinch* yêu thích. Tôi sẽ lật qua các trang sách, chỉ tạm ngừng để bóp vỏ mấy hạt hồ đào trong lúc mê mải với những con thần mã, những mê cung chằng chịt và những yêu nữ Gorgon đầu tóc là những con rắn chuyên biến người thành đá. Tôi kính phục Odysseus và khá thích các vị thần như Zeus, Apollo, Hermes và Athena, nhưng vị thần tôi ngưỡng mộ nhất chính là Hephaestus: vị thần xấu xí của lửa, hỏa sơn, thợ rèn và thợ mộc, vị thần của những người thích táy máy sửa chữa các thứ. Tôi tự hào vì biết viết đúng tên Hy Lạp của thần này và vì biết là Vulcan, cái tên La Mã của Hephaestus, được đặt cho hành tinh quê nhà của nhân vật Spock trong bộ phim truyền hình *Star Trek*. Cái tiền đề cơ bản của những thánh thần Hy-La ấy luôn khiến tôi thắc mắc. Tuốt trên đỉnh một ngọn núi nào đó, có một nhóm thần nam thánh nữ gần như suốt cuộc đời vô tận của họ chỉ toàn mâu thuẫn với nhau và chỉ chuyên do thám công việc của loài người. Thỉnh thoảng, khi họ nhận ra có chuyện gì đó gây tò mò hay làm bực mình thì họ lại ngụy trang thành cừu, thiên nga, hay sư tử, và rời khỏi các vách núi Olympus xuống trần điều tra và can thiệp. Mỗi lần thần thánh bất tử tìm cách áp đặt ý chí của họ và xen vào chuyện của người phàm tục thì thường là có tai họa - luôn luôn sẽ có ai đó bị chết đuối, hoặc bị sét đánh, hoặc bị biến thành cây cối.

Có lần, tôi cầm lên một cuốn sách có hình minh họa về huyền thoại vua Arthur và các hiệp sĩ, và thấy mình đọc về một ngọn núi huyền thoại khác, núi này ở xứ Wales. Nó là thành trì của tên khổng lồ bạo chúa Rhitta Gawr, y không chịu chấp nhận rằng thời đại cai trị của mình đã qua và trong tương lai thế giới sẽ được cai trị bởi các vị vua loài người, những kẻ mà y cho là nhỏ bé và yếu đuối. Quyết giữ quyền lực cho mình, y bèn hạ sơn, tấn công hết vương quốc này đến vương quốc khác và đánh bại bao đội quân người. Cuối cùng, y đã chiến thắng và tiêu diệt sạch mọi vị vua của xứ Wales và Scotland. Sau khi giết chết, y cắt lìa những bộ râu của họ và dệt thành một chiếc áo choàng, khoác lên người như một chiến tích đẫm máu. Sau đó y quyết định thách thức vị vua hùng mạnh nhất của nước Anh, vua Arthur, đưa ra một sự lựa chọn: hoặc là Arthur tự cắt đứt bộ râu của mình và đầu hàng, hoặc Rhitta Gawr sẽ chặt đầu nhà vua và tự tay cắt lìa

bộ râu. Tức giận vì sự ngạo mạn này, Arthur lên đường đến thành trì trên núi của Rhitta Gawr. Nhà vua và tên khổng lồ gặp nhau trên ngọn núi cao nhất và giao chiến suốt nhiều ngày, cho đến khi Arthur bị thương nặng. Ngay lúc Rhitta Gawr túm tóc nhà vua và chuẩn bị chặt đầu, Arthur vận hết sức lực cuối cùng đâm phập thanh kiếm huyền thoại vào con mắt của tên khổng lồ, khiến y ngã lăn ra chết. Arthur cùng các hiệp sĩ sau đó bắt đầu chất một tháp đá trên xác chết của Gawr làm mộ phần, nhưng việc chưa xong thì trời đổ tuyết. Lúc họ ra đi, chiếc áo choàng dệt bằng râu đầy máu của người khổng lồ đã trở thành màu trắng trinh nguyên.

Ngọn núi ấy tên là Snaw Dun, có một chú thích nói rằng đây là từ tiếng Anh cổ của *"snow mound"* (đồi tuyết). Ngày nay, Snaw Dun được gọi là núi Snowdon. Là một hỏa sơn đã tắt từ lâu, ở độ cao khoảng 1.085 mét, nó là đỉnh núi cao nhất xứ Wales. Tôi còn nhớ cảm giác khi bắt gặp tên mình trong ngữ cảnh này - thật là rộn ràng xúc động - và cách viết cổ ấy đã cho tôi cảm nhận cụ thể đầu tiên rằng thế giới này lâu đời hơn tôi, thậm chí lâu đời hơn cả ba má tôi. Cái tên này gắn liền với những kỳ tích anh hùng của Arthur, Lancelot, Gawain, Percival, Tristan, và các Hiệp sĩ Bàn tròn khác lại càng khiến tôi tự hào - cho đến khi tôi biết rằng những kỳ tích ấy không phải là lịch sử, mà chỉ là huyền thoại.

Nhiều năm sau, với sự giúp đỡ của má, tôi đã lùng sục thư viện với mong muốn tách bạch huyền thoại với thực tế. Tôi phát hiện ra rằng Lâu đài Stirling ở Scotland từng được đổi tên thành Lâu đài Snowdon, để vinh danh chiến công này của vua Arthur, trong một nỗ lực muốn củng cố quyền lên ngôi trị vì nước Anh của người Scotland. Tôi hiểu ra, thực tế hầu như luôn lộn xộn và ít đáng hãnh diện hơn chúng ta tưởng, nhưng lạ lùng thay, về mặt nào đó nó cũng thường hấp dẫn hơn huyền thoại.

Trước khi phát hiện ra sự thật về vua Arthur, từ lâu tôi đã bị ám ảnh bởi một thể loại truyện mới và khác biệt, hay đúng hơn, một lối kể chuyện mới và khác biệt. Vào Giáng sinh năm 1989, chiếc máy trò chơi điện tử Nintendo xuất hiện trong nhà. Tôi hoàn toàn mê mẩn cái bàn điều khiển hai tông màu xám đó tới mức bà má hốt hoảng của tôi phải đặt ra quy định: Tôi phải đọc xong một cuốn sách thì bà mới thuê cho một trò chơi mới. Các trò chơi điện tử thời đó rất đắt đỏ, và, sau khi đã thành thạo các trò chơi đi kèm với bàn điều khiển đó - chỉ là một chiếc hộp chứa trò *Super Mario Bros,* và trò *Duck Hunt* - tôi háo hức với những thử thách mới. Trở ngại duy nhất là, ở tuổi lên sáu, tôi không thể đọc nhanh bằng tốc độ tôi chơi hết một trò chơi. Đó là lúc bắt đầu những màn "hack" non nớt khác của tôi. Tôi bèn mang từ thư viện về nhà những cuốn sách mỏng hơn, và có nhiều

tranh ảnh hơn. Có những cuốn bách khoa bằng hình về các phát minh, với những hình vẽ kỳ quái về những chiếc xe đạp có bánh xe vĩ đại và các quả khí cầu, cùng những cuốn truyện tranh mà mãi sau này tôi mới biết là những bản giản lược truyện của Jules Verne và H. G. Wells dành cho trẻ em.

Cái máy NES (Nintendo Entertainment System) đó - cái máy chơi game Nintendo 8 bít xoàng xĩnh nhưng tài tình - chính là việc học thực sự của tôi. Từ trò chơi *The Legend of Zelda,* tôi biết thế giới này tồn tại là để được khám phá; từ trò *Mega Man,* tôi biết rằng những kẻ thù vẫn có nhiều điều để mình học hỏi; và từ trò *Duck Hunt,* chà, *Duck Hunt* đã dạy tôi rằng ngay cả khi có kẻ cười nhạo những thất bại của ta thì không có nghĩa là ta phải bắn vào mặt họ. Nhưng cuối cùng, chính trò *Super Mario Bros,* đã dạy cho tôi điều mà có lẽ vẫn là bài học quan trọng nhất đời tôi. Tôi hoàn toàn nói thật đấy. Tôi muốn bạn xem xét điều này một cách nghiêm túc. *Super Mario Bros.,* phiên bản 1.0, có lẽ là kiệt tác mọi thời đại của các trò chơi có màn hình cuộn một phía. Khi trò chơi bắt đầu, Mario đang đứng hẳn về phía trái khung hình mở màn huyền thoại, và anh chàng chỉ có thể đi theo một hướng: Anh chàng chỉ có thể di chuyển sang phải. Mario phải vượt qua tám màn chơi, mỗi màn chơi có bốn cấp độ khó, mọi cấp độ đều bị khống chế về thời gian, cho đến khi anh chàng gặp tên Bowser độc ác và giải thoát Công chúa Toadstool đang bị giam cầm. Suốt cả ba mươi hai cấp độ, Mario phải đứng trước cái mà nói theo ngôn ngữ chơi game là "bức tường vô hình", thứ không cho phép anh chàng đi lùi. Không có quay lại, chỉ có đi tiếp - cho anh em Mario và Luigi, cho tôi và cho bạn. Đời chỉ cuốn theo một hướng, đó là hướng của thời gian, và bất kể ta có cố gắng đi xa đến đâu, bức tường vô hình ấy vẫn sẽ luôn ở sau lưng ta, cắt lìa ta với quá khứ, buộc ta phải lao vào chốn vô minh. Một đứa trẻ lớn lên ở một thành phố nhỏ bang Bắc Carolina trong những năm 1980 phải ý thức được cái chết từ đâu đó chứ, vậy tại sao không học từ hai anh em thợ ống nước dân Ý di cư thích ăn nấm mọc trong ống cống kia?

Một ngày kia, hộp băng *Super Mario Bros,* chơi quá mức của tôi không chạy được, bất kể tôi có ra sức thổi phù phù vào khe hộp bao nhiêu đi nữa. Thời đó ta phải làm như thế, hoặc làm những cách ta nghĩ mình phải làm: Ta phải thổi vào khe hở của hộp băng trò chơi cho sạch hết bụi bặm, mảnh vụn, và lông chó mèo vốn hay tích tụ ở đó. Nhưng tôi có thổi chừng nào, cả vào khe hộp băng lẫn vào khe cắm băng trên bàn điều khiển, màn hình TV vẫn không hiển thị trò chơi mà chỉ toàn đốm và vệt sáng, thật không yên tâm chút nào.

Giờ nghĩ lại, cái máy Nintendo ấy có lẽ chỉ bị lỗi ở một tiếp điểm kết nối, nhưng mới lên bảy, tôi thậm chí còn không biết tiếp điểm kết nối là gì cho nên đã tuyệt vọng não nề. Tệ hại nhất là ba tôi lại vừa rời nhà theo một chuyến công tác của Lực lượng Tuần duyên, phải hai tuần nữa mới trở về giúp tôi sửa cái máy game này. Tôi biết là không hề có thủ thuật co giãn thời gian kiểu Mario nào hay những đường ống nào mà chui vào đó để làm cho hai tuần lễ ấy trôi qua nhanh hơn được, thế là tôi quyết tự mình sửa chữa. Nếu thành công, tôi biết ba tôi sẽ phục lăn. Tôi đi ra ga-ra tìm hộp đồ nghề bằng sắt màu xám của ba.

Tôi đã xác định là muốn biết cái máy game bị trục trặc gì thì trước tiên tôi phải tháo tung nó ra. Về cơ bản, tôi chỉ bắt chước, hay cố bắt chước, chính những động tác mà ba thường làm mỗi lần ông ngồi ở chiếc bàn trong nhà bếp sửa chữa đầu máy video hay cái máy cát-xét của gia đình - trong mắt tôi, đây là hai loại máy gia dụng gần giống cái máy game Nintendo nhất. Tôi mất một giờ để tháo tung bàn điều khiển ra, bằng hai bàn tay nhỏ xíu chưa biết phối hợp, cố sức dùng một cây tua-vít đầu dẹp để vặn những con ốc bốn chấu, nhưng cuối cùng tôi cũng làm được.

Cái bàn điều khiển ấy bên ngoài là màu xám đơn sắc, buồn tẻ, nhưng bên trong lại đủ màu rực rỡ. Trông như cả một cầu vồng bằng dây điện và những ánh vàng ánh bạc lấp lánh tỏa ra từ một bảng mạch xanh như màu cỏ. Tôi vặn chặt chỗ này mấy cái, nới lỏng chỗ kia mấy cái - gần như là hú họa - và thổi phù phù vào từng bộ phận. Sau đó, tôi lau sạch tất cả bằng khăn giấy. Rồi tôi lại phải thổi vào bảng mạch lần nữa để tống những vụn khăn giấy đã mắc kẹt vào chỗ mà tôi bây giờ đã biết là các chân tiếp xúc.

Khi tôi đã lau sạch và sửa chữa xong thì tới lúc lắp ráp lại. Con chó vàng giống Labrador của nhà tôi, Treasure, chắc là đã nuốt mất một trong những con ốc nhỏ xíu, hoặc con ốc có lẽ đã lạc ở đâu trong tấm thảm hoặc dưới gầm ghế xa-lông. Và chắc chắn là tôi đã không ráp các thành phần lại đúng như cách ban đầu khi tôi chưa tháo ra, bởi vì chúng không lắp vừa vào trong vỏ máy game. Cái nắp vỏ cứ liên tục bật ra, thế là tôi thấy mình cứ cố lèn chặt các thành phần xuống, giống như khi ta cố cài một chiếc va-li nhồi nhét căng phồng. Cuối cùng, cái nắp khớp vào vị trí, nhưng chỉ ở một cạnh. Cạnh kia lại nhô lên, và tôi cố ấn cho nó vào đúng khớp thì lại làm cho cạnh ban đầu bật ra. Tôi làm đi làm lại mãi một lúc lâu, rồi cuối cùng tôi bỏ cuộc và cắm điện vào máy.

Tôi nhấn nút Power - và không thấy gì. Tôi nhấn nút Reset - và không thấy gì. Đó là hai nút duy nhất trên bàn điều khiển. Trước khi tôi sửa chữa, đèn báo cạnh bên hai nút này luôn ửng sáng đỏ rực, nhưng bây giờ cả đèn

báo cũng tắt luôn. Máy game chỉ nằm trơ ra đó, méo mó và vô dụng, còn tôi ngập tràn cảm giác tội lỗi và lo sợ.

Ba tôi, khi ông trở về sau chuyến đi cùng Lực lượng Tuần duyên, sẽ chẳng tự hào gì về tôi: Ba sẽ nhảy lên đầu tôi như tên người nấm ác độc Goomba trong trò *Super Mario Bros*. Nhưng tôi không sợ ba giận bằng sợ ba thất vọng. Đối với những người ngang hàng, ba tôi là một kỹ sư hệ thống điện tử, một bậc thầy chuyên về điện tử hàng không. Đối với tôi, ba là một nhà khoa học điên rồ trong gia đình, người cố gắng tự tay sửa mọi thứ - ổ cắm điện, máy rửa chén, bình đun nước nóng và máy lạnh. Tôi thường làm người phụ việc cho ba những lúc ba cho phép, và trong quá trình đó tôi đã biết được cả niềm vui thể chất của công việc tay chân và niềm vui trí tuệ của môn cơ học căn bản, cùng với những nguyên lý điện tử nền tảng - sự khác biệt giữa điện áp và dòng điện, giữa công suất và điện trở. Mọi công việc hai cha con cùng đảm trách thường sẽ kết thúc bằng việc sửa chữa thành công hoặc một lời nguyền rủa, khi ba tôi ném món đồ không thể cứu vãn qua đầu phòng bên kia, cho rơi vào chiếc thùng các-tông chứa những-thứ-không-thể-không-hỏng. Tôi chưa bao giờ phê phán ba về những thất bại ấy - tôi luôn nể phục vì ông đã dám liều mình thử sức một phen.

Khi ba trở về và biết được tôi đã làm những gì với chiếc máy trò chơi, ông không nổi giận, điều này khiến tôi vô cùng ngạc nhiên. Nhưng ba cũng không hẳn vui, ông chỉ nhẫn nại. Ông giải thích rằng việc hiểu tại sao các thứ bị hỏng và hỏng như thế nào cũng quan trọng như việc hiểu được bộ phận nào bị hỏng: biết được nguyên do và cách thức thì ta sẽ ngăn ngừa được những trục trặc tương tự về sau. Ba lần lượt chỉ vào từng bộ phận của bàn điều khiển, vừa giải thích tên gọi cũng như chức năng của nó, và nó tương tác với các bộ phận khác ra sao để góp phần làm cho cơ chế bộ máy vận hành chính xác. Chỉ có cách phân tích cơ chế của từng bộ phận riêng lẻ thì ta mới xác định được liệu thiết kế của nó có giúp nó thực hiện nhiệm vụ một cách hiệu quả nhất hay không. Nếu đúng là hiệu quả nhất thì bộ máy chỉ bị trục trặc, vậy thì ta sửa chữa nó. Còn không thì ta phải thay đổi để làm cho cơ chế hoàn thiện hơn. Đây là quy trình đúng đắn duy nhất để làm công việc sửa chữa, theo lời ba tôi, và không được tùy ý làm sao cũng được - thực tế, đây là trách nhiệm cơ bản của ta đối với công nghệ.

Giống như mọi bài học ba tôi dạy, bài học này có nhiều cách áp dụng rộng rãi ngoài công việc trước mắt. Rốt cuộc, đây chính là bài học về nguyên tắc tự lực, điều mà ba tôi khăng khăng rằng nước Mỹ đã lãng quên vào một lúc nào đó giữa tuổi thơ của ba và tuổi thơ của tôi. Nước Mỹ của

chúng ta bây giờ là một nước mà chi phí thay thế một cái máy hỏng bằng cách mua một kiểu máy đời mới lại rẻ hơn chi phí nhờ người chuyên môn sửa chữa. Thực tế là chỉ điều đó thôi đã hầu như đảm bảo được sự thống trị của công nghệ, cái quyền lực ấy được duy trì không phải bởi bản thân công nghệ mà là bởi chính sự thiếu hiểu biết của mọi người vốn đang sử dụng công nghệ hằng ngày nhưng lại không hiểu biết về nó. Không chịu tự tìm hiểu về cách hoạt động và bảo trì cơ bản thiết bị mà mình lệ thuộc chính là đã thụ động chấp nhận quyền thống trị đó và đồng ý với các điều kiện của nó: khi thiết bị hoạt động thì ta hoạt động, nhưng khi thiết bị tê liệt thì ta cũng tê liệt. Vật sở hữu của ta lại chiếm hữu ta.

Hóa ra tôi có lẽ chỉ làm gẫy một mối hàn nào đó mà thôi, nhưng để tìm ra chính xác cái nào, ba tôi cần phải dùng một thiết bị kiểm tra đặc biệt mà ông có quyền sử dụng ở phòng nghiên cứu trong căn cứ Tuần duyên. Tôi cứ nghĩ ba sẽ mang cái thiết bị kiểm tra đó về nhà, nhưng không hiểu sao ba lại đưa tôi đến nơi làm việc của ông. Tôi nghĩ là ba chỉ muốn cho tôi xem phòng nghiên cứu ấy. Chắc ba cho rằng tôi đã sẵn sàng.

Tôi chưa sẵn sàng. Tôi chưa hề đến chỗ nào choáng ngợp như thế. Ngay cả thư viện. Ngay cả gian hàng điện tử Radio Shack trong khu mua sắm Lynnhaven. Điều tôi nhớ nhất là những chiếc màn hình. Phòng nghiên cứu này tối lờ mờ và vắng lặng, một công trình xây dựng màu be và màu trắng theo tiêu chuẩn chung của chính phủ, nhưng ba tôi chưa kịp bật đèn lên thì tôi đã ngây người ra trước quãng sáng phập phồng màu xanh lá cây điện tử trong phòng. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là "Sao ở đây lại có quá nhiều TV thế?", rồi tiếp theo đó là "Tại sao tất cả TV đều bật cùng một kênh?". Ba tôi giải thích rằng những chiếc máy này không phải là TV mà là máy tính - là *computer* - mặc dù tôi đã từng nghe tới cái từ này rồi nhưng không biết nó có nghĩa gì. Lúc đầu tôi cứ tưởng rằng những màn hình hiển thị ấy - các *monitor* - chính là những chiếc máy tính.

Ba tiếp tục đưa tôi đi xem, từng chiếc máy một, và cố giảng giải cho biết chức năng của chúng: cái này xử lý tín hiệu radar, còn cái này để chuyển tiếp tín hiệu vô tuyến, còn cái kia là để giả lập các hệ thống điện tử trên máy bay. Thật tình tôi chẳng hiểu được tới một nửa những gì ba nói. Những máy tính này hầu như tân tiến hơn mọi loại máy tính sử dụng trong khu vực kinh tế tư nhân thời ấy, cơ hồ vượt xa mọi tưởng tượng của tôi. Tất nhiên vào lúc đó, bộ xử lý của các máy tính này phải mất trọn năm phút mới khởi động xong, màn hình chỉ có một màu, và chẳng có loa để phát hiệu ứng âm thanh hay âm nhạc. Tuy nhiên, những hạn chế đó chỉ càng khiến chúng tăng thêm phần ấn tượng.

Ba đặt tôi ngồi phịch lên một chiếc ghế, nâng ghế cao lên cho đến khi tôi vừa tầm với tới bàn làm việc, và một khối nhựa hình chữ nhật nằm trên bàn. Lần đầu tiên trong đời, tôi thấy mình ngồi trước một bàn phím. Ba chưa bao giờ cho tôi gõ lên chiếc máy tính Commodore 64 của ông, và thời gian trước màn hình của tôi chỉ thu hẹp trong những máy trò chơi điện tử với bàn điều khiển có mục đích nhất định. Còn những máy tính này đây là đồ chuyên nghiệp, đa năng, không phải máy chơi game, và tôi không biết cách làm cho chúng hoạt động. Không có bộ điều khiển, không có cần bấm, không có súng bắn - phương tiện giao tiếp duy nhất với bộ máy đó là cái khối nhựa dẹp có nhiều hàng phím in chữ số và chữ cái. Các chữ cái được sắp xếp theo một thứ tự khác với thứ tự tôi đã được học ở trường. Chữ cái đầu tiên không phải là A mà là Q, theo sau là W, E, R, T và Y. Ít ra thì các chữ số vẫn theo thứ tự mà tôi đã được học.

Ba bảo tôi là mỗi phím trên bàn phím này đều có mục đích - mỗi chữ cái, mỗi chữ số - và cách kết hợp các phím này cũng có mục đích. Và cũng giống như với các nút trên bộ điều khiển hoặc cần bấm chơi game, nếu ta có thể nghĩ ra cách kết hợp đúng thì có thể làm được nhiều chuyện thần kỳ. Để minh họa, ba với tay qua người tôi, gõ một lệnh, rồi nhấn phím Enter. Một cái gì đó hiện ra ngay trên màn hình mà bây giờ tôi đã biết đó là một trình soạn văn bản. Kế đến, ba chộp lấy một mẩu giấy ghi chú Post-it với cây bút, viết nguệch ngoạc mấy chữ cái và chữ số, rồi bảo tôi gõ vào bàn phím đúng y như thế trong lúc ba đi sửa chiếc máy trò chơi Nintendo bị hỏng.

Ba vừa đi là tôi bắt đầu chép lại những chữ viết nguệch ngoạc của ông trên màn hình bằng cách gõ mổ cò vào bàn phím. Là đứa trẻ thuận tay trái được nuôi dạy để trở thành người thuận tay phải, tôi lập tức thấy đây là cách viết chữ tự nhiên nhất mà tôi từng gặp.

10 INPUT "WHAT IS YOUR NAME?"; NAME$

20 PRINT "HELLO," + NAME$ + "!"

Nghe có vẻ dễ đối với bạn, nhưng bạn không phải con nít. Tôi là đứa con nít đó. Tôi là một đứa trẻ với những ngón tay mũm mĩm, ngắn ngủn, thậm chí còn chưa biết dấu ngoặc kép là gì, chứ đừng nói là tôi phải giữ phím Shift mới gõ được cái dấu đó. Sau rất nhiều lần mày mò và rất nhiều lần sai lầm, cuối cùng tôi gõ xong được dòng lệnh ấy. Tôi nhấn Enter và trong chớp nhoáng, cái máy tính hỏi tôi một câu: ***WHAT IS YOUR NAME?*** (Bạn tên gì?)

Tôi bị mê hoặc ngay. Mẩu giấy ghi chú của ba không bảo tôi phải làm gì kế tiếp, cho nên tôi quyết định trả lời, và nhấn anh bạn mới Enter này lần nữa. Đột nhiên, không biết từ đâu, trên màn hình tự viết ra dòng chữ ***HELLO, EDDIE!*** màu xanh lá cây phóng xạ bềnh bồng trên nền đen.

Đây là bài học vỡ lòng của tôi về lập trình và máy tính nói chung: một bài học về việc các bộ máy này làm những gì chúng làm bởi vì có ai đó bảo chúng phải làm thế, bằng một cách thức rất đặc biệt, rất cẩn thận. Và ai đó thậm chí có thể là đứa trẻ bảy tuổi.

Gần như ngay lập tức, tôi hiểu ra được những giới hạn của các máy chơi game. Khả năng của chúng rất hạn hẹp so với máy tính. Nintendo, Atari, Sega - tất cả đều khống chế bạn trong các cấp độ chơi và những màn chơi mà bạn có thể tiến lên, hay thậm chí chơi thắng, nhưng không hề thay đổi. Chiếc máy Nintendo được sửa xong đã quay lại với phòng sinh hoạt gia đình, nơi ba và tôi chơi thi với nhau những trò chơi tay đôi như *Mario Kart, Double Dragon* và *Street Fighter.* Đến lúc đó, tôi đã giỏi hơn ba rất nhiều trong những trò này - môn chơi đầu tiên mà tôi tỏ ra thành thạo hơn ba - nhưng thỉnh thoảng tôi để cho ba thắng tôi. Tôi không muốn ba nghĩ rằng tôi là đứa vô ơn.

Tôi không phải là lập trình viên bẩm sinh, và tôi chưa bao giờ thấy mình giỏi môn này. Nhưng trong khoảng mười năm sau đó, đúng là tôi dần dần đủ khả năng để trở nên nguy hiểm. Cho đến ngày nay, tôi vẫn thấy quy trình đó thật kỳ diệu: gõ các lệnh bằng đủ thứ ngôn ngữ lạ lùng mà bộ xử lý sau đó sẽ chuyển thành một trải nghiệm không chỉ dành sẵn cho tôi mà còn cho tất cả mọi người. Tôi đã bị mê hoặc với ý nghĩ là chỉ một lập trình viên thôi cũng có thể viết ra một chương trình máy tính vạn năng, một thứ vượt khỏi mọi ràng buộc của luật lệ hay quy định, ngoại trừ những yếu tố về cơ bản có thể quy thành nguyên nhân và kết quả. Giữa những gì nhập vào máy tính và những gì máy tính xuất ra có một mối quan hệ hoàn toàn logic. Nếu đầu vào của tôi bị lỗi thì đầu ra sẽ bị lỗi; nếu đầu vào của tôi hoàn hảo thì đầu ra của máy tính cũng vậy. Trước đó, tôi chưa bao giờ trải qua bất cứ điều gì mà lại hết sức nhất quán và công bằng như thế, hết sức vô tư rạch ròi như thế. Chiếc máy tính sẽ mãi mãi đợi lệnh của tôi, nhưng ngay lúc tôi gõ Enter là nó sẽ xử lý ngay, không hề thắc mắc. Không có người thầy nào từng kiên nhẫn đến thế, nhưng lại sẵn sàng đến thế. Không có nơi nào khác - chắc chắn không phải ở trường, và thậm chí không phải ở nhà - mà tôi cảm thấy mình được nắm quyền kiểm soát như vậy. Đối với tôi - cũng như đối với biết bao đứa trẻ thông minh, có khiếu kỹ thuật của thiên niên kỷ mới - việc một tập hợp câu lệnh hoàn hảo sẽ luôn luôn thực hiện hoàn hảo

cùng một tác vụ dường như là một sự thật có tính cứu vớt bền vững duy nhất của thế hệ chúng tôi.

$_0O_0$

3
Cậu bé ở Beltway

GẦN ĐẾN SINH NHẬT LÊN CHÍN của tôi thì nhà tôi chuyển từ Bắc Carolina đến Maryland. Tôi ngạc nhiên nhận ra rằng cái tên của tôi đã đi trước. Khắp hạt Anne Arundel, nơi nhà tôi dọn đến, ở đâu cũng thấy "Snowden", mặc dù phải mất một thời gian tôi mới hiểu tại sao.

Richard Snowden là thiếu tá người Anh đã đến địa phận Maryland này vào năm 1658 với niềm tin là sự đảm bảo của Lord Baltimore về quyền tự do tôn giáo cho cả người Công giáo lẫn Tin lành cũng sẽ được mở rộng cho những người theo Giáo Hữu Hội (The Quakers). Năm 1674, em của Richard là John cũng đi theo anh, John đồng ý từ bỏ vùng Yorkshire để rút ngắn án tù vì đã truyền đạo Quakers. Khi con tàu của William Penn, tàu *Welcome,* đi ngược sông Delaware vào năm 1682, John là một trong số ít người châu Âu ra chào đón.

Trong số các cháu nội của John, có ba người về sau phục vụ cho Quân đội Lục địa trong cuộc chiến tranh Cách mạng. Do tín hữu Quakers là những người theo chủ nghĩa hòa bình, họ bị cộng đồng khiển trách vì quyết định tham gia cuộc đấu tranh giành độc lập này, nhưng lương tâm của họ đòi hỏi họ phải xem xét lại chủ nghĩa hòa bình của mình. William Snowden, tổ tiên trực hệ phía ba tôi, là đại úy, bị người Anh bắt làm tù binh trong trận Fort Washington ở New York, và chết trong cảnh giam cầm tại một trong những nhà tù khét tiếng vốn là nhà máy đường mía ở Manhattan. (truyền thuyết kể rằng người Anh đã giết hại tù binh bằng cách ép họ phải ăn cháo trộn với thủy tinh nghiền nhỏ). Vợ ông, bà Elizabeth, nhũ danh Moor, là vị cố vấn được quý trọng của tướng Washington, và là mẹ của một John Snowden khác - một chính trị gia, kiêm sử gia và chủ báo ở Pennsylvania có con cháu phân tán về phía nam để sinh sống trên đất đai tài sản của bà con họ Snowden ở Maryland.

Hạt Anne Arundel bao gồm hầu như trọn 1.976 mẫu đất rừng mà vua Charles Đệ Nhị đã cấp cho gia đình Richard Snowden vào năm 1686. Các doanh nghiệp mà dòng họ Snowden này lập ra ở đây gồm có xưởng cơ khí Patuxent Iron Works, một trong những xưởng rèn quan trọng nhất của thuộc địa Mỹ và là nơi sản xuất chính các loại đạn đại bác và đạn súng trường, và đồn điền Snowden Plantation, một trại canh nông và nuôi bò sữa do các cháu nội của Richard Snowden trông coi. Sau khi phục vụ trong Đạo quân Maryland anh hùng của Quân đội Lục địa, họ trở về đồn điền

này, sống hoàn toàn đúng theo những nguyên tắc tự lập tự cường, và đã bãi bỏ thói quen sở hữu nô lệ của dòng họ khi trả tự do cho hai trăm nô lệ châu Phi gần một thế kỷ trước cuộc Nội chiến.

Ngày nay, những đồng ruộng của dòng họ Snowden thời xưa bị chia cắt bởi đại lộ Snowden River Parkway, một con đường bốn làn xe buôn bán sầm uất với các chuỗi nhà hàng cao cấp và đại lý xe hơi. Gần đó, xa lộ Route 32/Patuxent Freeway dẫn thẳng đến Fort George G. Meade, căn cứ quân sự lớn thứ hai trong cả nước và là bản doanh của NSA. Trên thực tế, Fort Meade được xây dựng trên mảnh đất từng thuộc quyền sở hữu của bà con dòng họ Snowden của tôi, và chính phủ Hoa Kỳ hoặc mua lại (theo một chuyện lưu truyền) hoặc là chiếm đoạt của họ (theo một câu chuyện khác).

Lúc ấy, tôi đâu biết gì về lịch sử này: Ba má tôi nói đùa rằng mỗi khi có ai mới chuyển đến đây thì tiểu bang Maryland lại thay đổi tên trên các biển hiệu. Họ thấy chuyện đó buồn cười nhưng tôi lại thấy đáng sợ. Hạt Anne Arundel chỉ cách Elizabeth City hơn 250 dặm một chút qua ngã xa lộ liên bang I-95, thế nhưng nó tưởng chừng lại là một hành tinh khác. Nhà tôi đã đổi bờ sông rợp lá để chọn một vỉa hè bê-tông, và đổi một ngôi trường nơi tôi được yêu mến và có tiếng là học giỏi để chọn một nơi mà tôi liên tục bị chế nhạo vì đeo kính cận, vì thói quen không thích thể thao, và nhất là vì giọng nói của tôi - giọng nói kéo dài rặt miền Nam đã khiến đám bạn học mới gọi tôi là "thằng đần".

Tôi rất nhạy cảm về giọng nói của mình tới mức ở trong lớp, tôi không chịu mở miệng nói và ở nhà, tôi bắt đầu luyện tập một mình cho đến khi có thể phát âm nghe được "bình thường" - hay ít ra là cho đến khi tôi không đọc cái tên môn học nhục nhã của tôi là môn "Anh *dzăng"* hay nói rằng tôi bị tờ giấy bén cứa vào "ngón *tai"* của mình. Nhưng suốt thời gian đó, cũng chính cái việc sợ không dám nói chuyện tự do đã khiến điểm số của tôi trong lớp sa sút nặng nề, và một số giáo viên đã quyết định cho tôi kiểm tra IQ như một cách chẩn đoán xem trí óc tôi có bị rối loạn khả năng học tập như họ nghĩ không. Khi điểm số của tôi ổn trở lại, tôi nhớ là chẳng ai xin lỗi tôi một lời, họ chỉ toàn tống thêm cho tôi những "bài tập tăng cường". Thực tế là chính những giáo viên đã nghi ngờ khả năng học tập của tôi bây giờ lại bắt đầu khó chịu vì tôi thích mở miệng nói.

Nhà mới của tôi nằm ở vành đai Beltway, tên thường gọi trước đây của Xa lộ Liên bang 495, con đường cao tốc bao quanh thủ đô Washington, nhưng bây giờ cái tên ấy lại dùng để gọi cái bán kính bùng nổ rộng lớn và mở rộng liên tục của các cộng đồng ngày đi làm xa tối về ngủ ở quanh thủ đô quốc gia, trải dài về phía bắc đến Baltimore, Maryland, và phía nam đến

Quantico, Virginia. Cư dân của những vùng ngoại thành này hầu như toàn phục vụ cho chính phủ Hoa Kỳ hoặc làm việc cho một trong những công ty làm ăn với chính phủ. Nói thẳng ra, những cộng đồng ấy không có lý do nào khác để tồn tại.

Chúng tôi sống ở Crofton, Maryland, lưng chừng giữa Annapolis và thủ đô Washington, ở rìa phía tây của hạt Anne Arundel, nơi các khu phát triển dân cư đều xây theo kiểu nhà thời Liên bang lập quốc vách ốp nhựa tấm giả gỗ và mang những cái tên giả cổ lạ lùng như Crofton Towne, Crofton Mews, The Preserve, The Ridings. Bản thân Crofton là một cộng đồng được quy hoạch nằm gọn quanh các đường cong của sân golf Crofton Country Club. Nhìn trên bản đồ, nó trông giống hệt bộ não của con người, với những con đường cuộn xoắn và xếp nếp quanh nhau như những gờ rãnh của vỏ não. Nhà tôi ở đường Knights Bridge Turn, một đường nhánh rộng, thoai thoải toàn những ngôi nhà tam cấp, có đường lái xe rộng đi vào và ga-ra chứa được hai chiếc xe. Ngôi nhà chúng tôi sống là căn thứ bảy tính từ một đầu đường nhánh này, cách đầu đường kia bảy căn nữa - nhà tôi nằm ngay chính giữa. Tôi có một chiếc xe đạp Huffy có bộ đế mười líp và cùng với chiếc xe này là một tuyến đường đi phát báo, giao tận nhà tờ *Capital,* một nhật báo lâu đời xuất bản ở Annapolis, việc giao báo hằng ngày càng lúc càng thất thường đến đáng ngại, nhất là vào mùa đông, đặc biệt là đoạn giữa đại lộ Crofton Parkway và đường Route 450, con đường này khi đi qua khu vực chúng tôi lại mang một tên khác: Defense Highway - Xa lộ Quốc phòng.

Đối với ba má tôi, đây là một giai đoạn đầy hứng khởi. Crofton là một bước tiến cho họ, cả về kinh tế và xã hội. Các con đường rợp bóng cây và ở đây hầu như không có tội phạm, còn số dân cư đa văn hóa, đa chủng tộc, đa ngôn ngữ - điều phản ánh sự đa dạng của Cộng đồng ngoại giao và tình báo Beltway - đều khá giả và có học vấn. Sân sau nhà tôi về cơ bản là một sân golf, với các sân tennis nằm gần ngay đó, và tiếp nối bằng những hồ bơi kích thước chuẩn Olympic. Đi lại cũng vậy, Crofton là nơi lý tưởng. Ba chỉ mất bốn mươi phút để tới sở làm với chức vụ mới là sĩ quan chuyên viên của Phòng Kỹ thuật Hàng không tại Sở chỉ huy Tuần duyên, lúc đó được đặt tại Buzzard Point ở phía nam Washington DC, kế bên căn cứ Fort Lesley J. McNair. Còn má tôi chỉ mất chừng hai mươi phút để đi làm công việc mới ở NSA, sở chỉ huy của cơ quan này - xây kiểu hình hộp theo phong cách vị lai, trên nóc có các nhà chứa radar bọc đồng để bảo toàn tín hiệu liên lạc - chính là trái tim của căn cứ Fort Meade.

Với người ngoài cuộc, tôi phải nhấn mạnh mãi một điều: kiểu tuyển dụng này là bình thường. Hàng xóm bên trái nhà tôi làm việc cho Bộ Quốc phòng; hàng xóm bên phải làm trong Bộ Năng lượng và Bộ Thương mại. Có một thời gian, gần như mọi cô gái ở trường mà tôi phải lòng đều có cha làm trong FBI. Fort Meade chỉ là nơi má tôi làm việc, cùng với khoảng 125.000 nhân viên khác, trong đó có khoảng 40.000 người cư trú tại chỗ, nhiều người sống cùng gia đình. Căn cứ này là nhà của hơn 115 cơ quan chính phủ, ngoài ra còn có lực lượng từ cả năm binh chủng quân đội. Bạn sẽ hiểu rõ hơn nếu biết rằng tại hạt Anne Arundel, dân số chỉ hơn nửa triệu, nhưng cứ tám trăm người thì có một người làm việc cho ngành bưu điện, cứ ba mươi người thì có một người làm việc cho hệ thống trường công, và cứ bốn người thì có một người làm việc hoặc phục vụ trong một doanh nghiệp, cơ quan hoặc chi nhánh có liên quan với Fort Meade. Căn cứ này có bưu điện, trường học, sở cảnh sát và sở cứu hỏa riêng. Trẻ em trong khu vực, cả con cái nhà binh lẫn con thường dân, đều đổ về căn cứ này hằng ngày để học đánh golf, tennis và bơi lội. Dù nhà tôi sống bên ngoài căn cứ, má tôi vẫn sử dụng các cửa hàng quân nhu ở đây như cửa hàng tạp hóa của chúng tôi, để dự trữ nhiều món hàng. Bà cũng đã tận dụng cửa hàng PX, hay Post Exchange, của căn cứ, như một cửa hàng đầy đủ mọi thứ để mua các loại quần áo tiện dụng và quan trọng nhất là miễn thuế cho hai đứa con đang lớn nhanh không ngừng là chị em tôi. Với những độc giả không lớn lên trong môi trường tương tự, có lẽ cách tốt nhất là hãy hình dung Fort Meade và vùng xung quanh căn cứ này, nếu không nói là toàn bộ khu vực Beltway, như một kiểu thành phố công ty bùng phát khổng lồ. Đó là nơi mà nền văn hóa đồng nhất của nó có nhiều điểm tương đồng với Thung lũng Silicon, chẳng hạn, chỉ khác một điều là sản phẩm của khu vực Beltway không phải là công nghệ mà là chính phủ.

Tôi cũng phải nói thêm rằng cả ba má tôi đều có chứng nhận an ninh tối mật, nhưng má tôi còn phải qua cuộc kiểm tra toàn diện bằng máy dò nói dối - một biện pháp kiểm tra an ninh cấp cao hơn mà những người trong quân đội không bị bắt buộc. Điều buồn cười là má tôi hoàn toàn chẳng có điểm nào giống gián điệp cả. Bà là nhân viên của một công ty bảo hiểm và phúc lợi độc lập, chuyên phục vụ các nhân viên của NSA - chủ yếu là cung cấp các dịch vụ hưu trí. Nhưng dù vậy, để xử lý các thủ tục nhận tiền trợ cấp, má tôi phải chịu sự kiểm tra kỹ lưỡng như thể bà sắp nhảy dù xuống rừng già nào đó để tổ chức đảo chính.

Cho tới tận bây giờ tôi vẫn không biết rõ về nghề nghiệp của ba tôi, và sự thiếu hiểu biết của tôi ở đây thực sự là không bất bình thường. Trong

thế giới tôi lớn lên, đúng là không ai nói về công việc của mình - không chỉ với con cái, mà còn với nhau nữa. Đúng là nhiều người lớn xung quanh tôi, về mặt pháp lý, đã bị cấm thảo luận về công việc của họ, ngay cả với người trong gia đình, nhưng theo tôi, lời giải thích chính xác hơn nằm ở bản chất kỹ thuật của công việc họ làm và ở đòi hỏi chuyên biệt hóa của chính phủ. Dân công nghệ lại hiếm khi nhận thức được việc những dự án mà họ được giao sẽ được ứng dụng rộng rãi hơn và những ẩn ý trong chủ trương của các dự án này. Và công việc đang vắt sức họ lại thường đòi hỏi kiến thức chuyên môn đến mức trong bữa tiệc nướng thịt ngoài trời mà đem chuyện đó ra nói thì lần sau sẽ chẳng ai mời tới chơi nữa, bởi vì chẳng ai buồn nghe.

Bây giờ nhìn lại, có lẽ đó là những gì đã đưa đẩy chúng tôi đến đây.

$_0O_0$

4
Người Mỹ lên mạng

NHÀ TÔI CHUYỂN ĐẾN CROFTON chẳng bao lâu thì ba đã mang về chiếc máy tính để bàn đầu tiên của chúng tôi, chiếc Compaq Presario 425, giá niêm yết 1.399 đô-la nhưng được mua với giá giảm trừ cho quân đội, và ngay từ đầu, trước sự bực bội của má, nó được đặt ngay chính giữa bàn ăn. Từ lúc xuất hiện, chiếc máy tính ấy và tôi không thể tách rời. Nếu trước đây tôi đã không thích ra ngoài đá bóng loanh quanh, thì bây giờ ngay cả ý tưởng đó cũng có vẻ lố bịch. Ra ngoài chơi chẳng có gì ý nghĩa cho bằng những gì tôi có thể tìm thấy bên trong máy tính kềnh càng xám xịt này, với cấu hình CPU Intel 486 tốc độ 25 MHz lúc đó dường như là nhanh không tưởng tượng nổi và ổ cứng 200 megabyte cơ hồ chứa được vô tận. Và cái này mới hay nè, nó có màn hình màu - chính xác là một monitor màu 8 bít - có nghĩa là nó có thể hiển thị tới 256 màu khác nhau. (Thiết bị hiện tại của bạn rất có thể hiển thị tới hàng triệu màu sắc).

Chiếc máy Compaq này đã trở thành người bạn đồng hành không rời của tôi - người anh em thứ hai, và mối tình đầu của tôi. Nó bước vào đời tôi đúng vào thời kỳ mà tôi vừa mới khám phá ra một bản ngã độc lập và mới biết rằng nhiều thế giới khác có thể đồng thời tồn tại bên trong thế giới này. Quá trình khám phá đó hấp dẫn đến nỗi tôi nghiễm nhiên công nhận điều đó và thậm chí quên luôn cả gia đình và cuộc sống mà tôi vốn có, ít nhất là trong một khoảng thời gian. Nói cách khác, tôi đang trải qua giai đoạn khó khăn ban đầu của tuổi dậy thì. Nhưng đây là một tuổi dậy thì công nghệ hóa, và những thay đổi to lớn mà nó đã tác động đến tôi, theo một cách nào đó, cũng đang tác động đến mọi người, khắp mọi nơi.

Ba má tôi luôn phải réo gọi bảo tôi chuẩn bị đi học, nhưng thường là tôi không nghe. Họ cứ réo tôi tắm rửa để ăn tối, nhưng thường là tôi giả vờ không nghe. Và bất cứ khi nào tôi bị nhắc nhở rằng chiếc máy tính này là máy dùng chung chứ không phải của riêng tôi thì tôi sẽ rời chỗ ngồi của mình với vẻ miễn cưỡng đến mức khi ba, má hoặc chị tôi thay phiên nhau sử dụng, họ sẽ phải bắt buộc tôi đi ra ngoài cho khuất mắt, kẻo tôi lại mặt ủ mày ê lớn vớn sau lưng họ rồi khuyên bảo này nọ - chỉ cho chị tôi biết các lệnh macro và phím tắt xử lý văn bản trong lúc chị đang viết bài nghiên cứu, hoặc chỉ cho ba má tôi những mẹo làm bảng biểu khi họ đang cố gắng tính toán mức thuế phải đóng.

Tôi thường hối thúc họ làm xong việc của họ cho nhanh, để tôi có thể quay lại với việc của mình, quan trọng hơn nhiều - như là chơi trò *Loom*. Khi công nghệ đã phát triển, các trò chơi liên quan đến đánh bóng bàn và máy bay trực thăng - loại game ba tôi từng chơi trên chiếc máy Commodore giờ trở thành cổ lỗ sĩ - đã không còn hấp dẫn được những ai biết rằng trong tâm hồn của mỗi người dùng máy tính là một người đọc sách, một kẻ khao khát không chỉ những cảm giác mạnh mà là những câu chuyện. Các trò chơi trên máy Nintendo, Atari và Sega thô sơ thời thơ ấu của tôi, với các cốt truyện đại khái như là giải cứu tổng thống Hoa Kỳ thoát khỏi đám ninja hắc đạo (và đây là một ví dụ có thật), giờ nhường chỗ cho các trò tái hiện chi tiết những câu chuyện cổ xưa mà tôi thường lần giở qua các trang sách trong lúc đang nằm trên thảm ở nhà bà ngoại.

Loom là trò chơi về Cộng đồng của những người thợ dệt mà các vị trưởng lão ở đây (được đặt theo tên ba vị thần Vận mệnh của Hy Lạp là Clotho, Lachesis và Atropos) đã tạo ra một khung cửi bí mật kiểm soát được thế giới này, hoặc nói theo kịch bản của trò chơi, nó sẽ thêu dệt "những hoa văn có sức ảnh hưởng tinh vi vào trong chính cơ cấu của thực tại". Khi một cậu bé khám phá ra quyền lực của khung cửi, cậu ta buộc phải lưu lạc, và mọi thứ trở nên hỗn loạn cho đến khi thế giới này xác định rằng một cỗ máy định mệnh bí mật, nói cho cùng, có lẽ chẳng phải là một ý tưởng hay ho gì mấy.

Thật khó tin, hẳn rồi. Nhưng chỉ là trò chơi thôi mà.

Dù vậy, ngay từ cái tuổi non nớt ấy, tôi đã có ấn tượng sâu sắc rằng cỗ máy dệt được dùng đặt tên cho trò chơi *Loom* chính là một hình tượng nào đó cho cái máy tính mà tôi đang chơi. Những sợi chỉ ngũ sắc của vòng của khung cửi giống như mớ dây điện đủ màu trong lòng máy tính, và sợi chỉ xám lẻ loi báo trước một tương lai vô định trong thế giới game cũng giống như sợi dây cáp điện thoại dài màu xám phát xuất từ phía sau máy tính và kết nối nó với thế giới bao la rộng lớn ngoài kia. Đối với tôi, đó là điều kỳ diệu có thật: chỉ với sợi dây này, chiếc modem và thẻ cắm mở rộng của hãng Compaq, và một máy điện thoại đang hoạt động, tôi có thể quay số và kết nối với một thứ mới mẻ gọi là Internet.

Độc giả nào sinh ra sau năm 2000 có lẽ sẽ thấy chuyện này chẳng có gì mà ầm ĩ, nhưng tin tôi đi, đó là một phép màu kinh khủng vào thời ấy. Ngày nay, việc kết nối được coi là đương nhiên. Smartphone, máy tính xách tay, máy tính để bàn, mọi thứ đều kết nối, luôn luôn. Kết nối với chính xác những gì? Bằng cách nào? Chuyện ấy không quan trọng. Bạn chỉ cần nhấn vào biểu tượng mà người thân lớn tuổi của bạn gọi là "cái nút

Internet" và bùm, bạn có đủ hết: tin tức, giao bánh pizza tận nhà, âm nhạc liên tục và video liên tục mà ngày xưa ta phải cần đến TV và rạp xi-nê mới xem được. Thế nhưng hồi đó, chúng tôi phải cuốc bộ lên dốc cả đi lẫn về, từ nhà đến trường và ngược lại, và phải cắm modem trực tiếp vào ổ cắm trên tường, bằng đôi tay của cậu bé mười hai tuổi.

Tôi không nói rằng thời đó tôi đã am hiểu Internet là gì, hay biết chính xác mình đã kết nối với nó bằng cách nào, nhưng tôi thật sự đã hiểu rõ sự kỳ diệu của nó. Bởi vì hồi ấy, khi ra lệnh cho máy tính kết nối, ta sẽ tiến hành cả một quá trình mà chiếc máy tính sẽ kêu bip bip và rú rít như một đàn rắn bị kẹt xe, và sau đó - hoặc chờ đợi cả đời, hoặc ít nhất là cả mấy phút - ta có thể nhấc bất kỳ điện thoại nào khác trong nhà trên một đường dây phụ và *thực sự nghe được các máy tính đang nói chuyện*. Dĩ nhiên, ta làm sao hiểu chúng nói gì với nhau, bởi vì chúng đang nói bằng một ngôn ngữ máy được truyền với tốc độ lên tới mười bốn nghìn xung nhịp mỗi giây. Tuy nhiên, ngay cả sự khó hiểu đó cũng là một dấu hiệu rõ ràng đến đáng kinh ngạc cho thấy các cuộc gọi điện thoại không còn chỉ dành cho các bà chị đang tuổi thiếu nữ.

Việc truy cập Internet, và sự xuất hiện của Web, đối với thế hệ chúng tôi, chính là vụ nổ Big Bang khai sinh vũ trụ hay vụ nổ Tiền kỷ Cambri khai sinh sự sống trên Trái Đất. Nó đã thay đổi bước đường đời của tôi, cũng như cuộc sống của mọi người. Từ khoảng mười hai tuổi, tôi đã cố gắng dành mọi khoảnh khắc không ngủ để lên mạng. Bất cứ lúc nào không lên mạng được, tôi lại bận rộn trù tính cho lần kết nối kế tiếp. Internet là thánh địa của tôi; Web trở thành giàn leo trèo của tôi, căn nhà trên cây của tôi, thành trì của tôi, lớp học không tường vách của tôi. Nếu có thể lên mạng, tôi càng trở nên ít vận động hơn. Nếu có thể lên mạng, tôi càng trở nên xanh xao hơn. Dần dần, tôi không còn ngủ vào ban đêm và thay vào đó là ngủ vào ban ngày ở trường. Điểm số của tôi lại rơi tự do trở lại.

Tuy vậy, tôi chẳng lo lắng về chuyện học hành sa sút ở trường, và tôi cũng không chắc là bố mẹ tôi có lo không. Nói cho cùng, kiến thức mà tôi học được trên mạng có vẻ tốt hơn và thậm chí còn thiết thực hơn cho các triển vọng nghề nghiệp tương lai của tôi hơn bất cứ thứ gì trường học dạy. Ít ra đó là điều tôi không ngừng nói với ba má.

Óc tò mò của tôi tưởng chừng như cũng bao la như chính Internet vậy: một không gian vô tận luôn tăng theo cấp số nhân, những trang web liên tục tăng lên từng ngày, từng giờ, từng phút, về các vấn đề mà tôi không hề hay biết, về các vấn đề mà tôi chưa từng nghe nói tới - thế nhưng ngay lúc tôi thực sự nghe nói tới chúng thì tôi lại ngày một hình thành niềm mong

muốn khôn thỏa để biết cặn kẽ các vấn đề ấy, không màng chi đến chuyện nghỉ ngơi, ăn uống, hay thậm chí là đi vệ sinh. Khao khát của tôi tất nhiên không chỉ giới hạn trong các đề tài kỹ thuật nghiêm túc như cách sửa chữa ổ đĩa CD-ROM. Tôi cũng dành nhiều thời gian trên các trang mạng về chơi game để tìm kiếm những mã chơi ăn gian (cheat code) để được bất tử trong các trò *Doom* và *Quake*. Nhưng nhìn chung, tôi cũng choáng ngợp bởi chính số lượng thông tin có sẵn tức thì đến mức tôi không còn biết đâu là nơi kết thúc một đề tài và bắt đầu một đề tài khác. Một khóa học cấp tốc về cách tự lắp ráp máy tính cho riêng mình đã dẫn đến khóa học cấp tốc khác về cấu trúc bộ xử lý, với những cuộc ngao du bên lề vào các trang thông tin về võ thuật, súng, xe thể thao, và - nói thẳng ra luôn - các trang khiêu dâm nhè nhẹ.

Đôi khi tôi có cảm giác rằng mình phải biết hết mọi thứ và chưa biết được hết thì tôi sẽ không rời khỏi mạng. Chẳng khác gì tôi đang chạy đua với công nghệ, giống như kiểu một số bạn cùng trang lứa xung quanh tôi đang thi với nhau xem đứa nào sẽ nhổ giò cao nhất, hay đứa nào sẽ mọc râu trước. Ở trường, bao quanh tôi toàn một lũ nhóc con, một số ở nước ngoài đến đây, những đứa đúng là đang cố gắng hòa nhập và thường mất công tốn sức để tỏ ra mình "ngầu", để bắt kịp xu hướng. Nhưng chuyện có chiếc mũ két No Fear mới nhất và biết cách uốn cong vành mũ chỉ là trò chơi trẻ con - đúng nghĩa là trò trẻ - so với những gì tôi đang làm. Tôi thấy việc theo cho kịp tất cả các trang mạng và những trang hướng dẫn tự học lại là một nhu cầu vô cùng lớn lao, tới mức tôi đâm ra oán trách ba má mỗi lần họ - do trường gửi về một phiếu báo điểm quá kém hay do một lần tôi bị nhà trường phạt cấm túc - bắt buộc tôi phải rời khỏi máy tính vào một buổi học tối. Tôi không chịu nổi khi bị tước bỏ những đặc quyền đó, vì cứ lo lắng nghĩ rằng mỗi khoảnh khắc không lên mạng là mình sẽ bỏ sót càng lúc càng nhiều tài liệu đang xuất hiện. Sau nhiều lần ba má cảnh cáo và hăm dọa không cho đụng tới máy tính nữa, cuối cùng tôi mới chịu thua và in ra bất cứ tập tin nào đang đọc và mang những trang giấy in bằng máy in kim lên giường đọc. Tôi thường tiếp tục học bằng những bản in giấy đó đến khi ba má tôi đi ngủ, và lúc đó tôi mới rón rén bước trong bóng tối, lo sợ cánh cửa mở sẽ kêu ken két và những tấm ván sàn bên cầu thang sẽ kêu cọt kẹt. Tôi sẽ không bật đèn và tự định hướng theo quầng sáng của trình bảo vệ màn hình, tôi sẽ đánh thức máy tính dậy và lên mạng, dựng những cái gối áp vào máy để bóp nghẹt tiếng quay số của modem và tiếng rít càng lúc càng tăng của quá trình kết nối.

Làm sao tôi giải thích được chuyện này với một người không sống vào thời đó? Những độc giả trẻ tuổi của tôi, với tiêu chuẩn mới mẻ hơn của họ, có thể cho rằng Internet thời đầu quá chậm chạp, Web thời đầu quá xấu xí và không có gì hay. Nhưng nghĩ thế là lầm. Thời ấy, lên mạng là sống một cuộc đời khác, hầu hết đều coi đó là một cuộc đời tách biệt và khác với Đời Thực. Cái ảo và cái thực lúc ấy vẫn chưa được nhập một. Và từng người dùng tự họ phải xác định xem cái thực kết thúc ở đâu và cái ảo bắt đầu từ đâu.

Chính điều đó mới hết sức kích thích: sự tự do tưởng tượng ra một cái gì hoàn toàn mới, sự tự do làm lại từ đầu. Những gì Web 1.0 có thể thiếu trong yếu tố tiện dụng và ý thức thiết kế, sẽ được bù đắp bội phần bằng khả năng thúc đẩy thử nghiệm và sự độc đáo trong cách thể hiện, và nhấn mạnh vào tính sáng tạo ưu việt của cá nhân. Chẳng hạn, một trang web điển hình trên mạng GeoCities có thể có nền nhấp nháy xen kẽ giữa màu xanh lục và xanh dương, có dòng chữ màu trắng như một dòng phụ đề đầy cảm thán - Read *This* First*!!!* (Đọc *Cái Này* Trước!!!) - chạy ngang ngay chính giữa màn hình dưới một hình *gif* động là con chuột hamster đang nhảy múa. Nhưng đối với tôi, tất cả những điều kỳ quặc vụng về và những đặc điểm của sản phẩm nghiệp dư ấy hoàn toàn cho thấy rằng trí thông minh dẫn dắt đằng sau trang web đó là của con người, và riêng biệt. Các giáo sư khoa học máy tính và các kỹ sư hệ thống, các sinh viên chuyên ngành ngữ văn làm đêm kiếm thêm và các nhà kinh tế chính trị gia xa-lông bất tài vô tướng ai cũng vui vẻ chia sẻ những nghiên cứu và niềm xác tín của họ - không vì bất kỳ sự đền đáp tài chính nào, mà chỉ để giương cờ đại nghĩa thu phục nhân tâm. Cho dù đại nghĩa đó là PC hay Mac, chế độ ăn chay thực dưỡng hay bãi bỏ án tử hình, tôi đều quan tâm. Tôi quan tâm bởi vì họ hăng hái. Say sưa. Thậm chí ta có thể liên lạc với nhiều người trong số những kẻ kỳ lạ và tài giỏi này và họ rất vui lòng trả lời những câu hỏi của tôi thông qua các mẫu điền nội dung ("nhấp vào đường dẫn này hoặc sao chép và dán đường dẫn vào trình duyệt") và các địa chỉ email *(@usenix.org, @frontier.net)* được cung cấp trên trang mạng của họ.

Gần đến thiên niên kỷ mới, thế giới mạng ngày càng tập trung và hợp nhất, khi cả chính phủ lẫn doanh nghiệp nơi nơi đều đẩy nhanh nỗ lực can thiệp vào những gì vốn luôn là một mối quan hệ chủ yếu là ngang hàng. Nhưng trong một khoảng thời gian ngắn ngủi và đẹp đẽ - một giai đoạn mà, thật may mắn cho tôi, lại gần như hoàn toàn diễn ra đồng thời với tuổi thiếu niên của tôi, Internet chủ yếu được tạo ra bởi con người và vì con người. Mục đích của nó là để khai sáng, chứ không phải kiếm tiền, và nó

được quản lý bằng một tập hợp tạm thời các quy tắc chung thay đổi liên tục hơn là theo các điều khoản thỏa thuận dịch vụ mang tính chất lợi dụng, được thực thi trên toàn cầu. Cho đến ngày nay, tôi vẫn coi thế giới mạng những năm 1990 là tình trạng vô chính phủ lý thú và thành công nhất mà tôi từng trải qua.

Tôi đã tích cực tham gia vào các hệ thống bảng thông báo *(bulletin-board system* - BBS) trên nền tảng Web. Trong các BBS này, ta có thể chọn một tên người dùng *(username)* và gõ bất kỳ nội dung nào muốn đăng tải, hoặc là thêm vào một cuộc thảo luận nhóm có sẵn hoặc là khởi xướng một cuộc thảo luận mới. Mỗi và mọi nội dung trả lời bài viết của ta sẽ được sắp xếp theo chuỗi. Hãy tưởng tượng chuỗi email dài nhất bạn đã từng tham gia, nhưng ở đây là công khai. Các BBS này cũng là các ứng dụng tán gẫu, như Internet Relay Chat, cũng cùng một kiểu trải nghiệm làm ta thỏa mãn ngay lập tức giống như các hình thức tin nhắn tức thời ngày nay. Ở đó ta có thể thảo luận bất kỳ chủ đề nào trong thời gian thực, hoặc ít ra là gần với thời gian thực như một cuộc trò chuyện qua điện thoại, chương trình phát thanh trực tiếp, hoặc thời sự truyền hình.

Hầu hết các cuộc nhắn tin và tán gẫu trên mạng của tôi thời ấy là để tìm kiếm câu trả lời cho những thắc mắc của tôi về cách tự lắp ráp máy tính riêng, và những câu trả lời tôi nhận được đều hết sức có ý tứ và thấu đáo, hết sức hào phóng và ân cần, một điều không thể tưởng tượng vào thời nay. Những câu hỏi hoảng sợ của tôi - về việc tại sao một chipset nào đó mà tôi đã dành dụm tiền ba má cho để mua hình như lại không tương thích với cái bo mạch chủ tôi đã mua dịp Giáng sinh - sẽ đưa đến một bài giải thích dài hai ngàn từ và lời khuyên của một nhà khoa học máy tính ngạch chuyên gia ở đầu bên kia nước Mỹ. Không phải xào lại từ bất kỳ cuốn sách hướng dẫn sử dụng nào, phản hồi này được soạn thảo dành riêng cho tôi, để xác định từng bước một các sự cố cho đến khi tôi giải quyết xong. Tôi lúc đó mười hai tuổi, và người trao đổi qua lại với tôi là một người lớn không quen biết ở xa tít tắp, thế nhưng người ấy lại đối xử với tôi như một người ngang hàng bởi vì tôi đã thể hiện lòng tôn trọng đối với công nghệ. Tôi cho rằng sự văn minh này, hoàn toàn khác xa với những màn ném đá hèn hạ trên mạng xã hội hiện nay của chúng ta, có được là do việc lên mạng thời đó rất khó khăn. Nói cho cùng, những người duy nhất trong các BBS này là những người có khả năng hiện diện ở đó - những người hết sức muốn có mặt ở đó - những người có trình độ và đam mê, bởi vì Internet của những năm 1990 không phải là thứ nhấp chuột một cái là có ngay. Chỉ việc đăng nhập thôi đã phải tốn không ít công sức.

Có lần, một mạng BBS nào đó mà tôi tham gia đã cố điều phối tổ chức các cuộc gặp gỡ trực tiếp của các thành viên thường xuyên trên khắp đất nước: ở Washington DC, ở New York, ở Triển lãm Điện tử Tiêu dùng tại Las Vegas. Sau khi bị thúc ép khá ráo riết phải tham dự - và hứa hẹn những buổi tối no say - cuối cùng tôi đành phải nói tuổi mình ra cho mọi người biết. Tôi sợ là một số người có trao đổi qua lại có thể sẽ ngừng giao tiếp với tôi trên mạng, nhưng trái lại, phải nói là họ càng khích lệ tôi hơn. Tôi được họ gửi cho thông tin cập nhật từ triển lãm điện tử này và hình ảnh các danh mục sản phẩm ở đó; một anh chàng còn đề nghị gửi qua bưu điện cho tôi mấy linh kiện máy tính cũ, miễn phí.

$_0O_0$

Tôi có thể đã cho các thành viên BBS biết tuổi của mình, nhưng tôi chưa bao giờ nói ra tên thật, bởi vì một trong những niềm vui lớn nhất của những nền tảng này là ở trên đó tôi không cần phải là chính tôi. Tôi có thể là bất cứ ai. Các tính năng ẩn danh hoặc dùng tên giả vừa mang lại cân bằng vừa điều chỉnh sự mất cân bằng cho tất cả các mối quan hệ. Tôi có thể ẩn nấp hầu như dưới mọi danh hiệu, hay như thường gọi, và đột nhiên biến thành một phiên bản già hơn, cao hơn. Đàn ông hơn chính mình thật sự. Tôi thậm chí có thể có nhiều cái tôi khác nhau. Tôi đã tận dụng tính năng này bằng cách mỗi lần lại sử dụng một hiện thân khác trên các mạng BBS không chuyên nghiệp để hỏi những điều mà tôi thấy đó là những thắc mắc nghiệp dư. Kỹ năng máy tính của tôi đã tiến bộ nhanh đến nỗi thay vì tự hào về tất cả những bước tiến và đạt được, tôi lại thấy xấu hổ vì sự thiếu hiểu biết trước đây của mình và không muốn dính dáng đến nó nữa. Tôi muốn tách bạch những cái tôi khác nhau của mình. Tôi tự nhủ rằng cái đứa xưng danh là *Squ33ker* đã rất ngớ ngẩn khi "nó" đặt ra câu hỏi về tính tương thích của chipset thời xa lắc, từ lâu, thứ Tư tuần trước.

Với mọi đặc tính hợp tác xã hội, văn hóa tự do kiểu tập thể chủ nghĩa này, tôi sẽ không giả vờ rằng chuyện tranh đua trên BBS là không tàn nhẫn, hoặc dân cư trên đó - hầu như toàn nam giới, không đồng tính, và hăng máu - không có chuyện lâu lâu lại bùng nổ những cuộc cãi vã tàn bạo và vặt vãnh. Nhưng khi không có ai dùng tên thật cả thì những người tuyên bố căm ghét ta không phải là những con người thật. Họ đã không biết bất cứ điều gì về ta ngoài những gì ta đã tranh luận và cách ta tranh luận. Nếu, hay đúng hơn là khi, một trong những lý lẽ của ta gây ra cơn thịnh nộ nào đó

trên mạng thì ta chỉ cần bỏ cái tên giả đang sử dụng đi và khoác một cái mặt nạ khác, dưới vỏ bọc của nó, ta thậm chí có thể tham gia vào trò a dua chỉ trích, tấn công vào cái hiện thân ảo mà ta đã chối bỏ như thể đó là một kẻ xa lạ. Cái cảm giác ấy đôi lúc nó lâng lâng nhẹ nhõm không sao tả xiết.

Trong những năm 1990, Internet vẫn chưa thành nạn nhân của tội lỗi lớn nhất trong lịch sử kỹ thuật số: những biện pháp của cả chính phủ lẫn doanh nghiệp để liên kết, càng mật thiết càng tốt, hiện thân trên mạng của người dùng với nhân thân pháp lý trong đời thực của họ. Trẻ em đã từng có thể lên mạng và nói những câu ngu ngốc nhất hôm nay mà không phải chịu trách nhiệm cho những lời lẽ đó vào ngày mai. Điều này có thể khiến bạn không thấy đó là một môi trường lành mạnh nhất để lớn lên, thế nhưng đó lại chính là môi trường duy nhất mà bạn có thể lớn lên - tôi nói như vậy với ý là những cơ hội cắt đứt quá khứ của Internet thời kỳ đầu thực sự đã khuyến khích tôi và những người cùng thế hệ thay đổi những quan điểm sâu sắc nhất của mình, thay vì phải cố thủ và bảo vệ chúng khi bị thách thức. Khả năng làm mới lại bản thân mình có nghĩa là ta không bao giờ phải miễn cưỡng chọn phe, hay kết bè kết phái vì sợ uy tín của mình bị phương hại không thể cứu vãn. Những sai lầm nhanh chóng bị trừng phạt nhưng cũng nhanh chóng được sửa chữa đã giúp cho cả cộng đồng lẫn "người vi phạm" tiếp tục đi tới. Đối với tôi, và với nhiều người, điều này giống như sự tự do.

Nếu muốn, hãy tưởng tượng rằng bạn có thể thức dậy mỗi sáng và chọn một cái tên mới và một gương mặt mới cho cả thế giới biết. Hãy tưởng tượng rằng bạn có thể chọn là một giọng nói mới và những ngôn từ mới để lên tiếng, tựa hồ "cái nút Internet" thực sự là một nút *"reset"* cuộc đời bạn. Trong thiên niên kỷ mới, công nghệ Internet sẽ chuyển sang những mục đích rất khác: ép buộc ta phải trung thành với ký ức, nhất quán với nhân thân, và hết sức tuân thủ theo ý thức hệ. Nhưng thời đó, ít nhất là trong một giai đoạn, Internet đã bảo vệ chúng ta bằng cách lãng quên những vi phạm và tha thứ những tội lỗi của chúng ta.

Tuy nhiên, những cuộc gặp gỡ ban đầu quan trọng nhất của tôi trong việc tự thể hiện bản thân trên mạng đã diễn ra không phải trên các mạng BBS mà ở trong một địa hạt huyền ảo hơn: những vùng đất và ngục thất giả thời phong kiến của những trò chơi nhập vai, đặc biệt là các trò MMORPG *(massively multiplayer online role-playing games* - trò chơi nhập vai trực tuyến nhiều người chơi đồng loạt). Để chơi trò *Ultima Online,* vốn là MMORPG yêu thích của tôi, tôi phải tạo ra và khoác lấy một hiện thân thay thế, tức là *"alt"*. Tôi có thể chọn, chẳng hạn, làm phù thủy hoặc chiến binh,

thợ thiếc hoặc kẻ trộm, và tôi có thể chuyển đổi giữa các *"alt"* này một cách tự do thoải mái không thể có trong cuộc đời thực, những định chế trong đời thực thường coi mọi khả năng biến hóa đều là đáng ngờ.

Tôi đã lang thang trong thế giới game của *ultima* trong vai trò của một trong nhiều hiện thân ảo của mình, tương tác với hiện thân ảo của người khác. Khi tôi đã quen biết các *"alt"* khác, qua việc cộng tác với họ trong một số nhiệm vụ trò chơi nào đó, có lúc tôi bỗng nhận ra rằng mình đã từng biết *"alt"* này trước đây rồi, dưới những hiện thân ảo khác, và đồng thời họ cũng có thể cảm nhận y như vậy về tôi. Họ đã đọc những nội dung nhắn tin của tôi và đoán ra được, thông qua một cụm từ đặc trưng mà tôi thường dùng, hoặc một nhiệm vụ cụ thể mà tôi đề nghị, rằng tôi - người hiện thời đang là cô nàng tên Shrike đóng vai hiệp sĩ, chẳng hạn - cũng chính là hoặc đã từng là anh chàng tự xưng là Corwin đóng vai nhà thơ, và cũng là anh chàng tự xưng là Belgarion đóng vai thợ rèn. Đôi khi tôi chỉ xem những tương tác này như là cơ hội để đùa vui, nhưng thường thì tôi coi đó là những dịp ganh đua, đo lường thành công của mình bằng việc tôi có thể xác định được nhiều *"alt" của* một bạn chơi khác hơn là họ có thể nhận ra *"alt"* của tôi hay không. Các cuộc thi thố để xác định xem tôi có thể vạch mặt người khác mà không bị vạch mặt hay không đòi hỏi tôi phải cẩn thận, không sa vào bất kỳ dạng thức nhắn tin nào có thể làm lộ tung tích, đồng thời phải vừa giao chiến với người khác, vừa luôn canh chừng những cách thức qua đó có thể vô tình tố cáo hiện thân đích thực của họ.

Mặc dù các vai trong *Ultima* mang rất nhiều tên, nhưng về cơ bản, chúng được sắp xếp ổn định theo tính chất của vai trò vốn đã được xác định rõ ràng, thậm chí là mẫu điển hình, và gắn chặt vào trật tự xã hội đã thiết lập trong trò chơi tới mức khiến việc chơi trò này có lúc chẳng khác gì ta đang thực hiện một nghĩa vụ công dân. Sau một ngày học hành hoặc làm việc có vẻ như vô nghĩa và không thỏa mãn, việc dành buổi tối chơi trò này trong vai thầy thuốc hay người chăn cừu, nhà giả kim đắc lực hay đạo sĩ, có thể khiến ta cảm thấy như mình đang làm một chuyện hữu ích có ý nghĩa. Thế giới tương đối ổn định của *Ultima* - một sự phát triển liên tục theo các luật lệ và quy tắc ứng xử xác định - đảm bảo rằng *"alt"* nào cũng đều có nhiệm vụ cụ thể theo vai trò, và sẽ được đánh giá theo khả năng, hoặc sự sẵn sàng, làm tròn nhiệm vụ và hoàn thành những kỳ vọng của xã hội về chức năng của từng *"alt"*.

Tôi yêu những trò chơi như thế cùng những cuộc đời khác mà các game đó đã cho tôi sống, mặc dù tình yêu này không làm cho các thành viên khác trong nhà tôi cảm thấy thoải mái gì. Trò chơi, đặc biệt là loại trò chơi nhiều

người chơi đồng loạt, nổi tiếng là tốn thời gian, và tôi đã tốn quá nhiều giờ chơi *Ultima* tới mức hóa đơn điện thoại nhà tôi tăng cao chót vót và không ai gọi điện tới được. Đường dây luôn luôn bận. Chị tôi, khi đó đang ở tuổi trăng tròn, đâm ra tức giận khi phát hiện ra rằng cuộc đời trên mạng của tôi đã khiến chị ấy bỏ lỡ một số tin đồn quan trọng ở trường trung học. Tuy nhiên, chị nhanh chóng đoán ra là chị chỉ cần trả thù bằng cách nhấc điện thoại lên là đứt kết nối Internet ngay. Tiếng rít của modem sẽ ngừng, và thậm chí chị chưa kịp nghe được âm hiệu quay số bình thường thì từ trên lầu đã nghe tiếng tôi hét toáng vọng xuống.

Nếu bạn bị gián đoạn ở giữa lúc đọc tin tức trên mạng chẳng hạn, bạn luôn có thể quay lại và đọc tiếp ở bất cứ đoạn nào bạn đã ngừng trước đó. Nhưng nếu bạn bị gián đoạn trong khi chơi một game mà bạn không thể tạm dừng hoặc lưu lại - bởi vì một trăm ngàn người khác đang chơi trò này cùng lúc với bạn - thì bạn toi đời. Bạn có thể đang cực kỳ sung sướng, một hiệp sĩ giết rồng huyền thoại có lâu đài và quân đội riêng, nhưng chỉ sau ba mươi giây ĐỨT MẠNG là bạn sẽ thấy mình kết nối lại với một màn hình xám ngắt mang lời ai điếu tàn khốc: YOU ARE DEAD - BẠN ĐÃ CHẾT.

Tôi bây giờ hơi xấu hổ khi nhớ lại ngày ấy vì đã coi trọng điều này quá mức, nhưng tôi không thể tránh né được sự thật là, vào lúc đó, tôi có cảm tưởng như thể chị tôi muốn hủy hoại cuộc đời tôi - nhất là vào những lần chị nhất định thu hút ánh mắt của tôi từ đầu phòng bên kia và mỉm cười trước khi nhấc ống nghe của máy điện thoại dưới nhà, không phải vì chị ấy muốn gọi điện mà chỉ vì chị muốn nhắc cho tôi nhớ ai là người làm chủ tình thế. Ba má đã quá chán ngán với những trận khẩu chiến của chị em tôi đến mức họ đã làm một chuyện nuông chiều hiếm thấy. Họ đã chuyển gói thuê bao Internet nhà tôi từ thanh toán tính theo phút sang gói thanh toán cố định truy cập không giới hạn, và lắp thêm một đường dây điện thoại thứ hai.

Hòa bình đã mỉm cười trên ngôi nhà chúng tôi.

$_0O_0$

5
Hack - Phá bỏ áp đặt

MỌI THIẾU NIÊN đều là những người phá bỏ áp đặt, một kiểu "hacker" nào đó. Họ phải như vậy, chỉ vì họ không thể biện hộ được trong nhiều hoàn cảnh của cuộc sống. Họ nghĩ họ là người lớn, nhưng người lớn nghĩ họ là con nít.

Nếu có thể, bạn hãy nhớ lại những năm niên thiếu của chính mình. Bạn cũng là một "hacker", sẵn sàng làm bất cứ điều gì để trốn tránh sự giám sát của cha mẹ. Về cơ bản, bạn đã chán ngấy với chuyện bị đối xử như một đứa trẻ.

Hãy nhớ lại cảm giác của bạn khi bất cứ ai lớn tuổi hơn và lớn xác hơn đều tìm cách kiểm soát bạn, làm như là tuổi tác và tầm vóc đồng nghĩa với uy quyền vậy. Lúc này hay lúc khác, cha mẹ, giáo viên, huấn luyện viên, trưởng hướng đạo sinh và giáo sĩ của bạn, ai cũng đều lợi dụng vị trí của họ để xâm phạm cuộc sống riêng tư của bạn, áp đặt kỳ vọng của họ vào tương lai của bạn, và ép buộc bạn phải tuân thủ theo các tiêu chuẩn của quá khứ. Bất cứ khi nào những người lớn này thay thế những hy vọng, ước mơ và mong muốn của chính bạn bằng những điều áp đặt của họ, họ luôn nói là họ làm thế là "vì lợi ích của chính em/cháu/con" hay "chỉ muốn điều tốt nhất cho em/cháu/con". Và dẫu điều này có khi cũng đúng thì tất cả chúng ta đều nhớ những lần nó sai - khi những lời như "ta đã nói trước rồi" không đủ sức mạnh và câu "rồi có ngày em/cháu/con phải cám ơn ta" nghe rất giả dối. Nếu bạn đã từng qua tuổi thiếu niên, chắc chắn bạn đã nghe đầy tai những lời sáo rỗng tương tự, và do đó, luôn bị thua thiệt vì mất cân bằng quyền lực.

Dần lớn lên là dần nhận ra mức độ mà cuộc sống của ta bị chi phối bởi các hệ thống luật lệ, các hướng dẫn mơ hồ, và các quy tắc ngày càng không thể chịu nổi đã áp đặt cho ta mà không có sự đồng ý của ta, và chúng có thể thay đổi ngay lập tức bất cứ lúc nào. Thậm chí còn có một số quy tắc mà ta chỉ biết được sau khi mình đã vi phạm.

Nếu bạn mà giống như tôi, bạn phải uất ức, phẫn nộ lắm.

Nếu bạn mà giống như tôi, cận thị, gầy ốm và về tuổi tác gần như chỉ mới qua tuổi lên mười khi bạn lần đầu tiên bắt đầu thắc mắc về chuyện chính trị.

Ở trường, bạn được thông báo rằng trong hệ thống chính trị Mỹ, công dân đồng ý được cai trị bởi những người ngang hàng với mình thông qua quyền bầu cử. Đấy là nền dân chủ. Nhưng nền dân chủ chắc chắn không nằm trong giờ học lịch sử Hoa Kỳ của tôi, nơi mà nếu các bạn cùng lớp được bỏ phiếu bầu thì thầy Martin sẽ bị mất việc. Thay vào đó, thầy Martin lại đặt ra các quy định cho môn lịch sử Hoa Kỳ, cô Evans đặt ra các quy định cho môn tiếng Anh, thầy Sweeney đặt ra các quy định cho môn khoa học, thầy Stockton đặt ra các quy định cho môn toán, và tất cả các giáo viên đó liên tục thay đổi quy định để có lợi cho bản thân và khuếch trương tối đa quyền lực của họ. Nếu một giáo viên không muốn cho bạn đi vệ sinh, tốt hơn hết là bạn nên nín. Nếu một giáo viên hứa sẽ đi tham quan Bảo tàng Smithsonian nhưng sau đó hủy bỏ vì một lỗi vi phạm tưởng tượng, họ sẽ không có lời giải thích nào cả ngoài việc nêu ra thẩm quyền rộng lớn của họ và việc duy trì trật tự thích hợp. Ngay từ thời đó, tôi đã nhận ra rằng bất kỳ sự phản đối nào đối với hệ thống này đều khó khăn, phần lớn là vì việc thay đổi quy định để phục vụ lợi ích của đa số sẽ liên quan đến việc thuyết phục những người đề ra quy định phải tự đặt họ vào thế bất lợi có chủ đích. Cuối cùng, đó là lỗ hổng nghiêm trọng hoặc lỗi thiết kế được cố tình tích hợp vào mọi hệ thống, trong cả chính trị lẫn công nghệ điện toán: Những người tạo ra các luật lệ không hề có động cơ để chống lại chính họ.

Điều thuyết phục tôi rằng, ít nhất, trường học cũng là một hệ thống bất hợp pháp, chính là việc nó không công nhận bất kỳ sự bất đồng chính đáng nào. Tôi có thể biện hộ cho mình đến khi khan cả tiếng, hoặc tôi đành phải chấp nhận sự thật rằng ngay từ đầu tôi không hề có tiếng nói.

Tuy nhiên, sự chuyên chế nhân từ của trường học, giống như tất cả các chế độ chuyên chế, đều có hạn sử dụng ngắn. Đến một thời điểm nhất định, việc phủ nhận quyền hành trở thành sự tự do phản kháng, mặc dù tuổi thiếu niên lại rất hay nhầm lẫn giữa phản kháng với thoát ly hoặc thậm chí là quá khích. Những cách bộc lộ thông thường nhất cho một thiếu niên nổi loạn đều vô dụng đối với tôi, bởi vì tôi lúc đó thấy mình quá ngon nên không thèm làm những trò phá hoại, nhưng lại chưa đủ ngầu để cần tới ma túy. (Cho tới bây giờ, tôi thậm chí chưa bao giờ say rượu hay hút một điếu thuốc lá nào). Thay vào đó, tôi bắt đầu "hack", bắt đầu phá bỏ áp đặt - mà vẫn theo cách đúng mực nhất, lành mạnh nhất và có tính giáo dục nhất mà tôi biết để cho trẻ em khẳng định quyền tự chủ và nói chuyện với người lớn một cách bình đẳng.

Giống như hầu hết các bạn cùng lớp, tôi không thích các quy tắc nhưng lại sợ vi phạm. Tôi biết cách hoạt động của hệ thống này: Khi giáo viên sai lầm mà bạn góp ý thì bạn bị cảnh cáo; khi giáo viên không nhận lỗi mà bạn đối đầu với họ thì bạn bị cấm túc; ai đó quay cóp bài thi của bạn, và mặc dù bạn không có ý cho họ quay cóp, bạn vẫn bị cấm túc và kẻ gian lận kia bị cấm thi. Đây là nguồn gốc của mọi vụ hack: nhận thức về mối liên kết hệ thống giữa đầu vào và đầu ra, giữa nguyên nhân và kết quả. Bởi vì hack không chỉ thuộc lãnh vực máy tính - nó tồn tại bất cứ nơi nào có quy tắc áp đặt. Để hack một hệ thống đòi hỏi phải hiểu rõ các quy tắc của nó hơn cả những người tạo ra hoặc đang vận hành hệ thống đó, và khai thác mọi khe hở có thể tấn công giữa cách những người ấy muốn hệ thống hoạt động ra sao và cách hệ thống thực sự hoạt động, hoặc có thể làm cho nó hoạt động như vậy. Khi tận dụng những lợi thế vô tình này, các hacker không vi phạm các quy tắc mà là chỉ ra lỗi của chúng.

Con người bẩm sinh đã biết nhận ra các dạng thức. Mọi lựa chọn của chúng ta đều được mách bảo bởi rất nhiều giả định, cả bằng kinh nghiệm lẫn bằng logic, phát sinh một cách vô thức và hình thành một cách ý thức. Ta sử dụng các giả định này để đánh giá kết quả tiềm năng của mỗi lựa chọn, và ta gọi khả năng thực hiện tất cả những điều này, nhanh chóng và chính xác, là trí thông minh. Nhưng ngay cả những người thông minh nhất trong chúng ta cũng dựa vào những giả định mà ta chưa hề đưa ra kiểm chứng - và vì chúng ta lựa chọn, nên những lựa chọn của ta thường có sai sót. Người nào biết rõ hơn, hoặc suy nghĩ nhanh hơn và chính xác hơn chúng ta, đều có thể tận dụng những sai sót đó để tạo ra những kết quả mà ta không hề ngờ tới. Trong việc hack, không cần biết bạn là ai, chỉ cần biết bạn suy luận ra sao, chính tính chất bình đẳng đó khiến cho việc hack trở thành một phương pháp đáng tin cậy để đối phó với kiểu các nhân vật quyền lực quá tin tưởng vào sự chính đáng của hệ thống hiện hành tới mức họ không hề nghĩ tới chuyện đưa nó ra kiểm chứng.

Dĩ nhiên, những điều này nhà trường đâu có dạy tôi. Tôi đã học trên mạng. Internet đã cho tôi cơ hội theo đuổi mọi chủ đề mình quan tâm, và mọi điều liên kết giữa các chủ đề ấy, không bị ràng buộc bởi tiến độ của các bạn cùng lớp và các thầy cô của tôi. Tuy nhiên, tôi càng dành nhiều thời gian trên mạng thì việc học ở trường của tôi càng lúc càng giống như những giờ ngoại khóa.

Mùa hè tôi lên mười ba tuổi, tôi quyết tâm không bao giờ quay lại, hoặc ít nhất là giảm tối đa những gắn bó với lớp học. Tuy vậy, tôi không biết làm sao thu xếp được chuyện đó. Mọi kế hoạch tôi nghĩ ra đều có khả năng

phản tác dụng. Nếu tôi bị bắt quả tang bỏ lớp, ba má sẽ thủ tiêu các đặc quyền máy tính của tôi; nếu tôi quyết định bỏ học luôn, họ sẽ chôn xác tôi sâu trong rừng và nói với hàng xóm là tôi đã trốn khỏi nhà. Tôi đã phải nghĩ ra một cách phá bỏ áp đặt nào đó - và rồi, vào ngày đầu năm học mới, tôi đã tìm ra. Thực tế mà nói, cách thức đó gần như được trao thẳng vào tay tôi.

Khi bắt đầu mỗi môn học, các giáo viên đã phân phát đề cương bài giảng của họ, nêu rõ các tài liệu cần phải nắm bao quát, các bài đọc bắt buộc, và lịch trình những bài kiểm tra viết, kiểm tra miệng và bài tập phải làm thêm. Ngoài ra, họ còn cho chúng tôi biết cách họ xếp hạng học sinh, về cơ bản là giải thích cách họ tính toán thứ bậc các điểm A, B, C và D. Tôi chưa hề gặp những thông tin như thế này. Những chữ số và chữ cái của họ giống như một phương trình xa lạ đã gợi ra một giải pháp cho vấn đề của tôi.

Sau giờ học hôm đó, tôi ngồi xem đề cương bài giảng và tính toán, xem phần nào trong mỗi môn mà tôi có thể bỏ qua luôn mà vẫn hy vọng đủ điểm lên lớp. Như môn lịch sử Hoa Kỳ chẳng hạn. Theo đề cương, các bài kiểm tra miệng có giá trị điểm số là 25 phần trăm, các bài kiểm tra viết là 35 phần trăm, các bài luận là 15 phần trăm, các bài tập về nhà là 15 phần trăm, và việc tham gia thảo luận trong lớp - thứ xếp loại chủ quan trong mọi môn học - là 10 phần trăm. Do tôi thường làm tốt các bài kiểm tra miệng và kiểm tra viết mà không cần phải học quá nhiều, tôi có thể coi các phần này là một nhóm điểm số gộp chung chắc chắn ít tốn thời gian. Tuy nhiên, các khóa luận và bài tập về nhà là những thứ mất thời gian chủ yếu: những gánh nặng giá trị thấp mà phí tổn cao đối với Thời Giờ Của Tôi.

Qua những con số đó, tôi biết là nếu tôi không làm bất kỳ bài tập về nhà nào nhưng vẫn làm ngon lành mọi thứ khác, cuối cùng thì tôi vẫn có điểm tích lũy là 85, điểm B. Nếu tôi không làm bất kỳ bài tập về nhà hoặc bài luận nào nhưng vẫn làm ngon lành mọi thứ khác, cuối cùng thì tôi vẫn có điểm tích lũy là 70, điểm C. Còn 10 phần trăm điểm tham gia thảo luận trong lớp sẽ là vùng đệm của tôi. Ngay cả khi giáo viên cho tôi zero điểm ở phần này - nếu họ diễn dịch sự tham gia của tôi là sự phá rối - thì tôi vẫn xoay xở được 65 điểm, điểm D trừ. Tôi vẫn lên lớp được.

Các hệ thống của thầy cô tôi đã mắc lỗi trầm trọng. Tôi có thể sử dụng những hướng dẫn của họ về cách đạt được điểm cao nhất như là những hướng dẫn về cách đạt được tự do cao nhất - một chìa khóa để tránh làm những chuyện tôi không thích làm mà vẫn tà tà qua phà.

Ngay khi nghĩ ra điều này thì tôi ngưng luôn không thèm làm bài tập về nhà nữa. Mỗi ngày đều là niềm hạnh phúc, kiểu hạnh phúc mà những ai đủ tuổi để đi làm và đóng thuế đều không được hưởng, cho đến khi thầy Stockton hỏi tôi trước cả lớp tại sao tôi không nộp khoảng nửa tá bài tập về nhà đã giao. Tôi lúc ấy vẫn còn quá khờ khạo - và nhất thời quên rằng nếu tôi tiết lộ cách "hack" của mình thì tôi đã tự tước bỏ một lợi thế - tôi vui vẻ nói ra cách tính toán của mình với giáo viên toán ấy. Tiếng cười của đám bạn cùng lớp chỉ kéo dài trong một thoáng rồi chúng cũng bắt đầu viết nguệch ngoạc, tính toán xem cả chúng nữa, có thể có được một cuộc sống thoải mái như sau khi làm xong bài tập về nhà hay chăng.

"Thông minh lắm, Eddie", thầy Stockton nói, rồi tươi cười chuyển sang bài học kế tiếp.

Tôi là thằng nhóc thông minh nhất trường - cho đến khoảng hai mươi bốn giờ sau, khi thầy Stockton phát đề cương bài giảng mới. Đề cương này viết rằng bất kỳ học sinh nào đến cuối học kỳ không nộp hơn sáu bài tập về nhà thì sẽ tự động lãnh điểm E.

Thông minh lắm, thầy Stockton à.

Sau đó, hết giờ học thầy kéo tôi ra chỗ khác nói riêng, "Em nên sử dụng đầu óc của mình để nghĩ cách làm sao làm bài tốt hết sức chứ đừng nghĩ cách tránh né làm bài. Em rất có tiềm năng, Ed. Nhưng thầy nghĩ là em không biết rằng điểm số của em bây giờ sẽ đi theo em đến hết cuộc đời. Em phải bắt đầu nghĩ đến việc bị lưu hồ sơ vĩnh viễn đi".

$_0O_0$

Không bị trói buộc vào những bài tập về nhà, ít nhất là trong một thời gian, và vì vậy với nhiều giờ rảnh rỗi hơn, tôi cũng làm một số chuyện hack thông thường khác - trên máy tính. Tôi càng làm thì càng lên tay. Ở hiệu sách, tôi hay lật qua các trang tạp chí hacker được photocopy mờ nhòe và bấm kim thành tập, mang những cái tên như *2600* và *Phrack,* tiếp thu các kỹ thuật công bố trong đó, và trong quá trình này tiếp thu luôn chính kiến phản kháng độc tài của các tạp chí này.

Tôi lúc đó đang ở dưới cùng của thứ bậc kỹ thuật, một tên gà mờ tập hack bằng chương trình do người viết khác - một *"script kiddie"* - làm việc với những công cụ mà tôi không am hiểu, hoạt động theo các nguyên tắc vượt ngoài trình độ của tôi. Khi cuối cùng tôi quả thực đã thành thạo ít nhiều, mọi người vẫn hỏi tôi tại sao tôi không nhào ra vét sạch nhiều tài

khoản ngân hàng hay đánh cắp số thẻ tín dụng. Câu trả lời thành thật là lúc đó tôi còn quá trẻ và ngu ngốc đến mức không biết rằng đó là một lựa chọn, chứ đừng nói là tôi biết làm gì với những món tiền ăn cắp đó. Tất cả những gì tôi muốn, tất cả những gì tôi cần, tôi đều đã có miễn phí. Thay vào đó, tôi đã nghĩ ra những cách đơn giản để hack một số trò chơi, cho mình thêm mạng sống trong game và để tôi làm những chuyện như nhìn xuyên qua tường. Ngoài ra, hồi đó cũng không có nhiều tiền trên Internet, ít nhất là không phải theo tiêu chuẩn ngày nay. Việc làm gần với tội ăn cắp nhất mà những người tôi biết hoặc những gì tôi đọc đã nói đến chính là *"phreaking"*, trò hack để gọi điện thoại chùa không tốn tiền.

Ví dụ, nếu bạn hỏi một số hacker có tầm cỡ tại sao họ lại xâm nhập vào một mạng tin tức lớn mà chẳng làm chuyện gì có ý nghĩa hơn là thay thế các dòng tít bằng một hình GIF quái đản tuyên bố tài nghệ của Baron von Hackerface để rồi trong vòng chưa đầy nửa giờ sau đã bị gỡ xuống, câu trả lời sẽ tương tự như câu trả lời của một nhà leo núi khi được hỏi lý do leo lên đỉnh Everest: "Bởi vì nó ở đó". Hầu hết các hacker, đặc biệt là những người trẻ tuổi, không nhắm tới mục đích tìm kiếm lợi lộc hay quyền lực, mà là tìm kiếm ranh giới tận cùng tài năng của họ và mọi cơ hội để chứng minh rằng những gì bất khả thi đều có thể thực thi.

Tôi còn trẻ dại, và mặc dù óc tò mò của tôi không nhằm mục đích gì, giờ nghĩ lại, nó cũng bộc lộ khá nhiều về mặt tâm lý, vì một số nỗ lực hack ban đầu đều hướng đến việc làm giảm bớt các cơn hoảng loạn thần kinh của tôi. Càng biết rõ về sự mong manh của việc bảo mật máy tính, tôi càng lo lắng hơn về những hậu quả khi tin tưởng vào bộ máy bị lỗi. Lúc tôi còn thiếu niên, vụ hack đầu tiên chuốc lấy rắc rối là vụ liên quan đến một nỗi sợ hãi đột nhiên xâm chiếm tâm trí: nguy cơ của một thảm họa hạt nhân thiêu hủy toàn bộ.

Lúc đó tôi đang đọc mấy bài viết về lịch sử của chương trình hạt nhân Mỹ, và chưa kịp nhận ra, thì chỉ bằng vài cú nhấp chuột, tôi đã thấy mình vào website của Phòng thí nghiệm Quốc gia Los Alamos, cơ sở nghiên cứu hạt nhân của Hoa Kỳ. Đó đúng là cách hoạt động của Internet: ta nổi cơn tò mò, và các ngón tay hoạt động nhanh hơn bộ óc. Nhưng thình lình, tôi thấy nỗi hoảng hốt của mình là đúng: Tôi phát hiện ra một lỗ hổng bảo mật rành rành ở website của cơ quan nghiên cứu khoa học và phát triển vũ khí lớn nhất và quan trọng nhất nước. Về cơ bản, điểm dễ bị tấn công của nó là phiên bản ảo của một cánh cửa không khóa: một cấu trúc thư mục mở.

Tôi sẽ giải thích. Hãy tưởng tượng tôi gửi cho bạn một đường liên kết để tải về một tập tin *.pdf,* tập tin này được cất giữ trên trang riêng của nó trong

một website có nhiều trang. Đường dẫn URL hay địa chỉ Web cho tập tin này thường sẽ là một cái gì đó giống như *website.com/files/pdfs/filename.pdf*. Rồi, do cấu trúc của một đường dẫn URL bắt nguồn trực tiếp từ cấu trúc thư mục, mỗi phần của URL này đại diện cho một "nhánh" riêng biệt của "cây" thư mục. Trong trường hợp này, trong thư mục của *website.com* là một thư mục nhiều tập tin, bên trong thư mục này có một thư mục con chứa nhiều tập tin PDF, nằm ở trong đó là *filename.pdf* - tập tin cụ thể mà bạn đang tìm kiếm để tải về. Ngày nay, hầu hết các website sẽ chỉ cho bạn truy cập đến tập tin cụ thể ấy mà thôi, và giấu kín cấu trúc thư mục. Nhưng vào cái thời sơ khai đó, ngay cả những website quan trọng cũng được tạo ra và điều hành bởi những người mới làm quen với công nghệ, và họ thường để cấu trúc thư mục mở toang, điều đó có nghĩa là nếu bạn rút gọn đường dẫn URL - bạn chỉ cần đổi nó thành thứ gì đó như *website.com/files* - là bạn có thể truy cập mọi tập tin trên website này, *pdf* hay mọi thứ khác, kể cả những thứ không nhất thiết dành cho khách viếng thăm. Đây là trường hợp của website Los Alamos.

Trong cộng đồng hacker, trò này về cơ bản chỉ là trò hack đầu tiên của con nít - một tiến trình dò tìm hoàn toàn sơ đẳng gọi là *"dirwalking* hay "lần theo thư mục". Và đó đúng là chuyện tôi đã làm: Tôi dò thật nhanh từ tập tin đến thư mục con lên trên thư mục cấp cao hơn rồi quay trở lại, một chú nhóc lang thang tự do qua các thư mục mẹ. Trong vòng nửa giờ sau khi đọc một bài báo về mối đe dọa của vũ khí hạt nhân, tôi đã tình cờ sa vào một kho các tập tin vốn chỉ dành cho các nhân viên đã được chứng nhận an ninh của phòng thí nghiệm này.

Tất nhiên, các tài liệu tôi truy cập được nào phải là các sơ đồ mật để chế tạo một thiết bị hạt nhân trong ga-ra nhà tôi. (Và đằng nào thì những bản vẽ thiết kế đó đã có sẵn trên hơn chục website hướng dẫn tự làm rồi chứ có phải không đâu). Thay vào đó, những gì tôi truy cập được lại liên quan đến những bản ghi nhớ liên ngành và các thông tin cá nhân khác của nhân viên. Dù vậy, là một chú nhóc bỗng dưng lo hoảng về những đám mây hình nấm trên chân trời, và đặc biệt lại là con cái nhà binh, tôi đã làm những gì tôi nghĩ mình phải làm: Tôi thông báo với một người lớn. Tôi đã gửi một email cho người quản trị web của phòng thí nghiệm để giải thích về lỗ hổng bảo mật này, và chờ đợi một phản hồi không bao giờ đến.

Mỗi ngày đi học về tôi đều truy cập website đó kiểm tra xem cấu trúc thư mục đã thay đổi chưa, và nó vẫn như cũ - chẳng có gì thay đổi, ngoại trừ mức độ sửng sốt và phẫn nộ của tôi. Cuối cùng tôi cầm điện thoại, đường

dây thứ hai trong nhà, và gọi đến số máy phòng hướng dẫn thông tin đã được liệt kê ở cuối website phòng thí nghiệm Los Alamos.

Một người trực tổng đài bắt máy, và ngay khi bà ấy lên tiếng là tôi bắt đầu lắp bắp. Thậm chí tôi nghĩ là mình chưa nói hết cụm từ "cấu trúc thư mục" thì đã nghẹn giọng. Nhân viên tổng đài cắt lời tôi bằng một câu cộc lốc "Xin giữ máy chờ bộ phận CNTT (Công nghệ thông tin)", và trước khi tôi kịp cảm ơn thì bà ấy đã chuyển máy đến một hộp thư thoại.

Đến lúc nghe được tiếng bip vang lên, tôi đã lấy lại chút ít tự tin, và với thanh quản ổn định hơn, tôi để lại một lời nhắn. Bây giờ tôi chỉ còn nhớ tôi kết thúc lời nhắn ấy như thế nào - lòng nhẹ nhõm, và lặp lại tên tôi cùng số điện thoại. Tôi nhớ là tôi thậm chí còn đánh vần cái tên Snowden của mình, giống như cha tôi đôi lúc vẫn làm, theo cách đọc bảng chữ cái của quân đội: *"Sierra November Oscar Whiskey Delta Echo November"*. Rồi tôi gác máy và tiếp tục cuộc sống, với một tuần lễ gần như chỉ toàn kiểm tra website của Los Alamos.

Ngày nay, với khả năng tình báo không gian mạng của chính phủ, bất cứ ai kết nối vào máy chủ Los Alamos vài chục lần mỗi ngày thì gần như chắc chắn sẽ trở thành một đối tượng đáng quan tâm. Nhưng thời đó, tôi chỉ đơn thuần là một người quan tâm. Tôi không thể hiểu nổi - chẳng ai lo ngại gì sao?

Nhiều tuần trôi qua - và một tuần có thể lâu như một tháng đối với một chú nhóc - cho đến một tối nọ, ngay trước bữa ăn, điện thoại reo vang. Má tôi, đang ở trong bếp làm bữa tối, đã nhấc máy lên.

Tôi đang ngồi trước máy tính trong phòng ăn thì tôi nghe thấy cuộc điện thoại này là dành cho tôi: "Vâng, ờ ờ, Snowden có ở nhà". Rồi, "Xin hỏi ai gọi đến ạ?"

Đang ngồi trên ghế, tôi quay lại và thấy má đang đứng kề bên, điện thoại áp vào ngực. Mặt bà tái ngắt không còn hột máu. Má run rẩy.

"Con đã làm gì?" Tiếng thì thầm của má gấp rút một cách ai oán mà tôi chưa từng nghe thấy bao giờ, và tôi đâm hoảng.

Nếu biết thì tôi đã nói với má rồi. Thay vào đó, tôi hỏi, "Ai gọi thế?"

"Los Alamos, phòng thí nghiệm hạt nhân".

"Ôi, ơn trời".

Tôi nhẹ nhàng nạy điện thoại ra khỏi tay má và đỡ bà ngồi xuống. "Xin chào?"

Ở đầu dây bên kia là một đại diện có giọng nói thân thiện của bộ phận CNTT Los Alamos, người cứ gọi tôi là ông Snowden. Ông ta cảm ơn tôi đã thông báo vấn đề đó và cho tôi hay là họ đã sửa chữa lại rồi. Tôi cố kiềm chế để không hỏi ông ấy sao lâu quá vậy - tôi cố kiềm chế để không với tới chiếc máy tính và lập tức kiểm tra website đó.

Má không rời mắt khỏi tôi. Bà đang cố gắng xâu kết câu chuyện, nhưng chỉ nghe được một phía cuộc điện đàm. Tôi giơ một ngón tay cái cho má thấy, và rồi, để trấn an má hơn nữa, tôi giả giọng nói già dặn hơn, nghiêm túc và trầm trầm một cách thiếu thuyết phục, rồi giải thích như cái máy với người đại diện CNTT những điều ông ấy đã biết rõ: Tôi phát hiện ra vấn đề thư mục liên thông đó như thế nào, tôi đã trình báo ra sao, và việc tôi không nhận được phản hồi nào cho đến bây giờ. Tôi đã kết thúc bằng câu, "Tôi rất cảm ơn ông đã gọi điện cho tôi. Hy vọng là tôi đã không gây ra rắc rối nào".

"Không hề", người đại diện CNTT nói, rồi hỏi tôi sống bằng nghề gì.

"Thực sự là không làm gì hết", tôi nói.

Ông ấy hỏi tôi có đang tìm việc làm không và tôi nói, "Trong suốt năm học, tôi rất bận, nhưng tôi có rất nhiều kỳ nghỉ và mùa hè thì rảnh rỗi".

Đó là lúc ông ấy chợt hiểu ra, và biết ông đang nói chuyện với một đứa thiếu niên. "Chà, nhóc con" ông nói, "cháu đã có thông tin liên lạc của tôi. Hãy nhớ liên lạc khi cháu lên mười tám tuổi. Còn bây giờ hãy đưa máy cho quý bà dễ thương tôi đã nói chuyện lúc nãy".

Tôi trao điện thoại cho bà mẹ lo lắng của tôi và bà ôm máy quay lại nhà bếp đang mù mịt khói. Những món ăn tối đã bị cháy, nhưng tôi đoán người đại diện CNTT đã dành cho tôi toàn những lời khen ngợi cho nên mọi hình phạt mà tôi đã tưởng tượng đều tan biến sạch.

$_0O_0$

6
Không hoàn thành

TÔI KHÔNG NHỚ RÕ THỜI TRUNG HỌC LẮM, vì tôi ngủ hết phần lớn thời gian ở lớp, để bù lại bao đêm thức trắng trước máy tính. Ở trường trung học Arundel, hầu hết các thầy cô của tôi đều không bận tâm đến thói quen ngủ vặt của tôi, mặc kệ, miễn là tôi đừng ngáy, mặc dù vẫn có vài người tàn nhẫn, không hài lòng, tự cho là họ có nhiệm vụ phải luôn đánh thức tôi - bằng tiếng rít của viên phấn hoặc tiếng đập của cục tẩy - và phục kích tôi bằng một câu hỏi: "Cậu đang nghĩ gì đó, cậu Snowden?"

Tôi nhấc đầu lên khỏi mặt bàn, ngồi thẳng trên ghế, ngáp, và tôi phải trả lời trong lúc mấy đứa cùng lớp cố nín cười.

Sự thật là tôi thích những khoảnh khắc này, một trong những thử thách lớn nhất mà trường trung học ban tặng cho. Tôi thích bị bắt bí phải trả lời ngay, đang lúc còn ngây ngất và mụ mẫm, trước ba mươi cặp mắt và đôi tai đang hướng về tôi và chờ đợi tôi thất bại, trong khi tôi tìm kiếm một manh mối trên bảng đen đang viết nửa chừng. Nếu tôi có thể suy nghĩ thật nhanh để đưa ra một câu trả lời tốt thì tôi sẽ thành huyền thoại. Nhưng nếu quá chậm, tôi lúc nào cũng có thể nói một câu bông đùa - bông đùa bao giờ cũng có ích. Trong trường hợp xấu nhất hạng, tôi sẽ ấp úng, và đám bạn cùng lớp sẽ nghĩ tôi là đồ ngu. Kệ chúng. Bạn nên luôn để mọi người đánh giá thấp bạn. Bởi vì khi mọi người đánh giá sai trí thông minh và năng lực của bạn, họ chỉ toàn bộc lộ ra điểm yếu của chính họ - những lỗ hổng trong phán đoán của họ cần phải để cho mở toang nếu như sau này bạn muốn cưỡi trên con ngựa rực lửa lộn nhào qua, và rửa sạch vết nhơ bằng thanh gươm công lý.

Tôi nghĩ rằng khi còn niên thiếu, tôi đã quá mê đắm với cái ý tưởng rằng những vấn đề quan trọng nhất đời đều có tính nhị phân, có nghĩa là một câu trả lời sẽ luôn luôn Đúng và mọi câu trả lời còn lại đều Sai. Tôi nghĩ hồi đó tôi bị mê hoặc theo mô hình lập trình máy tính, lãnh vực mà những câu hỏi chỉ có thể được trả lời theo một trong hai cách: 1 hoặc 0, phiên bản mã máy của Có hoặc Không, Đúng hoặc Sai. Ngay cả những câu hỏi trắc nghiệm trong các bài kiểm tra và bài thi của tôi cũng có thể được giải quyết thông qua cách lý luận nhị phân đối nghịch. Nếu tôi không lập tức nhận ra ngay một câu trả lời có thể là đúng, tôi luôn có thể thử thu hẹp các lựa chọn của mình bằng tiến trình loại trừ, tìm kiếm những từ như "luôn luôn" hay "không bao giờ", và tìm kiếm các ngoại lệ không có căn cứ.

Tuy nhiên, đến gần cuối năm lớp 9, tôi đụng phải một kiểu bài tập rất khác - một câu hỏi không thể trả lời bằng cách điền vào các ô trắc nghiệm bằng bút chì số 2, mà phải dùng phép tu từ: những câu trọn vẹn trong những đoạn văn trọn vẹn. Nói một cách đơn giản, đó là một bài luận văn, với một đề bài mở: "Hãy viết một bài tự thuật về bản thân em không dưới 1.000 từ". Tôi đã được người lạ ra lệnh phải tiết lộ suy nghĩ của tôi về đề tài có lẽ là duy nhất mà tôi không hề nghĩ tới: đề tài về tôi, bất kể hắn là ai. Tôi không sao làm được. Tôi bí. Tôi đã nộp giấy trắng và nhận được lời phê "Không hoàn thành".

Vấn đề của tôi, giống như chính đề bài luận văn ấy, là sự riêng tư. Tôi không thể "viết một bài tự thuật về bản thân" vì cuộc sống của tôi lúc đó quá xáo trộn. Lý do là gia đình tôi đang tan vỡ. Ba má tôi sắp ly hôn.

Mọi chuyện xảy ra quá nhanh. Ba chuyển đi nơi khác sống còn má rao bán ngôi nhà ở Crofton, và sau đó cùng chị em tôi dọn tới một căn hộ, rồi đến một chung cư trong một khu mới xây dựng ở Ellicott City gần đó. Tôi có mấy đứa bạn từng bảo tôi rằng ta chưa thực sự trưởng thành chừng nào ta chưa mất cha mất mẹ, hoặc bản thân ta chưa làm cha làm mẹ. Nhưng điều mà không ai từng nói đến là, đối với nhiều đứa trẻ ở một độ tuổi nhất định, chuyện cha mẹ ly hôn giống như cả hai điều trên đang xảy ra cùng một lúc. Đột nhiên, hai biểu tượng bất khả xâm phạm của thời thơ ấu biến mất. Thay vào đó, nếu như còn có ai để thay thế, là một con người khác thậm chí còn mất mát nhiều hơn ta, đầy nước mắt và thịnh nộ, một người khao khát sự trấn an của ta rằng mọi chuyện rồi sẽ ổn. Nhưng đâu có ổn, ít nhất là trong một khoảng thời gian.

Trong lúc đợi tòa án xem xét quyền nuôi con và quyền thăm viếng, chị tôi lao vào nộp đơn ghi danh các trường đại học, được nhận, và bắt đầu đếm ngược từng ngày cho đến khi chị vào Đại học Bắc Carolina ở Wilmington. Chị ấy ra đi đồng nghĩa với việc tôi mất luôn mối ràng buộc gần gũi nhất với cái đã từng là gia đình của chúng tôi.

Tôi đã phản ứng bằng cách thu mình lại. Tôi cố sức ép mình trở thành một con người khác, thay hình đổi dạng với chiếc mặt nạ của bất cứ vai trò nào mà những người tôi quan tâm cần có vào thời điểm đó. Trong gia đình, tôi đáng tin cậy và chân thành. Giữa bạn bè, vui vẻ và vô tư. Nhưng khi một mình, tôi lại thầm lặng, thậm chí ủ ê, và không ngừng lo ngại rằng chính mình là một gánh nặng. Tôi bị ám ảnh bởi tất cả những chuyến đi xe đến Bắc Carolina mà tôi đã từng kêu ca, tất cả những lễ Giáng sinh mà tôi đã phá hỏng vì mang về nhà một phiếu điểm học sinh kém, tất cả những lần tôi không chịu ngắt mạng để làm việc nhà. Mọi chuyện ầm ĩ tôi từng gây ra

hồi nhỏ cứ lóe lên trong tâm trí tôi như những thước phim hiện trường vụ án, bằng chứng cho thấy tôi phải chịu trách nhiệm cho những gì đã xảy ra giữa ba má tôi.

Tôi đã cố gắng vứt bỏ cảm giác tội lỗi bằng cách phớt lờ cảm xúc của mình và giả vờ như mình có thể tự lập tự chủ, cho đến khi tôi cố tạo một ấn tượng giống như mình đã trưởng thành sớm. Tôi không còn nói là tôi "đang chơi" với máy tính, và bắt đầu nói rằng tôi "đang làm việc" trên máy. Chỉ cần thay đổi những từ đó, mà không thay đổi chút nào những gì mình vẫn làm lâu nay, là đã tạo ra sự khác biệt trong cách người khác, và là chính tôi nữa, nhìn nhận về tôi.

Tôi không còn tự xưng là "Eddie" nữa. Từ giờ trở đi, tôi là "Ed". Tôi đã có chiếc điện thoại di động đầu tiên mà tôi đeo vào thắt lưng như một người đàn ông trụ cột gia đình.

May mắn bất ngờ của tổn thương tinh thần này - cơ hội để làm mới lại bản thân - đã dạy cho tôi hiểu rõ hơn thế giới bên ngoài bốn bức tường nhà mình. Tôi ngạc nhiên thấy rằng tôi càng xa cách với hai người lớn yêu thương tôi nhất thì tôi càng gần gũi những người khác, những người đối xử với tôi như bạn ngang hàng. Những người dìu dắt đã dạy tôi lái thuyền buồm, hướng dẫn tôi võ thuật, huấn luyện tôi nói trước công chúng, và cho tôi sự tự tin để đứng trên sân khấu - tất cả những người ấy đều góp phần dưỡng dục tôi.

Tuy nhiên, vào đầu năm lớp 10, tôi bắt đầu mệt mỏi quá mức và ngủ gục nhiều hơn bình thường - không chỉ ở trường thôi đâu, mà bây giờ ngay cả khi ngồi trước máy tính. Tôi thường thức dậy lúc nửa đêm trong tư thế gần như ngồi thẳng đứng, màn hình trước mặt tôi đầy những chữ vô nghĩa vì tôi đã thiếp đi mê mệt đè lên bàn phím. Chẳng mấy chốc, các khớp xương của tôi đau nhức, các hạch sưng lên, lòng trắng hai mắt chuyển sang màu vàng, và tôi quá kiệt sức không rời khỏi giường được, ngay cả khi đã ngủ một mạch mười hai tiếng hoặc hơn.

Sau khi rút từ cơ thể tôi ra một lượng máu rất nhiều, ngoài sức tưởng tượng của tôi, cuối cùng bác sĩ chẩn đoán là tôi mắc bệnh bạch cầu đơn nhân nhiễm trùng. Đó là một căn bệnh khiến tôi vừa suy nhược trầm trọng vừa nhục nhã ê chề, chủ yếu là vì bệnh này thường bị nhiễm qua chuyện mà đám bạn cùng lớp gọi là "móc nối", và ở tuổi mười lăm thì chuyện "móc nối" duy nhất tôi từng làm chỉ liên quan đến cái modem kết nối Internet mà thôi. Việc học hoàn toàn bị lãng quên, tôi liên tục vắng mặt ở lớp, và ngay cả điều đó cũng không làm tôi thấy vui thú. Ngay cả một chế

độ ăn toàn kem cũng không làm tôi vui thú. Tôi hầu như không còn sức để làm bất cứ điều gì ngoài việc chơi các game máy tính mà ba má đã mua cho - người nào cũng cố mang đến trò hay hơn, trò mới hơn, cứ như ba má đang tranh đua nhau để làm tôi hăng hái hơn hoặc giảm nhẹ mặc cảm có lỗi của họ về việc ly hôn. Khi không còn cả hơi sức để điều khiển cần bấm chơi game, tôi tự hỏi tại sao mình còn sống. Nhiều lúc tôi thức dậy mà không nhận ra được môi trường xung quanh. Phải mất một lúc tôi mới mường tượng ra mình đang ở đâu trong cái bóng tối âm u này, nhà chung cư của má hay căn hộ một phòng ngủ của ba, và tôi không hề nhớ gì về việc mình được xe đưa đi đưa về giữa hai nơi này. Ngày nào cũng như ngày nấy.

Mơ hồ như một màn sương mịt mù. Tôi nhớ có đọc bài tiểu luận *The Conscience of a Hacker* (Lương tâm của hacker) hay còn gọi là *The Hackers Manifesto* (Tuyên ngôn hacker), cuốn *Snow Crash* (Tuyết lở) của Neal Stephenson, và cả đống truyện của J.R.R. Tolkien, ngủ gục giữa chừng và lẫn lộn các nhân vật với hành động, cho đến khi tôi nằm mơ thấy nhân vật Gollum ở bên giường bệnh của tôi rên rỉ, "Cậu chủ, cậu chủ, thông tin phải được công khai".

Trong khi tôi cam chịu tất cả những giấc ngủ mê sảng, cái ý nghĩ tôi phải bắt kịp việc học ở trường lại đúng là ác mộng thực sự. Sau khi tôi bỏ lớp khoảng bốn tháng, tôi nhận được một lá thư từ trường trung học Arundel thông báo rằng tôi phải học lại lớp 10. Có thể nói là tôi đã bị sốc, nhưng ngay khi đọc thư, tôi nhận ra rằng mình đã biết trước điều này là không thể tránh khỏi và đã lo sợ suốt nhiều tuần lễ rồi. Viễn cảnh trở lại trường, chứ đừng nói đến việc lặp lại hai học kỳ, là điều không thể tưởng tượng được với tôi, và tôi sẵn sàng làm mọi cách để tránh điều đó.

Ngay lúc mà bệnh hạch của tôi phát triển thành chứng trầm cảm toàn diện, chính cái thông báo của nhà trường đã khiến tôi thoát khỏi khủng hoảng. Đột nhiên tôi đứng dậy và mặc một bộ đồ khác không phải đồ ngủ ở nhà. Đột nhiên tôi lên mạng và cầm điện thoại, tìm kiếm các lợi điểm của hệ thống giáo dục này, tìm kiếm một cách "hack". Sau một chút nghiên cứu và rất nhiều mẫu đơn phải điền, giải pháp của tôi đã đến trong hộp thư trước cửa: Tôi đã tìm cách cho mình được nhận vào trường cao đẳng. Rõ ràng, bạn không cần phải có bằng tốt nghiệp trung học mới ghi danh được.

Cao đẳng cộng đồng Anne Arundel (Anne Arundel Community College - AACC) là một cơ sở ở địa phương, chắc chắn không có tên tuổi như trường của chị tôi, nhưng nó cũng được việc. Quan trọng nhất là trường này được công nhận chính thức. Tôi mang giấy báo nhập học đến trình ban

giám hiệu trường trung học của tôi, và họ, vừa tò mò vừa không che giấu được cảm giác nửa chịu đựng nửa vui mừng, đã đồng ý cho tôi ghi danh. Tôi học các lớp ở trường cao đẳng này hai ngày một tuần, gần như đó là toàn bộ thời gian mà tôi có thể xoay xở để ngồi thẳng thớm mà học hành. Bằng cách theo các môn học vượt cấp lớp, tôi sẽ không phải khổ sở trong suốt niên khóa mà tôi sẽ lưu ban. Tôi học nhảy luôn.

Trường AACC cách nhà khoảng hai mươi lăm phút, và mấy lần đầu tiên tôi tự lái xe đi học đúng là nguy hiểm - tôi là người lái xe mới lấy bằng, kẻ hầu như không thể tỉnh táo trước vô-lăng. Tôi đến lớp rồi sau đó đi thẳng về nhà để ngủ. Tôi là người nhỏ tuổi nhất lớp, và thậm chí có thể là nhỏ tuổi nhất trường này, hết là một vật lạ mang tính biểu tượng lại thành một bộ mặt gây lúng túng. Việc học này, cùng với sức khỏe đang hồi phục, đồng nghĩa với việc tôi ít ra ngoài giao du. Thêm nữa, vì AACC là một ngôi trường chỉ đến học rồi về chứ không có đời sống sinh viên sôi nổi. Dù vậy, tôi thấy hợp với ngôi trường vô danh này, cũng như các môn học, đúng là hầu hết đều thú vị hơn nhiều so với bất cứ những gì tôi đã ngủ gật cho qua thời gian ở trung học Arundel.

$_0O_0$

Trước khi tôi đi xa hơn và rời khỏi trường trung học mãi mãi, phải nói là tôi vẫn còn mắc nợ bài luận văn đó, bài bị phê là "Không hoàn thành". Bài văn tự thuật của tôi. Tôi càng lớn tuổi, đề văn ấy càng ray rứt tôi hơn, thế nhưng chuyện viết cho được bài văn đó vẫn không dễ dàng hơn chút nào.

Thực tế là, không người nào với một lai lịch như tôi lại có thể thoải mái viết tự truyện. Rất khó viết khi đã dành phần lớn cuộc đời để tránh bị nhận dạng, rồi lại quay ngoặt hoàn toàn và chia sẻ "những tiết lộ cá nhân" trong một cuốn sách. Cộng đồng Tình báo cố gắng khắc sâu vào nhân viên của họ một chuẩn mực về tính vô danh, một dạng tính cách như trang giấy trắng để in hằn lên đó sự bí mật và ngón nghề mạo danh. Bạn phải rèn luyện bản thân để trở nên kín đáo, bề ngoài và giọng điệu giống như mọi người khác. Bạn sống trong một ngôi nhà bình thường nhất, lái chiếc xe bình thường nhất, mặc quần áo bình thường như bao người. Sự khác biệt là bạn cố tình làm điều đó: sự bình thường, những điều thông thường, chính là vỏ bọc của bạn. Sự bình thường lại là phần thưởng éo le cho một sự nghiệp phủ nhận bản thân mà không có vinh quang nào được công nhận: Cái vinh quang thầm lặng này không đến trong khi làm việc, mà là sau đó,

khi bạn có thể quay trở lại giữa mọi người và thuyết phục được họ tin rằng bạn là người bình thường như họ.

Mặc dù có một số thuật ngữ tâm lý học phổ thông hơn và chắc chắn là chính xác hơn để gọi dạng phân thân này, tôi thường xem đây là một kiểu mã hóa con người. Như trong mọi tiến trình mã hóa, tài liệu gốc - cá tính cốt lõi của bạn - vẫn tồn tại, nhưng trong một hình thức bị xáo trộn và khóa kín. Phương trình cho phép sự mã hóa này là một tỷ lệ thức đơn giản: Bạn càng biết nhiều về người khác thì bạn càng biết ít về bản thân mình. Sau một thời gian, bạn có thể quên mất những điều bạn thích và thậm chí là không thích. Bạn có thể mất luôn chính kiến riêng, cùng với bất kỳ và mọi sự tôn trọng dành cho quá trình tác động chính sách mà bạn có thể đã kinh qua. Mọi thứ đều bị gộp chung thành một vì công việc này, một công việc khởi đầu bằng chối bỏ cá tính và kết thúc bằng chối bỏ lương tâm. "Nhiệm vụ trên hết".

Suốt nhiều năm tôi đã sử dụng một số hình thức của những điều nói trên để giải thích việc tôi trung thành với quyền riêng tư, và việc tôi không thể hoặc không muốn chỉ trích cá nhân. Mãi đến bây giờ, khi tôi đã rời khỏi Cộng đồng IC cũng lâu gần bằng khoảng thời gian tôi ở trong đó, tôi mới nhận ra rằng: như thế chưa đủ. Nói cho cùng, lúc tôi nộp giấy trắng bài luận đó, tôi nào phải là gián điệp - thậm chí tôi còn chưa phải cạo râu. Trái lại, tôi là một đứa trẻ có tập tành trò gián điệp được một thời gian - một phần là qua những trải nghiệm trên mạng với các hiện thân trong trò chơi nhập vai, nhưng hơn hết thảy là qua việc đối phó với sự im lặng và những lời nói dối sau khi ba má tôi ly hôn.

Với sự rạn nứt đó, chúng tôi đã trở thành một gia đình của những kẻ che giấu bí mật, những kẻ giỏi tránh né và lẩn trốn. Ba má tôi giấu bí mật với nhau, với tôi và với chị tôi. Chị tôi và tôi cuối cùng cũng giấu bí mật riêng tư luôn, khi vào ngày cuối tuần một đứa sẽ ở với ba còn một đứa sẽ ở với má. Một trong những thử thách khó khăn nhất mà một đứa trẻ có cha mẹ ly hôn phải đối mặt là bị cha hoặc mẹ gặng hỏi về cuộc sống mới của người kia.

Má tôi thường vắng nhà nhiều đợt, quay lại chuyện hẹn hò. Ba tôi đã cố gắng hết sức để lấp đầy khoảng trống, nhưng có lúc ông nổi nóng vì quá trình ly hôn kéo dài và tốn kém. Hễ xảy ra chuyện đó thì dường như tôi thấy vai trò của hai cha con đã đảo ngược. Tôi phải tỏ ra kiên quyết và đối đầu với ông ấy, phải tranh luận với ông ấy.

Thật đau đớn khi viết ra điều này, dù không hẳn là vì các sự việc trong giai đoạn này đều đau đớn khi nhớ lại mà là vì chúng hoàn toàn không cho thấy sự đứng đắn trong bản chất của ba má tôi - hay cho thấy là, vì thương con cái, họ cuối cùng đã có thể chấm dứt tranh cãi, hòa giải trong sự tôn trọng lẫn nhau, và ai cũng đều bình an thành đạt như thế nào.

Kiểu thay đổi này là liên tục, bình thường và nhân bản. Nhưng một bài văn tự thuật lại bất biến, một tài liệu cố định về một con người không ngừng thay đổi. Đây là lý do tại sao câu chuyện hay nhất mà ai đó có thể kể về bản thân mình lại không phải là lời bày tỏ mà là một cam kết - cam kết với những nguyên tắc mà họ coi trọng, và với viễn kiến về mẫu người mà họ hy vọng sẽ trở thành.

Tôi đã ghi danh vào trường cao đẳng cộng đồng để tiết kiệm thời gian cho bản thân sau một giai đoạn trắc trở, không phải vì tôi muốn tiếp tục học lên cao hơn. Nhưng tôi đã cam kết với chính mình rằng tôi ít nhất phải hoàn thành chương trình trung học. Cuối cùng tôi đã làm tròn lời hứa vào một ngày cuối tuần, khi lái xe đến một trường công lập gần Baltimore để làm bài thi cuối cùng mà tôi từng làm cho tiểu bang Maryland: kỳ thi lấy bằng phát triển Giáo dục phổ thông (GED), mà chính phủ Hoa Kỳ công nhận là có tiêu chuẩn tương đương với bằng tốt nghiệp trung học.

Tôi còn nhớ mình rời khỏi phòng thi, lòng nhẹ nhõm hơn bao giờ hết, sau khi đã trả xong hai năm học mà tôi còn nợ tiểu bang chỉ bằng cách tham gia một kỳ thi hai ngày. Cứ như một trò "hack", nhưng nó còn ý nghĩa hơn thế. Đó là: Tôi đã làm đúng như tôi nói.

$_0O_0$

7
11 tháng Chín

TỪ NĂM MƯỜI SÁU TUỔI, tôi gần như sống một mình. Khi má tôi lao mình vào công việc thì thường là cả căn hộ của bà thuộc về tôi. Tôi tự đặt ra lịch trình riêng, tự nấu ăn và tự giặt đồ. Tôi chịu trách nhiệm cho mọi việc ngoại trừ thanh toán hóa đơn.

Tôi đã có một chiếc Honda Civic đời 1992 màu trắng và bởi vì ai cũng làm như thế nên tôi hay lái xe khắp tiểu bang trong lúc nghe nhạc rock *indie* trên đài 99.1 WHFS - *"Now Hear This"* là một trong những câu khẩu hiệu nổi tiếng của đài này. Tôi không giỏi chuyện sống như bình thường lắm, nhưng tôi đang cố gắng.

Cuộc sống của tôi trở thành một vòng loanh quanh, đi theo một tuyến đường giữa nhà tôi, trường cao đẳng, và bạn bè, đặc biệt là một nhóm mới mà tôi gặp trong lớp tiếng Nhật. Tôi không rõ là mất bao lâu chúng tôi mới nhận ra cả bọn đã hợp thành một nhóm, nhưng đến học kỳ thứ hai thì bọn tôi đến lớp để gặp nhau hơn là để học ngôn ngữ. Cũng phải nói đây là cách tốt nhất để "tỏ ra bình thường": chơi chung với những người khác thường như mình, nếu không phải là khác thường hơn. Họ hầu hết đều là những họa sĩ và nhà thiết kế đồ họa đầy khát vọng bị ám ảnh bởi *anime,* tức phim hoạt hình Nhật Bản, lúc đó đang gây tranh cãi. Tình bạn càng thân thiết thì cả tôi cũng đâm ra quen thuộc với các thể loại phim *anime,* cho đến khi tôi có thể huyên thuyên nêu ra những ý kiến tương đối có hiểu biết về một loạt phim mới đã cùng xem với các tựa đề như *Grave of the Fireflies, Revolutionary Girl Utena, Neon Genesis Evangelion, Cowboy Bebop, The Vision of Escaflowne, Rurouni Kenshin, Nausicaa of the Valley of the Wind, Trigun, The Slayers,* và phim tôi thích nhất là *Ghost in the Shell*.

Một trong những người bạn mới này, tôi sẽ gọi cô ấy là Mae - một phụ nữ lớn tuổi hơn tôi, hơn nhiều lắm, ở độ tuổi hai mươi lăm hoàn toàn trưởng thành. Cô ấy gần như là thần tượng đối với cả đám chúng tôi, vì cô là họa sĩ đã có tác phẩm xuất bản và cuồng *cosplay* - trò hóa trang như nhân vật trong phim truyện. Mae là bạn luyện đàm thoại tiếng Nhật của tôi và cô ấy cũng điều hành một doanh nghiệp thiết kế Web thành công, tôi rất nể khi biết được chuyện này. Tôi sẽ gọi doanh nghiệp đó là Squirrelling Industries, tôi đặt tên là *"squirrel"* (con sóc) vì Mae có nuôi mấy con sóc bay và thỉnh thoảng cô mang chúng theo trong một chiếc túi Crown Royal màu tím.

Đó là chuyện tôi trở thành một người làm việc tự do như thế nào: Tôi bắt đầu làm thiết kế web cho cô gái tôi đã gặp trong lớp. Mae, hoặc tôi đoán là doanh nghiệp của cô ấy, đã thuê tôi làm chui với mức lương rất hậu hĩnh vào lúc đó là 30 đô-la/giờ, trả tiền mặt. Vấn đề là liệu có bao nhiêu giờ tôi thực sự được trả công.

Tất nhiên, Mae lẽ ra có thể trả công cho tôi bằng những nụ cười - vì tôi đã yêu, đã si mê cô ấy như điếu đổ. Mặc dù tôi không khéo che giấu điều đó lắm, nhưng tôi chắc là Mae cũng không phiền lòng, bởi vì tôi không bao giờ trễ hạn hoàn thành hay thậm chí là luôn giúp cô ấy không sót một việc nào, dù là nhỏ nhất. Ngoài ra, tôi là người học rất nhanh. Trong một công ty chỉ có hai người, bạn phải có khả năng làm mọi thứ. Dù tôi có thể, và đã thực sự, xúc tiến công việc của Squirrelling Industries ở bất kỳ đâu - nói cho cùng, đó là vấn đề làm việc trên mạng - Mae thích tôi đến văn phòng, ý tôi là nhà cô ấy, một ngôi nhà phố hai tầng mà cô ấy sống chung với chồng, một người đàn ông thông minh và thanh lịch mà tôi sẽ gọi là Norm.

Phải, Mae đã có chồng. Hơn nữa, ngôi nhà phố mà cô và Norm sống nằm ngay rìa phía tây nam của căn cứ Fort Meade, nơi Norm làm việc - anh ta là chuyên viên ngôn ngữ của không quân được phân công về NSA. Tôi không biết việc mở doanh nghiệp ngay tại nhà có hợp pháp hay không khi nhà của bạn là tài sản của liên bang nằm trong một cơ sở quân sự, nhưng là một thiếu niên say mê một phụ nữ đã có chồng và cũng là bà chủ của mình, tôi đúng là không khắt khe lắm với chuyện phép tắc.

Bây giờ thì hầu như không thể tưởng tượng nổi chứ hồi đó có thể nói là bất kỳ ai cũng ra vào Fort Meade dễ dàng. Đâu phải toàn là cọc chắn với hàng rào và chốt gác rào kín dây thép gai như bây giờ. Tôi hoàn toàn có thể chạy thẳng vào căn cứ quân sự nơi đặt cơ quan tình báo bí mật nhất thế giới này trong chiếc Civic '92 của tôi, cửa sổ hạ xuống, radio mở to, mà không cần phải dừng lại ở một cổng nào để trình thẻ chứng minh. Gần như cứ nửa tháng một lần vào ngày cuối tuần là một phần tư lớp học tiếng Nhật của tôi lại tụ họp ở ngôi nhà nhỏ của Mae, phía sau sở chỉ huy NSA để xem phim *anime* và sáng tác truyện tranh. Đó là chuyện rất bình thường, vào cái thời đã qua khi cái câu "Đây là đất nước tự do mà, không phải sao?" rất thường nghe thấy trong mọi sân trường và mọi hài kịch tình huống.

Vào những ngày làm việc, tôi ló mặt tới nhà Mae vào buổi sáng, lái xe vào con phố cụt nhà cô sau khi Norm đã đi tới NSA làm việc, và tôi ở lại đó suốt cả ngày, cho đến gần giờ tan sở của Norm. Những lần Norm và tôi tình cờ đụng độ nhau trong suốt khoảng hai năm tôi làm việc cho vợ anh ta, thì Norm, xét cho cùng, vẫn luôn ân cần và rộng lượng với tôi. Lúc đầu, tôi

cho rằng anh ta không biết gì về chuyện tôi si mê Mae, hoặc là anh ta coi thường khả năng quyến rũ của tôi tới mức mặc kệ cho tôi một mình với vợ anh. Nhưng có một hôm, khi chúng tôi tình cờ gặp nhau - anh ta đi, tôi đến - Norm lịch sự nói rằng anh ta có để một khẩu súng trên bàn ngủ.

Squirrelling Industries, thực tế chỉ là Mae và tôi, gần như là điển hình của các công ty khởi nghiệp dưới tầng hầm trong thời kỳ bùng nổ thương mại điện tử, các doanh nghiệp nhỏ tranh nhau cơm thừa canh cặn trước khi tất cả phá sản hết. Cách hoạt động của nó là một công ty lớn - một hãng sản xuất ô tô, chẳng hạn - sẽ thuê một công ty quảng cáo hoặc công ty PR lớn xây dựng website cho họ và nói chung là để tô điểm bộ mặt của họ trên Internet. Công ty lớn đó thường không biết gì về chuyện làm web, còn công ty quảng cáo hoặc công ty PR thường chỉ biết nhiều hơn một chút - vừa đủ để đăng một bản mô tả công việc và rao vặt tìm người thiết kế Web trên một trong những cổng thông tin việc làm tự do lúc đó đang nở rộ.

Sau đó, các doanh nghiệp mẹ giám đốc-bố nhân viên - hay trong trường hợp này, sếp là gái lớn có chồng, lính là trai trẻ độc thân - sẽ đấu thầu các công việc này, và sự cạnh tranh dữ dội tới mức giá chào mời luôn bị hạ thấp đến nực cười. Người thắng thầu lại còn phải trích một khoản trả phí cho cổng thông tin việc làm thì rốt cuộc số tiền còn lại chỉ đủ cho một người lớn sống sót, chứ đừng nói đến việc nuôi một gia đình. Ngoài việc tiền thù lao ít ỏi, lại còn nỗi nhục không được ghi công: những người làm tự do hiếm khi nhắc tới những dự án họ đã làm, bởi vì công ty quảng cáo hoặc công ty PR sẽ tuyên bố tự triển khai tất cả trong nội bộ.

Tôi đã biết nhiều về thế giới, đặc biệt là thế giới kinh doanh, nhờ có Mae làm sếp. Cô ấy lõi đời đến kinh ngạc, làm việc siêng năng gấp đôi so với những người cùng nghề để thành đạt trong một ngành khi đó chủ yếu dành cho đàn ông, nơi mà cứ hai khách hàng thì có một kẻ quyết lừa gạt bạn làm không công. Cái văn hóa bóc lột tùy tiện này đã khuyến khích những người làm việc tự do tìm cách dò ra những kẽ hở trên toàn hệ thống, và Mae có tài sử dụng các mối quan hệ riêng tới mức không cần các cổng thông tin việc làm. Cô ấy cố gắng loại bỏ những người trung gian và bên thứ ba và giao dịch trực tiếp với những khách hàng lớn nhất có thể. Mae làm việc này rất tuyệt, nhất là khi đã có tôi lo phần kỹ thuật, nên cô ấy tập trung hoàn toàn vào khía cạnh kinh doanh và nghệ thuật. Cô sử dụng tài vẽ minh họa của mình vào việc thiết kế logo và cung cấp các dịch vụ thương hiệu cơ bản. Còn về phần tôi, các phương pháp và kỹ thuật lập trình khá đơn giản nên tôi có thể học cấp tốc, và công việc dẫu có thể lặp đi lặp lại phát chán, tôi cũng không phàn nàn. Tôi còn hoan hỉ nhận ngay cả việc viết

mã nguồn bằng chương trình Notepad++ tầm thường nhất. Tuyệt vời sao những gì bạn làm vì tình yêu, nhất là khi tình yêu ấy không được đáp lại.

Tôi không khỏi tự hỏi liệu có phải Mae đã biết rõ về tình cảm của tôi dành cho cô ấy bao lâu nay, và chỉ đơn thuần là lợi dụng điều đó để sao cho có lợi nhất cho cô. Nhưng nếu tôi chỉ là con mồi thì tôi là một con mồi tự nguyện, và thời gian làm việc cho cô ấy cũng giúp tôi kiếm tiền kha khá.

Dù vậy, làm việc với Squirrelling Industries khoảng một năm thì tôi thấy tôi phải hoạch định cho tương lai của mình. Ngày càng khó bỏ qua những chứng chỉ chuyên ngành cho lĩnh vực CNTT. Hầu hết các lời rao tuyển dụng và hợp đồng cho những việc cấp cao hơn đều bắt đầu yêu cầu ứng viên phải được chính thức công nhận bởi các công ty công nghệ lớn như IBM và Cisco trong việc sử dụng và bảo trì các sản phẩm của họ. Ít nhất, đó là ý chính của một quảng cáo trên radio mà tôi vẫn nghe phát đi phát lại. Một hôm, khi tôi đi làm về sau khi nghe mẩu quảng cáo ấy hẳn phải đến cả trăm lần, tôi thấy mình đã quay số 1-800 và đăng ký khóa học lấy chứng chỉ Microsoft đang được dạy ở học viện Computer Career Institute thuộc Đại học Johns Hopkins. Toàn bộ hoạt động này, từ học phí cao tới mức đáng ngại đến địa điểm học là một "trường vệ tinh", thay vì tại trường đại học chính, đều phảng phất mùi lừa đảo, nhưng tôi bất cần. Đây là một áp-phe giao dịch trắng trợn - cho phép Microsoft đánh thuế vào nhu cầu đang tăng ào ạt của người làm CNTT, còn đám quản lý nhân sự thì giả vờ như một mảnh giấy đắt tiền có thể giúp phân biệt được dân chuyên nghiệp thứ thiệt với bọn bất tài bịp bợm, và những kẻ vô danh như tôi sẽ ghi câu thần chú "John Hopkins" vào lý lịch của mình rồi nhảy lên hàng đầu đường dây tuyển dụng.

Ngành công nghệ này vừa phát minh ra cái kiểu chứng nhận đó thì các loại chứng chỉ như thế đã nhanh chóng trở thành một thứ tiêu chuẩn công nghệ. "Chứng chỉ A+" có nghĩa là bạn có thể bảo trì và sửa chữa máy tính. "Chứng chỉ Net+" có nghĩa là bạn có thể xử lý một số việc kết nối mạng cơ bản. Nhưng những chứng nhận này chỉ là những cách để trở thành người làm việc trong bộ phận hỗ trợ khách hàng thôi. Những mảnh giấy đắt giá nhất đều được tập hợp dưới cái tên chung là loạt chứng chỉ chuyên môn của Microsoft *(Microsoft Certified Professional)*. Có chứng chỉ chuyên môn MCP sơ cấp; có chứng chỉ quản trị hệ thống MCSA *(Microsoft Certified Systems Administrator)* trình độ cao hơn, và tấm giấy chứng nhận uy tín kỹ thuật cao nhất là kỹ sư hệ thống MCSE *(Microsoft Certified Systems Engineer)*. Đây là lá bùa hộ mệnh, là tấm giấy đảm bảo chuyện

kiếm cơm. Ở mức thấp nhất của cấp thấp, mức lương khởi điểm của một người có chứng chỉ MCSE là 40.000 đô-la một năm, một khoản tiền mà - vào đầu thiên niên kỷ mới và ở tuổi mười bảy - tôi thấy ngạc nhiên kinh khủng. Nhưng tại sao không? Cổ phiếu Microsoft lúc ấy đang giao dịch với giá trên 100 đô-la, và Bill Gates vừa được mệnh danh là người giàu nhất thế giới.

Về chuyên môn kỹ thuật, chứng chỉ MCSE không phải là thứ dễ có nhất, nhưng nó cũng không đòi hỏi những gì mà hầu hết các hacker tự trọng phải coi đó là thiên tài kiệt xuất. Về thời gian và tiền bạc, muốn đeo đuổi chứng chỉ này phải tốn kém không ít. Tôi đã phải qua bảy kỳ thi riêng biệt, mỗi lần thi tốn 150 đô-la, và phải đóng khoảng 18.000 đô-la tiền học phí cho Hopkins cho toàn bộ hệ thống các lớp dự bị, những lớp mà - đúng như chờ đợi - tôi đã bỏ ngang, và chọn cách dự thi lấy chứng chỉ luôn sau khi tôi đã chán ngấy chuyện theo học. Rủi thay, trường Hopkins lại không hoàn trả học phí cho tôi.

Với các thời hạn thanh toán khoản vay học phí của tôi đang kéo đến, tôi bây giờ đã có một lý do thực tế hơn để dành thời gian cho Mae: tiền. Tôi xin cô ấy cho tôi thêm giờ làm. Mae đồng ý và yêu cầu tôi bắt đầu làm vào 9 giờ sáng. Đó là một giờ cực kỳ sớm, đặc biệt là đối với một người làm việc tự do, đó là lý do tôi lái xe nhanh vì trễ giờ vào một sáng thứ Ba.

Tôi đang nhấn ga trên đường Route 32 dưới bầu trời xanh màu Microsoft, cố gắng không dính vào bất kỳ bẫy tốc độ nào. Với chút may mắn, tôi sẽ đến được nhà Mae vào khoảng 9 giờ 30, và - với cửa sổ quay kính xuống và một bàn tay thò ra ngoài hứng gió - tôi tưởng chừng hôm nay là một ngày may mắn. Tôi đã vặn radio mở to chương trình ý kiến thính giả và đang chờ đợi nghe tin thời sự trong lúc rời khỏi dòng xe cộ.

Ngay lúc tôi sắp rẽ sang đường tắt Canine Road để vào Fort Meade thì tôi nghe đài phát bản tin cập nhật về một vụ tai nạn máy bay ở thành phố New York.

Mae ra mở cửa và tôi đi theo lên cầu thang, từ lối vào tối lờ mờ đến văn phòng chật chội bên cạnh phòng ngủ của cô. Chẳng có đồ đạc gì nhiều: chỉ có hai cái bàn làm việc của chúng tôi đặt cạnh nhau, một bản vẽ để cô sáng tác, và một cái lồng cho những con sóc của cô. Mặc dù tôi hơi rối trí vì bản tin vừa nghe, chúng tôi còn công việc phải làm. Tôi buộc mình phải tập trung vào trách nhiệm trước mắt. Tôi còn đang mở các tập tin dự án trong một trình soạn thảo văn bản đơn giản - chúng tôi thời đó còn lập trình web bằng tay - thì điện thoại reo.

Mae cầm máy. "Cái gì? Thật sao?"

Do chúng tôi đang ngồi rất gần nhau, tôi có thể nghe được tiếng nói của chồng cô. Và anh ta đang hét lên.

Sắc mặt Mae chuyển sang hoảng hốt, và cô mở một trang web tin tức trên máy tính. Chiếc TV duy nhất trong nhà lại ở tầng dưới. Tôi cũng đang đọc tường thuật trên mạng về chiếc máy bay đâm vào một trong hai tòa tháp đôi của World Trade Center, thì nghe Mae nói, "Rồi. Ôi. Được rồi" và gác máy.

Cô quay sang tôi. "Một chiếc máy bay thứ hai vừa đâm vào tháp kia".

Cho đến lúc đó, tôi vẫn tưởng rằng đó là một tai nạn.

Mae nói, "Norm nghĩ là họ sẽ đóng cửa căn cứ này".

"Sao, đóng cửa?" tôi nói. "Thật chứ?" Tôi vẫn chưa hình dung được mức độ của những gì vừa xảy ra. Tôi đang suy nghĩ về việc đi lại của mình.

"Norm nói cậu nên về nhà. Anh ấy không muốn cậu bị mắc kẹt lại".

Tôi thở dài, và lưu lại công việc chưa kịp bắt đầu. Ngay lúc tôi đứng dậy ra về, điện thoại lại reo, và lần này cuộc trò chuyện còn ngắn hơn nữa. Mae tái nhợt.

"Thật không thể tin nổi".

Hỗn loạn, lộn xộn: những hình thức kinh hoàng cổ xưa nhất của chúng ta. Cả hai từ đều nói đến sự sụp đổ của trật tự và sự hoảng loạn ào ra lấp đầy khoảng trống. Chừng nào còn sống thì tôi vẫn còn nhớ mãi cảnh mình tìm đường thối lui ngược lên Canine Road - con đường đi qua sở chỉ huy NSA - sau khi Lầu năm góc bị tấn công. Sự điên loạn tràn ra từ những tòa nhà cao bọc kính đen của cơ quan này, một dòng thác người la hét, điện thoại di động reo vang, và những chiếc ô-tô rồ máy trong bãi đậu xe rồi tranh nhau phóng ra đường. Vào thời điểm xảy ra vụ khủng bố tồi tệ nhất lịch sử Hoa Kỳ, các nhân viên của cơ quan tình báo truyền tin chính yếu của cộng đồng IC Mỹ (NSA) đã bỏ việc cả hàng ngàn người và tôi bị cuốn vào cơn lũ ấy.

Giám đốc NSA Michael Hayden đã ra lệnh di tản khi gần như cả nước này còn chưa biết chuyện gì xảy ra. Sau này, NSA và CIA - cũng đã cho tất cả di tản khỏi sở chỉ huy của họ vào ngày 11/9 ngoại trừ một nhóm thiết yếu - lại hay giải thích hành vi của họ bằng cách viện dẫn một mối lo ngại rằng một trong hai cơ quan này có tiềm năng, có khả năng, có thể sẽ là mục tiêu của chiếc máy bay thứ tư và cũng là cuối cùng bị cướp, Chuyến bay 93 của United Airlines, thay vì nói là Nhà Trắng hoặc Tòa nhà Quốc hội Hoa Kỳ.

Chắc chắn là tôi không hề nghĩ đến những mục tiêu khả dĩ tiếp theo trong lúc tôi nhích từng chút qua rừng xe kẹt, khi ai ai cũng đồng loạt cố lấy xe của mình trong cùng một bãi đậu xe. Tôi đã không nghĩ về điều gì cả. Điều tôi làm vào lúc đó - thời điểm mà bây giờ tôi nhớ lại như một khoảnh khắc cô đúc lại - là ngoan ngoãn đi theo những tràng còi xe náo loạn (tôi không nghĩ là mình đã từng nghe thấy tiếng còi xe trong một cơ sở quân sự Mỹ), rồi những chiếc máy radio lệch pha rú lên tin tức về tòa tháp phía nam của World Trade Center đã sụp đổ trong lúc những người lái xe vừa dùng hai đầu gối điều khiển vô-lăng vừa quýnh quáng bấm vào phím quay số lại trên điện thoại của họ. Bây giờ tôi vẫn còn cảm nhận rõ điều đó - sự trống rỗng hiện hữu mỗi khi cuộc gọi của tôi bị rớt sóng do mạng di động quá tải, và dần dần nhận ra rằng, khi bị cắt lìa khỏi thế giới này và sa vào cảnh kẹt xe chen chúc chật cứng, thì cho dù tôi đang cầm tay lái, tôi cũng chỉ là một khách đi nhờ.

Những ngọn đèn tín hiệu trên đường Canine Road nhường chỗ cho con người, lực lượng cảnh sát đặc biệt của NSA, đứng ra điều khiển giao thông. Trong những giờ, những ngày và những tuần kế tiếp, họ sẽ được tăng cường bằng những đoàn xe Humvees trên nóc gắn súng máy, bảo vệ những rào chắn và chốt gác mới. Trong số những biện pháp an ninh mới này, nhiều biện pháp đã trở thành vĩnh viễn, được bổ sung thêm bằng vô vàn cuộn dây thép gai và camera giám sát lắp đặt ào ạt. Với mọi cách bảo vệ như thế, việc tôi quay lại căn cứ này và lái xe ngang qua NSA càng lúc càng khó khăn - cho đến ngày tôi được tuyển vào làm ở đó.

Những thứ trang sức như thế của cái gọi là Cuộc chiến chống khủng bố không phải là lý do duy nhất khiến tôi từ bỏ Mae sau ngày 11/9, nhưng chắc chắn là chúng có một vai trò nhất định. Những biến cố ngày hôm đó đã khiến cô bàng hoàng. Theo thời gian, chúng tôi ngừng làm việc chung và dần dần xa cách. Thỉnh thoảng tôi có nói chuyện với Mae, chỉ để thấy rằng cảm xúc của mình đã thay đổi và bản thân tôi cũng thay đổi. Đến khi cô bỏ Norm và chuyển đến California thì cô đã giống như một người xa lạ với tôi. Ngay cả cô cũng hết sức bất bình với cuộc chiến này.

$_0O_0$

8
12 tháng Chín

HÃY THỬ NHỚ sự kiện gia đình lớn nhất mà bạn đã từng tham gia – có lẽ là một cuộc đoàn tụ gia đình. Có bao nhiêu người ở đó? Có lẽ 30, 50? Dù tất cả họ cùng hợp thành gia đình bạn, có khả năng là bạn không thực sự có cơ hội để biết từng thành viên một. Nhà nhân chủng học Robin Dunbar của Anh đã đưa ra một con số ước tính nổi tiếng, gọi là số Dunbar, về số lượng mối quan hệ mà ta có thể duy trì một cách có ý nghĩa trong cuộc sống; con số đó chỉ là 150. Bây giờ hãy nhớ lại thời đi học. Có bao nhiêu người trong lớp của bạn ở tiểu học, và ở trung học? Bao nhiêu người trong số đó là bạn hữu, và bao nhiêu người khác mà bạn chỉ biết là người quen, và bao nhiêu người khác nữa mà bạn chỉ còn nhớ mặt? Nếu bạn đi học ở Mỹ, cứ tạm cho con số đó là một ngàn. Chắc chắn là con số này sẽ kéo giãn ranh giới của điều mà bạn có thể nói là tất cả "người thân quen của ta" nhưng có khả năng là bạn vẫn cảm thấy có sự gắn bó với họ.

Gần ba ngàn người đã chết vào ngày 11/9. Hãy tưởng tượng mọi người bạn yêu thương, mọi người bạn quen biết, thậm chí là mọi người có một cái tên quen thuộc hoặc chỉ là một khuôn mặt quen thuộc - và hãy tưởng tượng họ đã biến mất. Hãy tưởng tượng những ngôi nhà hoang vắng. Hãy tưởng tượng ngôi trường trống vắng, những lớp học trống vắng. Tất cả những người bạn từng sống cùng, và những người đã cùng hợp thành giằng mối cuộc sống hằng ngày của bạn, hoàn toàn không còn tồn tại nữa. Những biến cố của ngày 11/9 đã để lại nhiều lỗ hổng. Lỗ hổng trong gia đình, lỗ hổng trong cộng đồng. Lỗ hổng trên mặt đất.

Bây giờ, hãy nghĩ tới điều này: hơn một triệu người đã thiệt mạng trong quá trình phản ứng của Mỹ.

Hai thập niên kể từ ngày 11/9 ấy là một chuỗi dài phá hoại của nước Mỹ bằng cách tự hủy hoại nước Mỹ, với việc ban hành các chính sách bí mật, luật lệ bí mật, tòa án bí mật và các cuộc chiến bí mật, mà ảnh hưởng tai hại của việc này - ngay chính sự tồn tại của việc này - thì chính phủ Hoa Kỳ lại không ngừng xếp loại bí mật, không ngừng phủ nhận, chối bỏ, và xuyên tạc. Sau khi trải qua khoảng một nửa thời gian đó làm nhân viên của Cộng đồng tình báo Hoa Kỳ và khoảng nửa thời gian còn lại sống lưu vong, tôi biết rõ hơn hầu hết mọi người rằng các cơ quan này thường xuyên phạm sai lầm như thế nào. Tôi cũng biết việc thu thập và phân tích thông tin tình báo có thể định hình việc sản xuất thông tin đánh lạc hướng và thông tin

tuyên truyền như thế nào, và Mỹ thường xuyên sử dụng những biện pháp đó để chống lại cả đồng minh lẫn kẻ thù - và có lúc chống lại chính công dân của mình. Nhưng dù biết thế, tôi vẫn khó mà chấp nhận được ngay chính quy mô và tốc độ của sự thay đổi này. Từ một nước Mỹ vốn cố gắng tự khẳng định bằng sự tôn trọng có cân nhắc và có biểu hiện trước những bất đồng quan điểm, bây giờ lại thành một nhà nước tăng cường an ninh với lực lượng cảnh sát được quân sự hóa đòi hỏi sự tuân thủ, vừa rút súng vừa ban hành cái mệnh lệnh phải hoàn toàn phục tùng đang vang lên ở mọi thành phố: "Không được chống cự".

Đây là lý do mỗi lần tôi cố thấu hiểu những gì xảy ra trong hai thập niên qua thì tôi lại nhớ về tháng Chín ấy - nhớ cái ngày xuất phát điểm ấy và hậu quả tức thì của nó. Nhớ lại mùa thu ấy tức là đối mặt với một sự thật đen tối hơn những lời dối trá đã liên kết Taliban với al-Qaeda và vẽ vời ra kho vũ khí hủy diệt hàng loạt không có thật của Saddam Hussein. Rốt cuộc, điều đó có nghĩa là đương đầu với thực tế là cuộc tàn sát này và những chuyện lộng hành đánh dấu tuổi thành niên của tôi không chỉ được sinh ra trong cơ quan hành pháp và tình báo, mà còn trong tâm tư của mọi người Mỹ, kể cả tôi.

Tôi nhớ lại cảnh mình đang cố thoát khỏi đám đông nhân viên gián điệp hoảng loạn chen nhau chạy trốn khỏi Fort Meade ngay khi tòa tháp phía bắc của World Trade Center sụp đổ. Khi đã ra được xa lộ, tôi cố gắng một tay lái xe, một tay nhấn phím điện thoại, gọi bừa cho bất kỳ người nhà nào nhưng không sao kết nối được. Cuối cùng tôi cũng liên lạc được với má tôi, vào giai đoạn này bà đã thôi làm việc ở NSA và đang làm thư ký cho các tòa án liên bang ở Baltimore. Những nơi này, ít ra, cũng không di tản.

Giọng nói của má làm tôi sợ, và đột nhiên điều duy nhất quan trọng trên đời này đối với tôi là trấn an bà.

"Con không sao. Con đã ra khỏi căn cứ", tôi nói. "Nhà mình không có ai ở New York phải không?"

"Má không biết... Má không biết. Má chưa liên lạc được với bà ngoại".

"Pop đang ở Washington thì phải?"

"Có thể ông ngoại đang ở trong Lầu năm góc, má chỉ biết thế".

Nghe thế tôi muốn tắt thở luôn. Đến năm 2001 thì Pop - ông ngoại tôi - đã thôi làm việc ở Lực lượng Tuần duyên và hiện là một viên chức cấp cao của FBI, một trong những người đứng đầu bộ phận hàng không ở đây. Như vậy có nghĩa là ông dành nhiều thời gian trong nhiều tòa nhà cơ quan liên bang trên khắp thủ đô và vùng phụ cận.

Tôi chưa kịp nghĩ ra lời trấn an nào thì má tôi nói. "Có ai gọi ở đường dây kia. Có thể là bà ngoại. Má gác máy đây".

Khi má không gọi lại, tôi đã liên tục bấm số máy của bà nhưng không thể kết nối, tôi đành về nhà chờ đợi, ngồi trước chiếc TV mở to oang oang trong lúc tôi liên tục cập nhật các mạng tin tức. Chiếc modem mới dùng đường cáp truyền hình ở nhà đã nhanh chóng chứng tỏ khả năng phục hồi tốt hơn mọi vệ tinh viễn thông và tháp phát sóng đang nghẽn mạch trên cả nước.

Má tôi lái xe từ Baltimore về nhà; chuyến xe ì ạch giữa dòng giao thông hoảng loạn. Bà về đến nhà trong nước mắt, nhưng chúng tôi ở trong số những người may mắn. Pop vẫn an toàn.

Khi chúng tôi gặp lại ông bà ngoại sau đó, có rất nhiều chuyện để nói - những dự định Giáng sinh, những dự định năm mới - nhưng không hề thấy ai nhắc tới Lầu năm góc và hai tòa tháp World Trade Center.

Ngược lại, ba tôi lại kể với tôi một cách sống động về ngày 11/9 của ông. Ba đang ở Sở chỉ huy Tuần duyên khi tòa tháp đôi bị tấn công, thế là ba cùng ba sĩ quan đồng sự rời khỏi văn phòng trong Cục điều hành Tác chiến để tìm một phòng họp có màn hình để họ có thể xem tường thuật tin tức. Một sĩ quan trẻ chạy xuống sảnh, đi ngang qua họ và nói, "Chúng vừa oanh tạc Lầu năm góc". Thấy vẻ mặt không tin của họ, viên sĩ quan trẻ lặp lại, "Tôi nói nghiêm túc... Chúng vừa oanh tạc Lầu năm góc". Ba tôi hấp tấp chạy tới khung cửa sổ dài bằng cả bức tường cho phép nhìn thấu tận bên kia sông Potomac, và khoảng hai phần năm tòa nhà Lầu năm góc đang bốc lên cuồn cuộn những đám khói đen dày đặc.

Ba càng kể nhiều về hồi ức này thì tôi càng tò mò với câu: "Chúng vừa oanh tạc Lầu năm góc". Mỗi lần ông kể tới đó, tôi nhớ là mình đã ngẫm nghĩ, "Chúng?" Ai là "chúng"?

Nước Mỹ lập tức phân chia thế giới thành "Ta" và "Chúng", và mọi người hoặc là theo "Ta" hoặc là chống lại "Ta", như tổng thống Bush đã nói một cách đáng ghi nhớ khi những đống đổ nát vẫn còn âm ỉ cháy. Dân chúng trong khu phố tôi treo những lá cờ Mỹ mới tinh, như thể cho thấy họ chọn phe nào. Mọi người tích trữ những chiếc cốc giấy Dixie màu đỏ, trắng và xanh rồi nhét chúng qua mọi hàng rào lưới mắt cáo trên mọi cầu vượt của mọi xa lộ từ nhà má tôi đến nhà ba tôi, để sắp thành chữ những câu như ĐOÀN KẾT LÀ SỨC MẠNH và HỢP LỰC MÃI KHÔNG QUÊN.

Thỉnh thoảng tôi có đến một trường tập bắn và bây giờ bên cạnh những tấm bia cũ, những bảng hồng tâm và hình bóng đen phẳng dẹp, là hình nộm của những người quấn khăn kiểu Ả Rập. Những khẩu súng mòn mỏi chờ đợi bao năm sau lớp kính bụi bặm của tủ trưng bày giờ được đánh dấu ĐÃ BÁN. Người Mỹ cũng xếp hàng để mua điện thoại di động, hy vọng sẽ được báo trước về cuộc tấn công kế tiếp, hoặc ít ra có thể nói lời vĩnh biệt từ trên một chuyến bay bị không tặc chiếm đoạt.

Gần một trăm ngàn nhân viên gián điệp quay lại các cơ quan làm việc với ý thức rằng họ đã thất bại trong công việc chính yếu của mình, đó là bảo vệ nước Mỹ. Hãy nghĩ đến cảm giác tội lỗi mà họ đang chịu đựng. Họ có cùng một nỗi tức giận như bao người, nhưng họ cũng cảm thấy có tội. Việc đánh giá những sai lầm của họ có thể để sau. Điều quan trọng nhất ngay lúc này là họ phải tự chuộc lỗi. Trong khi đó, các lãnh đạo của họ lại đang bận rộn vận động xin những nguồn ngân sách đặc biệt và quyền hạn đặc biệt, tận dụng hiểm họa khủng bố này để bành trướng khả năng và chức trách ngoài sức tưởng tượng, không chỉ của công chúng mà của cả những người đóng dấu phê duyệt.

Ngày 12 tháng Chín là ngày đầu tiên của một kỷ nguyên mới, mà nước Mỹ đối mặt với một quyết tâm thống nhất, được củng cố bởi ý thức yêu nước mới hồi sinh và thiện chí cùng lòng cảm thông của thế giới. Giờ nhìn lại, đất nước tôi lẽ ra có thể làm được rất nhiều điều với cơ hội này. Nước Mỹ lẽ ra đừng xem khủng bố là một hiện tượng thần học giả định, mà là một tội ác đích thực. Nước Mỹ lẽ ra phải sử dụng khoảnh khắc đoàn kết hiếm hoi này để củng cố các giá trị dân chủ và nuôi dưỡng khả năng phục hồi trong một Cộng đồng toàn cầu hiện đang liên kết.

Thay vào đó, nước Mỹ gây chiến.

Điều hối tiếc lớn nhất đời tôi là đã ủng hộ quyết định đó một cách mù quáng theo phản xạ. Tôi đã phẫn nộ, phải, nhưng đó chỉ là khởi đầu của một quá trình trong đó cảm xúc đã triệt tiêu những suy xét lý trí. Tôi đã chấp nhận mọi luận điệu được giới truyền thông rao bán như là sự thật, và tôi lặp đi lặp lại những điều đó như thể đang được trả tiền để làm công việc đó. Tôi muốn làm người giải phóng. Tôi muốn giải thoát những người bị áp bức. Tôi ôm ghì lấy cái sự thật được dựng lên vì lợi ích của nhà nước, mà trong lúc bức xúc tôi đã nhầm lẫn với lợi ích của đất nước. Cứ như mọi chính kiến cá nhân nào tôi đã từng có đều bị sụp đổ - tinh thần chống lại định chế của hacker mà tôi tiếp thu trên mạng, và lòng yêu nước phi chính trị mà tôi được thừa hưởng từ ba má, cả hai đều bị xóa khỏi hệ thống của tôi - và tôi đã được khởi động lại thành một một phương tiện báo thù tự

nguyện. Điều đau đớn nhất của nỗi nhục này chính là việc phải thừa nhận rằng sự biến đổi đó thật dễ dàng biết bao, và tôi đã chào đón nó thật hăng hái biết bao.

Tôi nghĩ là tôi muốn tham gia vào một cái gì đó. Trước biến cố 11/9, tôi đã phân vân về việc nhập ngũ vì thấy điều này có vẻ vô nghĩa, hoặc đúng là nhàm chán. Những người tôi biết từng nhập ngũ đều tòng quân trong trật tự thế giới sau Chiến tranh Lạnh, từ lúc sụp đổ của Bức tường Berlin cho tới các cuộc tấn công năm 2001. Trong khoảng thời gian đó, trùng hợp với tuổi trẻ của tôi, nước Mỹ không có kẻ thù. Đất nước mà tôi lớn lên là siêu cường toàn cầu duy nhất, và mọi thứ dường như đều thịnh vượng và ổn định rồi - ít ra là đối với tôi, hoặc những người như tôi. Không còn biên cương mới nào để chinh phục hay các vấn đề dân sự lớn lao nào để giải quyết, ngoại trừ những vấn đề trên mạng. Các cuộc tấn công ngày 11/9 đã thay đổi tất cả. Rốt cuộc, bây giờ đã có một cuộc chiến.

Nhưng các lựa chọn của tôi đều khiến tôi nản lòng. Tôi tưởng là tôi có thể phục vụ đất nước tốt nhất khi ngồi trước thiết bị đầu cuối của một hệ thống mạng, nhưng một công việc CNTT bình thường lại có vẻ quá thoải mái và an toàn trong thế giới mới đầy xung đột bất cân xứng này. Tôi mong là mình có thể làm chuyện gì đó như trong phim hoặc trên TV - những màn "hacker đấu hacker" với hàng hàng máy chủ nháy đèn cảnh báo virus, theo dõi kẻ thù và chặn đứng mọi mưu đồ. Thật không may cho tôi, các cơ quan chính yếu làm công việc đó - NSA, CIA - có yêu cầu tuyển dụng đã quy định rõ từ nửa thế kỷ trước và thường cứng nhắc đòi người ứng tuyển phải có bằng đại học theo truyền thống, tức là cho dù ngành công nghệ xem các tín chỉ cao đẳng AACC của tôi và các chứng chỉ kỹ thuật hệ thống mạng MCSE là chấp nhận được, chính phủ lại không chịu. Tuy nhiên, càng đọc nhiều trên mạng, tôi càng nhận ra thế giới sau ngày 11/9 là một thế giới ngoại lệ. Các cơ quan đã hình thành rất nhiều và rất nhanh, đặc biệt là về mặt kỹ thuật, tới mức những nơi này có khi miễn trừ yêu cầu bằng cấp cho cựu quân nhân. Đó là lúc tôi quyết định nhập ngũ.

Bạn có thể nghĩ rằng quyết định của tôi là hợp lý, hoặc là đương nhiên, xét theo lai lịch quân đội của gia đình tôi. Nhưng nó không hợp lý và không đương nhiên. Với việc nhập ngũ, tôi đã nổi loạn chống lại cả cái di sản lâu đời lẫn việc tôi tiếp nối di sản đó - bởi vì sau khi nói chuyện với những người tuyển quân từ mọi binh chủng, tôi quyết định gia nhập lục quân, cái tổ chức có những lãnh đạo mà một số người trong gia đình Lực lượng Tuần duyên của tôi luôn coi là những kẻ điên rồ của quân đội Hoa Kỳ.

Khi tôi báo với má, bà khóc mấy ngày liền. Tôi biết tốt nhất là đừng cho ba tôi hay, ông đã nói dứt khoát trong những lần đưa giả thuyết ra bàn luận là tôi đi lính thì chỉ lãng phí tài năng kỹ thuật của tôi mà thôi. Tôi hai mươi tuổi; tôi biết mình đang làm gì.

Ngày tôi đi, tôi viết cho ba tôi một lá thư - thư viết tay, chứ không đánh máy - giải thích quyết định của tôi, và luồn dưới khe cửa căn hộ của ông. Thư kết thúc bằng một câu mà tới giờ vẫn khiến tôi mắc cỡ. "Con rất tiếc, thưa ba", tôi đã viết, "nhưng đây là điều tối cần thiết cho sự phát triển bản thân con".

$_0O_0$

9
Quân trường

TÔI NHẬP NGŨ, nói như khẩu hiệu nhà binh, để được trọn vẹn là mình, và cũng vì lục quân không phải là Tuần duyên. Cũng thuận lợi khi tôi đạt điểm khá cao trong các bài thi đầu vào để xét điều kiện được hưởng cơ hội sau khi hoàn thành huấn luyện: trở thành trung sĩ Lực lượng Đặc biệt, theo con đường mà những người tuyển quân gọi là chương trình 18 X-Ray, vốn được thiết kế để bổ sung hàng ngũ cho những đơn vị cơ động nhỏ đang chiến đấu cam go nhất trong các cuộc chiến ngày càng mờ ám và khác biệt của nước Mỹ. Chương trình 18 X-Ray là một khích lệ đáng kể, bởi vì theo truyền thống trước ngày 11/9, tôi sẽ phải tại ngũ rồi mới có cơ may tham dự các khóa học chuyên môn hết sức khắt khe của Lực lượng Đặc biệt. Cơ chế mới hoạt động bằng cách sàng lọc trước các binh sĩ tương lai, xác định ai có trình độ cao nhất về thể lực, trí tuệ, và khả năng học ngôn ngữ - những người có thể đạt yêu cầu - và dùng các điều kiện khích lệ về huấn luyện đặc biệt và thăng cấp nhanh chóng để tuyển mộ những ứng viên triển vọng mà có khả năng sẽ đầu quân nơi khác. Tôi phải bỏ ra vài tháng tập chạy bộ đến lả người để chuẩn bị - tôi có sức khỏe rất tốt nhưng luôn ghét chạy bộ - thì người tuyển quân mới gọi tới báo rằng giấy tờ của tôi đã được duyệt: Tôi được nhận rồi, tôi đã thành công. Tôi là ứng viên đầu tiên mà ông ta từng đăng ký cho chương trình này, và tôi có thể nghe thấy niềm tự hào và vui mừng trong giọng nói ông ta khi ông bảo tôi là xong giai đoạn huấn luyện, rất có thể tôi sẽ được mang lon trung sĩ Truyền tin, Kỹ thuật hoặc Tình báo của Lực lượng Đặc biệt.

Rất có thể.

Nhưng trước tiên, tôi phải trải qua khóa huấn luyện cơ bản ở Fort Benning, bang Georgia.

Xe buýt, máy bay rồi lại xe buýt, tôi luôn ngồi cạnh một anh chàng suốt hành trình từ Maryland xuống Georgia. Anh ta to con như voi, một lực sĩ kềnh càng phải nặng hơn trăm ký là ít. Anh ta nói không ngừng, hết mô tả cách anh ta sẽ tát vào mặt sĩ quan huấn luyện nếu tay sĩ quan này dám chửi rủa anh, lại chuyển sang giới thiệu các chế độ dùng thuốc steroid mà tôi nên theo để tăng cường cơ bắp hữu hiệu nhất. Tôi chắc là anh ta đã nói liên tu bất tận cho đến khi chúng tôi đến khu huấn luyện Sand Hill ở Fort Benning - giờ nhớ lại tôi mới nhận ra khu này tên là Sand Hill (đồi cát) nhưng thực tế chẳng có nhiều cát đến mức đó.

Các sĩ quan huấn luyện đón chúng tôi bằng một cơn giận dữ phủ đầu và đặt cho chúng tôi những biệt danh dựa trên những vi phạm đầu tiên và những lỗi lầm nghiêm trọng, như bước xuống xe buýt mà mặc áo hoa hòe sặc sỡ, hay là có cái tên có thể sửa đổi chút ít thành một cái gì đó buồn cười hơn. Chẳng mấy chốc, tôi đã là Snowflake còn anh bạn chung ghế của tôi trở thành Daisy và anh ta chỉ còn biết tức tối nghiến răng chịu đựng - không ai dám siết chặt nắm đấm cả.

Khi các sĩ quan huấn luyện thấy Daisy và tôi đã quen nhau rồi, và tôi là đứa nhẹ cân nhất trong trung đội, cao 1,7 mét và nặng 56 kg, còn anh ta nặng cân nhất, họ quyết định tự giải trí bằng cách ghép cặp chúng tôi với nhau càng nhiều càng tốt. Tôi vẫn còn nhớ bài huấn luyện khiêng đồng đội, một bài tập mà bạn phải cõng một đồng đội coi như là bị thương vượt qua một quãng đường dài bằng một sân bóng bằng cách dùng một số phương pháp khác nhau như "kéo cổ", "lính cứu hỏa" và nhất là cách "bồng cô dâu" rất hài hước. Khi tôi phải cõng Daisy thì bạn không thấy tôi đâu bên dưới tấm thân kềnh càng của anh. Trông cứ như Daisy đang lơ lửng, mặc dù tôi ở bên dưới đang toát mồ hôi và nguyền rủa, căng người cố hất cái mông khổng lồ của anh ta sang phía bên kia vạch đích trước khi tôi gục ngã. Daisy sau đó thường bật cười đứng dậy, nhấc bổng tôi lên quấn quanh cổ anh như chiếc khăn ướt, rồi nhảy lon ton đi tới chẳng khác gì đứa trẻ lò cò trong rừng.

Người chúng tôi luôn bẩn thỉu và ê ẩm, nhưng sau vài tuần tôi đã có sức khỏe tốt nhất chưa từng thấy. Vóc người nhẹ cân của tôi, ban đầu có vẻ là một tai họa, đã sớm trở thành lợi thế, bởi phần lớn những gì chúng tôi tập luyện là những bài tập trọng lượng cơ thể. Daisy không thể leo dây thừng, trong khi tôi leo thoăn thoắt như con sóc chuột. Anh ta vất vả cố kéo tấm thân kinh khủng của mình lên trên xà ngang cho đủ số lần hít xà đơn tối thiểu, trong khi tôi có thể làm gấp đôi số lần ấy chỉ bằng một cánh tay. Anh ta ráng hít đất chừng năm cái là đổ mồ hôi, trong khi tôi có thể vừa hít đất vừa vỗ tay, hoặc chỉ chống bằng một ngón cái. Khi chúng tôi làm các bài kiểm tra hít đất trong hai phút, họ phải ngăn tôi lại sớm vì đã đạt điểm tối đa.

Đi bất kỳ đâu, chúng tôi cũng phải đi theo kiểu duyệt binh - hoặc là chạy. Chúng tôi chạy liên tục. Hàng dặm trước khi ăn, hàng dặm sau khi ăn, xuống những con đường và cánh đồng và quanh đường tập chạy, trong lúc sĩ quan huấn luyện ê a hò dô giữ nhịp:

Ta đến sa mạc
tràn lan khủng bố

dao ta rút ra
súng ta rút ra

Trái, phải, trái, phải - giết giết giết!
Lộn xộn với ta là mi sẽ biết!

Ta vào hang động
sào huyệt khủng bố
lựu đạn rút ra
ta ném vào trong.

Trái, phải, trái, phải - giết giết giết!
Lộn xộn với ta là mi sẽ biết!

$_0O_0$

Vừa chạy theo đội hình đơn vị, vừa hò dô giữ nhịp - một công việc ru ngủ ta, đẩy ta ra khỏi bản thân, lấp đầy tai bằng tiếng hò hét của hàng chục người hòa theo tiếng hét của chính mình và buộc mắt ta phải dán chặt vào bước chân của người chạy phía trước. Sau một thời gian ta sẽ không suy nghĩ nữa, ta chỉ đếm bước, và tâm trí ta hòa tan vào đội ngũ trong lúc chạy đều dặm này sang dặm khác. Tôi có thể nói đó là một cảm giác thanh thản nếu như nó không quá u mê. Tôi có thể nói là tôi bình an nếu như tôi không quá mệt. Đó chính là điều quân đội muốn. Tay sĩ quan huấn luyện không bị ăn đấm không phải vì chúng tôi sợ hãi mà vì chúng tôi kiệt sức: không đáng mất công với ông ta. Quân đội tạo ra các chiến sĩ của mình bằng cách trước tiên phải rèn cho họ ý chí phản kháng cho đến khi họ đuối sức chẳng màng gì nữa, hay chỉ còn biết tuân lệnh.

Chỉ có buổi tối trong doanh trại thì chúng tôi mới có được chút thời gian nghỉ ngơi, mà muốn nghỉ ngơi thì phải đứng trước mấy dãy giường tầng, đọc to thuộc lòng lời thề chiến sĩ, rồi hát quốc ca xong mới được yên. Daisy lúc nào cũng quên lời ca. Thêm nữa, anh ta hát cứ ngang phè.

Vài anh chàng hay thức khuya tán chuyện họ sẽ làm gì với Osama bin Laden khi bắt được hắn, và anh nào cũng chắc chắn là sẽ tìm ra hắn. Hầu hết tưởng tượng của họ chỉ toàn là việc chặt đầu, thiến hoặc những con lạc đà động cỡn. Trong khi đó, tôi hay mơ tưởng chuyện chạy, không phải chạy qua cảnh vật Georgia đất mùn tươi tốt và mà là qua sa mạc.

Một lúc nào đó trong tuần thứ ba hoặc thứ tư, chúng tôi phải đi tập hành quân địa thám, tức là khi trung đội của bạn đi vào những khu rừng và những con đường trắc trở trên địa hình phức tạp để xác định trước các toạ độ, trèo qua những tảng đá lớn và lội qua suối, chỉ với một tấm bản đồ và một la bàn - không hề có GPS, không có công nghệ kỹ thuật số nào. Chúng tôi đã tập kiểu này nhiều lần rồi, nhưng chưa bao giờ tập với trang bị đầy đủ, buộc mỗi đứa phải lôi theo một cái ba-lô nhét khoảng hai mươi lăm cân thiết bị. Tệ hơn nữa, đôi giày Utah mà quân đội cấp cho tôi lại quá rộng đến nỗi tôi cứ như bơi trong đó tôi cảm thấy các ngón chân mình phồng rộp ngay khi mới bắt đầu chạy nhịp nhàng qua đồng trống.

Vào giữa cuộc hành quân, tôi phải đi dẫn đầu và bò lên một thân cây bị bão quật gãy vắt ngang đường mòn, cao ngang tầm ngực, để tôi có thể đo một góc phương vị kiểm tra toạ độ. Sau khi xác định là chúng tôi đang đi đúng hướng, tôi nhảy xuống. Một chân còn dang rộng, tôi nhận ra một con rắn cuộn tròn ở ngay bên dưới. Tôi nào phải nhà vạn vật học nên đâu biết rắn này thuộc loại nào, nhưng rồi tôi cũng bất cần. Những đứa trẻ lớn lên ở Bắc Carolina đều nghe nói là rắn nào cũng cắn chết người nên lúc này tôi hơi đâu mà nghi ngờ điều đó.

Thế là tôi bắt đầu cố bước trong không khí. Tôi dang rộng sải chân thêm nữa, một bước, hai bước, cố rướn người cho xa thêm, thì đột nhiên tôi nhận ra mình đang rơi. Khi chân tôi chạm đất, xa hơn con rắn một khoảng, một cơn nhói đau dội ngược lên hai chân tôi kinh khủng hơn bất kỳ vết cắn rắn độc nào tôi có thể tưởng tượng ra. Mấy bước loạng choạng để lấy lại thăng bằng đã cho tôi biết có chuyện chẳng lành. Hết sức chẳng lành. Đau tột độ nhưng tôi không thể dừng bước, vì tôi đang ở trong đoàn quân và đoàn quân đang ở giữa rừng. Tôi vận hết quyết tâm, cố quên cơn đau, và chỉ tập trung vào việc giữ đều bước - trái phải, trái, phải - dựa vào nhịp điệu để đánh lừa cảm giác.

Tôi càng đi tiếp càng thấy khó khăn, và dù tôi cố chịu đựng được đến cùng thì chỉ vì tôi không hề có lựa chọn nào khác. Tới lúc về tới doanh trại, chân tôi đã mất hết cảm giác. Ngăn giường của tôi lại ở tầng trên, và tôi không sao leo nổi. Tôi phải ghì lấy cột giường, nhấc thân mình lên như thể đang đu lên khỏi hồ bơi, rồi kéo lê nửa thân dưới theo sau.

Sáng hôm sau, tôi bị lôi khỏi giấc ngủ chập chờn bởi tiếng lẻng xẻng của chiếc thùng rác bằng sắt nào đó bị ném xuống lối đi giữa trại, kiểu đánh thức này có nghĩa là ai đó đã làm việc không đạt yêu cầu của sĩ quan huấn luyện. Tôi bật dậy như cái máy, vung mình qua mép giường và nhảy xuống

sàn. Khi tôi chạm đất thì hai chân không chống đỡ nổi. Chân tôi khuỵu xuống và tôi té nhào. Cứ như tôi không còn đôi chân nữa.

Tôi cố đứng dậy, nắm lấy ngăn giường tầng dưới để cố dùng sức đôi tay kéo thân hình lên một lần nữa, nhưng ngay khi tôi cử động tay chân, mọi cơ bắp trên cơ thể đều co thắt lại và tôi lập tức ngã quỵ.

Trong khi đó, một đám đông đã tụ tập quanh tôi, tiếng cười chuyển thành lo lắng và rồi im lặng khi sĩ quan huấn luyện đi tới. "Mày có chuyện gì thế, thằng ôn con?" ông nói. "Có đứng lên không hay là tao cho mày bẹp dí luôn dưới sàn nhà này". Khi sĩ quan huấn luyện thấy vẻ đau đớn lướt qua mặt tôi khi tôi lập tức gắng gượng một cách ngu ngốc cố làm theo mệnh lệnh này, ông ta đặt tay lên ngực tôi ngăn lại. "Daisy! Đưa thằng Snowflake này xuống băng ghế dự bị". Rồi ông ta cúi xuống gần tôi, như thể không muốn người khác nghe thấy ông tỏ ra nhẹ nhàng, rồi bực dọc nói khẽ, "Này, binh nhì, ngay khi bệnh xá mở cửa là mày phải xách đít tới đó khám ngay". Bệnh xá là nơi quân đội gửi lính bị thương đến cho đám bác sĩ chuyên môn hành hạ.

Chuyện bị thương trong quân trường là một nỗi nhục lớn, chủ yếu là vì quân đội chuyên làm cho binh lính của họ cảm thấy mình bất khả chiến bại nhưng cũng là do quân đội muốn tránh né để khỏi bị buộc tội huấn luyện sai lầm. Đây là lý do mà hầu hết mọi nạn nhân chấn thương do huấn luyện đều bị đối xử như một lũ mè nheo, hoặc tệ hơn, như những kẻ giả bệnh để trốn nhiệm vụ.

Sau khi đưa tôi xuống chỗ băng ghế dự bị, Daisy phải đi. Anh ta không bị thương, và những ai bị thương như chúng tôi đều phải bị tách riêng. Chúng tôi là những kẻ cặn bã, bọn cùi hủi, những người lính không thể tập luyện được vì bất cứ lý do nào, từ bong gân, rách cơ và bỏng cho tới gãy xương mắt cá chân và bị nhện cắn nhiễm trùng tới hoại tử. Những chiến hữu mới của tôi bây giờ sẽ xuất hiện từ băng ghế nhục nhã này. Chiến hữu, theo nguyên tắc, là người sẽ đi cùng bạn khắp mọi nơi, giống như bạn đi cùng người đó khắp mọi nơi, họa hoằn lắm mới có trường hợp một trong hai còn lại một mình. Ở một mình có thể dẫn đến suy nghĩ, và suy nghĩ có thể gây ra nhiều vấn đề cho quân đội.

Chiến hữu được phân công đi kèm tôi là một gã giống nhân vật Captain America trong truyện tranh, thông minh, bảnh trai, từng làm người mẫu catalog. Hắn bị thương ở xương hông khoảng một tuần trước nhưng lại không chăm lo vết thương cho đến khi đau đớn không chịu nổi và cũng đi không nổi như tôi. Cả hai đứa đều không cảm thấy muốn nói chuyện, nên

chúng tôi cứ chống nạng đi trong sự im lặng u ám - trái, phải, trái, phải, nhưng rất chậm. Trong bệnh xá, tôi được chụp X-quang và kết quả cho biết tôi bị nứt xương chày cả hai chân. Đó là nứt xương do chấn động mạnh, vết nứt trên mặt xương có thể sâu thêm theo thời gian và sẽ tăng áp lực cho đến khi xương rạn nứt đến tận tủy. Điều duy nhất tôi có thể làm để giúp đôi chân lành lại là nhấc bổng hai chân lên và không dùng tới chúng nữa. Với những mệnh lệnh đó, tôi bị đuổi khỏi phòng khám để trở về tiểu đoàn.

Chỉ có điều là tôi không thể đi được, vì tôi không thể đi mà không có chiến hữu. Hắn đã đi vào chụp X-quang sau tôi và chưa thấy quay lại. Tôi cho rằng hắn vẫn còn đang khám, nên tôi ngồi chờ. Và chờ mãi. Mấy tiếng đồng hồ trôi qua. Tôi dành hết thời gian này đọc báo với tạp chí, một sự xa xỉ không thể tưởng tượng nổi với một kẻ đang được huấn luyện cơ bản ở quân trường.

Một y tá đến và bảo sĩ quan huấn luyện đang gọi tôi ở máy điện thoại trong văn phòng. Khi tôi cà nhắc tới chỗ đặt máy, ông ta đang giận sôi gan. "Snowflake, đọc báo sướng quá phải không? Đọc báo mà có thêm ít bánh ngọt nữa, hay thêm mấy tờ tạp chí Cosmo có hình gái gú thì càng tuyệt phải không? Hai thằng chó chết tụi bay sao tới giờ vẫn chưa về hả?"

"Thưa sĩ quan *quấn* luyện" - giọng miền Nam của tôi ngay lúc này lại lộ ra, đó là cách nói của dân tiểu bang Georgia - "tôi vẫn đang chờ chiến hữu, thưa sĩ quan *quấn* luyện".

"Thế thằng khốn đó đâu rồi, Snowflake?"

"Thưa sĩ quan *quấn* luyện, tôi không biết. Anh ta đi vào phòng khám và chưa thấy ra, thưa sĩ quan *quấn* luyện".

Ông ta không hài lòng với câu trả lời, và còn quát to hơn. "Mày xách đít đi tìm nó đi, mẹ kiếp".

Tôi đứng dậy và chống nạng tới quầy tiếp nhận để hỏi thăm. Chiến hữu của tôi, họ nói, đang nằm trong phòng mổ.

Mãi đến chiều, sau một loạt cú điện thoại từ sĩ quan huấn luyện, tôi mới biết chuyện gì đã xảy ra. Rõ ràng là chiến hữu của tôi đã để mặc cái xương hông bị gãy ấy mà cứ tập luyện suốt cả tuần qua, và nếu hắn ta không được mổ ngay lập tức để nối cho liền lại thì chắc là tàn phế suốt đời. Các dây thần kinh chính có thể đã bị cắt đứt, vì vết xương gãy sắc như dao.

Tôi bị tống cổ về Fort Benning một mình, trở lại băng ghế dự bị. Bất cứ ai phải ngồi ghế dự bị hơn ba hoặc bốn ngày đều có nguy cơ nghiêm trọng là "bị tái chế" - buộc phải huấn luyện cơ bản lại từ đầu - hoặc tệ hơn, sẽ bị chuyển sang Quân y và trả về nhà. Đó là những kẻ đã mơ ước được ở

trong quân đội suốt đời, những kẻ mà quân đội là con đường duy nhất để họ thoát khỏi những gia đình ác nghiệt và sự nghiệp bế tắc, những kẻ giờ phải đối mặt với viễn cảnh thất bại và quay lại cuộc sống dân sự trong tình trạng thương tổn không thể cứu vãn.

Chúng tôi là những kẻ phế thải, những thương tích biết đi không có nhiệm vụ nào khác ngoài việc ngồi trên băng ghế trước bức tường gạch mười hai giờ mỗi ngày. Những thương tích này khiến chúng tôi bị đánh giá là không thích hợp với quân đội và bây giờ chúng tôi phải trả giá cho điều đó bằng việc bị cách ly và xa lánh, cứ như các tay sĩ quan huấn luyện sợ rằng chúng tôi sẽ lây nhiễm người khác bằng sự yếu đuối của mình hoặc bằng những ý tưởng đã nảy ra trong đầu khi ngồi ở băng ghế này. Chúng tôi đã bị trừng phạt còn hơn nỗi đau đớn của chính những vết thương, bị loại khỏi những niềm vui nhỏ nhặt như xem pháo hoa ngày quốc khánh. Thay vào đó, chúng tôi phải ở lại doanh trại vắng tanh thay nhau trực "phòng cháy", một nhiệm vụ canh gác để đảm bảo cho tòa nhà trống vắng này không bị thiêu rụi.

Chúng tôi cứ hai đứa thì trực một ca, và tôi đứng chống nạng trong bóng tối, giả vờ đắc lực, cùng với bạn trực chung. Đó là một anh chàng mười tám tuổi hiền lành, hồn nhiên, đô con, có một vết thương đáng ngờ, có lẽ tự gây ra. Theo lời anh ta kể, ngay từ đầu lẽ ra anh ta không nên tòng quân. Pháo hoa đang rực ngời đằng xa trong lúc anh chàng cho tôi biết anh ta đã phạm một sai lầm quá lớn, và cô đơn khổ sở hết mức - anh ta nhớ bố mẹ và gia đình biết bao, nông trang của gia đình họ ở đâu đó tận Appalachia.

Tôi thông cảm, dù tôi không thể làm gì hơn là bảo anh ta đi nói chuyện với cha tuyên úy. Tôi đã định khuyên can, "Hãy ráng chịu đựng, một khi đã quen rồi anh sẽ thấy đỡ hơn". Nhưng rồi anh ta phô bày thân hình vạm vỡ trước mặt tôi và, thật thà đến dễ thương, nói với tôi là anh ta sẽ bỏ đi không cần xin phép - một vi phạm kỷ luật quân đội - rồi hỏi là nếu vậy thì tôi có báo với ai không. Chỉ tới lúc đó tôi mới nhận ra anh ta đã mang sẵn túi đồ giặt. Anh ta đã có ý trốn khỏi quân trường ngay lúc đó.

Tôi không biết xử trí tình huống này làm sao, ngoài việc cố nói điều thiệt hơn cho anh ta hiểu. Tôi báo trước với anh ta rằng bỏ đi không xin phép là một ý tưởng tồi, rằng rốt cuộc quân đội sẽ ra lệnh bắt giữ và bất kỳ cảnh sát nào trong nước này đều có thể bỏ tù anh đến mọt gông. Nhưng anh chàng chỉ lắc đầu. Ở quê anh, anh chàng nói, sâu tít trong núi, thậm chí không hề có cảnh sát nữa kia. Anh ta bảo đây là cơ hội cuối cùng để được tự do.

Lúc đó tôi hiểu ra là anh ta đã quyết tâm. Anh ta di chuyển đi đứng dễ hơn tôi nhiều, và lại to con mạnh khỏe. Nếu anh ta chạy trốn. Tôi không thể đuổi theo; nếu tôi cố ngăn chặn, anh ta có thể bẻ gãy tôi làm đôi. Tôi chỉ có thể đi báo cáo về anh ta mà thôi, nhưng nếu làm thế, tôi sẽ bị phạt vì đã để cuộc trò chuyện này đi xa đến mức ấy mà không gọi người tăng cường và đã không vung cây nạng lên mà đập cho anh ta một trận.

Tôi nổi giận. Tôi nhận ra mình đang quát anh ta. Tại sao anh ta không đợi đến khi tôi vào trong nhà xí mà chạy trốn đi? Tại sao lại đặt tôi vào hoàn cảnh khó xử này?

Anh ta nói khẽ. "Cậu là người duy nhất chịu lắng nghe", anh ta nói và bật khóc.

Điều đáng buồn nhất trong đêm đó là tôi tin anh ta. Trong một đại đội hai trăm năm chục người, anh ta cô độc. Chúng tôi đứng trong im lặng khi pháo hoa chớp tắt chớp tắt đằng xa. Tôi thở dài rồi nói, "Tôi phải vào nhà xí. Tôi sẽ đi một lúc". Rồi tôi khập khiễng đi không nhìn lại.

Đó là lần cuối cùng tôi còn thấy anh ta. Tôi nghĩ rằng ngay lúc đó tôi đã nhận ra là cả tôi nữa cũng sẽ không ở lâu trong quân ngũ.

Cuộc hẹn tái khám kế tiếp của tôi chỉ xác nhận điều đó mà thôi.

Bác sĩ là một người miền Nam cao gầy, thái độ châm biếm. Sau khi khám và chụp một loạt phim X quang mới, ông ta bảo tôi hoàn toàn không thể tiếp tục theo cùng đại đội của tôi. Giai đoạn tiếp theo là huấn luyện nhảy dù, và ông ta nói, "Nhóc, chân cẳng thế này mà chú mày nhảy thì hai chân sẽ nát nhừ như cám".

Tôi tuyệt vọng. Nếu không hoàn thành đúng hạn chu kỳ huấn luyện cơ bản này, tôi sẽ bị mất chỗ trong chương trình 18X, tức là tôi sẽ bị phân ngành lại theo nhu cầu của quân đội. Họ có thể biến tôi thành bất cứ thứ gì họ muốn: bộ binh chính quy, lính thợ máy, lính văn phòng, lính phụ bếp, hay - trong cơn ác mộng kinh khủng nhất của tôi - làm CNTT ở văn phòng tư vấn của quân đội.

Ông bác sĩ hẳn đã thấy tôi chán nản như thế nào, vì ông ta hắng giọng và cho tôi một lựa chọn: Tôi có thể chấp nhận "tái chế" và thử vận may với việc phân ngành lại, hoặc ông ta có thể viết cho tôi cái giấy đề nghị một biện pháp gọi là "giải ngũ hành chính". Đây là một kiểu đặc biệt để hủy bỏ hợp đồng tuyển quân, có đặc điểm là không hề ghi hạnh kiểm hay ghi công trạng gì, chỉ dành cho những người nhập ngũ đã tòng quân dưới sáu tháng. Đó là một kiểu cắt đứt hoàn toàn, giống như một vụ hủy hôn hơn là ly hôn, và có thể được giải quyết khá nhanh chóng.

Tôi phải thừa nhận là ý tưởng đó hấp dẫn. Trong thâm tâm, tôi thậm chí nghĩ rằng đó có thể là một cách đền bù của số phận cho lòng khoan dung mà tôi đã thể hiện với anh chàng ở Appalachian, người đã bỏ trốn. Ông bác sĩ cho tôi suy nghĩ, và khi ông quay lại một giờ sau, tôi chấp nhận đề nghị của ông.

Chẳng bao lâu sau tôi được chuyển sang Quân y, nơi tôi được thông báo rằng để việc giải ngũ hành chính được giải quyết nhanh, tôi phải ký vào một giấy xác nhận là tôi đã khỏe lại hoàn toàn, xương tôi đã lành lặn hoàn toàn. Phải có chữ ký của tôi, nhưng hóa ra việc này mang tính hình thức mà thôi. Chỉ ngoáy bút vài cái là tôi có thể đi.

Lúc tôi một tay cầm giấy xác nhận, một tay cầm bút, một nụ cười đầy ngụ ý thoáng qua mặt tôi. Tôi đã nhận ra trò "hack": điều mà tôi đã tưởng là một đề nghị tử tế và rộng lượng của một bác sĩ quân y quan tâm đến một tân binh đau yếu thật ra chỉ là một cách để chính phủ tránh né trách nhiệm và khỏi bồi thường khuyết tật. Theo quy định của quân đội, nếu tôi được giải ngũ vì lý do y tế, chính phủ sẽ phải thanh toán hóa đơn cho bất kỳ vấn đề nào phát sinh từ chấn thương của tôi, bất kỳ cách điều trị và chạy chữa nào cần thiết. Còn giải ngũ hành chính thì tôi phải chịu hết mọi chi phí, và sự tự do của tôi phụ thuộc vào chuyện tôi có sẵn sàng chấp nhận gánh nặng đó hay không.

Tôi ký, và ra đi trong ngày hôm đó, trên đôi nạng mà quân đội đã cho tôi giữ luôn.

$_0O_0$

10
Lý lịch và tình yêu

TRONG GIAI ĐOẠN HỒI PHỤC, tôi không nhớ chính xác vào lúc nào thì tôi bắt đầu suy nghĩ sáng suốt trở lại. Đầu tiên là sự đau đớn sẽ phải nguôi dần, rồi từ từ chứng trầm cảm cũng thuyên giảm theo, và sau nhiều tuần thức dậy không có mục đích gì ngoài việc nhìn đồng hồ thay đổi giờ phút, tôi dần dà chú ý đến những gì mọi người xung quanh nói với tôi: Tôi vẫn còn trẻ và vẫn còn một tương lai phía trước. Tuy nhiên, chính tôi chỉ cảm nhận như thế khi cuối cùng tôi đã có thể tự mình đứng lên và đi lại được. Đi đứng là một trong vô số những điều mà, giống như tình yêu thương của gia đình, bấy lâu nay tôi chỉ cho là điều hiển nhiên chứ nào thấy quý giá.

Khi tôi đánh bạo đi những chuyến đầu tiên ra khoảng sân bên ngoài căn hộ của má tôi, tôi chợt nhận ra một điều khác mà trước giờ tôi cũng cho là hiển nhiên: năng khiếu tìm hiểu kỹ thuật của tôi.

Hãy bỏ qua cho tôi nếu như tôi nói nghe phát bực, nhưng tôi không biết cách nói nào khác hơn: Tôi luôn thấy hết sức thoải mái với máy tính đến nỗi hầu như không xem trọng khả năng của mình, và không muốn được khen ngợi hay muốn thành công vì khả năng đó. Trái lại, tôi muốn được khen ngợi và muốn thành công ở một điều gì khác - một thứ gì đó khó hơn đối với tôi. Tôi muốn chứng tỏ rằng tôi đâu chỉ là một bộ não có nhận thức; tôi cũng có trái tim và cơ bắp.

Điều đó giải thích cho giai đoạn tôi đi lính. Và trong quá trình hồi phục, tôi dần nhận ra rằng mặc dù kinh nghiệm quân trường đã làm tổn thương lòng kiêu hãnh nhưng lại nâng cao lòng tự tin của tôi. Bây giờ tôi đã mạnh mẽ hơn, không sợ hãi mà lại còn mang ơn nỗi đau này vì nhờ nó mà tôi trưởng thành hơn. Cuộc sống ngoài hàng rào thép gai ngày càng dễ chịu dần. Xét cho cùng, cái giá tôi phải trả cho những ngày quân ngũ là mái tóc giờ đã mọc dài trở lại, và đôi chân khập khiễng đang dần lành lặn.

Tôi đã sẵn sàng đối mặt với sự thật: Nếu tôi vẫn còn bị thôi thúc bởi mong muốn phục vụ đất nước, và chắc chắn là còn, thì tôi hẳn phải phục vụ bằng cái đầu và hai bàn tay - qua kỹ thuật máy tính. Điều đó, và chỉ điều đó mà thôi, tôi mới cống hiến tốt nhất cho đất nước. Dù không phải cựu chiến binh, nhưng việc tôi đã vượt qua được các cuộc kiểm tra của quân đội lại càng có ích cho cơ hội được tuyển dụng vào một cơ quan tình báo,

nơi cần tôi nhiều nhất và có lẽ thử thách nhiều nhất các năng khiếu của tôi.

Vì thế tôi phải chấp nhận điều mà bây giờ hồi tưởng lại mới thấy là không thể tránh khỏi: phải được chứng nhận an ninh. Nói chung, có ba bậc chứng nhận an ninh: theo thứ tự từ thấp đến cao là hạn chế, bí mật và tối mật. Bậc cuối cùng có thể được mở rộng hơn nữa qua cuộc sát hạch SCI *(Sensitive Compartmented Information* - Thông tin nhạy cảm chuyên biệt), để có được quyền tiếp cận TS/SCI đáng thèm muốn mà các công việc ở các cơ quan hàng đầu - CIA và NSA - đòi hỏi phải có. Trong các bậc thì TS/SCI là bậc khó được cấp chứng nhận nhất, nhưng cũng mở được nhiều cánh cửa nhất. Thế là tôi quay lại trường Cao đẳng Cộng đồng Anne Arundel trong lúc tìm kiếm những việc làm có thể bảo chứng cho lá đơn của tôi xin điều tra lý lịch cá nhân, một khâu gian nan phải trải qua nếu muốn được chứng nhận an ninh. Vì quá trình phê duyệt TS/SCI có thể mất một năm hoặc hơn, tôi thật lòng đề nghị những ai đang phục hồi sau chấn thương nên theo. Tất cả những gì cần làm là điền vào một số giấy tờ, sau đó ngồi không gác chân lên và cố gắng đừng vi phạm quá nhiều tội trong lúc chờ chính phủ liên bang đưa ra phán quyết. Nói cho cùng, những việc còn lại đều nằm ngoài tầm tay của bạn.

Trên giấy tờ, tôi là một ứng viên hoàn hảo. Tôi là con của gia đình quân nhân, gần như mọi người lớn trong gia đình đều được chứng nhận an ninh ở bậc nào đó; tôi đã cố gắng tòng quân để chiến đấu cho đất nước cho đến khi một tai nạn đáng tiếc khiến tôi nằm liệt giường. Tôi không có tiền án tiền sự, không có thói quen dùng ma túy. Khoản nợ tài chính duy nhất của tôi là khoản vay sinh viên để thi lấy chứng chỉ Microsoft, và tôi đã chưa hề trả nợ chậm trễ một đợt nào.

Tất nhiên, những điều kiện hoàn hảo đó vẫn không làm tôi hết lo lắng.

Tôi cứ lái xe đi học ở cao đẳng AACC rồi về nhà trong lúc Cục điều tra Lý lịch Quốc gia lục lọi gần như mọi khía cạnh của cuộc đời tôi và gặp riêng gần như mọi người mà tôi biết: ba má tôi, họ hàng thân quyến, bạn học và bằng hữu của tôi. Họ đã dò qua các bản sao hồ sơ học hành thất thường của tôi và, tôi tin chắc, đã nói chuyện với một vài giáo viên của tôi. Tôi có cảm giác là họ thậm chí còn nói chuyện với Mae và Norm nữa, và với một anh chàng mà tôi có làm việc chung vào một mùa hè tại một quầy bán xi-rô đá bào ở công viên Six Flags America. Mục tiêu của mọi chuyện kiểm tra lý lịch này không chỉ là để biết tôi đã làm gì sai trái, mà còn là tìm hiểu xem tôi có khả năng chịu thỏa hiệp hoặc bị hăm dọa gây áp lực đến mức nào. Điều quan trọng nhất đối với Cộng đồng IC không phải là bạn

hoàn toàn sạch 100%, vì nếu thế thì họ sẽ không tuyển được một ai cả. Thay vào đó, mục tiêu của họ là bạn phải thành thật như cái máy - bạn không giấu giếm bất kỳ bí mật đen tối nào mà thế lực thù địch có thể sử dụng chúng để chống lại bạn, và tức là chống lại cơ quan quốc gia.

Điều này, tất nhiên, khiến tôi phải suy nghĩ - trong lúc kẹt xe. Bao nhiêu khoảnh khắc trong đời mà tôi ân hận cứ quay cuồng thành một vòng luẩn quẩn trong đầu. Tôi không nghĩ ra được chuyện gì có thể khiến các nhân viên điều tra nhướng mày dù chỉ một li dù họ đã quen với việc phát hiện ra rằng một nhà phân tích tuổi trung niên nào đó của một tổ chức tư vấn chính sách nào đó thích mặc tã lót và bị bà ngoại bà nội quất roi da vào mông. Dù vậy quá trình này vẫn tạo ra một nỗi sợ hoang tưởng, bởi vì bạn không nhất thiết phải là kẻ cuồng dục cố che giấu, đã từng làm những chuyện khiến bạn xấu hổ và sợ rằng người lạ có thể hiểu lầm bạn nếu những chuyện đó bị phơi bày. Ý tôi là, tôi đã lớn lên trên Internet, lạy Chúa. Nếu bạn chưa từng nhập vào ô tìm kiếm một thứ gì đó đáng xấu hổ hoặc thô tục thì bạn là người sử dụng mạng chưa lâu lắm - mặc dù tôi không lo ngại về các nội dung khiêu dâm. Chẳng có ai mà không xem những thứ khiêu dâm, và với những bạn nào đang lắc đầu thì xin bạn đừng lo: Tôi giữ kín bí mật cho bạn. Những lo lắng của tôi lúc đó mang tính cá nhân hơn, hoặc cảm thấy riêng tư hơn: vô số kênh truyền tải những lời lẽ ngu xuẩn kiểu ái quốc hiếu chiến mà tôi đã nói, và những ý kiến chán đời ghét người còn ngu xuẩn hơn mà tôi đã từ bỏ, trong quá trình lớn lên trên mạng. Cụ thể là tôi đã lo lắng về những cuộc trò chuyện trực tuyến và bài đăng diễn đàn của tôi còn lưu trên Internet, tất cả các bình luận cực kỳ ấu trĩ mà tôi đã tuôn ra trên hai chục website của dân chơi game và hacker. Viết dưới những cái tên giả có nghĩa là viết tự do, nhưng thường là thiếu suy nghĩ. Và vì một khía cạnh chính yếu của văn hóa Internet thời kỳ đầu là tranh đua với người khác để nói điều kích động nhất nên tôi không hề ngần ngại bênh vực cho, chẳng hạn, việc đánh bom một quốc gia đánh thuế trò chơi điện tử, hoặc lùa hết những ai không thích phim hoạt hình *anime* vào trại cải tạo. Chẳng có ai trên các website ấy coi trọng những phát biểu đó một chút nào, chính tôi lại càng không.

Khi quay lại đọc những bài đăng ấy, tôi bỗng thấy xấu hổ. Tôi thậm chí còn không có ý định gì với một nửa những điều tôi đã nói thời đó - tôi chỉ nói cho oai - nhưng tôi nghĩ mình không có cơ may giải thích trót lọt với một người đàn ông tóc xám đeo kính gọng sừng đang săm soi tập hồ sơ to tướng có dán nhãn THEO DÕI THƯỜNG TRỰC. Nửa còn lại, những điều tôi nghĩ lúc đó tôi đã nói có ý định, lại càng tệ hơn, bởi vì tôi không còn là

đứa trẻ ngày trước nữa. Tôi đã lớn. Hoàn toàn không phải là tôi không nhận ra tiếng nói ấy của chính tôi - chỉ có điều là bây giờ tôi lại hết sức phản đối những ý kiến hăng máu, quá khích kiểu đó. Tôi thấy mình muốn tranh cãi với một bóng ma. Tôi muốn chiến đấu với cái thằng tôi ngu ngốc, trẻ con và tàn nhẫn một cách vô tình mà bây giờ không còn tồn tại nữa. Tôi không chịu được ý nghĩ là "hắn" sẽ ám ảnh tôi mãi mãi, nhưng tôi không biết cách nào tốt nhất để bày tỏ sự hối hận của mình và ngăn cách "hắn" với tôi, hoặc thậm chí còn không biết là mình có nên cố gắng làm điều đó hay không. Thật kinh khủng khi bị trói chặt bằng kỹ thuật, không sao thoát khỏi một quá khứ mà tôi hoàn toàn hối hận nhưng hầu như chẳng còn nhớ gì cả.

Đây có lẽ là vấn đề thường gặp nhất của thế hệ tôi, thế hệ đầu tiên lớn lên trên mạng. Chúng tôi đã có thể khám phá và thăm dò các đặc tính của mình mà hầu như hoàn toàn không bị ai giám sát, không hề nghĩ gì tới việc những lời nói bừa bãi và bông lơn báng bổ của mình được lưu giữ vĩnh viễn, và sẽ có ngày chúng tôi có thể phải chịu trách nhiệm cho những phát ngôn đó. Tôi tin chắc rằng tất cả những ai có kết nối Internet trước khi có việc làm đều có thể đồng cảm với chuyện này - chắc chắn ai cũng đều có một bài đăng khiến họ mắc cỡ, hoặc một tin nhắn hay email có thể khiến họ bị đuổi việc.

Nhưng hoàn cảnh của tôi có phần hơi khác, ở điểm là hầu hết các diễn đàn Internet thời trước đều cho phép bạn xóa bài viết cũ của mình. Tôi có thể soạn một tập lệnh nhỏ bé - thậm chí không phải là một chương trình thực sự - và không đầy một giờ là tất cả các bài viết của tôi sẽ được xóa sạch. Đó sẽ là điều dễ làm nhất đời. Tin tôi đi, tôi đã định làm thế.

Nhưng cuối cùng, tôi không làm được. Một cái gì đó cứ ngăn cản tôi. Làm như vậy đúng là không chính đáng. Việc xóa sạch mọi bài viết trên mạng của tôi không phải là chuyện phi pháp, và điều đó thậm chí cũng không làm tôi mất tư cách để được chứng nhận an ninh nếu như có ai phát hiện ra. Nhưng viễn cảnh phải làm điều đó cũng khiến tôi khó chịu như thường. Xóa sạch bài viết cũ chỉ càng củng cố thêm một số quy tắc có tính hủy hoại nhất của đời sống trên mạng: rằng không ai được phép phạm sai lầm bao giờ, và bất cứ ai phạm sai lầm đều phải chịu trách nhiệm mãi mãi. Điều quan trọng đối với tôi không phải là sự nguyên vẹn của những bài viết được lưu trữ mà là tâm hồn tôi. Tôi không muốn sống trong một thế giới mà ai cũng giả vờ rằng mình hoàn hảo, bởi vì đó là một thế giới không có chỗ cho tôi hay bạn bè của tôi. Xóa những bình luận đó chính là xóa luôn việc tôi ngày ấy là ai, tôi đã từ đâu đến và tôi đã đi được bao xa. Chối

bỏ cái tôi quá khứ của mình thì có khác gì chối bỏ luôn tính xác thực của cái tôi hiện tại.

Tôi quyết định để nguyên những lời bình luận đó và tìm cách sống chung với chúng. Thậm chí tôi còn quyết định rằng muốn trung thành thực sự với lập trường này thì tôi phải tiếp tục viết bài mới trên mạng. Theo thời gian, tôi cũng đã từ bỏ luôn những quan niệm mới này, nhưng động lực ban đầu của tôi vẫn không hề thay đổi, chỉ vì đó là một bước quan trọng trong sự trưởng thành của chính tôi. Ta không thể xóa sạch những chuyện khiến ta xấu hổ, hoặc những cách thức mà ta đã tự làm xấu mặt mình trên mạng. Việc duy nhất ta có thể làm là kiểm soát các phản ứng của mình - ta có chịu để cho quá khứ đè nặng hay không, hay là chấp nhận những bài học của nó, lớn khôn lên, và đi tiếp.

Đây là điều đầu tiên mà bạn có thể gọi là một nguyên tắc đã nảy sinh trong tôi trong giai đoạn thất nghiệp nhưng nên người này, và dẫu nguyên tắc ấy hóa ra không dễ dàng gì, tôi vẫn cố gắng sống theo điều đó.

Tin hay không thì tùy, dấu vết duy nhất về cuộc đời trên mạng của tôi thời ấy mà đọc đi đọc lại vẫn không hề khiến tôi cảm thấy mình tệ hại, ngoại trừ một cảm giác hơi ngượng thôi, lại chính là lý lịch hẹn hò của tôi. Tôi chắc rằng nguyên do là vì tôi đã viết các nội dung ấy với mong muốn rằng những lời lẽ đó thật sự có ý nghĩa - bởi vì toàn bộ mục đích của việc làm khó khăn này là để ai đó trong Đời Thật sẽ thực sự quan tâm đến chúng, và cũng chính là quan tâm đến tôi.

Tôi có tham gia vào website HotOrNot.com, trang mạng được ưa chuộng nhất trong số các mạng hàng đầu những năm 2000 như RateMyFace và AmIHot. (Các tính năng hiệu quả nhất của các mạng nói trên được anh chàng Mark Zuckerberg kết hợp thành một mạng tên là FaceMash, sau này trở thành Facebook). HotOrNot được ưa chuộng nhất trong số các website xếp hạng trước khi có Facebook vì một lý do đơn giản: Đó là mạng tốt nhất trong số ít các mạng có tính năng hỗ trợ chuyện hẹn hò.

Về cơ bản, nó hoạt động bằng cách cho phép người dùng bình chọn những bức ảnh của nhau: *Hot* hoặc *Not*. Một chức năng bổ sung cho những người dùng có đăng ký như tôi là khả năng liên hệ với những người dùng có đăng ký khác, nếu như cả hai đều đánh giá những bức ảnh của nhau là *Hot* và nhấp vào mục chọn *Meet Me* - Hẹn Gặp. Tiến trình tầm thường và thô sơ này chính là cách mà tôi gặp được Lindsay Mills, bạn gái và tình yêu của đời tôi.

Bây giờ xem lại những bức ảnh hồi đó, tôi thấy thú vị khi nhận ra Lindsay lúc mười chín tuổi là một cô gái rụt rè, vụng về, và e lệ đến dễ thương. Nhưng với tôi lúc đó, cô gái tóc vàng ấy đúng là một ngọn núi lửa âm ỉ chờ bùng nổ. Hơn nữa, bản thân những bức ảnh chụp lại rất hay: Chúng có chất nghệ thuật nghiêm túc, dạng chân dung tự khắc họa hơn là những bức ảnh *selfie*. Chúng bắt mắt và thu hút. Chúng rụt rè bỡn cợt với ánh sáng và bóng tối. Thậm chí những bức ảnh đó còn có một gợi ý thú vị về bối cảnh liên quan: có một bức được chụp trong hiệu ảnh nơi cô làm việc, và trong một bức khác, cô thậm chí còn không quay mặt về phía máy ảnh.

Tôi đánh giá cô ấy là *Hot,* điểm mười hoàn hảo. Thật ngạc nhiên, chúng tôi lại hợp nhau (cô ấy đánh giá tôi tám điểm, là thiên thần), và thế là chúng tôi bắt chuyện ngay. Lindsay lúc đó đang học nhiếp ảnh nghệ thuật. Cô ấy có website riêng, tại đây cô duy trì việc viết nhật ký và đăng nhiều ảnh hơn: rừng, hoa, nhà máy bỏ hoang, và - điều tôi thích nhất - những bức ảnh chân dung tự chụp.

Tôi lùng sục trên mạng và sử dụng từng dữ kiện mới tìm được về Lindsay để tạo ra một bức tranh đầy đủ hơn: thành phố mà cô ấy sinh ra (Laurel, Maryland), tên trường học của cô ấy (MICA, Học viện Mỹ thuật Maryland). Cuối cùng, tôi thú nhận đã rình mò cô ấy trên mạng. Tôi thấy mình giống như một kẻ đáng ghét, nhưng Lindsay đã cắt lời tôi. "Tôi cũng đang lùng tìm thông tin về anh đó, ông lớn ạ", cô ấy nói, và tuôn ra một loạt các dữ kiện về tôi.

Đây là một trong những lời dễ thương nhất mà tôi từng nghe, nhưng tôi lại ngại không muốn gặp Lindsay trực tiếp. Chúng tôi lên lịch hẹn gặp, và ngày ấy càng đến gần thì tôi càng thêm lo lắng. Việc biến một quan hệ trên mạng thành cuộc gặp gỡ ngoài đời đúng là một đề nghị đáng sợ. Nó vẫn đáng sợ ngay cả trong một thế giới không có những kẻ giết người bằng rìu và quân lừa đảo. Theo kinh nghiệm của tôi, ta liên lạc càng nhiều với ai đó trên mạng thì ta sẽ càng thất vọng khi gặp họ trực tiếp. Những điều dễ nói nhất trước màn hình trở thành khó nói nhất khi mặt đối mặt. Khoảng cách dễ tạo thân tình: không ai nói chuyện cởi mở cho bằng lúc họ ở một mình trong phòng, tán gẫu với một người không thấy mặt đang ở một mình trong căn phòng khác. Nhưng gặp gỡ người đó là ta liền dè dặt ngay. Cách nói của ta trở nên thận trọng và nhạt nhẽo hơn, một cuộc trò chuyện tầm thường về những vấn đề chung chung.

Trên mạng, Lindsay và tôi đã thành bạn tâm giao, và tôi sợ mất đi mối quan hệ đó ở ngoài đời. Nói cách khác, tôi sợ mình bị từ chối.

Tôi không nên sợ làm chi.

Lindsay đã nói với tôi là sẽ đến đón tôi tại căn hộ của má tôi - cô ấy khăng khăng đòi lái xe. Đúng giờ hẹn tôi đã đứng ngoài trời chạng vạng lạnh lẽo, dùng điện thoại hướng dẫn cô ấy đi qua những con đường giống hệt nhau, mang tên na ná nhau của khu chung cư mới của má. Tôi đang để ý tìm một chiếc Chevy Cavalier '98 màu vàng ánh, thì bỗng dưng lóa mắt vì một tia đèn pha từ lề đường chiếu thẳng vào mặt. Lindsay đang nhá đèn xe với tôi qua lớp tuyết.

"Cài dây an toàn đi". Đó là những lời đầu tiên Lindsay nói trực tiếp khi tôi lên xe. Rồi cô hỏi, "Giờ tính đi đâu đây?"

Lúc đó tôi mới chợt nhận ra là bất kể bao điều đã suy nghĩ về Lindsay, tôi lại không hề nghĩ một chút nào về mục đích cuộc hẹn.

Nếu tôi mà lâm vào tình huống này với bất kỳ phụ nữ nào khác, thì tôi đã ứng biến để chống chế rồi. Nhưng với Lindsay thì khác. Với cô ấy, chuyện này không thành vấn đề. Cô lái xe đưa tôi đi trên con đường yêu thích - Lindsay có một con đường yêu thích - và chúng tôi trò chuyện cho đến khi xe chạy mãi đến tận Guilford và kết thúc ở bãi đậu xe của siêu thị Laurel Mall. Chúng tôi chỉ ngồi trong xe trò chuyện.

Thật tuyệt. Nói chuyện mặt đối mặt hóa ra chỉ là sự nối dài của mọi cuộc điện thoại, email và tán gẫu trên mạng của chúng tôi. Cuộc hẹn đầu tiên này là sự tiếp nối của lần tiếp xúc trên mạng đầu tiên của hai đứa và khởi đầu một cuộc trò chuyện sẽ kéo dài chừng nào chúng tôi còn muốn nói. Chúng tôi kể về gia đình mình, hoặc những gì còn lại của một gia đình. Ba má của Lindsay cũng đã ly dị: hai ông bà ở cách nhau hai mươi phút đi xe, và khi còn bé, Lindsay cứ phải qua lại như con thoi giữa hai người. Áo quần vật dụng của cô luôn sẵn sàng trong một túi xách. Thứ Hai, thứ Tư và thứ Sáu, cô ngủ trong phòng của mình ở nhà má. Thứ Ba, thứ Năm và thứ Bảy, cô ngủ trong phòng của mình ở nhà ba. Chủ nhật là ngày bi kịch, vì cô phải chọn lựa.

Cô ấy bảo gu ăn mặc của tôi rất kém, và chê trang phục hẹn hò của tôi: bên ngoài một chiếc sơ-mi in hoa văn hình ngọn lửa kim loại, cổ bẻ cài nút, trong là chiếc áo thun ba lỗ và dưới là quần jeans (tôi xin lỗi). Cô kể tôi nghe về hai anh chàng khác mà cô ấy đang hẹn hò, những người cô có nhắc tới trên mạng, và người giỏi thủ đoạn như Machiavelli cũng phải đỏ mặt trước những phương cách mà tôi rắp tâm phá hoại hai anh chàng này (tôi không xin lỗi). Tôi cũng kể với cô ấy mọi chuyện, kể cả việc tôi sẽ không thể nói về công việc của tôi - công việc mà tôi thậm chí chưa bắt

đầu. Đúng là tự phụ đến lố bịch, và cô ấy đã làm cho tôi thấy rõ điều đó bằng cách gật đầu một cách nghiêm túc.

Tôi nói với Lindsay là tôi lo lắng về cuộc kiểm tra sắp tới bằng máy dò nói dối mà việc chứng nhận an ninh đòi hỏi, và cô đề nghị tập dượt với tôi - một kiểu dạo đầu ngớ ngẩn. Cái triết lý sống của cô chính là cách tập dượt hoàn hảo: cho biết những gì bạn muốn, cho biết bạn là ai, không bao giờ xấu hổ. Nếu người khác từ chối bạn, đó là vấn đề của họ. Tôi chưa bao giờ thấy thoải mái khi ở cạnh người khác như thế này, và tôi chưa bao giờ sẵn lòng chịu nghe người khác chỉ trích lỗi lầm của mình như thế này. Tôi thậm chí còn để cho Lindsay chụp ảnh tôi.

Trong đầu tôi chỉ toàn là giọng nói của cô ấy trong lúc tôi lái xe đến khu nhà phức hợp của NSA có cái tên kỳ cục là Friendship Annex cho cuộc phỏng vấn cuối cùng để chứng nhận an ninh. Tôi thấy mình trong một căn phòng không cửa sổ, bị trói như một con tin vào một chiếc ghế văn phòng rẻ tiền. Xung quanh ngực và bụng là những ống đo nhịp thở. Những chiếc kẹp trên đầu ngón tay đo mức hoạt động của điện trên da, vòng đo huyết áp quanh cánh tay đo nhịp tim, và một tấm cảm biến trên chiếc ghế sẽ phát hiện mọi cựa quậy và xê dịch của tôi. Tất cả các thiết bị này - bọc, kẹp, gắn và thắt chặt khắp người tôi - được kết nối với chiếc máy dò nói dối to lớn màu đen nằm trên chiếc bàn trước mặt.

Ngồi sau cái bàn này, trên một chiếc ghế đẹp hơn, là chuyên viên kiểm tra nói dối. Bà ta làm tôi nhớ đến một giáo viên từng dạy tôi - tôi đã dành phần lớn cuộc kiểm tra này để cố nhớ ra tên cô giáo đó, hoặc cố gắng không nhớ. Bà chuyên viên kiểm tra bắt đầu đặt câu hỏi. Những câu đầu tiên không cần phải động não: Có phải tên tôi là Edward Snowden không? Có phải 21/06/83 là ngày sinh của tôi không? Rồi tới: Tôi có bao giờ phạm tội nghiêm trọng không? Tôi có bao giờ gặp vấn đề với chuyện cờ bạc không? Tôi có từng gặp vấn đề với rượu hoặc dùng các dược phẩm bất hợp pháp không? Tôi có từng làm nhân viên của một thế lực nước ngoài không? Tôi có bao giờ ủng hộ việc dùng bạo lực lật đổ chính phủ Hoa Kỳ không? Các câu trả lời duy nhất được chấp nhận đều mang tính nhị phân: "Có" và "Không". Tôi đã trả lời "Không" rất nhiều, và tiếp tục chờ đợi những câu hỏi mà tôi đã lo sợ. "Tôi có bao giờ lên mạng bài bác năng lực và tính cách của nhân viên quân y ở Fort Benning không?" "Anh trước đây đã tìm kiếm cái gì trên hệ thống mạng của Phòng thí nghiệm Hạt nhân Los Alamos?" Nhưng những câu hỏi đó không hề được nêu ra, và tôi chưa kịp nhận biết thì cuộc kiểm tra đã kết thúc.

Tôi đã đạt tiêu chuẩn một cách xuất sắc.

Theo yêu cầu, tôi phải trả lời tổng cộng ba loạt câu hỏi và cả ba lần tôi đều đạt, vậy có nghĩa là tôi không chỉ đủ điều kiện được cấp chứng nhận TS/SCI, mà tôi còn qua được phần "kiểm tra toàn diện bằng máy dò nói dối" - chứng nhận an ninh cao nhất xứ này.

Tôi đã có người bạn gái tôi yêu và tôi đã thành công như ý.

Tôi lúc đó hai mươi hai tuổi.

$_0O_0$

Phần HAI

11
Hệ thống

TÔI SẼ NHẤN NÚT PAUSE tạm dừng ở đây để giải thích đôi điều về những chính kiến của mình ở tuổi hai mươi hai: Tôi không có bất kỳ chính kiến nào. Thay vào đó, giống như hầu hết giới trẻ, tôi đã có một niềm tin vững chắc mà tôi không thừa nhận là hoàn toàn của riêng tôi mà là một tập hợp nhiều nguyên tắc mâu thuẫn được kế thừa. Tâm trí tôi là hỗn hợp các giá trị mà tôi đã được dạy, cùng những lý tưởng tôi gặp được trên mạng. Phải đến gần cuối tuổi hai mươi, tôi mới hiểu là rất nhiều điều tôi đã tin, hoặc những gì tôi nghĩ là mình tin, rốt cuộc chỉ là những ảnh hưởng in sâu từ thuở nhỏ. Ta học nói bằng cách bắt chước cách nói của người lớn xung quanh, và trong quá trình học đó, ta rốt cuộc cũng bắt chước quan điểm của họ, cho đến khi chúng ta tự lừa dối bản thân để cho rằng những lời lẽ ta sử dụng là thực của chính mình.

Ba má tôi, nếu không quan tâm đến chính trị nói chung, thì chắc chắn là không quan tâm đến các chính khách. Chắc chắn là sự hờ hững này có rất ít điểm chung với sự bất mãn của những người không đi bầu hoặc coi thường đảng phái. Trái lại, đó là một sự tách biệt có phần đáng ngạc nhiên đặc trưng cho tầng lớp của họ, mà những thời đại cao quý hơn ngày trước đã gọi đó là công vụ liên bang hoặc khu vực công, nhưng thời của chúng ta lại gọi là "chính phủ ngầm hoặc chính phủ trong bóng tối". Nhưng những cách gọi ấy không có từ nào thực sự nắm bắt được đúng nghĩa của nó: một tầng lớp viên chức chuyên nghiệp (cũng phải nói đó có lẽ là một trong những tầng lớp trung lưu công chức cuối cùng trong cuộc sống Mỹ), những người - không được bầu chọn và không được chỉ định - làm việc hay phục vụ cho chính phủ, ở một trong những cơ quan độc lập (từ CIA và NSA đến IRS, FCC, v.v...) hoặc ở một trong các cơ quan hành pháp (Ngoại giao, Tài chính, quốc phòng, Tư pháp, và tương tự).

Họ cũng như ba má tôi, họ cũng như gia đình tôi: một lực lượng chuyên nghiệp gần ba triệu người làm việc cho chính phủ, chuyên giúp đỡ những kẻ nghiệp dư, vốn được cử tri đoàn bầu chọn và được những người đắc cử bổ nhiệm, hoàn thành nghĩa vụ chính trị - hay nói theo những lời tuyên thệ là "trung thành thực thi nhiệm vụ". Những công chức này, những người vẫn làm công việc của họ ngay cả khi các chính quyền đến rồi đi, làm việc cần mẫn dẫu đảng Cộng hòa hay đảng Dân chủ cầm quyền bởi vì cuối

cùng họ chỉ làm việc cho chính phủ, tạo ra sự liên tục và ổn định cốt lõi của chế độ.

Đây cũng là những người mà, khi đất nước tham chiến, họ đã đáp lời kêu gọi. Đó là những gì tôi đã làm sau ngày 11/9, và tôi thấy lòng yêu nước mà cha mẹ tôi đã dạy dễ dàng chuyển thành lòng nhiệt thành dân tộc chủ nghĩa. Có một giai đoạn, nhất là trong thời gian tôi sắp nhập ngũ, ý thức về thế giới của tôi trở nên giống với tính hai mặt của các trò chơi điện tử đơn giản nhất, ở đó thiện và ác được xác định rõ ràng và không thể nghi ngờ.

Tuy nhiên, khi tôi đã ra khỏi lục quân và quay lại dành hết thời gian cho kỹ thuật máy tính, tôi dần dần ân hận về những hoang tưởng chiến tranh của mình. Khả năng của tôi càng tiến bộ thì tôi càng chín chắn và nhận ra là công nghệ thông tin có cơ hội thành công ở chỗ mà công nghệ bạo lực thất bại. Dân chủ không bao giờ có thể được áp đặt bằng nòng súng, nhưng có thể gieo rắc được bằng sự phát triển của Silicon và cáp quang. Vào đầu những năm 2000, Internet chỉ vừa mới thoát khỏi thời kỳ hình thành, và ít nhất là theo tôi nghĩ, nó đã đưa ra một hiện thân chân thực và trọn vẹn cho những lý tưởng Mỹ còn hơn cả chính nước Mỹ. Nơi mà mọi người đều bình đẳng? Đúng. Nơi dành riêng cho cuộc sống, tự do, và mưu cầu hạnh phúc? Đúng, đúng, đúng. Điều thuận lợi là gần như mọi tài liệu chính thiết lập nền văn hóa Internet đều được soạn thảo ra theo cách gợi nhớ đến lịch sử Mỹ: đây là biên cương mới, hoang dã, rộng mở dành cho bất kỳ ai đủ gan dạ để định cư, nhưng nó lại nhanh chóng trở thành thuộc địa của các chính phủ và các tập đoàn lợi ích luôn tìm cách điều hành nó vì quyền lực và lợi nhuận. Các công ty lớn thời đó thu những khoản phí rất đắt - cho phần cứng, cho phần mềm, cho các cuộc gọi điện thoại đường dài mà khi ấy bạn cần phải có để lên mạng, và thu phí cả tri thức, thứ vốn là di sản chung của nhân loại và do đó, đáng lý ra phải được cung cấp miễn phí. Các công ty này chính là những biểu tượng đương đại không thể phủ nhận của người Anh thời thuộc địa mà chính việc thu thuế nhẫn tâm của họ đã châm ngòi cho khao khát giành độc lập.

Cuộc cách mạng này không xảy ra trong sách giáo khoa lịch sử, mà ngay bây giờ, trong thế hệ tôi, và bất kỳ ai trong chúng tôi cũng có thể dự phần hoàn toàn chỉ nhờ vào khả năng bản thân. Một điều hấp dẫn biết bao - tham gia thành lập một xã hội mới, một xã hội không lệ thuộc vào việc ta sinh ra ở đâu hay ta lớn lên thế nào hay ta được yêu mến ở nhà trường ra sao, mà dựa trên kiến thức và khả năng công nghệ của ta. Ở trường, tôi đã phải học thuộc lòng lời mở đầu của Hiến pháp Hoa Kỳ: bây giờ những lời ấy đã in sâu trong trí nhớ của tôi cùng với "Tuyên ngôn Độc lập Không

gian Mạng" của John Perry Barlow, với nội dung sử dụng cùng một đại từ số nhiều mà tự thân nó đã hiển nhiên và xác định: "Chúng ta đang tạo ra một thế giới mà ai ai cũng có thể bước vào, không hề có đặc quyền hoặc định kiến theo chủng tộc, quyền lực kinh tế, sức mạnh quân sự hay địa vị bẩm sinh. Chúng ta đang tạo ra một thế giới mà bất kỳ ai ở bất kỳ nơi nào cũng đều có thể bày tỏ niềm tin của mình, dù khác thường đến đâu, không sợ bị ép buộc phải im lặng hay tuân thủ".

Cái chính thể nhân tài công nghệ này chắc chắn là có khả năng trao thẩm quyền, nhưng nó cũng có thể ý thức được những hạn chế của mình, như tôi đã hiểu ra khi lần đầu tiên làm việc trong Cộng đồng Tình báo. Tính chất phân tán của Internet chỉ càng làm nổi bật tính chất phân tán của chuyên môn máy tính. Tôi có thể là người giỏi máy tính nhất nhà hoặc nhất khu phố, nhưng để làm việc cho Cộng đồng IC có nghĩa là phải thi thố kỹ năng của tôi với mọi người trong nước và thế giới. Internet cho tôi thấy rõ hoàn toàn số lượng đông đảo và sự đa dạng của những tài năng hiện có, và cho thấy rõ là nếu muốn thành công, tôi phải chuyên môn hóa.

Muốn làm chuyên gia kỹ thuật thì tôi có vài lựa chọn nghề nghiệp khác. Tôi có thể đã trở thành một nhà phát triển phần mềm, hay nói theo cách gọi thông dụng của nghề này là lập trình viên, chuyên viết mã lệnh cho máy tính hoạt động. Hoặc tôi có thể trở thành một chuyên gia về phần cứng hay hệ thống mạng, chuyên lắp đặt các dàn máy chủ và thiết kế đường dây, hòa quyện vào cái nền tảng khổng lồ kết nối mọi máy tính, mọi thiết bị và mọi tập tin. Máy tính và chương trình máy tính đều hấp dẫn tôi, và các mạng liên kết chúng với nhau cũng vậy. Nhưng điều cuốn hút tôi nhất là toàn bộ sự vận hành của chúng ở cấp độ tổng thể sâu hơn, không phải là các thành phần riêng lẻ mà là cả một hệ thống bao quát.

Tôi đã nghĩ về điều này rất nhiều khi lái xe đi đi về về giữa nhà tôi và nhà Lindsay cùng với trường cao đẳng AACC. Thời gian lái xe luôn là thời gian suy nghĩ của tôi, và quãng đường lại rất dài trên xa lộ Beltway đông đúc. Trở thành lập trình viên cũng giống như làm quản lý các trạm dừng chân ở lối ra khỏi xa lộ và đảm bảo cho mọi đại lý fast-food và xăng dầu phù hợp với nhau và đáp ứng mong đợi của người dùng; trở thành chuyên gia phần cứng là đặt cơ sở hạ tầng, tự mình phân cấp và lát mặt đường; trong khi đó trở thành chuyên gia mạng là phải chịu trách nhiệm kiểm soát giao thông, điều khiển các biển báo và đèn hiệu, phân luồng một cách an toàn cho các đoàn người đang gấp rút đi tới đúng các điểm đến thích hợp. Tuy nhiên, để đi sâu vào hệ thống thì phải là nhà quy hoạch đô thị, sử dụng hết mọi thành phần có sẵn và đảm bảo cho chúng tác động qua lại đạt hiệu

quả tối đa. Công việc này chẳng khác gì được trả tiền để nắm quyền tối thượng, hoàn toàn là thế, hoặc ít ra là được ăn lương để làm một kẻ chuyên quyền tầm thường.

Có hai cách chính để trở thành dân chuyên làm hệ thống. Một là bạn sở hữu toàn bộ một hệ thống hiện có và duy trì nó, dần dần làm cho nó hiệu quả hơn và sửa chữa khi nó hỏng. Vị trí đó được gọi là quản trị viên hệ thống, hoặc *sysadmin*. Thứ hai là bạn phân tích một vấn đề, chẳng hạn như cách lưu trữ dữ liệu hoặc cách tìm kiếm khắp các cơ sở dữ liệu, và giải quyết nó bằng cách thiết kế một giải pháp từ việc kết hợp các thành phần hiện có hoặc bằng cách phát minh ra những cái hoàn toàn mới. Vị trí này được gọi là kỹ sư hệ thống. Rốt cuộc tôi sẽ làm cả hai vị trí này, lần lượt đi lên từ quản trị đến kỹ sư, hoàn toàn không hay biết là công việc chuyên chú vào các cấp độ tích hợp công nghệ điện toán sâu nhất xa nhất đã có tác động đến niềm tin chính trị của tôi.

Bây giờ tôi sẽ cố gắng nói không quá khó hiểu, nhưng tôi muốn bạn hãy tưởng tượng một hệ thống. Không quan trọng hệ thống gì: nó có thể là một hệ thống máy tính, một hệ sinh thái, một hệ thống pháp lý hoặc thậm chí là một hệ thống chính quyền. Đừng quên rằng hệ thống chỉ là một tập hợp các bộ phận cùng hoạt động như một tổng thể, thứ mà hầu hết mọi người chỉ nhớ đến khi có một cái gì đó trục trặc. Một trong những điều khổ sở nhất khi làm việc với các hệ thống chính là: Cái bộ phận bị trục trặc trong hệ thống lại thường không phải là cái bộ phận mà bạn nhận thấy có sự cố. Để tìm ra nguyên nhân khiến hệ thống đó sụp đổ, bạn phải bắt đầu từ điểm phát xuất vấn đề, và dò tìm một cách hợp lý các tác động của vấn đề này đến mọi thành phần của hệ thống. Do người quản trị hay kỹ sư hệ thống phải chịu trách nhiệm những việc sửa chữa như vậy, họ phải thông thạo phần mềm, phần cứng và kỹ thuật mạng. Nếu sự hỏng hóc hóa ra chỉ là sự cố phần mềm, việc sửa chữa có thể buộc bạn phải dò qua từng dòng mã lệnh bằng đủ loại ngôn ngữ lập trình chẳng khác gì một phiên họp đa quốc gia của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc. Nếu đó là sự cố phần cứng, có thể bạn sẽ phải kiểm tra một bảng mạch với đèn pin ngậm trên miệng và mỏ hàn cầm trên tay, xem xét từng mối nối. Nếu có liên quan đến hệ thống mạng, rất có thể là bạn phải lần mò theo những sợi dây cáp ngoằn ngoèo chạy bên trên trần nhà và bên dưới sàn nhà, đang liên kết các trung tâm dữ liệu xa xôi đầy máy chủ với một văn phòng đầy máy tính xách tay.

Bởi vì các hệ thống đều hoạt động theo các chỉ thị, hoặc các quy tắc, việc phân tích như vậy cuối cùng lại chính là việc truy tìm quy tắc nào đã thất bại, như thế nào, và tại sao - một nỗ lực tìm ra những điểm cụ thể nào mà ở

đó mục đích của quy tắc ấy lại không được các công thức hay cách áp dụng của nó thực hiện thỏa đáng. Phải chăng hệ thống đã hỏng vì một cái gì đó không truyền tải được, hay là vì có ai đã lạm dụng hệ thống bằng cách truy cập trái phép vào một nguồn tài nguyên không dành cho họ, hay là họ truy cập hợp lệ vào nguồn tài nguyên cho phép nhưng lại khai thác nó quá mức? Phải chăng công việc của một thành phần bị dừng lại, hoặc bị cản trở, do một thành phần khác? Phải chăng một chương trình, hay máy tính, hay một nhóm người đã chiếm dụng nhiều hơn phân chia phù hợp mà hệ thống đã dành cho?

Trong sự nghiệp của mình, khi đặt ra những câu hỏi này về các công nghệ mà tôi chịu trách nhiệm thì tôi càng ngày càng thấy khó mà không nghĩ đến đất nước mình. Và tôi càng ngày càng nản lòng bởi vì tôi có thể sửa chữa được cái trước nhưng lại bó tay với cái sau. Tôi kết thúc công việc trong ngành tình báo với niềm tin rằng hệ điều hành của đất nước tôi - chính phủ của nó - đã cho rằng nó vận hành tốt nhất khi bị hỏng.

$_0O_0$

12
Homo Contractus - Chủng loại người mới

TÔI ĐÃ MONG MUỐN được phục vụ đất nước, nhưng thay vào đó tôi đã đi làm cho nó. Đây không phải là một sự phân biệt vặt vãnh. Tính ổn định đáng quý mà ba tôi và Pop (ông ngoại tôi) được hưởng lại hoàn toàn không dành cho tôi hoặc bất kỳ ai thuộc thế hệ tôi. Cả ba tôi và Pop đều tham gia phục vụ đất nước từ ngày đầu tiên của cuộc đời làm việc cho đến ngày cuối cùng trước khi nghỉ hưu. Đó là cái chính phủ Mỹ quen thuộc với tôi, từ thuở còn nằm nôi - khi đã cho tôi cơm ăn, áo mặc, và nhà ở - cho đến lúc chứng nhận an ninh để tôi gia nhập Cộng đồng Tình báo. Chính phủ đó đã xem việc phục vụ của công dân như một khế ước: sẽ chu cấp cho ta và gia đình ta, để đổi lấy sự chính trực và những năm tháng tươi đẹp nhất của đời ta.

Nhưng tôi đã vào Cộng đồng IC trong một thời đại khác.

Đến thời của tôi, tính chất ngay thật của dịch vụ công đã nhường chỗ cho lòng tham của khu vực tư nhân, và khế ước thiêng liêng của binh lính, sĩ quan và công chức chuyên nghiệp đã bị thay thế bằng sự mặc cả quỷ quái của *Homo Contractus* (Người Đấu Thầu), chủng loại chủ yếu của Chính phủ Hoa Kỳ 2.0. Sinh vật này không phải là những công chức có tuyên thệ mà là những người làm việc ngắn hạn với lòng yêu nước được khuyến khích bằng mức lương cao hơn và đối với họ, chính phủ liên bang không phải là thẩm quyền tối cao mà là khách hàng tối cao.

Vào thời Cách mạng Hoa Kỳ, việc Quốc hội Lục địa thuê tàu chiến tư nhân và lính đánh thuê để bảo vệ nền độc lập của một xứ sở mà lúc đó chưa trở thành một nền cộng hòa đúng chức năng là điều hợp lý. Nhưng với nước Mỹ siêu cường ở thiên niên kỷ thứ ba mà lại trông cậy vào các lực lượng tư nhân hóa để bảo vệ quốc gia thì tôi thấy đúng là kỳ lạ và có gì đó nguy hiểm. Thật vậy, ngày nay việc cho tư nhân đấu thầu thường liên quan đến những thất bại nghiêm trọng của Mỹ, chẳng hạn như công việc chiến đấu thuê của công ty Blackwater (đã đổi tên thành Xe Services sau khi các nhân viên của họ bị kết án giết mười bốn thường dân Iraq, và rồi lại đổi tên thành Academi sau khi được một nhóm nhà đầu tư tư nhân mua lại), hoặc công việc tra tấn thuê của các công ty CACI và Titan (cả hai đều cung cấp nhân sự để khủng bố các tù nhân ở Abu Ghraib).

Những sự việc chấn động này có thể khiến công chúng tin rằng chính phủ đã thuê các nhà thầu để họ có thể giấu mặt và chối bỏ trách nhiệm,

giao hết cho tư nhân làm những công việc bẩn thỉu bất hợp pháp hoặc bán hợp pháp thì họ có thể giữ cho bàn tay sạch sẽ và lương tâm trong sáng. Nhưng điều đó không hoàn toàn đúng, hoặc ít nhất là không hoàn toàn đúng trong cộng đồng IC, vốn ít chú trọng chuyện chối bỏ trách nhiệm hơn là việc làm sao đừng bao giờ bị bắt quả tang ngay từ đầu. Thay vào đó, mục đích chính mà Cộng đồng IC cho tư nhân đấu thầu công việc lại trần tục hơn nhiều: Đó là một cách tránh né, một thủ thuật, một trò "hack" để những cơ quan này phá vỡ các hạn mức nhân sự của chính phủ liên bang. Mỗi cơ quan đều có số lượng người theo quy định, một giới hạn của luật pháp về số lượng người có thể tuyển dụng để làm một loại công việc nào đó. Nhưng người đấu thầu lại không nằm trong số đó, vì họ không được chính phủ liên bang tuyển dụng trực tiếp. Các cơ quan tình báo có thể thuê bao nhiêu người ngoài cũng được trong khả năng chi trả của họ, và họ có thể chi trả cho bao nhiêu người tùy ý - họ chỉ cần làm mỗi một việc là xác nhận trước một vài tiểu ban do quốc hội chỉ định rằng bọn khủng bố sắp vớ lấy con em chúng ta, hoặc người Nga nấp trong email của chúng ta hoặc người Trung Quốc nấp trong lưới điện của chúng ta. Quốc hội không bao giờ nói không với kiểu cầu khẩn này, thực ra lại là một kiểu hăm dọa, và răm rắp chấp thuận các yêu cầu của cộng đồng IC.

Trong số các tài liệu mà tôi cung cấp cho các nhà báo có Ngân sách Đen 2013. Đây là một ngân sách mật, trong đó hơn 68% ngân sách, tức 52,6 tỷ đô-la, là dành riêng cho Cộng đồng IC, bao gồm quỹ lương cho 107.035 nhân viên IC - hơn một phần năm trong số đó, khoảng 21.800 người, là nhân viên hợp đồng toàn thời gian. Và con số này thậm chí còn chưa tính đến hàng chục ngàn người nữa được thuê bởi các công ty có ký hợp đồng thầu (hoặc thầu phụ, hoặc thầu phụ cấp thấp hơn nữa) với các cơ quan tình báo để làm một dịch vụ hay dự án đặc biệt. Số nhân sự hợp đồng đó không bao giờ được chính phủ tính tới, cũng không có ghi trong Ngân sách Đen, bởi vì cộng thêm hàng ngũ này vào tổng số nhân sự hợp đồng sẽ cho thấy rành rành một sự thật đáng lo ngại: nhân sự tư nhân thực hiện công việc Tình báo của nước Mỹ cũng thường xuyên chẳng kém gì các công chức chính phủ.

Tất nhiên là ngay cả trong chính phủ cũng có những người cho rằng cách rót tiền này là có lợi. Theo họ, với các nhà thầu, chính phủ có thể khuyến khích đấu thầu cạnh tranh để giảm chi phí, và không phải lo lắng việc chi trả hưu bổng. Nhưng cái lợi thực sự cho các quan chức chính phủ là sự xung đột lợi ích luôn chực sẵn trong chính quy trình lập ngân sách. Giám đốc IC sẽ yêu cầu Quốc hội cấp tiền thuê nhân viên hợp đồng từ các công

ty tư nhân, các nghị sĩ quốc hội sẽ phê duyệt số tiền đó, và khi các giám đốc IC và nghị sĩ đó thôi giữ chức thì họ sẽ được đền đáp bằng những vị trí và vai trò tư vấn lương cao ngất ở các công ty mà họ vừa làm giàu cho. Còn với quan điểm của giới lãnh đạo công ty, việc đấu thầu sẽ vận hành như một kiểu tham nhũng được chính phủ hỗ trợ. Đó là cách hợp pháp và thuận tiện nhất nước Mỹ để chuyển tiền công vào túi riêng.

Nhưng dẫu cho công việc tình báo được tư nhân hóa đến đâu đi nữa thì chính phủ liên bang vẫn là thẩm quyền duy nhất có thể chứng nhận an ninh cho cá nhân tiếp cận thông tin mật. Và do các ứng viên nộp đơn xin chứng nhận phải được bảo trợ - tức là họ phải có một lời mời làm việc cho một vị trí cần có chứng nhận này - hầu hết các nhân viên hợp đồng bắt đầu sự nghiệp của họ ở một vị trí trong chính phủ. Nói cho cùng, các công ty tư nhân đều thấy không đáng phải chịu phí tổn để bảo trợ cho đơn chứng nhận an ninh của bạn rồi sau đó phải trả lương cho bạn ngồi không chờ đợi khoảng một năm để chính phủ phê duyệt. Tuyển dụng luôn một nhân viên chính phủ đã được chứng nhận sẵn thì hợp lý về mặt tài chính hơn. Yếu tố hiệu quả kinh tế này đã tạo ra tình huống là chính phủ phải chịu mọi gánh nặng của việc kiểm tra lý lịch nhưng chẳng gặt hái được bao nhiêu lợi ích. Nó phải làm tất cả công việc và chịu mọi chi phí để xác minh lý lịch các ứng viên, những người ngay khi được chứng nhận xong thường đi thẳng ra cửa, đổi huy hiệu màu xanh của nhân viên chính phủ lấy huy hiệu xanh lá cây của nhà thầu. Mọi người hay nói đùa là màu xanh lá cây tượng trưng cho "tiền".

Công việc chính phủ đã bảo trợ cho tôi được chứng nhận TS/SCI không phải là công việc mà tôi mong muốn, mà chỉ là một công việc tôi tìm được: Tôi chính thức là nhân viên của bang Maryland, làm việc cho Đại học Maryland ở College Park. Trường đại học này đang giúp NSA mở một cơ sở mới gọi là Trung tâm Nghiên cứu Ngôn ngữ cao cấp *(Center for Advanced Study of Language* - CASL)

Nhiệm vụ bề ngoài của CASL là nghiên cứu cách con người học ngôn ngữ và nghĩ ra các phương pháp dùng máy tính hỗ trợ để giúp học ngôn ngữ nhanh hơn và tốt hơn. Nhiệm vụ ngầm hiểu là NSA cũng muốn phát triển các phương cách để tăng cường khả năng hiểu ngôn ngữ của máy tính. Các cơ quan khác cần dịch thuật và phiên dịch tại chỗ tiếng Ả Rập (cũng như tiếng Farsi, tiếng Dari, tiếng Pashto và tiếng Kurdish) đang gặp khó khăn trong việc tìm kiếm những người thông thạo các ngôn ngữ này và đã qua được các cuộc kiểm tra an ninh lố bịch ấy - tôi biết có quá nhiều người Mỹ bị từ chối chỉ vì họ có một người anh em bà con xa lắc nào đó gây

phiền phức, người mà họ thậm chí chưa bao giờ gặp mặt. Còn NSA lại vất vả với chuyện làm sao cho các máy tính có thể hiểu và phân tích được số lượng khổng lồ các thông tin liên lạc bằng tiếng nước ngoài mà cơ quan này đang lén thu thập.

Tôi không thể hình dung rõ hơn về các loại công việc mà CASL phải làm, vì lý do đơn giản là khi tôi trình diện để làm việc với tấm thẻ chứng nhận an ninh sáng loáng thì trung tâm này vẫn chưa khánh thành. Thực tế là xây dựng vẫn chưa xong. Cho đến khi mọi phòng ốc đều đã hoàn tất và thiết bị kỹ thuật được lắp đặt thì công việc của tôi về cơ bản là làm nhân viên bảo vệ ca đêm. Trách nhiệm của tôi chỉ là mỗi ngày ló mặt tới để đi tuần tra qua các hành lang trống vắng sau khi các công nhân xây dựng - cũng là người làm theo hợp đồng - đã xong việc, bảo đảm sao cho không có ai thiêu rụi tòa nhà này hay đột nhập vào cài thiết bị nghe trộm. Tôi bỏ ra hàng giờ liền để đi nhiều vòng khắp cái vỏ bọc mới xây xong một nửa ấy, kiểm tra tiến độ trong ngày: thử những chiếc ghế vừa mới lắp đặt trong một hội trường tối tân, ném những viên đá qua lại trên một mái nhà đột nhiên có đá dăm, ngắm nghía tấm vách thạch cao mới, và thực sự là nhìn ngó những lớp sơn khô dần.

Đây là cuộc sống của một nhân viên bảo vệ ca đêm ở một cơ sở tối mật, và sự thật là tôi không thấy phiền hà gì. Về cơ bản, tôi được trả lương để không làm gì cả ngoài việc lang thang trong bóng tối với những suy nghĩ trong đầu, và tôi đã có mọi thời gian trên đời để sử dụng một chiếc máy tính duy nhất hoạt động được mà tôi có quyền truy cập ở tòa nhà này để tìm kiếm việc làm mới. Vào ban ngày, tôi phải ngủ và đi theo những chuyến chụp ảnh của Lindsay - nhờ sự tán tỉnh và mưu mô của tôi, cuối cùng cô đã bỏ luôn các bạn trai khác.

Lúc đó tôi vẫn còn ngây thơ đến mức nghĩ rằng việc làm ở trung tâm CASL sẽ là cầu nối cho một công việc toàn thời gian cho liên bang. Nhưng càng nhìn quanh, tôi càng ngạc nhiên khi nhận ra là có rất ít cơ hội để phục vụ đất nước một cách trực tiếp, ít ra là trong một vai trò kỹ thuật có ý nghĩa. Cơ hội tốt hơn cho tôi là làm hợp đồng cho một công ty tư nhân đang phục vụ đất nước vì lợi nhuận; và hóa ra tôi đã có một cơ hội tốt nhất để làm theo hợp đồng cho một công ty tư nhân đã ký hợp đồng với một công ty tư nhân khác đang phục vụ đất nước vì lợi nhuận. Hiểu ra thì thật ngỡ ngàng.

Điều đặc biệt kỳ lạ với tôi là hầu hết các công việc làm kỹ thuật hệ thống và quản trị hệ thống ngoài kia đều là của tư nhân, bởi vì các vị trí này có quyền truy cập gần như toàn bộ vào thực thể kỹ thuật số của chủ tuyển

dụng. Thật không thể tưởng tượng nổi nếu như một ngân hàng lớn hoặc thậm chí một đơn vị truyền thông xã hội thuê người ngoài làm những công việc ở cấp hệ thống. Thế nhưng, trong bối cảnh của chính phủ Hoa Kỳ, việc tái cấu trúc các cơ quan tình báo của ta để cho các hệ thống nhạy cảm nhất của ta lại được điều hành bởi một người nào đó không thực sự làm việc cho ta lại được phê chuẩn như một sự đổi mới.

$_0O_0$

Các cơ quan tình báo đã thuê các công ty công nghệ tuyển dụng đám nhóc con, và sau đó họ trao cho chúng chìa khóa của vương quốc, bởi vì - như Quốc hội và báo chí được nghe nói - các cơ quan ấy không có sự lựa chọn. Không có ai khác am hiểu cách hoạt động của các chìa khóa này, hoặc lĩnh vực này. Tôi đã cố lý giải mọi chuyện đó thành một cái cớ để lạc quan. Tôi đè nén mọi hoài nghi, soạn một bản lý lịch và đi đến các hội chợ việc làm, những nơi mà, ít nhất là trong những năm đầu thế kỷ 21, là địa điểm chính để các nhân viên hợp đồng tìm việc mới và nhân viên chính phủ được mồi chài. Những hội chợ này có tên "Clearance Jobs" - tuyển dụng An ninh.

Vào thời ấy, những sự kiện như thế sẽ được tổ chức hàng tháng tại khách sạn Ritz-Carlton ở Tysons Corner, bang Virginia, trên con đường có tổng hành dinh của CIA, hoặc tại một trong những khách sạn nhếch nhác hơn kiểu khách sạn Marriott gần sở chỉ huy NSA ở Fort Meade. Chúng khá giống mọi hội chợ việc làm khác, tôi nghe nói vậy, chỉ trừ một ngoại lệ quan trọng: ở đây luôn có cảm giác như số nhà tuyển dụng lại đông hơn số người cần tuyển dụng. Điều đó sẽ cho bạn thấy một dấu hiệu về sự ham muốn của ngành này. Các nhà tuyển dụng đã trả rất nhiều tiền để có mặt tại các hội chợ đó, bởi vì đây là những nơi duy nhất trên cả nước mà ai đi qua cửa đều đeo toàn những huy hiệu, bảng tên, nhãn dán, được cho là đã sàng lọc trước trên mạng và đã kiểm tra chéo với các cơ quan - vì vậy ai cũng được xem như đã có chứng nhận an ninh, và có lẽ đều có những kỹ năng cần thiết.

Một khi bạn đã rời khỏi tiền sảnh khách sạn trang hoàng đẹp mắt để tới phòng khiêu vũ dành cho việc tuyển dụng thì bạn đã bước vào Hành tinh nhà thầu. Ai cũng có mặt ở đó: đây không phải là Đại học Maryland nữa - đây là các tập đoàn Lockheed Martin, BAE Systems, Booz Allen Hamilton, DynCorp, Titan, CACI, SAIC, COMSO, cũng như hàng trăm cái tên viết tắt

khác mà tôi chưa từng nghe tới. Một số nhà thầu chỉ đặt một chiếc bàn, nhưng những nhà thầu lớn hơn đều có gian hàng riêng được trang bị đầy đủ và có cả thức uống giải khát.

Sau khi bạn đưa cho nhà tuyển dụng tiềm năng một bản lý lịch của mình và tán gẫu một chút, một dạng phỏng vấn không chính thức, họ sẽ lật các tập hồ sơ ra, trong đó có danh sách mọi yêu cầu nhân sự của chính phủ mà họ đang cố gắng đáp ứng. Nhưng do tính chất công việc là bí mật, các yêu cầu nhân sự lại không đi kèm các chức danh đã được chuẩn hóa và các nội dung mô tả việc làm như thông lệ mà là những lời dông dài có mã số, cố tình mơ hồ, thường là riêng biệt cho từng nhà thầu. Chẳng hạn, công việc "Chuyên viên Phát triển Cấp cao 3" có thể hoặc không thể tương đương công việc "Chuyên viên Phân tích Chính 2" của một công ty khác. Thường thì cách duy nhất để phân biệt các vị trí này là để ý rằng mỗi công việc đều nêu rõ yêu cầu riêng về số năm kinh nghiệm, trình độ bằng cấp và loại giấy phép an ninh.

Sau những tiết lộ tố cáo của tôi năm 2013, chính phủ Hoa Kỳ thường cố hạ uy tín của tôi bằng cách gọi tôi "chỉ là nhân viên hợp đồng" hay "cựu nhân viên hãng Dell" với hàm ý rằng tôi không được chứng nhận an ninh và không được phép tiếp cận như nhân viên đeo huy hiệu xanh của cơ quan. Khi đã củng cố cái đặc điểm hạ bệ đó rồi, chính phủ tiếp tục buộc tội tôi là "nhảy việc" ám chỉ rằng tôi thuộc loại nhân viên bất mãn, không hòa hợp với cấp trên hoặc là một nhân viên cực kỳ tham vọng, quyết thăng tiến bằng mọi giá. Sự thật là cả hai điều đó đều là những lời nói dối cho qua chuyện. Cộng đồng Tình báo hiểu rõ hơn ai hết là sự thay đổi việc làm gắn liền với sự thăng tiến nghềnghiệp của mọi nhân viên hợp đồng: Đó là một công việc mang tính cơ động mà chính các cơ quan này đã tạo ra và hưởng lợi từ đó.

Trong khi làm theo hợp đồng cho các cơ quan an ninh quốc gia, đặc biệt là làm theo hợp đồng về kỹ thuật, bạn thường thấy mình làm việc thực tế tại một cơ sở của cơ quan ấy, nhưng trên danh nghĩa - trên giấy tờ - là làm việc cho Dell, hoặc Lockheed Martin, hoặc cho một trong vô vàn công ty nhỏ hơn, thường được một hãng nào đó cũng lớn như Dell hay Martin Lockheed mua lại. Tất nhiên, trong một thương vụ sáp nhập như vậy, các hợp đồng của công ty nhỏ hơn cũng được mua lại, và đột nhiên, một ông chủ khác và chức danh công việc khác sẽ xuất hiện trên danh thiếp của bạn. Nhưng công việc hằng ngày của bạn vẫn y như cũ: bạn vẫn đang ngồi tại cơ sở của cơ quan ấy, làm các nhiệm vụ của mình. Chẳng có gì thay đổi cả. Trong lúc đó, hàng chục đồng nghiệp ngồi bên trái và bên phải bạn - cũng

chính những đồng nghiệp mà bạn hằng ngày làm việc chung dự án - trên lý thuyết cũng có thể được tuyển dụng bởi cả chục công ty khác nhau, và các công ty đó có khả năng cũng chỉ là một mắt xích trong chuỗi nhà thầu con cấp thấp của các tập đoàn thực sự ký hợp đồng chính với cơ quan này.

Ước gì tôi nhớ được trình tự chính xác những công việc hợp đồng của mình, nhưng tôi không còn giữ bản lý lịch tìm việc nữa, - tập tin *Edward_Snowden_Resume.doc,* khóa kín trong thư mục Documents trong một chiếc máy tính gia đình cũ của tôi, đã bị FBI tịch thu cho tới nay. Nhưng tôi chắc chắn là nhờ công việc hợp đồng quan trọng đầu tiên của tôi, thực tế là hợp đồng cho một công ty thầu phụ: CIA đã thuê BAE Systems, công ty này đã thuê COMSO, và COMSO đã thuê tôi.

BAE Systems là một chi nhánh hạng trung tại Mỹ của tập đoàn British Aerospace, được lập ra chỉ để nhận thầu với Cộng đồng IC Mỹ. COMSO về cơ bản là công ty tuyển dụng, nhưng thực ra chỉ có một vài người suốt ngày lái xe quanh Beltway cố tìm những nhân viên làm thuê thực sự ("cái mông") và ký hợp đồng với họ ("bắt cái mông ngồi vào ghế"). Trong tất cả các công ty tôi đã nói chuyện tại các hội chợ việc làm, COMSO là hãng đói nhất, có lẽ vì nó thuộc những hãng nhỏ nhất. Tôi không hề biết tên viết tắt của công ty là gì, hay thậm chí nó có ý nghĩa gì không nữa. Trên lý thuyết, COMSO sẽ là chủ tuyển dụng của tôi, nhưng tôi chưa bao giờ làm việc một ngày nào tại văn phòng COMSO, hoặc tại văn phòng BAE Systems, và rất ít có nhân viên hợp đồng nào làm việc ở đó. Tôi chỉ làm việc tại trụ sở của CIA.

Thực ra, tôi chỉ đến văn phòng COMSO, ở Greenbelt, Maryland, đâu khoảng hai hoặc ba lần trong đời. Một lần trong số đó là lúc tôi đến để thương lượng về mức lương và ký một số giấy tờ. Tại CASL, tôi đang làm với mức lương khoảng 30 nghìn đô-la/năm, nhưng công việc đó không liên quan gì đến kỹ thuật công nghệ, vì vậy tôi cảm thấy thoải mái khi yêu cầu COMSO mức lương 50 nghìn đô-la. Khi tôi đưa ra con số đó cho người ngồi sau bàn làm việc, ông ta nói, "Thế 60 nghìn đô-la thì sao?"

Lúc đó tôi còn thiếu kinh nghiệm, tôi không hiểu tại sao ông ta lại cố trả lương quá cao cho tôi. Tôi đoán là rốt cuộc đây không phải là tiền của COMSO, nhưng sau này tôi mới biết có một số hợp đồng mà COMSO và BAE cùng nhiều công ty khác đã xử lý thuộc loại gọi là "cộng thêm chi phí". Điều này có nghĩa là các cơ quan chính phủ phải chi trả cho các nhà thầu trung gian này bất cứ mức lương nào của nhân viên hợp đồng, cộng với một khoản phí từ 3 đến 5 phần trăm số tiền đó mỗi năm. Tăng mức

lương lên thì ai cũng được lợi - tất cả mọi người, tức là ngoại trừ người dân đóng thuế.

Người của COMSO cuối cùng đã bảo tôi, hoặc tự bảo với chính ông ta, tăng lên tới 62.000 đô-la, do tôi một lần nữa đồng ý làm việc ca đêm. Ông ta chìa tay ra và khi tôi bắt tay, ông ta tự giới thiệu là "giám đốc" của tôi. Ông ta tiếp tục giải thích rằng chức danh này chỉ là hình thức, và tôi sẽ nhận lệnh trực tiếp từ CIA. "Nếu mọi việc suôn sẻ", ông ta nói, "chúng ta sẽ không bao giờ gặp lại".

Trong các phim gián điệp và chương trình truyền hình, khi ai đó nói với bạn như thế thì thường có nghĩa là bạn sắp lên đường làm nhiệm vụ nguy hiểm và có thể chết. Nhưng trong cuộc đời gián điệp thực sự, điều đó có nghĩa là, "Chúc mừng công việc mới". Đến lúc ra khỏi cửa, tôi chắc chắn là ông ta đã quên mất khuôn mặt của tôi.

Tôi rời cuộc gặp gỡ đó trong tâm trạng phấn chấn, nhưng trên đường trở về, thực tế lại hiển hiện: Tôi nhận ra đây là sẽ là con đường đi làm hằng ngày của mình. Nếu tôi vẫn sống ở Ellicott City, Maryland, cận kề với Lindsay, nhưng lại làm việc tại trụ sở CIA ở Virginia, thì việc đi làm mỗi ngày của tôi có thể phải mất đến một tiếng rưỡi mỗi lượt đi về trong dòng xe kẹt ở Beltway, và vậy là tiêu đời tôi. Chỉ vài lần thôi là đủ phát điên rồi. Có mở bao nhiêu sách nói để nghe trong lúc kẹt xe cũng không thể cứu vãn.

Tôi không thể yêu cầu Lindsay chuyển xuống Virginia cùng tôi vì cô vẫn còn đang học năm thứ hai ở trường mỹ thuật MICA, và phải đến lớp ba ngày một tuần. Chúng tôi bàn luận chuyện này, và để giữ bí mật tôi chỉ gọi công việc của tôi ở dưới đó là COMSO - chẳng hạn, "Tại sao COMSO lại ở rất xa như vậy?" Cuối cùng, chúng tôi quyết định rằng tôi sẽ tìm thuê một chỗ ở dưới đó, gần COMSO - chỉ là một phòng nhỏ để lăn ra ngủ vào những ngày tôi làm việc ca đêm ở COMSO - rồi vào mỗi cuối tuần tôi sẽ lên Maryland trở lại, hoặc cô ấy sẽ xuống đó với tôi.

Tôi bắt đầu tìm một chỗ như thế, một điểm hội tụ nằm ngay phần giao nhau của sơ đồ tư duy tập hợp, đủ rẻ để tôi có thể thuê và đủ tươm tất để Lindsay có thể ở được. Hóa ra đó là một cuộc tìm kiếm khó khăn: Với số lượng người làm việc tại CIA, và vị trí của CIA ở Virginia - nơi mật độ nhà ở có thể cho là thuộc vùng bán nông thôn - giá cả ở đây cao ngất trời. Những khu vực có mã vùng 22100 là nơi có mã vùng đắt nhất nước Mỹ.

Cuối cùng, dò trên mạng rao vặt Craigslist, tôi tìm thấy một căn phòng cho thuê lạ lùng sao lại vừa mức chi phí của tôi, trong một ngôi nhà lạ lùng sao lại rất gần trụ sở CIA - cách chưa đầy mười lăm phút đi đường. Tôi

bèn tới đó xem nhà, cứ nghĩ mình sẽ nhìn thấy một căn nhà bẩn thỉu như chuồng lợn của một kẻ độc thân. Trái lại, xe tôi dừng trước một ngôi nhà sang trọng kiểu McMansion to lớn, mặt tiền lắp toàn kính, được chăm sóc tươm tất với một bãi cỏ tạo hình được thay đổi theo mùa. Tôi hoàn toàn nghiêm túc khi nói rằng tôi càng đến gần ngôi nhà đó thì mùi vị bí ngô cay càng nóng.

Một ông tên là Gary ra mở cửa. Ông ta đúng là lớn tuổi, điều mà tôi chờ đợi qua giọng điệu *"Dear Edward"* trong email của ông ta, nhưng tôi đã không ngờ là ông lại ăn mặc đẹp như vậy. Ông ta rất cao, với mái tóc xám húi cao, mặc một bộ đồ vét, bên ngoài khoác một chiếc tạp dề. Ông hỏi tôi rất lịch sự là có phiền không nếu tôi phải chờ một chút, ông lúc đó đang bận trong bếp, chuẩn bị một khay táo, cắm đinh hương lên rồi rưới hạt nhục đậu khấu, quế và đường.

Khi đã cho khay táo vào lò nướng, Gary đưa tôi đi xem căn phòng nằm dưới tầng hầm, và bảo tôi có thể dọn đến ngay lập tức. Tôi chấp nhận đề nghị này rồi đặt tiền cọc và trả trước tiền thuê nhà một tháng.

Sau đó, ông cho tôi biết nội quy trong nhà, rất ngắn gọn dễ nhớ:

Không bừa bộn.

Không chó mèo.

Không có khách qua đêm.

Tôi thú nhận là tôi đã vi phạm quy định đầu tiên gần như ngay lập tức, và tôi không bao giờ có ý định vi phạm quy định thứ hai. Còn quy định thứ ba thì Gary đã phá lệ cho Lindsay.

13
Truyền bá

CHẮC BẠN KHÔNG LẠ GÌ CÚ quay xác định bối cảnh trong rất nhiều phim gián điệp và chương trình TV có dòng phụ đề "Tổng hành dinh CIA, Langley, Virginia" chứ? Rồi sau đó máy quay sẽ lướt qua gian tiền sảnh bằng đá cẩm thạch với bức tường có các ngôi sao và sàn nhà có hình con dấu của cơ quan này phải không? À, Langley là cái tên lịch sử của cơ sở này, mà CIA thích cho Hollywood sử dụng; Trụ sở CIA chính thức lại đặt ở McLean, Virginia; và thực sự không có ai đi qua gian tiền sảnh kia ngoại trừ khách VIP hoặc người ngoài đi theo tour du lịch.

Tòa nhà đó là Trụ sở cũ. Tòa nhà nơi hầu hết mọi người làm việc tại CIA bước vào lại không dễ dàng để quay cận cảnh đâu: đó là Trụ sở mới. Ngày đi làm đầu tiên của tôi là một trong số rất ít dịp tôi ở đó trong ánh nắng trời. Ngược lại, phần lớn thời gian trong ngày tôi làm việc dưới lòng đất - trong một căn phòng bụi bặm, tường xây gạch bê-tông trông ảm đạm như cái hầm trú ẩn hạt nhân và hăng mùi thuốc tẩy.

"Hóa ra Chính phủ Ngầm là đây", một anh chàng nói, và hầu như ai cũng bật cười. Tôi nghĩ anh ta đã mong sẽ gặp một hội kín toàn con nhà giàu học trường danh tiếng khoác áo trùm đầu tụng kinh ê a, còn tôi thì lại chờ đợi một nhóm người bình thường kiểu công chức, một phiên bản mới của thế hệ ba má tôi ngày trước. Thay vào đó, chúng tôi toàn là dân máy tính - và phải, gần như giống nhau - những đứa lần đầu tiên trong đời mặc áo vét đi làm. Có mấy đứa xăm mình và xỏ khuyên, hoặc không giấu được việc chúng đã tháo khuyên ra cho ngày trọng đại này. Một đứa vẫn còn để những vệt màu nhuộm trên mái tóc. Hầu như tất cả đều đeo huy hiệu nhân viên hợp đồng, màu xanh lá cây mới cứng như tờ một trăm đô-la. Chúng tôi chắc chắn là không giống một nhóm điên cuồng quyền lực giấu mặt ngồi trong các ngăn làm việc bí mật dưới lòng đất, điều khiển hành động của các lãnh đạo Mỹ đắc cử.

Cuộc hội họp này là giai đoạn đầu tiên để chuyển hóa chúng tôi. Nó được gọi là buổi truyền bá, và toàn bộ vấn đề là thuyết phục chúng tôi tin rằng mình thuộc giới ưu tú, rằng mình đặc biệt, rằng mình đã được chọn để chia sẻ các bí mật quốc gia và những sự thật mà cả nước - và có khi ngay cả Quốc hội và tòa án - không thể xử lý.

Trong lúc ngồi nghe buổi truyền bá này, tôi không tránh khỏi ý nghĩ là những người thuyết trình đang nói những chuyện mà ai cũng biết rồi. Đâu

cần phải nói với một đám dân máy tính lành nghề là họ có những kiến thức và kỹ năng vượt trội, tạo điều kiện đặc biệt cho họ hành động độc lập và đưa ra quyết định thay cho đồng bào của mình mà không cần giám sát hay xét duyệt. Không có gì kích thích sự ngạo mạn cho bằng việc cả đời ngồi điều khiển những bộ máy không thể nào bị chỉ trích.

Theo tôi nghĩ, điều này đúng là tiêu biểu cho mối quan hệ lớn lao của Cộng đồng Tình báo và ngành công nghệ: cả hai đều là những thế lực cố thủ và không được bầu chọn, tự hào với việc giữ bí mật tuyệt đối những triển khai của họ. Cả hai đều tin rằng họ có giải pháp cho mọi sự, điều khiến họ không bao giờ ngần ngại tự áp dụng một mình. Hơn hết thảy, cả hai đều tin rằng các giải pháp này vốn mang tính phi chính trị, bởi vì chúng chỉ dựa vào dữ liệu, thứ có lợi thế là được ưa chuộng hơn là những ý tưởng bốc đồng hỗn loạn của thường dân.

Giống như việc trở thành chuyên gia công nghệ, việc học những nguyên tắc nhập môn của Cộng đồng IC có tác dụng tâm lý mạnh mẽ. Đột nhiên bạn tiếp cận được câu chuyện đằng sau câu chuyện, lịch sử ẩn giấu của các sự kiện đã biết rõ, hoặc được cho là đã biết rõ. Điều đó có thể khiến ta say sưa, ít ra là đối với một người không uống rượu như tôi. Và cũng đột nhiên bạn không những được phép mà còn có nghĩa vụ phải nói dối, che giấu, giả vờ và làm ngơ. Điều này tạo ra một cảm giác văn hóa bộ lạc, có thể khiến nhiều người tin rằng họ phải trung thành với tổ chức là trên hết chứ không phải là thượng tôn luật pháp.

Tất nhiên là tôi đâu có nghĩ đến những điều này khi ngồi nghe giảng lúc đó. Tôi chỉ cố gắng giữ cho mình khỏi ngủ gục trong lúc những người thuyết trình tiến hành hướng dẫn chúng tôi về các thông lệ bảo mật hoạt động cơ bản, nằm trong một số lượng lớn các kỹ thuật gián điệp mà Cộng đồng IC gọi chung là "nghiệp vụ". Những điều này quá hiển nhiên đến mức nhàm chán: Không được cho bất kỳ ai biết bạn làm việc cho ai. Không được bỏ bê các tài liệu nhạy cảm. Không bao giờ được mang điện thoại di động không bảo mật cao vào văn phòng - hoặc nói chuyện công việc qua điện thoại. Không được mang huy hiệu nhân viên CIA khi đi mua sắm.

Cuối cùng, bài nói dông dài kết thúc, đèn tắt, PowerPoint được bật lên và những khuôn mặt xuất hiện trên màn hình được bắt vít trên tường. Mọi người trong phòng ngồi thẳng dậy. Đây là những khuôn mặt, họ nói với chúng tôi, của những cựu nhân viên chính thức lẫn hợp đồng, do tham lam, ác ý, bất tài, hoặc sơ suất, đã không tuân thủ quy định. Những cựu nhân viên đó đã cho rằng họ đứng trên tất cả những quy định tầm thường và sự

kiêu ngạo ấy đã khiến họ bị giam cầm và hủy hoại. Chúng tôi hiểu được ngụ ý là những người trên màn hình bây giờ đang ở trong những gian hầm thậm chí còn tồi tệ hơn tầng hầm này, và một số người sẽ ở đó cho đến chết.

Nói chung, đây là một bài thuyết trình hiệu quả.

Tôi được biết là trong những năm kể từ khi sự nghiệp của tôi kết thúc, màn liệt kê tai họa này - những kẻ bất tài, hai mang, đào ngũ và phản bội - đã được mở rộng để bổ sung thêm một loại: những người có nguyên tắc, những người tố cáo sai trái trong nội bộ vì lợi ích công cộng. Tôi chỉ có thể hy vọng rằng những người tuổi hai mươi đang ngồi ở đó hôm nay sẽ ngạc nhiên thấy chính phủ nhập chung việc bán bí mật cho kẻ thù với việc tiết lộ cho báo chí khi những khuôn mặt mới - khi khuôn mặt tôi - xuất hiện trên màn hình.

Tôi làm cho CIA vào thời điểm nhuệ khí của cơ quan này đã xuống đến tận đáy. Sau thất bại tình báo ngày 11/9, Quốc hội và các cơ quan hành pháp đã tiến hành một chiến dịch tái tổ chức rất tích cực, bao gồm việc tước bỏ vai trò kép của giám đốc Tình báo Trung ương lâu nay vừa đứng đầu CIA vừa đứng đầu toàn bộ Cộng đồng IC Mỹ - vai trò kép mà chức vụ này đã nắm giữ kể từ ngày CIA được thành lập sau Thế chiến II. Khi George Tenet bị buộc thôi giữ chức năm 2004, quyền lực tối cao trong nửa thế kỷ của CIA trên tất cả các cơ quan khác đã đi theo ông ta.

Hàng ngũ của CIA đã coi sự ra đi của Tenet, và việc truất quyền này là một biểu tượng phản bội công khai nhất của tầng lớp chính khách mà cơ quan này đã được lập ra để phục vụ. Ý thức chung về việc bị chính quyền Bush thao túng và sau đó đổ lỗi cho những chuyện thái quá tồi tệ nhất đã dẫn đến một kiểu văn hóa trù dập và cắt giảm. Điều này chỉ càng trầm trọng thêm khi bổ nhiệm Porter Goss, một cựu viên chức CIA tầm thường đã trở thành nghị sĩ đảng Cộng hòa của bang Florida, làm giám đốc mới của cơ quan này - người đầu tiên giữ chức trong vai trò đã bị thu hẹp.

Việc bổ nhiệm một chính trị gia được coi là một cách trừng phạt và cũng là một nỗ lực để biến CIA thành vũ khí khi đặt nó dưới sự giám sát của đảng phái. Giám đốc Goss ngay lập tức bắt đầu một chiến dịch cách chức, sa thải và nghỉ hưu bắt buộc khiến CIA thiếu hụt nhân sự và phụ thuộc hơn bao giờ hết vào các nhà thầu. Trong khi đó, công chúng nói chung chưa bao giờ có đánh giá thấp về cơ quan này đến thế, hay biết rõ đến thế về hoạt động nội bộ của CIA, nhờ bao thông tin rò rỉ và tiết lộ về các vụ bắt cóc dẫn độ và những nhà tù bí mật.

Vào lúc đó, CIA được chia thành năm tổng cục: Tổng cục Tác chiến *(Directorate of Operations* - DO) chịu trách nhiệm cho hoạt động gián điệp thực tế; Tổng cục Tình báo *(Directorate of Intelligence* - DI) chịu trách nhiệm tổng hợp và phân tích kết quả của hoạt động gián điệp; Tổng cục Khoa học - Kỹ thuật *(Directorate of Science and Technology* - DST) là nơi chế tạo và cung cấp các máy tính, thiết bị liên lạc và vũ khí cho các điệp viên và hướng dẫn cách sử dụng; Tổng cục Hành chính *(Directorate of Administration* - DA) về cơ bản có nghĩa là các luật sư, bộ phận nhân sự, và tất cả những người điều phối công việc hằng ngày của cơ quan và giữ vai trò liên lạc với chính phủ; và cuối cùng là Tổng cục Hậu cần *(Directorate of Support* - DS) là một bộ phận lạ thường và hồi đó là bộ phận lớn nhất. Tổng cục Hậu cần bao gồm tất cả những người làm việc cho cơ quan trong chức năng hỗ trợ, từ phần lớn các chuyên viên kỹ thuật và bác sĩ của cơ quan này cho đến nhân viên trong cafeteria và phòng tập thể dục và đội bảo vệ ở cổng. Chức năng chính của Tổng cục Hậu cần là quản lý cơ sở hạ tầng liên lạc toàn cầu của CIA, nền tảng bảo đảm cho báo cáo của các điệp viên đi tới các chuyên viên phân tích và báo cáo của các chuyên viên phân tích đi tới cấp lãnh đạo. Tổng cục Hậu cần có các nhân viên hỗ trợ kỹ thuật cho toàn cơ quan, bảo trì và bảo vệ an toàn các máy chủ - những người thiết kế và duy trì toàn bộ hệ thống mạng của CIA và kết nối nó với mạng của các cơ quan khác cũng như kiểm soát đường truy cập từ bên ngoài.

Nói tóm lại, đây là những người đã sử dụng công nghệ để liên kết mọi thứ lại với nhau. Do đó, không có gì ngạc nhiên khi đa số họ đều còn trẻ. Cũng không có gì ngạc nhiên khi hầu hết trong số họ đều là nhân viên hợp đồng.

Nhóm của tôi được phân về Tổng cục Hậu cần với nhiệm vụ quản lý kiến trúc máy chủ Washington-Metropolitan của CIA, tức là đại đa số các máy chủ của CIA ở lục địa Hoa Kỳ - những gian nhà lớn mênh mông đặt các máy điện toán lớn đắt tiền bao gồm các mạng nội bộ và cơ sở dữ liệu của cơ quan này, toàn bộ các hệ thống dùng để truyền, nhận và lưu trữ thông tin tình báo. Dù CIA đã rải các máy chủ chuyển tiếp trên khắp đất nước, nhưng nhiều máy chủ quan trọng nhất được đặt ngay cơ sở này. Phân nửa nằm ở Trụ sở mới, nơi nhóm tôi làm việc; nửa còn lại nằm ở Trụ sở cũ gần đó. Các máy chủ này được đặt ở hai phía đối diện của mỗi tòa nhà, cho nên nếu một phía bị nổ tung thì chúng tôi sẽ không bị thiệt hại quá nhiều máy.

Chứng nhận an ninh TS/SCI đã cho tôi quyền truy cập một số "ngăn" thông tin chuyên biệt khác. Trong số đó có có tình báo truyền tin SIGINT *(signals intelligence,* tức là các thông tin liên lạc bị chặn, và tình báo con người HUMINT *(human intelligence,* tức là các công việc được thực hiện và báo cáo bởi các điệp viên và chuyên viên phân tích) - công việc thường xuyên của CIA liên quan đến cả hai hoạt động này. Hơn hết thảy, tôi truy cập được vào ngăn bảo mật thông tin liên lạc COMSEC *(communications security),* nơi cho phép tôi đọc các tài liệu then chốt về mật mã, các bộ mã vốn được coi là bí mật quan trọng nhất của cơ quan vì chúng được sử dụng để bảo vệ tất cả bí mật của các cơ quan khác. Tài liệu mật mã này đã được xử lý và lưu trữ trên các máy chủ mà tôi chịu trách nhiệm quản lý. Nhóm của tôi là một trong số ít nhóm ở cơ quan thực sự được phép đụng tới các máy chủ này, và có lẽ là nhóm duy nhất có quyền truy cập để đăng nhập vào gần như tất cả số máy đó.

Trong CIA, các phòng bảo mật được gọi là các "hầm", và hầm của nhóm tôi nằm cách bộ phận trợ giúp của CIA một quãng ngắn. Vào ban ngày, bộ phận trợ giúp được bố trí một nhóm bận rộn toàn những người lớn tuổi, cỡ tuổi ba má tôi. Họ mặc áo vét quần tây, thậm chí cả áo kiểu và váy đầm; đây là một trong số ít nơi trong thế giới công nghệ CIA thời đó mà tôi nhớ là đã gặp khá đông phụ nữ. Một số phụ nữ này mang phù hiệu màu xanh cho biết họ là nhân viên chính phủ, hay như các nhân viên hợp đồng gọi họ, là các *"govvy"*. Suốt các ca trực, họ không ngừng nhấc hàng dãy điện thoại đang réo chuông để hướng dẫn những người trong tòa nhà này hay đang hoạt động bên ngoài cách khắc phục sự cố kỹ thuật. Đó là một kiểu phiên bản tình báo của công việc ở các tổng đài hỗ trợ qua điện thoại: đặt lại mật khẩu, mở khóa tài khoản, và hướng dẫn thuộc lòng các bước dò lỗi. "Ông có thể thoát ra và đăng nhập lại được không?" "Ông đã cắm dây cáp mạng chưa?". Nếu các *govvy,* với kinh nghiệm kỹ thuật tối thiểu, không thể tự giải quyết một vấn đề nào đó, họ sẽ chuyển lên cho các nhóm chuyên môn hơn, nhất là khi sự cố đang xảy ra ở "Foreign Field", tức là các trạm CIA ở nước ngoài tại những nơi như Kabul hoặc Baghdad hoặc Bogotá hoặc Paris.

Tôi có chút xấu hổ khi thừa nhận là tôi đã thấy tự hào biết bao khi lần đầu tiên đi ngang qua lực lượng u sầu này. Tôi trẻ hơn hàng chục tuổi so với những người ở bộ phận trợ giúp và đang băng qua họ tiến về một gian hầm mà họ không có quyền đi vào và sẽ không bao giờ có. Lúc đó tôi chưa nhận ra rằng phạm vi truy cập của tôi đồng nghĩa với việc chính tiến trình đó có thể bị phá vỡ, rằng chính phủ đã hoàn toàn từ bỏ việc quản lý và đẩy

mạnh tài năng của nó một cách có ý nghĩa từ trong nội bộ, bởi vì cái văn hóa mới mẻ của việc thuê ngoài có nghĩa là họ không cần phải quan tâm nữa. Hơn mọi ký ức nào khác trong sự nghiệp của tôi, con đường tôi đi qua bộ phận trợ giúp của CIA, đối với tôi, đã tượng trưng cho sự thay đổi thế hệ và văn hóa trong Cộng đồng IC mà tôi là một thành phần - thời điểm mà giới đặc quyền trường phái cũ vốn là nguồn nhân sự của các cơ quan này, không làm sao theo kịp những công nghệ mà họ không còn sức để tìm hiểu, đã chào đón một làn sóng mới toàn những hacker trẻ gia nhập tổ chức và để cho họ phát triển, tiếp cận hoàn toàn và nắm giữ quyền lực hoàn toàn với các hệ thống công nghệ vô song chuyên kiểm soát nhà nước.

Theo thời gian, tôi đâm ra yêu mến các *govvy* ở bộ phận trợ giúp, những người tử tế và bao dung với tôi, và họ luôn cảm kích trước sự sẵn lòng giúp đỡ của tôi cho dù đó không phải là việc của tôi. Về phần mình, tôi đã học được nhiều điều từ họ, từng chút một, về cách hoạt động của cái tổ chức lớn bên ngoài khu vực Beltway. Trong số họ cũng có những người thực tế đã từng có thời làm việc ở nước ngoài, giống như các nhân viên mà họ hiện giờ đang hỗ trợ qua điện thoại. Sau một thời gian, họ trở về Hoa Kỳ, không phải lúc nào cùng còn gia đình nguyên vẹn, và họ được chuyển sang bộ phận trợ giúp trong những năm còn lại của sự nghiệp vì họ thiếu các kỹ năng máy tính cần thiết để cạnh tranh trong một cơ quan ngày càng tập trung vào việc mở rộng các khả năng công nghệ.

Tôi rất tự hào khi được nhóm *govvy* ấy tôn trọng, và tôi luôn thấy khó chịu khi nhiều đứa trong nhóm tôi đã tỏ vẻ thương hại một cách hạ cố và thậm chí còn chế nhạo những con người thông minh và tận tụy kia - những con người cả nam lẫn nữ với mức lương thấp và chẳng mấy vinh quang đã cống hiến cho cơ quan này bao nhiêu năm của cuộc đời họ, thường ở những nơi khắc nghiệt và thậm chí hoàn toàn nguy hiểm ở nước ngoài, để rồi cuối cùng chỉ được đền đáp bằng công việc nhấc điện thoại trong hành lang quạnh quẽ.

$_0O_0$

Sau vài tuần làm quen với các hệ thống vào ca ngày, tôi chuyển sang đêm - từ 6 giờ chiều đến 6 giờ sáng - khi bộ phận trợ giúp được bố trí một nhóm thiết yếu kín đáo ngủ gục và ngoài ra cả cơ quan gần như không hoạt động.

Vào ban đêm, nhất là từ 10 giờ tối đến 4 giờ sáng chẳng hạn, CIA vắng tanh và vô hồn, một khu phức hợp bao la và ám ảnh một cảm giác sau tận thế. Mọi thang cuốn đã ngừng chạy và bạn phải đi bộ như đi lên cầu thang. Chỉ có một nửa số thang máy hoạt động, và những tiếng rít mà chúng tạo ra, hầu như không nghe thấy trong sự nhộn nhịp của ban ngày, bây giờ lại vang to đến đáng ngại. Từ trên những bức chân dung, các cựu giám đốc CIA trừng mắt nhìn xuống và tượng những con đại bàng đầu trọc lại càng giống những con thú săn mồi sống thực đang kiên nhẫn chờ tới lúc nhào xuống giết chết con mồi. Những lá cờ Mỹ cuộn cuộn như bóng ma - những hồn ma màu đỏ, trắng và xanh. Cơ quan này gần đây đã cam kết tuân thủ chính sách mới tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường, nên đã cho lắp đặt trên trần loại đèn cảm biến chuyển động: hành lang trước mặt bạn sẽ chìm trong bóng tối và đèn sẽ sáng khi ta đến gần, khiến ta có cảm giác bị theo dõi, và tiếng bước chân ta sẽ vang vọng vô tận.

Suốt mười hai giờ mỗi đêm, ba ngày làm và hai ngày nghỉ, tôi ngồi trong phòng bảo mật phía bên kia bộ phận trợ giúp, giữa hai mươi chiếc bàn, mỗi bàn có hai hoặc ba máy tính đầu cuối dành cho nhân viên quản trị hệ thống duy trì mạng lưới toàn cầu của CIA. Nghe thì có vẻ ghê gớm chứ bản thân công việc này lại khá vô vị, và về cơ bản có thể gọi là ngồi chờ thảm họa xảy ra. Các sự cố nói chung không khó giải quyết. Ngay khi có gì đó trục trặc, tôi phải đăng nhập vào máy tính để cố gắng sửa chữa từ xa. Nếu không sửa được, tôi phải đích thân đi xuống trung tâm dữ liệu nằm kín ở tầng bên dưới tầng làm việc của tôi trong tòa nhà Trụ sở mới - hoặc đi bộ nửa dặm qua đường hầm nối liền trung tâm dữ liệu nằm trong tòa nhà Trụ sở cũ - và sửa chữa trực tiếp các bộ phận máy.

Chỉ có một người làm chung với tôi công việc này - người thứ hai chịu trách nhiệm hoạt động về đêm của toàn bộ kiến trúc máy chủ CIA - và tôi sẽ gọi là Frank. Ông ta là người hết sức khác biệt của nhóm chúng tôi, một ngoại lệ tuyệt vời và có tính cách đặc biệt theo mọi nghĩa. Ngoài việc có ý thức chính trị (theo chủ nghĩa tự do cá nhân đến mức tích trữ cả những đồng tiền vàng Krugerrand của Nam Phi) và luôn quan tâm đến các đề tài không thuộc công nghệ (ông ta đọc các truyện trinh thám xưa và truyện phiêu lưu gay cấn, loại sách bìa mềm), một người trong độ tuổi năm mươi, từng trải nhiều, nguyên là nhân viên vô tuyến điện của hải quân, đã xoay xở để thoát được hàng ngũ trực tổng đài điện thoại nhờ ông ta cũng là nhân viên hợp đồng.

Phải nói là khi lần đầu gặp Frank, tôi đã nghĩ: *Hãy tưởng tượng nếu toàn bộ cuộc đời tôi đều giống như những đêm đã trải qua ở CASL*. Bởi vì, nói

thẳng ra, Frank hầu như không làm việc gì cả. Ít ra, đó là cái ấn tượng mà ông thích tạo ra với người khác. Frank thích nói với tôi, và những người khác, rằng ông thực sự chẳng biết gì về điện toán và không hiểu tại sao họ lại đưa ông vào một nhóm quan trọng như vậy. Ông hay nói rằng "đấu thầu là vụ lừa đảo lớn thứ ba ở Washington", sau thuế thu nhập và Quốc hội. Frank cam đoan là khi cấp trên đề nghị chuyển ông sang nhóm máy chủ, ông đã bảo họ là ông sẽ "gần như vô dụng", nhưng họ cũng vẫn chuyển ông đi như thường. Theo lời Frank, phần lớn thời gian của mười năm ở cơ quan này, ông chỉ làm mỗi một việc là ngồi không đọc sách, mặc dù thỉnh thoảng cũng chơi mấy ván bài một mình - tất nhiên là với một bộ bài thực sự chứ không phải chơi trên máy tính - và hồi tưởng về những người vợ cũ ("cô ấy đẹp khỏi chê") và những cô bồ ("ả ta đã lấy luôn cái xe của tao nhưng cũng đáng"). Có khi ông đi đi lại lại cả đêm và liên tục cập nhật mạng tin tức Drudge Report.

Khi điện thoại reo lên báo hiệu có cái gì đó hỏng hóc, và có khởi động lại máy chủ cũng không khắc phục được sự cố, thì Frank chỉ báo cáo vấn đề cho ca làm việc ban ngày. Về cơ bản, triết lý của ông (nếu có thể gọi như vậy) là ca đêm phải kết thúc vào một lúc nào đó và ca ngày có nhiều nhân sự hơn. Nhưng rõ ràng là ca ngày đã quá chán khi mỗi sáng đi làm lại thấy Frank ngồi gác chân lên một tai họa kỹ thuật số, cho nên tôi mới được tuyển dụng.

Vì lý do nào đó, cơ quan này đã quyết định là đưa tôi vào thì tốt hơn là để ông già này đi. Sau vài tuần làm việc chung, tôi tin chắc rằng việc tiếp tục để ông ta làm phải là kết quả của một mối quan hệ cá nhân hay một ưu ái. Để kiểm tra giả thuyết này, tôi đã cố gợi cho Frank nói ra và hỏi rằng có giám đốc CIA nào hay sếp lớn nào ở cơ quan này đã từng ở trong hải quân cùng với ông ta không. Nhưng câu hỏi của tôi chỉ gây ra một tràng chửi rủa về chuyện các cựu binh hải quân cấp cao ở cơ quan này chẳng có ai là lính trơn cả - toàn là sĩ quan, điều này giải thích khá rõ về chuyện làm ăn chẳng ra chi của CIA. Bài giảng đó cứ kéo dài không ngừng, cho đến khi đột nhiên mặt Frank lộ vẻ hốt hoảng và ông vừa nhảy bật dậy vừa nói, "Tôi phải thay băng!"

Tôi chẳng hiểu ông ta nói gì. Nhưng Frank đã đi đến cánh cửa màu xám ở cuối gian hầm, thông ra một cầu thang bẩn thỉu cho phép đi thẳng xuống trung tâm dữ liệu - căn phòng tối đen, lạnh lẽo, luôn kêu o o nằm ngay bên dưới chỗ chúng tôi ngồi.

Việc đi xuống hầm máy chủ - nhất là ở CIA - có thể khiến bạn mất phương hướng. Bạn rơi vào một vùng bóng tối nhấp nháy những đốm đèn

LED màu đỏ và xanh lá cây như một lễ Giáng sinh ma quỷ, rộn ràng tiếng những chiếc máy quạt công nghiệp chạy vo vo làm mát cho những giàn máy gắn trên giá đỡ khỏi nóng chảy. Ở dưới đó ta luôn có cảm giác hơi choáng váng - ngay cả khi không có một ông già tính khí thất thường chửi thề như tên lính thủy là Frank khi ông lao xuống phòng máy chủ.

Frank dừng lại ở một góc nhà bừa bộn có ngăn ra một buồng làm việc tạm thời chứa các thiết bị cũ tái sử dụng, được đánh dấu là thuộc về Tổng cục Tác chiến. Chiếm gần như toàn bộ chiếc bàn ọp ẹp, buồn bã này là một chiếc máy tính cũ. Nhìn kỹ thì thấy đó là một máy tính từ những năm đầu thập niên 90, hay thậm chí là cuối thập niên 80, cũ hơn bất cứ thứ gì tôi còn nhớ ở phòng nghiên cứu trong căn cứ Tuần duyên của ba tôi - một máy tính đời xưa đến mức tôi không thể gọi là máy tính. Gọi nó là một cái máy thì đúng hơn, vận hành một loại băng từ thu nhỏ nào đó mà tôi không biết nhưng tôi khá chắc chắn là nó sẽ được bảo tàng Smithsonian hoan nghênh.

Cạnh cái máy này là một chiếc tủ sắt lớn mà Frank đã mở khóa.

Ông cuống quít với cuộn băng nằm trong máy, gỡ nó ra, và cho vào tủ sắt. Sau đó, ông lấy một cuộn băng cổ lỗ khác trong tủ này rồi gài vào máy để thay thế, luồn đầu băng vào trục cuốn mà không cần nhìn, ông cẩn thận gõ vài lần vào chiếc bàn phím cũ kỹ - gõ phím Down, Down, Down, gõ phím Tab, Tab, Tab. Ông thực sự không thấy được tác dụng của những phím gõ đó, bởi vì màn hình của máy này không còn hoạt động nữa, nhưng rồi ông nhấn phím Enter một cách tự tin.

Tôi không đoán được chuyện gì đang xảy ra. Nhưng cuộn băng từ chút xíu kia bắt đầu kêu tích-tích-tích rồi quay tròn, và Frank cười toe toét hài lòng.

"Đây là cái máy quan trọng nhất trong tòa nhà này", ông nói. "Cơ quan không tin tưởng mấy thứ công nghệ số tào lao. Họ không tin tưởng ngay cả những máy chủ của họ. Mày biết là chúng hay bị hỏng hóc mà. Nhưng khi các máy chủ bị hỏng thì họ có nguy cơ mất hết những gì đang lưu trữ, vì vậy để không mất bất cứ thứ gì gửi đến vào ban ngày, họ sao lưu tất cả trên băng từ vào ban đêm".

"Hóa ra bác lo việc sao lưu dự phòng ở đây?"

"Sao lưu dự phòng trên băng từ. Kiểu cũ. Chắc ăn như bắp rang. Băng từ không bao giờ chết".

"Nhưng băng từ này lưu trữ cái gì? Mấy thứ như hoạt động nhân sự, hay là thông tin tình báo gửi đến thực sự?"

Frank đưa tay lên cằm ra dáng suy nghĩ và giả vờ nghiêm túc cân nhắc câu trả lời. Rồi ông nói, "Này, Ed, đúng ra là tao không muốn nói cho mày biết đâu. Nhưng trong đó là báo cáo hoạt động của con bồ của mày đấy, và chúng ta đã có rất nhiều nhân viên gửi báo cáo về. Toàn thông tin trần trụi. Rất trần trụi".

Ông ta cười ầm trên đường đi lên cầu thang, bỏ tôi chưng hửng và đỏ mặt trong bóng tối gian hầm.

Chỉ đến khi Frank lặp lại cũng cái nghi thức thay băng ấy vào đêm hôm sau, và đêm sau nữa, và vào mỗi đêm chúng tôi làm việc chung sau này, tôi mới bắt đầu hiểu tại sao CIA giữ ông ở lại cơ quan - không chỉ vì óc hài hước của ông ta. Frank là người duy nhất chịu ở lại từ 6 giờ chiều đến 6 giờ sáng, người đủ lớn tuổi để biết cách xử lý hệ thống băng từ độc quyền đó. Mọi dân công nghệ khác, những người đã xuất hiện trong thời kỳ tăm tối khi băng từ là phương tiện phổ biến thì bây giờ họ đều có gia đình và buổi tối thích ở nhà với vợ con. Nhưng Frank thì độc thân và còn nhớ rõ cái thế giới trước thời kỳ Khai sáng.

Sau khi tôi tìm được cách tự động hóa hầu hết các công việc của mình - chủ yếu là viết những tập lệnh để tự động cập nhật các máy chủ và khôi phục các kết nối mạng bị mất - tôi bắt đầu có được cái mà tôi gọi là "thời gian của Frank". Tức là tôi đã có cả đêm để hầu như muốn làm gì thì làm. Tôi đã trải qua không ít giờ nói chuyện dông dài với Frank, đặc biệt là những chuyện có tính chính trị mà ông đang đọc: những cuốn sách cổ xúy việc tiền tệ của Mỹ nên quay lại chế độ kim bản vị, hoặc về những điều phức tạp của cách đánh thuế đồng loạt. Nhưng ca đêm nào cũng có những lúc Frank sẽ biến mất. Hoặc là ông chúi đầu vào một cuốn tiểu thuyết trinh thám và không ngẩng lên cho đến sáng, hoặc ông sẽ lang thang qua các hành lang cơ quan, ghé cafeteria để ăn một lát bánh pizza âm ấm hoặc vào phòng thể dục để tập tạ. Còn tôi đã có cách riêng để khỏi giao tiếp, tất nhiên. Tôi lên mạng.

Khi bạn lên mạng tại CIA, bạn phải đánh dấu vào ô "Thỏa thuận chấp nhận giám sát", về cơ bản nó nói là mọi thứ bạn làm đều được ghi lại và bạn đồng ý rằng mình không mong đợi bất kỳ bí mật riêng tư nào. Rốt cuộc bạn phải đánh dấu vào cái ô đó thường xuyên đến mức thành phản xạ. Những thỏa thuận này trở nên vô hình khi bạn làm việc tại cơ quan, bởi vì chúng nhảy ra liên tục và bạn lúc nào cũng cố gắng nhấp chuột cho chúng biến đi ngay để quay lại với những gì mình đang làm. Theo tôi, đây là lý do chính tại sao hầu hết các nhân viên IC không có chung mối lo ngại của thường dân về việc bị theo dõi trên mạng: không phải vì họ có bất kỳ thông

tin nội bộ nào về cách bảo vệ nước Mỹ bằng công nghệ do thám kỹ thuật số, mà bởi vì với những người trong IC, chuyện bị cấp trên theo dõi luôn gắn liền với công việc.

Dù sao đi nữa thì trên Internet công cộng cũng đâu có nhiều thứ hấp dẫn hơn những gì cơ quan này đã có trong nội bộ. Ít người biết là CIA có Internet và Web riêng. Nó có một kiểu Facebook riêng cho phép nhân viên giao tiếp với nhau; một kiểu Wikipedia riêng cung cấp cho nhân viên những thông tin về các nhóm hoạt động, các kế hoạch, và các nhiệm vụ; và một phiên bản Google nội bộ - thực tế là do chính Google cung cấp - cho phép nhân viên truy tìm trong hệ thống mạng tài liệu mật rộng lớn này. Mỗi bộ phận CIA đều có website riêng trên mạng này để thảo luận những việc họ làm và đăng lên các biên bản họp và bài thuyết trình. Hàng giờ mỗi đêm, đây là việc học của tôi.

Theo Frank, điều đầu tiên mọi người tìm kiếm trên mạng nội bộ của CIA là sinh vật ngoài Trái Đất và sự kiện 11/9, và đó là lý do, cũng theo Frank, bạn sẽ không bao giờ nhận được bất kỳ kết quả tìm kiếm có ý nghĩa nào cho những chuyện đó. Tôi cũng cứ truy tìm mấy chuyện này. Phiên bản Google hương vị CIA không cho thấy điều gì hay ho với cả hai kết quả tìm kiếm đó, nhưng này - có lẽ sự thật nằm đâu đó trên một ổ đĩa hệ thống khác. Nói thẳng luôn, theo như tôi biết được, người ngoài hành tinh chưa bao giờ liên lạc với Trái đất, hoặc ít ra là "họ" không tiếp xúc với tình báo Hoa Kỳ. Nhưng tổ chức al-Qaeda thì đúng là có duy trì một mối quan hệ mật thiết khác thường với các đồng minh của Ả Rập Xê-út của chúng ta, một sự thật mà chính quyền Bush đã cố sức một cách đáng ngờ để ém nhẹm khi chúng ta gây chiến với hai quốc gia khác.

Đây là điều mà tổ chức CIA rối loạn lúc đó không hiểu hết, và cũng không một công ty tuyển dụng lớn nào của Mỹ nằm ngoài Thung lũng Silicon hiểu: dân máy tính biết tất cả, hay đúng hơn là có thể biết tất cả. Nhân viên này càng lên cao, và càng có nhiều đặc quyền ở cấp hệ thống, thì anh ta càng có nhiều quyền truy cập, thực tế là đến từng byte thực thể kỹ thuật số của ông chủ tuyển dụng. Tất nhiên, không phải ai cũng đủ tò mò để tận dụng lợi thế của việc học hỏi này, và không phải ai cũng được có một óc tò mò chân thành. Chuyện tôi thử mon men qua các hệ thống mạng CIA là sự mở rộng tự nhiên của ham muốn từ nhỏ là để hiểu mọi thứ hoạt động ra sao, tất cả các thành phần của một cơ chế gắn kết với nhau ra sao để thành tổng thể. Và với chức danh cùng đặc quyền chính thức của quản trị viên hệ thống, và năng lực kỹ thuật cho phép tận dụng tối đa tiềm năng của cái thẻ chứng nhận an ninh, tôi có thể bù đắp mọi khiếm khuyết thông

tin của mình và còn hơn thế. Nếu bạn có thắc mắc thì tôi nói luôn: Vâng, con người thực sự đã đặt chân lên mặt trăng. Biến đổi khí hậu là có thật. Còn vệt trắng trên trời sau khi máy bay đi qua chỉ là hơi nước ngưng tụ chứ chẳng phải âm mưu rải hóa chất đen tối nào cả.

Trên các trang tin tức nội bộ của CIA, tôi đã đọc các công văn tuyệt mật về những cuộc đàm phán thương mại và các vụ đảo chính trong lúc chúng còn đang diễn tiến. Các tường thuật sự kiện của cơ quan này thường rất giống với các tường thuật cuối cùng sẽ xuất hiện trên các mạng tin tức, CNN hoặc Fox mấy ngày sau đó. Sự khác biệt chính yếu chỉ là ở nguồn tin và mức độ chi tiết. Trong khi một tường thuật của báo chí về một vụ biến động ở nước ngoài có thể được gán cho "một viên chức cấp cao cho biết với điều kiện ẩn danh", thì phiên bản của CIA thường có nguồn tin rõ ràng - chẳng hạn, "ZBSMACKTALK/1, một nhân viên của bộ nội vụ thường đáp ứng các nhiệm vụ đặc biệt, đã xác nhận một nguồn tin trung gian, và đã từng chứng tỏ là đáng tin cậy". Và tên thật cũng như toàn bộ lý lịch cá nhân của ZBSMACKTALK/1, được gọi là một hồ sơ sự vụ, chỉ cần một vài cú nhấp chuột là có ngay.

Đôi khi một mẩu tin nội bộ sẽ không bao giờ xuất hiện trên các phương tiện truyền thông, và sự phấn khích và ý nghĩa của những gì tôi đang đọc sẽ vừa làm tăng thêm nhận thức của tôi về tầm quan trọng của công việc mình làm, vừa khiến tôi cảm thấy như bị mất cơ hội khi chỉ ngồi trước một máy tính trạm. Nói ra thì có vẻ ngây thơ, nhưng tôi đã ngạc nhiên khi biết được CIA thực sự có tính quốc tế như thế nào - và tôi không có ý nói đến hoạt động của cơ quan này, mà là đến lực lượng nhân sự. Số lượng ngôn ngữ tôi nghe được trong cafeteria ở trụ sở này thật đáng kinh ngạc. Tôi không khỏi cảm thấy mình chỉ là một kẻ ru rú xó nhà. Làm việc tại Tổng hành dinh CIA là một điều kích thích hấp dẫn, nhưng trụ sở này vẫn chỉ nằm cách nơi tôi lớn lên vài giờ đi đường mà thôi; môi trường sống ở cả hai nơi đều giống nhau ở nhiều phương diện. Tôi đang ở đầu lứa tuổi hai mươi, và ngoài thời gian ở Bắc Carolina, những chuyến đi thời thơ ấu thăm ông ngoại tôi ở các căn cứ của Lực lượng Tuần duyên nơi ông chỉ huy, và vài tuần trong quân đội ở Fort Benning, tôi thực sự chưa bao giờ rời khỏi khu vực Beltway.

Khi tôi đọc về các sự kiện xảy ra ở Ouagadougou, Kinshasa và các thành phố xa lạ khác mà tôi không bao giờ tìm ra trên những bản đồ không được số hóa, tôi nhận ra rằng chừng nào tôi còn trẻ thì tôi phải phục vụ đất nước bằng cách làm một điều gì đó thực sự có ý nghĩa ở nước ngoài. Nếu không, tôi nghĩ, thì tôi chỉ trở thành một Frank khác thành công hơn mà thôi: ngồi

ở những bàn làm việc lớn hơn, dần dần kiếm được nhiều tiền hơn, cho đến cuối cùng, cả tôi nữa cũng sẽ bị lỗi thời và chỉ được giữ lại quanh quẩn nơi này để xử lý những thứ cổ lỗ của tương lai, giống cái máy lưu trữ bằng băng từ lọc cọc ấy.

Đó là lúc tôi nghĩ đến một điều không tưởng. Tôi quyết định sẽ trở thành dân *govvy* - nhân viên chính phủ.

Tôi nghĩ là một số cấp trên của tôi không hiểu được điều này, nhưng họ cũng hãnh diện, bởi vì đường đi thông thường là ngược lại: một công chức khi hết nhiệm kỳ sẽ đi làm cho tư nhân để kiếm nhiều tiền. Không có nhân viên hợp đồng làm kỹ thuật nào mới bước đầu đã muốn trở thành công chức để nhận mức lương thấp hơn. Tuy nhiên, trong suy nghĩ của tôi, việc trở thành *govvy* là hợp lý: tôi sẽ được trả tiền để đi đây đi đó.

Tôi đã gặp may, và có một vị trí cần tuyển người. Sau chín tháng làm quản trị hệ thống, tôi đã nộp đơn ứng tuyển vào một công việc kỹ thuật của CIA ở nước ngoài, và chỉ sau một thời gian ngắn, tôi được nhận.

Ngày cuối cùng của tôi tại Tổng hành dinh CIA chỉ là hình thức. Tôi đã làm xong hết mọi thủ tục giấy tờ và đã đổi huy hiệu xanh lá cây để lấy huy hiệu màu xanh. Những gì còn lại chỉ là ngồi nghe một buổi truyền bá khác, nhưng bây giờ tôi đã là dân *govvy* nên được ngồi trong một phòng hội thảo trang trọng cạnh gian thức ăn nhanh Dunkin' Donuts ở trong cafeteria. Chính tại đây, tôi đã thực hiện nghi thức thiêng liêng mà các nhân viên hợp đồng không bao giờ được tham gia. Tôi giơ tay tuyên thệ lời thề trung thành - không phải với chính phủ hay với cơ quan hiện tuyển dụng tôi trực tiếp, mà là với Hiến pháp Hoa Kỳ. Tôi nghiêm trang thề sẽ ủng hộ và bảo vệ Hiến pháp Hoa Kỳ trước mọi kẻ thù, trong và ngoài nước.

Hôm sau, tôi lái chiếc Honda Civic cũ trung thành của mình về vùng nông thôn Virginia. Để đến được một trạm ở nước ngoài như tôi mơ tưởng, trước hết tôi phải quay lại trường - chương trình đầu tiên ngồi học tại lớp mà tôi đã thực sự hoàn tất.

$_0O_0$

14
Bá tước trên đỉnh đồi

NHỮNG MỆNH LỆNH đầu tiên tôi nhận được trong vai trò một nhân viên chính phủ mới toanh là đi thẳng đến Comfort Inn ở Warrenton, Virginia, một nhà trọ rệu rã, u sầu, mà khách hàng chủ yếu là "Bộ Ngoại giao", ý tôi muốn nói là CIA. Đó là nhà trọ tồi nhất trong một thị trấn toàn những nhà trọ tồi, đó có lẽ là lý do CIA lại chọn nơi này. Càng ít khách trọ khác thì càng ít khả năng là sẽ có người nhận ra nhà trọ Comfort Inn đặc biệt này có chức năng như một ký túc xá tạm thời cho Trung tâm Huấn luyện Warrenton - hay, như những người làm việc ở đó gọi nó là "the Hill" (ngọn đồi).

Khi tôi nhận phòng, nhân viên lễ tân báo trước tôi không được sử dụng cái cầu thang đã bị cảnh sát kéo dây chặn lại. Tôi được cho một phòng trên tầng một của tòa nhà chính, nhìn ra các tòa nhà phụ và bãi đậu xe của Comfort Inn. Căn phòng tối lờ mờ, phòng tắm đã nổi mốc, những tấm thảm bẩn thỉu với vết cháy của thuốc lá dưới tấm biển Cấm Hút Thuốc, và tấm nệm mỏng manh có vết ố màu tím sẫm mà tôi hy vọng đó là vết rượu đổ. Nhưng tôi lại thích chỗ này - tôi vẫn ở độ tuổi có thể tìm thấy chất lãng mạn ngay trong sự tồi tàn - và tôi đã trải qua đêm đầu tiên thao thức trên giường, nhìn những con bọ bu đầy cái bóng đèn hình vòm độc nhất trên trần và đếm ngược giờ chờ ăn bữa điểm tâm nhẹ miễn phí mà họ đã hứa hẹn với tôi.

Sáng hôm sau, tôi phát hiện ra là ở Warrenton, điểm tâm nhẹ đúng là rất nhẹ: những hộp ngũ cốc dinh dưỡng Froot Loops loại nhỏ và sữa chua. Hoan nghênh chính phủ.

Comfort Inn rồi sẽ là nhà của tôi trong sáu tháng tới. Tôi và các "bạn tù", như chúng tôi tự gọi, bị cấm không cho người thân biết chúng tôi đang ở đâu và đang làm gì. Tôi đã cố theo đúng các quy định đó, gần như không quay lại Maryland hay thậm chí là nói chuyện qua điện thoại với Lindsay. Dù sao thì chúng tôi cũng không được phép mang điện thoại đến trường, vì khóa huấn luyện thuộc loại bí mật, và chúng tôi lúc nào cũng có lớp học. Warrenton buộc hầu hết chúng tôi phải bận rộn tới mức không còn thấy cô đơn.

Nếu trung tâm ở dưới Camp Peary, thường gọi là "the Farm" (nông trại), là cơ sở huấn luyện nổi tiếng nhất của CIA, thì chỉ vì đó là nơi duy nhất mà nhân viên quan hệ công chúng của CIA được phép nói với Hollywood.

Chính "the Hill" mới là nơi huấn luyện bí mật nhất. Được kết nối bằng sóng vi ba và cáp quang đến trạm chuyển tiếp vệ tinh ở Brandy Station - thuộc quận thể các cơ sở trực thuộc Trung tâm Huấn luyện Warrenton - nơi đây là trái tim của hệ thống mạng liên lạc tác chiến của CIA, được cẩn thận đặt ở một địa điểm nằm ngoài tầm ảnh hưởng nếu như thủ đô bị tấn công bằng đầu đạn nguyên tử. Hồi đó, các chuyên viên già hóm hỉnh làm việc ở trung tâm này hay nói rằng CIA có thể sống sót khi mất tổng hành dinh vì một cuộc tấn công thảm khốc, nhưng nó sẽ chết nếu như mất Warrenton. Giờ đây, khi trên đỉnh đồi "the Hill" đã có hai trung tâm dữ liệu tối mật khổng lồ - tôi có góp phần xây dựng một trong hai nơi đó - thì tôi nghĩ mấy chuyên viên ấy nói cũng không sai.

"The Hill" được đặt cho biệt danh này vì vị trí của nó, trên đỉnh, đúng vậy, một ngọn đồi dốc đứng khổng lồ. Lúc tôi đến nơi, chỉ có một con đường duy nhất dẫn vào, đi qua một hàng rào bao quanh cố tình không mang đặc điểm gì gây chú ý, rồi đi lên một con dốc cao đến mức mỗi khi nhiệt độ giảm và con đường bị đóng băng, xe cộ sẽ mất độ bám và tuột ngược xuống.

Ngay bên ngoài trạm kiểm soát có lính canh là *cơ sở* huấn luyện liên lạc ngoại giao đang suy tàn của Bộ Ngoại giao, vị trí nổi bật này là để củng cố vai trò vỏ bọc của nó: làm cho "the Hill" có vẻ như chỉ là nơi mà cơ quan ngoại vụ của Mỹ đào tạo kỹ thuật viên. Qua khỏi đây, giữa vùng đất phía sau, là đủ loại tòa nhà thấp, không ghi tên, nơi tôi học bên trong, và xa hơn nữa là trường tập bắn mà các tay súng của Cộng đồng IC sử dụng để huấn luyện đặc biệt. Những tiếng súng thường vang lên, theo một lối bắn lạ lùng đối với tôi: *pop-pop, pop; pop-pop, pop*. Hai phát liền nhằm để vô hiệu hóa, theo sau là một phát nhắm trúng đích để hạ sát.

Tôi đã ở đó với tư cách là thành viên khóa 6-06 của chương trình đào tạo viễn thông cơ bản BTTP *(Basic Telecommunications Training Program),* với cái tên trung tính cố ý ngụy trang một trong những chương trình giảng dạy khác thường và bí mật nhất. Mục đích của chương trình là đào tạo nhân viên an ninh thông tin kỹ thuật TISO *(Technical Information Security Officers)* - các cán bộ truyền tin ưu tú của CIA, hay được gọi không chính thức là các *commo*. Một TISO được đào tạo để trở thành một chuyên gia bá nghệ tinh thông, chỉ một người thay thế hết nhiều vai trò chuyên biệt của những thế hệ trước như nhân viên mật mã, nhân viên vô tuyến, thợ điện, thợ máy, cố vấn an ninh mạng và kỹ thuật số, kiêm kỹ thuật viên máy tính. Công việc chính của nhân viên bí mật này là quản lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho các hoạt động của CIA, thường là ở nước ngoài tại các trạm ẩn giấu

bên trong các ngoại giao đoàn, lãnh sự quán và đại sứ quán của Mỹ - cho nên mới gắn bó với Bộ Ngoại giao. Ý tưởng là, nếu bạn ở trong một đại sứ quán Mỹ, nói cách khác là nếu bạn ở xa quê hương và chung quanh là những người nước ngoài không đáng tin cậy - dù là kẻ thù hay đồng minh thì họ vẫn là những người nước ngoài không đáng tin cậy đối với CIA - thì bạn sẽ phải giải quyết hết mọi nhu cầu kỹ thuật ở trong nội bộ. Nếu bạn nhờ một người thợ địa phương bên ngoài sửa chữa căn cứ gián điệp bí mật của bạn, hắn ta chắc chắn sẽ làm ngay, thậm chí với giá rẻ, nhưng hắn cũng sẽ cài đặt các thiết bị do thám khó phát hiện cho một thế lực nước ngoài nào đó.

Vì thế TISO có trách nhiệm phải biết cách sửa chữa cơ bản mọi loại máy móc trong tòa nhà, từ máy tính cá nhân và mạng máy tính đến hệ thống camera quan sát và điều hòa không khí lẫn thông gió, tấm pin mặt trời, máy sưởi và tủ lạnh, máy phát điện khẩn cấp, thiết bị kết nối vệ tinh, thiết bị mã hóa quân sự, chuông báo động, ổ khóa, và các thứ. Nguyên tắc là bất cứ thứ gì cắm vào được hay được cắm vào, thì đó là vấn đề của TISO.

Các TISO cũng phải biết cách tự chế tạo một số hệ thống này, cũng như họ phải biết cách phá hủy chúng - khi một đại sứ quán bị bao vây, chẳng hạn, sau khi tất cả các nhà ngoại giao và hầu hết các nhân viên CIA đồng đội đã được di tản. Các TISO luôn là những người ra đi sau chót. Công việc của họ là gửi bức điện cuối cùng "cắt liên lạc" về tổng hành dinh sau khi họ đã băm vụn, đốt cháy, xóa sạch, khử từ và đập nát bất cứ thứ gì có dấu tay của CIA trên đó, từ tài liệu hoạt động trong tủ sắt cho đến các ổ đĩa có tài liệu mật mã, bảo đảm rằng không còn lại một cái gì có giá trị để kẻ thù chiếm giữ.

Lý do đây là công việc dành cho CIA chứ không phải cho Bộ Ngoại giao - tổ chức thực sự sở hữu tòa nhà sứ quán - không chỉ là vì sự khác biệt về năng lực và sự tin cậy: lý do thực sự là khả năng chối bỏ sao cho hợp lý. Bí mật được che giấu kém nhất trong ngoại giao hiện đại là: chức năng chính của một đại sứ quán hiện nay là làm nền tảng cho hoạt động gián điệp. Những lời giải thích cũ về lý do một quốc gia có thể cố duy trì sự hiện diện thực thể chủ quyền mang tính tượng trưng trên đất của một quốc gia khác đã thành lỗi thời trước sự phát triển của thông tin liên lạc điện tử và máy bay có động cơ phản lực. Ngày nay, việc ngoại giao có ý nghĩa nhất xảy ra trực tiếp giữa các bộ và bộ trưởng. Chắc chắn là các đại sứ quán vẫn gửi các văn kiện ngoại giao khi cần thiết và góp phần trợ giúp công dân của họ ở nước ngoài, và rồi còn có các bộ phận lãnh sự cấp thị thực và gia hạn hộ chiếu. Nhưng những việc đó thường nằm trong một tòa nhà hoàn toàn

khác, và đằng nào thì những hoạt động ấy không có cái nào có thể biện minh một chút gì cho bao chi phí để duy trì tất cả cơ sở hạ tầng như thế. Trái lại, điều biện minh cho chi phí ấy là khả năng để một quốc gia sử dụng vỏ bọc ngoại vụ mà xúc tiến và hợp pháp hóa hoạt động gián điệp.

Các TISO hoạt động dưới vỏ bọc ngoại giao với các giấy chứng nhận giúp họ ẩn náu trong số nhân viên ngoại vụ, thường là dưới danh nghĩa "tùy viên". Các sứ quán lớn nhất có thể có khoảng năm người như vậy, sứ quán cỡ trung thường có ba người, nhưng hầu hết chỉ có một. Họ được gọi là "người đơn độc", và tôi nhớ đã nghe nói là trong mọi vị trí làm việc cho CIA, các TISO có tỷ lệ ly hôn cao nhất. Trở thành một người đơn độc là trở thành một chuyên viên kỹ thuật bơ vơ, xa nhà, trong một thế giới mà mọi sự luôn hỗn loạn.

Khóa học của tôi ở Warrenton bắt đầu với khoảng tám người và chỉ thiếu mất một người trước khi tốt nghiệp - người ta bảo điều này là khá bất thường. Và nhóm học viên tạp nham này cũng chẳng bình thường, mặc dù rất tiêu biểu cho những thành phần bất mãn tự nguyện đăng ký đi theo một con đường sự nghiệp mà gần như đảm bảo là họ chủ yếu sẽ hoạt động bí mật ở nước ngoài. Lần đầu tiên trong công việc của mình ở Cộng đồng IC, tôi không phải là người trẻ nhất trong lớp. Ở tuổi hai mươi bốn, có thể nói là tôi ở trong khoảng tuổi trung bình, mặc dù kinh nghiệm làm hệ thống tại tổng hành dinh chắc chắn đã giúp tôi hiểu biết nhiều về các hoạt động của cơ quan. Hầu hết những người khác chỉ là những chú nhóc có năng khiếu công nghệ mới xong đại học, hoặc không trường lớp, những người nộp đơn dự tuyển qua mạng.

Do hơi hướm bán quân sự của các chi nhánh hoạt động nước ngoài của CIA, chúng tôi ít gọi nhau bằng tên thật mà bằng những biệt danh nhanh chóng được đặt ra dựa trên những điểm khác người của từng đứa. "Taco Bell" là dân ngoại thành: đô con, dễ mến và chân chất. Mới hai mươi tuổi, công việc duy nhất của nó trước khi vào CIA là làm quản lý ca đêm tại một chi nhánh của chuỗi nhà hàng Taco Bell ở Pennsylvania. "Rainman" thì tuổi đã gần ba mươi, tính khí thất thường suốt khóa học, từ lầm lì ngồi im như tượng cho đến nổi giận run người, nên được đặt tên theo nhân vật Rainman tự kỷ trong một bộ phim. Hắn tự hào với biệt danh này và cam đoan đó là một kiểu xưng hô tôn kính của dân da đỏ. Còn "Flute" được gọi như vậy vì chúng tôi thấy sự nghiệp Thủy quân lục chiến của hắn không hấp dẫn bằng tấm bằng tốt nghiệp nhạc viện môn thổi sáo panflute. "Spo" đã lớn tuổi rồi, khoảng chừng ba mươi lăm. Anh ta được gán biệt danh này vì anh từng là cảnh sát đặc biệt SPO *(Special Police Officer)* tại tổng hành

dinh CIA. Anh ta đã chán nản muốn phát khùng với việc gác cổng ở trụ sở McLean tới mức quyết từ bỏ bằng cách ra nước ngoài ngay cả khi điều đó có nghĩa là nhồi nhét cả gia đình anh vào một căn phòng duy nhất trong nhà trọ Comfort Inn (một tình huống kéo dài cho đến khi ban quản lý phát hiện ra mấy đứa trẻ nhà anh đang nuôi một con rắn trong ngăn kéo tủ quần áo). Lớn tuổi nhất khóa học này là "Đại tá", tuổi độ bốn lăm, nguyên là trung sĩ truyền tin Lực lượng Đặc nhiệm, sau nhiều nhiệm vụ ở Trung Đông thì bây giờ muốn thử thời vận mới. Chúng tôi gọi anh ta là "Đại tá" dù anh chỉ là lính nghĩa vụ chứ không phải sĩ quan chuyên nghiệp, chủ yếu là do gương mặt anh rất giống ông già Đại tá Kentucky thân thiện trên biểu tượng của chuỗi nhà hàng KFC vốn có món gà rán mà chúng tôi ưa thích hơn các món thông thường trong cafeteria ở Warrenton.

"Bá tước" là biệt danh của tôi - tôi nghĩ tôi không thể tránh né. Không phải vì tôi con nhà quý tộc hay hàm ý thời trang bảnh bao mà bởi vì tôi, khi muốn cả lớp chú ý, thường giơ một ngón tay trỏ lên giống như nhân vật con rối Bá tước Dracula trong bộ phim truyền hình *Sesame Street* mà trẻ con đứa nào cũng mê.

Đây là những người mà tôi đã cùng học qua hai mươi lớp khác nhau, mỗi lớp chuyên biệt một môn, nhưng hầu hết đều liên quan tới cách làm sao ứng dụng những kỹ thuật có sẵn trong bất kỳ môi trường nào để phục vụ chính phủ Hoa Kỳ, cho dù là ở trong đại sứ quán hay đang trên đường tháo chạy.

Có một bài huấn luyện mà khi thực hành chúng tôi phải lôi lên nóc nhà một "bưu kiện chuyển giao" - một va-li thiết bị liên lạc nặng hàng chục ký, có từ thời tôi chưa sinh ra. Chỉ với một la bàn và một bảng tọa độ ép nhựa, tôi phải tìm cho được giữa bao vì sao lấp lánh trên bầu trời mênh mông kia một trong những vệ tinh tàng hình của CIA, nó sẽ kết nối tôi với phi thuyền mẹ của cơ quan, Trung tâm Liên lạc Khủng hoảng ở trụ sở McLean - gọi tắt là "Trung ương". Sau đó, tôi sẽ dùng bộ thiết bị thời Chiến tranh Lạnh trong va-li để thiết lập một kênh vô tuyến có mã hóa. Bài huấn luyện này là một nhắc nhở thực tế về lý do mà các *commo*, chuyên viên truyền tin, luôn là người đầu tiên bước vào và là người cuối cùng ra đi: Trưởng trạm có thể đánh cắp những bí mật sâu xa nhất trần đời, nhưng chuyện đó chẳng nghĩa lý gì cả cho đến khi nào có ai chuyển được bí mật về tới nơi.

Đêm đó, tôi ở lại căn cứ sau khi trời tối, và lái chiếc xe của mình lên đỉnh đồi, đậu bên ngoài nhà kho đã được chuyển đổi chức năng, nơi chúng tôi học các khái niệm điện tử với mục đích ngăn chặn kẻ thù theo dõi hoạt động. Các phương pháp mà chúng tôi đã học có khi cứ như tà thuật - chẳng

hạn như khả năng tái tạo những gì đang hiển thị trên bất kỳ màn hình máy tính nào chỉ bằng cách dùng một loại ăng-ten đặc biệt để thu các tín hiệu phát xạ điện từ cực nhỏ tạo ra bởi các dòng điện dao động trong các bộ phận bên trong - một phương pháp lén thu thập thông tin gọi là *"Van Eck phreaking"*. Nếu bạn thấy có vẻ khó hiểu thì xin thề với bạn là cả đám chúng tôi cũng thấy như vậy. Ngay cả giảng viên cũng sẵn sàng thừa nhận là ông ta không hề hiểu thấu đáo chi tiết và không thể chứng minh điều đó với chúng tôi nhưng ông ta biết mối nguy này là có thật: CIA đang lén thu thập thông tin của người khác bằng phương pháp đó, tức là người khác cũng có thể làm như thế với chúng ta.

Tôi ngồi trên nóc xe, cũng chiếc xe Civic màu trắng cũ kỹ đó, và trong lúc nhìn ngắm gần như toàn cảnh Virginia, tôi đã gọi cho Lindsay lần đầu tiên sau nhiều tuần, hay thậm chí một tháng. Chúng tôi trò chuyện cho đến khi điện thoại tôi hết pin, hơi thở tôi dần thành khói trắng khi đêm càng lúc càng lạnh. Không có gì tôi muốn chia sẻ với Lindsay cho bằng quang cảnh này - những cánh đồng tối tăm, những ngọn đồi nhấp nhô, ánh sao lung linh trên cao - nhưng tôi chỉ có thể mô tả bằng lời mà thôi. Tôi đang vi phạm quy định vì đã sử dụng điện thoại; tôi mà chụp ảnh nữa thì tôi sẽ vi phạm luật pháp.

Một trong những môn học chính ở Warrenton là cách bảo trì các thiết bị đầu cuối và dây cáp, những thành phần cơ bản - hay có thể nói là gốc - của bất kỳ cơ sở hạ tầng liên lạc nào của mọi trạm CIA. "Thiết bị đầu cuối" trong bối cảnh này chỉ là một máy tính được dùng để gửi và nhận thông tin qua một mạng bảo mật duy nhất. Trong tiếng Anh, từ *"cable"* vừa có nghĩa là "dây cáp" vừa là "điện tín". CIA thường dùng từ này theo nghĩa thứ hai, nhưng các nhân viên kỹ thuật thì biết rằng từ *"cable"* còn hữu hình hơn nhiều: Chúng là những sợi dây mà trong khoảng nửa thế kỷ qua đã liên kết các thiết bị đầu cuối của cơ quan này - nhất là các trạm liên lạc bưu điện cổ xưa - trên toàn thế giới, chạy ngầm dưới lòng đất xuyên qua các biên giới quốc gia, chôn dưới đáy đại dương.

Lớp chúng tôi là khóa cuối cùng đòi hỏi một TISO phải thông thạo tất cả những chuyện này: phần cứng, thiết bị đầu cuối, các gói phần mềm, và dây cáp nữa, tất nhiên. Đối với một số bạn cùng lớp, họ cảm thấy hơi điên khùng khi phải xử lý các vấn đề về cách điện và vỏ bọc trong thời đại được cho là kết nối không dây. Nhưng nếu có ai trong số họ lên tiếng nghi ngờ về ý nghĩa của bất kỳ công nghệ có vẻ cổ xưa nào đang được huấn luyện thì các giảng viên sẽ nhắc nhở rằng chúng tôi, cũng là khóa đầu tiên trong lịch sử của trung tâm này không bị buộc phải học mã Morse.

Gần đến ngày tốt nghiệp, chúng tôi phải điền vào những tờ khai được gọi là "nguyện vọng công tác". Chúng tôi được phát một danh sách các trạm CIA trên toàn thế giới đang cần nhân sự, và chúng tôi được yêu cầu xếp hạng các nhu cầu này theo thứ tự ưu tiên của chúng tôi. Các tờ khai nguyện vọng sau đó sẽ được chuyển đến Bộ phận Phân công để lập tức bị vò nát và ném vào thùng rác - ít ra thì chúng tôi nghe đồn như vậy.

Tờ khai nguyện vọng của tôi bắt đầu với cái được gọi là Phòng Yêu cầu Đặc biệt SRD *(Special Requirements Division)*. Trên thực tế, đây không phải là một vị trí ở bất kỳ đại sứ quán nào mà là ở Virginia, từ đây tôi sẽ được định kỳ phái đến mọi điểm nóng ở Trung Đông, những nơi mà CIA cho rằng việc biệt phái thường trực là quá khắc nghiệt hoặc quá nguy hiểm - ví dụ, các căn cứ tác chiến tiền phương ở Afghanistan, Iraq và các khu vực biên giới của Pakistan. Bằng cách chọn Phòng SRD, tôi chọn thử thách và sự đa dạng hơn là ở chết gí chỉ trong một thành phố suốt thời gian công tác được cho là lên đến ba năm. Các giảng viên của tôi đều khá tự tin rằng Phòng SRD sẽ nhảy cẫng lên trước cơ hội tiếp nhận tôi, và tôi khá tự tin vào những khả năng mới được rèn giũa của mình. Nhưng thực tế lại hoàn toàn không như mong đợi.

Như đã thấy rõ từ tình trạng của Comfort Inn, trường huấn luyện này lâu nay đã cắt giảm một số chi phí. Một vài người bạn cùng lớp của tôi đã bắt đầu nghi ngờ rằng ban quản trị thực tế đã vi phạm luật lao động liên bang, tin hay không thì tùy. Là người cô độc ám ảnh vì công việc, tôi ban đầu không bận tâm đến điều này, mà khóa học cũng không có ai ở độ tuổi của tôi. Đối với chúng tôi, đây là một kiểu bóc lột cấp thấp mà chúng tôi phải chịu đựng thường xuyên đến nỗi ngộ nhận đó là điều bình thường. Nhưng việc làm thêm giờ không được trả lương, không nghỉ phép, và không trả đúng hẹn các khoản trợ cấp phúc lợi gia đình lại là chuyện khác hẳn đối với các bạn học lớn tuổi. "Đại tá" phải thanh toán tiền cấp dưỡng cho vợ đã ly hôn, còn "Spo" phải nuôi cả nhà: từng đô-la đều có ý nghĩa, từng phút đều quan trọng.

Những bất bình này đã xuất hiện khi cái cầu thang hư nát tại Comfort Inn cuối cùng đã sụp đổ. May thay, không ai bị thương, nhưng ai cũng hoảng, và các bạn cùng lớp của tôi bắt đầu càu nhàu rằng nếu không phải CIA mà là bất kỳ cơ quan nào khác lâu nay cấp tiền cho tòa nhà này thì chắc nó đã bị xử phạt vì vi phạm luật phòng cháy chữa cháy từ lâu rồi. Sự bất mãn lan rộng, và chẳng mấy chốc, một ngôi trường huấn luyện những chuyên viên phá hoại gần như đã biến thành một công đoàn liên kết. Để đáp lại, ban

giám đốc cứ trơ lì chơi trò trì hoãn, bởi vì mọi người liên quan cuối cùng đều phải ra trường hoặc bị sa thải.

Có vài bạn học đã tìm tôi. Họ biết tôi được các giảng viên mến, vì các kỹ năng của tôi đã giúp tôi gần như đứng đầu lớp. Họ cũng biết là tôi có cách đối phó với bộ máy quan liêu, do tôi đã làm việc tại tổng hành dinh. Thêm nữa, tôi có thể viết lách khá tốt - ít nhất là theo tiêu chuẩn của dân công nghệ. Họ muốn tôi đứng ra như một đại diện của lớp, hay là hy sinh vì lớp, bằng cách chính thức đưa khiếu nại của họ đến người đứng đầu trường huấn luyện.

Tôi muốn nói rằng động lực khiến tôi đảm nhận việc khiếu kiện này chỉ là vì ý thức về sự công bằng của tôi đã bị xúc phạm. Nhưng dẫu điều đó chắc chắn đã có tác động đến quyết định này, tôi không thể phủ nhận rằng đối với một thanh niên đột nhiên xuất sắc với hầu hết mọi thứ anh ta đã thử qua, việc thách thức ban quản trị lươn lẹo của nhà trường đúng là nghe có vẻ vui thú. Trong vòng một giờ, tôi đã tổng hợp các chính sách từ mạng nội bộ để trích dẫn, và ngày chưa hết thì email của tôi đã được gửi đi.

Sáng hôm sau, hiệu trưởng gọi tôi vào văn phòng, ông ta thừa nhận là trường này lâu nay đã rối loạn, nhưng lại nói rằng các vấn đề này ông không thể giải quyết được gì hết. "Cậu chỉ còn ở đây mười hai tuần nữa thôi... Hãy giúp tôi mà bảo các bạn cùng lớp của cậu ráng chịu đựng. Sắp được phân công tác rồi, và sau đó các cậu sẽ có nhiều chuyện đáng để lo lắng hơn. Tất cả những gì cậu cần nhớ trong thời gian học ở đây là ai sẽ được phê duyệt điểm cao nhất".

Ông ta đã chọn lời lẽ sao cho những gì nói ra nghe có vẻ như một cách hăm dọa, và cũng có vẻ như muốn hối lộ. Dù là gì đi nữa, tôi cũng thấy khó chịu. Khi tôi rời khỏi văn phòng của ông ta, trò vui đã kết thúc, và tôi chỉ còn theo đuổi lẽ công bằng mà thôi.

Tôi quay lại một lớp học đã chờ đợi thất bại. Tôi còn nhớ "Spo" nhận thấy cái nhíu mày của tôi và anh ta nói, "Đừng buồn, chú em. Ít nhất thì chú đã cố gắng".

Anh ta đã ở CIA lâu hơn bất kỳ bạn học nào khác của tôi; anh biết nó hoạt động như thế nào, và biết là nực cười như thế nào khi tin tưởng cấp quản lý sẽ sửa chữa một cái gì đó mà chính họ đã phá hỏng. So với anh ta, tôi là kẻ ngây thơ trước bộ máy quan liêu, tôi bực bội vì thất bại này và vì sự chấp nhận dễ dàng của "Spo" và những người khác. Tôi ghét cái cảm nghĩ là một sự tiến triển hoàn toàn tưởng tượng là đủ để xua tan một nhu cầu phải có kết quả đích thực. Không phải là các bạn cùng lớp của tôi

không muốn đấu tranh, mà là họ không có điều kiện đấu tranh: Hệ thống này được thiết kế sao cho tổn thất cảm nhận được của việc tăng cường đấu tranh sẽ vượt quá lợi ích mong đợi của kết quả được giải quyết. Tuy nhiên, ở tuổi hai mươi bốn, tôi rất ít nghĩ đến tổn thất lẫn lợi ích; tôi chỉ quan tâm đến hệ thống. Chưa xong với tôi đâu.

Tôi viết lại và gửi lại email - bây giờ không gửi cho hiệu trưởng nữa, mà là cho cấp trên của ông ta, giám đốc Công tác vụ. Mặc dù ở bậc cao hơn trên nấc thang tổ chức, người này lại tương đối ngang bằng về chức vụ và thâm niên với một vài nhân sự mà tôi đã đối phó ở tổng hành dinh. Sau đó, tôi còn gửi thêm một bản sao email này cho sếp của ông giám đốc Công tác vụ, người chắc chắn là cấp cao hơn nữa.

Vài ngày sau, chúng tôi đang ngồi trong lớp, học những thứ như là dùng phép trừ sai như một dạng mã hóa ứng biến trong thực tế, thì cô thư ký trực ban vào lớp tuyên bố rằng chế độ cũ đã sụp đổ. Sẽ không có chuyện làm thêm giờ không được trả lương nữa, và hai tuần nữa thì tất cả chúng tôi sẽ được chuyển tới một khách sạn tốt hơn nhiều. Tôi còn nhớ cái giọng tự hào phù phiếm khi cô ta tuyên bố, "Một nhà trọ trong chuỗi Hampton Inn!"

Tôi chỉ có đâu khoảng một ngày để mừng vinh quang trước khi lớp học bị gián đoạn một lần nữa. Lần này, ông hiệu trưởng đứng trước cửa, gọi tôi tới văn phòng ông. "Spo" ngay lập tức nhảy khỏi ghế, ôm chầm lấy tôi, làm điệu bộ gạt nước mắt và tuyên bố rằng anh ta sẽ không bao giờ quên tôi. Ông hiệu trưởng trố mắt nhìn.

Kìa, đang chờ trong văn phòng hiệu trưởng chính là giám đốc Công tác vụ - cấp trên của hiệu trưởng, sếp của gần như tất cả mọi người đi theo nghiệp TISO, người mà tôi đã gửi email luôn cho cả thượng cấp của ông ta. Thái độ của vị này đặc biệt thân mật, và không hề có vẻ gì đang nghiến răng bực tức như ông hiệu trưởng trung tâm huấn luyện. Thấy vậy tôi đâm lo.

Tôi cố giữ vẻ ngoài bình tĩnh, nhưng trong lòng tôi đang sợ. Ông hiệu trưởng mở đầu cuộc trò chuyện bằng cách nhắc lại rằng những vấn đề mà lớp tôi phơi bày đang trong quá trình giải quyết. Cấp trên của ông cắt lời. "Nhưng lý do chúng ta gặp ở đây không phải là để nói chuyện này. Lý do chúng ta gặp ở đây là để nói về chuyện bất phục tùng và trình tự thẩm quyền".

Nếu ông ta tát tôi thì tôi còn ít sửng sốt hơn.

Tôi không biết ông giám đốc này có ý gì với chuyện bất phục tùng, nhưng tôi chưa kịp hỏi thì ông ta đã tiếp tục. Theo ông, CIA hoàn toàn khác

với các cơ quan dân sự khác, ông nói, cho dù trên giấy tờ, các quy định đều khẳng định là không khác. Và trong một cơ quan làm một công việc quan trọng như vậy, không có gì quan trọng hơn trình tự thẩm quyền.

Giơ ngón trỏ lên theo phản xạ nhưng lịch sự, tôi nói rõ rằng trước khi tôi gửi email vượt cấp, tôi đã báo cáo đúng trình tự thẩm quyền và đã thất bại. Đó chính là điều cuối cùng mà tôi lẽ ra nên giải thích cho cái "trình tự thẩm quyền" đang hiện thân rành rành bên kia chiếc bàn, ngồi đối diện tôi.

Ông hiệu trưởng chỉ cúi gằm nhìn đôi giày và thỉnh thoảng liếc ra ngoài cửa sổ.

"Nghe đây, Ed", sếp của ông hiệu trưởng nói. "Tôi không đến đây để nghe báo cáo than phiền bức xúc. Thoải mái đi. Tôi biết cậu là người giỏi, và chúng tôi đã đi quanh nói chuyện với tất cả giảng viên của cậu và ai cũng nói là cậu có tài và thông minh. Thậm chí còn tình nguyện đến vùng chiến sự. Chúng tôi đánh giá cao điều đó. Chúng tôi muốn có cậu ở đây, nhưng chúng tôi cần biết là có thể tin tưởng ở cậu hay không. Cậu phải hiểu là ở đây có hệ thống. Đôi lúc tất cả chúng ta đều phải chấp nhận những điều chúng ta không thích, bởi vì nhiệm vụ là trên hết, và chúng ta không thể hoàn thành nhiệm vụ nếu người nào trong nhóm cũng phê phán những chuyện đã cũ". Ông ta ngừng lời, nuốt nước bọt, rồi nói tiếp, "Không có ở đâu mà điều này đúng cho bằng ở sa mạc. Có rất nhiều chuyện xảy ra trên sa mạc, và tôi nghĩ rằng chưa tới giai đoạn mà chúng tôi có thể yên tâm là cậu biết cách xử lý những chuyện đó".

Đây là trò bắt bí của họ, trò trả thù của họ. Và mặc dù đã hoàn toàn tự chuốc lấy thất bại, ông hiệu trưởng bây giờ đang tươi cười nhìn ra bãi đậu xe. Không có ai ngoài tôi - và thật sự là không có ai - đã chọn công tác ở Phòng SRD, hoặc bất kỳ công việc chiến đấu tích cực nào khác cả, như là mong muốn hàng đầu hoặc thứ hai hoặc thậm chí thứ ba trên tờ khai nguyện vọng của họ. Ai cũng chọn ưu tiên mọi điểm đến trong khu vực châu Âu phè phỡn, toàn những chỗ du hí vui vẻ với cối xay gió và xe đạp, nơi chẳng khi nào nghe bom đạn nổ.

Thật thô bỉ, bây giờ họ lại phân công tôi đến một trong những chỗ như thế. Họ cho tôi đến Geneva. Họ trừng phạt tôi bằng cách cho tôi điều mà tôi không hề yêu cầu, nhưng lại là điều mọi người khác đều muốn.

Như thể đọc được suy nghĩ của tôi, ông giám đốc nói, "Đây không phải là hình phạt, Ed. Đây là một cơ hội..., thực sự đó. Người có trình độ chuyên môn như cậu sẽ bị uổng phí ở vùng chiến sự. Cậu phải đến một trạm lớn

hơn, dẫn đầu các kế hoạch mới nhất, để cậu thực sự bận rộn và phát huy tối đa khả năng".

Mọi người trong lớp, những người đã chúc mừng tôi sau đó lại đâm ra ganh tị và nghĩ rằng tôi đã bị mua chuộc bằng một nhiệm sở xa hoa để không khiếu nại thêm nữa. Phản ứng của tôi ngay lúc ở trong văn phòng thì ngược lại: Tôi nghĩ là ông hiệu trưởng nhất định phải có một tay chỉ điểm ở trong lớp này, kẻ đã báo cho ông ta biết chính xác loại nhiệm sở mà tôi mong muốn tránh né.

Ông giám đốc đứng dậy với một nụ cười, dấu hiệu kết thúc cuộc gặp gỡ. "Xong rồi, tôi nghĩ là chúng tôi đã trù hoạch rồi. Trước khi đi, tôi chỉ muốn chắc chắn là đã nói rõ điều này: Tôi sẽ không gặp phải một khoảnh khắc Ed Snowden nào nữa, phải không?"

$_0O_0$

15
Geneva

VIẾT VÀO năm 1818, tiểu thuyết *Frankenstein* của Mary Shelley chủ yếu lấy bối cảnh ở Geneva, thành phố Thụy Sĩ nhộn nhịp, gọn gàng, sạch sẽ, ăn khớp như bộ máy đồng hồ, nơi bây giờ tôi sống. Như nhiều người Mỹ, từ nhỏ tôi đã xem đủ loại phiên bản điện ảnh và phim hoạt hình TV nhưng tôi chưa bao giờ thực sự đọc cuốn sách này. Tuy nhiên, trong những ngày trước khi rời Hoa Kỳ, tôi đã tìm kiếm những gì cần đọc về Geneva, và trong gần như mọi danh sách tìm thấy trên mạng, *Frankenstein* luôn nổi bật giữa các cẩm nang du lịch và sách lịch sử. Thực tế, tôi nghĩ rằng các tập PDF duy nhất tôi tải xuống để đọc khi bay sang đó là *Frankenstein* và các Công ước Geneva, và tôi chỉ đọc xong cuốn tiểu thuyết. Trước khi Lindsay chuyển đến Geneva ở cùng tôi, tôi đọc sách vào ban đêm trong những tháng dài cô đơn sống một mình, nằm duỗi trên một tấm nệm trần trong phòng khách của căn hộ trang trí hoa mỹ đến hài hước, rộng lớn đến hài hước, nhưng vẫn gần như không có đồ đạc gì. Đại sứ quán đã trả tiền thuê cho tôi căn hộ này ở Quai du Seujet, quận Saint-Jean Falaises, với một cửa sổ nhìn ra sông Rhone và cửa sổ kia nhìn ra dãy núi Jura.

Chỉ cần nói thế này là đủ, cuốn sách không như tôi mong đợi. *Frankenstein* là một cuốn tiểu thuyết dưới dạng thư từ, đọc như một chuỗi email viết quá lê thê, xen kẽ các cảnh điên loạn và giết người đẫm máu với một câu chuyện cảnh báo về cách mà những phát kiến công nghệ thường vượt qua mọi giới hạn đạo đức, luân thường, và pháp luật. Kết quả là tạo ra một con quái vật không thể kiểm soát.

Trong Cộng đồng Tình báo, cụm từ "hiệu ứng Frankenstein" hay được nêu ra, mặc dù bên quân sự dùng một thuật ngữ phổ biến là "dội ngược": tình huống mà các quyết định chính sách nhằm thúc đẩy lợi ích của Mỹ cuối cùng lại gây thiệt hại cho họ không thể cứu vãn. Các ví dụ nổi bật về "hiệu ứng Frankenstein" được các báo cáo đánh giá sau biến cố của dân sự, chính phủ, quân đội và thậm chí tình báo nêu ra đã bao gồm việc Mỹ tài trợ và huấn luyện lực lượng phiến quân Hồi giáo để chống lại Liên Xô, rốt cuộc đã biến Osama bin Laden trở nên cực đoan và thành lập tổ chức al-Qaeda, cũng như việc Mỹ thanh trừng những người theo đảng Baath trong quân đội Iraq thời Saddam Hussein đã dẫn đến sự trỗi dậy của nhà nước Hồi giáo IS. Nhưng không còn nghi ngờ gì nữa, hiệu ứng Frankenstein điển hình chính yếu trong sự nghiệp ngắn ngủi của tôi có thể thấy ngay

trong cuộc chạy đua bí mật của chính phủ Hoa Kỳ nhằm sắp xếp lại việc thông tin liên lạc của thế giới. Ở Geneva, trong cùng một khung cảnh mà con quái vật của Mary Shelley đã phát cuồng, nước Mỹ đang bận rộn tạo ra một mạng lưới mà cuối cùng tự nó sẽ có cuộc sống và sứ mệnh riêng rồi tàn phá luôn cuộc sống của những người tạo ra nó - kể cả phần lớn cuộc sống của chính tôi nữa.

Trạm CIA trong đại sứ quán Mỹ ở Geneva là một trong những phòng thí nghiệm chính ở châu Âu trong cuộc thí nghiệm kéo dài hàng chục năm này. Là thủ đô Cựu Thế Giới sang trọng của những dòng họ làm ngân hàng và truyền thống lâu đời giữ bí mật tài chính, Geneva cũng nằm ở giao điểm của các hệ thống mạng cáp quang quốc tế và EU, và tình cờ nằm dưới bóng các vệ tinh liên lạc quan trọng đang quay vòng trên cao.

CIA là cơ quan tình báo chính của Hoa Kỳ chuyên về tình báo con người HUMINT *(human intelligence),* tức thu thập thông tin tình báo bằng phương thức liên lạc giữa người với người, trực tiếp, không qua màn hình trung gian. Các nhân viên sự vụ CO *(case officers)* chuyên về hoạt động này là những người hoài nghi cực độ, những kẻ nói dối đầy quyến rũ, hút thuốc, uống rượu, và ấp ủ phẫn nộ sâu sắc đối với sự phát triển của ngành tình báo truyền tin SIGINT *(signals intelligence),* tức thu thập thông tin tình báo bằng phương thức lén lút chặn các hệ thống liên lạc - mỗi năm trôi qua thì SIGINT lại càng làm giảm sút các đặc quyền và uy tín của HUMINT. Nhưng cho dù các CO nói chung không tin tưởng với một phiên bản công nghệ kỹ thuật số của con quái vật Frankenstein ở tận tổng hành dinh, chắc chắn là họ hiểu được nó hữu ích như thế nào, điều này tạo ra một tình thân vừa lành mạnh vừa cạnh tranh giữa hai ngành tình báo. Ngay cả những CO xảo quyệt và có sức thu phục nhất, trong suốt sự nghiệp của họ, cũng bắt gặp ít nhất một vài người nhiệt thành với lý tưởng mà lòng trung thành của số này không thể mua chuộc bằng những phong bì nhét đầy tiền mặt. Đó thường là lúc họ phải nhờ cậy đến các nhân viên tác chiến kỹ thuật như tôi - với những câu hỏi, lời khen và lời mời dự tiệc.

Làm tác chiến kỹ thuật giữa những nhân viên sự vụ này cũng giống như làm một đại sứ văn hóa lẫn cố vấn chuyên môn để giới thiệu với họ các lề thói và tập quán của một lãnh thổ xa lạ với hầu hết người Mỹ chẳng kém gì hai mươi sáu Bang và bốn ngôn ngữ chính thức của Thụy Sĩ. Vào thứ Hai, một CO có thể nhờ tôi hướng dẫn cách thiết lập một kênh liên lạc bí mật trên mạng với một kẻ có tiềm năng phản bội mà họ e là sẽ bị theo dõi. Vào thứ Ba, một CO khác có thể giới thiệu tôi với một người mà họ bảo là một "chuyên gia" đến từ Washington - mặc dù thực tế người này cũng là nhân

viên CO ngày hôm trước, bây giờ đang thử một cách hóa trang mà tôi vẫn thấy xấu hổ khi thú nhận là tôi không hề nghi ngờ mảy may, dù tôi cho rằng đó chính là mấu chốt vấn đề. Vào thứ Tư, họ có thể hỏi tôi cách nào tốt nhất để "phá hủy sau khi truyền tin đi" (phiên bản công nghệ của "đốt sau khi đọc") một đĩa chứa hồ sơ khách hàng mà một CO đã xoay xở mua được từ một nhân viên bất lương của nhà mạng Swisscom. Vào thứ Năm, tôi có thể phải viết và gửi đi các báo cáo vi phạm an ninh của nhân viên CO, ghi lại những vi phạm nhỏ như quên khóa cửa dẫn vào "hầm" khi họ đi vào phòng tắm - một nhiệm vụ mà tôi làm với lòng cảm thông đáng kể, vì tôi đã từng phải tự báo cáo về chính mình với một lỗi lầm tương tự. Rồi đến thứ Sáu, trưởng ban hoạt động có thể gọi tôi vào văn phòng của ông ta và hỏi tôi, "giả sử rằng", tổng hành dinh có thể gửi sang một ổ đĩa USB đã lén cài phần mềm do thám để cho "ai đó" có thể dùng nó mà hack các máy tính của các phái đoàn Liên Hiệp Quốc - tòa nhà chính của LHQ nằm ngay phía trên con đường này - vậy theo tôi thì có nhiều khả năng "ai đó" sẽ bị phát hiện không?

Tôi cho là không và họ cũng nghĩ vậy.

Tóm lại, trong thời gian tôi hoạt động ở Geneva, lĩnh vực này đã thay đổi nhanh chóng. Cơ quan ngày càng kiên quyết buộc các CO theo kịp thời đại, và dân tác chiến kỹ thuật như tôi ngoài các nhiệm vụ khác còn được giao trách nhiệm giúp họ cập nhật công nghệ mới. Chúng tôi đưa họ lên mạng, và họ chấp nhận chúng tôi.

Geneva được coi là tâm điểm cho quá trình chuyển đổi này vì nó là môi trường dồi dào nhất thế giới của những mục tiêu tinh vi, từ tổng trụ sở Liên Hiệp Quốc đến các văn phòng chính của nhiều cơ quan LHQ chuyên biệt và các tổ chức phi chính phủ quốc tế. Có Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế, nơi thúc đẩy các tiêu chuẩn an toàn và công nghệ hạt nhân trên toàn thế giới, bao gồm cả những tiêu chuẩn về vũ khí hạt nhân; có Liên minh Viễn thông Quốc tế, nơi mà - qua ảnh hưởng của nó đối với các tiêu chuẩn kỹ thuật cho mọi thứ, từ các dải tần vô tuyến đến quỹ đạo vệ tinh - sẽ xác định những thiết bị nào có thể liên lạc và bằng cách nào; và còn có Tổ chức Thương mại thế giới, tổ chức mà - thông qua các quy định về buôn bán hàng hóa, dịch vụ và sở hữu trí tuệ giữa các quốc gia thành viên - sẽ xác định thứ gì có thể bán và bằng cách nào. Cuối cùng, Geneva còn giữ vai trò là thủ đô tài chính tư nhân, cho phép các tài sản lớn được cất giấu và chi tiêu mà không chịu nhiều sự giám sát công khai, bất kể những tài sản đó là bất chính hay chính đáng.

Các phương pháp gián điệp truyền thống nổi tiếng chậm chạp và tỉ mỉ chắc chắn đã thành công trong việc thao túng các hệ thống này vì lợi ích của nước Mỹ, nhưng cuối cùng lại quá ít, không đủ thỏa mãn lòng ham muốn ngày càng tăng của các nhà hoạch định chính sách Mỹ, những người đọc các báo cáo tình báo, nhất là khi ngành ngân hàng Thụy Sĩ - cùng với phần còn lại của thế giới - đã chuyển sang kỹ thuật số. Với những bí mật sâu kín nhất thế giới hiện được lưu trên các máy tính, thường là kết nối với Internet công cộng, thì điều hợp lý là Cộng đồng IC của Mỹ sẽ muốn sử dụng chính những kết nối đó để đánh cắp bí mật.

Trước khi Internet ra đời, nếu một cơ quan muốn truy cập vào một máy tính mục tiêu thì phải tuyển một trợ thủ có thể tiếp cận máy tính ấy. Rõ ràng đây là một đề xuất nguy hiểm: trợ thủ có thể bị bắt quả tang đang tải xuống các tài liệu bí mật, hay đang cài đặt phần cứng và phần mềm khai thác để chúng truyền các tài liệu cho người xử lý. Sự phát triển toàn cầu của công nghệ số đã đơn giản hóa tiến trình này rất nhiều. Thế giới mới "tình báo mạng kỹ thuật số" hay "tác chiến mạng máy tính" đồng nghĩa với việc gần như không bao giờ cần tới việc tiếp cận vật lý nữa, giúp giảm mức độ rủi ro về con người và vĩnh viễn thay đổi thế cân bằng giữa hai ngành tình báo HUMINT/SIGINT. Một điệp viên bây giờ chỉ cần gửi một tin nhắn cho mục tiêu, chẳng hạn như một email, có các tập tin đính kèm hoặc đường liên kết mà chúng sẽ tung ra những phần mềm do thám cho phép CIA theo dõi không chỉ là chiếc máy tính mục tiêu mà cả toàn bộ hệ thống mạng. Với sự đổi mới này, HUMINT của CIA sẽ chỉ chuyên làm công việc xác định các mục tiêu quan tâm và SIGINT sẽ lo phần còn lại. Thay vì một CO phải tạo mối quan hệ với một mục tiêu để biến người đó trở thành trợ thủ - thông qua hối lộ bằng tiền mặt, hoặc ép buộc và hăm dọa nếu hối lộ không xong - một vài vụ hack máy tính thông minh sẽ mang lại lợi ích tương tự. Hơn nữa, với phương pháp này, mục tiêu vẫn không hay biết gì - một quy trình chắc chắn là sạch sẽ hơn.

Ít nhất thì hy vọng là thế. Nhưng khi hoạt động tình báo ngày càng trở thành "tình báo không gian mạng" (một thuật ngữ được sử dụng để phân biệt với các hình thức lén thu thập thông tin qua điện thoại và máy fax của SIGINT thời chưa lên mạng), các mối quan tâm cũ cũng phải được cập nhật theo phương tiện mới là Internet. Ví dụ: làm thế nào để tìm hiểu một mục tiêu trong khi vẫn ẩn danh trên mạng.

Vấn đề này thường xuất hiện khi một CO truy tìm tên của một người từ một quốc gia như Iran hoặc Trung Quốc trong cơ sở dữ liệu của cơ quan và không thấy gì cả. Đối với các tìm kiếm ngẫu nhiên về các mục tiêu tiềm

năng như thế này, kết quả thường là *"No Results"* (không tìm thấy): cơ sở dữ liệu CIA chủ yếu chỉ toàn thông tin về những người mà cơ quan này đã quan tâm từ trước, hoặc công dân của các nước bạn vốn đã có sẵn hồ sơ và dễ dàng truy tìm. Khi gặp kết quả *"No Results"*, một CO thường sẽ phải làm điều tương tự như bạn làm khi muốn tìm kiếm thông tin về ai đó: Họ đã chuyển sang Internet công cộng. Việc này mới là rủi ro.

Thông thường khi bạn lên mạng, mọi yêu cầu truy vấn sẽ từ máy tính của bạn gần như đi thẳng đến máy chủ chứa điểm đến cuối cùng - website mà bạn đang cố gắng truy cập. Tuy nhiên, tại mọi điểm trên đường đi, yêu cầu của bạn sẽ vui vẻ thông báo chính xác rằng nó xuất phát từ đâu trên Internet, và nó sẽ đến đâu trên Internet, nhờ vào các mã định danh được gọi là tiêu đề nguồn và đích mà bạn có thể xem như thông tin địa chỉ trên một tấm bưu thiếp. Nhờ những tiêu đề này, nhiều người khác, bao gồm những người quản trị website, quản trị hệ thống mạng, và cơ quan tình báo nước ngoài, có thể dễ dàng xác định được bạn chính là người đã dò tìm điều gì đó trên Internet.

Nghe thì có thể khó tin, nhưng CIA tại thời điểm đó không biết phải bảo nhân viên sự vụ nên làm sao trong tình huống như vậy, ngoài việc đề nghị là hãy yêu cầu tổng hành dinh CIA tìm kiếm thay. Đúng thủ tục thì cái tiến trình nực cười này sẽ hoạt động như sau: một người nào đó ở McLean sẽ lên mạng từ một máy tính đầu cuối riêng biệt và sử dụng cái gọi là "hệ thống nghiên cứu ủy thác". Hệ thống này tạo ra một máy ảo để giả nguồn gốc của một yêu cầu tìm kiếm trước khi gửi nó đến Google. Nếu có bất cứ ai cố tìm hiểu xem cái lệnh tìm kiếm cụ thể đó phát xuất từ đâu thì họ chỉ tìm thấy đó là một doanh nghiệp sản xuất thuốc giảm đau nằm ở đâu đó tại Mỹ - một trong vô số địa chỉ giả của các công ty dịch vụ nhân sự hoặc tuyển dụng cấp cao mà CIA dùng làm vỏ bọc.

Tôi không thể nói là đã có ai giải thích được rốt ráo cho tôi hiểu tại sao CIA thích sử dụng các doanh nghiệp "tìm việc" làm bình phong; chắc là vì chỉ có những công ty như thế mới có thể hôm nay tìm kiếm một kỹ sư hạt nhân ở Pakistan thì ngày mai lại tìm một vị tướng Ba Lan về hưu. Nhưng tôi có thể nói hoàn toàn chắc chắn rằng tiến trình này không hiệu quả, phiền toái và tốn kém. Để tạo ra chỉ một vỏ bọc này thôi, CIA phải nghĩ ra mục đích và tên gọi của một công ty, tìm cho được một địa chỉ có thực dễ tin cậy ở đâu đó tại Mỹ, đăng ký một URL dễ tin cậy, dựng lên một website dễ tin cậy, sau đó thuê máy chủ dưới tên công ty này. Chưa hết, CIA phải tạo một đường kết nối có mã hóa từ các máy chủ đó để cho phép nó liên lạc với hệ thống mạng của CIA mà không ai nhận thấy kết nối đó. Và điều này mới

bất ngờ: Sau bao nhiêu công sức và tiền của được bỏ ra chỉ để cho chúng tôi ẩn danh truy tìm trên Google một cái tên, bất kỳ doanh nghiệp bình phong nào được sử dụng như một địa chỉ ủy thác sẽ ngay lập tức bị lộ - ý tôi là kết nối của nó với CIA sẽ bị phơi bày trước kẻ thù - ngay khi một chuyên viên phân tích nào đó quyết định tạm dừng nghiên cứu để đăng nhập vào tài khoản Facebook cá nhân trên cùng một máy tính đó. Do ít có ai ở trong tổng hành dinh là người hoạt động bí mật, nên cái tài khoản Facebook thường sẽ công khai tuyên bố, "Tôi làm việc ở CIA", hay cũng lộ liễu chẳng kém, "Tôi làm việc cho Bộ Ngoại giao, nhưng ở McLean".

Bạn cứ cười đi. Hồi đó chuyện này xảy ra hoài.

Trong thời gian tôi làm việc ở Geneva, mỗi lần có nhân viên CO hỏi tôi liệu có cách gì an toàn hơn, nhanh hơn và nói chung là hiệu quả hơn để làm việc này không, thì tôi luôn giới thiệu họ dùng Tor.

The Tor Project là một sáng tạo của nhà nước mà cuối cùng trở thành một trong số ít những lá chắn hiệu quả chống lại sự giám sát của nhà nước. Tor là trình duyệt miễn phí và dùng mã nguồn mở, nếu sử dụng cẩn thận, sẽ cho phép người dùng truy tìm trên mạng gần như là ẩn danh hoàn toàn - một sự ẩn danh có thể đạt được trên thực tế ở quy mô lớn. Các giao thức của Tor được phát triển bởi Phòng thí nghiệm Nghiên cứu Hải quân Hoa Kỳ vào giữa những năm 1990, và vào năm 2003, trở thành giao thức công cộng - cho toàn bộ thường dân nào trên thế giới cần tới chức năng của nó. Lý do là Tor hoạt động theo mô hình Cộng đồng hợp tác, dựa vào các tình nguyện viên am hiểu công nghệ trên toàn cầu, những người vận hành máy chủ Tor của họ từ tầng hầm, gác xép và nhà để xe. Bằng cách phân luồng dòng truy cập Internet của người dùng thông qua các máy chủ này, Tor làm đúng cái công việc bảo vệ nguồn gốc của dòng truy cập đó giống như "hệ thống nghiên cứu ủy thác" của CIA, với sự khác biệt chính yếu là Tor làm việc này tốt hơn, hay ít ra là hiệu quả hơn. Tôi đã bị Tor thuyết phục, nhưng việc thuyết phục các CO thô lỗ lại là một vấn đề hoàn toàn khác.

Với giao thức Tor, lưu lượng truy cập của bạn được phân chia và chuyển tiếp qua các đường lưu thông được tạo ngẫu nhiên từ máy chủ Tor này đến máy chủ Tor khác, với mục đích thay thế nguồn gốc liên lạc của bạn bằng danh tính của máy chủ Tor cuối cùng trong chuỗi dịch chuyển liên tục này. Thực tế là không có máy chủ Tor nào, được gọi là các "lớp", biết được danh tính hoặc bất kỳ thông tin nhận dạng nào về nguồn gốc của dòng truy cập. Và điều đặc biệt tài tình là máy chủ Tor duy nhất biết nguồn gốc xuất phát dòng truy cập này - chính máy chủ đầu tiên trong chuỗi - lại không biết dòng truy cập đó đang đi về đâu. Nói đơn giản hơn: máy chủ Tor đầu

tiên kết nối bạn với mạng Tor, được gọi là cổng vào, biết bạn là người gửi yêu cầu, nhưng vì nó không được phép đọc yêu cầu đó, nên nó không hề biết liệu bạn đang tìm kiếm các hình chế về thú cưng hay thông tin về cuộc biểu tình; và máy chủ Tor cuối cùng mà yêu cầu của bạn đi qua, được gọi là cổng ra, biết chính xác những gì đang được yêu cầu, nhưng không hề biết người gửi yêu cầu là ai.

Phương thức phân lớp này được gọi là định tuyến kiểu củ hành, The Onion Router, cho nên mới có tên tắt là Tor. Có một câu nói đùa không công khai là các điệp viên mà cố theo dõi mạng Tor thì chỉ có khóc thét mà thôi. Câu bông đùa hàm chứa sự trớ trêu của dự án này: đây là một kỹ thuật do quân đội Hoa Kỳ phát triển để làm cho hoạt động tình báo trên không gian mạng vừa khó khăn hơn vừa dễ dàng hơn, ứng dụng các bí quyết của hacker để bảo vệ sự ẩn danh của các nhân viên tình báo, nhưng phải chịu trả giá bằng cách chấp nhận cho kẻ thù và người dùng bình thường trên toàn cầu một sự ẩn danh tương tự. Với lẽ đó, Tor thậm chí còn trung lập hơn cả Thụy Sĩ. Còn với cá nhân tôi, Tor là một phương thức đổi đời, đưa tôi trở lại với Internet thời thơ ấu, bằng cách cho tôi một chút hương vị tự do không bị giám sát.

$_0O_0$

Việc CIA xoay trục sang tình báo không gian mạng, hay SIGINT trên Internet, không hề có ngụ ý là cơ quan này không còn thực hiện một số hoạt động HUMINT quan trọng, giống như cách mà nó đã luôn làm xưa nay, ít nhất là từ khi ra đời Cộng đồng tình báo hiện đại do hệ quả của Thế chiến II. Ngay cả tôi cũng tham gia, mặc dù hoạt động đáng nhớ nhất của tôi là một thất bại. Geneva là nơi đầu tiên và duy nhất trong sự nghiệp tình báo của tôi mà tôi đã làm quen với một mục tiêu - lần đầu tiên và duy nhất tôi nhìn thẳng vào mắt một người thay vì chỉ thu thập về cuộc sống của họ từ xa. Tôi phải nói rằng, tôi đã thấy toàn bộ trải nghiệm này đầy cảm tính và buồn khôn quên.

Ngồi bàn luận cách hack một tòa nhà phức hợp LHQ không nhân dạng lại thoải mái về mặt tâm lý hơn rất nhiều. Còn việc tham gia trực tiếp, có thể rất khắc nghiệt và vắt kiệt cảm xúc, rất hiếm xảy ra trong hoạt động tình báo bằng kỹ thuật, và hầu như không bao giờ xảy ra trong điện toán. Cái màn hình đã giúp tạo ra một trải nghiệm ngăn cách với việc tiếp xúc con người. Việc nhìn cuộc đời qua một cửa sổ cuối cùng có thể tách rời

chúng ta khởi hành động của mình và hạn chế mọi cuộc đối mặt có ý nghĩa với hậu quả của chúng.

Tôi đã gặp một người tại một sự kiện của đại sứ quán, một buổi tiệc. Đại sứ quán tổ chức rất nhiều sự kiện như vậy, và các CO luôn đi, tận dụng tối đa các dịp này để phát hiện và đánh giá các ứng viên tiềm năng để tuyển mộ cũng như để uống rượu và hút xì-gà thoải mái.

Đôi khi các CO sẽ đưa tôi theo. Tôi hay giảng cho họ về chuyên môn của tôi khá nhiều, tôi nghĩ thế, nên bây giờ họ đều hả hê giảng lại cho tôi về chuyên môn của họ, huấn luyện chéo cho tôi để giúp họ chơi trò "phát hiện mục tiêu" trong một môi trường mà số lượng người họ cần giao tiếp luôn vượt xa khả năng tự xử lý của họ. Niềm đam mê kỹ thuật vốn có của tôi đồng nghĩa với việc tôi có thể khiến các nhà nghiên cứu trẻ từ Hội đồng Nghiên cứu Hạt nhân châu Âu *(Conseil Européen pour la Recherche Nucléaire* - CERN) nói về công việc của họ một cách liến thoắng say sưa hơn là để cho các nhân viên CO vất vả tìm cách tự khơi gợi ra - hàng ngũ CO toàn là dân cao học quản trị kinh doanh và chuyên ngành khoa học chính trị.

Là một chuyên viên công nghệ, tôi thấy dễ dàng bảo vệ vỏ bọc của mình đến mức khó tin. Ngay khi một số công dân quốc tế mặc đồ vét may đo này hỏi tôi làm nghề gì và tôi đã trả lời bằng mấy từ "Tôi làm CNTT" (hay để luyện tiếng Pháp, tôi nói *"Je travaille dans l'informatique"),* thì họ không còn chú ý đến tôi nữa. Như vậy không phải chấm dứt cuộc trò chuyện đâu. Khi bạn là một chuyên viên có khuôn mặt non choẹt đang trò chuyện ngoài lĩnh vực của mình thì sẽ không có gì đáng ngạc nhiên khi bạn hỏi rất nhiều, và theo kinh nghiệm của tôi, hầu hết mọi người đều chộp lấy cơ hội ấy để giải thích cho thấy rõ là họ biết nhiều hơn bạn chừng nào về một điều gì đó mà họ quan tâm sâu sắc.

Bữa tiệc mà tôi đang nhớ lại đã diễn ra vào một đêm ấm áp ngoài hàng hiên một nhà hàng cao cấp nằm trên một trong những con đường phụ bên cạnh hồ Geneva. Một số CO nếu cần sẽ không ngần ngại bỏ mặc tôi trong một buổi tụ tập như vậy để họ ngồi càng gần càng tốt với bất kỳ phụ nữ nào tình cờ phù hợp với các chỉ số đánh giá tình báo khắt khe của họ là rất hấp dẫn và chưa quá tuổi sinh viên, nhưng tôi không lấy làm phiền. Đối với tôi, phát hiện mục tiêu là một trò tiêu khiển đi kèm với một bữa tối miễn phí.

Tôi lấy đĩa rồi ngồi xuống một chiếc bàn bên cạnh một người Trung Đông bảnh bao mặc sơ-mi màu hồng sáng phô trương, cổ tay áo cài măng-

xét. Ông ta có vẻ lẻ loi, và hết sức bực tức vì hình như không được ai quan tâm, cho nên tôi đã hỏi han về bản thân ông. Đó là kỹ thuật thông thường: chỉ cần tỏ ra tò mò và để cho họ nói. Trong trường hợp này, ông ta đúng là nói nhiều đến nỗi giống như tôi không có mặt ở đó nữa. Ông ta là người Ả Rập Xê-Út, và ông nói với tôi chuyện ông yêu Geneva như thế nào, vẻ đẹp tương đồng giữa tiếng Pháp và tiếng Ả Rập, và nhan sắc tuyệt vời của một cô gái Thụy Sĩ mà ông phải-thường-hẹn để chơi bắn súng laser. Với giọng thoáng chút bí mật, ông ta cho biết ông làm trong ngành quản lý tài sản tư nhân. Chỉ trong chốc lát, tôi đã được nghe một bài thuyết trình hay ho, đầy đủ về những gì thật sự làm cho một ngân hàng tư nhân trở thành tư nhân, và những khó khăn của việc đầu cơ mà không gây biến động thị trường chứng khoán khi khách hàng của bạn có nhiều tiền như một quỹ đầu tư quốc gia.

"Khách hàng của ông?" tôi hỏi.

Đó là lúc ông ta nói, "Chủ yếu tôi làm việc với các tài khoản của Xê-út".

Sau vài phút, tôi xin phép vào phòng vệ sinh, và trên đường tới đó, tôi cúi xuống nói với nhân viên CO chuyên trách các mục tiêu tài chính những gì tôi đã nghe được. Sau một lúc "sửa lại tóc tai" quá lâu, tức là nhắn tin cho Lindsay, trước tấm gương phòng vệ sinh, tôi quay lại và thấy nhân viên CO kia đang ngồi trên ghế của tôi. Tôi vẫy tay với ông bạn Xê-út mới quen rồi ngồi xuống bên cạnh cô bồ đánh mắt đậm màu bị gã CO bỏ rơi. Thay vì cảm thấy tồi tệ, tôi lại có cảm giác như mình xứng đáng với món sô-cô-la Pavés de Genève đang được nhà hàng dọn ra mời tráng miệng. Công việc của tôi đã xong.

Ngày hôm sau, gã CO đó, người mà tôi sẽ gọi là Cal, đã khen tôi hết lời và cảm ơn rối rít. Các CO được tăng lương hay bị phớt lờ chủ yếu là dựa trên hiệu quả của việc tuyển mộ được các trợ thủ có khả năng tiếp cận thông tin về những vấn đề đủ quan trọng để chính thức báo cáo về tổng hành dinh, và xét đến việc Ả Rập Xê-Út bị nghi ngờ có liên quan đến tài trợ khủng bố thì Cal bị áp lực rất lớn phải xây dựng cho được một nguồn tin tốt. Tôi tin chắc là chẳng mấy chốc, tất cả các khách mời trong buổi tiệc ấy sẽ nhận được một khoản lương thứ hai từ CIA.

Nhưng thực tế hoàn toàn không phải vậy. Bất kể việc Cal thường rủ rê tay chuyên viên ngân hàng kia đến các câu lạc bộ thoát y và quán rượu, gã vẫn không tạo được thân tình với người Ả Rập - ít nhất là chưa đến mức để có thể chào hàng trả giá - và Cal đâm ra sốt ruột.

Sau một tháng thất bại, Cal đã cùng đường tới độ gã mời tay chuyên viên ngân hàng đi uống rượu và ép cho uống đến bét nhè. Sau đó, gã thúc giục để ông ta tự lái xe về nhà trong lúc say thay vì đón taxi. Ông ta còn chưa rời khỏi quán bar cuối cùng trong đêm, Cal đã gọi điện báo hiệu xe và số xe của người Ả Rập ấy cho cảnh sát Geneva, và không đầy mười lăm phút sau cảnh sát đã bắt ông ta vì tội say rượu lái xe. Tay chuyên viên ngân hàng phải đối mặt với một khoản tiền phạt khổng lồ, vì ở Thụy Sĩ tiền phạt không cố định mà dựa trên tỷ lệ thu nhập, và bị treo bằng lái xe ba tháng - khoảng thời gian mà Cal sẽ tỏ ra là một người bạn thực sự tuyệt vời với vẻ cắn rứt lương tâm giả tạo, ngày ngày lái xe đưa người Ả Rập ấy đi về từ nhà đến nơi làm việc, để giúp ông ta "giấu nhẹm chuyện này với ngân hàng". Đến lúc đóng phạt, người Ả Rập lại không sẵn tiền, Cal lại sẵn sàng cho mượn. Tay chuyên viên ngân hàng này đã trở nên lệ thuộc, giấc mơ của mọi CO.

Chỉ có một trở ngại duy nhất: khi Cal cuối cùng mở miệng chào mời, tay chuyên viên ngân hàng lại từ chối. Ông ta rất tức giận vì đã đoán ra được mình bị gài bẫy và cảm thấy bị phản bội vì sự hào phóng của Cal là không thành thật. Ông ta cắt đứt mọi liên lạc. Cal cũng miễn cưỡng thử đeo đuổi và hạn chế thiệt hại, nhưng đã quá muộn. Tay chuyên viên ngân hàng yêu Thụy Sĩ đó đã mất việc và sẽ trở về - hoặc bị đuổi về - Ả Rập Xê-út. Bản thân Cal cũng bị luân chuyển trở lại Hoa Kỳ.

Quá nhiều rủi ro, quá ít thành quả. Đó là một sự lãng phí, mà bản thân tôi đã khởi đầu và sau đó bất lực không thể ngăn lại. Sau kinh nghiệm đó, tôi càng thấy việc ưu tiên cho SIGINT hơn HUMINT là hợp lý.

Mùa hè 2008, thành phố này tổ chức sự kiện thường niên Fêtes de Genève, một lễ hội khổng lồ mà đỉnh cao là màn bắn pháo hoa. Tôi nhớ lúc ấy tôi đang ngồi bên tả ngạn hồ Geneva với các nhân viên khu vực của Vụ Thu thập Đặc biệt SCS *(Special Collection Service),* một chương trình chung của CIA và NSA chịu trách nhiệm lắp đặt và vận hành các thiết bị do thám đặc biệt cho phép các đại sứ quán Hoa Kỳ theo dõi các tín hiệu của nước ngoài. Những người này làm việc ở hành lang phía sau "hầm" của tôi tại đại sứ quán, nhưng họ lớn tuổi hơn, và công việc của họ không chỉ vượt mức lương của tôi mà còn vượt xa khả năng của tôi - họ có quyền truy cập vào các công cụ của NSA mà tôi thậm chí không biết là có những thứ như thế. Dù vậy, chúng tôi rất thân thiện: Tôi ngưỡng mộ họ còn họ quan tâm đến tôi.

Khi pháo hoa nổ rền trên đầu, tôi đang nói về trường hợp tay chuyên viên ngân hàng ấy và than vãn về tai họa đã xảy ra, thì một người trong

nhóm SCS quay sang bảo tôi, "Ed, lần tới mà chú gặp ai thì đừng mất công với đám CO làm gì - cứ đưa cho bọn anh địa chỉ email của người đó là bọn anh xử lý hết". Tôi nhớ mình đã gật đầu buồn bã khi nghe nói thế, mặc dù lúc đó tôi không biết gì về ý nghĩa đầy đủ trong lời nói của anh ta.

Tôi đã tránh xa các buổi tiệc cho đến hết năm và chủ yếu chỉ quanh quẩn ở các quán cà phê và công viên của khu Saint-Jean Falaises với Lindsay, thỉnh thoảng cùng cô ấy đi nghỉ mát ở Ý, Pháp và Tây Ban Nha. Tuy nhiên, tâm trạng tôi vẫn vướng điều gì đó khó chịu, và không chỉ là chuyện về tay chuyên viên ngân hàng ấy. Giờ nghĩ lại, có thể là về ngân hàng nói chung. Geneva là một thành phố đất đỏ và sang trọng một cách thách thức, nhưng khi năm 2008 gần kết thúc, sự thanh lịch của nó dường như chuyển thành sự ngông cuồng, khi cuồn cuộn đổ tới đây là một dòng khách siêu giàu - hầu hết từ các nước vùng Vịnh, đa số là dân Ả-rập Xê-út - được hưởng lợi nhờ giá dầu tăng cao chưa từng thấy vào đỉnh điểm của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Loại dân hoàng gia này đã thuê luôn cả mấy tầng của các khách sạn lớn năm sao và mua sạch kho của các cửa hàng xa hoa ngay bên kia cầu. Họ tổ chức những bữa tiệc phung phí ở các nhà hàng được gắn sao Michelin và phóng những chiếc Lamborghini mạ crôm trên những con đường lát đá. Geneva mọi lúc mọi nơi luôn là một màn trình diễn tiêu thụ đập vào mắt, nhưng sự hoang phí bây giờ đang phô bày ra mới chướng làm sao - nó xuất hiện giữa thảm họa kinh tế tồi tệ nhất kể từ thời Đại suy thoái, như báo chí Mỹ không ngừng nói với chúng ta, và kể từ thời giữa hai thế chiến và hòa ước Versailles, như báo chí châu Âu không ngừng nói với chúng ta.

Không phải vì Lindsay và tôi bị thiệt hại gì đâu: nói cho cùng, tiền thuê nhà của chúng tôi đã được chính phủ Mỹ thanh toán; mà là vì mỗi khi cô ấy hay tôi điện thoại nói chuyện với mọi người ở nhà thì lại nghe tình hình có vẻ u ám thêm. Cả hai gia đình của chúng tôi đều quen biết những người đã làm việc cả đời, một số làm cho chính phủ, để rồi nhà cửa của họ bị ngân hàng lấy mất sau khi một căn bệnh bất ngờ đã khiến cho một vài khoản thế chấp không thể thanh toán được.

Sống ở Geneva là sống trong một thực tế khác, thậm chí đối nghịch. Khi cả thế giới càng lúc càng nghèo đi thì Geneva càng hưng thịnh, và dù các ngân hàng Thụy Sĩ không tham gia vào nhiều loại giao dịch rủi ro đã gây ra vụ sụp đổ tài chính, họ lại vui mừng cất giấu tiền của cho những kẻ trục lợi từ nỗi khổ này mà không bao giờ bị quy trách nhiệm. Cuộc khủng hoảng năm 2008, biến cố đặt nền móng cho các cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa dân túy mà mười năm sau sẽ càn quét khắp châu Âu và Mỹ, đã giúp tôi

nhận ra rằng những điều gây phá hoại cho dân chúng thì có thể, và thường là, có lợi cho giới đặc quyền. Đây là một bài học mà chính phủ Hoa Kỳ sẽ xác nhận cho tôi, không ít lần, ở những bối cảnh khác, trong những năm tháng sắp tới.

$_0O_0$

16
Tokyo

INTERNET VỀ CƠ BẢN LÀ CỦA NGƯỜI MỸ, nhưng tôi phải ra khỏi Mỹ mới thấu hiểu ý nghĩa của điều đó. World Wide Web có thể đã được phát minh ở Geneva, tại phòng thí nghiệm nghiên cứu của CERN năm 1989, nhưng các phương thức truy cập Web lại hoàn toàn của Mỹ chẳng khác gì môn bóng chày, khiến cho cộng đồng Tình báo Mỹ được hưởng lợi thế sân nhà. Nào cáp nối và vệ tinh, nào máy chủ và tháp phát sóng - cơ sở hạ tầng của Internet nằm dưới sự kiểm soát của Hoa Kỳ nhiều đến mức hơn 90% lưu lượng truy cập Internet của thế giới đều phải đi qua các công nghệ được chế tạo, sở hữu và/hoặc điều hành bởi chính phủ Mỹ và doanh nghiệp Mỹ, những doanh nghiệp này hầu hết lại có trụ sở thực tế nằm trên lãnh thổ Mỹ. Nhiều quốc gia lâu nay vẫn lo ngại về những lợi thế đó, như Trung Quốc và Nga, đã cố gắng tạo ra các hệ thống thay thế, như Tường lửa Vạn lý, hoặc các công cụ tìm kiếm có kiểm duyệt do nhà nước tài trợ, hoặc các tập hợp vệ tinh được quốc hữu hóa cung cấp phương tiện định vị toàn cầu có chọn lọc - nhưng Mỹ vẫn là bá chủ, nước nắm giữ các công tắc chính có thể đóng mở tùy ý đối với hầu hết mọi người.

Tôi không chỉ nói cơ sở hạ tầng Internet về cơ bản là của người Mỹ - mà cả phần mềm máy tính (Microsoft, Google, Oracle) và phần cứng (HP, Apple, Dell) nữa. Mọi thứ từ chip xử lý (Intel, Qualcomm), đến thiết bị định tuyến và modem (Cisco, Juniper), đến các dịch vụ và nền tảng Web cung cấp email và mạng xã hội và lưu trữ đám mây (Google, Facebook và quan trọng nhất về cấu trúc nhưng vô hình là Amazon, hãng cung cấp dịch vụ đám mây cho chính phủ Hoa Kỳ cùng với một nửa thế giới Internet). Mặc dù một số công ty có thể sản xuất các thiết bị của họ tại Trung Quốc, nhưng bản thân công ty lại là của Mỹ và phải tuân theo luật pháp Mỹ. Vấn đề là, họ cũng phải tuân theo những chính sách mật của Mỹ, phải vi phạm luật pháp và cho phép chính phủ Hoa Kỳ giám sát hầu như mọi người, đàn ông, phụ nữ và trẻ em, đã từng chạm vào một chiếc máy tính hay cầm một máy điện thoại.

Với cơ sở hạ tầng truyền thông khắp hành tinh đậm chất Mỹ thì việc chính phủ Mỹ sẽ tiến hành kiểu do thám đại quy mô lẽ ra đã là điều hiển nhiên. Lẽ ra điều đó phải đặc biệt hiển nhiên đối với tôi. Thế nhưng không phải - chủ yếu vì chính phủ Mỹ luôn khăng khăng rằng họ chẳng hề làm chuyện gì như vậy cả, và nói chung là không thừa nhận việc làm này trước

tòa án và trên các phương tiện truyền thông một cách kiên quyết đến mức thiểu số hoài nghi còn lại, những người buộc tội chính phủ nói dối, bị coi là những kẻ bốc đồng nghiện thuyết âm mưu. Những nghi ngờ của họ về các chương trình NSA bí mật dường như không khác gì với những hoang tưởng hoảng loạn về các thông điệp của người ngoài hành tinh được truyền vào các vào thiết bị thu sóng nằm trong hàm răng của chúng ta. Chúng ta - tôi, bạn, tất cả mọi người - đều quá cả tin. Nhưng điều khiến cá nhân tôi cảm thấy đau đớn hơn cả là vào lần cuối cùng phạm lỗi cả tin này, tôi đã ủng hộ cuộc xâm lược Iraq và tòng quân. Khi tôi gia nhập cộng đồng IC, tôi cảm thấy chắc chắn rằng mình sẽ không bao giờ bị lừa gạt nữa, đặc biệt là vì tôi đã được chứng nhận an ninh bậc cao nhất. Nhất định là chứng nhận đó phải có giá trị như một mức độ minh bạch nào đó. Nói cho cùng, tại sao chính phủ lại giấu bí mật với những người cất giấu bí mật cho họ? Nói như vậy chỉ để chốt lại rằng cái điều tưởng là hiển nhiên kia lại là điều thậm chí tôi không nghĩ tới mãi đến một thời gian sau khi tới đã chuyển sang Nhật Bản vào năm 2009 để làm việc cho NSA, cơ quan tình báo truyền tin hàng đầu của Mỹ.

Đó là một công việc trong mơ, không chỉ vì NSA là cơ quan tình báo tiên tiến nhất hành tinh, mà còn là vì nó có trụ sở tại Nhật Bản, nơi vốn luôn quyến rũ Lindsay và tôi. Nhật Bản cứ như một đất nước sinh ra từ tương lai. Mặc dù vị trí chính thức của tôi là nhân viên hợp đồng, nhưng trách nhiệm của công việc và đặc biệt là địa điểm làm việc đúng là quá hấp dẫn đối với tôi. Điều oái oăm là phải quay lại làm cho tư nhân thì tôi mới được đặt vào một vị trí có thể hiểu được chính phủ của mình đang làm gì.

Trên giấy tờ, tôi là nhân viên của Perot Systems, một công ty được thành lập bởi một người hiếu động nhỏ con dân Texas, người đã thành lập Đảng Cải cách và hai lần ra tranh cử tổng thống. Nhưng gần như ngay lập tức sau khi tôi đến Nhật Bản, Perot Systems được hãng Dell mua lại, thế là trên giấy tờ tôi thành nhân viên của Dell. Cũng giống như trong CIA, danh nghĩa hợp đồng chỉ là hình thức và vỏ bọc, và tôi chỉ toàn làm việc trong một cơ sở của NSA.

Trung tâm kỹ thuật Thái Bình Dương *(Pacific Technical Center* - PTC) của NSA chiếm một nửa tòa nhà bên trong Căn cứ Không quân Yokota khổng lồ. Là sở chỉ huy của Quân lực Hoa Kỳ tại Nhật Bản, căn cứ được bao quanh bởi những bức tường cao, cổng thép và trạm kiểm soát có lính canh. Yokota và PTC chỉ cách một đoạn đường ngắn đi xe đạp từ chỗ Lindsay và tôi có một căn hộ ở Fussa, một thành phố ven rìa phía tây của thủ đô Tokyo trải rộng bao la.

PTC xử lý cơ sở hạ tầng của NSA cho toàn khu vực Thái Bình Dương, và làm hậu cần cho các trạm chi nhánh ở các quốc gia lân cận. Hầu hết các trạm chi nhánh chỉ chuyên quản lý các mối quan hệ bí mật đã cho phép NSA phủ thiết bị gián điệp khắp Vành đai Thái Bình Dương, với điều kiện là cơ quan này hứa sẽ chia sẻ một số thông tin tình báo đã lượm lặt được với chính quyền khu vực - và với điều kiện là công dân các nước trong khu vực không biết NSA đang làm gì. Nhiệm vụ chính yếu của PTC là lén chặn thông tin liên lạc. PTC sẽ gom các "lát cắt" truyền tin thu được và đẩy ngược chúng qua đại dương về Hawaii, và rồi Hawaii sẽ đẩy ngược chúng về lục địa Hoa Kỳ.

Chức danh chính thức của tôi là chuyên viên phân tích hệ thống, chịu trách nhiệm bảo trì các hệ thống NSA khu vực, mặc dù phần lớn công việc ban đầu của tôi là làm quản trị viên hệ thống, giúp kết nối hai kiến trúc mạng của NSA và CIA. Do tôi là người duy nhất trong khu vực am hiểu kiến trúc mạng của CIA, tôi cũng thường đi đến các đại sứ quán Hoa Kỳ, giống như nơi tôi đã rời khỏi ở Geneva, để thiết lập và duy trì các đường kết nối cho phép các đại sứ quán chia sẻ thông tin tình báo theo những phương thức chưa từng có trước kia. Đây cũng là lần đầu tiên trong đời tôi thực sự ý thức được quyền năng của việc là người duy nhất trong phòng không chỉ biết cách một hệ thống hoạt động nội bộ, mà còn biết cách nó hoạt động phối hợp với nhiều hệ thống bên ngoài - hoặc không hoạt động. Sau này, khi các cấp trên ở PTC thấy tôi có sở trường ứng biến kết hợp ra nhiều giải pháp cho những vấn đề của họ thì tôi được phép tự do đề xuất các kế hoạch của riêng tôi.

Có hai điều về NSA khiến tôi sửng sốt ngay lập tức: cơ quan này tối tân biết bao về công nghệ so với CIA thì về bảo mật lại quá mất cảnh giác trong mọi hình thức hoạt động, từ phân loại thông tin đến mã hóa dữ liệu. Ở Geneva, chúng tôi mỗi tối đều phải tháo các ổ cứng ra khỏi máy tính và cất kỹ trong tủ sắt - và chưa hết, những ổ đĩa đó đều được mã hóa. Ngược lại, NSA hầu như không bận tâm mã hóa thứ gì cả.

Quả thực, đúng là chưng hửng khi biết được NSA đã đi trước rất xa về tình báo không gian mạng nhưng lại quá tụt hậu về an ninh mạng, kể cả những việc cơ bản nhất: khắc phục tai họa hoặc sao lưu dự phòng. Mỗi trạm chi nhánh của NSA đều tự thu thập thông tin riêng, tự lưu trữ thông tin này trên các máy chủ cục bộ riêng, và do hạn chế về băng thông - giới hạn về lượng dữ liệu có thể được truyền đi nhanh - các trạm này thường không gửi các bản sao cho máy chủ chính tại tổng trụ sở NSA. Vậy có

nghĩa là nếu bất kỳ dữ liệu nào bị phá hủy tại một trạm nào đó thì thông tin tình báo mà NSA đã tổn công thu thập có thể bị mất luôn.

Các cấp trên của tôi ở PTC hiểu được những rủi ro mà cơ quan đang gặp phải khi nhiều hồ sơ không có bản sao lưu, nên họ giao nhiệm vụ cho tôi thiết kế một giải pháp và đề xuất với những người có quyền quyết định ở tổng trụ sở. Kết quả là một hệ thống sao lưu sẽ hoạt động như một cơ quan NSA bí mật: một bản sao đầy đủ, tự động, và liên tục cập nhật mọi tài liệu quan trọng nhất của NSA, cho phép cơ quan này khởi động lại và hoạt động ngay, với mọi tài liệu lưu trữ vẫn nguyên vẹn, ngay cả khi tổng trụ sở ở Fort Meade chỉ còn là một đống đổ nát âm ỉ cháy.

Vấn đề chính với việc tạo ra một hệ thống khắc phục tai họa toàn cầu - hay thực tế là tạo ra bất kỳ loại hệ thống sao lưu nào liên quan đến một số lượng máy tính nhiều đến chóng mặt - là xử lý dữ liệu trùng lặp. Nói cho dễ hiểu, bạn phải xử lý những tình huống mà, chẳng hạn, một nghìn máy tính đều có các bản sao của cùng một hồ sơ duy nhất: bạn phải đảm bảo là bạn không phải sao lưu một nghìn lần cũng với một hồ sơ đó, vì như vậy sẽ cần tới một nghìn lần số lượng băng thông và không gian lưu trữ. Chính sự trùng lặp lãng phí này đã cản trở các trạm chi nhánh của NSA truyền về Fort Meade hằng ngày các bản sao hồ sơ của họ: đường kết nối sẽ tắc nghẽn với một ngàn bản sao của cùng một hồ sơ chứa cùng một nội dung điện đàm đã lén chặn được - 999 bản sao mà NSA không cần tới.

Cách để tránh chuyện này là "khử lặp": một phương pháp đánh giá tính độc nhất của dữ liệu. Hệ thống mà tôi thiết kế sẽ liên tục quét các tập tin tại mọi cơ sở mà NSA lưu trữ hồ sơ, kiểm tra từng "khối" dữ liệu cho đến từng mảnh nhỏ nhất của tập tin để xác định nó có phải là độc nhất hay không. Chỉ khi nào tổng trụ sở NSA ở Mỹ thiếu một bản sao thì dữ liệu này mới được tự động xếp hàng chờ gửi đi - giảm thiểu số lượng truyền tải qua đường kết nối cáp quang xuyên Thái Bình Dương của NSA từ một dòng thác xuống còn một tia nước nhỏ giọt.

Sự kết hợp giữa giải thuật khử lặp và sự cải tiến liên tục trong công nghệ lưu trữ cho phép NSA cất giữ dữ liệu thông tin tình báo trong một khoảng thời gian càng lúc càng dài hơn. Trong suốt thời gian làm việc của tôi, mục tiêu của NSA tiến triển từ việc có thể lưu trữ thông tin tình báo trong nhiều ngày, nhiều tuần, nhiều tháng, lên tới năm năm hoặc hơn sau khi thu thập được. Đến lúc xuất bản cuốn sách này, NSA có lẽ đã có thể lưu trữ các dữ liệu đó hàng chục năm. Sự khôn ngoan cố hữu của NSA là: chẳng có ý nghĩa gì nếu thu thập những thứ mà họ không thể lưu trữ cho đến khi cần dùng tới, và không có cách gì biết trước được chính xác khi nào mới cần.

Chính lối suy nghĩ duy lý này đã nuôi dưỡng giấc mơ tột cùng của NSA, đó là sự vĩnh viễn - lưu trữ mãi mãi mọi hồ sơ mà họ đã thu thập hay sản sinh ra, và vì thế tạo nên một bộ nhớ hoàn hảo. Cuộc theo dõi thường trực.

NSA có cả một quy định mà bạn phải tuân theo khi đặt cho chương trình một mã danh. Về cơ bản đây là một tiến trình ngẫu nhiên giống như gieo quẻ Dịch để chọn tình cờ các từ trong hai cột. Một website nội bộ sẽ ném một hạt xúc xắc tưởng tượng để chọn một tên từ cột A và ném lại để chọn một tên từ cột B. Đây là cách mà bạn cuối cùng sẽ có những tên vô nghĩa, như FOXACID và EGOTISTICALGIRAFFE. Mấu chốt của việc chọn mã danh là nó không được đề cập đến chức năng hoạt động của chương trình. (Như đã từng được báo cáo, FOXACID là mã dành cho các máy chủ NSA lưu trữ các phiên bản phần mềm mã độc giả mạo các website quen thuộc; EGOTISTICSGIRAFFE là một chương trình NSA nhằm khai thác lỗ hổng trong một số trình duyệt Web chạy Tor, vì không thể phá chính Tor được). Nhưng các nhân viên ở NSA rất tự tin về quyền năng của họ và sự bất khả xâm phạm tuyệt đối của cơ quan này đến mức họ hiếm khi tuân thủ các quy định. Tóm lại, họ đã gian lận và cứ ném xúc xắc liên tục cho đến khi có được một cái tên kết hợp như họ muốn, bất cứ cái tên gì mà họ nghĩ là hay ho: ví dụ như TRAFFICTHIEF, tức Chương trình điều phối tấn công mạng riêng ảo.

Tôi thề là tôi không bao giờ làm chuyện đó khi tôi đi tìm mã danh cho hệ thống sao lưu của mình. Tôi thề rằng tôi chỉ ném đại xúc xắc và có ngay cái tên EPICSHELTER.

Sau này, khi cơ quan đã chấp nhận áp dụng hệ thống của tôi, họ đổi tên nó thành Kế hoạch Hiện đại hóa Lưu trữ hoặc Chương trình Hiện đại hóa Lưu trữ. Trong vòng hai năm kể từ khi sáng chế ra EPICSHELTER, một biến thể của nó đã được triển khai và trở thành ứng dụng tiêu chuẩn dưới một cái tên khác.

$_0O_0$

Các tài liệu tôi đã phổ biến cho các nhà báo vào năm 2013 đã ghi nhận một loạt các vụ lạm dụng như vậy của NSA, được thực hiện thông qua sự đa dạng của các khả năng công nghệ, tới mức không một nhân viên nào khi thực hiện trách nhiệm hằng ngày lại biết hết tất cả những điều này - ngay cả quản trị viên hệ thống cũng không. Muốn tìm hiểu cho dù một phần nhỏ

của hành động sai trái này, bạn phải tìm kiếm. Và muốn tìm kiếm, bạn phải biết là nó tồn tại.

Chính một sự kiện vô vị như một hội nghị lại cho tôi những manh mối đầu tiên về sự tồn tại đó, khơi lên những nghi ngờ ban đầu của tôi về quy mô của những gì NSA đang vi phạm.

Giữa lúc tôi đang làm dự án EPICSHELTER thì PTC tổ chức một hội nghị về Trung Quốc do Học viện Liên kết Đào tạo Phản gián *(Joint Counterintelligence Training Academy* - JCITA) tài trợ cho Cơ quan Tình báo Quốc phòng *(Defense Intelligence Agency* - DIA), một cơ quan liên thông với Bộ Quốc phòng chuyên theo dõi các quân đội nước ngoài và những vấn đề liên quan đến quân đội nước ngoài. Chương trình chính của hội nghị này là các báo cáo của chuyên gia từ mọi bộ phận tình báo, NSA, CIA, FBI và quân đội, về các phương thức gián điệp mà các cơ quan tình báo Trung Quốc đang nhắm vào Cộng đồng IC và những gì IC có thể làm để ngăn chặn. Mặc dù đề tài Trung Quốc chắc chắn là hấp dẫn tôi, nhưng đây không phải là việc tôi thường tham gia, nên tôi không chú ý lắm đến hội nghị này cho đến khi nghe thông báo rằng báo cáo viên duy nhất về kỹ thuật lại không thể tham dự vào phút chót. Tôi không rõ lý do vắng mặt là gì - đó có thể là cúm, có thể là số mệnh run rủi - nhưng trưởng ban nội dung của hội nghị đã hỏi liệu có ai ở PTC có thể đứng ra thay thế, vì đã quá muộn để xếp lại lịch. Một trong những cấp trên đã nhắc đến tôi, và khi tôi được hỏi có muốn thử một phen, tôi đã đồng ý. Tôi mến ông sếp của tôi, và muốn giúp ông ta. Ngoài ra, tôi cũng tò mò và hứng thú được dịp làm gì đó không phải là việc khử lặp dữ liệu để thay đổi không khí.

Sếp tôi mừng rỡ. Rồi ông cho tôi biết điều mấu chốt: phải báo cáo trước hội nghị ngay hôm sau.

Tôi gọi điện cho Lindsay, bảo cô ấy là tôi sẽ không về nhà. Tôi sẽ thức cả đêm để chuẩn bị bài thuyết trình, chủ đề danh nghĩa của nó là sự giao thoa giữa một ngành rất cũ, phản gián, và một ngành rất mới, tình báo mạng, kết hợp lại để cố gắng khai thác và ngăn chặn những nỗ lực do thám qua Internet của kẻ thù. Tôi bắt đầu lôi mọi thứ trong mạng NSA ra (và từ mạng CIA mà tôi vẫn có quyền truy cập), cố đọc mọi báo cáo tối mật tìm được về những gì người Trung Quốc đang làm trên mạng. Cụ thể, tôi nghiên cứu cái gọi là các "bộ điều tra xâm nhập", là các tập hợp dữ liệu về các hình thức tấn công, công cụ và mục tiêu cụ thể. Các chuyên viên phân tích của Cộng đồng IC sử dụng các bộ điều tra xâm nhập để xác định đúng các nhóm tình báo mạng của quân đội Trung Quốc hay các nhóm tin tặc, giống

như cách một thám tử có thể cố xác định nghi can của một loạt vụ trộm bằng một tập hợp chung các đặc điểm hay phương thức hoạt động.

Nhưng mục đích của tôi khi nghiên cứu những tài liệu nằm rải rác ở khắp nơi không chỉ là để báo cáo về cách thức Trung Quốc xâm nhập hệ thống mạng chúng ta. Nhiệm vụ chính của tôi là cung cấp một đánh giá tóm tắt của Cộng đồng IC về khả năng của Trung Quốc trong việc dùng phương tiện điện tử để theo dõi các nhân viên và trợ thủ của Mỹ hoạt động trong khu vực.

Ai cũng biết (hoặc nghĩ là mình biết) về các biện pháp Internet hà khắc của chính phủ Trung Quốc, và một số người biết (hoặc nghĩ là họ biết) phần chính yếu trong những sự việc mà tôi đã tiết lộ với các nhà báo vào năm 2013 về khả năng của chính phủ Mỹ. Nhưng xin hãy chú ý: Nói một cách tình cờ, theo kiểu truyện viễn tưởng về địa ngục trần gian, rằng việc chính phủ trên lý thuyết có thể nhìn thấy và nghe thấy tất cả những gì mà công dân mình đang làm, thì đó là chuyện bình thường. Nhưng một chính phủ thực sự cố gắng triển khai một hệ thống như vậy thì lại là chuyện khác hẳn. Điều mà nhà văn viễn tưởng có thể mô tả trong một câu lại là một công trình phối hợp của hàng ngàn chuyên gia công nghệ và hàng triệu đô la thiết bị. Việc đọc các chi tiết kỹ thuật về cách Trung Quốc theo dõi mọi thông tin liên lạc cá nhân - đọc một tường trình đầy đủ và chính xác về các cơ chế và máy móc cần thiết cho việc thu thập, lưu trữ và phân tích liên tục hàng tỷ cuộc điện thoại và liên lạc qua Internet hằng ngày của hơn một tỷ người - quả thật khiến tôi choáng ngợp. Lúc đầu, tôi rất nể phục những thành tựu và sự táo bạo của hệ thống này đến nỗi gần như không thấy kinh hoàng vì những phương cách kiểm soát toàn trị của nó.

Nói cho cùng, chính trị ở Trung Quốc trong mắt các nhân viên NSA, là một chốn không đảm bảo gì về các nguyên tắc dân chủ. (...). Quyền tự do dân sự ở Trung Quốc không phải là chuyên môn của tôi. Tôi chẳng thể làm gì được về chuyện đó. Còn tôi làm việc cho những người tốt, tôi tin chắc như vậy, điều đó cũng khiến tôi trở thành người tốt.

Nhưng có những khía cạnh nhất định của những gì đang đọc đã khiến tôi băn khoăn. Chúng nhắc tôi nhớ đến điều có lẽ là quy tắc cơ bản của tiến bộ công nghệ: nếu một cái gì đó có thể làm được thì nó có thể sẽ được xúc tiến, và có lẽ đã được thực hiện rồi. Mỹ đã biết quá nhiều thông tin về những gì Trung Quốc đang làm thì không lý gì mà Mỹ lại không tự mình làm một số điều tương tự, và tôi trộm nghĩ là việc xem qua tất cả các tài liệu về Trung Quốc này chẳng khác gì tôi đang nhìn vào một tấm gương soi và thấy bóng phản chiếu của nước Mỹ. Điều mà Trung Quốc đang làm

công khai với chính công dân của nước này thì Mỹ có lẽ - có thể - đang tiến hành lén lút với thế giới.

Dẫu bạn có oán ghét thì tôi cũng phải nói rằng vào lúc đó tôi đã kìm hãm nỗi khó chịu của mình lại. Thật vậy, tôi đã cố hết sức phớt lờ đi. Tôi vẫn còn nhận ra khá rõ những điểm khác biệt. Tường lửa Vạn lý của Trung Quốc có tính chất kiểm duyệt và đàn áp trong nước, nhằm mục đích nhốt giữ công dân của họ bên trong và chặn đứng nước Mỹ bên ngoài, theo một cách đáng sợ và bộc lộ hết, trong khi các hệ thống của Mỹ thì vô hình và hoàn toàn mang tính chất quốc phòng. Như tôi lúc đó hiểu về cách do thám của Hoa Kỳ, bất kỳ ai trên thế giới cũng có thể đi qua cơ sở hạ tầng Internet của Mỹ và truy cập bất kỳ nội dung nào tùy thích, không bị chặn và không bị thanh lọc - hay ít ra thì chỉ bị chặn và thanh lọc bởi các quốc gia xuất xứ của họ và bởi những doanh nghiệp Mỹ được cho là không chịu sự kiểm soát của chính phủ Hoa Kỳ. Chỉ có những ai đã trở thành mục tiêu rõ ràng vì họ đã truy cập, ví dụ, vào các website ném bom thánh chiến Hồi giáo hoặc chợ bán phần mềm mã độc, thì mới thấy mình bị theo dõi và giám sát.

Hiểu theo cách này, mô hình do thám của Hoa Kỳ hoàn toàn ổn với tôi. Thực tế còn hơn là ổn nữa kia - tôi hoàn toàn ủng hộ việc do thám có mục tiêu và mang tính chất quốc phòng, một kiểu "tường lửa" không nhốt giữ ai mà chỉ thiêu hủy kẻ có tội.

Nhưng trong những ngày trằn trọc sau đêm không ngủ đó, một nỗi nghi ngờ mơ hồ vẫn khuấy động tâm trí tôi. Rất lâu sau bài báo cáo về Trung Quốc, tôi vẫn tiếp tục đào bới tìm đọc tài liệu không sao ngưng được.

$_0O_0$

Lúc bắt đầu làm việc với NSA năm 2009, tôi chỉ hiểu biết về những mưu đồ của cơ quan này nhiều hơn chút ít so với mọi người. Qua tường thuật báo chí, tôi biết các sáng kiến do thám đại trà của NSA đã được tổng thống George W. Bush cho phép ngay sau ngày 11/9. Đặc biệt, tôi có biết về sáng kiến gây tranh cãi công khai nhất, việc nghe lén điện thoại không cần lệnh phê chuẩn trong Chương trình Giám sát của tổng thống *(Presidents Surveillance Program* - PSP), được tờ *New York Times* vạch trần vào năm 2005 nhờ lòng can đảm của một số người tố giác trong NSA và Bộ Tư pháp.

Nói một cách chính thức, PSP là một "mệnh lệnh hành pháp", về cơ bản là một tập hợp chỉ thị do tổng thống Mỹ đặt ra mà chính phủ phải xem xét là tương đương với công luật - ngay cả khi nó được viết nguệch ngoạc một cách bí mật trên một chiếc khăn ăn. Chương trình PSP cho phép NSA thu thập mọi thông tin liên lạc qua điện thoại và Internet giữa Hoa Kỳ và nước ngoài. Đáng chú ý là PSP đã cho phép NSA làm việc này mà không cần phải có lệnh đặc biệt từ Tòa Giám sát Tình báo Nước ngoài, một tòa án liên bang bí mật được thành lập năm 1978 để giám sát các yêu cầu của Cộng đồng IC sau khi các cơ quan này bị phát hiện đang theo dõi các phong trào chống Chiến tranh Việt Nam và dân quyền ở trong nước.

Sau sự phản đối kịch liệt vì các tiết lộ của tờ *Times,* và vì Liên minh Tự do Dân sự Hoa Kỳ không thừa nhận tính hợp hiến của PSP tại các tòa án công khai thông thường, chính quyền Bush tuyên bố là đã chấm dứt chương trình này vào năm 2007, nhưng tuyên bố đó là trò hề. Quốc hội đã dành hai năm cuối cùng của chính quyền Bush thông qua các đạo luật hợp pháp hóa PSP kể cả những việc đã làm từ trước. Các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông và Internet đã tham gia vào PSP cũng được miễn trừ truy tố kể cả những việc đã làm từ trước. Các đạo luật này - Đạo luật Bảo vệ Nước Mỹ năm 2007 và Đạo luật Sửa đổi FISA (Foreign Intelligence Surveillance Act - Đạo luật giám sát tình báo nước ngoài) năm 2008 - đã cố tình dùng những ngôn từ mập mờ để trấn an công dân Hoa Kỳ rằng thông tin liên lạc của họ không phải là mục tiêu cụ thể, cho dù luật này thực tế đã mở rộng quyền hạn của PSP. Ngoài việc thu thập thông tin liên lạc từ nước ngoài vào Mỹ, NSA giờ đã có chính sách chuẩn y việc thu thập không cần lệnh của tòa các thông tin liên lạc qua điện thoại và Internet phát xuất từ trong biên giới Mỹ ra nước ngoài.

Ít nhất, đó là bức tranh tôi có được sau khi đọc bản tóm tắt tình hình của chính phủ, được công bố với dân chúng dưới dạng một phiên bản công khai vào tháng 7/2009, cũng ngay mùa hè mà tôi dành để tìm hiểu năng lực không gian mạng của Trung Quốc. Bản tóm tắt được phép phổ biến này mang một tiêu đề chung chung là *Báo cáo về Chương trình Giám sát của Tổng thống,* được tổng hợp bởi các văn phòng Tổng thanh tra của năm cơ quan (Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, CIA, NSA, và Văn phòng Giám đốc Tình báo Quốc gia) và đã được công bố thay cho một cuộc điều tra đầy đủ của quốc hội về việc NSA đã lạm quyền vào thời Bush. Việc Tổng thống Obama, khi đã nhậm chức, lại từ chối triệu tập một cuộc điều tra đầy đủ của quốc hội là dấu hiệu đầu tiên, ít nhất là đối với tôi, rằng vị tân tổng thống này - người mà Lindsay đã nhiệt tình vận động bỏ phiếu - có ý định

tiến tới mà không cần trừng phạt quá khứ một cách đích đáng. Khi chính quyền Obama đổi tên gọi và lại phê chuẩn các chương trình liên quan đến PSP, hy vọng của Lindsay, cũng như của tôi, đã đặt vào ông ta hóa ra càng lúc càng sai lầm.

Trong khi bản báo cáo được phép phổ biến chủ yếu là thông tin cũ, tôi thấy nó đáng chú ý ở một vài khía cạnh. Tôi nhớ mình đã sửng sốt ngay lập tức bởi cái giọng điệu dân-chúng-phản-đối-quá rất lạ lùng, không tính tới nhiều chỗ lắt léo với logic và ngôn ngữ. Trong nội dung, bản báo cáo đưa ra các lập luận pháp lý củng cố cho đủ thứ chương trình của NSA - hiếm khi nêu tên, và hầu như không bao giờ mô tả - tôi không thể không chú ý đến một điều là không có nhà hành pháp nào, những người thực tế đã cho phép các chương trình này, đồng ý cho các tổng thanh tra hội kiến. Từ Phó Tổng thống Dick Cheney và luật sư David Addington đến Bộ trưởng Tư pháp John Ashcroft và luật sư John Yoo của Bộ Tư pháp, gần như mọi tay cỡ bự đều từ chối hợp tác với chính các văn phòng chịu trách nhiệm buộc tội cộng đồng IC, và các tổng thanh tra không thể ép họ hợp tác, bởi vì đây không phải là một cuộc điều tra chính thức để lấy lời khai. Tôi không thể diễn dịch sự vắng mặt của họ trong hồ sơ này theo cách nào khác hơn là một hành động phi pháp.

Một khía cạnh khác của văn bản này đã khiến tôi thắc mắc vì nó hay nhắc đi nhắc lại một cách mơ hồ đến các "Hoạt Động Tình Báo Khác" (viết hoa trong báo cáo) mà chúng không có "nguyên tắc pháp lý khả thi" hoặc "cơ sở pháp lý" nào ngoài tuyên bố của tổng thống Bush về quyền thực thi trong thời chiến, một thời chiến không có hồi kết. Tất nhiên, các đề cập này không hề có mô tả để biết những "Hoạt Động" ấy thực sự là gì, nhưng quá trình suy luận đã xác định ngay đó là việc giám sát trong nước không cần lệnh tòa án, bởi nó gần như là hoạt động tình báo duy nhất không nằm trong các khuôn khổ pháp lý khác nhau đã hình thành sau chương trình PSP.

Càng đọc, tôi chắc chắn rằng không có điều gì được tiết lộ trong báo cáo này hoàn toàn biện minh được cho các mưu mô pháp lý liên quan, chứ đừng nói đến chuyện Thứ trưởng Tư pháp James Comey và sau đó là giám đốc FBI Robert Mueller hăm dọa sẽ từ chức nếu một số khía cạnh của PSP được phê duyệt cho phép trở lại. Tôi cũng không nhận thấy bất cứ giải thích đầy đủ nào về những rủi ro giáng xuống những đồng nghiệp trong NSA - những nhân viên lớn tuổi hơn tôi nhiều, với hàng chục năm kinh nghiệm - và những nhân viên Bộ Tư pháp, những người đã liên lạc với báo chí và bày tỏ nghi ngại về việc lạm dụng trong nhiều phương diện của

Chương trình PSP. Nếu họ dám đánh liều với sự nghiệp, gia đình và cuộc sống của họ thì phải có điều gì đó nghiêm trọng hơn nhiều so với việc nghe lén điện thoại không có lệnh tòa án đã trở thành tin trang nhất.

Lòng nghi ngờ đã khiến tôi tìm kiếm phiên bản mật của báo cáo này, và ngay cả khi thực tế cho thấy là một phiên bản như vậy dường như không hề tồn tại, tôi vẫn không bớt hoài nghi một chút nào. Tôi không hiểu được. Nếu phiên bản mật chỉ là một hồ sơ ghi lại những tội lỗi trong quá khứ, thì lẽ ra đã có thể dễ dàng truy cập. Nhưng không thấy ở đâu cả. Tôi tự hỏi liệu mình có nhìn lầm chỗ không. Sau một thời gian lùng sục khắp nơi mà vẫn không tìm ra, tôi quyết định bỏ qua. Cuộc sống có nhiều việc chi phối và tôi còn công việc phải làm. Khi bạn được yêu cầu phải đưa ra những đề nghị về cách giữ cho các nhân viên IC và trợ thủ của IC không bị Bộ An ninh Quốc gia Trung Quốc phát hiện và xử tử, thì thật khó mà nhớ được bạn đã truy tìm trên mạng điều gì vào tuần trước.

Mãi về sau, rất lâu sau khi tôi đã quên chuyện bản báo cáo của các Tổng thanh tra bị thất lạc, cái phiên bản mật ấy lại nhảy lên màn hình máy tính của tôi, cứ như để chứng minh cho câu châm ngôn xưa là cách tốt nhất để tìm ra thứ gì đó là không tìm kiếm nữa. Khi phiên bản mật hiện ra, tôi hiểu ngay tại sao tôi trước đây đã không may mắn tìm thấy nó: không thể thấy được, ngay cả những người đứng đầu các cơ quan cũng không thể thấy. Nó được lưu vào trong ngăn Thông tin Kiểm soát Đặc biệt *(Exceptionally Controlled Information* - ECI), một nhóm hồ sơ phân loại cực kỳ hiếm, chỉ được sử dụng để đảm bảo rằng một điều gì đó sẽ được giấu kín, ngay cả những người được chứng nhận an ninh tối mật cũng không thấy được. Do vai trò công việc, tôi đã quen thuộc với hầu hết các hồ sơ loại ECI tại NSA, nhưng không phải cái này. Chỉ định phân loại đầy đủ của báo cáo này là TOP SECRET//STLW//HCS/COMINT//ORCON/NOFORN, có thể diễn dịch là: cùng lắm chỉ có vài chục người trên thế giới được phép đọc hồ sơ này.

Chắc chắn tôi không nằm trong số đó rồi. Một sự nhầm lẫn đã khiến báo cáo ấy lọt vào mắt tôi: có ai trong văn phòng Tổng thanh tra của NSA đã để lại một bản dự thảo trên một hệ thống mà tôi, với tư cách là quản trị hệ thống, có quyền truy cập. Mã chỉ định STLW của tài liệu này, điều tôi không biết, hóa ra lại trùng với một mã cảnh báo trên hệ thống của tôi: STLW *(storage low security)* là nhãn biểu thị một tài liệu không được phép lưu trữ trên các ổ đĩa bảo mật thấp. Các ổ đĩa ấy liên tục được dò quét xem có bất kỳ nhãn biểu thị nào như vậy xuất hiện hay không, và ngay khi phát hiện ra, tôi sẽ được báo động để tôi có thể quyết định xóa tài liệu đó khỏi

hệ thống bằng cách nào tốt nhất. Nhưng trước khi xóa, tôi phải tự mình kiểm tra tập tin vi phạm, chỉ để xác nhận rằng lệnh dò tìm mã cảnh báo này đã không tình cờ báo động sai. Thông thường tôi chỉ cần nhìn thoáng qua một cái là xong. Nhưng lần này, ngay khi tôi mở tài liệu ấy ra và đọc tiêu đề, tôi biết mình sẽ đọc hết toàn bộ.

Trong đó là tất cả những gì không xuất hiện trong phiên bản phổ biến công khai. Trong đó là tất cả những gì không có trên những trang báo tôi đọc, và không thừa nhận trong các thủ tục tố tụng tại tòa án mà tôi theo dõi: một tường trình đầy đủ về các chương trình giám sát bí mật nhất của NSA, và các chỉ thị của cơ quan này cùng các chủ trương của Bộ Tư pháp, đã được sử dụng để phá luật và chống lại Hiến pháp Hoa Kỳ. Sau khi đọc phiên bản này, tôi có thể hiểu tại sao chưa từng có nhân viên IC nào rò rỉ nó cho các nhà báo, và không có thẩm phán nào có thể buộc chính phủ trình nó ra tại tòa án công khai. Tài liệu này được xếp loại bí mật đến mức bất kỳ ai truy cập vào đó mà không phải là quản trị viên hệ thống thì sẽ bị nhận biết ngay lập tức. Và các hoạt động mà báo cáo này phác họa ra lại có tính chất phạm pháp sâu sắc đến mức không có chính phủ nào cho phép nó được công bố mà không hiệu chỉnh lại.

Tôi lập tức nhận ra một vấn đề rõ ràng là phiên bản công khai mà tôi đã quen thuộc lại không phải là một văn bản biên tập lại của báo cáo tuyệt mật như thông lệ. Trái lại, phiên bản công khai là một tài liệu hoàn toàn khác, mà nếu so với bản gốc tuyệt mật sẽ thấy ngay đó là một sự dối trá hoàn toàn và được dàn dựng kỹ lưỡng. Sự tráo trở này thật đáng kinh ngạc, nhất là khi tôi đã bỏ ra nhiều tháng trời để khử lặp các hồ sơ. Thường thì khi bạn làm việc với hai phiên bản của cùng một tài liệu, sự khác biệt rất là nhỏ nhặt, một vài dấu phẩy ở đây, một vài từ ở kia. Nhưng điều duy nhất mà hai bản báo cáo cụ thể này có điểm chung chỉ là cái tiêu đề.

Trong khi phiên bản công khai chỉ đơn thuần nói đến việc NSA được lệnh tăng cường tiến hành thu thập thông tin tình báo sau ngày 11/9, phiên bản tuyệt mật đã nêu rõ tính chất và quy mô của sự tăng cường đó. Chỉ thị lịch sử của NSA về cơ bản đã thay đổi từ thu thập thông tin liên lạc có mục tiêu sang "thu thập đại trà" - một uyển ngữ mà cơ quan này dùng để nói về việc do thám toàn bộ. Và trong khi phiên bản công khai cố tình mập mờ về sự thay đổi này, biện hộ cho việc mở rộng giám sát bằng cách lấy bóng ma khủng bố ra hù dọa công chúng, phiên bản tuyệt mật lại nêu cụ thể những thay đổi, chứng minh rằng đây là hệ quả tất yếu chính đáng của khả năng công nghệ phát triển.

Phần của Tổng thanh tra NSA trong báo cáo tuyệt mật đã nêu ra cái gọi là "khoảng cách thu thập", lưu ý rằng các đạo luật giám sát hiện có (đặc biệt là Đạo luật Giám sát Tình báo Nước ngoài) có từ năm 1978, thời điểm mà hầu hết các tín hiệu liên lạc đều truyền qua sóng radio hoặc đường dây điện thoại, thay vì cáp quang và vệ tinh. Về cốt lõi, cơ quan này lập luận rằng vận tốc và khối lượng thông tin liên lạc đương thời đã vượt xa cả nhịp độ lẫn quy mô của luật pháp Mỹ - không có tòa án nào, thậm chí là tòa án bí mật, có thể cấp lệnh cho phép theo dõi có mục tiêu đủ nhanh để theo kịp - và một thế giới toàn cầu thực sự thì cần phải có một cơ quan tình báo toàn cầu thực sự. Tất cả những điều này đã xác định, theo logic của NSA, sự cần thiết của việc thu thập thông tin liên lạc đại trà qua Internet. Mã danh cho sáng kiến thu thập đại trà này lại trùng với cái mã cảnh báo trên hệ thống của tôi: STLW ở đây lại là từ viết tắt của STELLARWIND. Hóa ra là thành phần quan trọng duy nhất của Chương trình PSP lâu nay vẫn tiếp tục bí mật hoạt động, và thậm chí còn phát triển hơn, sau khi các thành phần còn lại của chương trình này đã được công khai trên báo chí.

STELLARWIND là bí mật sâu kín nhất của báo cáo tuyệt mật này. Thực tế, đó là bí mật sâu kín nhất của NSA, và là bí mật mà cấp độ nhạy cảm chỉ định này đã được đặt ra để bảo vệ nó. Ngay sự tồn tại của STELLARWIND đã là dấu hiệu cho thấy nhiệm vụ của NSA đã được chuyển đổi, từ sử dụng công nghệ để bảo vệ quốc gia sang sử dụng công nghệ để kiểm soát nước Mỹ bằng cách định nghĩa lại rằng thông tin liên lạc riêng tư trên Internet chính là thông tin tình báo tiềm năng.

Việc đánh tráo khái niệm gian manh như vậy xuất hiện khắp bản báo cáo, nhưng có lẽ điều cơ bản nhất và rõ ràng là tuyệt vọng lại nằm trong cách dùng từ của chính phủ. STELLARWIND đã thu thập thông tin liên lạc kể từ khi ra đời Chương trình PSP vào năm 2001, nhưng vào năm 2004 - khi các viên chức Bộ Tư pháp ngăn cản việc tiếp tục tiến hành sáng kiến này - chính quyền Bush đã cố gắng hợp pháp hóa nó, kể cả những việc đã làm từ trước bằng cách thay đổi nghĩa của những từ ngữ cơ bản, chẳng hạn như "tìm được" và "có được". Theo báo cáo này, lập trường của chính phủ là NSA có thể thu thập bất kỳ thông tin liên lạc nào tùy ý, mà không cần phải có lệnh, bởi vì chỉ có thể nói là đã *tìm được* hoặc *có được* theo nghĩa pháp lý, tức là nếu và khi cơ quan này "truy vấn và nhận kết quả" từ cơ sở dữ liệu của nó.

Trò ngụy biện từ ngữ này khiến tôi đặc biệt khó chịu, vì tôi biết rõ mục tiêu của cơ quan này là làm sao giữ được dữ liệu nhiều nhất trong thời gian lâu nhất có thể - mãi mãi. Theo định nghĩa này, nếu mọi thông tin liên lạc

lưu trữ chỉ được coi như "có được" khi nào được sử dụng mà thôi thì chúng vẫn là "chưa có" khi được thu thập cất giữ mãi mãi, những dữ liệu thô chờ tới lúc được xử lý trong tương lai. Bằng cách đánh tráo khái niệm các thuật ngữ "có được" và "tìm được" - từ việc nhập dữ liệu vào cơ sở dữ liệu trở thành việc một người (hoặc, rất có thể là một thuật toán) truy vấn cơ sở dữ liệu đó và nhận được một "kết quả" hay "phản hồi" vào bất cứ thời điểm nào có thể xảy ra trong tương lai - chính phủ Hoa Kỳ đang khuếch trương khả năng của một cơ quan chấp pháp vĩnh cửu. Bất cứ lúc nào, chính phủ cũng có thể đào bới thông tin liên lạc trong quá khứ của bất kỳ ai mà họ muốn biến thành nạn nhân để tìm kiếm một tội lỗi nào đó (và thông tin liên lạc của ai cũng đều có dấu hiệu về một "tội" gì đó). Vì dữ liệu được lưu trữ vĩnh viễn nên tại bất kỳ thời điểm nào, bất kỳ chính quyền mới nào - bất kỳ tay giám đốc lưu manh nào trong tương lai của NSA - đều có thể đến cơ quan và, dễ dàng như gạt một công tắc, ngay lập tức theo dõi bất kỳ người nào có điện thoại hoặc máy tính, để biết họ là ai, đang ở đâu, đang làm gì với ai và những gì họ đã từng làm trong quá khứ.

$_0O_0$

Đối với tôi, và tôi nghĩ là với hầu hết mọi người, cái thuật ngữ "giám sát toàn bộ" có ý nghĩa rõ ràng hơn thuật ngữ chính phủ thích sử dụng là "thu thập đại trà", cách dùng từ theo tôi có nguy cơ tạo nên một ấn tượng mờ nhạt giả tạo về công việc của NSA. "Thu thập đại trà" nghe như công việc của một cơ quan bưu chính hay sở vệ sinh hết sức bận rộn, trái ngược với nỗ lực có tính lịch sử để đạt được quyền truy cập trọn vẹn - và lén lút chiếm hữu - các nguồn lưu trữ của mọi thông tin liên lạc kỹ thuật số hiện đang tồn tại.

Nhưng ngay cả khi điểm chung của thuật ngữ đã được xác định thì vẫn còn rất nhiều ngộ nhận. Hầu hết mọi người, ngay cả hôm nay, thường nghĩ đến việc giám sát toàn bộ theo khía cạnh nội dung - những từ ngữ thực sự họ đã sử dụng khi gọi điện thoại hoặc viết email. Khi họ biết được là chính phủ thật ra tương đối ít chú trọng những nội dung đó thì họ lại thường không quan tâm mấy đến sự giám sát của chính phủ. Sự an lòng này cũng dễ hiểu được ở một mức độ nào đó, bởi vì những gì mỗi người chúng ta lúc nào cũng xem là tính riêng tư và chỉ bộc lộ qua việc liên lạc: giọng nói của ta, mang tính riêng biệt gần như một dấu vân tay; biểu cảm trên nét mặt đặc thù mà ta thể hiện trong một bức ảnh *selfie* gửi qua tin nhắn. Nhưng sự

thật đáng tiếc là nội dung thông tin liên lạc của ta gần như lại không bộc lộ cho bằng các yếu tố khác liên quan - những thông tin không viết ra, không nói ra, lại có thể phơi bày một bối cảnh rộng lớn hơn và các kiểu mẫu hành vi.

Trong thuật ngữ *"metadata"* của NSA mà ta hay gọi là "siêu dữ liệu", thì tiền tố *"meta"* ở đây được sử dụng theo nghĩa là "về": *metadata* là dữ liệu về dữ liệu. Chính xác hơn, dữ liệu được tạo ra bởi dữ liệu - một tập hợp thẻ xác định và mã đánh dấu để cho dữ liệu trở thành hữu ích. Nhưng để dễ hiểu, hãy xem siêu dữ liệu ở đây là các "dữ liệu về hoạt động", tất cả những gì ghi nhận được về tất cả những việc bạn làm trên các thiết bị của bạn và tất cả những gì mà thiết bị của bạn tự động làm.

Ví dụ như một cuộc gọi điện thoại chẳng hạn: siêu dữ liệu của nó có thể bao gồm ngày và giờ gọi, thời lượng cuộc gọi, số máy thực hiện cuộc gọi, số máy gọi tới, và địa điểm của hai máy điện thoại đó. Siêu dữ liệu của một email có thể bao gồm thông tin về loại máy tính tạo ra email đó, ở đâu và khi nào, máy tính này thuộc về ai, ai đã gửi email, ai đã nhận nó, email được gửi và nhận ở đâu và khi nào, và nếu có ai ngoài người gửi và người nhận đã truy cập email này thì người đó truy cập ở đâu và khi nào. Siêu dữ liệu có thể cho người theo dõi bạn biết địa chỉ nơi bạn đã ngủ đêm qua và sáng nay bạn thức dậy lúc mấy giờ. Nó tiết lộ mọi nơi bạn đến trong ngày và bạn đã ở đó bao lâu. Nó cho biết bạn đã liên lạc với ai và ai đã liên lạc với bạn.

Chính sự thật này đã đập tan mọi tuyên bố của chính phủ rằng siêu dữ liệu không phải là một cửa sổ nhìn thẳng vào bản chất của sự liên lạc. Với khối lượng thông tin liên lạc kỹ thuật số lớn đến chóng mặt trên thế giới này, hoàn toàn không có cách nào nghe lén mọi cuộc gọi điện thoại hay đọc lén mọi email. Nhưng dù việc này có khả thi đi nữa thì vẫn không hữu ích, và đằng nào thì siêu dữ liệu đã làm cho điều ấy trở nên không cần thiết bằng cách sàng lọc hết tất cả. Đó là lý do tại sao tốt nhất không nên coi siêu dữ liệu như một điều trừu tượng vô hại nào đó, mà phải coi nó chính là bản chất của nội dung: nó chính là dòng thông tin đầu tiên mà phía theo dõi bạn cần phải có.

Còn một điều nữa: nội dung thường được định nghĩa là thứ mà bạn tạo ra một cách có ý thức. Bạn biết mình nói gì trong khi gọi điện thoại, hoặc bạn viết gì trong email. Nhưng bạn hầu như không hề kiểm soát được các siêu dữ liệu bạn đã tạo ra, vì chúng được tạo ra tự động. Cũng giống như việc thu thập, lưu trữ và phân tích được thực hiện bằng máy móc, siêu dữ liệu cũng được tạo ra bằng máy mà không hề có sự tham gia của bạn hay thậm

chí không có sự đồng ý của bạn. Các thiết bị cá nhân liên tục liên lạc thay cho bạn dù bạn có muốn hay không. Và, không giống như những người mà bạn liên lạc với ý muốn riêng, các thiết bị không giấu thông tin riêng tư hay sử dụng các từ bóng gió để cố giữ kín đáo. Chúng chỉ cần *ping* - gửi tín hiệu dò kết nối - đến các tháp phát sóng điện thoại di động gần nhất bằng những tín hiệu không bao giờ nói dối.

Điều trớ trêu lớn ở đây là luật pháp, vốn luôn chậm đổi mới công nghệ ít nhất một thế hệ, lại bảo vệ nội dung thông tin liên lạc nhiều hơn là bảo vệ siêu dữ liệu của việc liên lạc. Nhưng các cơ quan tình báo lại chú trọng đến siêu dữ liệu nhiều hơn - các "dữ liệu về hoạt động" này cung cấp cho họ cả "bức tranh lớn" lẫn "bức tranh nhỏ", cả khả năng phân tích dữ liệu quy mô lớn lẫn khả năng tạo ra các bản đồ hoàn hảo, trình tự thời gian, và các tóm tắt liên quan đến cuộc sống của một cá nhân, từ đó họ suy đoán ra được các hành vi. Tóm lại, siêu dữ liệu có thể cho kẻ theo dõi bạn biết thực tế là mọi thứ họ muốn hoặc cần biết về bạn, ngoại trừ những gì thực sự đang diễn ra trong đầu bạn mà thôi.

Sau khi đọc báo cáo mật này, tôi đã bàng hoàng suốt nhiều tuần kế tiếp, thậm chí nhiều tháng. Tôi buồn bã và chán chường, cố gắng chối bỏ mọi ý nghĩ và cảm xúc của mình - đó là những gì đang diễn ra trong đầu tôi, cho đến hết thời gian làm việc ở Nhật Bản.

Tôi cảm thấy xa quê hương, nhưng vẫn bị theo dõi. Tôi cảm thấy mình trưởng thành hơn bao giờ hết, nhưng cũng khốn khổ khi biết rằng tất cả chúng ta đều bị coi như lũ trẻ con, buộc phải sống suốt đời dưới sự giám sát của một bậc cha mẹ toàn năng. Tôi thấy mình giống như tên lừa bịp, khi phải kiếm cớ để giải thích với Lindsay sự buồn rầu của tôi. Tôi thấy mình như một thằng ngốc, một kẻ được cho là có khả năng kỹ thuật đáng kể nhưng không hiểu sao lại giúp sức xây dựng một thành phần thiết yếu của hệ thống này mà không nhận ra mục đích của nó. Tôi thấy mình bị lợi dụng, với tư cách một nhân viên cộng đồng IC, kẻ mà tới bây giờ mới nhận ra rằng bấy lâu nay mình không hề bảo vệ đất nước mà chỉ bảo vệ nhà nước. Hơn hết thảy, tôi thấy mình bị xúc phạm. Sống ở Nhật Bản chỉ càng làm nổi bật cái cảm giác bị phản bội đó.

Tôi sẽ giải thích.

Thứ tiếng Nhật mà tôi đã cố học được qua đại học cộng đồng và niềm yêu thích phim hoạt hình *anime* với truyện tranh *manga* chỉ đủ để tôi giao tế và vượt qua được các cuộc nói chuyện bình thường, nhưng đọc tiếng Nhật là một vấn đề khác. Trong tiếng Nhật, mỗi từ có thể được biểu thị

bằng một chữ riêng của nó, hoặc kết hợp nhiều chữ, gọi là *kanji,* cho nên có tới hàng chục ngàn chữ như thế, nhiều đến nỗi không thể nhớ hết. Thường thì tôi chỉ có thể giải mã một từ *kanji* nào đó nếu nó được viết kèm theo một từ chú âm, *furigana,* vốn thường được dùng cho người nước ngoài và trẻ em chưa thạo tiếng Nhật và vì vậy thường không xuất hiện trong các ngữ cảnh công cộng như là biển tên đường phố. Kết quả là tôi cứ đi bộ lòng vòng khắp nơi như một kẻ mù chữ. Tôi đã lẫn lộn và rốt cuộc đi sang phải khi lẽ ra phải đi sang trái, hay đi sang trái khi lẽ ra phải đi sang phải. Tôi cứ lang thang vì lộn đường và vào nhà hàng thì cứ chọn nhầm món trong thực đơn. Ý tôi là tôi chỉ là một người khách lạ, và thường lạc đường, theo nhiều cách. Có lần tôi theo Lindsay trong một chuyến đi chụp ảnh ở nông thôn và tôi đột nhiên dừng lại và nhận ra, giữa một ngôi làng hoặc giữa một khu rừng, là tôi không biết một chút gì về môi trường xung quanh.

Thế mà: mọi điều liên quan đến tôi đều bị kẻ khác biết hết. Bây giờ tôi hiểu rằng tôi đã bị phơi trần rõ mồn một đối với chính phủ của mình. Cái điện thoại chỉ đường cho tôi và nhắc nhở khi tôi đi sai hướng, và giúp tôi dịch các biển báo giao thông, và cho tôi biết lịch trình xe buýt và xe lửa, cũng bảo đảm rằng tôi có làm gì thì những nhà tuyển dụng tôi đều biết. Cái điện thoại ấy đang báo các cấp trên của tôi rằng tôi đã ở đâu vào lúc nào, ngay cả khi tôi không hề đụng vào và chỉ để nó trong túi.

Tôi nhớ mình đã phải gắng gượng cười về điều này vào một lần Lindsay và tôi bị lạc trong một chuyến đi bộ dã ngoại và Lindsay - tôi không hề nói gì với cô - bỗng tự nhiên nói, "Sao anh không nhắn tin cho Fort Meade và nhờ họ tìm chúng ta?" Cô ấy tiếp tục đùa như thế, và tôi cố gắng để tìm chút vui thú trong đó nhưng không thể. "Xin chào", cô ấy giả giọng tôi, "ông có thể giúp chỉ đường cho chúng tôi không?"

Sau đó tôi sống ở Hawaii, gần Trân Châu Cảng, nơi nước Mỹ bị tấn công và bị kéo vào một cuộc chiến lẽ ra đã là cuộc chiến tranh cuối cùng của đất nước này. Ở đây, ở Nhật Bản, tôi lại gần với Hiroshima và Nagasaki hơn, nơi cuộc chiến đó đã kết thúc một cách nhục nhã. Lindsay và tôi đã luôn mong được ghé đến hai thành phố đó, nhưng lần nào chúng tôi lên kế hoạch thì cũng đều phải hủy bỏ. Vào một trong những ngày nghỉ đầu tiên của tôi, tất cả mọi người đều chuẩn bị đi xuống Honshu để đến Hiroshima, nhưng tôi bị gọi về làm việc và bảo phải đi theo hướng ngược lại - đến căn cứ không quân Misawa ở phía bắc băng giá. Rồi đến lần định đi theo lịch trình kế tiếp của chúng tôi, Lindsay lại bị ốm, và sau đó tôi cũng ốm luôn. Cuối cùng, đêm trước khi chúng tôi dự định đến Nagasaki,

Lindsay và tôi bị đánh thức bởi trận động đất lớn đầu tiên chúng tôi gặp phải, hai đứa nhảy phắt khỏi tấm nệm, chạy xuống bảy tầng cầu thang, và trải qua suốt thời gian còn lại của đêm ấy trên đường phố với những người hàng xóm, lạnh run trong bộ đồ pyjama.

Thật tiếc là chúng tôi chưa từng đi được. Cả hai nơi đó đều là thánh địa, nơi có những đài tưởng niệm tưởng nhớ hai trăm ngàn người đã bị thiêu chết và vô số người bị nhiễm độc bởi bụi phóng xạ, đồng thời nhắc nhở chúng ta về tính vô đạo đức của công nghệ.

Tôi thường nghĩ về cái gọi là "mô-men nguyên tử" - một thuật ngữ vật lý mô tả khoảnh khắc khi một hạt nhân kết hợp các proton và neutron đang quay xung quanh nó thành một nguyên tử, nhưng thuật ngữ này lại thường được mọi người hiểu là sự ra đời của thời đại hạt nhân, với những chất đồng vị cho phép tạo ra nhiều tiến bộ trong sản xuất năng lượng, nông nghiệp, thanh lọc nước uống, và chẩn đoán cũng như điều trị những chứng bệnh chết người. Nó cũng tạo ra bom nguyên tử.

Công nghệ không có lời thề Hippocrates. Vì thế, nhiều quyết định của các nhà công nghệ trong giới hàn lâm, công nghiệp, quân sự và chính phủ, ít nhất là kể từ thời Cách mạng Công nghiệp, đã được đưa ra trên cơ sở là "chúng ta có làm được không?" chứ không phải "chúng ta có nên làm không?" Và ý định thúc đẩy phát minh công nghệ hiếm khi nào, nếu có, hạn chế các phương thức ứng dụng và sử dụng công nghệ.

Tất nhiên, tôi không có ý so sánh vũ khí hạt nhân với việc do thám trên mạng về mặt tổn thất nhân mạng. Nhưng có một điểm chung nếu xét đến khái niệm phát triển ào ạt và giải trừ quân bị.

Hai quốc gia duy nhất mà tôi biết trước đây đã thực hành giám sát toàn bộ là hai cường quốc tham chiến khác trong Thế chiến II - một là kẻ thù của Mỹ, một là đồng minh của Mỹ. Ở cả Đức Quốc xã lẫn Liên Xô, các dấu hiệu công khai đầu tiên về một cuộc giám sát như thế bề ngoài lại mang hình thức vô hại của một cuộc điều tra dân số, các số liệu thống kê chính thức về toàn dân của một quốc gia. Cuộc điều tra dân số toàn liên bang đầu tiên của Liên Xô, vào năm 1926, đã có một động cơ thứ hai nằm ngoài việc đếm số lượng đơn thuần: Nó đã công khai truy vấn công dân Liên Xô về nguồn gốc dân tộc của họ. Các kết quả có được đã thuyết phục được những người dân tộc Nga vốn hợp thành giới đặc quyền Xô Viết tin rằng họ thuộc nhóm dân tộc thiểu số khi so với số đông công dân được nhập chung liên bang mang dòng máu Trung Á, như những người Uzbekistan, Kazakhstan, Tajikistan, Turkmenistan, Gruzia và Armenia. Các

kết quả điều tra đã củng cố đáng kể quyết tâm của Stalin muốn xóa bỏ các nền văn hóa này, bằng cách "cải tạo" các dân tộc này theo ý thức hệ có tính tiệt trừ của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Cuộc điều tra dân số 1939 của Đức Quốc xã cũng là một dự án tương tự, nhưng với sự hỗ trợ của công nghệ máy tính. Nó đặt ra mục tiêu thống kê dân số Đức, để kiểm soát và thanh trừng - chủ yếu là thanh trừng dân Do Thái và dân di-gan - trước khi thực hiện những nỗ lực sát nhân đó với dân cư bên ngoài biên giới. Để thực hiện điều này, Đức hợp tác với Dehomag, một công ty con tại Đức thuộc hãng IBM của Mỹ, hãng sở hữu bằng sáng chế loại máy tính đục phiếu, một loại máy tính analog đếm các lỗ được đục vào các tấm phiếu. Mỗi công dân được biểu thị bằng một phiếu, và những lỗ đục nhất định trên phiếu sẽ biểu thị cho các dấu hiệu nhận dạng nhất định. Cột 22 dành cho đề mục tôn giáo: lỗ 1 là Tin lành, lỗ 2 là Công giáo và lỗ 3 là Do Thái. Ngay sau đó, thông tin điều tra dân số này đã được sử dụng để xác định và trục xuất dân số Do Thái này đến các trại tử thần.

Chỉ một chiếc smartphone kiểu mẫu hiện nay thôi đã có khả năng tính toán hơn tất cả các máy tính thời chiến của Đức Quốc xã và Liên Xô cộng lại. Nhớ lại điều này là cách tốt nhất để hình dung được toàn cảnh: không chỉ là sự thống trị công nghệ của cộng đồng IC Mỹ hiện đại, mà còn là mối đe dọa mà nó đặt ra cho việc quản trị dân chủ. Trong vòng chừng một thế kỷ kể từ hai nỗ lực điều tra dân số đó, công nghệ đã đạt được những tiến bộ đáng kinh ngạc, nhưng ta lại không thể nói tương tự về khả năng kiềm chế công nghệ của luật pháp hoặc lương tri con người.

Hoa Kỳ cũng có điều tra dân số, tất nhiên. Hiến pháp là nền tảng của cuộc điều tra dân số Hoa Kỳ và xem đó như số lượng chính thức của dân số từng tiểu bang nhằm xác định tỷ lệ số đại biểu tương ứng ở Hạ viện. Điều tra dân số cũng là một nguyên tắc xét duyệt, trong các chính phủ độc tài, kể cả chế độ quân chủ Anh cai trị các thuộc địa, theo truyền thống vẫn sử dụng việc thống kê này như một phương pháp đánh giá mức thuế và xác định số lượng thanh niên đủ điều kiện nhập ngũ. Cái hay của Hiến pháp Hoa Kỳ là nó đã biến một thứ vốn là cơ chế áp bức thành một nền dân chủ. Cuộc điều tra dân số, chính thức thuộc thẩm quyền của Thượng viện, phải được thực hiện mười năm một lần, gần bằng khoảng thời gian để xử lý dữ liệu của hầu hết các cuộc điều tra của Mỹ sau cuộc điều tra dân số đầu tiên năm 1790. Công việc kéo dài cả chục năm này đã được rút ngắn bởi cuộc điều tra dân số năm 1890, cuộc điều tra dân số đầu tiên trên thế giới sử dụng máy tính (nguyên mẫu của các mô hình mà IBM sau này đã bán cho

Đức Quốc xã). Với công nghệ tính toán, thời gian xử lý đã giảm đi một nửa.

Công nghệ kỹ thuật số đã không chỉ đơn giản hóa những việc thống kê như vậy - nó đang khiến công việc này trở nên lỗi thời. Việc giám sát toàn bộ hiện nay là một cuộc điều tra dân số không bao giờ kết thúc, thực sự nguy hiểm hơn bất kỳ bảng câu hỏi nào được gửi qua thư. Tất cả các thiết bị của chúng ta, từ điện thoại đến máy tính, về cơ bản là những nhân viên điều tra dân số tí hon ta mang theo trong ba-lô và trong túi của mình - những nhân viên điều tra dân số nhớ hết mọi thứ và không bỏ qua điều gì cả.

Nhật Bản là "mô-men nguyên tử" của tôi. Đó là lúc tôi nhận ra những công nghệ mới này đang hướng tới đâu, và nếu thế hệ của tôi không can thiệp thì sự leo thang này vẫn sẽ tiếp tục mà thôi. Nếu đến lúc chúng ta cuối cùng quyết tâm chống lại mà sự phản kháng đó lại không hiệu quả thì đúng là một thảm kịch. Các thế hệ sau sẽ phải chấp nhận một thế giới mà ở đó sự giám sát không phải là điều thỉnh thoảng mới xảy ra và có định hướng trong những hoàn cảnh chính đáng về pháp lý, mà là sự hiện hữu liên tục và bất chấp: lỗ tai đó luôn nghe, con mắt đó luôn thấy, một trí nhớ không ngủ và vĩnh viễn.

Khi tính chất hiện diện khắp mọi nơi của việc thu thập được kết hợp với tính chất trường cửu của việc lưu trữ, bất kỳ chính phủ nào cũng chỉ cần chọn một người hoặc một nhóm làm vật tế thần và bắt tay vào tìm kiếm - như tôi tìm kiếm trong các tập tin của cơ quan - những chứng cớ của một tội lỗi thích hợp.

$_0O_0$

17
Ngôi nhà trên mây

NĂM 2011, TÔI TRỞ LẠI HOA KỲ, làm việc cho cùng một chủ tuyển dụng danh nghĩa, hãng Dell, nhưng bây giờ lại được phái về cơ quan cũ, CIA. Một ngày mùa xuân êm ả, tôi về nhà sau ngày đầu tiên ở công việc mới và thấy vui khi nhận ra: ngôi nhà mà tôi dọn đến có một thùng thư. Nó không có gì đẹp mắt, chỉ là một loại hộp hình chữ nhật được chia nhiều ngăn nhỏ thường thấy ở những Cộng đồng nhà phố, nhưng nó vẫn khiến tôi mỉm cười. Nhiều năm rồi tôi không có một thùng thư nào và tôi vẫn chưa kiểm tra cái này. Tôi thậm chí còn không biết đến sự tồn tại của nó nếu như nó không tràn ngập - hàng đống thư quảng cáo nhét đầy nghẹt gửi đến "ông Edward J. Snowden hoặc Người đang thường trú". Các phong bì toàn là các phiếu giảm giá và tờ quảng cáo các sản phẩm gia dụng. Ai đó đã biết rằng tôi vừa mới chuyển đến đây.

Một kỷ niệm thời thơ ấu bỗng hiện về, một hồi ức về chuyện kiểm tra thùng thư và tìm thư cho chị tôi. Dù tôi lúc đó muốn mở thư ra nhưng má tôi không cho phép.

Tôi nhớ mình đã hỏi tại sao. "Bởi vì", má nói, "không phải thư gửi cho con". Má giải thích rằng việc mở thư từ của người khác, dù đó chỉ là một tấm thiệp sinh nhật hay một lá thư chuyển tiếp, là việc chẳng hay ho gì. Thực tế, đó là một tội.

Tôi muốn biết loại tội gì. "Tội lớn, nhóc con à", má tôi nói. "Một tội cấp liên bang đó".

Tôi đứng trong bãi đậu xe, xé đôi xấp phong bì, và mang đến thùng rác.

Tôi đã có một chiếc iPhone mới nằm gọn trong túi bộ com-lê Ralph Lauren mới. Tôi đã có cặp kính Burberry mới. Một kiểu tóc mới. Chìa khóa của căn nhà phố mới ở Columbia, Maryland, căn nhà lớn nhất mà tôi từng sống và là nơi tôi lần đầu tiên thực sự cảm thấy đó là nhà của mình. Tôi giàu có, hoặc ít nhất là bạn bè tôi nghĩ vậy. Tôi hầu như không nhận ra chính mình.

Tôi đã quyết định là tốt nhất cứ mặc kệ mà sống và chỉ cần kiếm chút tiền, làm cho cuộc sống của những người tôi yêu thương trở nên tốt hơn - nói cho cùng, chẳng phải ai cũng làm thế sao? Nhưng nói dễ hơn làm. Ý tôi là chuyện mặc kệ. Còn kiếm tiền thì dễ. Dễ dàng đến mức tôi cảm thấy có lỗi.

Tính luôn thời gian ở Geneva, và không kể những chuyến về thăm nhà định kỳ, tôi đã đi xa gần bốn năm. Nước Mỹ mà tôi trở về sao như một đất nước đã thay đổi. Nó không xa lạ đến mức khiến tôi thấy mình như một người nước ngoài, nhưng đúng là tôi thấy mình gần như bị sa vào quá nhiều cuộc trò chuyện mà tôi không hiểu. Cứ nghe hai câu là có một câu nhắc đến tên một chương trình TV hay bộ phim nào đó mà tôi không biết, hay một vụ xì-căng-đan của người nổi tiếng nào đó mà tôi không quan tâm, và tôi không thể hưởng ứng - tôi có biết gì đâu mà nói.

Những suy nghĩ mâu thuẫn trút xuống như những khối vuông trong game Tetris, và tôi gắng sức sắp xếp chúng - để làm cho chúng biến mất. Tôi nghĩ thầm, tội nghiệp những người dễ thương, ngây thơ, khốn khổ này - họ là nạn nhân, bị chính phủ theo dõi, do thám bởi chính những cái màn hình mà họ tôn thờ. Rồi tôi nghĩ: Im đi, đừng bi đát quá như vậy - họ đang sung sướng, họ đâu có bận tâm, và mi cũng không nên bận tâm luôn. Cứ trưởng thành đi, làm việc đi, thanh toán các hóa đơn đi. Đời là thế.

Một cuộc sống bình thường là những gì Lindsay và tôi đã mong mỏi. Chúng tôi đã sẵn sàng cho giai đoạn tiếp theo và đã quyết định sẽ sống ổn định. Chúng tôi có một khoảng sân sau xinh đẹp với một cây anh đào gợi nhớ đến một nước Nhật Bản xinh đẹp hơn: một chỗ trên sông Tama nơi Lindsay và tôi đã từng cười vui và lăn mình trên thảm hoa thơm của Tokyo khi ngắm nhìn hoa anh đào rơi.

Lindsay sắp được chứng nhận là một huấn luyện viên yoga. Còn tôi đã quen dần với công việc mới của mình - bán hàng.

Một trong những nhà cung cấp bên ngoài mà tôi từng làm việc với dự án EPICSHELTER rốt cuộc lại làm việc cho Dell, và đã thuyết phục tôi rằng tôi đang lãng phí thời gian với việc làm công ăn lương theo giờ. Tôi nên tham gia vào lĩnh vực bán hàng của Dell, ông ta nói, nơi tôi có thể kiếm được cả núi tiền - cho những ý tưởng giống như EPICSHELTER. Tôi sẽ lên vù vù trên nấc thang tổ chức của công ty này, và ông ta sẽ được một khoản tiền thưởng đáng kể vì đã giới thiệu tôi. Tôi đã xiêu lòng, nhất là vì công việc đó sẽ giúp tôi khuây khỏa, quên đi cảm giác khó chịu ngày càng tăng của mình, điều chỉ có thể khiến tôi gặp rắc rối mà thôi. Chức danh chính thức của công việc này là cố vấn giải pháp. Thực chất, nó có nghĩa là tôi phải giải quyết các vấn đề do đối tác mới của tôi vẽ vời ra, người mà tôi sẽ gọi là Cliff, giám đốc bộ phận Khách hàng đặc biệt.

Coi như Cliff là bộ mặt, còn tôi là bộ óc. Khi chúng tôi ngồi với các nhân viên của CIA chuyên mua thiết bị và bản quyền công nghệ, công việc của

Cliff là bán thiết bị và chuyên môn của Dell bằng mọi cách cần thiết. Điều này có nghĩa là ông ta phải trổ hết ngón nghề ứng biến để tuôn ra những lời hứa hẹn trơn tru vô tận về chuyện chúng tôi sẽ làm việc tốt như thế nào cho CIA, những điều chắc chắn, chắc chắn là các đối thủ cạnh tranh của chúng tôi không thể làm nổi (và, trong thực tế, cả chúng tôi cũng làm không được). Công việc của tôi là dẫn dắt một nhóm chuyên viên để thiết kế ra một thứ gì đó làm giảm mức độ nói dối của Cliff, chỉ cần đạt mức là, khi người ký chi phiếu thanh toán nhấn nút Power, cả đám chúng tôi không bị tống vào tù là được.

Đâu có dễ.

Dự án chính của chúng tôi là giúp CIA bắt kịp xu hướng tiên tiến nhất - hoặc chỉ bằng các tiêu chuẩn kỹ thuật của NSA - bằng cách thiết kế cho cơ quan này những công nghệ mới nhất đang gây xôn xao, một "đám mây riêng". Mục đích là để hợp nhất việc xử lý và lưu trữ của CIA, đồng thời chia sẻ các phương thức truy cập dữ liệu. Nói cho dễ hiểu, chúng tôi muốn làm sao mà một người đang ở trong một cái lều ở Afghanistan cũng có thể thực hiện chính xác cùng một công việc như một người nào đó tại tổng hành dinh CIA. Cơ quan này - và thực tế là toàn bộ lãnh đạo kỹ thuật của Cộng đồng IC - đã liên tục phàn nàn về vấn đề "cát cứ": có quá nhiều dữ liệu nằm rải khắp thế giới mà họ không thể theo dõi hoặc truy cập được. Vì vậy, tôi đã đứng đầu một nhóm gồm một số người giỏi nhất ở Dell để nghĩ ra một cách mà bất cứ ai, ở bất cứ đâu, cũng có thể truy cập bất cứ thứ gì.

Trong giai đoạn kiểm tra ý tưởng, tên tạm thời của đám mây đó trở thành "Frankie". Đừng trách tôi: nhóm kỹ thuật chúng tôi chỉ gọi nó là "Đám mây riêng". Chính Cliff là người đã đặt ra cái tên kia cho nó, trong một lần giới thiệu với CIA khi ông ta nói rằng họ sẽ yêu thích con quái vật Frankenstein nhỏ bé của chúng tôi "bởi vì đó là một con quái vật thực sự".

Cliff càng hứa hẹn nhiều thì tôi càng bận rộn hơn; Lindsay và tôi chỉ còn những ngày cuối tuần hỏi thăm bố mẹ và bạn bè cũ. Chúng tôi đã cố gắng trang bị cho căn nhà mới của hai đứa. Căn nhà ba tầng này chẳng có đồ đạc gì, nên chúng tôi phải sắm hết mọi thứ, hoặc những món gì mà ba má đã không hào phóng chuyển giao cho chúng tôi. Việc này khiến tôi có cảm giác mình rất trưởng thành, nhưng đồng thời cũng cho thấy rõ những ưu tiên: chúng tôi đã mua bát đĩa, dao nĩa, bàn ghế nhưng vẫn ngủ trên tấm nệm dưới sàn nhà. Tôi đã trở nên dị ứng với thẻ tín dụng, với mọi chuyện theo dõi của chúng, nên chúng tôi mua mọi thứ toàn bằng tiền mặt. Khi cần một chiếc xe, tôi đã mua chiếc Acura Integra đời 98 qua một mẩu rao vặt với giá 3.000 đô-la tiền mặt. Kiếm tiền là một chuyện, nhưng cả Lindsay

và tôi đều không thích tiêu xài, trừ khi mua thiết bị máy tính - hay có dịp đặc biệt. Vào ngày Valentine, tôi đã mua cho Lindsay khẩu súng lục mà cô ấy hằng mong muốn.

Từ căn hộ chung cư mới, chúng tôi chỉ mất hai mươi phút đi xe là đến được cả chục trung tâm thương mại, kể cả Columbia Mall, nơi có gần 150.000 mét vuông mua sắm, được chiếm ngụ bởi khoảng hai trăm cửa hàng, một cụm xi-nê AMC mười bốn rạp, một chi nhánh nhà hàng món Á P.F Chang, và một tiệm bánh phô mai trong chuỗi Cheesecake Factory. Lúc chúng tôi đi qua những con đường quen thuộc trong chiếc xe Integra cũ mèm, tôi rất thán phục, nhưng cũng hơi ngạc nhiên, với bao sự phát triển đã diễn ra khi tôi đi xa. Các khoản chi hoang phí của chính phủ sau sự kiện 11/9 chắc chắn đã rót rất nhiều tiền vào rất nhiều cái túi ở khu vực này. Đúng là một trải nghiệm bất an và thậm chí là choáng ngợp khi quay trở lại Mỹ sau một thời gian vắng mặt và lại nhận ra khu vực này của nước Mỹ sao mà giàu có, sao mà được cung ứng quá nhiều lựa chọn tiêu dùng - không biết bao nhiêu đại siêu thị bán lẻ và cửa hiệu trưng bày đồ nội thất cao cấp. Và tất cả đều có chương trình giảm giá vào các dịp lễ. Nào lễ Tổng thống, lễ Chiến sĩ trận vong, lễ Quốc khánh, lễ Lao động, lễ Columbus, lễ Cựu chiến binh. Biết bao cờ phướn tưng bừng thông báo đợt giảm giá mới nhất, nằm ngay bên dưới mọi lá quốc kỳ.

Vào buổi chiều mà tôi đang kể lại đây, nhiệm vụ của chúng tôi chủ yếu là mua đồ gia dụng - hai đứa đến Best Buy. Sau khi đã quyết định chọn mua một cái lò vi sóng mới, theo sự kèo nài hợp lý của Lindsay, chúng tôi đi xem qua nơi trưng bày đủ loại máy xay trái cây. Lindsay rút điện thoại ra và lên mạng tìm hiểu xem trong số khoảng chục cái máy này thì hiệu nào được đánh giá tốt nhất, trong lúc đó tôi thấy mình lang thang đến gian bán máy tính ở đầu bên kia cửa hàng.

Nhưng trên đường đi, tôi dừng lại. Kìa, ở rìa gian hàng gia dụng, được đặt trên một bục cao chiếu sáng và trang trí rực rỡ, là một chiếc tủ lạnh mới sáng bóng. Đúng hơn, đó là "SmartFridge", một tủ lạnh thông minh, được quảng cáo là "có trang bị Internet".

Tôi hoàn toàn sững sờ.

Một nhân viên bán hàng đến gần, nghĩ rằng sự kinh ngạc của tôi là sự quan tâm - "Hay quá, phải không anh?" - và bắt đầu giới thiệu một số tính năng. Một màn hình được gắn vào cửa tủ lạnh, và bên cạnh màn hình là một chỗ cắm chiếc bút điện tử nhỏ, cho phép ta viết nguệch ngoạc các tin nhắn. Nếu không muốn viết, ta có thể thu âm thanh hay thu video để ghi

nhớ. Ta cũng có thể sử dụng màn hình này như sử dụng một máy tính thông thường, vì tủ lạnh có Wi-Fi. Ta có thể kiểm tra email, hoặc xem lịch. Ta có thể xem các clip trên YouTube hoặc nghe MP3. Thậm chí ta còn có thể gọi điện thoại. Tôi đã phải kiềm chế để khỏi nhập số điện thoại của Lindsay vào và nói, từ đầu bên kia tầng lầu, "Anh đang gọi em bằng một cái tủ lạnh".

Chưa hết, nhân viên bán hàng tiếp tục, máy tính trong tủ lạnh này theo dõi nhiệt độ bên trong, và thông qua việc quét mã vạch, theo dõi độ tươi mới của thực phẩm. Nó cũng cung cấp thông tin dinh dưỡng và đề xuất công thức nấu ăn. Tôi nhớ giá bán là hơn 9.000 đô la. "Bao gồm cả giao hàng tận nhà", nhân viên bán hàng nói.

Tôi nhớ mình đã lái xe về nhà trong sự im lặng bối rối. Đây không phải là cái tương lai công nghệ tuyệt đỉnh mà chúng ta đã được hứa hẹn. Tôi tin chắc rằng lý do duy nhất mà món đồ này được trang bị Internet là để nó có thể báo cáo lại cho nhà sản xuất về cách sử dụng của người sở hữu và bất kỳ dữ liệu gia đình nào khác nó có thể ghi nhận được. Đến lượt nhà sản xuất sẽ kiếm tiền bằng cách bán dữ liệu đó. Và chúng ta có bổn phận phải trả tiền để hưởng đặc quyền ấy.

Tôi tự hỏi việc mình bận tâm đến sự theo dõi của chính phủ có ý nghĩa gì nếu như bạn bè, hàng xóm và đồng bào của tôi ai cũng hoan hỉ rước những thiết bị do thám của các công ty về nhà mình, tự cho phép bản thân được theo dõi trong lúc họ đang lướt Web bằng cái tủ lạnh thoải mái như đang dùng máy tính. Lúc đó vẫn còn năm năm nữa mới đến cuộc cách mạng ngôi nhà thông minh, khi mọi người chào đón các "trợ lý ảo" như Amazon Echo và Google Home vào phòng ngủ và tự hào đặt chúng trên bàn ngủ để các thiết bị này ghi nhận và truyền đi mọi hoạt động của chủ nhân trong phạm vi theo dõi, để chúng nắm bắt mọi thói quen và sở thích (chưa nói đến những ý muốn, thói tật tình dục khác thường), để rồi những thông tin này sẽ được phát triển thành thuật toán quảng cáo và biến thành tiền. Dữ liệu mà ta tạo ra chỉ bằng cách sống - hay chỉ bằng cách tự để cho mình bị theo dõi trong lúc đang sống - sẽ làm giàu cho các công ty tư nhân bao nhiêu thì cũng sẽ làm nghèo nàn đi sự tồn tại riêng tư của chúng ta bấy nhiêu. Nếu việc theo dõi của chính phủ có tác dụng biến công dân thành nghi can, thuộc quyền sinh sát của nhà nước, thì việc theo dõi của các tập đoàn đã biến người tiêu dùng thành một sản phẩm để đem bán cho các tập đoàn khác, các công ty đầu cơ dữ liệu, và các hãng quảng cáo.

Trong khi đó, cứ như thể mọi công ty công nghệ lớn, kể cả Dell, đều đang tung ra các phiên bản dân sự mới về những gì tôi đang làm cho CIA:

đám mây. (Thực tế, bốn năm trước Dell thậm chí đã thử đăng ký thương hiệu thuật ngữ "điện toán đám mây" nhưng bị từ chối). Tôi ngạc nhiên biết bao khi thấy ai cũng hăm hở đăng ký sử dụng, ai cũng hào hứng trước viễn cảnh là bao nhiêu ảnh chụp, video, nhạc, và sách điện tử của họ sẽ được sao lưu hết toàn bộ và luôn có sẵn mà họ không hề suy nghĩ nhiều về lý do tại sao một giải pháp lưu trữ tiện lợi và siêu tinh vi như vậy ngay từ đầu lại được cung cấp "miễn phí" hay "giá rẻ".

Tôi nghĩ là mình chưa từng thấy một ý tưởng công nghệ nào mà lại được ủng hộ đồng nhất như vậy từ mọi phía. "Đám mây" là một tên gọi quảng cáo hiệu quả để Dell bán sản phẩm cho CIA cũng như để cho Amazon và Apple và Google bán cho người dùng của họ. Bây giờ nhắm mắt lại tôi vẫn có thể nghe tiếng Cliff rù rì với một tay CIA mặc áo vét nào đó về cách "ông có thể đưa lên các bản cập nhật bảo mật cho mọi máy tính của cơ quan ông trên toàn thế giới với công nghệ đám mây", hay "khi đám mây đã hoạt động thì cơ quan ông có thể theo dõi ai đã đọc tập tin nào trên toàn thế giới". Đám mây trắng mịn như bông và yên bình, bềnh bồng bên trên mọi xung đột. Dù nhiều đám mây có thể tạo nên một bầu trời giông bão, một đám mây duy nhất lại cho một chút bóng mát bao dung. Đám mây có tính che chở, bảo vệ. Tôi nghĩ hình tượng đó khiến mọi người nghĩ đến thiên đường.

Dell - cùng với các công ty tư nhân có nền tảng đám mây lớn nhất. Amazon, Apple và Google - đã coi sự trỗi dậy của đám mây là kỷ nguyên mới của điện toán. Nhưng ít nhất về mặt khái niệm, đây lại là một sự thụt lùi quay về với kiến trúc máy tính lớn *(mainframe)* của thời đầu lịch sử điện toán, khi nhiều người dùng đều phụ thuộc vào một thiết bị trung tâm mạnh mẽ duy nhất, chỉ có thể được duy trì bởi một nhóm nòng cốt gồm chuyên gia ưu tú. Chỉ mới ba mươi năm trước, thế giới đã từ bỏ mô hình máy tính lớn "phi cá nhân" này khi các doanh nghiệp như Dell phát triển được các loại máy tính "cá nhân" đủ rẻ, và đủ đơn giản, để thu hút người dùng bình thường. Giai đoạn phục hưng tiếp theo đã sản xuất ra các loại máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng và smartphone - tất cả những thiết bị cho phép mọi người tha hồ thực hiện một khối lượng khổng lồ những công việc sáng tạo. Vấn đề duy nhất là - làm sao để lưu trữ?

Đây là căn nguyên của "điện toán đám mây". Bây giờ bạn sử dụng loại máy tính cá nhân nào cũng không quan trọng nữa, bởi vì các máy tính đích thực mà bạn phụ thuộc lại được đặt trong các trung tâm dữ liệu khổng lồ do các công ty đám mây xây dựng trên khắp thế giới, về mặt nào đó, các trung tâm dữ liệu ấy chính là những máy tính lớn kiểu mới, hàng hàng lớp lớp

các giàn máy chủ giống hệt nhau, liên kết với nhau sao cho từng máy riêng lẻ đều hoạt động phối hợp trong một hệ thống tính toán chung. Việc mất một máy chủ riêng lẻ hoặc thậm chí mất toàn bộ một trung tâm dữ liệu không còn quan trọng nữa, vì chúng chỉ là những giọt nước trong đám mây toàn cầu rộng lớn hơn.

Từ quan điểm của người dùng thông thường, đám mây chỉ là một cơ chế lưu trữ để bảo đảm rằng dữ liệu của bạn đang được xử lý hoặc cất giữ không phải trên thiết bị cá nhân của mình, mà trên một loạt máy chủ khác nhau, những máy chủ này cuối cùng lại được sở hữu và vận hành bởi nhiều công ty khác nhau. Kết quả là dữ liệu của bạn không còn thực sự là của bạn nữa. Nó được kiểm soát bởi các công ty và thực tế là họ có thể sử dụng dữ liệu đó vào bất cứ mục đích gì.

Hãy đọc các điều khoản thỏa thuận dịch vụ lưu trữ đám mây đi, chúng ngày càng dài hơn theo năm tháng - những bản thỏa thuận hiện thời đã dài hơn sáu nghìn từ, gấp đôi độ dài trung bình của một chương trong cuốn sách này. Khi chúng ta chọn cách lưu trữ dữ liệu trên mạng thì ta thường là nhượng luôn quyền làm chủ dữ liệu của mình. Các công ty có thể quyết định loại dữ liệu nào họ sẽ giữ cho ta, và có thể cố tình xóa bất kỳ dữ liệu nào họ không thích. Trừ khi ta đã lưu một bản riêng trên các máy hoặc ổ đĩa riêng của mình, dữ liệu này mãi mãi không thuộc về ta nữa. Nếu bất kỳ dữ liệu nào của ta bị cho là đặc biệt khó chịu hoặc vi phạm các điều khoản dịch vụ, các công ty có thể đơn phương xóa tài khoản của ta, từ chối dữ liệu của ta, và giữ lại một bản sao trong hệ thống lưu trữ của riêng họ, những dữ liệu mà họ có thể chuyển cho các cơ quan chức trách mà ta không hay biết hoặc đồng ý. Bí mật riêng tư của dữ liệu hoàn toàn phụ thuộc vào quyền sở hữu dữ liệu của chúng ta. Không hề có tài sản nào ít được bảo vệ hơn, và không hề có tài sản nào riêng tư hơn là những dữ liệu cá nhân đó.

$_0O_0$

Thế giới Internet mà tôi đã lớn lên cùng, thế giới Internet đã dưỡng dục tôi, đang dần biến mất. Và cũng đi theo nó là tuổi trẻ của tôi. Ngay cái việc lên mạng, điều từng giống như một cuộc phiêu lưu kỳ diệu, giờ đây dường như là nỗi khổ căng thẳng. Việc thể hiện bản thân bây giờ đòi hỏi phải có cách tự bảo vệ mạnh mẽ tới mức mất luôn tự do và không còn vui thú nữa. Mọi thông tin trên mạng không còn là vấn đề sáng tạo mà là an toàn. Mỗi giao dịch là một mối nguy tiềm ẩn.

Trong khi đó, khu vực tư nhân đang khai thác sự lệ thuộc công nghệ của chúng ta để củng cố thị trường. Phần lớn người Mỹ dùng Internet đã sống toàn bộ cuộc đời số của họ trên email, mạng xã hội, và các nền tảng thương mại điện tử thuộc sở hữu của bộ ba đế chế công ty (Google, Facebook và Amazon), và Cộng đồng Tình báo Mỹ đang tìm cách lợi dụng thực tế đó bằng cách giành quyền truy cập vào hệ thống mạng của bộ ba này - vừa bằng các mệnh lệnh trực tiếp giấu nhẹm với công chúng, vừa bằng các nỗ lực xâm nhập lén lút mà chính các công ty đó cũng không hay biết. Dữ liệu người dùng của chúng ta đang mang lại lợi nhuận khổng lồ cho các công ty, và chính phủ đã lấy cắp nó thoải mái. Tôi thấy mình chưa bao giờ bất lực đến thế.

Rồi còn một cảm giác khác nữa, một cảm giác lạ lùng như thể mình vừa lênh đênh vừa bị xâm phạm quyền riêng tư. Tựa hồ tôi đã bị phân tán - nhiều phần cuộc sống của tôi rải rác trên các máy chủ khắp toàn cầu - thế nhưng vẫn bị xâm nhập hoặc trấn áp. Mỗi buổi sáng rời khỏi nhà là tôi thấy mình gật đầu với những chiếc camera an ninh rải rác khắp khu đô thị mới của chúng tôi. Trước đây, tôi không bao giờ chú ý đến chúng, nhưng bây giờ, khi một ánh đèn sáng đỏ lên trên đường đi làm, tôi không khỏi nghĩ đến bộ cảm biến gian ác của nó, luôn theo dõi xem tôi vượt qua ngã tư hay dừng lại. Những cái máy đọc bảng số xe vẫn luôn ghi nhận việc tôi đến và đi, ngay cả khi tôi duy trì tốc độ 35 dặm một giờ.

Các luật lệ cơ bản của Mỹ tồn tại không phải là để làm cho công việc thi hành pháp luật dễ dàng hơn mà là khó khăn hơn. Điều đó không phải là khuyết điểm, mà là đặc trưng cốt lõi của nền dân chủ. Trong chế độ của Mỹ, việc thi hành pháp luật được mong đợi sẽ bảo vệ công dân trước người khác. Rồi đến lượt các tòa án được mong đợi sẽ hạn chế quyền lực đó khi nó bị lạm dụng và có cách uốn nắn những thành viên duy nhất trong xã hội có chức trách giam cầm, bắt giữ và sử dụng vũ lực ở trong nước - kể cả vũ lực chết người. Biện pháp hạn chế quan trọng nhất là các lệnh nghiêm cấm cơ quan thi hành pháp luật theo dõi cá nhân công dân trên đất đai thuộc quyền sở hữu của họ và chiếm hữu các băng ghi hình riêng tư của họ mà không có lệnh của tòa. Dù vậy lại ít có luật hạn chế việc theo dõi trên đất đai công cộng, bao gồm đại đa số đường phố và vỉa hè trên nước Mỹ.

Việc thi hành pháp luật bằng cách sử dụng camera giám sát trên đất đai công cộng ban đầu được hình thành như một cách ngăn chặn tội phạm và hỗ trợ nhân viên điều tra sau khi tội ác diễn ra. Nhưng khi giá của các thiết bị này ngày càng rẻ thì chúng xuất hiện khắp mọi nơi, và vai trò của chúng

trở nên mang tính phòng xa, ngừa trước - cơ quan thi hành pháp luật sẽ sử dụng chúng để theo dõi những người không phạm tội, hoặc thậm chí không bị nghi ngờ về bất kỳ tội phạm nào. Và mối nguy lớn nhất vẫn còn ở phía trước, với sự tinh nhạy của các khả năng trí tuệ nhân tạo (AI) như nhận dạng khuôn mặt và kiểu mẫu hành vi. Một camera giám sát trang bị AI sẽ không chỉ là thiết bị ghi hình, mà có thể được chế tạo thành một thứ gần như là một cảnh sát người máy - một loại *"robocop"* thực thụ đang tích cực tìm kiếm những hoạt động "khả nghi", chẳng hạn như biểu hiện mua bán ma túy (tức là, hai người đang ôm choàng nhau hoặc bắt tay) và biểu hiện liên kết băng đảng (chẳng hạn như nhiều người cùng mặc một màu sắc và nhãn hiệu trang phục). Ngay cả trong năm 2011, tôi đã thấy rõ đây là chiều hướng mà công nghệ sẽ dẫn dắt ta đến, mà không hề có bất kỳ cuộc tranh luận công khai nào.

Những tiềm năng lạm dụng việc giám sát này chồng chất trong tâm trí của tôi thành một viễn cảnh tương lai kinh khủng. Một thế giới mà tất cả mọi người đều bị theo dõi toàn bộ sẽ trở thành một thế giới mà mọi luật lệ đều được thực thi hoàn toàn tự động, bằng các máy tính. Rốt cuộc, thật khó tưởng tượng rằng một thiết bị AI có khả năng nhận biết một người phạm luật lại không bắt người đó phải chịu trách nhiệm. Không thể lập trình được bất cứ thuật toán kiểm soát nào, dẫu có muốn đi nữa, theo hướng khoan hồng hoặc tha thứ.

Tôi tự hỏi phải chăng đó là sự hoàn thành cuối cùng nhưng đáng sợ của lời hứa ban đầu của Mỹ rằng mọi công dân đều sẽ bình đẳng trước pháp luật: một sự áp bức bình đẳng thông qua việc thi hành pháp luật tự động. Tôi tưởng tượng cảnh chiếc tủ lạnh thông minh tương lai đặt trong nhà bếp sẽ theo dõi mọi hành vi và thói tật của tôi, và lấy thói quen uống thẳng từ hộp giấy hoặc không rửa tay của tôi để đánh giá xác suất phạm tội.

Sẽ không thể chịu đựng nổi một thế giới thi hành pháp luật hoàn toàn tự động như thế - ví dụ, tất cả các luật sở hữu vật nuôi, hoặc tất cả các luật quy hoạch quản lý doanh nghiệp gia đình. Công lý cực đoan có thể biến thành bất công cực đoan, không chỉ về mức độ nghiêm trọng của hình phạt đối với một vi phạm, mà còn về cách áp dụng và truy tố pháp luật một cách nhất quán và triệt để. Gần như mọi xã hội lớn và lâu đời đều có đầy các luật bất thành văn mà mọi người được mong đợi phải tuân theo, bên cạnh các thư viện khổng lồ của các luật đã thành văn mà không mong đợi ai phải tuân theo, hoặc thậm chí không biết là có luật đó trên đời. Theo Luật Hình sự Maryland 10-501, ngoại tình là bất hợp pháp và có thể bị phạt tiền 10 đô-la. Ở Bắc Carolina, điều luật 14-309.8 quy định trò chơi lô-tô kéo dài

hơn năm giờ là bất hợp pháp. Cả hai luật này đều xuất phát từ một dĩ vãng kiểu cách hơn và vì lý do nào đó, không bao giờ được bãi bỏ. Hầu hết cuộc sống của chúng ta, dẫu ta không nhận ra điều đó, đều diễn ra không phải như hai màu trắng đen tách bạch mà là một màu xám, nơi mà chúng ta đi bộ qua đường khi đèn đỏ, bỏ rác vào thùng tái chế và bỏ đồ tái chế vào thùng rác, đi xe đạp trái làn đường, và mượn Wi-Fi của người lạ để tải xuống một cuốn sách mà ta không trả tiền. Nói đơn giản, một thế giới trong đó mọi luật pháp luôn được thực thi sẽ là một thế giới mà tất cả mọi người đều là tội phạm.

Tôi đã có nói với Lindsay về tất cả những điều này. Nhưng dù vẫn thường thông cảm với những mối lo của tôi, cô ấy lại không thông cảm đến mức sẵn sàng từ bỏ việc lên mạng, hoặc chí ít là không dùng Facebook hoặc Instagram nữa. "Nếu em làm thế", cô ấy nói, "thì em sẽ phải bỏ nghệ thuật của mình và bỏ luôn bạn bè. Anh cũng từng thích giao du trên mạng với nhiều người mà".

Cô ấy nói đúng. Và cô ấy cũng đúng khi lo lắng cho tôi. Lindsay nghĩ là tôi quá căng thẳng, và chịu quá nhiều áp lực. Đúng vậy - nhưng không phải vì công việc, mà vì tôi muốn nói với cô ấy một sự thật mà tôi không được phép nói. Tôi không thể nói với Lindsay rằng các đồng nghiệp cũ của tôi ở NSA có thể chọn cô ấy làm mục tiêu theo dõi và đọc những bài thơ tình mà cô ấy nhắn gửi cho tôi. Tôi không thể nói với Lindsay rằng họ có thể truy cập vào tất cả những bức ảnh cô ấy đã chụp - không chỉ là những bức ảnh công khai, mà cả những bức ảnh riêng tư. Tôi không thể nói với Lindsay rằng thông tin của cô đang được thu thập, rằng thông tin của mọi người đang được thu thập, điều gần như một lời đe dọa của chính phủ: Nếu các người mà thoát khỏi mạng, chúng tôi sẽ dùng đời tư của các người để hại các người.

Tôi đã cố gắng giải thích điều này với Lindsay, một cách bóng gió, qua một ví dụ tương tự. Tôi nói Lindsay hãy tưởng tượng việc một ngày nào đó cô ấy mở máy tính xách tay ra và thấy một tập tin bảng tính hiện lên màn hình.

"Tại sao lại thế?" Lindsay nói. "Em đâu có thích bảng tính".

Tôi bất ngờ với câu trả lời này, vì vậy tôi nói bừa điều đầu tiên nảy ra trong đầu. "Chẳng ai thích bảng tính, nhưng cái này có tên là *Kết Thúc"*.

"Ồ, bí ẩn".

"Em không nhớ là em đã tạo ra bảng tính này, nhưng một khi mở nó ra, em sẽ nhận ra nội dung của nó. Bởi vì bên trong đó là tất cả, tất cả mọi

điều có thể hủy hoại em. Mọi thông tin có thể tàn phá cuộc sống của em".

Lindsay mỉm cười. "Em có thể xem cái bảng tính dành cho anh được không?"

Cô ấy nói đùa, nhưng tôi không đùa. Một bảng tính chứa mọi mẩu dữ liệu nhỏ nhặt nhất về ta sẽ gây rủi ro chết người. Hãy tưởng tượng: mọi bí mật lớn nhỏ có thể kết liễu cuộc hôn nhân của ta, kết liễu sự nghiệp của ta, đầu độc ngay cả những mối quan hệ thân thiết nhất và khiến ta cạn tiền, mất bạn bè, và ngồi tù. Có thể cái bảng tính ấy sẽ có cả điếu cần sa ta hút vào cuối tuần trước tại nhà một người bạn, hoặc một vệt cocaine trên màn hình điện thoại mà ta đã hít trong một quán bar ở khu đại học. Hoặc cuộc tình một đêm say rượu mà ta đã trải qua với bạn gái của một người bạn, người bây giờ đã thành vợ của người bạn đó, điều mà cả ta và cô ấy đều ân hận và đã đồng ý không bao giờ nói cho ai biết. Hoặc một lần phá thai của ta khi niên thiếu, mà ta đã giấu bố mẹ và muốn giấu với người bạn đời. Hoặc có thể đó chỉ là thông tin về một thỉnh nguyện thư mà ta đã ký, hoặc một cuộc biểu tình mà ta tham gia. Ai ai cũng đều có một điều gì đó, một số thông tin bất lợi nằm chôn vùi giữa các byte dữ liệu cá nhân - nếu không có trong các tập tin thì nằm trong email của họ, nếu không có trong email thì nằm trong lịch sử duyệt Web của họ. Và bây giờ mọi thông tin này đang được chính phủ Hoa Kỳ lưu trữ.

Một lúc sau cuộc nói chuyện đó, Lindsay đến chỗ tôi và nói, "Em đã đoán ra những gì sẽ có trong cái Bảng tính Hủy diệt Toàn bộ ấy - những bí mật sẽ hủy hoại em".

"Là những gì?"

"Em sẽ không nói với anh đâu".

$_0O_0$

Tôi đã cố tỏ ra thoải mái, nhưng vẫn luôn có những triệu chứng thể chất kỳ lạ. Tôi đâm ra vụng về khác thường, té ngã khi leo thang - nhiều hơn một lần - hoặc va vào khung cửa. Đôi khi tôi vấp ngã, hay đánh rơi chiếc thìa đang cầm, hoặc không đo lường được khoảng cách chính xác và hay với hụt tay. Tôi làm đổ nước trên người, hoặc bị sặc. Lindsay và tôi đang trò chuyện thì tôi lại quên ngay điều cô vừa nói. Cứ như tôi đã bị đóng băng ở một thế giới khác.

Một hôm, tôi đến đón Lindsay sau khi tan lớp thể dục múa cột của cô, tôi bắt đầu cảm thấy chóng mặt. Đây là điều đáng lo ngại nhất trong số các

triệu chứng mà tôi đã gặp từ trước đến giờ. Tôi đâm hoảng, và Lindsay cũng sợ, nhất là khi triệu chứng này khiến cho các giác quan của tôi suy giảm dần. Tôi có quá nhiều cách giải thích cho triệu chứng này: dinh dưỡng kém, ít tập thể dục, thiếu ngủ. Tôi có quá nhiều cách biện minh: cái đĩa nằm quá sát mép quầy, cầu thang trơn trượt. Tôi không thể biết chắc nếu những gì tôi đang gặp phải là triệu chứng tâm lý hay là thể chất. Tôi quyết định sẽ đi khám bệnh, nhưng phải mấy tuần nữa mới đến cuộc hẹn với bác sĩ.

Một hay hai ngày sau, tôi về nhà vào khoảng giữa trưa, và cố hết sức theo dõi công việc từ xa. Tôi đang nói chuyện điện thoại với một nhân viên bảo mật máy tính ở Dell thì cơn chóng mặt tấn công. Tôi lập tức xin lỗi chấm dứt cuộc gọi, nói không thành lời, và khi cố gắng gác máy, tôi biết chắc: Tôi sắp chết.

Với những người đã trải qua cái cảm giác sắp tận số này thì không cần phải mô tả, và với những ai chưa gặp phải thì không thể nào giải thích. Nó tấn công đột ngột và man rợ đến nỗi nó xóa sạch mọi cảm giác khác, mọi ý nghĩ khác ngoài nỗi cam chịu bất lực. Thế là xong đời. Tôi ngồi phịch xuống ghế, chiếc ghế nệm Aeron lớn màu đen chao đảo trong lúc tôi rơi vào khoảng không và bất tỉnh.

Tôi tỉnh dậy thấy mình vẫn ngồi trên ghế, đồng hồ trên bàn đang chỉ gần tới một giờ trưa. Tôi đã ngất đi chưa đầy một giờ, nhưng tôi đã kiệt sức. Chẳng khác gì tôi đã tỉnh thức từ thuở hồng hoang.

Tôi hoảng hốt với lấy điện thoại, nhưng cứ hụt tay và chộp vào không khí. Khi đã cố chộp được chiếc máy và nghe được tín hiệu chờ quay số, thì tôi thấy mình không sao nhớ nổi số máy của Lindsay, hoặc chỉ có thể nhớ các chữ số chứ không nhớ thứ tự.

Không hiểu sao tôi lần mò được xuống nhà dưới, để ý từng bước chân, lòng bàn tay áp vào tường. Tôi lấy hộp nước trái cây trong tủ lạnh và uống ừng ực, đưa cả hai tay cầm chiếc hộp giấy và nhểu khá nhiều nước xuống cằm. Rồi tôi nằm xuống sàn, áp má vào tấm vải sơn lót sàn mát lạnh, và ngủ thiếp đi. Lindsay đã tìm thấy tôi trong trạng thái đó.

Tôi vừa bị một cơn động kinh.

Má tôi ngày trước cũng bị động kinh, và ít nhất là có một giai đoạn dễ lên cơn động kinh mạnh: sùi bọt mép, tay chân co giật, cơ thể lăn lộn cho đến khi cứng đờ ra bất tỉnh một cách kinh khủng. Tôi không thể tin là trước đó tôi đã không liên hệ các triệu chứng của mình với chứng động kinh của má, mặc dù chính má tôi cũng đã phủ nhận chuyện này suốt hàng chục năm, bà

cứ cho rằng việc bà hay té ngã là do "vụng về" và "tay chân thiếu phối hợp". Má tôi không chịu đi khám bệnh mãi đến khi gặp phải cơn động kinh mạnh đầu tiên ở tuổi gần bốn mươi, và sau một thời gian ngắn dùng thuốc, những cơn co giật của má đã ngưng lại. Má luôn bảo chị em tôi là bệnh động kinh không có di truyền và cho đến ngày nay tôi vẫn không biết chắc đó là lời bác sĩ đã nói với má hay là bà chỉ đang cố trấn an hai đứa con rằng chúng sẽ không gặp số phận như bà.

Không có xét nghiệm chẩn đoán bệnh động kinh. Chẩn đoán lâm sàng chỉ là hai hoặc nhiều cơn động kinh không rõ nguyên nhân - chỉ có thế. Đây là chứng bệnh mà không ai hiểu thấu. Y học thường chỉ điều trị động kinh theo hiện tượng. Các bác sĩ không nói về "bệnh động kinh", họ chỉ nói về các "cơn động kinh". Họ thường chia các cơn động kinh thành hai loại: cục bộ và tổng quát, loại trước là một dạng mất luồng điện ở một phần nào đó trong não và không lan rộng, loại sau là một dạng mất luồng điện tạo ra một phản ứng dây chuyền. Về cơ bản, một làn sóng các khớp thần kinh mất luồng điện sẽ liên tiếp đi qua não, khiến ta mất chức năng vận động và cuối cùng là mất ý thức.

Động kinh là một hội chứng kỳ lạ. Những người mắc chứng này lại có những cảm nhận khác nhau, tùy theo phần nào trong não họ bị mất luồng điện đầu tiên. Những người bị mất luồng điện trong trung tâm thính giác rất hay nghe thấy tiếng chuông, còn người bị ở trung tâm thị giác thì mắt sẽ tối sầm thấy nổ đom đóm. Nếu bị mất luồng điện ở vùng sâu hơn trong não bộ - trường hợp của tôi - thì có thể gây ra chứng chóng mặt nghiêm trọng. Theo thời gian, tôi dần biết được các dấu hiệu cảnh báo, nên tôi có thể sẵn sàng chờ đón một cơn động kinh sắp tới. Những dấu hiệu này được gọi là các "hiện tượng thoáng qua", theo cách gọi phổ biến, mặc dù trong thực tế khoa học, đó là chính cơn động kinh. Những hiện tượng thoáng qua ấy là cảm thụ của cơ thể khi mất luồng điện thần kinh.

Tôi đã hỏi ý kiến tất cả chuyên gia về bệnh động kinh mà tôi có thể tìm gặp - điểm tốt nhất khi làm việc cho Dell chính là bảo hiểm y tế: Tôi đã xét nghiệm bằng máy chụp cắt lớp, chụp cộng hưởng từ, đủ hết. Trong khi đó, Lindsay, thiên thần kiên cường của tôi trong suốt thời gian này - đã lái xe đưa tôi lui tới các cuộc hẹn khám bệnh, đã nghiên cứu tất cả các thông tin có được về hội chứng này. Cô ấy đã truy tìm qua mạng Google về cả hai phương pháp điều trị dị ứng và vi lượng đồng căn liên tục đến nỗi gần như mọi quảng cáo qua hộp thư Gmail của cô chỉ toàn là dược phẩm điều trị động kinh.

Tôi thấy hy vọng tan tành. Hai định chế lớn lao nhất đời tôi đã bị phản bội và đang phản bội tôi: đất nước và Internet. Và bây giờ tới lượt cơ thể cũng thế.

Não của tôi, theo đúng nghĩa đen, đã bị đoản mạch.

$_0O_0$

18
Chán chường

LÚC ĐÓ LÀ GẦN KHUYA ngày 1 tháng 5 năm 2011 khi tôi thấy điện thoại của mình nhấp nháy báo có tin tức mới: Osama bin Laden đã bị truy lùng ra ở Abbottabad, Pakistan và bị giết bởi một đội đặc nhiệm SEAL của Hải quân Mỹ.

Vậy là xong. Kẻ chủ mưu các cuộc tấn công đã đẩy tôi vào quân đội, và từ đó vào Cộng đồng Tình báo, giờ đã chết, một bệnh nhân chạy thận bị bắn trực diện trong vòng tay của nhiều người vợ ở khu nhà xa hoa của họ trên đoạn đường phía dưới học viện quân sự chính yếu của Pakistan. Hết website này đến website khác trưng lên các bản đồ cho thấy địa điểm của cái thành phố Abbottabad khốn kiếp đó, xen kẽ với cảnh đường phố ở các thành phố trên khắp nước Mỹ, nơi mọi người vung nắm tay, đấm ngực, la hét, say sưa. Ngay cả New York cũng đang ăn mừng, điều gần như chưa từng xảy ra.

Tôi tắt điện thoại. Tôi hoàn toàn không có tâm trạng tham gia việc này. Xin đừng hiểu lầm: Tôi mừng vì tên khốn ấy đã chết. Nhưng lúc ấy tôi đang ngậm ngùi cảm thấy một chu kỳ đang khép lại.

Mười năm. Đó là khoảng thời gian kể từ khi hai chiếc máy bay đâm vào tòa tháp đôi World Trade Center, và chúng ta đã có gì để phô trương cho điều đó? Mười năm qua thực tế ta đã đạt được những gì? Ngồi trên chiếc xa-lông dài thừa hưởng từ căn hộ của má, tôi nhìn qua cửa sổ ra ngoài đường khi một người hàng xóm bóp còi inh ỏi từ chiếc xe đang đậu của ông ta. Tôi không thể giũ bỏ cái ý nghĩ rằng mình đã lãng phí mất mười năm cuộc đời.

Mười năm qua là một màn phô diễn những thảm kịch do Mỹ tạo ra: cuộc chiến bất tận ở Afghanistan, cuộc thay đổi chế độ gây thảm họa ở Iraq, những vụ giam cầm vô thời hạn tại vịnh Guantanamo, những cuộc bắt cóc dẫn độ, tra tấn, giết hại thường dân có mục tiêu - ngay cả dân thường Mỹ - bằng những đợt không kích từ máy bay điều khiển từ xa. Ở trong nước, mọi sự đều bị biến thành vấn đề An ninh Nội địa, mọi giờ giấc ban ngày đều được xếp hạng nguy cơ (Đỏ: Nghiêm trọng, Cam: Cao, Vàng: Gia tăng), và kể từ khi có Đạo luật Yêu nước, các quyền tự do dân sự dần dần bị xói mòn, chính những quyền tự do được cho là chúng ta đang chiến đấu để bảo vệ. Thiệt hại chồng chất - những vụ lạm quyền phi pháp kết hợp lại - đã lên tới mức choáng váng ngoài dự tính và tưởng chừng hoàn toàn

không thể đảo ngược, nhưng chúng ta vẫn cứ bấm còi và nhá đèn xe tưng bừng hớn hở.

Cuộc tấn công khủng bố lớn nhất vào đất Mỹ đã xảy ra đồng thời với sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số, một sự phát triển khiến cho phần lớn thế giới này cũng biến thành đất đai của Mỹ - dù ta có muốn hay không. Khủng bố tất nhiên là lý do được nêu ra để giải thích cho hầu hết các chương trình giám sát mà Mỹ thực hiện, vào thời điểm của nỗi hoảng sợ tột cùng và chủ nghĩa cơ hội. Nhưng hóa ra nỗi sợ đó mới là sự khủng bố đích thực, được gây ra bởi một hệ thống chính trị ngày càng sẵn sàng sử dụng đúng là đủ mọi cách biện minh để cho phép dùng vũ lực. Các chính khách Mỹ không sợ hãi khủng bố cho bằng sợ mình tỏ ra yếu đuối, hoặc không trung thành với đảng phái của họ, hoặc không trung thành với các nhà tài trợ chiến dịch tranh cử của họ - những người vô cùng thèm khát các hợp đồng thầu của chính phủ và các sản phẩm dầu mỏ từ Trung Đông. Chính trị khủng bố trở nên mạnh mẽ hơn sự khủng bố thật sự, và kết quả là các biện pháp "chống khủng bố": những hành động hoảng loạn của một quốc gia có khả năng vô song, không bị ràng buộc bởi chính sách, và rõ ràng là bất cần giữ vững tinh thần thượng tôn luật pháp. Sau ngày 11/9, các mệnh lệnh của Cộng đồng IC là "không bao giờ để tái diễn", một nhiệm vụ có thể không bao giờ hoàn thành. Mười năm sau, mọi sự đã trở nên rõ ràng, ít ra là đối với tôi, việc tầng lớp chính khách không ngừng viện dẫn tới "khủng bố" không phải là một phản ứng trước bất kỳ mối đe dọa hay lo ngại cụ thể nào mà là một nỗ lực bất chấp đạo lý để biến khủng bố thành một nguy cơ thường trực cần phải có chính sách cảnh giác thường trực được áp đặt bởi giới có thẩm quyền không thể nghi ngờ.

Sau mười năm giám sát hàng loạt, công nghệ đã chứng tỏ nó là một loại vũ khí hùng mạnh, chống lại khủng bố thì ít mà chống lại quyền tự do thì nhiều. Bằng cách tiếp tục các chương trình này, bằng cách tiếp tục những lời dối trá này, nước Mỹ đã bảo vệ rất ít, không đạt được gì, và mất mát quá nhiều - cho đến khi hai thái cực sau ngày 11/9 về "Ta" và "Chúng" chẳng còn khác biệt mấy.

$_0O_0$

Nửa còn lại của năm 2011 trôi qua với hàng loạt cơn động kinh, và vô số các phòng mạch bác sĩ cùng bệnh viện. Tôi đã được chụp ảnh, xét nghiệm

và kê toa nhiều loại thuốc giúp ổn định cơ thể nhưng lại làm mụ mị tâm trí, khiến tôi chán nản, thờ ơ, và không thể tập trung.

Tôi không biết mình sẽ sống như thế nào với tình trạng này mà không mất việc làm. Là chuyên viên kỹ thuật hàng đầu của Dell chuyên trách khách hàng CIA có nghĩa là tôi được làm việc hết sức linh hoạt: chiếc điện thoại chính là văn phòng của tôi, và tôi có thể làm việc tại nhà. Nhưng việc họp hành mới là vấn đề. Các cuộc họp luôn diễn ra ở Virginia còn tôi lại ở Maryland, một tiểu bang có luật cấm người mắc bệnh động kinh lái xe. Nếu tôi bị phát hiện đang cầm vô-lăng, tôi có thể bị tịch thu bằng lái, và việc tôi phải tham dự các cuộc họp lại là yêu cầu duy nhất không thể thương lượng của chức vụ này.

Cuối cùng tôi phải chấp nhận sự thật không thể tránh né đó, tôi xin phép nghỉ việc mất sức ngắn hạn ở Dell, và nằm chết dí trên chiếc xa-lông cũ của má tôi. Chiếc ghế dài màu xanh u sầu như tâm trạng tôi, nhưng nằm thoải mái. Suốt nhiều tuần ròng rã, đó là trung tâm sinh hoạt - nơi tôi ngủ, ăn, đọc rồi lại ngủ tiếp, nơi tôi thường nằm dài chán chường trong lúc thời gian chế giễu tôi.

Tôi không nhớ đã cố đọc những cuốn sách nào, nhưng tôi nhớ chắc chắn là có cố lắm cũng chỉ đọc chừng một trang là ríu mắt và lại vùi mình trong lớp nệm. Tôi không thể tập trung vào bất cứ điều gì ngoại trừ sự đau yếu này, cái khối thịt bất hợp tác từng là tôi nằm dài trên ghế, bất động ngoại trừ một ngón tay lẻ loi trên màn hình điện thoại đang hắt ra ánh sáng duy nhất trong phòng.

Tôi đọc lướt qua tin tức, rồi chợp mắt ngủ, rồi lại đọc lướt, rồi chợp mắt - trong lúc những người biểu tình ở Tunisia, Libya, Ai Cập, Yemen, Algeria, Morocco, Iraq, Lebanon, và Syria đang bị giam cầm và tra tấn hoặc bị bắn ngay trên đường phố bởi đám mật vụ nhà nước của các chế độ côn đồ, nhiều chế độ trong số đó đã được Mỹ giúp duy trì quyền lực. Nỗi đau khổ của giai đoạn đó là vô cùng lớn, đầu đặn cuộn trào ra theo chu kỳ tin tức. Những gì tôi đã chứng kiến là sự tuyệt vọng tột độ, so với những sự việc đó, cuộc đấu tranh của riêng tôi sao mà tầm thường. Cả về tinh thần lẫn đạo lý, những dằn vặt của tôi sao mà nhỏ bé và có đặc quyền.

Khắp Trung Đông, thường dân vô tội đang sống dưới sự đe dọa bạo lực liên tục, việc làm và việc học bị ngưng trệ, không có điện, không có hệ thống thoát nước thải. Ở nhiều vùng, họ đã không có được cả những dịch vụ y tế sơ đẳng nhất. Nhưng nếu bất cứ lúc nào tôi hoài nghi không biết những lo lắng của tôi về việc giám sát và quyền riêng tư là có liên quan,

hoặc thậm chí có phù hợp không, với những nguy hiểm trực tiếp và cảnh khốn cùng như thế, thì tôi lại càng chú ý hơn nữa đến những đám đông trên đường phố và những lời tuyên bố của họ - ở Cairo và Sanaa, ở Beirut và Damascus, ở Ahvaz, Khuzestan và ở mọi thành phố khác trong sự kiện Mùa xuân Ả Rập và Phong trào Xanh của Iran. Những đám đông đang đòi chấm dứt áp bức, kiểm duyệt và cuộc sống bấp bênh. Họ đang tuyên bố rằng trong một xã hội thực sự công bằng, người dân không thể chịu trách nhiệm trước chính phủ, chính phủ phải chịu trách nhiệm trước người dân. Mặc dù mỗi đám đông ở mỗi thành phố, thậm chí mỗi ngày, dường như đều có động lực cụ thể và mục tiêu cụ thể của riêng họ, nhưng tất cả đều có một điểm chung: không chấp nhận chế độ độc tài, phải thiết lập lại nguyên tắc nhân đạo rằng các quyền tự nhiên là vốn có và không thể tước đoạt.

Trong một nhà nước độc tài, quyền tự nhiên xuất phát từ nhà nước và được ban cho người dân. Trong một nhà nước tự do, quyền tự nhiên xuất phát từ người dân và được ban cho nhà nước. Ở trường hợp đầu, mọi người là những thần dân, chỉ được phép sở hữu tài sản, được mưu cầu việc học, việc làm, được cầu nguyện và phát biểu vì chính phủ của họ cho phép. Ở trường hợp sau, mọi người là công dân, những người đồng ý chịu sự quản trị bằng một thỏa ước mà thỏa ước này phải được gia hạn định kỳ và có thể hủy bỏ như hiến pháp quy định. Chính sự xung đột này, giữa chế độ độc tài và dân chủ tự do, là điều tôi cho là xung đột ý thức hệ chủ yếu vào thời của tôi - không phải là một khái niệm có định kiến, vẽ vời ra sự chia rẽ Đông-Tây, hoặc là một cuộc thập tự chinh được phục hồi để chống lại Thiên Chúa giáo hay Hồi giáo.

Các quốc gia độc tài thường không phải là chính phủ của pháp luật, mà là chính phủ của các nhà lãnh đạo, những người đòi hỏi lòng trung thành của các thần dân và thù nghịch với việc bất đồng quan điểm. Ngược lại, các quốc gia dân chủ tự do không hề hoặc ít đưa ra những đòi hỏi như vậy, mà hầu như chỉ phụ thuộc vào việc mỗi công dân tự nguyện nhận trách nhiệm bảo vệ các quyền tự do của mọi người khác xung quanh họ, bất kể chủng tộc, sắc tộc, tín ngưỡng, năng lực, hay giới tính. Bất kỳ sự bảo đảm chung nào, được khẳng định không phải bằng máu mà bằng sự tán thành, cuối cùng sẽ ủng hộ chủ nghĩa bình đẳng - và mặc dù nền dân chủ thường không đạt được lý tưởng của nó, tôi vẫn tin rằng đó là một hình thức quản trị duy nhất có thể cho phép mọi người có xuất thân khác nhau được bình đẳng trọn vẹn nhất trước pháp luật.

Sự bình đẳng này không chỉ bao gồm các quyền tự nhiên mà còn cả các quyền tự do. Trên thực tế, nhiều quyền tự nhiên được các công dân các

nền dân chủ trân trọng nhất thậm chí không được quy định trong luật trừ khi có hàm ý. Chúng tồn tại trong một không gian trống không khép kín, được tạo ra bằng cách hạn chế quyền lực của chính phủ. Ví dụ, người Mỹ chỉ có "quyền" tự do ngôn luận vì chính phủ bị cấm đưa ra bất kỳ luật nào hạn chế quyền tự do đó, và có "quyền" tự do báo chí vì chính phủ bị cấm đưa ra bất kỳ luật nào để tước đoạt điều đó. Người Mỹ chỉ có "quyền" tự do tín ngưỡng vì chính phủ bị cấm đưa ra bất kỳ luật nào liên quan đến việc thiết lập tôn giáo, và có "quyền" tụ tập và phản kháng ôn hòa vì chính phủ bị cấm đưa ra bất kỳ luật nào nói rằng dân chúng không được làm thế.

Trong cuộc sống đương đại, chúng ta có một khái niệm duy nhất bao gồm hết thảy cái không gian "âm" hay tiềm ẩn nằm ngoài giới hạn của chính phủ. Khái niệm đó là "quyền riêng tư". Đây là một vùng trống nằm ngoài tầm với của nhà nước, một khoảng không mà luật pháp chỉ được phép đi vào khi có lệnh tòa án - và không phải là một lệnh "dành cho tất cả mọi người", như cái lệnh mà chính phủ Hoa Kỳ đã ngang ngược tự cấp cho mình để theo đuổi việc giám sát hàng loạt, mà là một mệnh lệnh dành cho một người hoặc mục đích cụ thể được căn cứ trên một lý do thích đáng cụ thể.

Bản thân cụm từ "quyền riêng tư" lại có phần trống rỗng, bởi vì về cơ bản đó là điều không thể định nghĩa hoặc có quá nhiều định nghĩa. Mỗi người chúng ta có một khái niệm riêng về điều đó. "Quyền riêng tư" luôn có một ý nghĩa nhất định đối với mọi người. Không có ai mà lại thấy điều đó vô nghĩa.

Chính vì sự thiếu định nghĩa chung này mà các công dân của các nền dân chủ đa nguyên, có công nghệ tinh vi cảm thấy rằng họ phải khẳng định mong muốn giữ bí mật riêng tư của mình và coi đó là một quyền tự nhiên. Nhưng công dân của các nền dân chủ không phải biện minh cho mong muốn đó - trái lại chính nhà nước phải biện minh hành vi vi phạm của mình. Từ chối đòi hỏi quyền riêng tư chính là đã chuyển nhượng cái quyền đó - hoặc là nhượng cho một nhà nước xâm phạm các giới hạn đã được hiến định của quyền riêng tư, hoặc là nhượng cho một thực thể "riêng tư" khác: công ty tư nhân.

Hoàn toàn không thể nào bỏ qua quyền riêng tư. Bởi vì các quyền tự do của công dân là phụ thuộc lẫn nhau, từ bỏ quyền riêng tư của ta chính là từ bỏ quyền riêng tư của tất cả mọi người. Bạn có thể quyết định từ bỏ nó vì có nhu cầu, hay vì cái cớ phổ biến là những ai có điều gì đó che giấu thì mới cần bí mật riêng tư. Nhưng nói rằng bạn không cần hay không muốn có quyền riêng tư vì bạn không có gì để che giấu tức là đã cho rằng không

một ai nên, hoặc có thể, che giấu bất cứ điều gì - kể cả tình trạng nhập cư, quá khứ thất nghiệp, lai lịch tài chính và hồ sơ y tế của họ. Bạn đang cho rằng không một người nào, kể cả chính bạn, có thể phản đối việc tiết lộ với bất kỳ ai những thông tin về tín ngưỡng tôn giáo, quan hệ chính trị, và hoạt động tình dục, một cách thản nhiên như ai đó quyết định tiết lộ gu xem phim, nghe nhạc và sở thích đọc sách của họ.

Cuối cùng, nói rằng bạn không quan tâm đến quyền riêng tư vì bạn không có gì để che giấu cũng không khác gì nói rằng bạn không quan tâm đến quyền tự do ngôn luận vì bạn không có gì để nói. Hoặc là bạn không quan tâm đến tự do báo chí vì bạn không thích đọc báo. Hoặc là bạn không quan tâm đến tự do tôn giáo vì bạn không tin vào Thượng Đế. Hoặc là bạn không quan tâm đến việc tự do tụ họp ôn hòa bởi vì bạn là một người mắc chứng sợ khoảng trống, lười biếng, ghét giao du. Chỉ vì quyền tự do này hay quyền tự do khác có thể không có ý nghĩa với bạn hôm nay không có nghĩa là nó không hoặc sẽ không có ý nghĩa vào ngày mai, đối với bạn, hay láng giềng của bạn - hay với đám đông những người bất đồng có nguyên tắc mà tôi đang theo dõi tin tức trên điện thoại, những người đang biểu tình ở nửa trái đất bên kia, hy vọng sẽ giành được một phần nhỏ các quyền tự do mà nước Mỹ của tôi đang bận rộn phá bỏ.

Tôi muốn giúp sức, nhưng tôi không biết cách nào. Tôi đã quá chán cảm giác bất lực này, cảm giác chỉ là một thằng vô tích sự nằm dài trên một chiếc ghế xa-lông ọp ẹp ăn bánh ngô chiên Cool Ranch Doritos và uống cô-ca không đường Diet Coke trong khi thế giới này bùng cháy.

Giới trẻ ở Trung Đông đang đòi quyền được có mức lương cao hơn, giá cả thấp hơn và tiền hưu tuất tốt hơn, nhưng tôi không thể cho họ bất cứ điều gì trong số đó, và không ai có thể cho họ một cơ hội tự quản trị tốt hơn cái cơ hội mà họ đang cố tự giành lấy cho mình. Nhưng họ cũng đang đòi quyền có một Internet tự do hơn. Họ đang công khai chỉ trích Ayatollah Khamenei của Iran, người ngày càng tăng cường kiểm duyệt và ngăn chặn những nội dung Web có thể gây hại cho chính quyền, theo dõi và can thiệp trái phép dòng lưu thông truy cập vào các nền tảng và dịch vụ gây khó chịu, và cấm hoạt động hẳn một số nhà cung cấp dịch vụ Internet nước ngoài. Họ đang phản đối tổng thống Ai Cập Hosni Mubarak, người đã ngắt mạng Internet trên cả nước - điều chỉ càng khiến toàn bộ giới trẻ Ai Cập càng thêm tức giận và buồn chán, lôi cuốn họ ra đường.

Kể từ khi tôi được biết đến dự án The Tor Project ở Geneva, tôi đã dùng trình duyệt của dự án này và vận hành một máy chủ Tor của riêng tôi, vì muốn làm công việc chuyên môn của mình tại nhà và tìm kiếm riêng tư

trên Web mà không bị giám sát. Bây giờ, tôi rũ bỏ sự tuyệt vọng của bản thân, buộc mình rời khỏi chiếc ghế xa-lông, và lảo đảo đến phòng làm việc tại nhà của tôi để thiết lập một máy chủ Tor làm cầu nối chuyển tiếp giúp vượt qua các lớp phong tỏa Internet của Iran. Sau đó tôi gửi định danh cấu hình đã mã hóa của máy chủ này cho các nhà lập trình nòng cốt của Tor.

Ít nhất tôi cũng có thể làm được một việc ấy. Nếu như có một cơ hội nhỏ nhất mà ngay cả một chú bé ở Iran lâu nay không lên mạng được nhưng bây giờ lại có thể bỏ qua các bộ lọc và biện pháp khống chế để kết nối với tôi - kết nối thông qua tôi - với sự bảo vệ của hệ thống Tor và sự ẩn danh của máy chủ của tôi, thì điều đó chắc chắn là đáng để cho tôi bỏ ra chút công sức này.

Tôi tưởng tượng những người như thế đang đọc email của họ, hoặc kiểm tra các tài khoản cá nhân trên mạng xã hội để biết chắc rằng bạn bè và người nhà đã không bị bắt. Tôi không có cách nào biết liệu có phải đây là những gì họ đã làm, hay biết có bất kỳ ai đã liên kết với máy chủ của tôi từ Iran hay không. Và đó chính là mấu chốt: sự trợ giúp của tôi là bí mật riêng tư.

Người đã khởi đầu Mùa xuân Ả Rập gần như bằng tuổi tôi. Anh ta là người bán rong nông sản ở Tunisia, bán rau quả trên một chiếc xe đẩy. Để phản đối sự quấy nhiễu và tống tiền không ngớt của chính quyền, anh ta đứng giữa quảng trường và châm lửa tự thiêu, chết như một người tử vì đạo. Nếu tự thiêu là hành động tự do cuối cùng mà anh ta có thể làm được để thách thức một chế độ bất hợp pháp, thì chắc chắn là tôi có thể rời khỏi chiếc ghế xa-lông và bấm một vài nút.

$_0O_0$

Phần BA

19
Đường hầm

HÃY TƯỞNG TƯỢNG bạn đang bước vào một đường hầm. Hãy tưởng tượng viễn cảnh này: khi bạn nhìn theo quãng đường trải dài phía trước, nhận ra các bức tường dường như thu hẹp dần vào chấm sáng nhỏ ở đầu bên kia. Ánh sáng ở cuối đường hầm là biểu tượng của hy vọng, và nó cũng là điều nhiều người thường nói họ đã nhìn thấy khi từng cận kề cái chết. Họ phải đi đến đó, họ nói. Họ bị thu hút về phía ấy. Nhưng mà đã đi vào một đường hầm thì còn có cách nào khác hơn là phải đi xuyên qua nó? Chẳng phải tất cả mọi sự đều dẫn đến cái điểm ấy sao?

Đường hầm của tôi là "The Tunnel": một nhà máy phi cơ khổng lồ thời Trân Châu Cảng đã được chuyển thành một cơ sở của NSA nằm dưới một cánh đồng dứa ở Kunia, trên đảo Oahu, Hawaii. Cơ sở này được xây bằng bê tông cốt thép, đường hầm trở thành cái tên "The Tunnel" là một đường ống dài một kilômét trong một sườn đồi chia thành ba tầng có nhiều ngăn của các hầm máy chủ và phòng làm việc. Vào thời điểm xây dựng "The Tunnel", ngọn đồi này được phủ không biết bao nhiêu là cát, đất, lá dứa sấy khô và những mảng cỏ phơi trong nắng để ngụy trang cho máy bay oanh tạc của Nhật Bản không phát hiện được. Sáu mươi năm sau, nó trông giống như một nấm mồ vĩ đại của một nền văn minh đã mất, hoặc một đống đất khô cằn đồ sộ mà một vị thần quái lạ nào đã vun đắp lên giữa một ô cát đồ chơi của một nhi thần khổng lồ. Tên chính thức của nó là Trung tâm điều hành Bảo mật Khu vực Kunia.

Tôi đã đi làm ở đó, vẫn theo một hợp đồng của Dell, nhưng bây giờ lại làm việc cho NSA một lần nữa, vào đầu năm 2012. Một ngày vào mùa hè ấy - đúng ngày sinh nhật của tôi - khi tôi đi qua chốt kiểm tra an ninh rồi xuống đường hầm, tôi chợt nhận ra: đây, ngay trước mặt, chính là tương lai của tôi.

Tôi không có ý nói rằng tôi đã có bất kỳ quyết định nào ngay lúc đó. Những quyết định quan trọng nhất trong đời không bao giờ xảy ra như thế. Chúng hình thành trong tiềm thức và chỉ khi nào đã chín muồi một cách có ý thức - khi bạn cuối cùng đã đủ mạnh mẽ để thừa nhận với bản thân rằng đây là điều mà lương tâm đã chọn cho mình, đây là đường hướng mà niềm tin của bạn đã ra lệnh phải theo. Đó là món quà sinh nhật lần thứ hai mươi chín tôi tặng cho chính tôi: cái nhận thức rằng mình đã bước vào một

đường hầm mà nó sẽ hướng đời tôi đến một hành động duy nhất nhưng vẫn chưa định hình vào lúc đó.

Giống như Hawaii luôn là một trạm trung chuyển quan trọng - trong lịch sử, quân đội Hoa Kỳ luôn xem chuỗi đảo này không chỉ là kho tiếp nhiên liệu giữa Thái Bình Dương cho tàu thuyền và máy bay - mà còn trở thành điểm chuyển mạch quan trọng đối với thông tin liên lạc của Mỹ. Những thông tin liên lạc này bao gồm cả thông tin tình báo lưu thông giữa bốn mươi tám tiểu bang liền kề trong lục địa với nơi làm việc trước đây của tôi, Nhật Bản, và cũng như các địa điểm khác ở châu Á.

Công việc tôi đảm nhận là một bước tiến đáng kể trên nấc thang sự nghiệp, với những nhiệm vụ mà ở thời điểm đó tôi có thể thực hiện ngay trong giấc ngủ. Công việc này được cho là ít căng thẳng hơn, ít áp lực hơn. Tôi là nhân viên duy nhất của bộ phận được mang cái tên phù hợp là Phòng Chia sẻ Thông tin, nơi tôi làm quản trị viên hệ thống SharePoint. SharePoint là một sản phẩm của Microsoft, một chương trình ngớ ngẩn chậm như rùa, hay đúng hơn là một bộ chương trình thập cẩm, chuyên quản lý tài liệu nội bộ: ai có thể đọc cái gì, ai có thể chỉnh sửa cái gì, ai có thể gửi và nhận cái gì, v.v... Giao tôi làm quản trị viên hệ thống SharePoint của Hawaii tức là NSA đã biến tôi thành người quản lý tài liệu. Trên thực tế, tôi là người có quyền đọc mọi tài liệu tại một trong những cơ sở quan trọng nhất của cơ quan này. Theo thông lệ điển hình của tôi ở bất kỳ vị trí kỹ thuật mới nào, tôi đã dành những ngày đầu tiên để tự động hóa các nhiệm vụ của mình - có nghĩa là viết tập lệnh có kịch bản để làm thay việc cho tôi - để có nhiều thời gian dành cho chuyện gì khác thú vị hơn.

Trước khi kể thêm, tôi muốn nhấn mạnh điều này: việc tôi chủ động tìm kiếm các hành vi lạm quyền của NSA không phải bắt đầu bằng việc sao chép tài liệu, mà bằng việc đọc. Ý định ban đầu của tôi chỉ là để khẳng định những nghi ngờ đầu tiên của mình từ năm 2009 tại Tokyo. Ba năm sau, tôi quyết tâm tìm hiểu xem có tồn tại một hệ thống giám sát hàng loạt của Mỹ hay không và nếu có thì nó hoạt động như thế nào. Dù tôi không rõ phải xúc tiến cuộc điều tra này ra sao, nhưng ít nhất tôi biết chắc một điều: tôi phải hiểu chính xác cách hệ thống này hoạt động trước khi tôi có thể quyết định phải làm gì với nó, nếu có.

$_0O_0$

Tất nhiên điều này đâu phải là lý do Lindsay và tôi đến Hawaii. Chúng tôi không lặn lội đến chốn thiên đường này chỉ để cho tôi có thể vứt bỏ cuộc sống của hai đứa vì một nguyên tắc.

Chúng tôi đã đến để làm lại từ đầu. Làm lại từ đầu một lần nữa.

Các bác sĩ bảo tôi rằng khí hậu và lối sống thoải mái hơn ở Hawaii có thể có ích cho bệnh động kinh của tôi, vì thiếu ngủ được cho là nguyên nhân hàng đầu của các cơn động kinh. Ngoài ra, việc chuyển sang Hawaii sẽ loại trừ được vấn đề lái xe: "The Tunnel" nằm trong phạm vi đi xe đạp được từ nhiều Cộng đồng ở Kunia, trung tâm yên tĩnh của vùng đất đỏ, khô ráo nằm trong hòn đảo này. Quãng đường hai mươi phút đạp xe đi làm là một chuyến đi dễ chịu, băng qua những cánh đồng mía dưới ánh nắng rực rỡ. Với những ngọn núi vươn cao bình thản trên nền trời xanh trong vắt xa xa, tâm trạng u ám của mấy tháng vừa qua đã tan biến như sương mù buổi sáng.

Lindsay và tôi đã tìm thuê được một ngôi nhà gỗ kiểu bungalow khá rộng rãi trên đường Eleu ở khu Royal Kunia của Waipahu, nơi chúng tôi trang bị bằng đồ đạc chuyển từ Columbia, Maryland sang, vì hãng Dell chịu chi phí dọn nhà. Nhưng đồ đạc trong nhà ít được dùng tới vì ánh nắng và sức nóng thường khiến chúng tôi bước vào cửa là cởi quần áo và nằm trần truồng trên tấm thảm bên dưới chiếc máy lạnh chạy hết công suất. Cuối cùng, Lindsay biến ga-ra thành một phòng tập thể dục, trải kín những tấm thảm tập yoga và gắn cây cột xoay mà cô ấy đã mang từ Columbia sang. Tôi thiết lập một máy chủ Tor mới. Chẳng mấy chốc, luồng truy cập từ khắp nơi trên thế giới đã kết nối Internet thông qua chiếc máy tính xách tay đặt trong phòng giải trí ở nhà tôi, tiếng ồn ở phòng này có lợi ích phụ trợ là che giấu hoạt động Internet của chính tôi.

Một đêm trong suốt mùa hè tôi tròn hai mươi chín tuổi, Lindsay rốt cuộc đã thuyết phục được tôi cùng đi với cô ấy tham dự một lễ *luau* của dân địa phương. Cô ấy đã thúc giục tôi chuyện này một thời gian rồi, bởi vì một vài người bạn trong hội thể dục múa cột của cô ấy có khả năng múa điệu *hula* dân gian, nhưng tôi vẫn không chịu. Lúc đó tôi thấy làm thế chẳng khác gì một kiểu du lịch thô bỉ, và trong phương diện nào đó, là thiếu tôn trọng. Hawaii có nền văn hóa lâu đời, và mặc dù truyền thống ấy vẫn mạnh mẽ; tôi không hề muốn quấy rối một nghi lễ thiêng liêng của ai đó.

Nhưng cuối cùng tôi đã chịu thua Lindsay. Tôi rất vui vì điều đó. Điều khiến tôi ấn tượng nhất không phải là bản thân nghi lễ *luau* - mặc dù nó rất giống một cảnh tượng múa lửa quay cuồng - mà là ông già đang tổ chức

buổi chầu lễ gần đó trong một sân khấu lộ thiên nhỏ bên bờ biển. Ông ta là người Hawaii bản địa, một người uyên bác nói giọng mũi nhẹ nhàng của người vùng đảo, ông đang kể cho một nhóm người tụ tập quanh đống lửa những truyền thuyết về sự ra đời của các dân tộc bản địa vùng đảo này.

Một câu chuyện tôi nhớ mãi nói về mười hai hòn đảo linh thiêng của các vị thần. Ngày xưa ở Thái Bình Dương hình như đã có mười hai hòn đảo hết sức xinh đẹp và được ban cho nguồn nước ngọt tinh khiết đến nỗi phải giấu kín không cho con người biết, nếu không con người sẽ phá hỏng chúng đi. Trong số đó có ba hòn đảo đặc biệt tôn kính là: Kane-huna-moku, Kahiki và Pali-uli. Các vị thần may mắn ngự ở các đảo này đã quyết định giấu chúng đi, bởi vì họ tin rằng con người chỉ cần nhìn thấy vật báu này là đủ phát điên. Sau khi cân nhắc rất nhiều kế hoạch tài tình để che giấu các hòn đảo này, bao gồm nhuộm chúng thành màu của biển, hoặc cho chúng chìm xuống đáy đại dương, cuối cùng các thần quyết định làm cho chúng bềnh bồng trên không.

Khi các hòn đảo đã ở trên trời, chúng bị thổi từ nơi này sang nơi khác, liên tục chuyển động. Nhất là vào lúc bình minh và hoàng hôn, bạn có thể tưởng chừng như nhận ra một hòn đảo lơ lửng ở xa tít phía chân trời. Nhưng ngay khi bạn chỉ cho bất kỳ ai thấy, nó sẽ đột ngột biến mất hoặc hóa thành một hình thù hoàn toàn khác, chẳng hạn như một chiếc bè bằng đá, một khối nham thạch phun trào từ một hỏa diệm sơn - hay một đám mây.

Tôi đã nghĩ về huyền thoại đó rất nhiều trong lúc tiến hành tìm kiếm. Những chứng cứ tiết lộ mà tôi đang theo đuổi cũng giống hệt như những hòn đảo kia: Những vật cất giữ kỳ lạ mà một nhóm người cai trị tự phong, tự cho là quan trọng, tin rằng phải được giấu kín không cho loài người biết. Tôi muốn biết chính xác NSA có những khả năng giám sát nào; chúng có mở rộng ra ngoài các hoạt động giám sát thực tế của cơ quan này hay không và mở rộng tới đâu; ai phê duyệt chúng; ai biết về chúng; và, cuối cùng nhưng chắc chắn không kém quan trọng, các hệ thống này - cả kỹ thuật và thể chế - thật sự hoạt động ra sao.

Ngay lúc tôi nghĩ rằng mình đã phát hiện ra một trong những "hòn đảo" đó - một mã danh viết hoa nào đó mà tôi không hiểu, một chương trình nào đó được nhắc đến trong một ghi chú nằm ở cuối một báo cáo - tôi thường truy lùng thêm các đề cập liên quan về nó trong các tài liệu khác, nhưng không tìm thấy gì. Cứ như thế chương trình tôi đang tìm kiếm đã bềnh bồng tránh xa tôi và biến mất. Rồi vài ngày sau, hoặc vài tuần sau, nó có

thể lại xuất hiện dưới một mã chỉ định khác, trong một tài liệu từ một bộ phận khác.

Có lúc tôi tìm được một chương trình mang một cái tên dễ nhận biết, nhưng không thấy lời giải thích về những chức năng của nó. Lúc khác, tôi chỉ tìm thấy một lời giải thích mà không nêu ra một cái tên nào, không hề có dấu hiệu gì cho biết cái khả năng mà nó mô tả là một chương trình đang hoạt động hay một khát vọng muốn đạt được. Tôi đã gặp phải không biết bao nhiêu là ngăn tài liệu nằm trong ngăn tài liệu, cảnh báo nằm trong cảnh báo, tham chiếu nằm trong tham chiếu, chương trình nằm trong chương trình. Đây là bản chất của NSA - với mục đích là không cho tay trái biết tay phải đang làm gì.

Ở một phương diện nào đó, việc tôi đang làm khiến tôi nhớ đến một bộ phim tài liệu đã từng xem về cách vẽ bản đồ - nhất là cách vẽ các bản hải đồ thời xưa, trước khi có kỹ thuật ảnh số và định vị toàn cầu. Các thuyền trưởng sẽ luôn ghi nhật ký hải trình và ghi chú các toạ độ mà tàu của họ đi qua, đó là những thông tin để cho những người vẽ bản đồ - những người ngồi trong đất liền - sau đó sẽ cố gắng diễn giải. Thông qua việc tích lũy dần dần nguồn dữ liệu này, suốt hàng trăm năm, con người dần biết rõ toàn bộ phạm vi của Thái Bình Dương và xác định được tất cả những hòn đảo của nó.

Nhưng tôi không có hàng trăm năm hoặc hàng trăm con tàu. Tôi chỉ có một mình, một kẻ khom lưng trước một mặt đại dương xanh trống trải, cố gắng tìm hiểu xem cái đốm đất khô ráo duy nhất này, cái điểm dữ liệu duy nhất này, thuộc về đâu trong mối liên quan với mọi thông tin khác.

$_0O_0$

20
Nhịp tim

TỪ NĂM 2009 TẠI NHẬT BẢN, khi tôi tham gia cái hội nghị định mệnh về chuyên đề Trung Quốc ấy với tư cách là báo cáo viên thay thế, tôi nghĩ là tôi đã có thêm một số bạn, đặc biệt là tại Học viện Liên kết Đào tạo Phản gián *(Joint Counterintelligence Training Academy* - JCITA) và cơ quan mẹ của nó, Cơ quan Tình báo Quốc phòng *(Defense Intelligence Agency* - DIA). Trong ba năm kể từ đó, JCITA đã mời tôi khoảng sáu, bảy lần tham gia các buổi hội thảo và giảng bài tại các cơ sở của DIA. Thời ấy tôi chủ yếu dạy về các phương pháp giúp cộng đồng Tình báo Mỹ có thể tự bảo vệ trước các tin tặc Trung Quốc và khai thác thông tin thu thập được từ việc phân tích những vụ hack của Trung Quốc để hack trả đũa.

Tôi luôn thích việc giảng dạy - chắc chắn là thích hơn chuyện mình phải làm học sinh rồi - và trong những ngày đầu tan vỡ ảo tưởng, lúc gần cuối giai đoạn ở Nhật Bản và suốt thời gian làm ở Dell, tôi đã có ý nghĩ rằng nếu như mình phải ở trong ngành tình báo cho đến lúc về hưu, thì các công việc phương hại đến các nguyên tắc của tôi ít nhất, và thách thức trí tuệ của tôi nhiều nhất, gần như chắc chắn sẽ là các vị trí học thuật. Giảng dạy cho JCITA là một cách để giữ cho cánh cửa đó rộng mở. Đó cũng là một cách cập nhật kiến thức - đã đi dạy thì không thể để cho học viên qua mặt giảng viên, đặc biệt là về công nghệ.

Suy nghĩ ấy đã khiến tôi có thói quen thường xuyên đọc kỹ những gì mà NSA gọi là các *"readboard"* (bản tin tổng hợp). Đây là những bảng thông báo kỹ thuật số có chức năng giống như các blog tin tức, nhưng "tin tức" ở đây là kết quả của các hoạt động tình báo mật. Mỗi cơ sở quan trọng của NSA đều duy trì một bản tin riêng, và các nhân viên khu vực sẽ cập nhật hằng ngày với những tài liệu gì họ coi là quan trọng và thú vị nhất trong ngày - mọi tài liệu mà nhân viên phải đọc để theo kịp tình hình.

Do thói quen đã có từ thời soạn bài giảng cho JCITA, và thật lòng mà nói, do tôi thấy buồn chán ở Hawaii, tôi đâm ra hay vào đọc các bản tin chuyên môn này hằng ngày: *readboard* của cơ sở ở Hawaii nơi tôi làm việc, *readboard* của chỗ làm trước đây của tôi ở Tokyo, và nhiều *readboard* khác nhau ở Fort Meade. Công việc mới ít áp lực đã cho tôi thời gian tha hồ đọc. Trong giai đoạn làm việc trước đây, phạm vi tò mò của tôi có thể đã khiến một số người thắc mắc, nhưng bây giờ tôi là nhân viên duy nhất của Phòng Chia sẻ Thông tin - tôi chính là Phòng Chia sẻ Thông tin - cho nên

công việc của tôi là phải biết hiện đang có những gì có thể chia sẻ được. Trong khi đó, hầu hết các đồng nghiệp của tôi ở Đường hầm toàn dành thời gian rảnh để xem chương trình thời sự Fox News phát trực tuyến.

Với mong muốn sắp xếp có hệ thống tất cả các tài liệu muốn đọc từ đủ loại *readboard,* tôi đã lập ra một thư mục tạm để xếp vào đó theo thứ tự những gì hay nhất mà các *readboard* đã cung cấp. Các tập tin nhanh chóng chồng chất, cho đến khi người phụ nữ tử tế quản lý định mức dung lượng lưu trữ phàn nàn với tôi về kích thước quá lớn của thư mục đó. Tôi nhận ra là *readboard* cá nhân của mình càng lúc càng ít giống một bản tin tổng hợp thường nhật mà càng giống một kho lưu trữ tài liệu nhạy cảm vượt xa nhu cầu cập nhật tình hình hằng ngày.

Không muốn xóa các tài liệu đó mà cũng không muốn ngừng việc bổ sung thêm, làm thế là uổng phí công sức, tôi quyết định chia sẻ chúng với những người khác. Đây là cách biện minh tốt nhất cho việc mình đang làm mà tôi có thể nghĩ ra, nhất là vì nó cho phép tôi thu thập tài liệu một cách tương đối hợp lệ từ nhiều nguồn khác nhau. Thế là, với sự chấp thuận của cấp trên, tôi quyết định tạo ra một *readboard* tự động - một hệ thống bản tin không cần bất cứ ai đăng tải lên, mà là chính nó sẽ tự tổng hợp tin.

Giống như EPICSHELTER, nền tảng tổng hợp tin tự động của tôi được thiết kế để quét liên tục các tài liệu mới và không trùng lặp nhưng thực hiện toàn diện hơn, vượt ra ngoài NSAnet, hệ thống mạng của NSA, truy cập vào các mạng của CIA và FBI cũng như vào Hệ thống Liên kết Thông tin Tình báo Toàn cầu *(Joint Worldwide Intelligence Communications System* - JWICS), mạng nội bộ tối mật của Bộ Quốc phòng. Ý tưởng là tìm sẵn kết quả cho mọi nhân viên NSA bằng cách so sánh các dấu hiệu nhận dạng số của các tập tin - được gọi là mã xác nhận PKI - với hệ thống phân loại tài liệu, tạo ra một bản tin tổng hợp cá nhân được tùy chỉnh theo cấp độ chứng nhận an ninh, sở thích và liên quan chức vụ của từng người. Về cơ bản, nó sẽ là một *readboard* của các *readboard,* được thiết kế riêng cho từng nhân viên, cung cấp cho họ tất cả các thông tin mới nhất phù hợp với công việc, tất cả các tài liệu phải đọc để luôn theo kịp tình hình. Nó sẽ được chạy từ một máy chủ do một mình tôi quản lý, đặt ngay trên hành lang gần chỗ tôi ngồi. Máy chủ đó cũng sẽ lưu một bản sao của mọi tài liệu mà nó tìm được, giúp tôi dễ dàng thực hiện các thuật toán tìm kiếm sâu liên ngành mà người đứng đầu của hầu hết các cơ quan tình báo đều mong muốn có được.

Tôi gọi hệ thống này là Heartbeat (nhịp tim), vì nó bắt mạch được NSA và cả cộng đồng IC rộng lớn hơn. Khối lượng ào ạt tuôn qua các mạch

máu của Heartbeat là vô cùng lớn, vì nó đã lôi về tài liệu từ các website nội bộ dành riêng cho mọi chuyên ngành, từ báo cáo cập nhật về các dự án nghiên cứu mật mã mới nhất cho đến biên bản cuộc họp của hội đồng An ninh Quốc gia. Tôi đã cẩn thận lập cấu hình để cho Heartbeat lấy tài liệu với tốc độ chậm, liên tục, để không độc chiếm đường cáp quang dưới biển nối liền Hawaii với Fort Meade, nhưng nó vẫn lôi về được nhiều tài liệu hơn bất kỳ người nào có thể làm, đến mức Heartbeat ngay lập tức trở thành hệ thống tổng hợp tin toàn diện nhất của mạng NSAnet.

Ngay từ khi Heartbeat mới hoạt động, tôi nhận được một email suýt nữa đã ngăn chặn nó mãi mãi. Một quản trị viên ở rất xa dường như là người duy nhất trong toàn bộ Cộng đồng IC thực sự chịu đọc các nhật ký truy cập hệ thống mạng do mình đảm trách; anh ta muốn biết tại sao một hệ thống ở Hawaii lại sao chép, từng cái một, mọi mục trong cơ sở dữ liệu của anh ta. Để đề phòng, anh ta ngay lập tức chặn tôi lại không cho truy cập, và yêu cầu tôi phải giải thích. Tôi cho anh ta biết việc tôi đang làm và hướng dẫn cách sử dụng website nội bộ để anh ta tự mình đọc Heartbeat. Phản hồi của anh ta làm tôi nhớ đến một đặc điểm khác thường của giới chuyên viên công nghệ thuộc cái nhà nước tăng cường an ninh này: Một khi tôi đã cho truy cập thì sự cảnh giác của anh ta ngay lập tức biến thành sự tò mò. Anh ta có thể nghi ngờ một con người, nhưng không bao giờ nghi ngờ một cái máy. Bây giờ anh ta có thể thấy rằng Heartbeat chỉ đang làm đúng những gì nó phải làm, và đang làm điều đó một cách hoàn hảo. Anh ta mê liền. Anh ta không chặn tôi nữa và cho phép tôi truy cập vào hệ thống lưu trữ hồ sơ đó, thậm chí còn đề nghị giúp tôi bằng cách thông báo cho các đồng nghiệp của anh ta biết về Heartbeat.

Gần như tất cả các tài liệu mà sau này tôi tiết lộ cho các nhà báo đều đã đến với tôi thông qua Heartbeat. Nó cho tôi thấy không chỉ mục đích mà cả khả năng giám sát hàng loạt của Cộng đồng IC. Đây là điều tôi muốn nhấn mạnh: Vào giữa năm 2012, tôi chỉ đang cố gắng hiểu rõ việc giám sát hàng loạt này thực sự hoạt động ra sao. Hầu như mọi nhà báo sau này tường thuật về các tiết lộ của tôi lại quan tâm chủ yếu đến các mục tiêu giám sát - các nỗ lực theo dõi công dân Mỹ, chẳng hạn, hay theo dõi các lãnh đạo đồng minh của Mỹ. Như vậy, họ quan tâm đến vấn đề của các báo cáo giám sát này hơn là đến cái hệ thống đã sinh ra chúng. Tôi tôn trọng mối quan tâm đó, tất nhiên, chính tôi cũng quan tâm như họ, nhưng sự tò mò hàng đầu của tôi vẫn là bản chất kỹ thuật. Đúng là nên và cần phải đọc một tài liệu hoặc nhấp chuột qua các trang trình bày PowerPoint để biết được một chương trình nào đó sẽ thực hiện *mục đích* gì, nhưng bạn càng hiểu rõ

hơn về cơ chế hoạt động của một chương trình thì bạn càng hiểu rõ khả năng lạm dụng của nó.

Vì thế tôi không quan tâm nhiều đến các tài liệu tóm tắt, ví dụ như, tập tin có lẽ đã trở thành tài liệu nổi tiếng nhất mà tôi tiết lộ, một bản trình chiếu từ một bài thuyết trình PowerPoint 2011 phác họa sức mạnh giám sát mới của NSA qua sáu tiến trình: "Thăm dò tất cả, Hiểu biết tất cả, Tập hợp tất cả, Xử lý tất cả, Khai thác tất cả, Hợp tác tất cả." Đây là chỉ là ngôn ngữ quảng cáo rao hàng, nhằm để gây ấn tượng với các đồng minh của Mỹ: Úc, Canada, New Zealand và Anh quốc, những quốc gia chính mà Hoa Kỳ chia sẻ thông tin tình báo. (Cùng với Hoa Kỳ, các quốc gia này được gọi là liên minh Five Eyes - Năm con mắt). "Thăm dò tất cả" có nghĩa là tìm ra nguồn dữ liệu; "Hiểu biết tất cả" là tìm hiểu xem dữ liệu đó là gì; "Tập hợp tất cả" là thu thập dữ liệu đó; "Xử lý tất cả" là phân tích dữ liệu đó để tìm thông tin tình báo hữu dụng; "Khai thác tất cả" là dùng thông tin tình báo đó để xúc tiến các mục đích của NSA, và "Hợp tác tất cả" là chia sẻ nguồn dữ liệu mới với các đồng minh. Mặc dù kiểu đặt tên phân loại sáu mũi nhọn này dễ nhớ, dễ rao bán và là thước đo chính xác về quy mô tham vọng của NSA và mức độ cấu kết của cơ quan này với các chính phủ nước ngoài, nhưng cái ngôn ngữ ấy không cho tôi biết đích xác về cách thức thực hiện tham vọng đó về mặt kỹ thuật.

Tiết lộ nhiều hơn nữa là một mệnh lệnh của Tòa án FISA mà tôi tìm được, một yêu cầu hợp pháp buộc một công ty tư nhân phải nộp thông tin cá nhân các khách hàng cho chính phủ liên bang. Trên khái niệm, các lệnh như thế này được ban hành dựa trên thẩm quyền của pháp luật công cộng; tuy nhiên, nội dung của chúng, thậm chí sự tồn tại của chúng, lại được xếp loại Tối Mật. Theo Khoản 215 của Đạo luật Yêu nước, hay còn gọi là điều khoản về "các hồ sơ kinh doanh", chính phủ có quyền xin lệnh từ Tòa án FISA buộc các bên thứ ba phải trình ra "bất kỳ điều gì hữu hình" mà "có liên quan" đến tình báo nước ngoài hoặc điều tra khủng bố. Nhưng như mệnh lệnh của tòa án FISA mà tôi tìm được đã cho thấy rõ, NSA đã bí mật diễn dịch cái thẩm quyền này như một giấy phép để thu thập tất cả "các hồ sơ kinh doanh", hay siêu dữ liệu, của các thông tin liên lạc điện thoại thông qua các công ty viễn thông Mỹ, như Verizon và AT&T, trên "cơ sở diễn ra hằng ngày". Tất nhiên, việc thu thập này bao gồm cả các lưu trữ thông tin liên lạc qua điện thoại giữa các công dân Mỹ, một hành động thực tế là vi hiến.

Ngoài ra, Khoản 702 của Đạo luật Sửa đổi FISA cho phép cộng đồng IC nhắm mục tiêu đến bất kỳ người nước ngoài nào bên ngoài Hoa Kỳ được

coi là có khả năng truyền đạt "thông tin tình báo nước ngoài" - một cách phân loại mục tiêu tiềm năng quá rộng lớn bao gồm cả các nhà báo, nhân viên công ty, giới hàn lâm, nhân viên cứu trợ, và vô số những người khác không phạm bất kỳ hành vi sai trái nào. Luật này đã được NSA sử dụng để biện minh cho hai phương pháp giám sát Internet nổi bật nhất của họ: chương trình PRISM và thu thập đầu nguồn.

PRISM cho phép NSA thu thập dữ liệu thường xuyên từ Microsoft, Yahoo!, Google, Facebook, Paltalk, YouTube, Skype, AOL và Apple, bao gồm email, ảnh, video và âm thanh các cuộc trò chuyện, nội dung duyệt Web, các truy vấn qua công cụ tìm kiếm và tất cả các dữ liệu khác đã được lưu trữ trên đám mây của các công ty này, biến các công ty thành đồng lõa có ý thức. Trong khi đó, việc thu thập đầu nguồn thậm chí còn xâm phạm hơn. Nó cho phép thu thập dữ liệu thường xuyên trực tiếp từ cơ sở hạ tầng Internet của khu vực tư nhân - các thiết bị chuyển mạch và định tuyến để phân luồng lưu thông Internet trên toàn thế giới, thông qua các vệ tinh trên quỹ đạo và cáp quang dung lượng cao dưới đại dương. Việc thu thập này do đơn vị Hoạt động nguồn Đặc biệt của NSA quản lý, đơn vị này đã chế tạo các thiết bị bí mật thu thập thông tin và lắp đặt ngầm vào bên trong các cơ sở cung cấp dịch vụ Internet trên khắp thế giới của các công ty chịu hợp tác. Phối hợp lại, PRISM (thu thập từ máy chủ của các nhà cung cấp dịch vụ) và việc thu thập đầu nguồn (trực tiếp từ cơ sở hạ tầng Internet) bảo đảm rằng thông tin của thế giới, cả đang lưu trữ lẫn đang chuyển tiếp, đều có thể theo dõi được.

Giai đoạn tiếp theo trong quá trình điều tra của tôi là tìm hiểu xem việc thu thập này đã thực sự được thực hiện ra sao - cụ thể là, tìm kiếm những tài liệu cho biết những công cụ nào hỗ trợ chương trình này và làm sao giữa số lượng thông tin bao la càn quét được có thể chọn lọc ra những gì được cho là xứng đáng kiểm tra chặt chẽ hơn. Điều khó khăn là thông tin này không tồn tại trong bất kỳ bài thuyết trình nào, bất kể cấp độ bí mật nào, mà chỉ thấy trong các sơ đồ kỹ thuật và các phác họa thô. Đây là những tài liệu quan trọng nhất mà tôi phải tìm. Khác với những ngôn từ quảng cáo rao hàng của liên minh Five Eyes, chúng sẽ là bằng chứng cụ thể cho thấy rằng những khả năng mà lâu nay chỉ thấy nhắc đến trong các tài liệu hoàn toàn không phải là những tưởng tượng của một người quản lý dự án uống quá nhiều cà phê. Là dân hệ thống, người luôn bị thúc giục phải thiết kế nhanh hơn và đáp ứng nhiều hơn, tôi quá hiểu rằng các cơ quan đôi khi cũng công bố những công nghệ chưa hề tồn tại - có lúc là do một

tay chào hàng như Cliff đã vẽ ra quá nhiều hứa hẹn, và có lúc chỉ là một tham vọng thuần túy.

Trong trường hợp này, các công nghệ đằng sau việc thu thập đầu nguồn đúng là đã có. Như tôi dần nhận ra, những công cụ này là yếu tố xâm phạm nhất trong hệ thống giám sát hàng loạt của NSA, chính là vì chúng cận kề với người dùng nhất - tức là, cận kề với người bị theo dõi nhất. Hãy tưởng tượng bạn đang ngồi trước máy tính, sắp truy cập đến một website nào đó. Bạn mở trình duyệt Web ra, nhập địa chỉ URL vào, và nhấn Enter. Trong thực tế, URL là một yêu cầu và yêu cầu được gửi đi tìm kiếm chiếc máy chủ của đích đến. Tuy nhiên, ở đâu đó giữa đường đi, trước khi yêu cầu của bạn đến được máy chủ ấy, nó sẽ phải đi qua TURBULENCE, một trong những vũ khí mạnh nhất của NSA.

Cụ thể, yêu cầu của bạn sẽ đi qua một vài máy chủ màu đen xếp chồng lên nhau, tất cả có kích thước tương đương một tủ sách bốn ngăn. Chúng được lắp đặt trong các phòng đặc biệt tại các tòa nhà viễn thông tư nhân lớn trên khắp các quốc gia đồng minh, cũng như trong các đại sứ quán Hoa Kỳ và căn cứ quân sự của Hoa Kỳ, và chứa hai công cụ quan trọng. Công cụ thứ nhất là TURMOIL, xử lý việc "thu thập thụ động", lập bản sao của các dữ liệu đi qua. Công cụ thứ hai là TURBINE, chịu trách nhiệm việc "thu thập chủ động" - tức là, chủ động lén phá hoại người dùng.

Bạn có thể xem TURMOIL như một lính canh án ngữ ở một tường lửa vô hình mà luồng lưu thông Internet phải vượt qua. Nhìn thấy yêu cầu của bạn, TURMOIL sẽ kiểm tra các siêu dữ liệu của nó để tìm tiêu chí chọn lọc, để đánh dấu là có đáng xem xét kỹ lưỡng hơn hay không. Các tiêu chí chọn lọc đó có thể là bất cứ điều gì NSA muốn, bất cứ điều gì NSA thấy đáng ngờ: một địa chỉ email, số thẻ tín dụng hoặc số điện thoại nào đó; xuất xứ địa lý hoặc đích đến trong hoạt động Internet của bạn; hoặc chỉ là một số từ khóa nhất định như là "mạng Internet ảo ẩn danh" hoặc "biểu tình".

Nếu TURMOIL đánh dấu luồng truy cập của bạn là đáng ngờ, thì nó sẽ báo cho TURBINE, công cụ này sẽ chuyển hướng yêu cầu của bạn đến các máy chủ NSA. Ở đó, các thuật toán sẽ quyết định dùng cách khai thác nào - các chương trình cài mã độc nào - để phá hoại bạn. Lựa chọn này được căn cứ theo loại website mà bạn đang cố gắng truy cập đến cũng như loại phần mềm máy tính và đường truyền Internet của bạn. Các phần mềm khai thác được chọn này sẽ được gửi lại cho TURBINE (bằng các chương trình của bộ chương trình QUANTUM, nếu như bạn đang thắc mắc), và TURBINE sẽ đưa chúng vào kênh lưu thông Internet và chèn vào bất kỳ nội dung website nào bạn đã yêu cầu rồi gửi tới máy tính của bạn. Kết quả cuối

cùng: Bạn nhận được mọi nội dung bạn muốn, cùng với mọi cách theo dõi mà bạn không hề muốn, và tất cả diễn ra trong khoảng thời gian chưa tới 686 mi-li giây. Bạn hoàn toàn không hề hay biết.

Khi phần mềm khai thác đã nằm trong máy tính của bạn, NSA có thể truy cập không chỉ là siêu dữ liệu của bạn, mà cả dữ liệu của bạn. Toàn bộ cuộc sống kỹ thuật số của bạn bây giờ thuộc về họ.

$_0O_0$

21
Tố cáo

NẾU BẤT KỲ NHÂN VIÊN NSA NÀO không làm việc với phần mềm SharePoint do tôi quản lý mà có biết gì đó về SharePoint thì họ sẽ biết đến ứng dụng lịch hẹn của nó. ứng dụng này khá giống với bất kỳ lịch làm việc nhóm phi chính phủ bình thường nào, nhưng đắt tiền hơn nhiều, cung cấp giao diện lập lịch trình cơ bản về thời gian và địa điểm cuộc họp cho nhân viên NSA ở Hawaii. Bạn có thể tưởng tượng được khi phải quản lý những thứ như thế thì tôi chán đến mức nào. Đó là lý do tại sao tôi cố gắng tô điểm thêm bằng cách đảm bảo ứng dụng lịch hẹn này luôn có lời nhắc về tất cả các ngày lễ, và ý tôi là không thiếu một ngày lễ nào: không chỉ các ngày lễ liên bang, mà có cả lễ Rosh Hashanah của Do Thái giáo, lễ Eid al-Fitr và Eid al-Adha của Hồi giáo, và lễ Diwali của Ấn Độ giáo.

Rồi có cả ngày lễ yêu thích của tôi, ngày 17 tháng Chín. Ngày Hiến pháp và quyền Công dân là tên chính thức của ngày lễ này, để kỷ niệm sự kiện quan trọng vào năm 1787 khi các đoàn đại biểu tham gia Hội nghị Hiến pháp Hoa Kỳ chính thức phê chuẩn văn kiện này. Thực ra thì Ngày Hiến pháp không phải là một ngày lễ liên bang mà chỉ là một ngày kỷ niệm, có nghĩa là Quốc hội đã không cho rằng văn kiện lập quốc và là hiến pháp quốc gia lâu đời nhất vẫn còn được áp dụng trên thế giới này là đủ quan trọng để cho phép mọi người được nghỉ làm một ngày có hưởng lương.

Cộng đồng tình báo luôn có mối quan hệ không thoải mái với Ngày Hiến pháp, điều đó có nghĩa là sự tham gia của các cơ quan này thường giới hạn trong việc lưu hành một email nhạt nhẽo do các bộ phận báo chí nội bộ soạn thảo, được ký bởi vị giám đốc nào đó, và việc đặt một chiếc bàn nhỏ buồn bã ở một góc khuất trong cafeteria. Trên bàn sẽ có những bản Hiến pháp miễn phí, được in ra, đóng thành tập, và tặng cho chính phủ bởi một tổ chức tư vấn chính sách như Cato Institute hay Heritage Foundation, vì cộng đồng IC hiếm khi quan tâm đến việc trích ra ít tiền từ hàng tỷ đô-la ngân sách của mình để cổ xúy các quyền tự do dân sự qua những tập giấy bấm kim.

Tôi chắc các nhân viên hiểu được thông điệp này, hoặc không hiểu: Trong bảy lần đến Ngày Hiến pháp mà tôi đã trải qua trong Cộng đồng IC, tôi nghĩ là ngoài tôi ra thì không có một ai cầm lấy một bản Hiến pháp trên chiếc bàn đó. Do tôi thích châm chọc cũng như là thích quà tặng miễn phí, nên tôi luôn lấy một vài bản - một bản cho mình còn những bản khác thì rải

khắp các máy tính trạm của bạn bè đồng nghiệp. Tôi dựng bản Hiến pháp đó tựa vào khối vuông Rubik trên bàn làm việc, và có một thời gian tôi hay đọc vào bữa trưa, trong lúc cố ăn mấy miếng bánh pizza loại vuông dở ẹc ở cafeteria sao cho không nhỏ dầu mỡ lên câu mở đầu "Chúng tôi Người dân... ".

Tôi thích đọc Hiến pháp một phần vì ý tưởng cao cả, một phần vì câu văn hay, nhưng thực ra cũng vì muốn ghẹo cho đồng nghiệp hoảng sợ. Trong một cơ quan mà mọi thứ bạn in ra phải được ném vào máy hủy tài liệu sau khi xong việc với chúng thì sẽ luôn có người thắc mắc khi thấy những bản in giấy nằm trên bàn. Họ thường thong thả đi tới và hỏi, "Cậu có cái gì ở đó vậy?".

"Hiến pháp."

Thế là họ sẽ nhăn mặt và từ từ rút lui.

Vào Ngày Hiến pháp 2012, tôi đã cầm văn kiện đó lên một cách nghiêm túc. Đã mấy năm rồi tôi thực sự không đọc toàn văn Hiến pháp, mặc dù tôi rất vui khi thấy mình vẫn còn nhớ thuộc lòng phần mở đầu. Nhưng bây giờ, tôi đọc kỹ toàn bộ, từ các điều khoản đến các Tu chính án. Tôi đã rất ngạc nhiên khi được nhắc nhở rằng 50% của Luật Dân quyền - mười tu chính án đầu tiên của văn kiện này - là nhằm mục đích gây khó khăn hơn cho việc thi hành pháp luật. Các Tu chính án Bốn, Năm, Sáu, Bảy và Tám đều được soạn thảo cẩn thận, có chủ đích, để vô hiệu hóa và cản trở khả năng thực thi quyền lực cũng như thực hiện giám sát của chính phủ.

Điều này đặc biệt đúng với Tu chính án Bốn nhằm bảo vệ người dân và tài sản của họ không bị chính phủ soi mói: "Không được vi phạm quyền được miễn trừ của người dân trước mọi sự khám xét, bắt giữ và tịch thu vô lý về cá nhân, nhà cửa, giấy tờ và tài sản, khi không được tòa ban lệnh với chứng cớ thích đáng, có tuyên thệ, hoặc xác nhận, và nêu rõ địa điểm bị khám xét, người bị bắt giữ cùng đồ vật bị tịch thu".

Diễn dịch: Nếu các nhân viên của pháp luật muốn đào bới cuộc sống của bạn, trước tiên họ đứng trước một thẩm phán để trình ra chứng cớ thích đáng và phải tuyên thệ. Điều này có nghĩa là họ phải giải thích với thẩm phán tại sao họ có lý do để tin rằng bạn có thể đã phạm một tội nào đó hoặc có thể tìm thấy bằng chứng về một tội cụ thể ở trên hoặc trong một phần nào đó thuộc tài sản của bạn. Sau đó, họ phải thề rằng lý do này đã được đưa ra một cách trung thực và có thiện ý. Chỉ khi nào thẩm phán phê chuẩn một lệnh cho phép thì họ mới được lục soát - và ngay cả khi đó, chỉ được làm điều này trong một thời gian giới hạn.

Hiến pháp được viết vào thế kỷ 18, từ thuở mà thông tin liên lạc có thể mất hàng tuần hoặc hàng tháng để vượt đại dương bằng tàu thủy, và các loại bàn tính, máy tính bánh răng và máy dệt có thể xem như các máy tính của hôm nay. Cho nên các tập tin máy tính, bất kể có nội dung gì, là phiên bản hiện đại của cụm từ "giấy tờ" nêu trong Hiến pháp. Chúng ta chắc chắn là sử dụng chúng như "giấy tờ", nhất là các tài liệu xử lý văn bản và bảng tính, các loại tin nhắn và lịch sử truy cập Internet của chúng ta. Trong khi đó, dữ liệu chính là phiên bản hiện đại của cụm từ "tài sản", một thuật ngữ bao hàm tất cả những gì ta sở hữu, tạo ra, và mua bán trên mạng. Điều đó mặc nhiên bao gồm cả siêu dữ liệu, là thông tin lưu lại mọi thứ ta sở hữu, tạo ra, và mua bán trên mạng - một cuốn sổ cái hoàn hảo về đời tư của ta.

Sau hơn hai thế kỷ kể từ Ngày Hiến pháp đầu tiên, các đám mây, máy tính và điện thoại của chúng ta đã trở thành "nhà cửa", cũng mang tính cá nhân và riêng tư như những ngôi nhà thực sự của ta ngày nay. Nếu bạn không đồng ý, thì hãy trả lời tôi điều này: Bạn có muốn cho đồng nghiệp lảng vảng một mình ở nhà bạn trong một tiếng đồng hồ không, hoặc là để cho họ một mình với chiếc máy điện thoại đã mở khóa của bạn dù chỉ trong mười phút thôi không?

Các chương trình giám sát của NSA, đặc biệt là các chương trình giám sát trong nước, đã hoàn toàn khinh thường Tu chính án Bốn. Cơ quan này về cơ bản đã tuyên bố rằng các biện pháp bảo vệ của Tu chính án Bốn không áp dụng cho cuộc sống hiện đại. Các chính sách nội bộ của NSA không coi dữ liệu của bạn là tài sản cá nhân được pháp luật bảo vệ, mà cũng không coi việc họ thu thập dữ liệu đó là "lục soát" hay "tịch thu". Trái lại, NSA cho rằng do bạn đã "chia sẻ" các bản lưu thông tin liên lạc điện thoại của mình với "bên thứ ba" - nhà cung cấp dịch vụ điện thoại - nên bạn đã mất mọi quyền lợi riêng tư hiến định vốn có. Và họ khăng khăng rằng việc "lục soát" và "tịch thu" chỉ xảy ra khi các chuyên viên phân tích của họ, chứ không phải là thuật toán, chủ động truy vấn những gì đã được thu thập tự động.

Nếu các cơ chế quản lý theo hiến pháp đã vận hành đúng chức năng thì cách diễn dịch cực đoan Tu chính án Bốn như vậy - thực sự cho rằng chính hành động sử dụng các công nghệ hiện đại là tương đương với việc từ bỏ quyền riêng tư - lẽ ra phải được Quốc hội và các tòa án bác bỏ rồi. Những nhà lập quốc Hoa Kỳ là những nhà thiết kế quyền lực chính trị tài giỏi, đặc biệt chú ý đến những nguy cơ từ việc bóp méo luật pháp và những cám dỗ của chức tổng thống trước việc thực thi quyền lực tối cao. Để ngăn chặn

trước các tình huống như vậy, họ đã thiết kế một thể chế, được nêu trong ba điều đầu tiên của Hiến pháp, để thành lập chính phủ Hoa Kỳ theo ba ngành có thẩm quyền ngang nhau, mỗi ngành phải có vai trò kiểm soát và đối trọng với hai ngành kia. Nhưng khi gặp phải vấn đề bảo vệ quyền riêng tư của công dân Mỹ trong thời đại kỹ thuật số thì cả ba ngành đều thất bại theo những cách riêng, khiến toàn bộ thể chế này ách tắc và bốc cháy.

Ngành lập pháp, hai viện của Quốc hội, đã sẵn lòng từ bỏ vai trò kiểm soát của mình: ngay cả khi số lượng nhân viên chính phủ và nhà thầu tư nhân trong Cộng đồng IC đang bùng nổ, thì số lượng nghị sĩ được thông báo về các khả năng và hoạt động của IC vẫn cứ giảm dần, cho đến khi chỉ còn một một vài thành viên ủy ban đặc biệt là được báo cáo trong các phiên điều trần kín. Ngay cả khi đó, họ cũng chỉ được thông báo về một số, chứ không phải tất cả, các hoạt động của IC. Khi các phiên điều trần công khai hiếm hoi về IC được tổ chức, lập trường của NSA luôn rõ ràng đến kinh ngạc: Cơ quan này thường không hợp tác, thường không trung thực, và tệ hơn, thông qua việc xếp loại thông tin hạn chế và viện cớ phải giữ bí mật, nó thường buộc các cơ quan lập pháp liên bang của Mỹ phải hợp tác với sự lừa dối này. Chẳng hạn, vào đầu năm 2013, James Clapper, khi đó là giám đốc Tình báo Quốc gia, đã xác nhận có tuyên thệ trước Ủy ban Đặc biệt về Tình báo của Thượng viện Hoa Kỳ rằng NSA không tiến hành thu thập đại trà các thông tin liên lạc của công dân Mỹ. Với câu hỏi, "NSA có thu thập bất kỳ loại dữ liệu nào với hàng triệu hoặc hàng trăm triệu người Mỹ không?" Clapper đã trả lời, "Không, thưa ngài, và rồi nói thêm, "Có những trường hợp họ có thể vô ý thu thập được, nhưng không cố tình". Tất nhiên, đó là một lời nói dối trắng trợn, cố tình, không chỉ đối với Quốc hội mà còn đối với người dân Mỹ. Không ít nghị sĩ biết rất rõ lời xác nhận của Clapper là không đúng sự thật nhưng họ đã không chịu, hoặc cảm thấy bất lực về mặt pháp lý, để chất vấn ông ta cho ra lẽ.

Sự thất bại của ngành tư pháp thật sự lại còn đáng thất vọng hơn. Tòa Giám sát Tình báo Nước ngoài *(Foreign Intelligence Surveillance Court* - FISC), có trách nhiệm kiểm soát việc theo đội tình báo ở Hoa Kỳ, là một hội đồng chuyên trách chỉ nhóm họp trong bí mật và chỉ nhận thông tin từ chính phủ. FISC được lập ra để cấp lệnh thu thập tình báo nước ngoài theo từng trường hợp một, và vẫn luôn trợ giúp đặc biệt cho NSA, chấp thuận hơn 99% yêu cầu của cơ quan này - một tỷ lệ gợi lên hình ảnh một bộ máy đóng dấu duyệt hơn là một quá trình tư pháp có cân nhắc. Sau ngày 11/9, tòa này đã mở rộng vai trò của mình từ việc cấp quyền theo dõi các cá nhân cụ thể sang việc phán quyết về tính hợp pháp và hợp hiến của

chương trình theo dõi bao quát, mà không hề có sự giám sát đối trọng. Một cơ quan trước đây được giao nhiệm vụ phê duyệt việc theo dõi Tên khủng bố Nước ngoài #1 hoặc Điệp viên Nước ngoài #2 bây giờ đang được sử dụng để hợp pháp hóa toàn bộ cơ sở hạ tầng kết hợp của chương trình PRISM và thu thập thông tin đầu nguồn. Theo tổ chức Liên minh Dân quyền Mỹ *(American Civil Liberties Union* - ACLU), việc xem xét tính hợp pháp của cơ sở hạ tầng đó đã bị giảm thiểu chỉ còn là một tòa án lén lút ủng hộ các chương trình lén lút bằng cách lén lút diễn dịch lại luật liên bang.

Khi các tổ chức xã hội dân sự như ACLU cố gắng phản đối các hoạt động của NSA tại các tòa án liên bang công khai và bình thường, một điều kỳ cục đã xảy ra. Chính phủ đã không tự biện hộ rằng các hoạt động theo dõi ấy là hợp pháp hay hợp hiến. Thay vào đó, họ tuyên bố là ACLU cùng các thân chủ của tổ chức này hoàn toàn không có quyền kiện ra tòa, vì ACLU không thể chứng minh được là các thân chủ của mình đã bị theo dõi trên thực tế. Thêm nữa, ACLU không thể sử dụng các biện pháp tố tụng để tìm kiếm bằng chứng của việc theo dõi hàng loạt, bởi vì sự tồn tại (hoặc không tồn tại) của bằng chứng đó là một "bí mật quốc gia", và những chứng cớ đã tiết lộ cho các nhà báo thì không được tính đến. Nói cách khác, tòa án không được chấp nhận những thông tin mà dân chúng đã được biết qua những gì báo chí công bố; tòa án chỉ được chấp nhận những thông tin mà chính phủ đã chính thức xác nhận là đã công bố mà thôi. Kiểu viện dẫn bí mật thông tin như thế có nghĩa là cả ACLU cũng như bất kỳ ai khác đều không có tư cách để kiện tụng ở tòa công khai. Trước sự phẫn nộ của tôi, vào tháng Hai năm 2013, Tòa án Tối cao Hoa Kỳ đã biểu quyết 5 trên 4 chấp nhận lý lẽ của chính phủ và bác bỏ đơn kiện của ACLU và tổ chức Ân xá Quốc tế về việc theo dõi hàng loạt mà không hề xem xét tính hợp pháp của các hoạt động NSA.

Cuối cùng là ngành hành pháp, nguyên nhân chính của sự vi hiến này. Thông qua Bộ Tư pháp, văn phòng tổng thống đã phạm tội ban đầu là bí mật ban hành các chỉ thị cho phép theo dõi hàng loạt sau ngày 11/9. Từ đó, việc vi phạm hành pháp chỉ càng tiếp diễn trong hàng chục năm sau, với chính quyền của cả hai đảng tìm cách hành động đơn phương và đặt ra những chỉ thị chính sách nhằm lách luật - những chỉ thị chính sách không thể bị kiện tụng, bởi chúng được xếp loại tài liệu mật không công bố.

Thể chế hiến định này chỉ vận hành như một tổng thể nếu và khi từng ngành trong ba ngành này đều hoạt động đúng như dự định. Khi cả ba không chỉ sai trái, mà là sai trái một cách có chủ ý và có phối hợp, thì kết

quả là sự dung dưỡng việc miễn trừ trách nhiệm. Tôi nhận ra mình thật điên khi cho rằng Tòa án Tối cao, hay Quốc hội, hay Tổng thống Obama, đang tìm cách chứng tỏ chính quyền của ông ta khác biệt với chính quyền của Tổng thống George W. Bush, sẽ có lúc buộc Cộng đồng IC phải chịu trách nhiệm pháp lý - về bất cứ điều gì. Đã đến lúc phải đối mặt với thực tế rằng Cộng đồng IC tự tin là họ đứng trên luật pháp và xét đến việc thể chế này đã hỏng ra sao, thì sự tự tin của IC là đúng. Họ đã hiểu các quy tắc của thể chế này rõ hơn cả những người đã tạo ra nó, và họ đã khai thác lợi thế đó.

Họ đã "hack" Hiến pháp.

$_0O_0$

Nước Mỹ ra đời từ một hành động phản nghịch. Tuyên ngôn Độc lập là một sự vi phạm trầm trọng đối với luật pháp nước Anh nhưng lại là sự thể hiện đầy đủ nhất những gì mà những nhà lập quốc gọi là "Luật tự nhiên", trong đó có quyền thách thức các thế lực đương thời và chống đối trên vấn đề nguyên tắc, theo mệnh lệnh của lương tâm con người. Những người Mỹ đầu tiên thực hiện quyền này, những "người thổi còi" đầu tiên trong lịch sử Mỹ, xuất hiện một năm sau đó - vào năm 1777.

Những người này, giống như rất nhiều người trong dòng họ tôi, là thủy thủ, là sĩ quan của Hải quân Lục địa, những người buộc phải ra khơi để bảo vệ vùng đất mới. Trong cuộc Cách mạng Mỹ, họ phục vụ trên tàu USS *Warren,* một khinh hạm ba mươi hai đại bác dưới sự chỉ huy của Phó Đề đốc Esek Hopkins, tổng tư lệnh Hải quân Lục địa. Hopkins là một lãnh đạo lười biếng và cố chấp, đã không chịu đưa tàu của mình xung trận. Các sĩ quan cấp dưới cũng tuyên bố đã chứng kiến ông ta đánh đập và bỏ đói các tù binh Anh. Mười người trong số các sĩ quan trên tàu *Warren* - được lương tâm mách bảo, và hầu như không nghĩ gì về sự nghiệp bản thân - đã báo cáo tất cả những điều này theo đúng trình tự thẩm quyền, bằng cách viết thỉnh nguyện thư gửi cho ủy ban Hàng hải:

Kính gửi các giới chức tôn quý,

Chúng tôi những người đệ trình kiến nghị này đã lên tàu Warren với mong muốn thiết tha và hy vọng khôn nguôi là làm được gì có ích cho đất nước. Chúng tôi vẫn khao khát cho sự thịnh vượng chung của nước Mỹ và không có mong muốn gì thiết tha hơn là nhìn thấy nước Mỹ hòa bình và phồn vinh. Chúng tôi sẵn sàng đánh liều những gì quý giá nhất và nếu cần sẽ hy sinh cả tính mạng vì lợi ích của đất nước. Chúng tôi

mong muốn được tích cực bảo vệ các quyền tự do và quyền lợi đã được hiến định để chống lại các yêu sách độc ác bất công của chế độ chuyên chế và áp bức; nhưng xét theo mọi việc đang diễn ra trên khinh hạm này thì dường như chúng tôi không có triển vọng nào để phục vụ trong thực trạng hiện nay. Chúng tôi đã lâm vào tình trạng này trong một khoảng thời gian dài. Cá nhân chúng tôi đã quá hiểu tính cách và hành vi thực sự của người chỉ huy chúng tôi là Phó Đề đốc Hopkins, và chúng tôi sử dụng phương cách này chỉ vì không có cơ hội nào thuận tiện hơn để thành kính thỉnh nguyện quý Ủy ban Hàng hải rằng cần phải điều tra về tính cách và hành vi của phó đề đốc này, bởi vì chúng tôi tin là với tính cách của ông ta như thế và việc ông ta đã phạm những tội như thế thì không còn phù hợp với trọng trách công vụ mà ông ta đang nắm giữ, những tội mà chúng tôi những người đông ký tên có thể chứng thực đầy đủ.

Sau khi nhận được thư này, Ủy ban Hàng hải đã điều tra Phó Đề đốc Hopkins. Ông ta đã phản ứng bằng cách sa thải các sĩ quan và thủy thủ đoàn, và trong cơn thịnh nộ, Hopkins đã đệ đơn kiện tội mạ lỵ hình sự hai sĩ quan thừa nhận đã soạn thảo thỉnh nguyện thư là chuẩn úy Samuel Shaw và Trung úy Richard Marven. Vụ kiện được trình lên tòa án ở Rhode Island, nơi có vị thống đốc thuộc địa cuối cùng là Stephen Hopkins, một trong những người đã ký vào Tuyên ngôn Độc lập và là anh của phó đề đốc này.

Sự vụ được giao cho một thẩm phán do Thống đốc Hopkins bổ nhiệm, nhưng trước khi phiên tòa bắt đầu Shaw và Marven đã được cứu bởi một sĩ quan hải quân đồng đội, John Grannis, người này đã báo cáo vượt cấp và trình bày trực tiếp vụ việc của họ với Quốc hội Lục địa. Rất hoảng hốt với cái tiền lệ đã quy định là cho phép các khiếu nại quân sự về việc tắc trách nhiệm vụ lại bị xem là tội mạ lỵ hình sự, Quốc hội Lục địa đã can thiệp. Vào ngày 30 tháng 7 năm 1778, Quốc hội Lục địa bãi bỏ quyền chỉ huy của Phó Đề đốc Hopkins, ra lệnh cho Bộ Tài chính phải trả các khoản án phí của Shaw và Marven, và nhất trí ban hành bộ luật đầu tiên của Mỹ bảo vệ "người thổi còi" - người tố cáo. Luật này tuyên bố đó là "nghĩa vụ của mọi người đang phục vụ Hoa Kỳ, cũng như mọi cư dân khác của nước này, nếu biết được bất kỳ hành động sai trái, lừa đảo hoặc vi phạm nào của bất kỳ sĩ quan hoặc cá nhân nào đang phục vụ ở các tiểu bang, thì phải thông báo sớm nhất cho Quốc hội hoặc bất kỳ cơ quan chức trách thích hợp nào khác".

Luật pháp đã cho tôi hy vọng - và vẫn còn cho tôi hy vọng. Ngay cả vào thời điểm đen tối nhất của cuộc Cách mạng Mỹ, ngay lúc sự tồn tại của đất nước đang bị lâm nguy, Quốc hội đã không chỉ hoan nghênh một hành động bất đồng quan điểm có nguyên tắc, mà còn tôn vinh những việc như thế là nghĩa vụ công dân. Đến nửa cuối năm 2012, tôi đã quyết tâm tự mình thực hiện nghĩa vụ này, mặc dù biết rằng mình sẽ tố cáo vào một thời đại rất khác - một thời đại vừa thoải mái hơn, vừa bất chấp đạo lý hơn. Các cấp trên của tôi trong Cộng đồng IC ít có ai dám hy sinh sự nghiệp của họ vì chính những nguyên tắc Mỹ mà quân nhân thường hy sinh tính mạng để bảo vệ. Còn trong trường hợp của tôi, việc báo cáo "đúng trình tự thẩm quyền" mà cộng đồng IC thích gọi là "các kênh thích hợp", không phải là một lựa chọn như là mười thành viên của khinh hạm *Warren* đã làm. Cấp trên của tôi không những biết rõ những việc cơ quan này đang làm mà họ còn tích cực chỉ đạo thực hiện - họ là đồng lõa.

Trong các tổ chức như NSA - trong đó những hành vi lạm quyền đã ăn sâu trong cấu trúc nên không còn là vấn đề của một sự việc vi phạm đầu tiên nào cả mà là vấn đề ý thức hệ - các kênh thích hợp chỉ có thể trở thành một cái bẫy, để bắt giữ những người khác quan điểm và gây bất lợi. Tôi đã nếm mùi thất bại chuyện báo cáo lên cấp trên ở Warrenton, và rồi một lần nữa ở Geneva, khi trong quá trình công tác bình thường, tôi đã phát hiện ra một lỗ hổng bảo mật trong một chương trình quan trọng. Tôi đã báo cáo điểm yếu dễ bị tấn công đó, và khi không thấy cấp trên làm gì để khắc phục, tôi cũng đã báo cáo luôn chuyện này. Cấp trên của tôi không hài lòng vì tôi đã làm như vậy, bởi vì các cấp trên của họ cũng không hài lòng. Trình tự thẩm quyền thực sự là một chuỗi liên kết và các mắt xích dưới thấp chỉ có thể được cất nhắc bởi các mắt xích cấp cao hơn.

Xuất thân từ một gia đình Lực lượng Tuần duyên, tôi luôn bị cuốn hút bởi việc có bao nhiêu từ vựng tiếng Anh chỉ sự tiết lộ bí mật đều ngầm bắt nguồn từ ngành hàng hải. Ngay cả trước thời của tàu USS *Warren,* nhiều tổ chức, giống như các con tàu, đã bị rò rỉ. Khi hơi nước thay thế gió làm lực đẩy, những tiếng còi được thổi trên biển để báo hiệu ý định và trường hợp khẩn cấp: một tiếng còi để vượt qua cảng, hai tiếng còi để vượt qua mạn phải, năm tiếng là cảnh báo.

Trong khi đó, các từ tương đương trong các ngôn ngữ châu Âu lại đầy các ẩn ý chính trị tùy theo bối cảnh lịch sử. Người Pháp đã sử dụng từ *dénonciateur* trong suốt phần lớn của thế kỷ 20, cho đến khi sự liên tưởng của từ này đến thời Thế chiến II với nghĩa "người tố giác" hay "người chỉ điểm" - cho quân Đức phát-xít - khiến họ thích dùng từ *lanceur d'alerte*

(người đưa ra cảnh báo) hơn. Tiếng Đức, một ngôn ngữ phải đấu tranh với quá khứ mật vụ của cả Đông và Tây Đức, đã dần thoát khỏi hai từ thuần Đức là *Denunziant* và *Informant* của mình để chọn những từ không thỏa mãn ý nghĩa như là *Hinweisgeber* (người mật báo), *Enthueller* (người tiết lộ), và *Skandalaufdecker* (người vạch trần chuyện tai tiếng), và thậm chí dùng một từ có hàm ý chính trị rõ ràng là *ethische Dissidenten* (người bất đồng về đạo đức). Nhưng người Đức lại ít dùng những từ này trên mạng; đối với các vụ tiết lộ bí mật trên Internet ngày nay, tiếng Đức chỉ đơn thuần mượn của tiếng Anh danh từ *Whistleblower* (người thổi còi) và động từ *leaken* (rò rỉ bí mật). Về phần mình, ngôn ngữ của các chế độ như Nga và Trung Quốc lại dùng các từ mang ý nghĩa miệt thị của "kẻ đánh cắp" và "kẻ phản bội". Phải có một nền báo chí tự do mạnh mẽ ở những xã hội đó thì mới có thể làm cho những từ này mang màu sắc tích cực hơn, hoặc tạo ra những từ mới sẽ diễn đạt việc tiết lộ bí mật không phải như một hành động phản bội mà là một bổn phận cao quý.

Cuối cùng, mọi ngôn ngữ, bao gồm cả tiếng Anh, đều thể hiện mối quan hệ văn hóa của nó với quyền lực qua việc nó chọn cách định nghĩa ra sao về hành động tiết lộ bí mật. Ngay cả những từ tiếng Anh có nguồn gốc hàng hải cũng đều có vẻ trung tính và hiền lành khi diễn đạt hành động này theo quan điểm của cái thể chế mà tự nó cảm thấy bị thiệt hại, chứ không theo quan điểm của công chúng là thể chế ấy đã hỏng. Khi một thể chế chỉ trích một vụ "rò rỉ bí mật" thì nó ngụ ý rằng "người tiết lộ" đã gây thiệt hại hoặc phá hoại một cái gì đó.

Ngày nay, hai từ "tiết lộ" và "tố cáo" thường được xem như có thể hoán đổi cho nhau. Nhưng theo suy nghĩ của tôi, từ "tiết lộ" phải được sử dụng khác với cách dùng thông thường. Nó nên được sử dụng để mô tả các hành vi rò rỉ thông tin được thực hiện không vì lợi ích công cộng mà vì lợi ích cá nhân, hoặc theo đuổi các mục đích mang tính chính trị hoặc thể chế. Nói chính xác hơn, tôi hiểu một sự tiết lộ là một cái gì đó gần như là sự "lèo lái", một tác động "gieo mầm tuyên truyền": việc trưng ra có chọn lọc một số thông tin mật để lung lạc công luận hoặc gây ảnh hưởng đến quá trình đề ra quyết định. Hiếm có ngày nào trôi qua mà không thấy một số viên chức chính phủ cấp cao "không nêu tên" hay "ẩn danh" tiết lộ cho các ký giả, bằng cách ám chỉ hay ngầm báo, một số thông tin mật nào đó để xúc tiến ý đồ của chính họ hoặc thúc đẩy những kết quả của cơ quan hoặc đảng phái của họ.

Điển hình trâng tráo nhất của động cơ lèo lái này có lẽ là một sự việc vào năm 2013 khi các viên chức của Cộng đồng Tình báo, rất có thể là đang

tìm cách thổi phồng mối nguy khủng bố và đánh lạc hướng những chỉ trích về việc giám sát hàng loạt, đã tiết lộ cho một số website tin tức những bản tường thuật cực kỳ chi tiết về cuộc điện thoại hội đàm thủ lĩnh Ayman al-Zawahiri của tổ chức al-Qaeda với các chi nhánh toàn cầu của y. Trong cái gọi là "cuộc hội đàm hủy diệt" này, al-Zawahiri đã bàn luận về hợp tác tổ chức với Nasser al-Wuhayshi, thủ lĩnh al-Qaeda ở Yemen, và các đại diện của phe Taliban và Boko Haram. Bằng cách tiết lộ khả năng chặn cuộc điện thoại hội đàm này - tức là, nếu ta tin vào nguồn rò rỉ này, thứ chỉ có một bản mô tả nội dung cuộc nói chuyện, chứ không phải là một bản ghi âm - cộng đồng Tình báo đã tự nó phá hoại không thể cứu vãn một phương tiện phi thường để nắm thông tin về các kế hoạch và ý đồ trong hàng ngũ lãnh đạo khủng bố cấp cao nhất, hoàn toàn chỉ vì muốn đạt lợi ích chính trị nhất thời bằng tần suất báo chí đưa tin. Không một người nào bị truy tố vì hậu quả của màn phô diễn này. Mặc dù điều đó chắc chắn là bất hợp pháp, và khiến Mỹ mất luôn khả năng tiếp tục nghe lén cái được cho là đường dây nóng của Al-Qaeda.

Giới chính trị Mỹ đã không ngừng chứng tỏ họ sẵn sàng cho phép, thậm chí còn tạo ra những thông tin rò rỉ để phục vụ cho mục đích của chính họ. Cộng đồng IC thường công bố những "thành công" của mình, bất kể đó là thông tin mật và bất kể hậu quả. Trong những sự việc đáng nhớ gần đây không gì rõ ràng cho bằng những thông tin rò rỉ về vụ sát hại phi pháp giáo sĩ cực đoan gốc Mỹ Anwar al-Aulaqi ở Yemen. Bằng những công bố ngạt thở cho tờ *Washington Post* và *New York Times về* cuộc tấn công bằng máy bay điều khiển từ xa nhắm vào al-Aulaqi, chính quyền Obama đã ngầm thừa nhận sự tồn tại của chương trình máy bay điều khiển từ xa của CIA và "ma trận xử lý", tức danh sách sát hại, của họ, cả hai đều là thông tin tối mật chính thức. Ngoài ra, chính phủ đã ngầm xác nhận rằng họ không chỉ tham gia vào các vụ ám sát có chủ đích, mà còn cả các vụ ám sát có chủ đích nhắm vào công dân Mỹ. Những bí mật rò rỉ này, được thực hiện theo kiểu phối hợp của một chiến dịch truyền thông, là những biểu hiện gây chấn động về phương pháp giữ bí mật tùy theo tình huống của nhà nước: khi cần miễn trừ trách nhiệm thì chính phủ niêm phong chặt chẽ thông tin, nhưng chính dấu niêm phong đó có thể bị phá vỡ bất cứ lúc nào chính phủ tìm cách đòi ghi công.

Chỉ có trong bối cảnh này mới hiểu rõ được sự liên hệ co giãn của chính phủ Hoa Kỳ với việc rò rỉ bí mật. Chính phủ này lâu nay vẫn tha thứ cho những vụ rò rỉ "trái phép" khi chúng mang lại nhiều lợi ích bất ngờ, và đã quên đi những vụ rò rỉ "được phép" khi chúng gây thiệt hại. Nhưng nếu

tính chất có hại và trái phép, chưa nói đến bản chất phi pháp, của một vụ rò rỉ không làm thay đổi được phản ứng của chính phủ; thì sao? Điều gì làm cho vụ tiết lộ thông tin này là được phép, còn vụ tiết lộ khác thì không?

Câu trả lời là quyền lực. Câu trả lời là sự kiểm soát. Một vụ tiết lộ được xem là chấp nhận được nếu nó không thách thức các đặc quyền cơ bản của một thể chế. Nếu tất cả các thành phần khác nhau của một tổ chức, từ phòng văn thư đến phòng giám đốc, có thể được coi là có quyền như nhau để thảo luận các vấn đề nội bộ, thì các nhà điều hành đã từ bỏ quyền kiểm soát thông tin của họ, và những hoạt động tiếp tục của tổ chức này sẽ bị phương hại. Giành lấy quyền có tiếng nói bình đẳng này, một quyền độc lập với hệ thống phân cấp quản lý hoặc đề ra quyết định của một tổ chức, mới là ý nghĩa đúng đắn của từ "người thổi còi" - hành động đặc biệt đe dọa đối với cộng đồng IC vốn hoạt động hoàn toàn tách biệt dưới tấm màn bí mật đã thành luật định hợp pháp.

"Người thổi còi" hay "người tố cáo" theo định nghĩa của tôi, là người sau khi kinh qua gian khó đã kết luận rằng cuộc sống của người đó trong một tổ chức đã không còn phù hợp với các nguyên tắc đã được kiến thiết của - và lòng trung thành dành cho - xã hội rộng lớn hơn ở bên ngoài, xã hội mà tổ chức đó phải chịu trách nhiệm giải trình. Người này biết rằng mình không thể tiếp tục ở lại trong tổ chức, và biết rằng tổ chức đó không hoặc sẽ không thể bị phá bỏ. Tuy nhiên vẫn có khả năng cải tổ được tổ chức này, vì vậy họ tố cáo và tiết lộ thông tin để gây áp lực công khai.

Đây là một mô tả đầy đủ về tình huống của tôi, với một bổ sung quan trọng: Tất cả thông tin tôi dự định tiết lộ đều được xếp loại tối mật. Để tố cáo các chương trình bí mật, tôi cũng phải tố cáo cái hệ thống bí mật to lớn hơn, để vạch trần cho thấy rằng không phải vì đặc quyền tối cao của quốc gia như Cộng đồng IC đã tuyên bố mà vì một đặc quyền cơ hội nên IC đã lạm dụng để phá vỡ sự kiểm soát dân chủ. Nếu không đưa ra ánh sáng toàn bộ việc che giấu có hệ thống này thì sẽ không có hy vọng gì khôi phục sự cân bằng quyền lực giữa các công dân và những người quản trị họ. Tôi cho rằng chính động cơ muốn khôi phục này là điều thiết yếu của việc tố cáo: Nó cho thấy sự phơi bày này không phải là một hành động bất đồng hay chống đối cực đoan, mà là một hành động quay lại với những gì đã quy định - báo hiệu cho con tàu trở lại hải cảng, nơi nó sẽ bị tháo dỡ, lắp ráp lại và vá các chỗ rò rỉ trước khi có cơ hội làm lại từ đầu.

Vạch trần toàn bộ quy mô của bộ máy giám sát hàng loạt này - không phải bởi tôi, mà bởi báo chí, quyền lực thứ tư trên thực tế của chính phủ Hoa Kỳ, được bảo vệ bởi Luật Dân quyền: Đó là cách phản ứng duy nhất

phù hợp với quy mô của tội phạm. Nói cho cùng, việc tố cáo sẽ không đủ mức độ nếu chỉ tiết lộ một hành vi lạm dụng hoặc một loạt vụ lạm dụng cụ thể, vì NSA có thể ngừng lại (hoặc giả vờ ngừng lại) các sự việc này trong khi vẫn giữ nguyên phần còn lại của bộ máy bí mật. Thay vào đó, tôi quyết tâm đưa ra một thực tế duy nhất, bao quát hết: rằng chính phủ của tôi đã xây dựng và triển khai một hệ thống giám sát hàng loạt toàn cầu mà toàn bộ người dân không hề hay biết hoặc đồng ý.

Hoàn cảnh sẽ tạo ra người tố cáo ở bất kỳ cấp độ làm việc nào của một tổ chức. Nhưng công nghệ kỹ thuật số đã đưa chúng ta đến một thời đại mà, lần đầu tiên được ghi lại trong lịch sử, những người tố cáo hiệu quả nhất sẽ xuất hiện từ dưới đáy, từ hàng ngũ mà theo truyền thống vốn ít có động cơ muốn duy trì hiện trạng nhất. Trong Cộng đồng IC, cũng như thực tế là mọi tổ chức lớn phi tập trung khác phụ thuộc vào máy tính, hàng ngũ cấp thấp này đầu đầy rẫy những chuyên viên công nghệ như tôi, những người mà quyền truy cập hợp pháp vào cơ sở hạ tầng trọng yếu lại quá lớn so với thẩm quyền chính thức của họ để có thể tác động đến các quyết định của tổ chức. Nói cách khác, thường có sự bất cân xứng giữa những gì mà những người như tôi muốn biết với những gì chúng tôi có thể biết được, và giữa tác động nhỏ bé mà chúng tôi có thể làm để thay đổi lề thói trong một cơ quan với tác động lớn lao khi chúng tôi đưa những điều lo ngại của mình ra công bố với xã hội nói chung. Mặc dù tất cả các đặc quyền về kỹ thuật như vậy chắc chắn có thể bị lạm dụng - nói cho cùng, hầu hết các chuyên viên kỹ thuật cấp hệ thống đều có quyền truy cập vào tất cả mọi thứ - đặc quyền đó được thể hiện cao nhất trong các trường hợp liên quan đến chính kỹ thuật công nghệ. Năng lực chuyên môn càng nhiều sẽ tạo ra trách nhiệm càng nặng nề hơn. Các chuyên gia kỹ thuật tìm cách báo cáo về việc lạm dụng công nghệ có hệ thống thường không chỉ đơn thuần là đưa những phát hiện của họ ra công chúng, nếu như họ muốn công chúng hiểu được tầm quan trọng của những phát hiện đó. Họ có nhiệm vụ phải đặt công nghệ ấy vào trong bối cảnh và giải thích - để làm sáng tỏ.

Khoảng chừng vài chục người trong số những người có vai trò tốt nhất để làm việc này trên toàn thế giới đã có mặt ở đây - họ đang ngồi quanh tôi trong Đường hầm. Các chuyên viên kỹ thuật đồng nghiệp hằng ngày đến đây và ngồi trước các máy tính đầu cuối của họ và xúc tiến công việc quốc gia. Họ không những không chú ý đến sự lạm dụng của hệ thống, mà còn thờ ơ với điều này, và sự thiếu tò mò đó không khiến họ xấu xa nhưng lại hóa ra thảm hại. Dù họ có đến với cộng đồng IC vì lòng yêu nước hay vì

cơ hội thì cũng chẳng quan trọng: một khi họ đã vào bên trong cỗ máy này thì chính họ cũng thành những cỗ máy.

$_0O_0$

22
Quyền lực thứ tư

KHÔNG CÓ GÌ KHÓ KHĂN HƠN là sống với một bí mật không thể nói ra. Nói dối với người lạ về vỏ bọc nhân thân hoặc che giấu sự thật rằng cơ quan của bạn nằm dưới cánh đồng dứa bí mật nhất thế giới thì có vẻ cũng khó khăn như thế, nhưng ít ra bạn là thành phần của một nhóm: dù công việc của bạn có thể là bí mật, nhưng đó là bí mật chung, cho nên đó là một gánh nặng chung. Có khổ sở nhưng cũng có tiếng cười.

Nhưng khi bạn có một bí mật thực sự mà không thể chia sẻ với bất kỳ ai thì ngay cả tiếng cười cũng là một sự dối trá. Tôi có thể nói về những điều lo ngại của mình, nhưng không bao giờ được nói là những mối lo ấy sẽ dẫn tôi đến đâu. Cho đến chết tôi vẫn sẽ nhớ mãi chuyện mình giải thích với các đồng nghiệp rằng công việc của chúng tôi đã được sử dụng để xâm phạm lời thề mà chúng tôi đã tuyên thệ sẽ gìn giữ như thế nào, và họ đã đáp lại bằng những lời buông xuôi: "Biết làm gì đây?". Tôi ghét câu hỏi đó, ghét cảm giác cam chịu, cảm giác thua cuộc đó, nhưng điều ấy vẫn đủ căn cứ để cho tôi phải tự hỏi, "Ư, làm gì đây?".

Khi câu trả lời tự nó đã xuất hiện, tôi quyết định trở thành người thổi còi. Nhưng chỉ cần hé ra với Lindsay, tình yêu của đời tôi, dù chỉ một lời thôi về quyết định đó thì chắc là mối quan hệ của chúng tôi phải chịu một thử thách tàn khốc hơn là đừng nói gì cả. Không muốn gây ra cho cô ấy nhiều tổn hại hơn những gì tôi đã cam chịu sẽ làm, tôi giữ im lặng, và trong sự im lặng đó, tôi cô độc.

Tôi nghĩ rằng sự cô độc và cô lập sẽ dễ chịu đựng, hoặc ít ra là dễ chịu đựng hơn so với những người đi trước trong giới thổi còi tố cáo. Chẳng phải từng bước đường đời của tôi đều là một cách chuẩn bị sao? Chẳng phải tôi đã quen một mình, sau bao nhiêu năm nín thinh và mê hoặc trước màn hình sao? Tôi đã là một hacker đơn độc, người trực bến cảng ca đêm, người nắm giữ chìa khóa trong một văn phòng trống vắng. Nhưng tôi cũng là con người, và việc thiếu bạn đồng hành quả là khó chịu. Mỗi ngày là một cuộc đấu tranh dằn vặt, trong lúc tôi đã cố gắng và thất bại trong việc hòa giải những vấn đề đạo lý và luật pháp, những nhiệm vụ và khát khao của mình. Tôi đã có tất cả mọi điều mình từng muốn - tình yêu, gia đình, và thành công vượt xa những gì tôi xứng đáng nhận được - và tôi đang sống trong một Địa đàng giữa những bao cây cối phong nhiêu, chỉ có một

cây duy nhất là ngăn cấm tôi đụng tới. Điều dễ làm nhất có lẽ là nên tuân theo các quy định.

Và ngay cả khi tôi đã chấp nhận những nguy hiểm từ quyết định của mình, tôi vẫn chưa thích ứng với vai trò người thổi còi. Rốt cuộc thì tôi là ai mà có quyền đưa thông tin này ra trước công chúng Mỹ chứ? Ai đã bầu chọn tôi làm người nắm giữ bí mật chứ?

Những thông tin mà tôi dự định phơi bày về cơ chế bí mật giám sát hàng loạt của nước Mỹ sẽ gây chấn động vô cùng, nhưng lại nặng tính kỹ thuật đến nỗi tôi sợ mình bị hoài nghi cũng chẳng kém gì sợ mọi người hiểu sai điều tôi muốn nói. Đó là lý do tại sao lựa chọn đầu tiên của tôi, sau khi đã quyết tâm tố cáo, là công khai tài liệu. Cách tiết lộ một hệ thống bí mật có thể chỉ đơn thuần là để mô tả sự tồn tại của nó, nhưng cách để tiết lộ một sự che giấu bí mật có hệ thống là phải mô tả hoạt động của nó. Điều này đòi hỏi phải có nhiều tài liệu, những tập tin thực tế của NSA - càng nhiều càng tốt để vạch trần quy mô lạm dụng mặc dù tôi biết rằng việc để lộ ra ngoài dù chỉ một tập tin PDF thôi cũng đủ khiến tôi vào tù rồi.

Nguy cơ là chính phủ sẽ trừng phạt bất kỳ thực thể hoặc nền tảng nào tiếp nhận những tài liệu mật này đã khiến tôi thoáng nghĩ đến việc tự mình đăng tải. Đó sẽ là cách thuận tiện và an toàn nhất: chỉ cần thu thập các tài liệu truyền đạt tốt nhất mối quan ngại của tôi và đăng tải lên mạng, y nguyên như thế, và sau đó lưu hành một đường liên kết dẫn tới nguồn này. Cuối cùng, một trong những lý do khiến tôi không làm theo hướng này là tính xác thực của tài liệu. Ngày nào cũng có rất nhiều người đưa lên Internet những "tài liệu mật chưa công bố" - trong số đó có nhiều nội dung tào lao như công nghệ du hành ngược thời gian hoặc là người ngoài hành tinh. Tôi không muốn những điều tiết lộ của riêng mình, bản thân chúng đã là chuyện khó tin rồi, bị gộp chung với thứ quái gở và mất hút giữa những nội dung điên khùng.

Khi đó tôi mới ý thức rõ là ngay giai đoạn đầu của tiến trình tố cáo, tôi cần phải có, và công chúng xứng đáng có, một người hoặc một tổ chức nào chứng minh tính xác thực của các tài liệu này. Tôi cũng muốn có một người hợp tác để xem xét những mối nguy tiềm ẩn của việc tiết lộ thông tin mật, và giúp giải thích những thông tin đó bằng cách đặt chúng vào bối cảnh công nghệ và pháp lý. Tôi tự đảm nhận việc trình bày các vấn đề của việc giám sát hàng loạt, và thậm chí sẽ phân tích chúng, nhưng tôi phải giao phó cho người khác việc xử lý tài liệu. Bất kể tôi có cảnh giác tới đâu với các thể chế vào thời điểm này, tôi lại càng cảnh giác hơn với việc bản thân mình lại đang cố hành động như một thể chế. Việc hợp tác với một số loại

hình cơ quan truyền thông sẽ bảo vệ tôi trước những cáo buộc tồi tệ nhất về hoạt động gian trá, và điều chỉnh bất kỳ sự thiên vị nào tôi có, dù là có ý thức hay không ý thức, mang tính cá nhân hay tính nghề nghiệp. Tôi không muốn bất kỳ chính kiến nào của riêng tôi ảnh hưởng đến bất kỳ điều gì liên quan đến việc trình bày, hoặc tiếp nhận, các bí mật tiết lộ của tôi. Nói cho cùng, ở một đất nước mà mọi người đều bị giám sát thì không có gì gây chia rẽ quan điểm cho bằng vấn đề giám sát.

Nhìn lại, tôi ít nhất cũng phải ghi nhận là ảnh hưởng ngày càng tăng của Lindsay đã góp phần thúc đẩy tôi tìm kiếm các bộ lọc ý thức hệ. Lindsay đã dành nhiều năm kiên nhẫn giúp tôi thấm nhuần bài học này: những mối quan tâm và lo ngại của tôi không phải lúc nào cũng là điều cô ấy quan tâm và lo ngại, và chắc chắn là cũng không phải điều mà thế giới quan tâm và lo ngại; và việc tôi chia sẻ những gì tôi biết hoàn toàn không có nghĩa là ai cũng phải có cùng quan điểm như tôi. Không phải người nào phản đối việc xâm phạm quyền riêng tư đều có thể sẵn lòng áp dụng các tiêu chuẩn mã hóa 256 bit hay từ bỏ hoàn toàn Internet. Một hành vi bất hợp pháp khiến người này bất an cho là vi phạm Hiến pháp thì cũng có khả năng sẽ khiến người khác phẫn nộ vì vi phạm quyền riêng tư của họ, hoặc của vợ chồng, con cái họ. Lindsay là chìa khóa giúp tôi mở ra sự thật này - có nhiều động cơ và cách tiếp cận khác nhau thì lại càng tăng cường cơ hội đạt được các mục đích chung. Lindsay không hề hay biết là cô ấy đã cho tôi sự tự tin để vượt qua những nỗi lo sợ riêng mà tìm cách liên lạc với những người khác.

Nhưng những người nào? Ai? Bây giờ có thể khó nhớ lại, hoặc thậm chí là hình dung được, nhưng vào thời điểm khi tôi lần đầu tiên nghĩ đến việc đứng ra tố cáo thì diễn đàn lựa chọn của những người thổi còi chính là WikiLeaks. Hồi đó, WikiLeaks hoạt động gần như một nhà xuất bản truyền thống, mặc dù hoàn toàn hoài nghi về quyền lực nhà nước. WikiLeaks thường xuyên liên kết với các ấn phẩm quốc tế hàng đầu như *Guardian, New York Times, Der Spiegel, Le Monde* và *El País* để xuất bản các tài liệu do các nguồn tin của nó cung cấp. Những thành quả mà các cơ quan thông tấn đối tác đạt được trong suốt năm 2010 và 2011 khiến tôi nghĩ rằng WikiLeaks là kênh trung gian giá trị nhất kết nối giữa các nguồn tin với báo chí và cũng là một bức tường lửa bảo vệ sự ẩn danh của nguồn tin.

Những hoạt động thực tế của WikiLeaks đã thay đổi sau khi công bố các tài liệu mật do Binh nhì Chelsea Manning của Quân đội Mỹ cung cấp - những kho lưu trữ lớn về các nhật ký quân sự của Mỹ liên quan đến cuộc chiến ở Iraq và Afghanistan, thông tin về những người bị giam giữ tại vịnh Guantanamo, cùng với điện tín ngoại giao của Mỹ. Do những phản ứng của

chính phủ và tranh cãi trên phương tiện truyền thông xung quanh việc WikiLeaks biên tập lại các tài liệu của Manning, WikiLeaks quyết định thay đổi đường lối và về sau công bố những tài liệu mật rò rỉ giống như khi họ tiếp nhận được chúng: nguyên vẹn và không biên tập. Việc chuyển sang chính sách hoàn toàn minh bạch này có nghĩa là việc công bố thông qua WikiLeaks sẽ không đáp ứng nhu cầu của tôi. Về mặt hiệu quả thì việc này cũng chẳng khác gì tôi tự đăng tải lên mạng, một đường hướng mà tôi đã từ bỏ vì thấy là không đủ mức độ mong muốn. Tôi biết những tài liệu NSA về một hệ thống giám sát hàng loạt toàn cầu được triển khai tuyệt mật là một câu chuyện khó hiểu - một câu chuyện rối rắm và đầy tính chất kỹ thuật đến mức tôi ngày càng tin rằng không thể nào trình bày tất cả cùng một lúc bằng cách "đổ một đống tài liệu", phải có các nhà báo đảm trách công việc tỉ mỉ và kiên nhẫn này thì mới thể hiện được, trong kịch bản tốt nhất tôi có thể nghĩ ra, cùng với sự hưởng ứng của nhiều tổ chức báo chí độc lập.

Dù tôi thấy lòng có phần nhẹ nhõm khi đã quyết định tiết lộ trực tiếp với các nhà báo, tôi vẫn có một số điều e dè nghi ngại. Hầu hết những nhà báo đó đều có liên quan đến các tờ báo uy tín nhất của Mỹ - đặc biệt là tờ báo có tiếng *New York Times*. Mỗi lần nghĩ về việc liên lạc với tờ *Times* là tôi lại thấy do dự. Mặc dù tờ báo này đã cho thấy nó tương đối sẵn lòng gây khó chịu cho chính phủ Hoa Kỳ với loạt bài tường thuật từ hồ sơ WikiLeaks, tôi không thể không nhắc nhở bản thân về cách hành xử trước đó của tờ *Times* liên quan đến một bài báo quan trọng của Eric Lichtblau và James Risen viết về chương trình nghe lén không có lệnh tòa.

Hai nhà báo đó, bằng cách kết hợp thông tin từ những người tố giác ở Bộ Tư pháp với cách tường thuật riêng của họ, đã phát hiện được một khía cạnh của STELLARWIND - sáng kiến giám sát sau ngày 11/9 theo công thức ban đầu của NSA - và đã hoàn thành một bài báo trọn vẹn, đã biên tập hoàn chỉnh, và thực tế là đã kiểm tra xác thực các chi tiết có nêu trong nội dung. Bài báo đó đã sẵn sàng đăng tải vào giữa năm 2004 thì ngay thời điểm đó, tổng biên tập của tờ *Times* là Bill Keller đã chuyển bài báo cho chính phủ, như một phần của quy trình lịch sự mà mục đích chính là để ban biên tập của tờ báo có cơ hội đánh giá các lập luận của chính phủ về lý do tại sao công bố những thông tin nào đó có thể phương hại đến an ninh quốc gia. Trong trường hợp này, cũng như trong hầu hết các trường hợp, chính phủ từ chối đưa ra lý do cụ thể, nhưng ngụ ý rằng có một lý do và lý do đó cũng là thông tin mật. Chính quyền Bush nói với Keller và chủ tờ báo Arthur Sulzberger, mà không đưa ra bất kỳ bằng chứng nào, rằng tờ *Times*

sẽ tiếp sức cho kẻ thù của nước Mỹ và tạo điều kiện cho khủng bố nếu tờ báo này công khai việc chính phủ đang nghe lén thông tin liên lạc của công dân Mỹ mà không có lệnh. Tiếc thay, tờ *Times* lại xiêu lòng và gác bài báo ấy lại. Cuối cùng bài tường thuật của Lichtblau và Risen cũng được đăng, nhưng phải hơn một năm sau, vào tháng 12 năm 2005, và chỉ đăng sau khi Risen gây áp lực với tờ *Times* bằng cách thông báo rằng bài này sẽ được đưa vào một cuốn sách sắp phát hành của ông. Giá như bài báo đó được chạy ngay khi nó được viết xong ngay từ đầu thì rất có thể nó đã làm thay đổi cục diện của cuộc bầu cử năm 2004.

Nếu tờ *Times,* hay bất kỳ tờ báo nào, mà làm điều tương tự với tôi - nếu nó lấy những tài liệu tôi tiết lộ, viết bài dựa theo đó, gửi bài cho chính phủ duyệt, và sau đó ém nhẹm luôn không đăng bài - thì tôi tiêu. Với khả năng là chính phủ sẽ xác định được ngay tôi chính là nguồn tin, thì có khác gì tờ báo đã giao nộp tôi cho họ trước khi bất kỳ một tiết lộ nào được đưa ra công chúng.

Nếu tôi không thể tin tưởng một tờ báo đã có truyền thống, thì tôi có thể tin được bất kỳ tổ chức nào không? Mà tại sao phải mất công vậy chứ? Tôi đâu có bị bắt buộc phải làm những chuyện thế này đâu. Tôi chỉ muốn vọc máy tính và nếu làm được gì có ích cho đất nước thì làm. Tôi đã thuê được căn nhà riêng, có người yêu, và sức khỏe của tôi đã khá lên. Mỗi biển báo STOP trên đường đi làm của tôi cứ như một lời khuyên tới Hãy ngừng sự điên rồ tự nguyện này lại. Óc và tim tôi mâu thuẫn nhau, với điều duy nhất không thay đổi là niềm hy vọng tột cùng của tôi rằng một ai khác, ở nơi nào khác, sẽ tự hình dung ra được hết vấn đề. Nói cho cùng, chẳng phải nghề báo là công việc lần theo những dấu vết và xâu kết các manh mối sao? Các phóng viên đã làm gì suốt ngày, ngoài chuyện lên mạng xã hội?

Tôi biết ít nhất hai điều về giới báo chí: họ cạnh tranh nhau để đưa tin trước, và họ biết rất ít về công nghệ. Chính sự thiếu chuyên môn hoặc thậm chí thiếu quan tâm đến công nghệ này đã khiến các nhà báo bỏ lỡ hai sự kiện khiến tôi sửng sốt trong suốt quá trình tôi thu thập dữ kiện về giám sát hàng loạt.

Đầu tiên là thông báo của NSA về việc xây dựng một cơ sở lưu trữ dữ liệu mới rộng lớn ở Bluffdale, Utah. NSA gọi cơ sở ấy là Trung tâm Dữ liệu Toàn bộ *(Massive Data Repository),* cho đến khi ai đó có năng khiếu về PR nhận ra tên này có thể khó giải thích nếu thông tin bị lộ ra ngoài, vì vậy nó được đổi tên thành Trung tâm Dữ liệu Nhiệm vụ *(Mission Data Repository)* - do cả hai tên gọi này đều viết tắt là MDR như nhau, bạn không phải thay đổi tất cả các trang báo cáo tóm tắt liên quan. Trung tâm

MDR dự kiến sẽ có tổng cộng bốn gian lớn, mỗi gian rộng hơn 2300 mét vuông, chứa đầy các máy chủ. Nó có thể chứa một lượng dữ liệu khổng lồ, về cơ bản là một lịch sử trình tự về mô hình cuộc sống của toàn hành tinh, trong phạm vi mà khái niệm cuộc sống có thể được hiểu theo nghĩa là sự liên hệ giữa các khoản thanh toán trực tuyến với con người, con người với điện thoại, điện thoại với cuộc gọi, cuộc gọi với hệ thống mạng, và vô vàn hoạt động Internet lưu thông trên các tuyến mạng đó.

Nhà báo nổi tiếng duy nhất có vẻ chú ý đến thông báo này là James Bamford, người đã viết về đề tài này cho tạp chí công nghệ *Wired* vào tháng 3/2012. Có một vài bài tiếp theo trên các tờ báo không chuyên về công nghệ, nhưng không có tờ nào trong số đó tiếp tục tường thuật. Không hề có ai nêu ra những câu hỏi cơ bản nhất, ít ra là đối với tôi: Tại sao một cơ quan chính phủ, chứ đừng nói đến một cơ quan tình báo, lại cần nhiều diện tích như vậy? Dữ liệu nào, và bao nhiêu dữ liệu, mà họ thực sự có ý định lưu trữ ở đó, và lưu trong bao lâu? Bởi vì đơn giản là không có lý do gì để xây dựng một công trình lớn cỡ này trừ khi bạn có kế hoạch lưu trữ hoàn toàn mọi thứ, và lưu trữ mãi mãi. Theo suy nghĩ của tôi, đây chính là bằng chứng của một tội ác, nằm trong một boong-ke bê-tông khổng lồ được bao quanh bởi dây thép gai và tháp canh, tiêu thụ một lượng điện bằng cả một thành phố từ lưới điện riêng của chính nó ở giữa của sa mạc Utah. Vậy mà không ai chú ý.

Sự kiện thứ hai xảy ra một năm sau đó, vào tháng 3/2013 - một tuần sau khi Clapper nói dối trước Quốc hội và Quốc hội đã bỏ qua. Một vài tờ báo đã tường thuật lời xác nhận đó, mặc dù họ chỉ đơn thuần lặp lại lời của Clapper phủ nhận việc NSA thu thập dữ liệu hàng loạt về công dân Mỹ. Nhưng hoàn toàn không một tờ báo nào trong cái gọi là báo chí chính thống tường thuật về sự xuất hiện công khai hiếm hoi của Ira "Gus" Hunt, giám đốc công nghệ của CIA.

Tôi có biết Gus đôi chút từ thời tôi ở hãng Dell và làm việc với CIA. Ông ta là một trong những khách hàng hàng đầu của chúng tôi, và mọi nhà cung cấp đều yêu thích cái tật không biết giữ bí mật của ông ta: Gus luôn nói nhiều hơn những gì cần nói. Đối với những người bán hàng, ông ta giống như một túi tiền to mồm. Lúc đó ông ta đã xuất hiện như một diễn giả khách mời đặc biệt tại một sự kiện công nghệ dân sự ở New York được gọi là hội nghị GigaOM Structure: Data. Bất cứ ai có 40 đô-la đều có thể tham dự. Các bài nói chuyện quan trọng, chẳng hạn như bài nói của Gus, được phát trực tuyến miễn phí.

Lý do mà tôi phải nghe cho được bài nói chuyện của ông ta là vì tôi đã đọc, thông qua các kênh NSA nội bộ, rằng CIA cuối cùng đã quyết định về việc chọn nhà thầu điện toán đám mây cho cơ quan này. CIA đã từ chối đội ngũ chủ của tôi tại Dell và từ chối cả hãng HP, và thay vào đó, ký một hợp đồng quản lý và phát triển đám mây trị giá 600 triệu đô-la trong mười năm với Amazon. Tôi không hề có cảm xúc tiêu cực nào về việc này - tại thời điểm đó, tôi thật sự vui vì công việc của mình không được CIA sử dụng. Tôi chỉ tò mò, từ góc độ chuyên môn, liệu Gus có thể nói bóng gió gì về thông báo này và có đưa ra bất kỳ giải thích nào về lý do chọn Amazon hay không, bởi vì nhiều tin đồn đang lan truyền là quy trình đề xuất đã được dàn dựng theo hướng có lợi cho Amazon.

Tôi đã có lời giải thích, hẳn rồi, nhưng lại là một kiểu giải thích bất ngờ. Tôi đã có cơ hội chứng kiến chuyên gia kỹ thuật cấp cao nhất của CIA đứng trên sân khấu trong bộ đồ vét nhăn nhàu và báo cáo trước một đám đông những người bình thường chen chúc - và qua Internet, trước một thế giới chen chúc - về tham vọng và năng lực của cơ quan này. Trong khi bài thuyết trình tiếp diễn, và Gus hết nói những câu bông đùa dở tệ lại điều khiển trình PowerPoint thậm chí còn dở tệ hơn, tôi càng lúc càng hoài nghi.

"Ở CIA", ông ta nói, "về cơ bản, chúng tôi cố gắng thu thập mọi thứ và lưu giữ lại mãi mãi". Làm như nói thế chưa đủ rõ ràng, ông ta tiếp tục: "Chúng tôi gần như đã nắm trong tay kỹ thuật tính toán tất cả những thông tin do con người tạo ra". Phần nhấn mạnh là của riêng Gus. Ông ta đang đọc theo nội dung trên bộ trình chiếu PowerPoint, những từ xấu xí với một phông chữ xấu xí được minh họa bằng một hình vẽ bốn màu đặc trưng của chính phủ.

Rõ ràng là có một vài nhà báo trong đám đông, dù có vẻ như họ hầu hết đều làm cho các ấn phẩm chuyên về công nghệ dành cho chính phủ như tuần báo *Federal Computer Week*. Tờ này tường thuật rằng Gus đã nán lại trả lời thắc mắc để kết thúc phần thuyết trình. Đúng hơn, phần này không phải là hỏi đáp mà giống như một bài thuyết trình phụ, dành riêng cho các nhà báo. Ông ta hẳn là cố gắng trút bỏ một điều gì đó đang chất chứa trong lòng.

Gus nói với các nhà báo rằng CIA có thể theo dõi các smartphone của họ, ngay cả khi họ tắt nguồn - rằng CIA có thể giám sát từng thông tin liên lạc của họ. Đừng quên: đây là một đám đông các nhà báo trong nước. Nhà báo Mỹ. Và cách mà Gus nói "có thể" lại nghe như "đã", "đang", và "sẽ ". Một chức sắc cao cấp của CIA như Gus mà lại nói dông dài một cách bối rối thấy rõ, và khiến người nghe bối rối theo: "Công nghệ đang tiến triển

nhanh hơn khả năng theo kịp của chính phủ hoặc pháp luật. Nó đang tiến triển nhanh hơn... hơn khả năng theo kịp của quý vị: quý vị nên đặt câu hỏi rằng quý vị có quyền gì và ai là người sở hữu dữ liệu của quý vị". Tôi sửng sốt - bất kỳ ai có chức vụ thấp hơn Gus mà thuyết trình như thế này thì ở tù mọt gông ngay.

Chỉ có tờ *Huffington Post* là tường thuật lại lời thú nhận của Gus. Nhưng bài thuyết trình vẫn còn trên YouTube, ít nhất là tại thời điểm tôi viết cuốn sách này, sáu năm sau đó. Lần cuối cùng tôi kiểm tra, nó có 313 lượt xem - hơn chục lượt là của tôi.

Bài học tôi rút ra từ sự việc này là: Nếu muốn những tiết lộ của mình có hiệu quả thì tôi không chỉ trao một số tài liệu cho một số nhà báo là xong - tôi phải làm nhiều hơn nữa, thậm chí còn hơn việc giúp họ diễn dịch các tài liệu này. Tôi sẽ phải trở thành người cộng tác của họ, huấn luyện và cung cấp các công cụ kỹ thuật cho họ để giúp họ tường thuật chính xác và an toàn. Chọn đường hướng này có nghĩa là tôi phải dấn thân hoàn toàn vào một trong những trọng tội của ngành tình báo: trong khi các điệp viên khác đi làm những việc gián điệp, xúi giục dấy loạn, và mưu phản, tôi lại giúp đỡ và tiếp tay cho công việc của báo chí. Sự thật éo le là, về mặt pháp lý, những tội đó hầu như đồng nghĩa với nhau. Luật pháp Mỹ không phân biệt giữa việc cung cấp thông tin mật cho báo chí vì lợi ích chung với việc cung cấp hay thậm chí bán thông tin cho kẻ thù. Ý kiến duy nhất tôi từng thấy là mâu thuẫn với điều này lại xuất phát từ bài truyền bá đầu tiên khi tôi gia nhập Cộng đồng IC: Ở đó, tôi được nghe dạy rằng việc rao bán bí mật cho kẻ thù thực tế còn có phần tốt hơn là cung cấp bí mật miễn phí cho phóng viên trong nước. Phóng viên sẽ loan báo với công chúng, trong khi kẻ thù không thể nào chia sẻ chiến lợi phẩm của họ ngay cả với các đồng minh.

Với những rủi ro mà tôi phải gánh chịu, tôi cần xác định những người tôi có thể tin tưởng cũng phải là những người được công chúng tin tưởng. Tôi cần những phóng viên cần mẫn nhưng kín đáo, độc lập nhưng đáng tin cậy. Họ sẽ phải đủ mạnh mẽ để thách thức tôi về những điểm khác biệt giữa điều tôi nghi ngờ và điều mà bằng chứng đã chứng minh, và dám thách thức chính phủ khi công việc của họ bị cáo buộc sai trái là gây nguy hiểm đến tính mạng nhiều người khác. Hơn hết thảy, tôi phải chắc chắn rằng bất cứ nhà báo nào tôi chọn cuối cùng đều sẽ không nhượng bộ trước quyền lực khi phải chịu một áp lực mà chắc chắn là sẽ không hề giống như những gì họ, hoặc tôi, đã từng trải qua trước giờ.

Tôi đã quăng lưới không quá rộng để tránh gây nguy hiểm cho nhiệm vụ này, nhưng cũng đủ rộng để tránh gặp phải một điểm duy nhất gây sự cố -

vấn đề như đã xảy ra ở tờ *New York Times*. Một nhà báo, một ấn phẩm, thậm chí một quốc gia công bố cũng sẽ không đủ, bởi vì chính phủ Hoa Kỳ đã chứng tỏ họ sẵn sàng bóp nghẹt những tường thuật như vậy. Lý tưởng nhất là tôi cùng lúc đưa cho mỗi nhà báo một bộ tài liệu riêng, không giữ lại gì cho mình. Như thế việc theo dõi sẽ chuyển hướng sang họ, và bảo đảm rằng cho dù tôi có bị bắt thì sự thật vẫn không bị ngăn chặn.

Khi thu hẹp danh sách các đối tác tiềm năng, tôi nhận ra mình làm thế là hoàn toàn sai, hoặc chỉ phí công sức. Thay vì cố gắng tự mình chọn các nhà báo, tôi nên để cho hệ thống mà tôi đang cố gắng tố cáo chọn thay cho tôi. Tôi xác định những đối tác tốt nhất sẽ là những nhà báo đã trở thành mục tiêu của tình trạng an ninh quốc gia này.

Tôi biết Laura Poitras là một nhà làm phim tài liệu, chủ yếu quan tâm đến chính sách đối ngoại của Mỹ sau ngày 11/9. Bộ phim *My Country, My Country* (Đất nước tôi, đất nước tôi) của bà mô tả những cuộc bầu cử quốc gia ở Iraq năm 2005 được tiến hành trong (và bị phá hỏng bởi) sự chiếm đóng của Hoa Kỳ. Bà cũng làm bộ phim *The Program* (Chương trình) về chuyên gia mật mã của NSA là William Binney - người đã lên tiếng phản đối thông qua các kênh chính thức về chương trình TRAILBLAZER, tiền thân của STELLARWIND, để rồi bị buộc tội rò rỉ thông tin mật, bị sách nhiễu liên tục, và bị bắt giữ trước họng súng ngay tại nhà riêng, mặc dù không bao giờ bị buộc tội. Bản thân Laura thường xuyên bị chính quyền sách nhiễu vì công việc của bà, liên tục bị các nhân viên biên phòng giữ lại thẩm vấn bất cứ khi nào bà ra vào nước Mỹ.

Còn tôi biết Glenn Greenwald là một luật sư chuyên về các quyền tự do dân sự đã trở thành cây bút bình luận, ban đầu là viết cho tờ *Salon* - nơi ông là một trong số ít người viết về phiên bản công khai của Báo cáo Tổng thanh tra NSA hồi năm 2009 - và sau đó là viết cho ấn bản tại Mỹ của tờ *Guardian*. Tôi thích Greenwald bởi vì ông ta hay hoài nghi và tranh cãi, mẫu người chiến đấu với quỷ dữ, và khi quỷ dữ không có xung quanh thì chiến đấu với chính mình. Dù Ewen MacAskill của ấn bản *Guardian* tại Anh, và Bart Gellman của tờ *Washington Post* sau này sẽ tỏ ra là các đối tác kiên cường (và là những người dẫn đường nhẫn nại trong cõi hoang dã báo chí), ngay từ đầu tôi thấy mình có cảm tình với Laura và Glenn, có lẽ vì họ không chỉ quan tâm đến việc tường thuật về Cộng đồng tình báo Mỹ mà bản thân họ còn cố công tìm hiểu về thể chế đó.

Khó khăn duy nhất là làm sao liên lạc.

Không thể tiết lộ tên thật của mình, tôi đã liên lạc với các nhà báo này dưới nhiều danh tính, những mặt nạ dùng tạm trong một thời gian và sau đó loại bỏ. Mặt nạ đầu tiên trong số này là "Cincinnatus", theo tên của người nông dân huyền thoại đã trở thành quan chấp chính La Mã và rồi tự nguyện từ bỏ quyền lực. Tiếp theo là "Citizenfour", một danh tính mà một số nhà báo cho rằng tôi tự coi mình là nhân viên bất đồng thứ tư trong lịch sử gần đây của NSA, sau Binney và hai đồng nghiệp đã cùng ông tố cáo chương trình TRAILBLAZER: J. Kirk Wiebe và Ed Loomis - mặc dù bộ ba trong tâm trí tôi lại là Thomas Drake, người đã tiết lộ sự tồn tại của TRAILBLAZER cho các nhà báo, và Daniel Ellsberg và Anthony Russo, hai người đã tiết lộ Hồ sơ Lầu năm góc, giúp vạch trần những sự lừa dối của Chiến tranh Việt Nam và đưa cuộc chiến này đi đến kết thúc. Cái tên cuối cùng tôi chọn cho thư từ liên lạc của mình là "Verax", tiếng La-tinh có nghĩa là "người nói sự thật", với hy vọng đưa ra một kiểu mẫu hacker thay thế cho "Mendax" (người nói dối) - biệt hiệu của chàng trai trẻ sau này lớn lên trở thành Julian Assange của WikiLeaks.

Bạn không thể thực sự đánh giá được cái khó khăn của việc ẩn danh trên mạng cho đến khi nào bạn thử hoạt động như thể cuộc đời bạn phụ thuộc vào điều đó. Hầu hết các hệ thống thông tin liên lạc được thiết lập trong Cộng đồng IC đều có một mục tiêu cơ bản duy nhất: không cho phép người nào theo dõi thông tin liên lạc lại có thể phân biệt được danh tính của những ai liên quan, hoặc có thể có bất kỳ cách nào đó truy ra được nguồn gốc của liên lạc này là một cơ quan của IC. Đây là lý do tại sao IC gọi các trao đổi này là "không dấu vết". Tình trạng ẩn danh của nghề gián điệp trước thời Internet rất nổi tiếng, chủ yếu là nhờ TV và điện ảnh: ví dụ như một địa chỉ nhà an toàn được mã hóa bằng hình vẽ bậy trong buồng tắm, hay xáo trộn thành những chữ viết tắt của một mẩu rao vặt đăng báo. Hay là những "hộp thư mật" thời Chiến tranh Lạnh, những vệt phấn trên các thùng thư báo hiệu rằng một gói bí mật đang chờ đợi bên trong một thân cây rỗng nào đó ở một công viên. Phiên bản hiện đại có thể là những tài khoản giả mạo để tán chuyện giả mạo trên một website hẹn hò, hoặc, thông thường hơn, chỉ là một ứng dụng có vẻ vô hại để lại các tin nhắn có vẻ vô hại trên một máy chủ Amazon có vẻ vô hại do CLA bí mật kiểm soát. Tuy nhiên, điều tôi muốn là một phương cách còn tốt hơn thế - một phương cách gì đó không yêu cầu phải phô trương ra như vậy và không tốn ngân khoản nào.

Tôi quyết định sử dụng đường kết nối Internet của người khác. Tôi ước gì đó chỉ đơn giản là đi đến một tiệm McDonald hoặc Starbucks và đăng

nhập vào Wi-Fi của họ. Nhưng những nơi đó có camera quan sát, và biên lai tính tiền, và nhiều người khác - những bộ nhớ biết đi. Hơn nữa, mọi thiết bị không dây, từ điện thoại đến máy tính xách tay, đều có một mã nhận dạng riêng biệt trên toàn cầu được gọi là MAC *(Machine Address Code* - Mã địa chỉ máy), được lưu lại trong mọi điểm truy cập mà thiết bị đó kết nối - một chỉ dấu chứng cớ về các hoạt động của người dùng.

Cho nên tôi đã không đến McDonald hay Starbucks - tôi cứ lái xe đi không ngừng. Cụ thể là tôi biến chiếc xe của mình thành một máy dò Wi-Fi lưu động. Muốn làm việc này, bạn cần một máy tính xách tay, một ăng-ten công suất cao và một bộ cảm biến GPS có nam châm, có thể gắn trên nóc xe. Điện được cung cấp bởi xe hơi hoặc pin di động, hoặc bằng chính chiếc máy tính xách tay. Tất cả mọi thứ bạn cần có thể bỏ gọn trong một chiếc ba-lô.

Tôi đã mang theo một chiếc máy tính xách tay giá rẻ chạy TAILS, đó là một hệ điều hành "mất trí nhớ" trên nền Linux - có nghĩa là nó sẽ quên hết mọi thứ khi bạn tắt nguồn, và lại chạy như mới khi bạn khởi động máy, không hề có nhật ký truy cập hay dấu vết bộ nhớ của bất cứ công việc gì đã thực hiện trên chiếc máy đó. TAILS cho phép tôi dễ dàng "giả mạo", hay ngụy trang địa chỉ MAC của máy tính xách tay: bất cứ khi nào nó nối mạng, nó để lại bản lưu địa chỉ MAC của một máy tính khác, hoàn toàn không liên quan đến máy tính của tôi. Rất được việc, TAILS còn tích hợp tính năng hỗ trợ kết nối với mạng Tor ẩn danh.

Vào ban đêm và ngày cuối tuần, tôi lái xe vòng vòng gần như là toàn bộ đảo Oahu, để cho ăng-ten của tôi bắt xung của từng mạng Wi-Fi. Cảm biến GPS của tôi đã gán tên từng điểm truy cập với vị trí toạ độ mà nó đã được thông báo, nhờ vào một chương trình lập bản đồ mà tôi sử dụng có tên là Kismet. Kết quả là một bản đồ của các hệ thống mạng vô hình mà ta đi qua mỗi ngày không hề hay biết, trong đó có một tỷ lệ cao kinh khủng những mạng không hề có bảo mật gì cả hoặc có bảo mật nhưng tôi có thể vượt qua dễ như chơi. Một số mạng đòi hỏi phải hack tinh vi hơn. Tôi thường nhanh chóng gây nghẽn một hệ thống mạng, khiến những người dùng hợp pháp của nó bị mất kết nối; trong lúc họ cố gắng kết nối lại, họ đã tự động phát lại trên mạng các "gói xác thực" *(authentication packets)* mà tôi có thể chặn được và dễ dàng giải mã thành các mật khẩu cho phép mình đăng nhập giống như bất kỳ người dùng "được cấp quyền" nào khác.

Với bản đồ mạng này trong tay, tôi đã lái xe quanh Oahu như một kẻ điên, cố gắng kiểm tra email của mình để xem có nhà báo nào trả lời tôi chưa. Sau khi liên lạc với Laura Poitras, tôi đã dành phần lớn thời gian

buổi tối để viết thư cho bà ấy - lúc ngồi sau tay lái ở bãi biển, lấy trộm sóng Wi-Fi từ một khu resort gần đó. Với một số nhà báo đã chọn, tôi cần phải thuyết phục họ sử dụng email mã hóa, một chuyện khổ sở vào năm 2012. Trong một số trường hợp, tôi phải chỉ cho họ cách làm, nên tôi đã đưa lên mạng các hướng dẫn từng bước - lúc ngồi trong chiếc xe vẫn nổ máy trong một bãi đậu xe, tận dụng hệ thống mạng của một thư viện. Hay của một trường học. Hay của một trạm xăng. Hay của một ngân hàng - một nơi bảo mật kém kinh khủng. Vấn đề là không tạo ra bất kỳ dạng thức lặp lại nào.

Trên ga-ra đỗ xe của một trung tâm thương mại, vững tin khi biết rằng ngay lúc đóng nắp máy tính xách tay lại, bí mật của mình vẫn an toàn, tôi đã thảo ra những bản tuyên ngôn giải thích lý do tôi đứng ra tố cáo công khai, nhưng sau đó tôi lại xóa đi. Và rồi tôi đã thử viết những email gửi cho Lindsay, để rồi cũng xóa. Tôi không sao viết được thành lời.

$_0O_0$

23
Đọc, ghi, thực thi

ĐỌC, GHI, THỰC THI: trong điện toán, những hoạt động này được gọi là quyền hạn. Về mặt chức năng, chúng xác định phạm vi thẩm quyền của bạn trong một máy tính hoặc mạng máy tính, xác định chính xác những gì bạn có thể và không thể làm. Quyền *đọc* cho phép bạn truy cập vào nội dung của tập tin, trong khi quyền *ghi* cho phép bạn sửa đổi tập tin. Trong khi đó, *thực thi có* nghĩa là bạn có khả năng cho vận hành một tập tin hoặc chương trình, để xúc tiến các hoạt động mà nó được thiết kế để thực hiện.

Đọc, Ghi, Thực thi: đây là kế hoạch ba bước đơn giản của tôi. Tôi muốn đào sâu vào trung tâm của hệ thống mạng được bảo mật nhất thế giới để tìm ra sự thật, tạo một bản sao, và đưa nó ra công chúng. Và tôi đã phải làm tất cả những điều này sao cho không bị phát hiện - không ai biết tôi đọc, ghi và thực thi những gì.

Hầu hết mọi việc bạn làm trên máy tính, trên bất kỳ thiết bị nào, đều để lại một mục ghi nhận. Không nơi nào mà điều này lại đúng cho bằng ở NSA. Mỗi lần đăng nhập và đăng xuất sẽ tạo ra một mục nhật ký truy cập. Mỗi quyền hạn tôi sử dụng đều để lại dấu vết chứng cớ của nó. Mỗi lần tôi mở một tập tin, mỗi lần tôi sao chép một tập tin, hoạt động ấy được ghi nhận hết. Mỗi lần tôi tải xuống, dời đi, hoặc xóa một tập tin cũng đều được ghi nhận, và nhật ký bảo mật sẽ được cập nhật để phản ánh các hoạt động này. Có những mục ghi nhận dòng lưu thông dữ liệu trong hệ thống mạng, có những mục ghi nhận mã xác minh kỹ thuật số - mọi người thậm chí còn nói đùa về các camera giấu trong phòng tắm, trong các buồng vệ sinh. NSA có không ít các chương trình phản gián chuyên do thám những người đang theo dõi người khác, và thậm chí nếu có ai phát hiện tôi đang làm gì ngoài quyền hạn của mình, thì hậu quả sẽ không chỉ là một tập tin bị xóa.

May mắn thay, sức mạnh của các hệ thống này cũng chính là điểm yếu: Vì chúng phức tạp cho nên ngay cả những người vận hành cũng không nhất thiết phải biết chúng hoạt động như thế nào. Không ai thực sự hiểu chúng chồng chéo ở đâu và những kẽ hở của chúng ở đâu. Tức là không một ai, ngoại trừ các quản trị viên hệ thống. Nói cho cùng, những hệ thống giám sát tinh vi mà bạn có thể tưởng tượng ra - những hệ thống có cái tên đáng sợ như MIDNIGHTRIDER - thì ngay từ đầu cũng phải được một ai đó cài đặt chúng vào hệ thống. NSA có thể đã trả tiền cho hệ thống mạng

này, nhưng những người quản trị hệ thống như tôi mới là người thực sự làm chủ nó.

Giai đoạn Đọc sẽ liên quan đến việc nhảy múa qua mạng lưới cạm bẫy kỹ thuật số giăng khắp các tuyến đường kết nối NSA với mọi cơ quan tình báo khác, trong và ngoài nước. Trong số đó có nước Anh đối tác, Tổng bộ Thông tin Chính phủ *(Government Communications Headquarters* - GCHQ), nơi đang thiết lập những hệ thống càn quét thông tin như OPTICNERVE, chương trình cứ mỗi năm phút lại lưu một bản sao nội dung thu được từ camera của những người nói chuyện qua video trên các nền tảng như Yahoo Messenger, và PHOTONTORPEDO, chương trình thâu tóm địa chỉ IP của người dùng MSN Messenger. Bằng cách sử dụng Heartbeat để lấy về các tài liệu mong muốn, tôi có thể "thu thập đại trà" để chống lại những người đã "thu thập đại trà" chống lại công chúng, một hành động thực tế đã biến Cộng đồng Tình báo Mỹ thành con quái vật Frankenstein. Các công cụ bảo mật của NSA vẫn theo dõi xem ai đã đọc những gì, nhưng điều này không thành vấn đề. Bất kỳ ai bận tâm kiểm tra nhật ký truy cập của họ thì đến bây giờ đều đã quen với hệ thống Heartbeat của tôi. Sẽ không hề có báo động. Đó là vỏ bọc hoàn hảo.

Nhưng cho dù Heartbeat hoạt động như một cách thu thập các tập tin - quá nhiều tập tin - nó chỉ đưa chúng về máy chủ ở Hawaii, một máy chủ lưu giữ nhật ký truy cập mà ngay cả tôi cũng không thể tránh né được. Tôi cần một cách nào đó để làm việc với các tập tin này, tìm kiếm trong đó, và loại bỏ những thứ không liên quan và không thú vị, cùng với những tập tin nào chứa đựng những bí mật chính đáng mà tôi sẽ không cung cấp cho các nhà báo. Vào thời điểm này, vẫn trong giai đoạn Đọc của tôi, khả năng rủi ro lại rất cao, chủ yếu là do các giao thức mạng mà tôi gặp phải đã không còn hướng đến việc giám sát nữa mà là để ngăn chặn. Nếu tôi chạy các tìm kiếm của mình trên máy chủ Heartbeat này, nó sẽ nháy sáng một dấu hiệu điện tử báo động HÃY BẮT TÔI.

Tôi mất một thời gian suy nghĩ điều này. Tôi không thể cứ sao chép các tập tin trực tiếp từ máy chủ Heartbeat vào một thiết bị lưu trữ cá nhân và tung tăng ra khỏi Đường hầm mà không bị bắt. Dù vậy, những gì tôi có thể làm là đưa các tập tin này đến gần hơn, hướng chúng đến một trạm phụ trung gian.

Tôi không thể chuyển chúng đến một trong những máy tính thông thường của chúng tôi, bởi vì đến năm 2012, toàn bộ máy tính cá nhân trong Đường hầm đã được nâng cấp lên loại mới là "máy khách phụ thuộc" *(thin client):* Những máy tính bất lực với ổ đĩa và CPU bị hạn chế, không thể tự nó lưu

trữ hoặc xử lý dữ liệu mà thực hiện mọi việc lưu trữ và xử lý trên đám mây. Nhưng ở một góc bị lãng quên của cơ quan này, có một chồng cao các máy tính để bàn không còn sử dụng - những chiếc máy đời cũ, bỏ không, đã được xóa sạch ổ đĩa rồi phế thải. Khi tôi nói "cũ" ở đây là tôi muốn nói "còn mới" theo tiêu chuẩn của những ai không sống bằng ngân sách khổng lồ cỡ NSA. Chúng là các máy tính Dell khoảng năm 2009 hoặc 2010, những khối chữ nhật lớn màu xám có trọng lượng khá nhẹ, có thể tự lưu trữ và xử lý dữ liệu mà không cần kết nối với đám mây. Tôi thích các máy cũ này ở điểm là chúng dù vẫn nằm trong hệ thống NSA, nhưng thực tế chúng không bị theo dõi chặt, miễn là tôi không kết nối chúng vào các hệ thống mạng trung tâm.

Tôi có thể dễ dàng biện minh việc cần phải sử dụng các thùng máy lạnh lùng, đáng tin cậy này bằng cách tuyên bố rằng tôi đang cố gắng làm cho Heartbeat hoạt động được với các hệ điều hành cũ. Nói cho cùng, đâu phải tất cả mọi người ở mọi cơ sở của NSA đều đã được trang bị một "máy khách" đời mới. Và nếu hãng Dell muốn triển khai một phiên bản dân sự của phần mềm Heartbeat thì sao? Hoặc nếu CIA, hoặc FBI, hoặc một cơ quan khác cũng lạc hậu về công nghệ như vậy muốn sử dụng Heartbeat thì sao? Với cái cớ kiểm tra khả năng tương thích, tôi có thể chuyển các tập tin sang các máy tính cũ này, nơi tôi có thể tìm kiếm, chọn lọc và sắp xếp chúng tùy ý, miễn là tôi cẩn thận. Tôi đang vác một trong những cái thùng máy cũ kềnh càng đó trở lại bàn làm việc của mình thì đi ngang qua một trong những giám đốc CNTT của Đường hầm, người này đã ngăn tôi lại và hỏi tôi cần nó để làm gì - chính ông ta là người đề xuất việc loại bỏ các thứ này. "Đánh cắp bí mật", tôi đáp, và cả hai cùng cười vang.

Giai đoạn Đọc kết thúc với các tập tin mong muốn đã được sắp xếp gọn gàng thành các thư mục. Nhưng chúng vẫn nằm trong một chiếc máy tính không phải của tôi, vẫn ở trong Đường hầm dưới lòng đất. Bắt đầu giai đoạn Ghi, một giai đoạn trong ý đồ của tôi đồng nghĩa với một quá trình chậm chạp, nhàm chán nhưng cũng rất đáng sợ, để sao chép các tập tin từ chiếc máy Dell cũ vào phương tiện nào đó mà tôi có thể lén mang ra khỏi tòa nhà này.

Cách dễ nhất và an toàn nhất để sao chép tập tin từ bất kỳ máy trạm nào của cộng đồng IC cũng là cách lâu đời nhất: máy ảnh. Smartphone tất nhiên là bị cấm trong các tòa nhà NSA, nhưng nhân viên vẫn luôn vô tình mang chúng vào mà không ai biết. Họ để chúng trong túi đựng đồ tập thể dục hoặc trong túi áo gió. Nếu họ bị bắt gặp mang điện thoại trong một cuộc kiểm tra ngẫu nhiên và họ thộn mặt ra ngạc nhiên chứ không hoảng

loạn la hét tiếng Tàu vào chiếc đồng hồ đeo tay của mình, thì họ sẽ chỉ bị nhắc nhở, nhất là khi mới vi phạm lần đầu. Nhưng đưa một chiếc smartphone chứa đầy bí mật NSA ra khỏi Đường hầm là một nước cờ thí nguy hiểm hơn. Điều lạ lùng là không hề có ai chú ý - hoặc quan tâm - nếu tôi đi ra ngoài với chiếc smartphone. Nó có thể là một công cụ thích hợp cho một nhân viên đang toan tính sao chép một bản báo cáo tra tấn duy nhất, nhưng tôi không điên tới mức toan tính dùng điện thoại để chụp hàng ngàn bức ảnh màn hình máy tính của mình ngay giữa một cơ sở tối mật. Ngoài ra, chiếc điện thoại ấy sẽ phải được cấu hình theo cách nào đó mà ngay cả các chuyên gia điều tra hàng đầu thế giới nếu có thu giữ và lục soát trong đó cũng không tìm thấy bất cứ thứ gì lẽ ra không nên có.

Tôi sẽ không công bố phương cách chính xác mà tôi đã tiến hành giai đoạn Ghi của mình - sao chép và mã hóa tài liệu - để cho NSA ngày mai vẫn còn đứng vững. Tuy vậy, tôi sẽ đề cập đến công nghệ lưu trữ tôi đã sử dụng cho các tập tin đã sao chép này. Quên ổ đĩa USB đi; chúng rất cồng kềnh mà dung lượng lưu trữ lại khá nhỏ. Thay vào đó, tôi đã sử dụng các thẻ SD - từ viết tắt của *Secure Digital*. Trên thực tế, tôi đã đi mua nhiều thẻ mini-SD và micro-SD.

Bạn sẽ nhận ra các thẻ SD nếu bạn đã từng sử dụng máy ảnh hay máy quay kỹ thuật số, hoặc cần thêm dung lượng lưu trữ cho máy tính bảng. Chúng là một loại thẻ dẹp nhỏ xíu, phép màu của bộ nhớ cố định, và hết sức dễ cất giấu - kích thước 20x21,5 mm cho loại mini, 15x11 mm cho loại micro. Bạn có thể để một thẻ nằm gọn bên trong một ô vuông đã được nạy ra của khối Rubik, rồi dán ô vuông ấy lại, và không ai có thể nhận biết. Trong những lần thử khác, tôi giấu một chiếc thẻ trong bít-tất, hoặc, trong lúc hoang tưởng nhất, giấu trong má để nếu cần thì tôi có thể nuốt luôn. Cuối cùng, khi tôi đã tự tin và chắc chắn với các phương pháp mã hóa của mình, tôi chỉ cần giữ một thẻ ở dưới đáy túi. Chúng hầu như không hề kích hoạt máy dò kim loại, và có ai mà lại không tin rằng tôi chỉ đơn giản là bỏ quên một vật quá nhỏ mà thôi?

Tuy nhiên, kích thước của thẻ SD có một nhược điểm: chúng ghi cực kỳ chậm. Thời gian sao chép những khối lượng dữ liệu khổng lồ luôn rất lâu - ít nhất là luôn lâu hơn bạn mong muốn - nhưng thời lượng này thường kéo dài hơn nữa khi bạn sao chép không phải vào một ổ đĩa cứng tốc độ nhanh mà là vào một miếng Silicon mỏng cực nhỏ được bọc nhựa. Ngoài ra, tôi không chỉ sao chép. Tôi lúc đó còn khử lặp, nén nhỏ, mã hóa, mà những quy trình này không có cái nào có thể được thực hiện đồng thời với bất kỳ quy trình nào khác. Tôi đã sử dụng mọi kỹ năng mà tôi đã có được trong

công việc lưu trữ của mình, bởi vì về cơ bản, đó là những gì tôi đang làm. Tôi đang lưu trữ những tài liệu lưu trữ của NSA, tạo một bản sao ngoài hệ thống để làm bằng chứng về việc lộng quyền của cộng đồng IC.

Có thể mất đến tám giờ hoặc hơn - toàn bộ nhiều ca làm việc - để ghi đầy một thẻ SD. Và mặc dù tôi đã chuyển sang làm ca đêm trở lại, những giờ phút ấy thật kinh hoàng. Chỉ có chiếc máy tính cũ đang rù rì, màn hình tắt, trong phòng chỉ có nguồn sáng duy nhất là một ô đèn trần huỳnh quang đã giảm cường độ để tiết kiệm điện sau giờ làm việc. Và một mình tôi, thỉnh thoảng lại bật lại màn hình lên kiểm tra tiến độ và rúm người lo sợ. Bạn biết cảm giác đó - một cảm giác hoàn toàn địa ngục khi theo dõi thanh tiến độ nhích dần báo hiệu 84% đã hoàn thành, 85% đã hoàn thành... Còn 1 giờ 58 phút 53 giây... Trong lúc thanh tiến độ dần dần được lấp đầy bằng sự an lòng nhẹ nhõm ở mức 100%, tất cả tập tin đã được sao chép, tôi thường toát mồ hôi, toàn nhìn thấy bóng người và nghe tiếng bước chân ở mọi ngóc ngách.

Thực thi: Đó là bước cuối cùng. Khi mỗi thẻ đã ghi đầy, tôi phải tiến hành cái thông lệ tẩu tán của mình. Tôi phải đưa những tài liệu lưu trữ quan trọng đó ra khỏi tòa nhà, đi ngang qua các cấp trên và những bộ quân phục, xuống cầu thang và ra khỏi đại sảnh trống vắng, vượt qua máy quét phù hiệu và đội bảo vệ có vũ khí và những cạm bẫy người - những khu vực an ninh có hai cửa mà cánh cửa kế tiếp sẽ không mở ra cho đến khi cánh cửa trước đóng chặt và quá trình quét phù hiệu đã chấp nhận bạn, còn nếu không, hoặc nếu có bất cứ điều gì khác xảy ra, bảo vệ sẽ rút súng ra và hai cánh cửa sẽ nhốt bạn lại và bạn chỉ còn biết nói, "Ồ, thật là phiền phức quá nhỉ?". Do bao nhiêu báo cáo mà tôi đã nghiên cứu và bao nhiêu ác mộng mà tôi đã gặp, tôi tin chắc mình sẽ bị tóm ở ngay khu vực đó. Lần nào ra về, tôi cũng sợ điếng người. Tôi phải buộc mình không được nghĩ đến chiếc thẻ SD. Khi bạn nghĩ về nó thì hành vi của bạn sẽ khác thường, sẽ khả nghi.

Một kết quả bất ngờ của việc hiểu rõ hơn hệ thống giám sát của NSA là tôi cũng hiểu rõ hơn về những nguy hiểm mình phải đối mặt. Nói cách khác, việc tìm hiểu về các hệ thống của NSA đã dạy tôi cách không bị họ phát hiện. Cẩm nang của tôi về vấn đề này là những bản cáo trạng mà chính phủ đã dùng để buộc tội các cựu nhân viên tình báo - hầu hết là những kẻ khốn nạn thực sự đã đánh cắp thông tin mật vì tư lợi. Tôi đã tổng hợp và nghiên cứu tất cả những cáo trạng như thế trong khả năng tìm được. FBI - cơ quan điều tra mọi tội phạm trong Cộng đồng IC - đã rất tự hào khi giải thích chính xác làm thế nào họ bắt được các nghi can của họ,

và tin tôi đi, tôi đã không phiền lòng khi được hưởng lợi từ kinh nghiệm của FBI. Dường như trong hầu hết mọi trường hợp, FBI sẽ chờ đợi đến khi nào nghi can đã hoàn thành công việc và chuẩn bị về nhà thì mới bắt giữ. Đôi khi, họ sẽ để nghi can mang tài liệu ra khỏi một Cơ sở Thông tin Đặc biệt Nhạy cảm *(Sensitive Compartmented Information Facility* - SCIF) - một tòa nhà hoặc một phòng được bảo vệ chống theo dõi - và đưa ra công chúng, nơi mà sự xuất hiện của tài liệu này chính là một tội cấp liên bang. Tôi cứ tưởng tượng một đội đặc vụ FBI đang mai phục mình - ở đó, công khai giữa ban ngày, ngay đầu bên kia của Đường hầm.

Tôi thường cố gắng bông đùa với đội bảo vệ, và đây là lúc khối Rubik của tôi có ích nhất. Đội bảo vệ và mọi người khác trong Đường hầm đều biết tôi là anh chàng mê Rubik, bởi vì tôi luôn xoay xoay vặn vặn khối vuông đó khi tôi đi dọc theo các hành lang. Tôi đã thành thạo đến mức thậm chí có thể xoay bằng một tay. Nó trở thành biểu tượng của tôi, đồ chơi trí tuệ của tôi và là một phương tiện tiêu khiến cho bản thân tôi cũng như cho đồng nghiệp. Hầu hết họ đều nghĩ rằng đó là một trò màu mè của tôi, hoặc một kiểu mào đầu câu chuyện khác người. Đúng thế đấy, nhưng chủ yếu nó giúp tôi bớt lo lắng. Nó giúp tôi bình tĩnh.

Tôi mua một vài khối Rubik và đem phân phát. Ai mà chịu nhận thì tôi chỉ dẫn cách chơi. Càng nhiều người quen thuộc với mấy khối vuông đó thì càng ít người chú ý đến khối Rubik của tôi.

Tôi đã thân với đội bảo vệ, hoặc tôi tự nghĩ như thế, chủ yếu là vì tôi biết tâm trí của họ ở đâu: ở nơi khác. Tôi đã từng làm công việc tương tự như họ, thời ở Trung tâm CASL. Tôi biết thế nào là chán chường khi cả đêm phải đứng, giả vờ cảnh giác. Chân đau nhức. Sau một thời gian, toàn thân đều đau nhức. Và bạn có thể cô đơn đến mức sẵn sàng nói chuyện với một bức tường.

Tôi muốn mình thú vị hơn một bức tường, nên với mỗi chướng ngại con người kia, tôi cố xây dựng một lối bắt chuyện riêng. Với người này tôi sẽ nói về chứng mất ngủ và những khó khăn khi ngủ ban ngày (đừng quên là tôi làm ca đêm, vì vậy tôi thường chuyện trò với họ vào khoảng hai giờ sáng). Với người khác tôi lại bàn chuyện chính trị. Có một người bảo vệ hay gọi đảng Dân chủ là "Dân chửi", nên tôi phải đọc website tin tức *Breitbart News* ủng hộ chính trị cực hữu để có chuyện mà nói. Điểm chung của cả đội bảo vệ đó là phản ứng của họ với khối Rubik của tôi: nó khiến họ cười vui. Trong suốt quá trình làm việc của tôi tại Đường hầm, hầu như tất cả các bảo vệ đều nói đại khái như nhau là, "Ồ, hồi nhỏ tôi cũng đã thử chơi trò này", và rồi ai cũng nói, "Tôi đã từng chơi ăn gian bằng cách tháo

hết các miếng dán ra rồi dán lại cho đúng vị trí". Tôi cũng thế, anh bạn. Tôi cũng thế.

Chỉ khi về đến nhà, tôi mới có thể thư giãn, dù chỉ chút ít. Tôi vẫn còn lo là nhà mình bị gắn thiết bị do thám - một trong những phương pháp hay ho mà FBI đã dùng để theo dõi những người mà họ cho là đáng ngờ về lòng trung thành. Tôi cứ gạt bỏ những quan tâm lo lắng của Lindsay về chứng mất ngủ của tôi cho đến lúc cô ấy ghét tôi và tôi cũng ghét chính mình. Lindsay lên giường ngủ còn tôi ra ghế xa-lông nằm, như một đứa trẻ chơi trốn tìm, ôm máy tính xách tay ẩn náu dưới tấm chăn vì vải bông ngăn chặn được camera quan sát. Khi đã không còn nguy cơ bị bắt giữ ngay lập tức, tôi chỉ biết tập trung vào việc chuyển các tập tin này sang một thiết bị lưu trữ bên ngoài lớn hơn thông qua máy tính xách tay của tôi - chỉ có ai đó không hiểu rõ về công nghệ lắm mới cho rằng tôi sẽ lưu chúng trong máy tính xách tay mãi mãi - và khóa chặt các tập tin dưới nhiều lớp thuật toán mã hóa bằng cách dùng nhiều cách triển khai khác nhau, vì thế dẫu có một thuật toán bị phá mã thì các thuật toán khác vẫn sẽ duy trì mức an toàn.

Tôi đã cẩn thận không để lại bất kỳ dấu vết nào trong hoạt động của mình và tôi cũng chú trọng mã hóa làm sao không để lại dấu vết của các tài liệu này ở nhà. Dù vậy, tôi vẫn biết có một số tài liệu có thể dò nguồn ra tôi một khi tôi đã gửi chúng cho các nhà báo và chúng đã được giải mã. Nhân viên điều tra mà truy tìm xem nhân viên nào trong NSA đã hoặc có thể truy cập những gì, thì tất cả các tài liệu này sẽ đưa ra một danh sách trong đó chỉ có một cái tên duy nhất: tên tôi. Tất nhiên, tôi có thể cung cấp cho các nhà báo ít tài liệu hơn, nhưng sau đó họ sẽ không thể làm công việc của họ một cách hiệu quả nhất. Cuối cùng, tôi đã phải chấp nhận thực tế là ngay cả một trang PowerPoint báo cáo tóm tắt hoặc một tập tin PDF cũng đủ gây nguy hiểm cho tôi rồi, bởi vì mọi tập tin kỹ thuật số đều chứa siêu dữ liệu, những cái thẻ ghi dấu vô hình có thể sử dụng để xác định nguồn gốc.

Tôi đã vắt vả tìm cách xử lý tình huống siêu dữ liệu này. Tôi lo rằng nếu tôi không loại bỏ thông tin nhận dạng khỏi các tài liệu thì chúng có thể buộc tội tôi ngay khi các nhà báo giải mã và mở ra đọc. Nhưng tôi cũng lo rằng khi loại hết siêu dữ liệu thì có rủi ro là tôi đã làm thay đổi các tập tin - nếu bị thay đổi theo bất kỳ cách nào, các tài liệu đó có thể khiến mọi người nghi ngờ về tính xác thực của chúng. Cái gì quan trọng hơn: an toàn cá nhân, hay lợi ích công cộng? Nghe có vẻ như là một lựa chọn dễ dàng, nhưng phải mất khá lâu tôi mới quyết định đương đầu. Tôi chấp nhận rủi ro và giữ nguyên vẹn siêu dữ liệu.

Tôi chấp nhận cũng có phần vì sợ rằng cho dù đã loại bỏ những siêu dữ liệu mà tôi biết đi nữa thì vẫn còn các mã chìm kỹ thuật số khác mà tôi không biết và không thể dò quét được. Một phần khác thì liên quan đến những khó khăn trong việc khử sạch siêu dữ liệu của các tài liệu một người dùng. Tài liệu một người dùng là tài liệu được đánh dấu bằng mã dành riêng cho người dùng, do đó, nếu bất kỳ biên tập viên nào của tờ báo quyết định chuyển nó cho chính phủ duyệt thì chính phủ sẽ biết ngay nguồn phát xuất tài liệu. Có khi mã xác định độc nhất này ẩn trong phần mã hóa ngày giờ, có khi nó liên quan đến dạng thức của các vi điểm trong một hình vẽ hoặc logo. Nhưng nó cũng có thể được chèn vào một cái gì khác, theo một cách nào khác, mà tôi chưa hề nghĩ đến. Tiến trình này lẽ ra đã khiến tôi nản lòng, nhưng trái lại nó càng tiếp sức cho tôi. Khó khăn về công nghệ đã buộc tôi, lần đầu tiên, phải đối mặt với viễn cảnh từ bỏ thói quen ẩn danh suốt đời của mình và bước ra tự nhận là nguồn tin công bố. Tôi sẽ tuân theo những nguyên tắc của mình bằng cách ký tên vào đó và để mọi người lên án.

Gộp hết lại, các tài liệu tôi chọn đã chứa vừa vặn trong một ổ đĩa duy nhất mà tôi để công khai trên bàn làm việc ở nhà. Tôi biết các tài liệu ấy bây giờ cũng được bảo mật an toàn chẳng khác gì được bảo mật ở cơ quan. Thực tế, chúng còn được bảo mật tốt hơn, nhờ nhiều cấp độ và nhiều phương pháp mã hóa. Đó là vẻ đẹp vô song của nghệ thuật mật mã. Một chút toán học có thể làm được những gì mà bao nhiêu súng đạn và dây thép gai không thể: một chút toán học có thể giữ kín bí mật.

24
Mã hóa

HẦU HẾT NHỮNG NGƯỜI DÙNG MÁY TÍNH, và kể cả các nhà báo, đều nghĩ rằng có một quyền hạn cơ bản thứ tư bên cạnh Đọc, Ghi và Thực thi - đó là "Xóa".

Trong điện toán, quyền Xóa ở khắp mọi nơi về phía người dùng. Nó nằm trong phần cứng dưới dạng một phím *Delete* trên bàn phím, và nó nằm trong phần mềm dưới dạng một lựa chọn trong menu lệnh thả xuống. Có cái gì đó có vẻ dứt khoát, tột cùng, khi chọn Xóa hay *Delete,* và một ý thức trách nhiệm nhất định. Đôi khi, một hộp thoại thậm chí còn nhảy ra để kiểm tra lần nữa: "Bạn có chắc không?". Nếu máy tính đoán ý bạn bằng cách yêu cầu xác nhận - hãy nhấp vào "Có" - như vậy hành động Xóa sẽ là một kết quả, thậm chí có thể là quyết định tối hậu.

Chắc chắn là điều đó cũng đúng trong thế giới bên ngoài máy tính, nơi sức mạnh xóa bỏ trong lịch sử vốn rất lớn lao. Mặc dù vậy, như vô số những kẻ chuyên quyền bạo ngược đã được nhắc nhở, muốn thực sự xóa bỏ một tài liệu, bạn không thể chỉ phá hủy mọi bản sao của nó là xong. Bạn cũng phải phá hủy mọi ký ức về nó, nghĩa là bạn phải tiêu diệt tất cả những người đã ghi nhớ nó, cùng với mọi bản sao của tất cả tài liệu khác đã đề cập đến nó và tất cả những ai đã ghi nhớ hết những tài liệu khác ấy. Và lúc ấy, có lẽ, chỉ là có lẽ, nó mới biến mất.

Nhưng về mặt kỹ thuật, sự thật là khái niệm "xóa" ấy không hề tồn tại theo cách chúng ta vẫn hiểu. Xóa chỉ là một mưu mẹo, một bịa đặt, một hư cấu công khai, một sự lừa dối không hoàn toàn cao quý mà kỹ thuật điện toán sử dụng để trấn an bạn và khiến bạn yên tâm. Mặc dù các tập tin bị xóa đã biến đi không còn nhìn thấy, nó hiếm khi bị mất. Về mặt kỹ thuật, xóa thực ra chỉ là một hình thức của quyền hạn thứ hai, một kiểu Ghi. Thông thường, khi bạn nhấn Xóa cho một tập tin nào đó, dữ liệu của nó - đã được lưu lại ở đâu đó sâu kín trong ổ đĩa - thực sự không bị tác động gì. Các hệ điều hành hiện đại hữu hiệu không được thiết kế để đi sâu vào một ổ đĩa chỉ vì mục đích xóa bỏ một tập tin. Thay vào đó, chỉ có bản đồ vị trí lưu trữ tập tin của máy tính - một bản đồ được gọi là "bảng phân bổ tập tin" - là được ghi lại để nói rằng "Tôi không còn sử dụng không gian này cho điều gì quan trọng nữa". Có nghĩa là, giống như một cuốn sách bị lãng quên trong một thư viện bao la, tập tin được cho là bị xóa vẫn có thể đọc

được bởi bất cứ ai đủ kiên trì tìm kiếm. Nếu bạn chỉ xóa mục tham chiếu về nó, thì cuốn sách vẫn còn nguyên đó.

Thực tế, bạn có thể kiểm chứng điều này bằng kinh nghiệm. Lần tới khi bạn sao chép một tập tin, hãy tự hỏi tại sao lại mất nhiều thời gian như vậy trong khi ra lệnh xóa thì tập tin biến mất ngay lập tức. Câu trả lời là việc xóa không thực sự làm gì với tập tin cả ngoài việc che giấu nó đi. Nói một cách đơn giản, máy tính không được thiết kế để sửa lỗi lầm, mà để che giấu chúng đi - và chỉ che giấu chúng với những ai không biết phải tìm kiếm ở đâu.

$_0O_0$

Những ngày gần cuối năm 2012 đã mang đến một tin tức u ám: một số biện pháp vẫn còn bảo vệ công chúng bằng luật cấm theo dõi hàng loạt ở một số nước thành viên lớn của liên minh Five Eyes đã bị bãi bỏ. Chính phủ của cả Úc lẫn Anh đang đề xuất những bộ luật bắt buộc thu thập siêu dữ liệu điện thoại và Internet. Đây là lần đầu tiên các chính phủ mệnh danh là dân chủ lại công khai tuyên bố tham vọng thiết lập một kiểu cỗ máy do thám đi ngược thời gian, cho phép họ dùng công nghệ để quay ngược lại các sự việc trong cuộc đời của bất kỳ con người nào trong một giai đoạn từ nhiều tháng cho đến tận nhiều năm trong quá khứ. Ít nhất là đối với tôi, những nỗ lực này chắc chắn đã đánh dấu cái được gọi là sự thay đổi của thế giới phương Tây từ vai trò sáng tạo và bảo vệ Internet tự do sang vai trò đối thủ và hủy diệt tương lai. Tuy các luật này được biện minh như là những biện pháp an toàn công cộng, chúng lại thể hiện một hành vi xâm phạm kinh khủng vào cuộc sống hằng ngày của những người vô tội đến nỗi chúng gây khiếp đảm - hoàn toàn đúng - ngay cả công dân của các quốc gia khác, những người không nghĩ rằng mình bị ảnh hưởng (có lẽ vì chính phủ của họ đã quyết định theo dõi họ trong bí mật).

Những đề xuất công khai về giám sát hàng loạt ấy đã chứng minh dứt khoát rằng không hề có liên minh tự nhiên giữa công nghệ và chính phủ. Sự đối đầu giữa hai cộng đồng có mối quan hệ kỳ lạ này, Cộng đồng IC Mỹ và giới công nghệ trên mạng toàn cầu, đã trở nên khá rõ ràng. Trong những năm đầu tiên ở IC, tôi vẫn còn dung hòa được hai nền văn hóa này khi chuyển đổi thông suốt giữa công việc gián điệp và các mối quan hệ với những người bảo vệ quyền riêng tư trên Internet dân sự - đủ thành phần từ hacker vô chính phủ đến học giả tỉnh táo chuyên về mạng Tor, những

người luôn giúp tôi cập nhật những tiến triển trong nghiên cứu điện toán và truyền cảm hứng cho tôi về chính trị. Suốt nhiều năm, tôi đã có thể tự lừa dối mình rằng rốt cuộc thì cả chính phủ lẫn cộng đồng công nghệ đều đứng cùng một phía của lịch sử: Tất cả chúng tôi đều cố gắng bảo vệ Internet, giữ cho Internet luôn được an toàn và tự do. Nhưng rồi tôi không còn khả năng duy trì cái ảo tưởng ấy nữa. Bây giờ chính phủ, nhà tuyển dụng tôi, chắc chắn là ở bên phía đối phương. Những gì mà các bạn chuyên môn công nghệ trên mạng của tôi vẫn luôn nghi ngờ thì tôi mãi đến gần đây mới khẳng định được, và tôi không thể nói với họ. Hoặc là tôi chưa thể nói được lúc này.

Tuy nhiên, điều tôi có thể làm là giúp đỡ họ, miễn là điều đó không gây nguy hiểm cho các dự định của mình. Chính vì thế tôi mới ghé đến Honolulu, một thành phố xinh đẹp mà trước giờ tôi không quan tâm mấy, với tư cách là một trong những người tổ chức và giảng dạy của CryptoParty. Đây là một kiểu sự kiện tụ họp mới được hình thành của một phong trào quốc tế về căn bản mật mã học, tại đó các chuyên viên công nghệ tình nguyện dành thời gian để đứng lớp miễn phí cho công chúng về chủ đề tự bảo vệ bằng kỹ thuật số - cốt yếu là hướng dẫn những ai quan tâm các phương cách bảo mật thông tin liên lạc cá nhân. Trong nhiều phương diện, đây cũng chính là chủ đề tôi đã từng dạy ở Học viện Liên kết Đào tạo Phản gián (JCITA) trước đây, cho nên khi có cơ hội là tôi tham gia ngay.

Dù bạn có thể cho rằng tôi làm như thế là nguy hiểm, nếu xét đến các hoạt động khác mà tôi đang tham gia vào thời điểm đó, việc này thật ra chỉ là cách để khẳng định lần nữa rằng tôi tin tưởng như thế nào vào các phương pháp mã hóa mà tôi truyền đạt - chính những phương pháp đã bảo vệ cái ổ đĩa chứa đầy chứng cớ lạm quyền của IC đang nằm ở nhà tôi, với những lớp khóa mật mã mà ngay cả NSA cũng không thể phá được. Tôi biết rằng dẫu có bao nhiêu tài liệu, và dẫu có bao nhiêu tin bài báo chí, cũng không thể nào nói cho đủ về hiểm họa mà thế giới đang phải đối mặt. Mọi người cần có những công cụ để tự bảo vệ mình và họ cần biết cách sử dụng chúng. Xét đến việc tôi cũng đang cố gắng cung cấp cho các nhà báo những công cụ này, tôi đã lo rằng cách tiếp cận của tôi đã trở nên quá nặng kỹ thuật. Sau rất nhiều buổi dành thời gian giảng bài cho các đồng nghiệp, cơ hội đơn giản hóa đề tài này cho dễ hiểu đối với công chúng nói chung sẽ có ích cho tôi cũng như cho bất kỳ ai. Ngoài ra, tôi thực sự cũng nhớ nhung việc giảng dạy: đã một năm rồi kể từ lần cuối cùng tôi đứng trước

một lớp học, và ngay khi quay trở lại vị trí đó, tôi nhận ra rằng mình lâu nay đã dạy đúng bài nhưng sai đối tượng.

Khi tôi nói "lớp học", tôi không hề có ý nói đến những hình thức như các trường học hay phòng họp của cộng đồng IC. CryptoParty được tổ chức trong một phòng tranh nằm phía sau một cửa hàng bán đồ nội thất và không gian làm việc chung. Trong khi tôi đang lắp đặt máy chiếu để có thể chia sẻ các trang PowerPoint cho thấy sự dễ dàng của việc vận hành một máy chủ Tor - một việc sẽ có ích cho công dân của Iran, chẳng hạn, nhưng cũng có ích cho công dân Úc, Anh và Hoa Kỳ - thì các học viên của tôi tha thẩn đi vào, họ là một nhóm người lạ nhiều thành phần cùng một vài người bạn mới mà tôi chỉ quen trên mạng. Tổng cộng, tôi chắc là có khoảng hai mươi người đã có mặt vào buổi tối tháng Mười Hai ấy để nghe tôi và người cùng thuyết trình, Runa Sandvik, một cô gái Na Uy của The Tor Project. (Runa rồi sẽ trở thành giám đốc bảo mật thông tin cho tờ *New York Times,* và tờ báo này sẽ tài trợ cho các sự kiện CryptoParty về sau của cô). Điều hợp nhất cử tọa của chúng tôi không phải là sự quan tâm đến Tor, hay thậm chí là nỗi sợ bị theo dõi, mà là một mong muốn để tái lập ý thức nắm quyền kiểm soát các không gian riêng tư trong cuộc sống. Có mấy người lớn tuổi cỡ ông nội ông ngoại từ ngoài đường tha thẩn đi vào đây, có một nhà báo địa phương đang đưa tin về phong trào "Occupy!" ở Hawaii, và có một phụ nữ là nạn nhân của một trò trả thù bằng cách tung ảnh sex lên mạng. Tôi cũng mời một số đồng nghiệp NSA của mình, hy vọng họ sẽ quan tâm đến phong trào CryptoParty và tôi cũng muốn chứng tỏ là tôi không che giấu với cơ quan việc tham gia của mình. Nhưng chỉ có một đồng nghiệp có mặt, và ngồi ở phía sau, dạng chân, khoanh tay, cười ngạo suốt cả buổi.

Tôi bắt đầu bài thuyết trình bằng cách nói về bản chất ảo tưởng của việc xóa dữ liệu, mà mục đích là xóa bỏ hoàn toàn lại không bao giờ có thể đạt được. Những người ngồi nghe liền hiểu ngay lập tức. Tôi tiếp tục giải thích rằng, cùng lắm, dữ liệu mà họ không muốn ai nhìn thấy sẽ không được hủy đi mà bị ghi chồng lên: theo một nghĩa nào đó, sẽ được viết nguệch ngoạc đè lên bằng những dữ liệu ngẫu nhiên hoặc giả vờ ngẫu nhiên cho đến khi bản gốc không còn đọc được nữa. Nhưng, tôi cảnh báo, ngay cả cách này cũng có nhược điểm. Luôn có khả năng tập tin mà họ đang hy vọng sẽ xóa được lại bị hệ điều hành âm thầm giấu đi một bản sao vào trong một góc lưu trữ tạm thời nào đó mà họ không hề biết.

Nói tới đó thì tôi chuyển sang vấn đề mã hóa.

Xóa dữ liệu là giấc mơ cho kẻ theo dõi và là ác mộng cho kẻ bị theo dõi, nhưng mã hóa lại là, hoặc sẽ là, một thực tại cho cả hai. Đó là cách bảo vệ thực sự duy nhất chống lại sự theo dõi. Nếu từ đầu, toàn bộ ổ đĩa lưu trữ của bạn được mã hóa thì những đối thủ của bạn không thể lục lọi trong đó tìm kiếm các tập tin đã bị xóa hay bất cứ thứ gì khác - trừ khi họ có chìa khóa giải mã. Nếu tất cả các email trong hộp thư đến của bạn được mã hóa, Google không thể đọc chúng để lập hồ sơ cá nhân về bạn - trừ khi họ có chìa khóa giải mã. Nếu tất cả các thông tin liên lạc của bạn đi qua các hệ thống mạng thù địch của Úc hoặc Anh hoặc Mỹ hoặc Trung Quốc hoặc Nga đều được mã hóa thì các điệp viên không thể đọc được chúng - trừ khi họ có chìa khóa giải mã. Đây là nguyên tắc mã hóa có tính định đoạt: người nắm chìa khóa sẽ nắm toàn quyền.

Mã hóa hoạt động bằng các thuật toán, tôi giải thích. Thuật toán mã hóa nghe thì có vẻ đáng sợ và chắc chắn là trông đáng sợ khi viết nó ra, nhưng khái niệm này khá sơ đẳng. Nó là một phương pháp toán học để chuyển đổi theo cách đảo ngược thông tin - ví dụ như email, cuộc gọi điện thoại, hình chụp, video và tập tin của bạn - theo cách nào đó để làm cho thông tin trở thành không thể hiểu được đối với những ai không có một bản sao của chìa khóa giải mã. Bạn có thể xem một thuật toán mã hóa hiện đại là một cây đũa thần mà bạn có thể vung vẩy trên một tài liệu để thay đổi từng chữ cái thành một ngôn ngữ mà chỉ bạn và những người bạn tin cậy mới có thể đọc, và chìa khóa giải mã là câu thần chú duy nhất để hoàn tất phép thuật này và khiến cho cây đũa thần hoạt động. Có bao nhiêu người biết bạn sử dụng cây đũa thần cũng không quan trọng, miễn là bạn có thể giữ kín câu thần chú riêng của mình không cho những kẻ bất tín biết được.

Các thuật toán mã hóa về cơ bản chỉ là các tập hợp bài toán được đặt ra sao cho cực kỳ khó khăn đến mức các máy tính cũng không giải được. Chìa khóa giải mã là manh mối duy nhất cho phép máy tính giải được tập hợp bài toán nào đó đang được sử dụng. Bạn đẩy dữ liệu có thể đọc được của mình, được gọi là bản gốc *(plaintext),* vào một đầu thuật toán mã hóa, và một nội dung vô nghĩa không thể hiểu được, gọi là bản mã *(ciphertext),* sẽ đi ra đầu kia. Nếu ai muốn đọc bản mã, họ sẽ đưa nó vào thuật toán trở lại cùng với chìa khóa chính xác - điều bắt buộc - và bản gốc lại xuất hiện. Dù các thuật toán khác nhau sẽ cung cấp các mức độ bảo vệ khác nhau, tính bảo mật của chìa khóa giải mã thường dựa trên độ dài của nó, điều này cho thấy mức độ khó khăn khi phải giải bài toán cơ sở của một thuật toán cụ thể. Trong các thuật toán dựa mối tương quan này - chìa khóa dài hơn thì bảo mật tốt hơn - mức độ khó giải mã sẽ tăng theo cấp số nhân. Nếu ta giả

sử rằng một kẻ đột kích phải mất một ngày để phá mã được một chìa khóa 64 bít - tức là xáo trộn dữ liệu của bạn theo một trong 2^{64} cách có thể (18.446.744.073.709.551.616 cách hoán vị hoàn toàn không giống nhau) - thì sẽ mất gấp đôi thời gian đó, hai ngày, để phá mã một chìa khóa 65 bít, và bốn ngày để phá mã một chìa khóa 66 bit. Việc phá mã một chìa khóa 128 bit sẽ mất thời gian gấp 2^{64} lần so với một ngày, tương đương năm mươi triệu tỷ năm. Đến lúc đó chắc tôi đã được ân xá rồi.

Khi liên lạc với các nhà báo, tôi đã sử dụng các chìa khóa 4096 bit và 8192 bit. Điều này có nghĩa là chừng nào còn chưa có những phát kiến đột phá trong công nghệ điện toán hoặc chưa định nghĩa lại từ cơ bản các nguyên tắc cấp số nhân, thì ngay cả khi mọi chuyên viên mật mã của NSA sử dụng toàn bộ sức mạnh tính toán của cả thế giới hợp lại, cũng không thể phá mã được cái ổ đĩa cứng của tôi. Vì lý do đó, mã hóa là hy vọng tốt nhất độc nhất để chống lại sự theo dõi dưới bất kỳ hình thức nào. Nếu tất cả dữ liệu của ta, bao gồm cả thông tin liên lạc, đều được mã hóa theo kiểu này, từ đầu đến cuối (từ đầu người gửi đến đầu người nhận), thì không có chính phủ nào - sự thật là không một thực thể nào mà ta có thể nghĩ ra được trong kiến thức vật lý hiện tại) - sẽ có thể hiểu được nội dung dữ liệu. Một chính phủ vẫn có thể chặn và thu thập các tín hiệu liên lạc, nhưng nó sẽ chỉ chặn và thu thập được toàn nhiễu mà thôi. Việc mã hóa thông tin liên lạc của ta về cơ bản sẽ xóa sạch chúng khỏi ký ức của mọi thực thể mà chúng ta đương đầu. Nó sẽ có tác dụng như việc rút giấy phép của những kẻ mà ngay từ đầu ta đã không hề cấp cho quyền hạn.

Bất kỳ chính phủ nào mong muốn truy cập được thông tin liên lạc đã mã hóa thì họ chỉ có hai lựa chọn: truy tìm một chìa khóa vạn năng mở được tất cả hoặc truy tìm đúng chìa khóa giải mã cần thiết. Với trường hợp đầu, họ có thể ép các nhà sản xuất thiết bị cố tình bán khắp thế giới những sản phẩm có lỗi về mã hóa, hoặc lừa gạt cho các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế chấp nhận các thuật toán mã hóa bị lỗi, có chứa các điểm truy cập bí mật được gọi là "cửa hậu". Với trường hợp sau, họ có thể tiến hành các cuộc tấn công có mục tiêu vào các điểm đầu hoặc điểm cuối của luồng thông tin liên lạc, những phần cứng và phần mềm thực hiện quy trình mã hóa. Thông thường, điều đó có nghĩa là khai thác lỗ hổng hệ thống không phải do họ tạo ra nhưng họ lại tìm thấy được và sử dụng nó để đột nhập vào máy tính của bạn và đánh cắp chìa khóa - một kỹ thuật hack do các tội phạm đã mở đường tiên phong nhưng ngày nay được các thế lực quan trọng của nhà nước tiếp thu và sử dụng, mặc dù điều này có nghĩa là cố ý duy trì những

lỗ hổng có sức phá hủy trong hệ thống bảo mật không gian mạng của những cơ sở hạ tầng quốc tế trọng yếu.

Cách tốt nhất để ta giữ cho các chìa khóa của mình được an toàn được gọi là *"zero-knowledge",* một phương pháp đảm bảo rằng mọi dữ liệu bạn cố lưu trữ bên ngoài thiết bị - ví dụ, lưu trên nền tảng đám mây của một công ty - sẽ được mã hóa bởi thuật toán chạy trên thiết bị của bạn trước khi nó được tải lên, và không bao giờ chia sẻ chìa khóa. Theo cách *zero-knowledge* này, các chìa khóa nằm trong tay người dùng - và chỉ nằm trong tay người dùng. Không công ty nào, không cơ quan nào, không kẻ thù nào có thể đụng vào được.

Chìa khóa của tôi đối với các bí mật của NSA còn vượt xa phương pháp *zero-knowledge:* đó là một chìa khóa *zero-knowledge* bao gồm nhiều chìa khóa *zero-knowledge* khác.

Hãy hình dung như thế này: Giả sử khi kết thúc bài giảng ở CryptoParty, tôi đứng bên lối ra khi từng người trong số hai mươi khán giả lục đục đi về. Bây giờ, Hãy tưởng tượng khi mỗi người đó đi qua cánh cửa và bước vào trời đêm Honolulu, tôi nói thầm một từ vào tai họ - một từ duy nhất mà không ai khác nghe được, và họ chỉ được phép lập lại nếu cả hai mươi người cùng họp mặt, một lần nữa, trong cùng một gian phòng. Chỉ có cách tập hợp lại cả hai mươi người này và bắt họ lặp lại các từ riêng của mình theo đúng thứ tự mà tôi đã phân phát ban đầu, thì mới có thể ghép lại câu thần chú hai mươi từ hoàn chỉnh. Chỉ cần một người quên mất từ riêng của mình, hoặc thứ tự đọc không giống với thứ tự phân phát, dù chỉ một chút thôi, thì vẫn không hề có ma thuật nào xảy ra, không hề có phép màu nào xuất hiện.

Chìa khóa của tôi cho ổ đĩa chứa các thông tin tố cáo cũng giống như cách sắp xếp này, với một bất ngờ: trong khi tôi phân phát hầu hết các mảnh của câu thần chú, tôi giữ lại một mảnh cho chính mình. Những mảnh phép thuật của tôi được cất giấu ở khắp mọi nơi, nhưng nếu tôi phá hủy chỉ một mảnh duy nhất mà tôi giữ trong người, thì tôi sẽ phá hủy mọi quyền truy cập vào các bí mật NSA này mãi mãi.

$_0O_0$

25
Đứa trẻ

CHỈ CÓ BÂY GIỜ NHÌN LẠI thì tôi mới có thể đánh giá được ngôi sao may mắn của mình lớn như thế nào. Tôi đã từ cậu học trò nói không ra lời ở trong lớp trở thành người dạy ngôn ngữ của thời đại mới, từ đứa con của một gia đình trung lưu, khiêm nhường ở Beltway trở thành người đang sống trên hải đảo thần tiên và kiếm được nhiều tiền tới mức tiền không còn ý nghĩa nữa. Chỉ trong bảy năm sự nghiệp ngắn ngủi, tôi đã đi lên từ việc bảo trì các máy chủ cục bộ đến việc thiết kế và thực hiện các hệ thống được triển khai trên toàn cầu - từ một nhân viên bảo vệ ca đêm trở thành chủ nhân nắm giữ chìa khóa của lâu đài bí mật.

Nhưng luôn luôn tiềm tàng một nguy cơ khi để cho ngay cả một người có trình độ nhất thăng tiến quá xa, quá nhanh, trước khi họ có đủ thời gian để hoài nghi và từ bỏ chủ nghĩa lý tưởng của mình. Tôi chiếm một trong những vị trí toàn năng bất ngờ nhất trong Cộng đồng Tình báo - gần với cấp thấp nhất trong bậc thang quản lý, nhưng lại trên đỉnh cao vời về quyền truy cập. Và dù vị trí này cho tôi một điều kiện phi thường, và nói thật là không xứng đáng, để quan sát Cộng đồng IC một cách trọn vẹn đến đáng sợ, nó cũng khiến tôi tò mò hơn bao giờ hết về một điều mà tôi vẫn thấy khó nắm bắt: giới hạn tột cùng mà NSA có thể theo dõi đối với một con người. Đó là một giới hạn ít được đặt ra trong chính sách hoặc luật pháp mà lại thuộc về những khả năng tàn nhẫn, không thể phá hủy của một guồng máy mà bây giờ tôi biết là trải rộng toàn cầu. Có ai mà guồng máy này không thể theo dõi? Có nơi nào mà guồng máy này không thể đến được?

Cách duy nhất để tìm ra câu trả lời là bước xuống, từ bỏ cái vị trí bao quát trên cao của tôi để thu hẹp tầm nhìn vào một vai trò hoạt động. Các nhân viên của NSA có quyền truy cập tự do nhất vào các dạng thông tin tình báo chưa xử lý chính là những người ngồi trên ghế điều khiển và gõ vào máy tính họ tên của những cá nhân đã bị nghi ngờ, cả người nước ngoài lẫn công dân Hoa Kỳ. Vì lý do nào đó, hay không vì lý do nào cả, những cá nhân này đã trở thành mục tiêu giám sát chặt chẽ nhất mà NSA muốn tìm hiểu tất cả mọi thứ về họ và các thông tin liên lạc của họ. Điểm đến cuối cùng của tôi, tôi biết, là điểm chính xác của phần giao nhau này - ngay cái nơi mà chính phủ theo dõi con người và con người vẫn không hay biết.

Chương trình cho phép làm điều này có tên là XKEYSCORE, có lẽ dễ hiểu nhất là xem nó như một công cụ tìm kiếm cho phép các chuyên viên phân tích truy tìm trong mọi dữ liệu đã lưu trữ về cuộc sống của bạn. Hãy tưởng tượng một kiểu ứng dụng Google thay vì cho kết quả tìm kiếm các trang Web của Internet công cộng, thì nó lại cho kết quả tìm kiếm từ email riêng tư của bạn, trò chuyện riêng tư của bạn, hồ sơ riêng tư của bạn, mọi thứ. Mặc dù tôi đã đọc nhiều về chương trình này để hiểu nó hoạt động ra sao, tôi vẫn chưa hề sử dụng nó, và tôi thấy rằng tôi cần phải biết rõ hơn. Bằng cách theo đuổi XKEYSCORE, tôi sẽ tìm kiếm một cách xác minh riêng về mức độ đột nhập do thám sâu rộng của NSA - một cách xác minh mà bạn không thể có được từ tài liệu mà chỉ có từ kinh nghiệm trực tiếp.

Một trong số ít những văn phòng ở Hawaii có quyền truy cập thực sự không giới hạn vào XKEYSCORE là Trung tâm Tác chiến Nguy cơ Quốc gia *(National Threat Operations Center* - NTOC). Trung tâm này hoạt động ở một tòa nhà văn phòng không chia ngăn, sáng long lanh nhưng vô hồn, mà NSA chính thức đặt tên là Rochefort Building, theo tên của Joseph Rochefort, chuyên viên mật mã huyền thoại của Hải quân Mỹ trong Thế chiến II đã phá được mật mã của Nhật Bản. Hầu hết các nhân viên đều quen gọi nó là Roach Fort, hay đơn giản là "the Roach". Vào lúc tôi nộp đơn tuyển dụng ở đó, nhiều khu vực trong tòa nhà này vẫn xây dựng chưa xong, và tôi lập tức nhớ lại công việc đầu tiên của mình khi có chứng nhận an ninh, công việc ở CASL: Số phận của tôi là bắt đầu và kết thúc sự nghiệp trong cộng đồng IC tại các tòa nhà xây dang dở.

Ngoài việc tập trung một chỗ gần hết các chuyên viên dịch thuật và phân tích tại Hawaii, "the Roach" còn là trụ sở chi nhánh khu vực của Ban Tác chiến Truy cập chuyên biệt *(Tailored Access Operations* - TAO). Đây là đơn vị NSA chịu trách nhiệm hack từ xa vào máy tính của những người mà các chuyên viên phân tích đã chọn làm mục tiêu - một đơn vị tương đương với các nhóm NSA ngày xưa chuyên đột nhập vào nhà riêng của kẻ thù để cài máy nghe trộm và tìm kiếm những tài liệu gây nguy hiểm. Ngược lại, công việc chính của Trung tâm NTOC là kiểm soát và ngăn chặn hoạt động của các tổ chức tình báo nước ngoài làm công việc tương tự như của đơn vị TAO. May sao, NTOC đang có một vị trí cần tuyển dụng thông qua một hợp đồng của nhà thầu Booz Allen Hamilton, một công việc mà họ gọi một cách mỹ miếu là "chuyên viên phân tích hạ tầng". Vị trí này liên quan đến toàn bộ hoạt động của các công cụ do thám NSA, bao gồm cả XKEYSCORE, để theo dõi hoạt động trên "cơ sở hạ tầng" đáng quan tâm: mạng Internet.

Mặc dù tôi đang kiếm được nhiều tiền hơn một chút tại Booz, khoảng 120.000 đô-la một năm, tôi vẫn xem đó là sự xuống cấp - bước đầu tiên trong nhiều bước đi xuống cuối cùng của tôi, vứt bỏ các quyền truy cập, các chứng nhận an ninh, và các đặc quyền của cơ quan. Tôi đang là kỹ sư lại xuống làm chuyên viên phân tích, rồi cuối cùng sẽ thành kẻ lưu vong, một mục tiêu của chính những công nghệ mà tôi đã từng kiểm soát. Theo viễn cảnh đó thì chuyện giảm chức vụ và uy tín này có vẻ khá nhỏ nhặt. Theo viễn cảnh đó thì mọi sự đều có vẻ nhỏ nhặt, khi ngôi sao may mắn của cuộc đời tôi lại đang dần hạ thấp xuống trái đất, đang tăng tốc về phía điểm va đập sẽ kết thúc sự nghiệp của tôi, những quan hệ tình thân của tôi, tự do của tôi và có thể cả tính mạng này.

$_0O_0$

Tôi đã quyết định sẽ mang những tài liệu lưu trữ của mình ra nước ngoài và chuyển cho các nhà báo mà tôi đã liên lạc, nhưng trước khi tôi có thể bắt đầu suy nghĩ tới đường đi nước bước thì tôi đã đi bắt tay vài người. Tôi phải bay về phía đông đến Washington DC và dành vài tuần gặp gỡ, chào hỏi các cấp trên cùng đồng nghiệp mới, những người có cao vọng là họ có thể sử dụng tối đa vốn hiểu biết sâu của tôi về việc ẩn danh trên mạng để vạch mặt các mục tiêu khôn ngoan. Chính vì thế, công việc này đã đưa tôi trở về quê nhà Beltway lần cuối, và trở lại nơi mà lần đầu tiên, tôi chứng kiến một tổ chức mất kiểm soát: Fort Meade. Lần này tôi đến như một người trong cuộc.

Cái ngày ghi dấu tuổi trưởng thành của tôi, chỉ hơn mười năm đầy biến động trước đó, đã thay đổi sâu sắc không chỉ những người làm việc tại tổng trụ sở NSA mà cả chính nơi chốn đó. Lần đầu tiên tôi nhận ra điều này là khi tôi bị chặn lại đang lúc lái chiếc xe thuê tạm, định rẽ sang đường Canine Road để đi vào một trong những bãi đậu xe của NSA, nơi trong ký ức của tôi vẫn vang vọng những tiếng la hét hoảng loạn, chuông điện thoại, còi ô-tô, và còi báo động. Kể từ ngày 11/9, mọi con đường dẫn đến tổng trụ sở NSA đều vĩnh viễn đóng chặt với những ai không có những huy hiệu IC đặc biệt như cái tôi đang đeo trên cổ.

Bất cứ lúc nào tôi không vui mừng bắt tay lãnh đạo NTOC tại tổng trụ sở thì tôi dành thời gian để học mọi thứ tôi muốn - "ngồi kế" vào bàn của các chuyên viên phân tích xem họ làm việc với các chương trình khác nhau và các loại mục tiêu khác nhau, để có thể về truyền đạt lại cho các thành viên

trong nhóm tôi dưới Hawaii những cách ứng dụng mới nhất mà các công cụ của NSA có thể thực hiện. Ít ra đó là lời giải thích chính thức về sự tò mò của tôi, sự tò mò luôn vượt quá yêu cầu và vì thế gãi đúng chỗ ngứa của dân chuyên công nghệ. Đến lượt mình, họ lại háo hức hơn bao giờ hết để chứng minh sức mạnh của bộ máy mà họ đã phát triển, không mảy may e ngại về chuyện sức mạnh ấy được sử dụng như thế nào. Lúc ở tổng trụ sở, tôi cũng phải trải qua một loạt các bài kiểm tra về cách sử dụng hệ thống cho phù hợp, giống như các bài tập tuân thủ quy định hoặc bảo vệ quy trình hơn là những hướng dẫn có ý nghĩa. Các chuyên viên phân tích khác bảo tôi rằng vì tôi có thể làm các bài kiểm tra này bao nhiêu lần cũng được nên không cần bận tâm tìm hiểu các quy định làm chi: "Cứ nhấp chuột vào các ô trống cho đến khi nào đạt điểm yêu cầu là xong".

Trong các tài liệu mà sau này tôi chuyển cho các nhà báo, NSA đã mô tả XKEYSCORE là công cụ "bao phủ rộng nhất", được sử dụng để tìm kiếm "gần như tất cả những gì một người dùng có thể thực hiện trên internet". Các đặc điểm kỹ thuật tôi đã nghiên cứu thì đi sâu vào chi tiết hơn, chẳng hạn như cách thực thi chính xác của công cụ này - bằng cách "chia gói" hay "chia phiên" dữ liệu, tức là cắt nhỏ dữ liệu của các lượt truy cập mạng của người dùng thành những phần nhỏ cho dễ phân tích - nhưng tôi phải thấy nó hoạt động thì mới sững sờ.

Nói một cách đơn giản, đó là thứ gần với chuyện khoa học viễn tưởng nhất mà tôi từng thấy trong thực tế khoa học: Một giao diện cho phép bạn nhập vào địa chỉ, số điện thoại hoặc địa chỉ IP của bất kỳ ai, và sau đó cho bạn lần ngược lại lịch sử gần đây của những hoạt động trên mạng của họ. Trong một số trường hợp, bạn thậm chí có thể phát lại các bản ghi hình những lần lên mạng của các mục tiêu này, để bạn nhìn thấy đúng trang Web mà họ đã nhìn, hay bất cứ thứ gì trên nền màn hình máy tính của họ. Bạn có thể đọc email của họ, lịch sử duyệt Web của họ, lịch sử tìm kiếm của họ, bài đăng trên mạng xã hội của họ, tất cả mọi thứ. Bạn có thể thiết lập các thông báo để trong ngày chúng sẽ bật lên khi một người hoặc một thiết bị nào đó bạn quan tâm bắt đầu hoạt động trên Internet. Và bạn có thể xem qua các gói dữ liệu Internet để thấy những truy vấn tìm kiếm của một đối tượng xuất hiện từng ký tự một, bởi vì có rất nhiều website truyền đi trực tiếp từng ký tự đúng như chúng được gõ trên bàn phím. Thật chẳng khác gì xem một cái máy vận hành hoàn toàn tự động, khi các chữ cái và từ ngữ lóe lên trên màn hình. Nhưng cái trí thông minh đằng sau những ký tự đang gõ đó không phải là nhân tạo mà là trí thông minh con người: hoàn toàn con người.

Mấy tuần lễ ở Fort Meade, và khoảng thời gian ngắn sau đó tôi làm việc ở Hawaii với tư cách là nhân viên của hãng Booz, là những lần duy nhất tôi nhìn thấy tận mắt XKEYSCORE thực sự thực hiện những việc lộng quyền mà trước đây tôi chỉ biết qua đọc tài liệu nội bộ. Khi nhìn thấy công cụ này hoạt động, tôi mới nhận ra vị trí của mình ở cấp hệ thống mới xa cách làm sao so với tâm điểm của sự tác hại thực tế này. Tôi chỉ có thể hình dung ra sự xa cách đó còn lên tới mức độ nào nữa ở vị trí giám đốc NSA, hay ngay cả vị trí tổng thống Mỹ.

Tôi đã không gõ tên của giám đốc NSA hay của tổng thống vào XKEYSCORE, nhưng sau khi đã đủ thời gian làm quen với hệ thống này thì tôi mới thấy lẽ ra mình nên thử điều đó. Thông tin liên lạc của tất cả mọi người đều nằm trong đó - của *tất cả* mọi người. Ban đầu tôi lo sợ rằng nếu tôi tìm kiếm thông tin về những người ở cấp cao nhất của chính phủ thì tôi sẽ bị phát hiện và bị sa thải, hoặc tệ hại hơn. Nhưng việc này hóa ra lại đơn giản không thể nào ngờ: với những truy vấn liên quan đến một người - dẫu có nổi tiếng đến đâu đi nữa - thì chỉ cần ngụy trang bằng cách mã hóa các từ khóa tìm kiếm theo một dạng mã máy, trông như vô nghĩa đối với với con người nhưng lại hoàn toàn dễ hiểu đối với XKEYSCORE. Nếu có bất kỳ người kiểm tra nào chịu trách nhiệm duyệt các nội dung tìm kiếm mà bỏ công xem xét kỹ, họ sẽ chỉ thấy một đoạn mã mơ hồ, trong lúc tôi có thể lần ngược lại mọi hoạt động riêng tư nhất của một thẩm phán Tòa án Tối cao hoặc một nghị sĩ.

Theo những gì tôi biết, không có ai trong số đồng nghiệp mới của tôi có ý định lạm dụng quyền hạn một cách hoành tráng như thế, mặc dù nếu có làm thì còn lâu họ mới nói ra. Dù sao đi nữa, khi các chuyên viên phân tích nghĩ đến việc lạm dụng hệ thống này, họ lại quan tâm đến những gì nó có thể làm cho họ về mặt cá nhân hơn là về mặt chuyên môn. Điều này dẫn đến một thói quen gọi là LOVEINT tức "tình báo tình yêu", một trò đùa gộp cả HUMINT (tình báo con người) và SIGINT (tình báo truyền tin) và là một trò giễu nhại tình báo. Với LOVEINT, các chuyên viên phân tích sẽ dùng các chương trình của cơ quan này để theo dõi các người tình hiện tại và trước đây của họ cùng với các đối tượng tình cảm vu vơ - đọc email, lắng nghe các cuộc gọi điện, và theo dõi trên mạng. Các nhân viên của NSA biết rằng chỉ có những nhà phân tích ngu ngốc nhất mới bị bắt quả tang, và mặc dù luật pháp đã nêu rõ là bất kỳ ai tiến hành bất kỳ hình thức do thám nào cho mục đích cá nhân đều có thể vào tù ít nhất là mười năm, trong lịch sử của NSA chưa có một người nào bị kết án dù chỉ một ngày tù vì tội này. Các chuyên viên phân tích hiểu rằng chính phủ sẽ không bao giờ công khai

truy tố họ, bởi vì bạn không thể nào kết án ai đó lạm dụng hệ thống giám sát bí mật của bạn nếu như bạn đã chối không thừa nhận sự tồn tại của chính hệ thống đó.

Tổn hại hiển nhiên của một chính sách như vậy trở nên rõ ràng đối với tôi khi tôi ngồi ở bức tường phía sau hầm V22 tại trụ sở NSA cùng hai chuyên viên phân tích hạ tầng tài giỏi, có không gian làm việc được trang trí bằng một bức tranh cao hơn hai mét vẽ nhân vật lông lá Chewbacca nổi tiếng trong bộ phim *Star Wars*. Lúc một trong hai người này đang giải thích cặn kẽ cho tôi biết về thói quen bảo mật của mục tiêu anh ta đang theo dõi, tôi mới biết rằng việc lén chặn và xem trộm những hình ảnh khỏa thân là một món đồi chác không chính thức trong cơ quan, bởi vì anh bạn của người này cứ quay vòng vòng trên ghế, vừa cười vừa nói chen ngang vào trao đổi giữa chúng tôi, "Ngắm em này đi", và anh chàng đang hướng dẫn tôi lần nào cũng chỉ đáp lại là "Ngon lành!" hay "Đẹp quá!". Quy tắc giao dịch bất thành văn hình như là nếu bạn tìm thấy một bức ảnh hoặc đoạn video không quần áo của một mục tiêu hấp dẫn - hoặc của ai đó đang liên lạc với một mục tiêu - thì bạn phải cho các đồng nghiệp cùng xem, miễn là không có phụ nữ nào ở xung quanh. Như thế bạn sẽ biết là bạn có thể tin tưởng lẫn nhau đến mức nào: Bạn đã dự phần vào những tội ác của người khác.

Khi sử dụng XKEYSCORE thì rất nhanh chóng bạn sẽ thấy ngay là hầu hết mọi người dùng Internet trên thế giới đều có ít nhất hai điểm chung: tất cả đều xem phim ảnh khiêu dâm lúc này hay lúc khác, và tất cả đều lưu giữ hình ảnh và video về gia đình họ. Điều này thực tế là đúng với mọi người thuộc mọi giới tính, dân tộc, chủng tộc và độ tuổi - từ kẻ khủng bố hèn hạ nhất cho đến bậc cao niên dễ mến nhất, người có thể là ông bà hay cha mẹ hoặc anh em bà con của tên khủng bố ấy.

Chính những thứ liên quan đến gia đình đã khiến tôi khó chịu nhất. Tôi còn nhớ rõ một đứa trẻ, một bé trai ở Indonesia. Trên lý thuyết, tôi lẽ ra đã không chú ý đến đứa bé này, nhưng tôi lại chú ý, bởi vì những người tuyển dụng tôi quan tâm đến người cha của nó. Lúc đó tôi đang đọc qua các thư mục hồ sơ theo dõi chung trong vai trò một "chuyên viên phân tích đối tượng", tức là người thường dành phần lớn thời gian trong ngày sàng lọc các dữ liệu do người dùng tạo ra như nhật ký trò chuyện và hộp thư Gmail và tin nhắn Facebook, thay vì làm công việc của các chuyên viên phân tích hạ tầng là theo dõi những luồng truy cập bí ẩn và khó hiểu hơn, thường là do hacker tạo ra.

Cha của đứa bé này, giống như ba tôi, là một kỹ sư - nhưng khác ba tôi ở chỗ là người này không có liên quan đến chính phủ hay quân đội. Ông ta chỉ là một giáo sư bình thường, người đã bị cuốn vào một trận càn quét dữ liệu theo dõi. Tôi thậm chí còn không nhớ làm sao hoặc tại sao ông ta lại thành đối tượng chú ý của NSA, ngoài việc ông ta có gửi đơn xin việc đến một trường đại học nghiên cứu ở Iran. Các cơ sở cho sự nghi ngờ này thường ít được lưu vào hồ sơ, nếu có đi nữa thì các mối liên hệ lại có thể mơ hồ đến mức khó tin - "được cho là có khả năng liên quan đến" và tiếp theo sau là tên của một tổ chức quốc tế, có thể là bất cứ thứ gì từ một cơ quan tiêu chuẩn viễn thông cho đến UNICEF cho đến một tổ chức nào đó mà bạn có thể thực sự đồng ý là có nguy cơ đe dọa.

Dữ liệu trích ra từ các nội dung thông tin liên lạc của người này đã được sàng lọc từ luồng lưu thông Internet và được tập hợp thành các thư mục - đây là bản sao của bản lý lịch định mệnh được gửi đến trường đại học khả nghi đó; đây là những văn bản ông ta đã viết; đây là lịch sử duyệt Web của ông ta; đây là các thư từ gửi và nhận của ông ta trong khoảng một tuần vừa qua, được gắn nhãn theo các địa chỉ IP. Đây là các toạ độ của "hàng rào địa lý" mà chuyên viên phân tích đã bao quanh người này để theo dõi xem ông ta có đi đâu quá xa nhà, hay là có thể đi đến trường đại học bên Iran để phỏng vấn hay không.

Rồi có những hình chụp của ông ta, và một video, ông ta đang ngồi trước máy tính của mình, giống như tôi đang ngồi trước máy của tôi. Chỉ khác là trong lòng ông có một đứa bé độ tuổi chập chững biết đi, một bé trai còn mặc tã.

Người cha đang cố đọc một cái gì đó, nhưng đứa trẻ cứ cựa quậy lung tung, đập vào xâu chìa khóa và cười khúc khích. Chiếc micro lắp sẵn trong chiếc máy tính đó thu được tiếng cười khúc khích của đứa trẻ và tôi ở đây đang nghe được qua chiếc headphone của mình. Người cha ôm đứa bé chặt hơn, rồi chú nhóc đứng thẳng lên, và, với đôi mắt hình lưỡi liềm đen, nhìn thẳng vào camera của máy tính - tôi không sao tránh được cảm giác là đứa trẻ đang nhìn thẳng vào mặt tôi. Đột nhiên tôi thấy mình nín thở. Tôi cắt ngang phiên làm việc, rời khỏi máy tính, và ra khỏi văn phòng đi theo hành lang vào phòng vệ sinh, đầu cúi gằm, chiếc headphone vẫn còn lòng thòng sợi dây cắm.

Tất cả mọi điều về đứa trẻ đó, tất cả mọi điều về cha nó, làm tôi nhớ đến chính ba tôi; tôi đã gặp lại ba trong một bữa ăn tối lúc tôi ở Fort Meade. Đã lâu rồi tôi chưa gặp ông, nhưng vào giữa bữa tối, trong lúc ăn món xà-lách Caesar và uống nước chanh hồng, tôi đã có suy nghĩ: *Mình sẽ không bao*

giờ gặp lại gia đình mình nữa. Tôi không khóc - tôi đang cố hết sức để kiềm chế, nhưng cõi lòng tan nát. Tôi biết nếu tôi nói với ba những gì tôi sắp làm, ba sẽ báo cho cảnh sát. Nếu không, ba sẽ cho tôi là đồ điên và bắt tôi vào bệnh viện tâm thần. Ba sẽ làm bất cứ điều gì mà ba nghĩ rằng phải làm để ngăn cho tôi không phạm lỗi lầm trầm trọng nhất đời này.

Tôi chỉ biết ước mong rằng nỗi đau khổ của ba theo thời gian sẽ được chữa lành bằng niềm tự hào.

Quay lại Hawaii trong khoảng thời gian từ tháng Ba đến tháng Năm 2013, một cảm giác kết thúc dứt khoát đã bao trùm gần như mọi điều tôi trải qua, và mặc dù bản thân những trải nghiệm đó có vẻ nhỏ nhặt, nhưng chúng khiến con đường đã chọn của tôi dễ dàng hơn. Việc nghĩ rằng đây là lần cuối cùng mình ghé quán cà-ri ở Mililani hoặc tạt qua không gian tổ chức CryptoParty trong phòng tranh ở Honolulu hoặc chỉ ngồi trên nóc xe và dò tìm trên bầu trời đêm những ngôi sao băng, thì sẽ ít đau khổ hơn là nghĩ rằng mình chỉ còn một tháng nữa với Lindsay, hoặc một tuần nữa ngủ bên cạnh cô và thức dậy bên cạnh cô, thế mà vẫn cố giữ khoảng cách với Lindsay, vì tôi sợ tinh thần suy sụp.

Tôi chuẩn bị mọi sự chẳng khác gì một người sắp chết. Tôi rút hết tài khoản ngân hàng, cất tiền mặt vào một thùng đạn cũ bằng thép cho Lindsay để chính phủ không thể tịch thu. Tôi đi quanh nhà làm những việc lặt vặt mà mình hay trì hoãn, như sửa cửa sổ và thay bóng đèn. Tôi xóa và mã hóa các máy tính cũ của mình, biến chúng thành những cái vỏ rỗng câm lặng của những thời xa xưa tốt đẹp hơn. Tóm lại, tôi thu xếp công việc để cố gắng làm mọi việc dễ dàng hơn cho Lindsay, hoặc chỉ để xoa dịu lương tâm mình, một lương tâm đã đến lúc không còn trung thành với cái thế giới không còn xứng đáng với cô gái xứng đáng này và với một gia đình mà tôi yêu thương.

Mọi việc đều thấm đẫm ý nghĩa của một sự kết thúc, nhưng có những lúc dường như không có kết thúc nào trước mắt và kế hoạch mà tôi xây dựng lâu nay tưởng chừng sụp đổ. Rất khó để khiến các nhà báo chịu gặp tôi, chủ yếu là do tôi không thể cho họ biết rằng họ sẽ gặp ai, và trong một giai đoạn, thậm chí còn không thể cho họ biết thời gian và địa điểm sẽ gặp. Tôi đã phải tính đến khả năng là họ không bao giờ xuất hiện, hoặc xuất hiện nhưng sau đó bỏ cuộc. Cuối cùng tôi quyết định rằng nếu một trong hai điều đó xảy ra, tôi đành từ bỏ kế hoạch và quay lại làm việc và trở về với Lindsay như thể mọi thứ đều bình thường, để chờ cơ hội tiếp theo.

Trong những chuyến đi trộm sóng Wi-Fi ngang dọc khắp Kunia - một quãng đường chạy xe hai mươi phút có thể biến thành cuộc săn lùng hai tiếng đồng hồ - tôi đã nghiên cứu nhiều quốc gia khác nhau, cố tìm một địa điểm cho cuộc gặp gỡ với các nhà báo. Cảm giác lúc đó chẳng khác gì tôi đang chọn một nhà tù, hay đúng hơn một nấm mồ cho mình. Tất cả các quốc gia trong liên minh Five Eyes rõ ràng là không được. Trên thực tế, toàn bộ châu Âu đều nằm ngoài lựa chọn, bởi vì không thể trông cậy là các quốc gia khu vực này, trước áp lực chắc chắn là đáng kể của Mỹ, sẽ kiên quyết tuân thủ luật quốc tế chống dẫn độ những người bị buộc tội chính trị. Châu Phi và Mỹ La-tinh cũng là vùng cấm đi tới - Hoa Kỳ đã có lịch sử hoạt động miễn trừ trách nhiệm ở đó. Nước Nga cũng không được vì đó là Nga, và Trung Quốc là Trung Quốc: cả hai nước này đều hoàn toàn không thích hợp. Chính phủ Hoa Kỳ chỉ cần chỉ tay vào bản đồ là đủ để làm hạ uy tín của tôi. Viễn cảnh sẽ càng tăm tối hơn ở Trung Đông. Có lúc tôi có cảm tưởng là việc gian nan nhất đời mình không phải là "hack" NSA mà là cố tìm một địa điểm gặp gỡ đủ độc lập để cản trở Nhà Trắng và đủ tự do để không can thiệp vào các hoạt động của tôi.

Quá trình loại bỏ chỉ còn lại Hồng Kông. Về mặt địa chính trị, đó là nơi gần giống nhất với khái niệm "vùng đất không tranh chấp" mà tôi có thể đi tới, mà nơi này lại có một nền văn hóa báo chí và phản kháng sôi động, chưa kể đến việc mạng Internet ở đây nói chung không có thanh lọc. Đó là một nơi kỳ lạ, một thành phố quốc tế khá tự do, có quyền tự trị trên danh nghĩa giúp tôi tránh xa Trung Quốc và kiềm chế khả năng Bắc Kinh công khai hành động chống lại tôi hoặc các nhà báo - ít nhất là không ngay lập tức - nhưng cũng chính sự tồn tại trên thực tế của tầm ảnh hưởng Bắc Kinh ở nơi này sẽ làm giảm khả năng Hoa Kỳ can thiệp đơn phương. Trong một tình huống không có gì hứa hẹn về an toàn, Hồng Kông đủ yếu tố bảo đảm về thời gian. Có nhiều khả năng là mọi việc sẽ không kết thúc tốt đẹp cho tôi: điều tốt nhất tôi có thể hy vọng là đưa ra được những tài liệu tố cáo này trước khi bị bắt.

Buổi sáng cuối cùng tôi thức dậy với Lindsay, cô ấy sắp đi cắm trại ở đảo Kauai - một chuyến nghỉ mát ngắn cùng bạn bè mà tôi đã khuyến khích Lindsay nên đi. Chúng tôi nằm trên giường và tôi ôm cô thật chặt, và khi cô hỏi với giọng ngỡ ngàng chưa tỉnh ngủ rằng tại sao tôi bỗng dưng tình cảm vậy, tôi đã xin lỗi. Tôi nói với Lindsay rằng tôi rất tiếc vì tôi đã bận rộn như thế nào, và tôi sẽ nhớ cô - Lindsay là người tuyệt vời nhất mà tôi đã từng gặp trong đời. Cô ấy mỉm cười, hôn phớt lên má tôi, rồi đứng dậy thu xếp hành trang.

Cô ấy vừa ra khỏi cửa là tôi bật khóc, lần đầu tiên sau rất nhiều năm. Tôi cảm thấy có lỗi về mọi chuyện ngoại trừ những gì chính phủ sau này sẽ buộc tội tôi, và đặc biệt thấy có lỗi về những giọt nước mắt của mình, bởi vì tôi biết nỗi đau của tôi sẽ không là gì so với nỗi đau mà tôi gây ra cho cô gái tôi yêu, hay so với những tổn thương và xáo trộn tôi sẽ gây ra cho gia đình mình.

Ít nhất tôi cũng có phần an tâm vì biết trước những gì sắp đến. Lindsay sẽ trở về sau chuyến đi cắm trại và thấy tôi đã biến mất, có vẻ là đi công tác, và má tôi gần như đã chờ sẵn trước cửa nhà chúng tôi. Tôi đã mời má tôi sang đây chơi, một chuyện lạ thường đến nỗi bà hẳn phải mong đợi điều bất ngờ nào khác - chẳng hạn như Lindsay và tôi tuyên bố đính hôn. Tôi thấy mình đáng ghét với những chuyện giả vờ này và lo lắng khi nghĩ về nỗi thất vọng của má, nhưng tôi cứ tự nhủ rằng mình làm thế là đúng. Má tôi và Lindsay sẽ bảo bọc cho nhau. Hai người sẽ cần nghị lực của nhau để vượt qua giông bão sắp tới.

Một ngày sau khi Lindsay đi, tôi xin nghỉ phép đột xuất vì lý do chữa bệnh, viện cớ chứng động kinh của mình, và thu xếp một hành trang sơ sài cùng bốn chiếc máy tính xách tay: một để liên lạc bảo mật, một để liên lạc bình thường, một làm mồi nhử, và một máy "trắng" (máy tính chưa bao giờ và sẽ không bao giờ lên mạng). Tôi để lại chiếc smartphone trên kệ bếp cạnh một quyển sổ ghi chú mà tôi đã viết nguệch ngoạc bằng bút: *Bị gọi đi công tác xa. Anh yêu em*. Tôi đã ký tên bên dưới bằng biệt danh theo cách đọc chữ cái của quân đội, *Echo*. Rồi tôi đến sân bay và mua vé bằng tiền mặt cho chuyến bay kế tiếp đến Tokyo. Ở Tokyo, tôi mua một vé máy bay khác bằng tiền mặt và vào ngày 20 tháng 5 đã đến Hồng Kông, nơi mà thế giới lần đầu tiên sẽ biết đến tôi.

$_0O_0$

26
Hồng Kông

SỨC HẤP DẪN TÂM LÝ SÂU SẮC của các trò chơi, thực ra chỉ là một loạt các thử thách càng lúc càng khó, là niềm tin rằng người chơi có thể chiến thắng. Không ở đâu điều này rõ ràng với tôi hơn trong trường hợp của khối Rubik, thứ thỏa mãn một ảo tưởng chung: rằng nếu bạn chỉ cần cố gắng đúng mức và xoay vặn nó bằng mọi khả năng, thì mọi thứ trên đời đang xáo trộn và lộn xộn rốt cuộc sẽ đâu vào đó và hoàn toàn ngay hàng thẳng lối; rằng sự khéo léo của con người là đủ để biến một hệ thống bị phá vỡ và hỗn loạn nhất thành một thứ gì đó hợp lý và có trật tự, nơi mọi mặt của không gian ba chiều đều tỏa sáng với sự đồng nhất hoàn hảo.

Tôi từng có một kế hoạch - từng có nhiều kế hoạch - mà chỉ cần một sai lầm duy nhất là sẽ bị bắt, thế nhưng tôi vẫn không bị bắt: Tôi đã đưa được tài liệu ra khỏi NSA, tôi đã đưa được tài liệu ra khỏi nước Mỹ. Tôi đã thắng trò chơi. Theo mọi tiêu chuẩn tôi có thể tưởng tượng ra, phần khó khăn đã qua. Nhưng trí tưởng tượng của tôi đã không đủ rộng lớn, bởi vì các nhà báo mà tôi đã yêu cầu gặp đều không xuất hiện. Họ cứ liên tục trì hoãn, viện lý do, xin lỗi.

Tôi biết rằng Laura Poitras - người mà tôi đã gửi một vài tài liệu và hứa hẹn sẽ còn nhiều nữa - đã sẵn sàng từ thành phố New York bay đến bất cứ đâu ngay khi được thông báo, nhưng bà ấy sẽ không đi một mình. Bà đang bận cố thuyết phục Glenn Greenwald cùng theo, cố gắng khiến Glenn chịu mua một chiếc máy tính xách tay mới mà ông ấy sẽ không dùng để lên mạng. Cố gắng thuyết phục ông ấy cài đặt các chương trình mã hóa để chúng tôi có thể liên lạc an toàn. Còn tôi ở đây, ở Hồng Kông, nhìn đồng hồ tích tắc từng giờ, nhìn lịch nhích dần từng ngày, cầu khẩn, van nài: xin hãy đến trước khi NSA biết tôi đã nghỉ làm quá lâu. Thật gay go khi nghĩ đến bao nhiêu công sức tôi đã bỏ ra để rồi gặp phải cái viễn cảnh bị bỏ mặc ở Hồng Kông không ai trợ giúp. Tôi đã cố gắng nghĩ ra nhiều lý do để cảm thông với những nhà báo có vẻ quá bận rộn hoặc quá căng thẳng không thể chốt được lịch bay này, nhưng rồi tôi lại nhớ ra là nếu cảnh sát đến trước thì số tài liệu mà tôi đã đánh liều tất cả mới có sẽ chẳng đưa ra công chúng được bao nhiêu. Tôi đã nghĩ đến gia đình và Lindsay và thấy mình ngu ngốc làm sao khi phó thác cuộc sống của mình cho những người thậm chí còn không biết tên tôi.

Tôi cố thủ trong phòng của mình tại Mira Hotel, tôi chọn khách sạn này vì nó nằm giữa một khu mua sắm và kinh doanh sầm uất. Tôi treo vào tay nắm ngoài cửa tấm thẻ "Muốn riêng tư - Xin đừng làm phiền" để nhân viên trực phòng không đi vào dọn dẹp. Suốt mười ngày, tôi không rời khỏi phòng vì sợ một tay điệp viên nước ngoài nào đó có cơ hội lẻn vào cài thiết bị do thám. Khi đã đánh cược hết tất cả, tôi chỉ còn nước cờ duy nhất là chờ đợi. Tôi biến căn phòng này thành trung tâm tác chiến của một kẻ thế cô, trái tim vô hình của một hệ thống đường hầm Internet mã hóa mà từ đó tôi gửi đi những lời nài nỉ càng lúc càng khẩn thiết đến các sứ giả vắng mặt của nền báo chí tự do. Rồi tôi đứng ở cửa sổ vừa mong chờ hồi đáp, vừa nhìn xuống công viên xinh đẹp dưới kia mà tôi chưa bao giờ đặt chân vào. Đến lúc Laura và Glenn cuối cùng tới nơi thì tôi đã ăn hết mọi món trong thực đơn phục vụ tận phòng.

Nói như thế không phải là suốt một tuần rưỡi đó tôi chỉ ngồi viết email thuyết phục nhà báo. Trong thời gian đó tôi cũng cố gắng chuẩn bị cho cuộc họp cuối cùng mà tôi từng làm người báo cáo - dò qua hết kho tài liệu lưu trữ, nghĩ ra cách nào tốt nhất để giải thích các nội dung này với nhà báo trong một lượng thời gian hết sức hạn chế mà chúng tôi có thể gặp nhau. Đó là một vấn đề đáng bận tâm: làm sao trình bày một cách thuyết phục nhất với những người không rành công nghệ, những người gần như chắc chắn sẽ hoài nghi lời tôi nói về việc chính phủ Hoa Kỳ đang do thám cả thế giới và những phương pháp Hoa Kỳ đang sử dụng để làm điều đó. Tôi soạn ra một bảng giải thích các thuật ngữ chuyên môn như "siêu dữ liệu" và "dịch vụ liên thông dữ liệu". Tôi tổng hợp một bảng từ viết tắt và tên viết tắt: CCE, CSS, DNI, NOFORN. Tôi quyết định mình sẽ không giải thích thông qua các công nghệ, hoặc hệ thống, mà thông qua các chương trình giám sát - cốt yếu là thông qua các câu chuyện - để cố nói sao cho họ dễ hiểu. Nhưng tôi không quyết định được chuyện gì sẽ nói với họ trước tiên, và thế là tôi cứ tiếp tục xáo trộn các ý tưởng, cố gắng sắp xếp những tội ác tồi tệ nhất theo thứ tự phù hợp nhất.

Tôi đã phải tìm cách giúp cho Laura và Glenn trong khoảng thời gian vài ngày ít nhất cũng phải hiểu được điều mà tôi đã phải mất nhiều năm mới biết rõ. Rồi còn một việc nữa: tôi phải giúp cho họ hiểu được tôi là ai và tại sao tôi quyết định làm việc này.

$_0O_0$

Cuối cùng, Glenn và Laura xuất hiện ở Hồng Kông vào ngày 2 tháng Sáu. Lúc họ đến gặp tôi tại Mira, tôi nghĩ là mình đã khiến họ thất vọng, ít nhất là lúc đầu. Họ thậm chí còn nói với tôi như thế, hoặc là chính Glenn nói: Ông ấy lúc đó đang chờ đợi sẽ gặp một người lớn tuổi, hút thuốc liên tục, chếnh choáng hơi men, trầm cảm với căn bệnh ung thư giai đoạn cuối và một lương tâm tội lỗi. Ông ấy không hiểu làm sao mà một người còn trẻ như tôi - Glenn cứ lặp đi lặp lại hỏi tôi bao nhiêu tuổi - không những có quyền tiếp cận những tài liệu nhạy cảm như vậy, mà còn sẵn sàng vứt bỏ cuộc sống của mình đi. Về phần tôi, tôi không hiểu làm sao họ có thể mong đợi gặp một ông già tóc bạc, trong khi tôi đã hướng dẫn họ rõ ràng về cách gặp nhau: Đi đến một góc yên tĩnh nào đó cạnh nhà hàng trong khách sạn, có đặt một chiếc ghế xa-lông bọc da giả trông giống da cá sấu, và đợi một người cầm khối Rubik. Điều buồn cười là ban đầu tôi đã thận trọng không muốn áp dụng chút nghiệp vụ đó, nhưng khối Rubik là thứ duy nhất tôi mang theo có khả năng là không gây nhầm lẫn và có thể nhận dạng được từ xa. Nó cũng giúp tôi che giấu sự căng thẳng của việc chờ đợi khả năng đáng sợ là một chiếc còng số 8 bất ngờ.

Sự căng thẳng ấy sẽ lên đến đỉnh điểm thấy rõ chỉ khoảng mười phút sau, khi tôi đã đưa Laura và Glenn lên phòng tôi - phòng #1014, trên tầng mười. Glenn gần như chưa kịp cất smartphone của ông ấy vào trong cái tủ lạnh nhỏ theo yêu cầu của tôi thì Laura đã bắt đầu sắp xếp lại và điều chỉnh đèn trong phòng. Rồi bà lấy máy quay video kỹ thuật số của bà ra. Dù chúng tôi đã đồng ý trước, qua email mã hóa, rằng bà ấy có thể quay phim cuộc gặp gỡ này, tôi vẫn chưa sẵn sàng cho thực tế.

Không có gì có thể giúp tôi chuẩn bị cho khoảnh khắc bà ấy hướng máy quay về phía tôi, đang ngồi ngả nghiêng trên chiếc giường không dọn dẹp trong một căn phòng chật chội, bừa bộn mà tôi đã ở lì suốt mười ngày qua. Tôi nghĩ là ai cũng đã có trải nghiệm này: Bạn càng có ý thức là mình được ghi hình thì bạn càng trở nên chú ý về bản thân. Chỉ cần biết là có, hoặc có thể có, ai đó bấm nút REC trên smartphone của họ và hướng máy vào bạn là đủ lúng túng rồi, ngay cả khi người đó là bạn bè. Mặc dù ngày nay gần như mọi giao tiếp của tôi diễn ra thông qua camera, tôi vẫn không biết chắc là trải nghiệm nào sẽ gây bối rối hơn: nhìn thấy chính mình trên phim hoặc bị/được quay phim. Tôi cố gắng tránh điều thứ nhất, nhưng với điều thứ hai thì bây giờ thật khó tránh khỏi đối với mọi người.

Tình huống đã hết sức căng thẳng rồi lại càng căng thẳng thêm, tôi cứng đơ người ra. Ánh đèn đỏ trên máy quay của Laura, giống như một ống ngắm của một khẩu súng bắn tỉa, luôn nhắc tôi rằng bất cứ lúc nào cửa

phòng này cũng có thể bị phá sập và tôi sẽ bị lôi đi mãi mãi. Và bất cứ khi nào tôi không có ý nghĩ đó thì tôi cứ nghĩ đến việc đoạn phim này sẽ trông như thế nào khi nó được phát lại trước tòa. Tôi nhận ra có rất nhiều việc mình lẽ ra phải làm, như mặc quần áo đẹp hơn và cạo râu. Các đĩa thức ăn phục vụ tận phòng và rác chồng chất khắp phòng. Những hộp mì ăn liền và bánh mì thịt ăn dở, đống quần áo bẩn và những chiếc khăn ướt nằm dưới sàn.

Đó là một tác động siêu thực. Không những tôi chưa bao giờ gặp một nhà làm phim nào trước khi được một nhà làm phim ghi hình, mà tôi còn chưa bao giờ gặp bất kỳ nhà báo nào trước khi mình trở thành nguồn tin của họ. Trong lần đầu tiên lên tiếng với bất kỳ ai về hệ thống giám sát hàng loạt của chính phủ Hoa Kỳ, tôi lại nói chuyện với mọi người trên thế giới qua kết nối Internet. Nhưng cuối cùng, bất kể tôi trông lôi thôi và nói năng không tự nhiên đến đâu thì vẫn bắt buộc phải có đoạn phim của Laura, bởi vì nó cho thế giới thấy chính xác những gì xảy ra trong căn phòng khách sạn đó theo một cách thức mà báo in không bao giờ làm được. Không ai có thể xuyên tạc những đoạn phim bà ấy quay trong suốt những ngày chúng tôi ở Hồng Kông. Những đoạn phim này chính là một sự chứng nhận không chỉ đối với tính chuyên nghiệp của Laura trong vai trò nhà làm phim tài liệu mà còn là tầm nhìn xa của bà ấy nữa.

Tôi đã trải qua một tuần từ ngày 3 đến ngày 9 tháng Sáu trong căn phòng đó cùng với Glenn và đồng nghiệp của ông từ tờ *Guardian,* Ewen MacAskill, người đã đến sau vào ngày đầu tiên. Chúng tôi vừa nói chuyện liên tục, vừa duyệt qua các chương trình của NSA, trong khi Laura chờn vờn chung quanh quay phim. Trái với ban ngày điên cuồng, ban đêm thật trống trải và hoang vắng. Glenn và Ewen sẽ rút lui về khách sạn W. của họ gần đó để viết những kết quả phát hiện được thành những bài báo. Laura sẽ biến mất để dựng phim và viết những bài báo khác cùng với Bart Gellman của tờ *Washington Post,* người không đến Hồng Kông được mà làm việc từ xa với các tài liệu do Laura chuyển về.

Tôi ngủ, hoặc cố ngủ - còn không, tôi sẽ bật TV, tìm một kênh tiếng Anh như BBC hoặc CNN, và xem phản ứng quốc tế. Vào ngày 5 tháng Sáu, tờ *Guardian* đăng bài đầu tiên của Glenn, lệnh của tòa FISA ủy quyền cho NSA thu thập thông tin mọi cuộc gọi điện thoại do nhà mạng viễn thông Verizon của Mỹ xử lý. Vào ngày 6 tháng Sáu, tờ này chạy tiếp bài của Glenn viết về chương trình PRISM, gần như đồng thời với một bài cùng chủ đề của Laura và Bart trên tờ *Washington Post*. Tôi biết, và tôi nghĩ tất cả chúng ta đều biết, càng nhiều bài tung ra thì càng nhiều khả năng NSA

sẽ xác định được nguồn tin, nhất là vì văn phòng của tôi đã bắt đầu gửi email cho tôi yêu cầu báo cáo tình hình và tôi đã không trả lời. Nhưng dù Glenn, Ewen và Laura luôn luôn đồng cảm với tình trạng bom nổ chậm của tôi, họ không bao giờ để khát vọng phục vụ sự thật bị suy giảm vì tình cảm đó. Và noi gương họ, tôi cũng vậy.

Báo chí, giống như phim tài liệu, đúng là có thể tiết lộ rất nhiều điều. Thật thú vị khi nghĩ đến những gì một phương tiện truyền thông buộc phải bỏ qua, do quy ước và do công nghệ. Qua văn của Glenn, đặc biệt là những bài đăng trên *Guardian,* ta thấy một bản công bố sự thật đi thẳng vào đề, loại bỏ hết những đam mê mãnh liệt đã định hình tính cách của ông. Văn của Ewen lại phản ánh đầy đủ hơn tính cách của tác giả: chân thành, duyên dáng, kiên nhẫn và công bằng. Trong khi đó, Laura, người nhìn thấy tất cả nhưng hiếm khi ra mặt, lúc nào cũng kín đáo và dí dỏm một cách mỉa mai - kiểu nửa gián điệp nửa nghệ sĩ bậc thầy.

Khi các tin bài tiết lộ này chạy liên tiếp trên mọi kênh truyền hình và website thời sự, rõ ràng là chính phủ Hoa Kỳ đã tung hết bộ máy vào việc xác định nguồn tin. Một điều cũng rõ ràng không kém là khi họ làm như vậy, họ sẽ sử dụng khuôn mặt mà họ tìm ra - mặt của tôi - để trốn tránh giải trình trách nhiệm: thay vì đề cập đến những điều tiết lộ, họ sẽ công kích mức độ đáng tin cậy và động cơ của "kẻ rò rỉ bí mật": Đã đặt cược hết tất cả rồi, tôi phải đi trước một bước trước khi quá muộn. Nếu tôi không giải thích hành động và ý định của mình, chính phủ sẽ bằng cách nào đó lèo lái sự quan tâm của công luận tránh xa những hành động sai trái của họ.

Hy vọng duy nhất để chống trả của tôi là mình phải lên tiếng trước và tự công khai thân thế. Tôi sẽ cung cấp cho giới báo chí vừa đủ thông tin cá nhân để thỏa mãn sự tò mò càng lúc càng tăng của họ, cùng với một tuyên bố rõ ràng điều quan trọng không phải là cá nhân tôi, mà là việc phá hoại nền dân chủ Mỹ. Sau đó, tôi sẽ biến mất thật nhanh cũng giống như khi tôi xuất hiện. Ít ra kế hoạch là như thế.

Ewen và tôi quyết định là ông ấy sẽ viết một bài về nghề nghiệp của tôi trong Cộng đồng IC và Laura đề nghị quay một tuyên bố bằng video để đăng kèm bài này trên *Guardian*. Trong đó, tôi nhận trách nhiệm trực tiếp và duy nhất là nguồn tin đằng sau những bài tường thuật về việc giám sát hàng loạt toàn cầu. Nhưng cho dù Laura đã quay phim cả tuần (rất nhiều đoạn phim trong đó sau này sẽ được bà đưa vào bộ phim tài liệu *Citizenfour),* chúng tôi hoàn toàn không có thời gian cho bà xem lại mọi cảnh đã quay để tìm kiếm một đoạn trích nào đó mà tôi nói chuyện mạch lạc và nhìn thẳng vào ống kính. Thay vào đó, Laura đề nghị lấy luôn đoạn

tuyên bố của tôi đã được bà quay phim ngay từ phút đầu ở Hồng Kông - đoạn mở đầu bằng câu, "À, tôi tên Ed Snowden. Tôi, à, hai mươi chín tuổi".

Xin chào thế giới.

$_0O_0$

Dù tôi không hề hối hận khi vén bức màn và công khai thân thế của mình, tôi ước gì mình đã nói năng mạch lạc hơn và có một kế hoạch tốt hơn cho những gì tiếp theo. Sự thật là tôi không có kế hoạch nào cả. Tôi đã không suy nghĩ nhiều về việc trả lời câu hỏi phải làm gì khi trò chơi kết thúc, chủ yếu là vì không thể có một chiến thắng chung cuộc. Tôi chỉ quan tâm đến việc phơi bày sự thật ra trước thế giới: Tôi nghĩ rằng bằng cách công bố các tài liệu này, về cơ bản, tôi đã phó thác bản thân mình cho lòng bao dung của công chúng. Chiến lược không lối thoát có thể là chiến lược duy nhất có lối thoát, bởi vì bất kỳ bước kế tiếp nào mà tôi có thể đã trù tính trước đều có nguy cơ làm hỏng các bí mật đã vạch trần này.

Chẳng hạn, nếu như tôi đã sắp đặt có trù tính trước để bay đến một quốc gia nào đó xin tị nạn, thì tôi sẽ bị xem là một gián điệp nước ngoài của quốc gia đó. Còn nếu tôi trở về đất nước của mình thì điều tốt đẹp nhất tôi có thể mong chờ là bị bắt ngay khi máy bay hạ cánh và bị buộc tội theo Đạo luật Gián điệp. Điều đó sẽ chỉ mang lại cho tôi một phiên tòa trá hình không hề có bất kỳ sự biện hộ nào có ý nghĩa, một màn kịch công lý mà trong đó mọi cuộc tranh cãi về những sự thật quan trọng nhất sẽ bị cấm ngặt.

Trở ngại lớn này là một khiếm khuyết nghiêm trọng trong luật pháp, một khiếm khuyết có chủ đích do chính phủ tạo ra. Một người ở vị trí của tôi thậm chí sẽ không được phép tranh luận trước tòa rằng những tiết lộ tôi đưa cho báo chí là có lợi ích dân sự. Ngay cả bây giờ, nhiều năm sau sự việc đó, tôi vẫn không được phép lập luận rằng những tường thuật của báo chí dựa trên tiết lộ của tôi đã khiến Quốc hội thay đổi một số luật liên quan đến việc giám sát, hay đã thuyết phục tòa án tuyên bố một số chương trình giám sát hàng loạt nào đó là bất hợp pháp, hay đã có tác động khiến Bộ trưởng Tư pháp và Tổng thống Hoa Kỳ thừa nhận rằng cuộc tranh luận về giám sát hàng loạt là một vấn đề quan trọng đối với người dân, một cuộc tranh luận mà cuối cùng sẽ làm đất nước thêm vững mạnh. Tất cả những luận điểm này không những sẽ bị coi là không liên quan mà còn không thể

chấp nhận được trong kiểu xét xử mà tôi sẽ phải đối mặt khi quay về nước Mỹ. Điều duy nhất mà chính phủ của tôi sẽ phải chứng minh trước tòa là tôi đã tiết lộ thông mật cho các nhà báo, một thực tế không thể phủ nhận, chính vì lý do này mà bất cứ ai nói rằng tôi phải quay lại Hoa Kỳ để xét xử thì chẳng khác gì nói rằng tôi phải quay lại Hoa Kỳ để lãnh án, và lúc đó cũng như bây giờ, bản án chắc chắn sẽ rất tàn nhẫn. Hình phạt cho việc tiết lộ các tài liệu tối mật, dù là cho gián điệp nước ngoài hay cho báo chí trong nước, có thể lên tới mười năm tù cho mỗi tài liệu.

Ngay từ lúc đoạn video của Laura ghi hình tôi đăng trên website của *Guardian* vào ngày 9 tháng Sáu, tôi đã thành mục tiêu. Dấu hồng tâm đã in trên lưng tôi. Tôi biết rằng các tổ chức mà tôi đã tố cáo sẽ không nguôi ngoai chừng nào đầu tôi chưa bị trùm kín và tay chân tôi chưa bị xiềng xích. Và cho đến lúc đó - và thậm chí là sau đó - họ sẽ sách nhiễu những người thân yêu của tôi và gièm pha nhân cách của tôi, soi mói mọi khía cạnh trong cuộc sống và nghề nghiệp của tôi, tìm kiếm thông tin (hay cơ hội xuyên tạc thông tin) để bôi nhọ tôi. Tôi không lạ gì với tiến trình này, nhờ đã đọc các ví dụ được xếp loại mật của các sự vụ như thế trong Cộng đồng IC, và nhờ đã nghiên cứu trường hợp của những người tố giác và tiết lộ bí mật khác. Tôi biết chuyện về những anh hùng như Daniel Ellsberg và Anthony Russo, và những người chống lại những mưu đồ bí mật gần đây của chính phủ như Thomas Tamm, một luật sư của Văn phòng thẩm định Chính sách Tình báo của Bộ Tư pháp - Tamm là nguồn tin chính của loạt bài tường thuật về việc nghe lén không có lệnh tòa giữa những năm 2000. Ngoài ra còn có Drake, Binney, Wiebe và Loomis, những người tiếp bước trong thời đại kỹ thuật số của Perry Fellwock, người từ năm 1971 đã tiết lộ sự tồn tại lúc đó chưa biết tới của NSA với báo chí - Fellwock đã khiến Ủy ban điều tra của Thượng nghị sĩ Frank Church (tiền thân của Ủy ban Đặc biệt về Tình báo của Thượng viện ngày nay) đã khống chế phạm vi hoạt động của NSA vào việc thu thập thông tin tình báo nước ngoài thay vì thông tin liên lạc trong nước. Và còn Binh nhì Chelsea Manning của Quân đội Hoa Kỳ, người vì tội vạch trần tội ác chiến tranh của Mỹ đã bị đưa ra tòa án binh và bị kết án ba mươi lăm năm tù, cô phải chịu án bảy năm mới được giảm án sau khi quốc tế phản đối về những việc bạo hành đối với cô trong thời gian biệt giam.

Tất cả những người này, dù họ có phải chịu tù tội hay không, đều gặp phải một số phản ứng trả đũa nào đó, thường là khốc liệt và xuất phát từ chính sự lộng quyền mà tôi vừa mới góp phần tố cáo: do thám. Nếu họ từng thể hiện sự tức giận trong một cuộc giao tiếp riêng tư, thì họ sẽ thành

"bất mãn". Nếu họ từng đến gặp bác sĩ thần kinh hoặc bác sĩ tâm lý, hoặc chỉ mượn thư viện những cuốn sách về các chủ đề liên quan, họ sẽ thành "tâm thần bất ổn". Nếu họ say rượu dù chỉ một lần, họ sẽ bị cho là kẻ nghiện rượu. Nếu họ từng có một lần ngoại tình, họ sẽ bị cho là kẻ bệnh hoạn tình dục. Không ít người mất nhà cửa và bị phá sản. Với một thể chế, việc bôi nhọ uy tín đối thủ thì dễ làm hơn là thực sự đương đầu với những chính kiến bất đồng - đối với Cộng đồng IC, đó chỉ là vấn đề tra cứu các hồ sơ, phóng đại những biểu hiện có sẵn, và, nếu không có dấu hiệu nào, thì chỉ cần bịa đặt ra chứng cớ.

Tôi chắc chắn về sự phẫn nộ của chính phủ chừng nào thì tôi cũng chắc chắn như vậy về sự ủng hộ của gia đình tôi và của Lindsay, người mà tôi tin là sẽ hiểu được - có lẽ không tha thứ, nhưng hiểu được - căn nguyên của cách tôi hành xử vừa qua. Tôi tìm niềm an ủi khi nhớ lại tình yêu thương của họ: Điều đó giúp tôi đương đầu với thực tế là tôi không còn gì để làm nữa, không có kế hoạch gì nữa chờ đợi. Tôi chỉ có thể mở rộng niềm tin tôi đặt vào gia đình và Lindsay thành một niềm tin có lẽ là quá lý tưởng vào đồng bào của mình, hy vọng rằng một khi họ đã ý thức được toàn bộ phạm vi giám sát hàng loạt của Mỹ, họ sẽ vận động và kêu gọi công lý. Họ sẽ được tiếp sức để tìm kiếm công lý cho bản thân họ và trong quá trình đó, số phận của tôi sẽ được định đoạt. Về mặt nào đó, đây là một niềm tin hết sức mù quáng: Tôi không thể tin bất kỳ ai, cho nên tôi phải tin tất cả mọi người.

$_0O_0$

Chỉ mấy giờ sau khi *Guardian* đăng đoạn video của tôi, một trong những độc giả thường xuyên ở Hồng Kông của Glenn đã liên lạc với ông ấy và đề nghị giúp tôi liên lạc với Robert Tibbo và Jonathan Man, hai luật sư địa phương lúc đó đã tình nguyện đảm nhận trường hợp của tôi. Đây là những người đã giúp tôi thoát khỏi Mira khi báo chí cuối cùng đã tìm ra chỗ tôi ở và bao vây khách sạn này. Để đánh lạc hướng, Glenn đi ra cửa trước tiền sảnh, nơi ông ngay lập tức bị máy ảnh và micro bu quanh. Trong khi đó, tôi được hấp tấp đưa đi khỏi Mira bằng một trong nhiều cửa ra khác của khách sạn, nối liền với một trung tâm mua sắm thông qua một chiếc cầu vượt.

Tôi mến Robert - đã trở thành thân chủ của ông ấy là trở thành bạn suốt đời. Ông là người theo chủ nghĩa lý tưởng và là một chiến binh thập tự

chính, một người không ngừng đấu tranh cho những việc bất khả chiến thắng. Tuy nhiên, điều ấn tượng hơn cả nghề luật của ông là tính sáng tạo trong việc tìm kiếm những chỗ náu an toàn. Trong khi các nhà báo đang lùng sục mọi khách sạn năm sao ở Hồng Kông, ông ấy đưa tôi đến một trong những khu dân cư nghèo nhất của thành phố này và giới thiệu tôi với một số thân chủ khác của ông, một số người trong trong gần mười hai ngàn người tị nạn bị lãng quên ở Hồng Kông - dưới áp lực của Trung Quốc, thành phố đã duy trì tỷ lệ chấp thuận tư cách thường trú nhân là con số thảm hại 1%. Tôi thường không nêu tên họ ra, nhưng vì họ đã dũng cảm đứng ra tự nhận với báo chí, nên tôi sẽ nói: Vanessa Mae Bondalian Rodel người Philippines, và Ajith Pushpakumara, Supun Thilina Kellapatha, và Nadeeka Dilrukshi Nonis, tất cả đều là người Sri Lanka.

Những con người luôn tốt bụng và rộng lượng này đã đón nhận tôi một cách bao dung. Tình đoàn kết mà họ đã thể hiện với tôi không mang tính chính trị. Đó là tình người, và tôi sẽ mãi mang ơn họ. Họ không quan tâm tôi là ai, hoặc họ có thể gặp phải những nguy hiểm gì khi giúp đỡ tôi, họ chỉ biết có một người cần giúp đỡ. Họ quá hiểu thế nào là bị buộc phải chạy trốn cuống cuồng khỏi hiểm họa chết người, thế nào là sống sót sau những khổ nạn vượt xa tất cả những gì tôi đã gặp phải và có thể sẽ gặp phải: bị quân đội tra tấn, bị cưỡng hiếp và lạm dụng tình dục. Họ cho một người lạ mặt kiệt sức vào nhà họ - và khi họ nhìn thấy khuôn mặt của tôi trên TV, họ không hề nao núng. Thay vào đó, họ mỉm cười và lấy đó làm cơ hội để trấn an tôi về lòng hiếu khách của họ.

Mặc dù điều kiện của họ rất hạn chế - Supun, Nadeeka, Vanessa và hai bé gái sống trong một căn hộ đổ nát, chật chội còn nhỏ hơn căn phòng của tôi ở Mira - họ chia sẻ mọi thứ họ có với tôi, và họ đã chia sẻ một cách hào phóng, họ kịch liệt từ chối lời đề nghị của tôi muốn đền đáp những phí tổn của việc tiếp nhận tôi đến nỗi tôi phải giấu tiền trong phòng để ép họ phải nhận. Họ cho tôi ăn, cho tôi tắm, cho tôi ngủ, và họ bảo vệ tôi. Tôi sẽ không bao giờ có thể nói thế nào là được cho quá nhiều bởi những con người sở hữu quá ít, được họ chấp nhận mà không bị phán xét khi tôi ngồi xổm trong các góc nhà như một con mèo hoang đi lạc, dò tìm sóng Wi-Fi của những khách sạn xa xôi bằng chiếc ăng-ten đặc biệt mà lũ trẻ rất thích thú.

Sự tiếp đón và tình bạn của họ là một ân huệ, vì có những người như vậy thậm chí là một ân huệ cho thế giới này, cho nên tôi đau lòng vì suốt những năm sau đó, các trường hợp của Ajith, Supun, Nadeeka và con gái Nadeeka vẫn chưa được giải quyết. Lòng ngưỡng mộ tôi dành cho những người ấy cũng không kém lòng phẫn nộ tôi dành cho giới chức Hồng Kông, những

người tiếp tục không chấp nhận quyền tị nạn cơ bản của họ. Nếu những con người bản chất là đàng hoàng và vị tha như họ mà bị coi là không xứng đáng được nhà nước bảo vệ thì đó là vì chính nhà nước ấy không xứng đáng được bảo vệ. Nhưng điều mang lại cho tôi hy vọng là ngay khi cuốn sách này sắp xuất bản, Vanessa và con gái của cô ấy đã được tị nạn ở Canada. Tôi mong ngóng đến ngày tôi có thể đến thăm tất cả những người bạn cũ Hồng Kông ở quê hương mới của họ, dù là ở đâu, và chúng tôi sẽ cùng nhau tạo ra những kỷ niệm vui hơn trong tự do.

Vào ngày 14 tháng Sáu, chính phủ Hoa Kỳ buộc tội tôi theo Đạo luật Gián điệp trong một đơn kiện mật, và vào ngày 21 tháng Sáu, họ chính thức yêu cầu dẫn độ tôi. Tôi biết đã đến lúc phải ra đi. Hôm đó cũng là sinh nhật thứ ba mươi của tôi.

Ngay khi Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ gửi yêu cầu dẫn độ, các luật sư của tôi nhận được phúc đáp cho đơn xin giúp đỡ mà tôi gửi cho Cao ủy Liên Hiệp Quốc về Người tị nạn: Họ không thể làm được gì. Chính phủ Hồng Kông, dù có áp lực của Trung Quốc hay không, đã bác bỏ mọi nỗ lực của Liên Hiệp Quốc cho tôi hưởng quyền bảo vệ quốc tế trên lãnh thổ của họ, và hơn nữa Hồng Kông còn khẳng định rằng trước hết họ còn phải xem xét các yêu sách của quốc gia mà tôi có tư cách công dân. Nói cách khác, Hồng Kông đang bảo tôi về nước và làm việc với Liên Hiệp quốc ở trong tù. Tôi không chỉ thân cô thế cô, tôi còn không được hoan nghênh ở đây. Nếu tôi còn muốn ra đi trong tự do thì phải ra đi ngay bây giờ. Tôi xóa sạch bốn máy tính xách tay của mình và tiêu hủy luôn chìa khóa mật mã, điều đó có nghĩa là tôi không còn truy cập được bất kỳ tài liệu nào dù có bị bắt buộc. Rồi tôi thu xếp vài bộ quần áo rồi lên đường. Không có sự an toàn nào ở "cảng thơm" Hồng Kông.

$_0O_0$

27
Moscow

ĐỐI VỚI MỘT QUỐC GIA VEN BIỂN ở rìa tây bắc của Nam Mỹ, cách Hồng Kông nửa vòng trái đất, Ecuador nằm ở giữa mọi thứ: không phải không có lý do mà tên nước này nghĩa là "Cộng hòa Xích đạo". Hầu hết những người cùng ở Bắc Mỹ như tôi sẽ nói chính xác rằng đó là một quốc gia nhỏ, và một số thậm chí có thể đủ hiểu biết để nói là nước này từng bị áp bức trong lịch sử. Nhưng họ sẽ lầm to nếu họ nghĩ đó là một nước lạc hậu. Khi Rafael Correa trở thành tổng thống năm 2007, thuộc làn sóng những người được gọi là các nhà lãnh đạo xã hội dân chủ đã càn quét các cuộc bầu cử vào cuối những năm 1990 và đầu những năm 2000 ở Bolivia, Argentina, Brazil, Paraguay và Venezuela, ông đã đề xướng một loạt chính sách nhằm phản đối và đảo ngược ảnh hưởng của chủ nghĩa đế quốc Mỹ trong khu vực. Do trước đây Tổng thống Correa là một nhà kinh tế, nên một trong những biện pháp của ông là tuyên bố Ecuador sẽ xem những món nợ quốc gia tồn đọng là bất hợp pháp - trên thực tế, nó sẽ được xếp loại là "nợ nhục nhã", đó là nợ quốc gia do một chế độ chuyên quyền tạo ra hoặc thông qua những chính sách thương mại đế quốc chuyên quyền mà thành. Ecuador sẽ không trả những món nợ đó. Với tuyên bố ấy, Correa đã giải phóng nhân dân nước này khỏi hàng chục năm nô lệ kinh tế, mặc dù ông tạo ra không ít kẻ thù trong tầng lớp tài phiệt đã chỉ đạo phần lớn chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ.

Ecuador, ít nhất là vào năm 2013, có một niềm tin hiếm có vào định chế tị nạn chính trị. Sự việc nổi tiếng nhất dưới thời Correa là Đại sứ quán Ecuador ở London đã trở thành nơi trú ẩn an toàn và là chốn dung thân cho Julian Assange của WikiLeaks. Tôi không hề muốn sống trong một đại sứ quán nào, có lẽ vì tôi đã từng làm việc trong một sứ quán. Dù vậy, các luật sư Hồng Kông của tôi đã đồng ý rằng, trong hoàn cảnh này, Ecuador có lẽ là quốc gia có khả năng bảo vệ quyền tị nạn chính trị của tôi nhất và ít có khả năng chịu nhún nhường trước cơn tức tối của nước bá quyền đang thống trị Tây bán cầu. Đội ngũ bất ngờ ngày càng đông của tôi - các luật sư, nhà báo, chuyên gia công nghệ và nhà hoạt động chính trị - đều tán thành điều này. Hy vọng của tôi là làm sao đến được Ecuador một cách chính đáng.

Với việc chính phủ Mỹ đã quyết định buộc tội tôi theo Đạo luật Gián điệp, tôi đã bị buộc một tội chính trị, nghĩa là một tội mà nạn nhân là chính

nhà nước chứ không phải là một con người. Theo luật nhân đạo quốc tế, những người bị buộc tội này thường được miễn trừ dẫn độ, bởi vì tội danh tội chính trị thường là một nỗ lực độc tài nhằm dập tắt những bất đồng có tính hợp pháp. Như vậy, trên lý thuyết, những người tố giác chính phủ sẽ được bảo vệ chống lại dẫn độ ở hầu hết mọi nơi. Tất nhiên, điều này hiếm khi xảy ra trong thực tế, đặc biệt là khi chính phủ tự nhận mình bị hại lại là chính phủ Mỹ - nước luôn tuyên bố thúc đẩy nền dân chủ ở nước ngoài nhưng vẫn bí mật duy trì các đội máy bay hợp đồng với tư nhân chuyên làm công việc bất hợp pháp mang danh nghĩa là "dẫn độ đặc biệt", hoặc như mọi người thường gọi, tức là bắt cóc.

Đội ngũ hỗ trợ tôi đã liên hệ với giới chức ở khắp mọi nơi từ Iceland đến Ấn Độ, tìm hiểu xem các nước ấy có tôn trọng luật cấm dẫn độ những người bị buộc tội chính trị hay không, và có cam kết không can thiệp vào chuyến đi dự định của tôi hay không. Thực tế nhanh chóng cho thấy rõ là ngay cả những nền dân chủ tiên tiến nhất cũng sợ phải gánh chịu cơn thịnh nộ của chính phủ Hoa Kỳ. Họ vui vẻ bày tỏ sự đồng cảm riêng của mình, nhưng không dám đưa ra dù là những bảo đảm không chính thức. Mẫu số chung của những lời khuyên đã được chuyển lại cho tôi là chỉ hạ cánh ở các quốc gia không dẫn độ, và tránh mọi đường bay qua không phận của bất kỳ quốc gia nào có lịch sử tôn trọng hoặc hợp tác với quân đội Hoa Kỳ. Một viên chức, tôi nghĩ là ở Pháp, gợi ý rằng khả năng quá cảnh an toàn của tôi có thể tăng đáng kể nếu tôi được cấp một *laissez-passer* được Liên Hiệp Quốc công nhận, một loại giấy thông hành một chiều thường được cấp để bảo đảm an toàn cho người tị nạn đi qua các biên giới quốc gia - nhưng kiếm được tờ giấy đó là chuyện nói dễ hơn làm.

Đây là lúc xuất hiện Sarah Harrison, nhà báo và biên tập viên của WikiLeaks. Ngay khi tin tức đăng tải chuyện một người Mỹ đã vạch trần một hệ thống giám sát hàng loạt toàn cầu, cô ấy đã ngay lập tức bay tới Hồng Kông. Bằng kinh nghiệm riêng với WikiLeaks và đặc biệt là với số phận của Assange, cô ấy tự tin có thể cho tôi sự cố vấn tốt nhất thế giới về vấn đề tị nạn. Càng thuận lợi khi Sarah có những quan hệ gia đình trong Cộng đồng luật sư ở Hồng Kông.

Mọi người từ lâu đã gán cho Assange những động cơ ích kỷ khi muốn giúp đỡ tôi, nhưng tôi tin rằng hơn hết thảy, anh ta thực sự đã dốc sức vào một việc - giúp tôi không bị bắt. Làm như thế mà có kéo theo việc chọc ghẹo chính phủ Hoa Kỳ thì đó là một phần thưởng thêm cho anh ta, một lợi ích phụ chứ không phải mục tiêu. Đúng là Assange có thể vị kỷ và phù phiếm, tính khí thất thường, và thậm chí còn hiếp đáp người khác - sau

một chuyện bất đồng gay gắt chỉ một tháng sau cuộc trò chuyện qua tin nhắn đầu tiên với anh ta, tôi không bao giờ liên lạc nữa - nhưng anh ta cũng thành thật tự cho mình là một chiến binh trong trận chiến lịch sử vì quyền được biết của công chúng, một trận chiến mà anh ta sẽ làm bất cứ điều gì để chiến thắng. Vì lý do này mà tôi cho rằng nếu chỉ diễn giải sự giúp đỡ của Assange như một trường hợp mưu đồ hoặc tự quảng cáo thì đã làm giảm giá trị sự thật. Tôi tin rằng điều quan trọng hơn đối với anh ta chính là một cơ hội để cứu vãn lại trường hợp Chelsea Manning, nguồn tin nổi tiếng nhất của WikiLeaks. Binh nhì Chelsea Manning của Quân đội Hoa Kỳ là người phải chịu án tù ba mươi lăm năm chưa từng có trong lịch sử, một bản án tàn ác nhằm răn đe những người tố cáo ở khắp mọi nơi. Mặc dù tôi chưa và sẽ không bao giờ là nguồn tin của Assange, hoàn cảnh của tôi đã cho anh ta cơ hội để sửa sai. Assange không thể làm gì được để cứu Manning, nhưng anh ta, thông qua Sarah, có vẻ quyết tâm làm tất cả những gì có thể để cứu tôi.

Nói như vậy nhưng ban đầu tôi cảnh giác với sự tham gia của Sarah. Nhưng Laura bảo tôi rằng Sarah là người nghiêm túc, có năng lực và quan trọng nhất là độc lập: một trong số ít người ở WikiLeaks dám công khai bất đồng với Assange. Có thận trọng mấy đi nữa thì tôi cũng đã lâm vào tình thế khó khăn, và như Hemingway đã từng viết, cách để làm cho mọi người trở nên đáng tin cậy là hãy tin cậy họ.

Laura báo tôi biết tin Sarah đã có mặt ở Hồng Kông chỉ một ngày trước khi cô ấy liên lạc với tôi qua một kênh mã hóa, và một hoặc hai ngày sau cuộc liên lạc này thì tôi thực sự gặp cô ấy trực tiếp - và nếu tôi có phần không chắc chắn về ngày tháng khi kể về thời điểm này thì xin bạn tha thứ cho: ngày ngày tiếp nối bấn loạn như nhau. Sarah rõ ràng là một cơn lốc từ khi cô đến Hồng Kông. Dù không phải là luật sư, cô ấy hết sức thông thạo các mối quan hệ ngầm chính thức hay riêng giữa các cá nhân về vấn đề tránh dẫn độ. Sarah đã gặp các luật sư nhân quyền ở Hồng Kông để cố tìm những quan điểm độc lập, và tôi vô cùng nể phục về cả nhịp độ lẫn sự cẩn trọng của cô ấy. Các mối quan hệ của Sarah thông qua WikiLeaks và sự can đảm phi thường của lãnh sự Ecuador ở London, Fidel Narvaez, đã hợp sức tạo ra một giấy thông hành mang tên tôi. Với mục đích đưa tôi đến Ecuador, giấy thông hành này đã được vị lãnh sự cấp cho tôi trên cơ sở trường hợp khẩn cấp, vì không có thời gian để chờ chính phủ ở Ecuador chính thức phê duyệt. Ngay khi có tấm giấy đó trong tay, Sarah thuê một chiếc xe đưa cô ấy và tôi đến phi trường.

Tôi đã gặp cô ấy như thế đó - trong lúc di chuyển. Tôi muốn kể rằng tôi đã định bắt chuyện làm quen bằng những lời cảm ơn, nhưng rồi câu đầu tiên tôi nói lại là: "Lần cuối cùng cô ngủ là lúc nào?". Lúc đó trông Sarah cũng đầu bù tóc rối, áo quần nhăn nhàu như tôi. Cô đăm đăm nhìn ra ngoài cửa xe, cứ như đang cố nhớ câu trả lời, nhưng rồi chỉ lắc đầu: "Tôi không biết".

Sarah và tôi đều bị cảm lạnh và cuộc trò chuyện thận trọng của chúng tôi luôn đứt quãng vì những tiếng hắt hơi và tiếng ho. Theo lời Sarah, động cơ thúc đẩy cô giúp đỡ tôi là vì lòng trung thành với lương tâm hơn là vì những đòi hỏi có tính ý thức hệ của người tuyển dụng cô. Chắc chắn là chính kiến của Sarah ít bị chi phối bởi lập trường chống đối dữ dội của Assange với quyền lực tập trung, mà hình thành từ niềm xác tín của bản thân cô rằng: Hầu hết những gì gọi là báo chí ngày nay đều phục vụ cho lợi ích của chính phủ chứ không phải là thách thức chính phủ. Trong lúc xe phóng như bay đến phi trường, trong lúc chúng tôi làm thủ tục, trong lúc chúng tôi chờ kiểm tra hộ chiếu cho chuyến bay thứ nhất trong ba chuyến, tôi cứ chờ đợi Sarah yêu cầu tôi một điều gì đó - bất cứ điều gì, cho dù chỉ để tôi tuyên bố một lời có lợi cho Assange, hoặc cho tổ chức WikiLeaks. Nhưng Sarah không hề làm thế, mặc dù cô ấy đúng là đã vui vẻ nêu ý kiến rằng tôi là một kẻ ngốc vì đã tin tưởng các tập đoàn truyền thông sẽ giữ vai trò người gác cửa công bằng giữa công chúng và sự thật. Với câu nói thẳng thắn đó cùng nhiều trao đổi khác của Sarah, tôi sẽ luôn ngưỡng mộ sự trung thực của cô.

Chúng tôi sẽ bay đến Quito, Ecuador, qua ngã Moscow qua ngã Havana qua ngã Caracas vì một lý do đơn giản: Đó là đường bay an toàn duy nhất sẵn có. Từ Hồng Kông không có đường bay trực tiếp nào đến Quito và mọi chuyến bay chuyển tiếp khác đều đi qua không phận Hoa Kỳ. Trong lúc tôi lo lắng về thời gian quá cảnh quá dài ở Nga - chúng tôi phải chờ gần hai mươi giờ mới có chuyến bay đi Havana - thì nỗi sợ hãi chính yếu của tôi thực sự là chặng đường tiếp theo, bởi vì bay từ Nga sang Cuba có nghĩa là phải bay qua không phận các nước NATO. Tôi đặc biệt không thích bay qua một quốc gia như Ba Lan. Cả đời tôi chỉ thấy nước này toàn làm mọi việc để chiều lòng chính phủ Hoa Ký, kể cả việc dung chứa các nhà tù bí mật của CIA, nơi mà các đồng nghiệp tình báo trước đây của tôi đã bắt tù nhân phải chịu "thẩm vấn tăng cường", một uyển ngữ của thời Bush thay cho "tra tấn".

Tôi kéo sụp mũ xuống mắt để tránh bị nhận dạng, và Sarah nhìn thay cho tôi. Cô ấy nắm cánh tay tôi và dẫn đến cổng, nơi chúng tôi đợi cho đến khi

lên máy bay. Đây là khoảnh khắc cuối cùng để cô ấy rút lui, và tôi đã nói với cô ấy như thế. "Cô đâu nhất thiết phải làm việc này", tôi nói.

"Làm gì?"

"Bảo vệ tôi như thế này."

Sarah nghiêm giọng. "Có một điều ta cần phải xác định rõ", cô ấy nói trong lúc chúng tôi lên máy bay, "Tôi không bảo vệ anh. Không ai có thể bảo vệ anh. Việc tôi làm ở đây là gây khó khăn hơn nếu có ai muốn ngăn chặn. Để bảo đảm là tất cả đều phải hành xử đúng mực nhất".

"Vậy cô là nhân chứng của tôi", tôi nói.

Cô thoáng cười gượng. "Phải có ai đó là người cuối cùng nhìn thấy anh còn sống chứ. Rất có thể đó là tôi".

Mặc dù đã vượt qua ba điểm mà tôi nghĩ là có khả năng chặn chúng tôi lại nhất (làm thủ tục, kiểm tra hộ chiếu và cổng ra máy bay), tôi vẫn không cảm thấy an toàn khi đã lên máy bay. Tôi không muốn tự mãn. Tôi ngồi vào ghế sát cửa sổ và Sarah ngồi cạnh tôi, để chắn tầm nhìn của những hành khách khác trên hàng ghế phía bên kia. Sau một thời gian dài như thiên thu, các cánh cửa ca-bin đóng lại, cầu thang lên máy bay đã kéo đi và cuối cùng, máy bay đã chuyển bánh. Nhưng ngay trước khi máy bay lăn bánh từ mặt đường nhựa ra đường băng, nó đột ngột dừng lại. Tôi căng thẳng. Tì vành mũ sát ô kính cửa, tôi cố nghe ngóng những tiếng còi hú hoặc ánh đèn xanh nhấp nháy. Có cảm giác như tôi đang chơi lại trò chơi chờ đợi một lần nữa - cuộc chờ đợi tưởng chừng vô tận. Cho đến khi máy bay lại bỗng dưng lăn bánh rồi quay đầu, và tôi nhận ra rằng máy bay của chúng tôi ở tít phía sau trong hàng máy bay chờ cất cánh.

Tinh thần của tôi phấn chấn dần theo vòng bánh lăn, nhưng thật khó mà tin là mình đã thoát nạn. Khi máy bay đã ở trên không, tôi mới nới lỏng nắm tay nãy giờ ghì chặt lấy đùi của mình và trong lòng thôi thúc muốn lấy khối Rubik may mắn của tôi trong túi xách ra. Nhưng tôi biết mình không thể làm như thế, vì quá lộ liễu. Thay vào đó, tôi ngả lưng ra ghế, lại kéo sụp mũ xuống, và đôi mắt khép hờ dán chặt vào bản đồ trên màn hình sau lưng ghế phía trước, theo dõi những chấm đường bay nhích dần qua Trung Quốc, Mông Cổ và Nga - cả ba nước này đều đặc biệt không chiều theo bất kỳ ưu đãi nào dành cho Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ. Tuy nhiên, không thể đoán trước chính phủ Nga sẽ làm gì khi chúng tôi hạ cánh, ngoài việc họ sẽ lôi chúng tôi vào phòng khám xét để lục lọi những chiếc máy tính xách tay đã xóa sạch và chiếc túi xách trống rỗng của tôi. Điều tôi hy vọng có thể giúp chúng tôi tránh được bất kỳ sự đối xử xâm phạm nào là việc

thế giới đang theo dõi và các luật sư của tôi cũng như của WikiLeaks đều biết rõ hành trình của chúng tôi.

Chỉ đến khi máy bay đã vào không phận Trung Quốc, tôi mới nhận ra là tôi sẽ không thể yên tâm chừng nào tôi chưa hỏi thẳng Sarah câu hỏi này: "Tại sao cô lại giúp tôi?".

Cô ấy chùng giọng xuống, như thể cố giảm bớt cảm xúc, và bảo tôi rằng cô ấy muốn tôi có một kết cục tốt hơn. Sarah không bao giờ nói tốt hơn kết cục nào hay kết cục của ai, và tôi chỉ có thể xem câu trả lời đó như một dấu hiệu của sự cẩn thận và tôn trọng của cô ấy.

Tôi thấy yên tâm, ít nhất là đủ để cuối cùng được ngủ một chút.

$_0O_0$

Chúng tôi đáp xuống Sheremetyevo vào ngày 23 tháng Sáu để chuẩn bị cho giai đoạn mà chúng tôi xem như một cuộc quá cảnh dài hai mươi giờ. Nó đã kéo dài hơn sáu năm. Lưu vong là một cuộc quá cảnh bất tận.

Trong Cộng đồng IC và đặc biệt là trong CIA, bạn sẽ được huấn luyện rất nhiều để tránh không gặp rắc rối tại các cửa hải quan. Bạn phải nghĩ đến cách ăn mặc, cách hành xử. Bạn phải nghĩ đến những thứ trong hành lý và những thứ trong túi áo quần và những gì chúng tiết lộ về bạn. Mục tiêu của bạn là trở thành kẻ nhàm chán nhất trong hàng người, với khuôn mặt hết sức dễ quên nhất. Nhưng mọi điều đó chẳng còn quan trọng gì nữa khi cái tên trên hộ chiếu của bạn đang xuất hiện tràn ngập trên mọi kênh thời sự.

Tôi đưa cuốn sổ nhỏ màu xanh của mình cho một người râu ria trong buồng kiểm tra hộ chiếu, anh ta xem lướt qua và lật trang phành phạch. Sarah đứng kiên cường sau lưng tôi. Tôi chắc chắn đã để ý đến khoảng thời gian cần thiết để kiểm tra hộ chiếu cho những người xếp hàng phía trước, nhưng đến lượt chúng tôi thời gian lại kéo dài quá lâu. Sau đó, anh ta nhấc điện thoại lên, lẩm bẩm vài từ tiếng Nga, và gần như ngay lập tức - quá nhanh chóng - hai nhân viên an ninh mặc đồ vét đi tới. Họ hẳn là đã chờ sẵn. Nhân viên đi trước lấy cuốn sổ nhỏ màu xanh của tôi trên tay người ngồi trong buồng kiểm tra rồi chồm tới sát tôi. "Hộ chiếu của ông có vấn đề", anh ta nói. "Vui lòng, đi với chúng tôi".

Sarah ngay lập tức bước lên đứng cạnh tôi và tuôn ra một tràng tiếng Anh thật nhanh: "Tôi là cố vấn pháp lý của người này. Người này đi đâu, tôi đi theo cùng. Căn cứ vào... ".

Nhưng cô chưa kịp viện dẫn các hiệp ước Liên Hiệp Quốc và phụ lục công ước Geneva có liên quan, nhân viên này đã giơ tay lên và liếc nhìn hàng người đang chờ phía sau. Anh ta nói, "Được rồi, được, được. Bà đi theo".

Tôi không biết nhân viên ấy có hiểu cô ấy nói gì không. Rõ ràng là anh ta không muốn làm ồn ào gây chú ý.

Hai nhân viên an ninh hấp tấp đưa chúng tôi đến một nơi mà tôi tưởng là phòng đặc biệt để kiểm tra bổ sung, nhưng thay vào đó lại là một trong những phòng khách sang trọng của Sheremetyevo - như một khu vực hạng thương gia hoặc hạng nhất, chỉ vài hành khách ngồi lơ đãng trên những chiếc ghế xa hoa. Sarah và tôi được đưa đi ngang qua đám khách này và theo một hành lang đi vào một phòng hội nghị đầy người mặc đồ xám đang ngồi quanh một chiếc bàn. Trong số đó có khoảng sáu người để tóc kiểu quân đội. Một người ngồi tách riêng, tay cầm bút. Anh ta là người ghi chép, một dạng thư ký, tôi đoán vậy. Trước mặt anh ta là kẹp hồ sơ chứa một tập giấy. Trên bìa kẹp hồ sơ đó là một phù hiệu đơn sắc mà tôi không cần biết tiếng Nga cũng hiểu: thanh kiếm và tấm khiên, biểu tượng của cơ quan tình báo hàng đầu của Nga, Cơ quan An ninh Liên bang (Federal Security Service - FSB). Giống như FBI của Hoa Kỳ, FSB tồn tại không chỉ để do thám và điều tra mà còn bắt giữ.

Người ở chính giữa là một người đàn ông lớn tuổi hơn mặc bộ đồ sang hơn những người khác, màu tóc trắng sáng như một vầng hào quang uy quyền. Ông ta ra hiệu cho Sarah và tôi ngồi đối diện, với một cái khoác tay hách dịch và một nụ cười cho biết người này là một sĩ quan sự vụ dày dạn kinh nghiệm, hoặc bất cứ tên gọi nào tương đương cho chức trách này ở Nga. Các cơ quan tình báo trên toàn thế giới đều đầy những nhân vật như vậy - những diễn viên tận tụy sẽ thử khoác lên mặt nhiều cảm xúc khác nhau cho đến khi có được câu trả lời họ muốn.

Ông ta hắng giọng rồi nói với tôi, bằng tiếng Anh đúng chuẩn, điều mà CIA gọi là "ra giá lạnh lùng", về cơ bản đó là đề nghị của một cơ quan tình báo nước ngoài có thể được tóm tắt là "hãy đến làm việc cho chúng tôi". Để đổi lại sự hợp tác này, họ sẽ đưa nhiều ân huệ để câu mồi, đó có thể là bất cứ thứ gì, từ hàng chồng tiền mặt đến tấm thẻ đặc quyền miễn ngồi tù với hầu hết mọi tội trạng từ lừa đảo đến giết người. Tất nhiên, điều mấu chốt là họ luôn mong đợi một thứ gì đó có giá trị tương đương hoặc tốt hơn để trao đổi. Nhưng giao dịch không bao giờ bắt đầu một cách rõ ràng và cụ thể. Nghĩ lại thì thấy buồn cười, gọi là "ra giá lạnh lùng" nhưng

người ra giá luôn mào đầu một cách nồng nhiệt, với những nụ cười, nói bông đùa và những lời cảm thông.

Tôi biết mình phải cắt lời ông ta. Nếu bạn không cắt lời một sĩ quan tình báo nước ngoài ngay lập tức, thì cuối cùng dẫu bạn có từ chối lời đề nghị của họ cũng chẳng có ý nghĩa gì, bởi vì họ có thể phá hoại uy tín của bạn chỉ bằng cách tiết lộ ra bản ghi âm khi bạn đang thận trọng cân nhắc. Cho nên trong lúc người này xin lỗi vì đã gây bất tiện cho chúng tôi, tôi nghĩ là các thiết bị giấu kín vẫn đang ghi âm ghi hình, và tôi cố gắng chọn lời lẽ thật cẩn thận.

"Thế này, tôi biết các ông là ai, và đây là công việc gì", tôi nói. "Cho phép tôi nói rõ là tôi không hề có ý định hợp tác với các ông. Tôi sẽ không hợp tác với bất kỳ cơ quan tình báo nào. Tôi không có ý tỏ ra thiếu tôn trọng, nhưng cuộc gặp gỡ này sẽ không có tính chất đó. Nếu các ông muốn lục soát túi xách của tôi, thì nó nằm ngay tại đây", và tôi chỉ vào chiếc túi xách dưới ghế ngồi của mình. "Nhưng tôi xin hứa với các ông, trong đó chẳng có gì hữu ích cho các ông đâu".

Trong lúc tôi nói, sắc mặt người ấy thay đổi. Ông ta bắt đầu bằng cách tỏ vẻ bị tổn thương. "Không, chúng tôi nào muốn làm điều đó", ông ta nói. "Hãy tin tôi đi, chúng tôi chỉ muốn giúp anh".

Sarah hắng giọng và nói chen vào. "Các ông thật tử tế quá, nhưng tôi mong các ông hiểu là chúng tôi chỉ muốn một điều duy nhất là đi chuyến bay chuyển tiếp mà thôi".

Trong một thoáng rất nhanh, vẻ buồn rầu giả vờ của ông ta trở nên cáu kỉnh. "Cô là luật sư của anh này?".

"Tôi là cố vấn pháp lý của anh ấy", Sarah đáp.

Ông ta hỏi tôi, "Hóa ra anh không đến Nga để ở lại Nga à?".

"Không".

"Vậy xin phép được biết anh định đi đâu? Điểm đến cuối cùng của anh là ở đâu?"

Tôi nói, "Quito, Ecuador, qua ngã Caracas, qua ngã Havana", mặc dù tôi quá rõ ông ta đã biết trước câu trả lời rồi. Chắc chắn người này đã có bản sao hành trình của chúng tôi, vì Sarah và tôi đã đi từ Hồng Kông trên một chuyến bay của Aeroflot, hãng hàng không hàng đầu của Nga.

Cho đến lúc đó, ông ta và tôi đều nói theo cùng một kịch bản tình báo, nhưng bây giờ cuộc trò chuyện đã đổi hướng. "Anh chưa biết sao?". Ông ta đứng lên và nhìn tôi như thể sắp báo tin về cái chết của một người trong

gia đình. “E rằng tôi phải cho anh biết là hộ chiếu của anh không còn hiệu lực”.

Sửng sốt, tôi chỉ biết nói lắp bắp. “Xin lỗi, nhưng tôi... tôi không tin điều đó”.

Ông ta chồm người trên bàn và nói, “Không, thật vậy đấy. Tin tôi đi. Đó là quyết định của John Kerry, bộ trưởng của anh đó. Hộ chiếu của anh đã bị chính phủ của anh hủy bỏ, và các hãng hàng không đều đã được chỉ thị là không cho phép anh lên máy bay”.

Tôi chắc chắn là có mưu mẹo gì đây, nhưng tôi không rõ là nhằm mục đích gì. “Xin cho chúng tôi một phút”, tôi nói, nhưng tôi chưa kịp yêu cầu thì Sarah đã lấy máy tính xách tay của cô ấy trong túi xách ra và kết nối vào mạng Wi-Fi phi trường.

“Phải rồi, cô cứ kiểm tra đi”, ông ta nói, rồi quay sang các đồng nghiệp và trò chuyện với họ bằng tiếng Nga, như thể ông ta có toàn bộ thời gian trên đời.

Điều này đã được loan báo trên mọi website thời sự mà Sarah xem qua. Sau khi báo chí đưa tin rằng tôi đã rời Hồng Kông, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ tuyên bố hủy hộ chiếu của tôi. Họ đã rút giấy phép đi lại của tôi trong lúc tôi còn đang ở trên không trung.

Tôi không tin nổi: Chính phủ của tôi đã nhốt tôi ở Nga. Động thái của Bộ Ngoại giao chỉ có thể là kết quả của thói tôn sùng thủ tục quan liêu - khi bạn đang cố gắng bắt một kẻ chạy trốn, việc báo động với Interpol và hủy hộ chiếu của đối tượng đúng là các trình tự hoạt động tiêu chuẩn. Nhưng làm cách này thì kết quả cuối cùng là tự chuốc lấy thất bại, vì bỗng dưng nước Nga lại được hưởng một thắng lợi lớn về tuyên truyền.

“Đúng thế thật”, Sarah nói, kèm theo một cái lắc đầu.

“Vậy anh sẽ làm gì đây?” viên sĩ quan kia hỏi tôi, và ông ta đi vòng qua phía bàn của chúng tôi.

Trước khi tôi rút tấm giấy thông hành của Ecuador ra khỏi túi, Sarah nói ngay, “Tôi rất tiếc, nhưng tôi sẽ phải khuyên anh Snowden không trả lời thêm bất kỳ câu hỏi nào nữa”.

Ông ta chỉ vào tôi và nói, “Đi theo tôi”.

Ông ta ra hiệu cho tôi đi theo đến cuối phòng hội nghị, nơi có một cửa sổ. Tôi đến đứng cạnh ông ta và nhìn ra. Khoảng ba hoặc bốn tầng bên dưới là mặt đường và ở đó là một rừng báo chí chen chúc đông chưa từng thấy, một rừng phóng viên vung máy ảnh và micro.

Một màn phô diễn ấn tượng, có lẽ được biên đạo bởi FSB, có lẽ không, rất có thể là nửa này nửa kia. Hầu như tất cả mọi thứ ở Nga đều là nửa này nửa kia. Nhưng ít nhất bây giờ tôi đã biết tại sao Sarah và tôi được đưa đến phòng hội nghị trong phòng chờ này.

Tôi quay trở lại ghế của mình nhưng không ngồi xuống nữa.

Viên sĩ quan ở cửa sổ quay lại nhìn thẳng vào tôi và nói, "Cuộc sống đối với một người trong hoàn cảnh của anh có thể sẽ rất khó khăn nếu không có bạn bè giúp đỡ". Ông ta để cho những lời đó lơ lửng.

Đến lúc rồi, tôi nghĩ thầm - bây giờ là gạ gẫm trực tiếp đây.

Ông ta nói, "Chắc là có thông tin gì đó, có lẽ, một vài điều nhỏ nhặt mà anh có thể chia sẻ với chúng tôi chứ?".

"Chúng tôi sẽ tự lo liệu ổn thỏa thôi", tôi đáp. Sarah đứng lên bên cạnh tôi.

Ông ta thở dài. Ông ta quay sang lẩm bẩm bằng tiếng Nga, và các đồng chí của ông ta đứng dậy và theo hàng một đi ra. "Tôi hy vọng anh sẽ không hối tiếc về quyết định của mình", ông ta bảo tôi. Rồi ông ta khẽ gật đầu chào rồi cũng đi ra, ngay lúc hai viên chức của ban điều hành phi trường bước vào.

Tôi yêu cầu được phép đi tới cổng ra máy bay chờ chuyến bay đi Havana, nhưng họ phớt lờ. Cuối cùng tôi thò tay vào túi lấy ra và vung vẩy tấm giấy thông hành Ecuador, nhưng họ cũng phớt lờ luôn.

Tổng cộng, chúng tôi bị kẹt lại trong phi trường suốt bốn mươi ngày và bốn mươi đêm triền miên. Trong suốt thời gian đó, tôi đã gửi đơn cho tất cả hai mươi bảy quốc gia để xin tị nạn chính trị. Không một nước nào trong số này sẵn sàng chống lại áp lực của Mỹ; một số nước từ chối thẳng thừng, và một số nước khác tuyên bố rằng họ thậm chí không thể xem xét yêu cầu của tôi nếu như tôi không có mặt trên lãnh thổ của họ - một điều bất khả. Rốt cuộc, người đứng đầu nhà nước duy nhất tỏ ra thông cảm với trường hợp của tôi là ông vua trên nhãn hiệu bánh mì kẹp thịt nổi tiếng Burger King, người không bao giờ từ chối tôi một phần ăn cỡ lớn (có cà chua và hành tây).

Chẳng mấy chốc, sự hiện diện của tôi ở sân bay đã trở thành một cảnh tượng mà cả thế giới nhìn vào. Cuối cùng, người Nga cũng thấy phiền toái. Vào ngày 1 tháng Bảy, tổng thống nước Bolivia là Evo Morales đã rời Moscow từ một sân bay khác, Vnukovo, trên chuyên cơ của quốc gia Bolivia sau khi tham dự sự kiện thường niên của Diễn đàn các nước xuất khẩu khí đốt (GECF). Do những lời thể hiện tình đoàn kết của Tổng thống

Morales, chính phủ Hoa Kỳ nghi ngờ rằng tôi đã ở trên chiếc máy bay đó. Hoa Kỳ đã gây áp lực để các chính phủ Ý, Pháp, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha không cho chuyên cơ này vào không phận các nước này, và đã thành công khi buộc chuyên cơ phải đổi hướng sang Vienna, Áo. Ở đó, chiếc máy bay tổng thống bị buộc hạ cánh, bị lục soát, và chỉ được phép tiếp tục hành trình sau khi không tìm thấy dấu vết nào của tôi. Đây là một sự vi phạm chủ quyền đáng kinh ngạc, khiến Liên Hiệp Quốc phải chỉ trích. Biến cố này cũng làm xấu mặt Nga vì không thể bảo đảm cho một nguyên thủ quốc gia đi về nước an toàn. Và việc này đã khẳng định với Nga và với tôi rằng bất kỳ chuyến bay nào mà Mỹ nghi ngờ tôi đang lẻn đi trên đó đều có nguy cơ bị bắt đổi hướng và buộc hạ cánh.

Chính phủ Nga hẳn đã quyết định rằng sẽ tốt hơn nếu không có tôi và rừng báo chí đang làm ùn tắc một phi trường quan trọng của đất nước này. Vào ngày 1 tháng Tám, Nga đã cho tôi hưởng tình trạng tị nạn tạm thời. Sarah và tôi được phép rời Sheremetyevo, nhưng cuối cùng chỉ có một người trong hai chúng tôi sẽ về nhà. Thời gian ở cùng nhau đã gắn bó chúng tôi thành bạn suốt đời. Tôi sẽ mãi biết ơn những tuần lễ cô ấy đã ở bên cạnh tôi, mang ơn lòng chính trực và tinh thần ngoan cường của Sarah.

$_0O_0$

28
Trích nhật ký của Lindsay Mills

XA CÁCH QUÊ HƯƠNG NHƯ THẾ NÀY, tôi luôn đau đáu nghĩ về Lindsay. Tôi vẫn thận trọng khi thuật lại chuyện của cô ấy - chuyện về những gì đã xảy ra với Lindsay khi tôi biến mất: bị FBI thẩm vấn và theo dõi, bị báo chí chú ý, bị quấy rối trên mạng, bao hoang mang và đau khổ, tức giận và buồn sầu. Cuối cùng, tôi nhận ra rằng chỉ có chính Lindsay mới là người có thể nói về khoảng thời gian đó. Không ai khác trải qua những điều đó, nhưng còn hơn thế: không ai khác có quyền kể lại. May thay, Lindsay từ thời thiếu nữ đã quen viết nhật ký, như một cách để ghi lại cuộc đời và phác thảo nghệ thuật của cô. Lindsay đã độ lượng cho phép tôi đưa vào cuốn sách này vài trang nhật ký của mình. Trong các mục tiếp theo, mọi danh tánh đều đã được thay đổi (ngoại trừ tên của người trong gia đình), vài lỗi chính tả đã được chỉnh sửa, và vài đoạn được giản lược. Ngoài ra, đây chính là những sự việc đã xảy ra kể từ lúc tôi rời khỏi Hawaii.

$_0O_0$

22.05.2013

Dừng lại K-Mart mua một vòng hoa đeo cổ. Cố gắng chào đón Wendy đúng tinh thần *aloha* của Hawaii, nhưng tôi tức. Ed đã lên kế hoạch đưa mẹ anh sang thăm từ nhiều tuần rồi. Anh ấy là người mời mẹ qua. Tôi đang mong Ed sẽ có mặt khi tôi thức dậy sáng nay. Trên đường từ sân bay trở về Waipahu, Wendy đã lo lắng. Bà không quen với việc Ed phải đi công tác đột xuất như vậy. Tôi đã cố nói với bà chuyện này là bình thường. Nhưng đó là chuyện bình thường khi hai đứa sống ở nước ngoài, không phải ở Hawaii và tôi không nhớ có lần nào mà Ed đi vắng lại không liên lạc về. Hai mẹ con đi ăn một bữa tối ngon cho khuây khỏa và Wendy nói về chuyện Ed đang nghỉ phép chữa bệnh ra sao. Bà thấy vô lý ở chỗ anh ấy lại bị gọi đi công tác trong khi đang nghỉ phép chữa bệnh. Về đến nhà là Wendy đi ngủ ngay. Tôi kiểm tra điện thoại và thấy có ba cuộc gọi nhỡ từ một số máy lạ, và một cuộc gọi nhỡ từ một số

máy dài của nước ngoài, không có thư thoại. Tôi lên Google tra cái số máy dài từ nước ngoài đó. Ed chắc là đang ở Hồng Kông.

24.05.2013

Wendy ở nhà cả ngày một mình, bao ý nghĩ quay cuồng trong đầu bà. Tôi cảm thấy tội bà ấy và chỉ có thể tự an ủi bằng cách nghĩ là Ed sẽ xử trí thế nào khi anh ấy phải một mình tiếp đãi mẹ vợ. Trong bữa tối, Wendy liên tục hỏi tôi về sức khỏe của Ed, điều tôi thấy cũng dễ hiểu, xét đến tiền sử bệnh động kinh của chính bà ấy. Wendy nói bà lo rằng Ed lại lên cơn nữa, rồi bật khóc, và rồi tôi phát khóc theo. Tôi cũng nhận ra là tôi cũng lo. Nhưng thay vì chứng động kinh, tôi lại nghĩ khác, Nếu Ed ngoại tình thì sao? Cô ta là ai? Phải cố cho qua chuyện thăm viếng này và vui cho đã. Đi một chuyến thủy phi cơ đến Đảo Lớn. Đến núi lửa Kilauea, như đã định. Khi nào Wendy về thì xem xét lại mọi chuyện.

03.06.2013

Đưa Wendy ra sân bay, để bay về Maryland. Bà ấy không muốn về, nhưng còn công việc. Tôi tiễn Wendy đến tận cửa kiểm soát và ôm chầm lấy bà. Tôi không muốn buông tay. Sau đó, bà vào xếp hàng chờ kiểm tra an ninh. Về nhà thì thấy dòng trạng thái Skype của Ed đã đổi thành: "Xin lỗi nhưng buộc phải làm". Tôi không biết anh ấy đổi lúc nào. Có thể là trong ngày hôm nay, có thể là tháng trước. Tôi vừa kiểm tra Skype và tình cờ nhìn thấy câu đó, và tôi đúng là điên nếu nghĩ rằng Ed muốn nhắn tôi điều gì đó.

07.06.2013

Thức giấc vì cuộc gọi của nữ đặc vụ NSA Megan Smith yêu cầu gọi lại cho cô ta về chuyện Ed. Vẫn còn mệt vì sốt. Tôi phải bỏ xe ở ga-ra để sửa và Tod cho đi nhờ trên chiếc Ducati của anh ấy. Khi xe dừng ngoài đường, tôi thấy một chiếc xe trắng của chính phủ đậu trên lối vào nhà và các nhân viên chính phủ đang nói chuyện với hàng xóm nhà tôi. Tôi thậm chí chưa từng gặp gỡ một hàng xóm nào. Tôi không biết tại sao

nhưng phản ứng theo bản năng đầu tiên của tôi là bảo Tod tiếp tục lái xe đi. Tôi hụp đầu xuống giả vờ tìm kiếm thứ gì đó trong ví. Tod đưa tôi đến Starbucks, nơi Tod chỉ vào một tờ báo, có tin gì đó về NSA. Tôi đã cố đọc các dòng tít nhưng bao hoang tưởng lại tuôn ra không ngăn được. Có phải đó là lý do mà chiếc SUV màu trắng đậu trên lối vào nhà tôi không? Có phải đó cũng là chiếc SUV đang ở trong bãi đậu xe bên ngoài quán Starbucks này không? Cả chuyện này tôi không biết có nên viết ra không? Lại về nhà và chiếc SUV đã đi mất. Uống mấy viên thuốc và sực nhớ ra chưa ăn gì. Giữa bữa ăn trưa, cảnh sát xuất hiện ngoài cửa sổ nhà bếp. Qua cửa sổ, tôi nghe tiếng họ gọi bộ đàm nói rằng có người đang ở trong nhà. "Người" đó là tôi. Ra mở cửa trước cho hai đặc vụ và một nhân viên Sở Cảnh sát Hawaii vào. Họ thật đáng sợ. Tay cảnh sát Hawaii đã lục soát khắp nhà trong khi nữ đặc vụ Smith hỏi tôi về Ed, lẽ ra Ed đã phải quay lại làm việc vào ngày 31 tháng Năm. Tay cảnh sát Hawaii nói là thật đáng ngờ khi nơi làm việc lại báo cáo có người mất tích trước khi vợ hoặc bạn gái của người đó hay biết. Hắn nhìn tôi cứ như tôi đã giết Ed vậy. Hắn đang nhìn quanh nhà để tìm xác của Ed. Đặc vụ Smith hỏi liệu cô ta có thể xem tất cả các máy tính trong nhà không và nghe thế tôi tức giận. Tôi bảo cô ta là phải có lệnh của tòa án. Họ rời khỏi nhà nhưng cắm trại ở góc phố.

San Diego, 08.06.2013

Tôi hơi lo sợ là Cơ quan An ninh Giao thông sẽ không cho phép tôi rời khỏi đảo. Các TV trong sân bay đều phát toàn là tin tức về NSA. Khi đã lên máy bay, tôi gửi email cho nữ đặc vụ Smith và tay cảnh sát điều tra người mất tích ở Sở Cảnh sát Hawaii nói là bà tôi sắp phải phẫu thuật tim hở, tôi cần phải rời đảo trong vài tuần. Phải đến cuối tháng mới tới lịch mổ, và mổ ở Florida chứ không phải ở San Diego, nhưng đây là cái cớ duy nhất tôi có thể nghĩ ra để đi vào nội địa. Lấy cớ đó thì tốt hơn là nói rằng tôi chỉ cần ở bên người bạn thân nhất của mình là Sandra, và hôm nay cũng là sinh nhật cô ấy. Khi máy bay đã rời mặt đất, tôi an lòng ngủ thiếp một chút trong cơn mê mệt. Khi máy bay hạ cánh, tôi sốt bừng bừng. Sandra đón tôi. Tôi đã không nói với cô ấy gì cả vì tôi dễ hốt hoảng quá mức, nhưng cô biết ngay rằng có chuyện gì đó xảy ra, rằng tôi không chỉ đến đây vì dịp sinh nhật này. Sandra hỏi có phải Ed và tôi đã chia tay. Tôi trả lời có lẽ.

09.06.2013

Tiffany đã gọi điện cho tôi. Cô ấy hỏi thăm và nói cô ấy lo lắng cho tôi. Tôi không hiểu. Cô im một lúc rồi hỏi tôi đã xem tin tức chưa. Tiffany cho hay là Ed đã làm một đoạn video và có đăng trên trang chủ của tờ *Huffington Post*. Sandra nối laptop của mình với màn hình phẳng. Tôi bình tĩnh chờ đợi đoạn video YouTube dài 12 phút tải về. Và anh ấy kìa. Thực sự. Sống động. Tôi bị sốc. Trông anh gầy gò, nhưng lại nói năng giống như con người cũ của anh. Ed ngày trước, tự tin và mạnh mẽ. Giống như anh ấy thời trước cái năm khó khăn vừa qua. Đây chính là người tôi yêu, không phải cái bóng ma lạnh lùng xa cách mà tôi gần đây đang chung sống. Sandra ôm chầm lấy tôi và tôi không biết nói gì. Chúng tôi đứng trong im lặng. Hai đứa lái xe đến chỗ tổ chức tiệc thịt nướng mừng sinh nhật Sandra, tại nhà anh em họ của cô ấy trên ngọn đồi xinh đẹp phía nam thành phố, ngay biên giới Mexico. Phong cảnh tuyệt đẹp nhưng tôi hầu như không thể chiêm ngưỡng một chút nào. Tôi thấy bất lực. Không biết làm gì, ngay cả việc bắt đầu phân tích tình hình. Chúng tôi đến nơi và gặp những khuôn mặt thân thiện, họ nào biết trong lòng tôi rối bời. Ed, anh đã làm gì? Làm sao anh còn đường quay về? Tôi tán gẫu với mọi người trong bữa tiệc nhỏ này mà hồn để đâu đâu. Cuộc gọi và tin nhắn ào ào réo về điện thoại của tôi. Cha. Mẹ. Wendy. Sau bữa tiệc lái xe trở lại San Diego, tôi đã lái chiếc Durango của người anh em họ của Sandra, mà Sandra cần dùng để đi lại trong tuần này. Khi xe chúng tôi chạy, một chiếc SUV màu đen đi theo chúng tôi và một chiếc xe cảnh sát đã bắt Sandra dừng xe, đó là chiếc xe tôi đã bước lên. Tôi cứ lái chiếc Durango, hy vọng mình không lạc đường vì điện thoại của tôi đã hết sạch pin vì các cuộc gọi.

10.06.2013

Tôi biết Eileen, mẹ của Sandra, có vai vế trong hoạt động chính trị địa phương, nhưng tôi không ngờ bà ấy cũng ngầu như một tay gangster bá đạo. Bà lo liệu hết mọi việc. Trong lúc chúng tôi đang chờ các mối liên hệ của bà ấy giới thiệu cho một luật sư, tôi đã nhận được cuộc gọi của FBI. Một đặc vụ tên Chuck Landowski hỏi tôi đang làm gì ở San Diego. Eileen bảo tôi cúp máy. Đặc vụ đó gọi lại và tôi nhấc máy, mặc dù

Eileen đã ngăn. Đặc vụ Chuck cho biết ông ta không muốn đến nhà mà không báo trước, vì vậy ông ta chỉ gọi điện "vì phép lịch sự" để cho chúng tôi biết là các đặc vụ đang đến. Nghe thế Eileen nổi điên lên. Bà ấy đúng là dữ quá chừng, thật là hay. Bà bắt tôi để điện thoại ở nhà và lấy xe của bà chở tôi đi lòng vòng để suy nghĩ. Eileen nhận được tin nhắn của một người bạn giới thiệu một luật sư, tên ông là Jerry Farber, và bà đưa điện thoại cho tôi bảo tôi gọi cho ông. Một thư ký bắt máy và tôi bảo cô ta rằng tôi là Lindsay Mills và là bạn gái của Edward Snowden và cần người đại diện. Cô thư ký nói ngay, "Ồ, để tôi chuyển máy liền". Cảm giác thật lạ khi nghe được sự nhận biết trong giọng nói của cô ta.

Jerry nhấc điện thoại và hỏi ông ta có thể giúp bằng cách nào. Tôi nói với ông về các cuộc gọi của FBI và ông đã hỏi tên nhân viên đặc vụ ấy, để ông có thể nói chuyện với cảnh sát liên bang. Trong khi chúng tôi chờ nghe Jerry gọi lại, Eileen đề nghị chúng tôi nên mua mấy cái điện thoại dùng SIM trả trước, một để liên lạc với gia đình và bạn bè, một để liên lạc với Jerry. Sau vụ điện thoại, Eileen hỏi tôi đã gửi tiền ở ngân hàng nào. Chúng tôi lái xe đến chi nhánh gần nhất và bà ấy bắt tôi rút toàn bộ tiền ngay lập tức phòng hờ cảnh sát liên bang khóa tài khoản của tôi. Tôi đi rút hết toàn bộ tiền tiết kiệm, chia đôi nửa là chi phiếu, nửa là tiền mặt. Eileen khăng khăng bắt tôi phải chia tiền như thế và tôi chỉ biết làm theo hướng dẫn của bà. Quản lý ngân hàng hỏi tôi cần nhiều tiền mặt như thế để làm gì và tôi nói, "Để sống". Tôi thực sự chỉ muốn chửi thề bảo hắn câm đi, nhưng tôi quyết định là mình nên lịch sự để không gây chú ý. Tôi lo là mọi người sẽ nhận ra tôi vì tin tức khắp nơi đang đăng hình tôi cùng với hình của Ed. Khi ra khỏi ngân hàng, tôi hỏi Eileen làm sao bà có thể hành động chuyên nghiệp như vậy khi gặp rắc rối. Bà bảo tôi, rất tỉnh bơ, "Là phụ nữ thì con phải biết những chuyện này. Đằng nào thì con cũng luôn rút hết tiền khỏi ngân hàng khi con sắp ly dị". Chúng tôi mua ít món ăn Việt Nam và mang về nhà Eileen, và ngồi ăn luôn trên sàn hành lang trên lầu. Eileen và Sandra cắm điện mấy cái máy sấy tóc và cứ để máy thổi gây ồn ào, trong lúc chúng tôi thì thầm với nhau, phòng hờ họ đang nghe lén.

Luật sư Jerry gọi và nói rằng chúng tôi phải gặp FBI hôm nay. Eileen chở chúng tôi đến văn phòng của Jerry, và trên đường đi, bà nhận ra chúng tôi đang bị theo dõi. Thật vô lý. Chúng tôi đang đi gặp cảnh sát liên bang để nói chuyện nhưng lại có cảnh sát liên bang bám theo sau, hai chiếc SUV và một chiếc Honda Accord không có biển số. Eileen có ý nghĩ rằng mấy chiếc xe đó có lẽ không phải của FBI. Bà cho là chúng

có thể thuộc một số cơ quan khác hoặc thậm chí là của một chính phủ nước ngoài, đang định bắt cóc tôi. Bà bắt đầu lái thật nhanh và ẩu, cố gắng để cắt đuôi, nhưng mọi đèn giao thông đều chuyển sang màu đỏ ngay khi chúng tôi gần tới. Tôi bảo Eileen là bà điên rồi, bà phải chạy chậm lại. Có một nhân viên mặc thường phục đứng ở cửa tòa nhà có văn phòng của Jerry, nhìn mặt là biết ngay nhân viên chính phủ. Chúng tôi đi lên thang máy và khi cánh cửa mở ra, ba người đang đợi sẵn: hai trong số đó là đặc vụ, người còn lại là Jerry. Ông ta là người duy nhất bắt tay tôi. Jerry bảo Eileen rằng bà ấy không thể đi cùng chúng tôi vào phòng họp. Ông sẽ gọi cho bà khi chúng tôi xong việc. Eileen nhất định chờ đợi. Bà ngồi trong sảnh với một vẻ mặt kiên quyết như thể sẵn sàng chờ đợi một triệu năm. Trên đường đến phòng họp, Jerry kéo tôi sang một bên và nói là ông ta đã thương lượng được "quyền miễn trừ có giới hạn", điều mà tôi nói là khá vô nghĩa, nhưng ông không đồng ý. Ông bảo tôi đừng bao giờ nói dối, và khi không biết phải nói gì thì cứ nói "tôi không biết" và để ông nói thay. Đặc vụ Mike có một nụ cười hơi quá tử tế, trong khi Đặc vụ Leland cứ luôn nhìn tôi như thể tôi là một cuộc thí nghiệm và ông ta đang nghiên cứu các phản ứng. Cả hai đều đáng sợ. Họ bắt đầu với những câu hỏi về tôi hết sức cơ bản, giống như họ chỉ cố chứng tỏ cho tôi thấy là họ đã biết tất cả về tôi. Tất nhiên là họ biết. Đó là quan điểm của Ed. Chính phủ luôn biết tất cả mọi thứ. Họ bảo tôi nói về hai tháng vừa qua, tôi nói hai lần, rồi khi tôi kết thúc "trình tự thời gian" này, Đặc vụ Mike yêu cầu tôi bắt đầu lại từ đầu. Tôi hỏi, "Từ đầu của chuyện gì?". Hắn nói, "Hãy cho biết hai người đã gặp nhau như thế nào".

11.06.2013

Thoát khỏi cuộc thẩm vấn kiệt sức, trời đã gần khuya, với những ngày thẩm vấn khác chờ chực. Họ không cho tôi biết chính xác sẽ có bao nhiêu cuộc. Eileen chở chúng tôi đến chỗ Sandra để ăn tối ở một tiệm nào đó, và khi chúng tôi rời khu trung tâm, thì lại thấy vẫn có xe bám đuôi. Eileen đã định cắt đuôi bằng cách tăng tốc và quay ngoắt đầu xe trái phép một lần nữa, và tôi năn nỉ bà ấy hãy thôi. Tôi nghĩ bà lái xe như vậy chỉ khiến tôi thêm tồi tệ hơn. Tôi sẽ thành khả nghi. Nhưng Eileen là một gấu mẹ cứng đầu. Trong bãi đậu xe của quán ăn, Eileen đập vào cửa mấy chiếc xe theo dõi và hét lên rằng tôi đang hợp tác, vì vậy không có lý do gì để họ theo dõi. Đúng là hơi xấu hổ, giống như khi

mẹ mình đứng ra bênh vực mình ở nhà trường, nhưng chủ yếu là tôi kính nể. Thật là gan đầy mình khi dám tới chiếc xe chở các đặc vụ FBI và bảo họ cút đi. Sandra đã ngồi ở một bàn ở phía sau và chúng tôi gọi món và nói về chuyện "nổi tiếng trên báo chí". Kênh thời sự nào cũng nhắc đến tôi.

Giữa bữa ăn, có hai người đi tới bàn chúng tôi. Một người cao lớn đội mũ két, niềng răng, và người đi cùng ăn mặc đẹp như đi chơi hội. Người cao lớn tự xưng là Đặc vụ Chuck, người đã gọi cho tôi trước đó. Ông ta yêu cầu được nói chuyện với tôi về "hành vi lái xe" khi nào chúng tôi đã ăn xong. Nghe nói thế là chúng tôi quyết định kết thúc luôn bữa ăn. Các đặc vụ đã ra trước cửa quán ăn. Đặc vụ Chuck cho xem huy hiệu FBI và bảo tôi rằng mục tiêu chính của ông ta là bảo vệ tôi. Ông ta nói cuộc sống của tôi có thể gặp nguy hiểm, ông ta vỗ nhẹ vào áo khoác và nói nếu có bất kỳ nguy hiểm nào thì ông ta sẽ xử trí, bởi vì ông ở trong "nhóm có vũ trang". Tất cả những trò làm bộ ra oai kiểu đó hoặc cố gắng làm cho tôi tin tưởng như thế chỉ toàn đặt tôi vào tình huống bất lợi. Ông ta tiếp tục nói rằng tôi sẽ bị FBI giám sát/theo dõi liên tục 24/24 giờ trong thời gian trước mắt, còn việc lái xe liều lĩnh của Eileen sẽ không được dung thứ. Ông ta nói rằng các đặc vụ không bao giờ được phép nói chuyện với những người họ được phân công bảo vệ, nhưng ông cảm thấy rằng, do hoàn cảnh này, ông ta phải "cho nhóm của ông phá lệ vì sự an toàn của mọi người". Ông ta đưa cho tôi một tấm danh thiếp có in thông tin liên lạc và nói ông ta sẽ đậu ngay bên ngoài nhà của Eileen suốt đêm, và tôi nên gọi cho ông ta nếu tôi cần ông ta, hoặc cần bất cứ điều gì, vì bất kỳ lý do gì. Ông ta nói tôi được tự do đi bất cứ đâu (mẹ kiếp, ông nói hay quá, tôi nghĩ thầm), nhưng bất cứ khi nào định đi đâu thì tôi nên nhắn tin báo cho ông ta biết. Ông ta nói, "Liên lạc cởi mở sẽ giúp mọi việc dễ dàng hơn. Nếu cô báo trước cho chúng tôi thì cô sẽ an toàn hơn nhiều, tôi hứa đấy".

16.06.2013 - 18.06.2013

Mấy ngày rồi không viết gì. Tôi tức giận đến mức phải hít một hơi thật sâu cho trấn tĩnh để tìm hiểu xem chính xác là mình đã giận ai và giận điều gì, bởi vì tất cả đều lẫn lộn hết. Mẹ kiếp FBI! Những cuộc thẩm vấn mệt mỏi mà họ đối xử như là tôi có tội và theo dõi tôi khắp mọi nơi, nhưng tệ hơn cả là họ đã phá hỏng thông lệ của tôi. Thường thì

tôi lánh vào rừng để chụp ảnh hoặc viết lách, nhưng bây giờ tôi đi đâu cũng có một nhóm khán giả theo dõi. Chẳng khác gì bằng cách lấy đi sức lực, thời gian, và mong muốn viết lách của tôi, họ đã cướp luôn chút quyền riêng tư cuối cùng mà tôi có. Tôi phải nhớ hết mọi chuyện đã từng xảy ra. Đầu tiên họ bảo tôi phải mang laptop đến cho họ sao chép ổ cứng. Có lẽ họ cũng cài cả mớ phần mềm theo dõi trong đó luôn. Sau đó, họ in ra giấy hết mọi email và các cuộc trò chuyện trên mạng của tôi, và họ đọc cho tôi nghe những gì tôi và Ed đã viết cho nhau, và yêu cầu tôi phải giải thích. FBI nghĩ rằng mọi thứ đều là mật mã. Hẳn thế rồi, không phải là người trong cuộc thì tin thư nhắn gửi của bất kỳ ai cũng đều lạ thường, khó hiểu. Nhưng đó là cách trò chuyện của những người đã ở bên nhau thân thiết cả tám năm trời! Họ làm như họ chưa bao giờ có quan hệ tình cảm với ai! Họ đang đặt những câu hỏi cố tình vắt kiệt cảm xúc của tôi để khi họ hỏi ngược trở lại "trình tự thời gian" thì câu trả lời của tôi có thể đổi khác. Họ không chấp nhận là tôi không biết gì cả. Nhưng dù vậy, họ cứ bắt tôi phải quay lại "trình tự thời gian" và bây giờ được kèm theo bản sao của tất cả các email, cuộc trò chuyện và lịch trình lên mạng của tôi được in ra bày trước mặt.

Tôi hy vọng rằng đám nhân viên chính phủ đó sẽ hiểu rằng Ed luôn bí mật về công việc của anh ấy và để sống với Ed thì tôi phải chấp nhận điều đó, nhưng họ không tin. Họ không chịu tin. Sau một lúc, tôi phải bật khóc nức nở, nên cuộc thẩm vấn kết thúc sớm. Đặc vụ Mike và Đặc vụ Leland đề nghị cho tôi đi nhờ xe về lại nhà Eileen, và trước khi tôi ra về, luật sư Jerry kéo tôi sang một bên và nói rằng đám FBI này có vẻ có cảm tình với tôi, đặc biệt là Mike. Nhưng Jerry bảo tôi hãy cẩn thận, đừng quá sơ ý khi đi xe họ về nhà. "Không trả lời bất kỳ câu hỏi nào của họ". Ngay khi xe chạy thì Mike nói đúng ngay điều đó, "Tôi chắc là Jerry đã bảo cô không trả lời bất kỳ câu hỏi nào, nhưng tôi chỉ có hai câu hỏi thôi". Đang nói ngon trớn thì Mike cho tôi biết văn phòng FBI ở San Diego đã đánh cuộc. Hình như đám đặc vụ này đã góp tiền lại cá độ là sẽ mất bao lâu nữa thì báo chí sẽ tìm ra được chỗ ở của tôi. Người thắng cuộc sẽ được một chầu martini miễn phí. Sau đó, Sandra nói cô ấy có nghi ngờ riêng. "Lạ gì tụi đàn ông", Sandra nói, "vụ cá độ này là về chuyện khác".

19.06.2013-20.06.2013

Trong khi cả nước đang bắt đầu hiểu ra sự thật là quyền riêng tư của họ đang bị xâm phạm, thì quyền riêng tư của tôi đã bị tước đoạt ở một cấp độ hoàn toàn mới. Cả hai điều đó đều do Ed cả. Tôi ghét cái việc phải gửi cho Chuck "tin nhắn cập nhật" là tôi sẽ đi đâu, và tôi ghét bản thân mình vì tôi không có gan để bất cần thông báo với họ. Điều tồi tệ nhất là vào đúng cái đêm này sau khi gửi "tin nhắn cập nhật" cho biết tôi sẽ đi gặp Sandra để rồi tôi bị lạc đường nhưng không muốn dừng lại và nhờ đám đặc vụ theo dõi tôi giúp đỡ, vì thế tôi cứ dắt họ đi lòng vòng. Tôi nghĩ có lẽ họ đã cài thiết bị nghe lén trên xe của Eileen, thế là tôi bắt đầu nói to trong xe, nghĩ rằng có lẽ họ sẽ nghe thấy tôi. Tôi không nói chuyện, tôi đang chửi rủa họ. Tôi đã phải trả tiền luật sư cho Jerry, và sau đó tôi chỉ toàn nghĩ mỗi một điều là bao nhiêu tiền thuế của dân chúng đã bị phí phạm vào việc cho người theo dõi tôi đến văn phòng luật sư và đến phòng tập thể dục. Sau hai ngày thẩm vấn đầu tiên, tôi đã mặc hết những bộ quần áo tươm tất duy nhất mà tôi có, vì vậy tôi đã đến cửa hàng Macy's. Đám đặc vụ theo tôi đi quanh gian bán áo quần phụ nữ. Tôi tự hỏi liệu họ có đi vào phòng thử đồ không, và sẽ nói với tôi rằng bộ này trông rất tuyệt, bộ kia không đẹp, màu xanh lá cây không hợp với cô. Ở cửa vào phòng thử đồ là một chiếc TV đang mở to tin tức và tôi sững người khi nghe phát thanh viên xướng lên "bạn gái của Edward Snowden". Tôi chạy khỏi buồng thay đồ và đứng trước màn hình. Nhìn thấy những hình ảnh của tôi lướt qua, tôi rút điện thoại ra và phạm sai lầm là lên Google tìm kiếm chính cái tên của mình. Không biết bao nhiêu lời bình luận gọi tôi là vũ nữ thoát y hoặc con đĩ. Tôi nào phải loại người đó. Giống như đám FBI, thiên hạ đã định đoạt luôn tôi là ai.

22.06.2013 - 24.06.2013

Thẩm vấn đã xong, tạm thời. Nhưng một cái đuôi vẫn bám. Tôi rời khỏi nhà, vui mừng trở lại với bầu không khí ở phòng tập múa lụa nhào lộn tại địa phương này. Đến phòng tập và không tìm được chỗ đậu xe ven đường, nhưng cái đuôi của tôi thì tìm ra. Hắn phải rời khỏi vị trí của mình khi tôi lái xe khuất tầm mắt, nên tôi đã vòng ngược lại và chiếm luôn chỗ đậu của hắn. Gọi điện cho Wendy, trò chuyện về việc cả hai đều tổn thương biết bao vì Ed, anh ấy đã đúng khi cố gắng đảm bảo là tôi và Wendy ở bên nhau khi anh ấy đi vắng. Đó là lý do Ed đã mời mẹ anh đến Hawaii và khăng khăng muốn bà sẽ đến. Ed muốn mẹ anh và tôi ở bên nhau tại Hawaii khi anh ấy công khai ra mặt, để mẹ anh và tôi

có thể đỡ đần, tiếp sức và an ủi nhau. Thật khó mà giận người mình yêu thương. Và càng khó hơn nếu giận người mình yêu thương và kính trọng vì đã làm điều chính đáng. Wendy và tôi đều khóc và sau đó cả hai cùng im lặng. Tôi chắc là cả hai đã có cùng suy nghĩ, cùng một lúc. Làm sao chúng tôi có thể nói chuyện như những người bình thường khi họ nghe lén tất cả các cuộc gọi của chúng tôi?

25.06.2013

Từ Los Angeles về Honolulu. Đội bộ tóc giả màu đồng ra sân bay, đi qua an ninh, và suốt chuyến bay. Sandra đi cùng, chúng tôi ăn vội một bữa trưa dở tệ trước chuyến bay trong khu ẩm thực. Nhiều TV được chuyển sang kênh CNN, vẫn đưa hình của Ed, và vẫn siêu thực, đó là thực tại mới cho tất cả mọi người, tôi nghĩ vậy. Nhận tin nhắn của Đặc vụ Mike, bảo tôi và Sandra đến gặp hắn ở Cổng 73. Thật sao? Hắn từ San Diego đi tới Los Angeles? Cổng 73 đã kéo dây chặn ngang và vắng tanh. Mike đang ngồi chờ chúng tôi trên một hàng ghế. Hắn bắt chéo chân và cho chúng tôi thấy hắn đang đeo súng lục ở mắt cá chân. Trò đe dọa ra oai nhảm nhí. Hắn có giấy tờ cho tôi ký để FBI trả lại chìa khóa xe của Ed cho tôi ở Hawaii. Hắn nói sẽ có hai đặc vụ đợi chúng tôi ở Honolulu với chìa khóa chiếc xe. Các đặc vụ khác đi cùng chúng tôi trên chuyến bay. Hắn xin lỗi là không đích thân theo cùng được. Hừ.

29.06.2013

Dọn dẹp căn nhà suốt mấy ngày nay chỉ bị gián đoạn chút ít vì FBI mò tới với nhiều đơn từ để ký. Trải qua mọi chuyện này thật chẳng khác gì tra tấn. Tìm được bao nhiêu thứ nhỏ nhặt khiến tôi nhớ đến Ed. Tôi như mụ điên, cứ lau dọn, rồi nhìn chằm chằm vào phía giường anh ấy vẫn thường nằm. Nhưng thường là tôi phát hiện ra những thứ bị thiếu mất. Những thứ FBI đã lấy đi. Đồ công nghệ, phải, nhưng cả sách nữa. Những gì họ để lại là những dấu chân, dấu trầy trụa trên các bức tường, và bụi.

30.06.2013

Bán tống bán tháo để dọn nhà khỏi Waipahu. Ba người đã trả lời mẩu rao vặt của Sandra trên mạng Craigslist: "nếu mua hết, giá đặc biệt". Họ đã xuất hiện để lục lọi cuộc đời của Ed, đàn piano, guitar, và bộ tạ thể dục của anh ấy. Bất cứ món gì tôi không thể chịu đựng nổi khi mang theo cùng hoặc không đủ khả năng để chuyển về đất liền. Những người đó chất đầy nghẹt chiếc xe bán tải, và sau đó quay trở lại để chở lần thứ hai. Trước sự ngạc nhiên của tôi, và tôi nghĩ là của Sandra nữa, tôi không quá bận tâm với việc họ mua sạch mọi thứ. Nhưng ngay khi họ biến đi, lần thứ hai, tôi đã oà khóc.

02.07.2013

Mọi thứ đã được vận chuyển ngày hôm nay, ngoại trừ mấy tấm nệm và chiếc ghế xa-lông dài mà tôi đành bỏ lại. Tất cả những đồ đạc gì còn lại của Ed sau khi FBI bố ráp ngôi nhà chỉ chứa vừa vặn vào thùng các-tông nhỏ. Một số hình ảnh và quần áo của anh ấy, rất nhiều vớ không đồng bộ. Chẳng có gì có thể dùng làm bằng chứng trước tòa, chỉ là bằng chứng về cuộc sống chung của chúng tôi. Sandra mang tới một ít xăng và khiêng cái thùng rác bằng kim loại vòng ra sau hàng hiên. Tôi tống hết đồ của Ed, hình ảnh và quần áo, vào trong đó, và bật diêm lên rồi ném vào. Sandra và tôi ngồi chờ trong lúc những món đồ cháy tiêu và bốc khói lên trời. Ánh lửa và khói làm tôi nhớ đến một chuyến đi cùng với Wendy đến Kilauea, ngọn núi lửa trên Đảo Lớn. Chỉ mới hơn một tháng trước, nhưng sao mà lâu như nhiều năm đã trôi qua. Chúng tôi ai mà ngờ được là cuộc sống của mình sắp sửa bùng nổ? Ai mà ngờ là Núi lửa Ed này sẽ phá hủy tất cả? Nhưng tôi nhớ người hướng dẫn ở Kilauea đã nói rằng núi lửa chỉ có sức tàn phá trong thời gian ngắn. Về lâu dài, những núi lửa sẽ làm thế giới dịch chuyển. Chúng tạo ra những hòn đảo, làm mát hành tinh này và làm phì nhiêu đất đai. Những dòng dung nham núi lửa tuôn trào không thể ngăn chặn và sau đó sẽ nguội đi rồi cứng lại. Tro núi lửa phun vào không khí sẽ vương vãi rơi xuống thành khoáng chất, làm tươi tốt trái đất này và sinh ra sự sống mới.

$_0O_0$

29
Tình yêu và lưu vong

NẾU TẠI BẤT KỲ THỜI ĐIỂM NÀO trong suốt hành trình của bạn qua cuốn sách này, bạn đã dừng lại một chút vì một thuật ngữ mà bạn muốn hiểu rõ hoặc nghiên cứu thêm, và bạn gõ từ ấy vào một công cụ tìm kiếm - và nếu thuật ngữ đó tình cờ lại khả nghi theo một cách nào đó, một từ như XKEYSCORE, chẳng hạn - vậy thì chúc mừng: Bạn đã lọt vào hệ thống, đã thành nạn nhân vì sự tò mò của chính bạn.

Nhưng ngay cả khi bạn đã không tìm kiếm bất cứ thứ gì trên mạng, thì một chính phủ có quan tâm cũng sẽ chẳng mất nhiều thời gian để biết được bạn đã đọc cuốn sách này. Ít nhất, họ sẽ nhanh chóng biết rằng bạn có cuốn sách, dù là bạn đã tải xuống bất hợp pháp hoặc mua qua mạng một bản sách in hoặc mua nó tại một hiệu sách truyền thống bằng thẻ tín dụng.

Tất cả những gì bạn muốn làm là đọc - để tham gia vào hoạt động riêng tư nhất của con người, sự kết hợp của những trí tuệ thông qua ngôn ngữ. Nhưng thế đã là quá nhiều. Mong muốn tự nhiên của bạn là kết nối với thế giới; và thế giới chỉ cần chừng đó là đủ cho nó liên kết cái bản thân đang sống, đang thở của bạn với một loạt các dấu hiệu nhận dạng riêng biệt trên toàn cầu - như email, điện thoại và địa chỉ IP của máy tính của bạn. Bằng cách tạo ra một hệ thống bao trùm thế giới để theo dõi các dấu hiệu nhận dạng này trên mọi kênh liên lạc điện tử có sẵn, Cộng đồng Tình báo Mỹ tự cho mình có quyền ghi nhận và lưu trữ vĩnh viễn các dữ liệu của đời bạn.

Và đó mới chỉ là khởi đầu. Bởi vì một khi các cơ quan gián điệp của Mỹ đã tự chứng tỏ rằng có thể thu thập thụ động mọi thông tin liên lạc của bạn, thì họ cũng bắt đầu chủ động can thiệp vào chúng. Bằng cách chèn các đoạn mã tấn công hoặc "chương trình khai thác" vào thư từ tin nhắn đang gửi cho bạn qua mạng, họ đã phát triển được khả năng chiếm hữu nhiều hơn chứ không chỉ là ngôn từ của bạn. Bây giờ họ có khả năng giành được toàn quyền kiểm soát toàn bộ thiết bị của bạn, bao gồm cả camera và micro của thiết bị. Điều đó có nghĩa là nếu bạn đang đọc ngay bây giờ - câu văn này - trên bất kỳ loại máy hiện đại nào, như smartphone hoặc máy tính bảng, thì họ có thể theo dõi và "đọc" bạn. Họ có thể biết bạn lật trang nhanh hay chậm như thế nào, và bạn có đọc các chương sách liên tiếp hay đọc nhảy cóc. Và họ sẽ vui vẻ chấp nhận nhìn ngược lên hai lỗ mũi của bạn và xem đôi môi bạn mấp máy khi đọc, miễn là họ có được dữ liệu họ muốn và cho phép họ xác định chắc chắn về bạn.

Đây là kết quả của hai thập niên tiến triển công nghệ không được kiểm soát - đó là sản phẩm cuối cùng của một tầng lớp chính trị và chuyên nghiệp mơ ước làm chủ nhân của bạn. Bất kể nơi nào, bất kể lúc nào, và bất kể bạn làm gì, cuộc sống của bạn giờ đã trở thành một cuốn sách mở.

$_0O_0$

Theo định nghĩa, nếu theo dõi thường trực là một sự hiện diện liên tục trong cuộc sống hằng ngày, thì tôi muốn những hiểm họa mà nó đặt ra, và sự hủy hoại mà nó đã gây ra, cũng phải là một sự hiện diện liên tục. Qua các tài liệu tôi công bố với báo chí, tôi muốn mọi người biết đến hệ thống này, sự tồn tại của nó là một thực tế mà đất nước tôi và thế giới không thể bỏ qua. Trong những năm kể từ năm 2013, nhận thức đã tăng lên, cả về quy mô lẫn sự tinh tế. Nhưng trong thời đại truyền thông xã hội này, chúng ta luôn phải tự nhắc nhở mình: nhận thức không thôi vẫn chưa đủ.

Ở Mỹ, các tường thuật ban đầu của báo chí về các tài liệu tiết lộ này đã khởi động một "cuộc đối thoại quốc gia", như chính Tổng thống Obama đã thừa nhận. Trong khi tôi đánh giá cao tinh thần này, tôi còn nhớ mình đã mong muốn là việc ông ta lưu ý điều gì đã khiến nó trở thành "quốc gia", điều gì khiến nó trở thành một "cuộc đối thoại", cũng chính là việc công chúng Mỹ lần đầu tiên đã có thông tin đầy đủ để lên tiếng nói.

Những tiết lộ tố cáo của tôi vào năm 2013 đặc biệt đã có tác dụng khiến Quốc hội, cả Thượng lẫn Hạ viện, tổ chức nhiều cuộc điều tra về các vụ lạm dụng NSA. Các cuộc điều tra ấy đã kết luận rằng cơ quan này đã thường xuyên dối trá về bản chất và hiệu quả của các chương trình giám sát hàng loạt, ngay cả với các nhà lập pháp đã được chứng nhận an ninh cấp cao nhất của Ủy ban Tình báo.

Vào năm 2015, một tòa án phúc thẩm liên bang đã ra phán quyết về sự vụ Liên minh Dân quyền Mỹ (ACLU) kiện giám đốc Tình báo Quốc gia James Clapper, một vụ kiện thách thức tính hợp pháp của chương trình thu thập hồ sơ điện thoại của NSA. Tòa án phán quyết rằng chương trình NSA đã vi phạm ngay cả các tiêu chuẩn không chặt chẽ của Đạo luật Yêu nước và hơn nữa, gần như là vi hiến hoàn toàn. Phán quyết này tập trung vào cách NSA diễn dịch Khoản 215 của Đạo luật Yêu nước, cho phép chính phủ yêu cầu từ bên thứ ba "bất kỳ điều gì hữu hình" mà họ coi là "có liên quan" đến cuộc điều tra khủng bố và tình báo nước ngoài. Theo ý kiến của tòa án, định nghĩa của chính phủ về khái niệm "có liên quan" lại quá bao

quát đến mức gần như vô nghĩa. Việc gọi một số dữ liệu đã thu thập là "có liên quan" chỉ vì nó có thể trở nên có liên quan vào một thời điểm vô định trong tương lai là điều "chưa có tiền lệ và không có cơ sở". Việc tòa không chấp nhận định nghĩa này của chính phủ đã khiến không ít nhà luật học diễn dịch phán quyết này là sự hồ nghi về tính hợp pháp của mọi chương trình thu thập đại trà của chính phủ dựa trên cái học thuyết về sự liên quan tương lai này. Kết quả là, Quốc hội đã thông qua Đạo luật Tự do Hoa Kỳ, sửa đổi Khoản 215 để cấm ngặt việc thu thập đại trà hồ sơ điện thoại của công dân Mỹ. Từ đó trở đi, những dữ liệu ấy vẫn sẽ nằm ở nơi lưu trữ ban đầu của chúng, thuộc quyền kiểm soát riêng của các hãng viễn thông, và chính phủ sẽ phải chính thức yêu cầu những hồ sơ cụ thể với một lệnh FISC cầm sẵn trong tay nếu muốn tiếp cận dữ liệu này.

Vụ ACLU kiện Clapper là một thắng lợi đáng kể, chắc chắn rồi. Một tiền lệ quan trọng đã được thiết lập. Tòa án tuyên bố rằng công dân Mỹ có quyền ra trước tòa án pháp luật và phản đối hệ thống giám sát hàng loạt bí mật của chính phủ. Nhưng trong lúc vô số vụ kiện khác phát sinh từ các tiết lộ này tiếp tục lặn lội chậm chạp và thận trọng qua các tòa án, tôi càng thấy rõ hơn rằng sự phản kháng của của luật pháp Mỹ đối với việc giám sát hàng loạt chỉ là giai đoạn thử nghiệm của những gì sẽ thành một phong trào phản kháng quốc tế, tiến hành đầy đủ trên cả khu vực chính phủ và khu vực tư nhân.

Phản ứng của các nhà tư bản công nghệ đối với các bí mật phơi bày này là tức thời và mạnh mẽ, một lần nữa chứng minh rằng những mối nguy cực độ thường sinh ra những đồng minh bất ngờ. Các tài liệu vạch trần rằng NSA đã theo đuổi bất kỳ và mọi thông tin nào họ cho là cố tình giấu giếm, một cách quyết liệt tới mức cơ quan này phá hoại luôn các giao thức mã hóa cơ bản của Internet - chẳng hạn, làm cho các hồ sơ tài chính và y tế của công dân dễ bị xâm phạm hơn, và trong quá trình ấy đã gây tổn hại cho các doanh nghiệp phụ thuộc vào việc khách hàng ủy thác những dữ liệu nhạy cảm như vậy. Đáp lại, Apple đã áp dụng phương pháp mã hóa mặc định vững chắc cho các máy iPhone và iPad của hãng này, và Google cũng làm tương tự cho các sản phẩm Android và Chromebook của mình. Nhưng có lẽ sự thay đổi trong khu vực tư nhân quan trọng nhất đã diễn ra khi các doanh nghiệp trên toàn thế giới quyết định chuyển đổi nền tảng website của họ, thay thế giao thức HTTP *(Hypertext Transfer Protocol* - Giao thức truyền siêu văn bản) bằng HTTPS được mã hóa (S là *"security"* tức là bảo mật), giúp ngăn chặn việc can thiệp của bên thứ ba vào luồng lưu thông truy cập Web. Năm 2016 là một bước ngoặt trong lịch sử công nghệ, năm

đầu tiên kể từ khi phát minh ra Internet mà lưu lượng truy cập web được mã hóa đã vượt xa lưu lượng không được mã hóa.

Internet bây giờ chắc chắn là an toàn hơn so với năm 2013, nhất là khi toàn thế giới đột nhiên nhận ra sự cần thiết của các công cụ và ứng dụng được mã hóa. Bản thân tôi cũng tham gia thiết kế và sáng tạo ra một vài ứng dụng trong số đó, qua công việc của tôi là người đứng đầu tổ chức Tự do Báo chí *(Freedom of the Press Foundation* - FPF), một tổ chức phi lợi nhuận chuyên bảo vệ và trợ lực cho nền báo chí công ích trong thiên niên kỷ mới. Một phần trách nhiệm quan trọng của tổ chức này là duy trì và củng cố Tu chính án Một và Bốn thông qua việc phát triển các công nghệ mã hóa. Với mục đích đó, FPF hỗ trợ tài chính cho Signal, một nền tảng nhắn tin và gọi điện được mã hóa do Open Whisper Systems sáng tạo ra, và phát triển SecureDrop (ban đầu được lập trình bởi Aaron Swartz quá cố), một hệ thống chuyển giao tài liệu dùng mã nguồn mở cho phép các cơ quan báo chí tiếp nhận an toàn các tài liệu từ những người tố cáo ẩn danh và các nguồn tin khác. Ngày nay, SecureDrop có phiên bản cho mười ngôn ngữ và được hơn bảy mươi tổ chức truyền thông trên toàn thế giới sử dụng, bao gồm *New York Times, Washington Post, Guardian* và *New Yorker.*

Trong một thế giới hoàn hảo, nói cách khác đó là một thế giới không tồn tại, luật pháp công chính sẽ khiến những công cụ này trở nên lỗi thời. Nhưng trong thế giới duy nhất mà chúng ta có, những công cụ này lại cần thiết hơn bao giờ hết. Có được một thay đổi trong luật là điều vô cùng khó đạt được hơn là thay đổi trong tiêu chuẩn công nghệ, và chừng nào việc cải cách pháp lý còn tụt hậu so với đổi mới công nghệ thì các tổ chức sẽ còn tìm cách lạm dụng sự chênh lệch đó để tăng cường lợi ích của họ. Điều này khiến các nhà phát triển phần cứng và phần mềm độc lập, mã nguồn mở, phải thu hẹp khoảng cách đó bằng cách cung cấp các biện pháp bảo vệ những quyền tự do dân sự quan trọng mà luật pháp có thể không có khả năng, hoặc không muốn, bảo đảm.

Trong hoàn cảnh hiện tại, tôi đã liên tục được nhắc nhở về thực tế rằng luật pháp mang tính đặc thù của từng quốc gia, trong khi công nghệ thì không. Mỗi quốc gia đều có quy luật pháp lý riêng đều dùng chung một quy luật máy tính như nhau. Công nghệ đi qua mọi biên giới và mang theo gần như mọi hộ chiếu. Theo thời gian, tôi càng ngày càng thấy rõ là việc dùng pháp lý cải tổ chế độ giám sát của đất nước tôi sinh ra không nhất thiết là hữu ích cho một nhà báo hay một người bất đồng ở đất nước tôi lưu vong, nhưng một chiếc smartphone được mã hóa có thể lại rất có ích.

$_0O_0$

Khắp thế giới, các tài liệu tố cáo đã giúp khôi phục lại những cuộc tranh luận về do thám công dân ở những nơi có lịch sử lạm dụng lâu dài. Các quốc gia có công dân phản đối việc giám sát hàng loạt của Mỹ nhiều nhất lại là những quốc gia có chính phủ hợp tác chặt chẽ nhất với Mỹ, từ các nước trong liên minh Five Eyes - đặc biệt là Anh quốc với cơ quan Tổng bộ Thông tin Chính phủ *(Government Communications Headquarters* - GCHQ) vẫn là đối tác chính của NSA - cho đến các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu. Đức, nước đã cố gắng nhiều để đương đầu với một quá khứ mật vụ, chính là điển hình quan trọng nhất cho sự phân cách này. Công dân và các nhà lập pháp Đức đã kinh hoàng khi biết rằng NSA đang giám sát thông tin liên lạc của Đức và thậm chí đã nhắm mục tiêu vào smartphone của Thủ tướng Angela Merkel. Cùng lúc đó, Cơ quan Tình báo Liên bang *(Bundesnachrichtendienst* - BND) của Đức đã hợp tác với NSA trong nhiều hoạt động, thậm chí thực hiện một số sáng kiến giám sát ủy thác nhất định mà NSA không thể hoặc không muốn tự mình xúc tiến.

Gần như mọi quốc gia trên thế giới đều thấy mình bị ràng buộc tương tự: công dân phẫn nộ, chính phủ đồng lõa. Dân chúng luôn coi sự giám sát là sự nguyền rủa nền dân chủ, nhưng bất kỳ chính phủ dân cử nào dựa vào giám sát để duy trì quyền kiểm soát toàn bộ công dân thì thực sự không còn là một nền dân chủ nữa. Sự bất đồng nhận thức như vậy trên quy mô địa chính trị đã giúp đưa những lo ngại về quyền riêng tư trở lại với đối thoại quốc tế trong bối cảnh nhân quyền.

Lần đầu tiên kể từ khi kết thúc Thế chiến II, các chính phủ dân chủ tự do trên toàn thế giới đã đề cập đến quyền riêng tư như là quyền tự nhiên, vốn có của mọi người nam nữ, lớn bé. Nói như thế tức là họ đã nhắc lại Tuyên ngôn Nhân quyền Liên Hiệp Quốc năm 1948, mà điều 12 nêu rõ: "Không một ai phải bị can thiệp tùy tiện vào quyền riêng tư, gia đình, nhà ở hoặc thư tín của mình, cũng không phải bị xúc phạm danh dự và uy tín. Mọi người đều có quyền được luật pháp bảo vệ trước những can thiệp hoặc xúc phạm như vậy". Giống như tất cả các tuyên bố của Liên Hiệp Quốc, văn kiện đầy khao khát này không bao giờ thực thi được, nhưng mục đích của nó là ghi khắc một nền tảng mới cho các quyền tự do dân sự liên quốc gia trong một thế giới vừa mới chứng kiến những tội ác hạt nhân và mưu toan

diệt chủng và đang phải đối mặt với một làn sóng người tị nạn và người không quốc gia chưa từng thấy.

Vẫn còn chịu ảnh hưởng chủ nghĩa lý tưởng phổ quát thời hậu chiến, Liên minh EU giờ đây đã trở thành cơ quan liên quốc gia đầu tiên áp dụng các nguyên tắc này khi đưa ra một chỉ thị mới nhằm chuẩn hóa các biện pháp bảo vệ người tố cáo giữa các quốc gia thành viên, cùng với khung pháp lý được chuẩn hóa để bảo vệ quyền riêng tư. Năm 2016, Nghị viện EU đã thông qua Quy định Bảo vệ Dữ liệu Chung *(General Data Protection Regulation* - GDPR), nỗ lực quan trọng nhất cho tới nay để ngăn chặn các cuộc xâm lược của bá quyền công nghệ mà EU, không phải là không công bằng, thường xem đó là một phần mở rộng của bá quyền Mỹ.

Quy định GDPR xem các công dân của Liên minh Châu Âu, mà văn kiện này gọi là "pháp nhân đương nhiên", cũng chính là "chủ thể dữ liệu" - đó là những người tạo ra những dữ liệu có thể xác định là riêng tư. Ở Mỹ, dữ liệu thường được coi là tài sản của bất cứ ai thu thập được. Nhưng EU lại công nhận dữ liệu là tài sản của người mà nó đại diện, điều này cho phép EU xem tư cách chủ thể dữ liệu của chúng ta là xứng đáng với các biện pháp bảo vệ tự do dân sự.

Quy định GDPR chắc chắn là một tiến bộ pháp lý lớn, nhưng ngay cả yếu tố liên quốc gia của nó cũng quá khu biệt: Internet là toàn cầu. Tư cách pháp nhân đương nhiên của chúng ta sẽ không bao giờ đồng nghĩa về mặt pháp lý với tư cách chủ thể dữ liệu của chúng ta, nhất là vì pháp nhân sống ở một nơi vào một lúc nào đó trong khi chủ thể nằm ở nhiều nơi cùng một lúc.

Ngày nay, bất kể bạn là ai, hay bạn ở đâu, về thể xác, thể chất, thì bạn cũng đang tồn tại ở nơi khác, ở nước khác - những cái tôi nhân bội đang lang thang trên các đường truyền tín hiệu, không có quốc gia nào để gọi là quốc gia của chính bạn, thế nhưng phải tuân thủ luật pháp của mọi quốc gia mà bạn đi qua. Những hồ sơ lưu trữ về một cuộc sống ở Geneva đang nằm ở Beltway. Những bức ảnh của một đám cưới ở Tokyo đang hưởng tuần trăng mật ở Sydney. Các video về một đám tang ở Varanasi được tải lên đám mây iCloud của Apple, đám mây điện toán này một phần nằm ở các máy chủ tại bang Bắc Carolina của tôi và một phần nằm rải rác trong các máy chủ đối tác của Amazon, Google, Microsoft và Oracle, trên khắp EU, Anh, Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan và Trung Quốc.

Dữ liệu của chúng ta lang thang khắp nơi. Dữ liệu của chúng ta lang thang bất tận.

Chúng ta bắt đầu tạo ra dữ liệu này từ trước khi ra đời, khi các công nghệ phát hiện ra ta trong tử cung, và dữ liệu của ta sẽ tiếp tục sinh sôi ngay cả sau khi ta chết. Tất nhiên, những ký ức được tạo ra một cách có ý thức, những hồ sơ mà ta quyết định lưu giữ, chỉ là một phần rất nhỏ của lượng thông tin mà các công nghệ do thám của chính phủ và doanh nghiệp vắt kiệt từ cuộc đời ta mà ta không hay biết và đồng ý. Chúng ta là những người đầu tiên trong lịch sử mà điều này là sự thật, là những người đầu tiên phải lãnh gánh nặng bất tử dữ liệu, cái thực tế là các hồ sơ thu thập về chúng ta có thể tồn tại vĩnh viễn. Đây là lý do chúng ta phải có một trách nhiệm đặc biệt. Ta phải bảo đảm sao cho không ai được sử dụng những hồ sơ quá khứ của ta để làm hại ta hoặc làm hại con cháu ta.

Ngày nay, quyền tự do mà chúng ta gọi là quyền riêng tư đang được bảo vệ bởi một thế hệ mới. Chưa ra đời vào sự kiện 11/9, họ đã sống cả cuộc đời dưới bóng ma của sự giám sát toàn diện này. Chưa từng biết đến thế giới nào khác, những người trẻ tuổi này đã tự dốc tâm tưởng tượng ra một thế giới mới, và chính óc sáng tạo có chính kiến và sự tài giỏi về công nghệ của họ đã cho tôi hy vọng.

Tuy nhiên, nếu chúng ta bây giờ không hành động để giành lại dữ liệu của mình thì con cháu ta có lẽ sẽ không có khả năng làm điều đó. Như vậy các thế hệ sau cũng sẽ bị sa bẫy - mỗi thế hệ tiếp nối đều buộc phải sống dưới bóng ma dữ liệu của thế hệ trước, thành đối tượng của những công nghệ tổng hợp thông tin đại chúng có khả năng kiểm soát xã hội và thao túng con người không những vượt xa các biện pháp kiềm chế của pháp luật mà còn vượt xa giới hạn của trí tưởng tượng.

Ai trong chúng ta đoán được tương lai? Ai dám dự đoán? Câu trả lời cho câu hỏi đầu tiên là không có ai cả, thực sự, và câu trả lời cho câu hỏi thứ hai là tất cả mọi người, đặc biệt là mọi chính phủ và doanh nghiệp trên hành tinh này. Đối với họ, đó chính là cách sử dụng những dữ liệu về chúng ta. Các thuật toán sẽ phân tích dữ liệu cá nhân để tìm các dạng thức hành vi đã định hình rồi ngoại suy ra các hành vi sắp tới - một kiểu tiên tri kỹ thuật số chỉ chính xác hơn một chút so với các phương pháp tương tự như xem chỉ tay. Một khi bạn đã đi sâu vào các cơ chế kỹ thuật thực tế để tính toán dự đoán, bạn sẽ hiểu rằng ngành khoa học này thật sự là phản khoa học và bị đặt tên sai trầm trọng: dự đoán thật ra chính là thao túng. Một website mà báo cho bạn biết rằng vì bạn thích cuốn sách này, bạn cũng có thể thích những cuốn sách của các cựu giám đốc tình báo Mỹ như James Clapper hoặc Michael Hayden, thì đó không phải là một phỏng đoán có cơ sở mà là một kỹ xảo cưỡng ép tinh vi.

Chúng ta không được cho phép bản thân mình bị sử dụng theo cách đó, bị sử dụng để chống lại tương lai. Chúng ta không được cho phép dữ liệu của mình bị sử dụng để bán cho chúng ta chính những điều không được bán, chẳng hạn như nghề báo. Nếu không, thứ báo chí chúng ta có sẽ chỉ là thứ báo chí mà chúng ta muốn, hoặc là thứ báo chí mà những thế lực muốn chúng ta có, chứ không phải là cuộc đối thoại chung trung thực cần phải có. Chúng ta không được cho phép công nghệ do thám gần như vạn năng này "tính toán" điểm số quyền công dân của ta, hoặc để "dự đoán" về hoạt động tội phạm của ta; để báo cho ta biết mình có thể được hưởng loại giáo dục nào, hoặc làm loại công việc nào, hoặc liệu ta có được đi học hoặc đi làm hay không; để phân biệt đối xử dựa trên lịch sử tài chính, pháp lý và y tế, chưa kể đến yếu tố sắc tộc hay chủng tộc vốn là những khái niệm suy diễn mà dữ liệu thường giả định hoặc áp đặt. Và đối với dữ liệu riêng tư nhất của chúng ta - thông tin di truyền: Nếu ta cho phép sử dụng nó để nhận dạng cá nhân, thì nó sẽ được sử dụng để biến ta thành nạn nhân, thậm chí làm biến đổi chúng ta - để tái tạo ngay chính bản chất con người của chúng ta theo hình ảnh của cái công nghệ đang cố nắm quyền kiểm soát.

Tất nhiên, tất cả những điều trên đã xảy ra rồi.

$_0O_0$

Lưu vong: Không một ngày nào trôi qua kể từ ngày 1 tháng 8 năm 2013 mà tôi không nhớ rằng "lưu vong" trong ký ức niên thiếu của tôi đồng nghĩa với mất kết nối mạng, tức là "chết". Wi-Fi đứt? Chết. Ngoài vùng phủ sóng? Chết. Cái kẻ đã từng nói những điều đó bây giờ dường như quá non nớt đối với tôi. "Hắn" dường như đã quá xa xăm.

Khi mọi người hỏi cuộc sống của tôi bây giờ như thế nào, tôi thường trả lời rằng nó rất giống với cuộc sống của họ ở điểm là tôi dành phần lớn thời gian ngồi trước máy tính - đọc, viết, tương tác. Từ nơi mà báo chí hay gọi là "một địa điểm không được tiết lộ" - thực tế đó là bất kỳ căn hộ hai phòng ngủ nào ở Moscow mà tôi tình cờ thuê được - tôi dùng công nghệ truyền hình trực tuyến để đi khắp các diễn đàn thế giới, nói chuyện về việc bảo vệ quyền tự do dân sự trong thời đại kỹ thuật số với công chúng là sinh viên, học giả, nhà lập pháp và chuyên gia công nghệ.

Có những ngày tôi họp qua mạng với các bạn thành viên hội đồng quản trị của tổ chức Freedom of the Press Foundation, hoặc nói chuyện với nhóm luật sư châu Âu của tôi, do Wolfgang Kaleck điều hành, tại Trung tâm Hiến

pháp và Nhân quyền châu Âu. Những ngày khác, tôi chỉ đi mua bánh mì Burger King - tôi trung thành với ông vua bánh mì này - và chơi những trò chơi mà tôi buộc phải dùng phiên bản không hợp lệ vì tôi không còn sử dụng thẻ tín dụng nữa. Một việc cố định trong cuộc sống của tôi là hằng ngày cập nhật tình hình với Ben Wizner, luật sư người Mỹ, người bạn tâm giao và nhà cố vấn đa năng ở Liên minh ACLU, người đã hướng dẫn tôi về thế giới đang diễn biến trong thực tế và chịu đựng những suy ngẫm của tôi về một thế giới như nó lẽ ra phải thế.

Đó là cuộc sống của tôi. Cuộc sống ấy trở nên tươi sáng hơn nhiều vào mùa đông băng giá năm 2014, khi Lindsay sang thăm - lần đầu tiên tôi gặp cô ấy kể từ khi rời Hawaii. Tôi đã cố gắng không mong đợi quá nhiều, vì tôi biết mình không xứng đáng với cơ hội này; điều duy nhất tôi xứng đáng là một cái tát vào mặt. Nhưng khi tôi mở cửa, Lindsay đưa tay vuốt má tôi và tôi nói với Lindsay là tôi yêu cô ấy.

"Suỵt", cô nói, "em biết".

Chúng tôi ôm nhau trong im lặng, mỗi hơi thở như một lời cam kết sẽ bù đắp thời gian đã mất.

Từ lúc đó, thế giới của tôi thuộc về Lindsay. Trước đây, tôi chỉ thích quanh quẩn trong nhà - thật vậy, đó vốn là ý thích của tôi trước khi tôi đến Nga - nhưng Lindsay vẫn khăng khăng: Cô ấy chưa bao giờ đến Nga và bây giờ chúng tôi sẽ cùng nhau làm du khách.

Anatoly Kucherena, luật sư người Nga của tôi, là người đã giúp tôi xin tị nan ở đất nước này - ông ấy là luật sư duy nhất có tầm nhìn xa khi xuất hiện tại phi trường cùng với một người phiên dịch. Ông là người có văn hóa và giỏi xoay xở, và ông giải quyết việc tìm vé xem nhạc kịch vào phút chót cũng tài tình như việc hướng dẫn các vấn đề pháp lý cho tôi. Ông ấy đã giúp thu xếp hai chỗ ngồi tại Nhà hát Bolshoi, cho nên tôi và Lindsay mặc quần áo đẹp và đi xem, mặc dù tôi phải thừa nhận rằng mình cũng cảnh giác. Có quá đông người, tất cả chen chúc vào một khán phòng. Lindsay chắc là cảm nhận được sự bất an ngày càng tăng của tôi. Khi ánh đèn mờ đi và tấm màn kéo lên, cô nghiêng người, huých vào sườn tôi và thì thầm, "Chẳng có ai tới đây vì anh đâu. Họ tới đây xem hát thôi".

Lindsay và tôi cũng dành thời gian ghé một số bảo tàng ở Moscow. Bảo tàng Mỹ thuật Tretyakov có một trong những bộ sưu tập tranh thánh tượng Chính thống Nga dồi dào nhất thế giới. Các họa sĩ đã vẽ những bức tranh này cho Giáo hội chủ yếu là người vẽ thuê nên thường không được ký tên của mình vào tác phẩm, hoặc là không thích ký. Thời đại và truyền thống

khuyến khích các tác phẩm loại này không bận tâm mấy đến việc công nhận thành tựu cá nhân. Khi Lindsay và tôi đứng trước một trong những bức tranh thánh ấy, một du khách nhỏ, một bé gái tuổi thiếu nữ, đột nhiên bước lên đứng giữa chúng tôi. Đây không phải là lần đầu tiên tôi được công chúng nhận biết, nhưng với sự hiện diện của Lindsay thì chuyện này chắc chắn có nguy cơ trở thành đề tài báo chí. Bằng tiếng Anh giọng Đức, cô bé xin phép được chụp một kiểu ảnh *selfie* cùng chúng tôi. Tôi không biết nguyên do phản ứng của mình - có lẽ đó là do cách hỏi lịch sự và rụt rè của cô bé người Đức này, hoặc có thể là do phong thái luôn luôn lạc quan, thây kệ của Lindsay - nhưng khi đó tôi đã đồng ý ngay không do dự. Lindsay mỉm cười trong lúc cô bé kia tạo dáng giữa hai chúng tôi và chụp một kiểu ảnh. Rồi sau mấy lời dễ thương tỏ ý ủng hộ, cô bé đi ra.

Một lúc sau tôi kéo Lindsay ra khỏi bảo tàng. Tôi lo rằng nếu cô bé ấy đăng bức ảnh lên một mạng xã hội nào đó thì chẳng mấy chốc chúng tôi sẽ bị chú ý ngoài ý muốn. Bây giờ tôi thấy mình thật ngu ngốc khi nghĩ như vậy. Khi đó tôi cứ lo lắng kiểm tra trên mạng, nhưng bức ảnh ấy không hề xuất hiện. Không phải chỉ hôm đó, và không phải ngày hôm sau. Theo như tôi biết, bức ảnh ấy không bao giờ được chia sẻ - đó chỉ là một kỷ niệm riêng tư của một khoảnh khắc cá nhân.

$_0O_0$

Bất cứ lúc nào đi ra ngoài, tôi cố gắng thay đổi ngoại hình một chút. Có lẽ tôi cạo sạch bộ râu của mình, có thể tôi đổi cặp kính khác. Tôi không bao giờ thích trời lạnh cho đến khi tôi nhận ra rằng một chiếc mũ và khăn quàng cổ chính là cách ẩn danh tiện lợi và kín đáo nhất thế giới. Tôi thay đổi nhịp bước và tốc độ đi bộ của mình, và trái với lời khuyên sáng suốt của má tôi, tôi không nhìn xe cộ khi băng qua đường, đó là lý do tại sao tôi chưa bao giờ bị ghi hình trên mọi máy camera hành trình mà ô-tô nào ở đây cũng gắn. Đi ngang qua các tòa nhà có gắn camera quan sát, tôi cúi đầu xuống, để không ai nhìn thấy tôi như họ đã thấy những lúc tôi nói chuyện qua mạng - thấy trực diện. Tôi đã từng lo lắng về xe buýt và tàu điện ngầm, nhưng ngày nay ai ai cũng đều quá bận rộn nhìn chằm chằm vào điện thoại của họ nên chẳng buồn liếc nhìn tôi hai lần. Nếu đi taxi, tôi sẽ báo taxi đón ở một trạm xe buýt hoặc ga tàu điện ngầm cách nơi tôi sống vài dãy phố và thả tôi xuống ở một địa chỉ cách nơi tôi đến vài khu nhà.

Hôm nay, tôi đã đi một quãng đường dài quanh thành phố xa lạ này, cố gắng tìm một vài bông hồng. Hoa hồng đỏ, hoa hồng trắng, thậm chí là hoa violet xanh. Hoa nào cũng được. Tôi không biết tên tiếng Nga của bất kỳ thứ hoa nào. Tôi chỉ biết nói lẩm bẩm và chỉ tay.

Lindsay nói tiếng Nga tốt hơn tôi. Cô ấy cũng cười dễ dàng hơn, kiên nhẫn và bao dung và ân cần hơn.

Tối nay, chúng tôi mừng một kỷ niệm. Lindsay đã đến sống luôn từ ba năm trước, và hai năm trước đúng ngày này, chúng tôi đã kết hôn.

$_0O_0$

Lời cảm tạ

VÀO THÁNG NĂM 2013, trong lúc tôi ngồi trong phòng khách sạn ở Hồng Kông, không biết có nhà báo nào sẽ xuất hiện để gặp tôi không, tôi chưa bao giờ cảm thấy mình đơn độc đến thế. Sáu năm sau, tôi thấy mình trong một hoàn cảnh hoàn toàn ngược lại, sau khi đã được chào đón vào một tập thể toàn cầu phi thường và ngày càng mở rộng gồm các nhà báo, luật sư, chuyên gia công nghệ và những người ủng hộ nhân quyền mà tôi mắc nợ họ một món nợ khôn tính nổi. Khi kết thúc một cuốn sách, theo truyền thống thì tác giả sẽ phải cảm ơn những người đã góp sức cho cuốn sách ra đời, và tôi chắc chắn muốn làm điều đó ở đây, nhưng trong hoàn cảnh này, tôi sẽ có lỗi nếu tôi không cảm ơn những người đã giúp cho cuộc sống của tôi khả dĩ tốt nhất - qua việc bênh vực cho quyền tự do của tôi, và đặc biệt là qua việc hoạt động không ngừng nghỉ và vô vụ lợi để bảo vệ xã hội cởi mở của chúng ta cũng như những công nghệ đã kết nối chúng ta, cùng tất cả mọi người, với nhau.

Trong chín tháng qua, Joshua Cohen đã đưa tôi đến trường dạy viết văn, giúp biến những ký ức lan man và bản tuyên ngôn cất kín của tôi thành một cuốn sách mà tôi hy vọng anh ấy có thể tự hào.

Chris Parris-Lamb đã chứng tỏ mình là một người đại diện tác giả khôn ngoan và kiên trì, trong khi Sam Nicholson giúp biên tập những đoạn cần sắc sảo và cần làm sáng tỏ, cũng như toàn bộ đội ngũ tại nhà xuất bản Metropolitan, từ Gillian Blake đến Sara Bershtel, Riva Hocherman và Grigory Tovbis.

Thành công của đội ngũ này là một minh chứng cho tài năng của các thành viên, và tài năng của người đã tập hợp được đội ngũ - Ben Wizner, luật sư của tôi, và tôi vinh dự được nói rằng, bạn của tôi.

Cũng tương tự, tôi muốn cảm ơn đội ngũ luật sư quốc tế đã làm việc không mệt mỏi để giữ cho tôi được tự do. Tôi cũng muốn cảm ơn Anthony Romero, giám đốc tổ chức Liên minh Dân quyền Mỹ (ACLU), người đã ủng hộ mục đích của tôi vào thời điểm có rủi ro chính trị đáng kể cho tổ chức này, cùng với các nhân sự ACLU khác đã giúp đỡ tôi trong suốt những năm qua, bao gồm Bennett Stein, Nicola Morrow, Noa Yachot và Daniel Kahn Gillmor.

Ngoài ra, tôi cũng muốn cảm tạ công sức của Bob Walker, Jan Tavitian và nhóm của họ ở American Program Bureau, những người đã giúp tôi kiếm

sống bằng cách truyền bá thông điệp của mình đến những khán giả mới trên khắp thế giới.

Trevor Timm và các thành viên hội đồng quản trị của tôi ở Tổ chức Tự do Báo chí (FPF) đã cung cấp không gian và nguồn lực để tôi quay lại với niềm đam mê đích thực của mình, thiết kế công nghệ vì lợi ích xã hội. Tôi đặc biệt biết ơn cựu giám đốc công nghệ Micah Lee, cựu giám đốc điều hành Emmanuel Morales của FPF, và thành viên hội đồng quản trị hiện tại Daniel Ellsberg của FPF, người đã làm gương cho thế giới về tính chính trực, và đã cho tôi một tình bạn nồng hậu và vô tư.

Cuốn sách này được viết bằng phần mềm miễn phí và mã nguồn mở. Tôi xin cảm ơn các dự án Qubes Project, Tor Project, và Free Software Foundation.

Những hiểu biết đầu tiên của tôi về việc thế nào là viết cho kịp thời hạn chót đã bắt nguồn từ các bậc thầy, Glenn Greenwald, Laura Poitras, Ewen Macaskill, và Bart Gellman, những người mà tính chuyên nghiệp của họ được đúc kết từ một lòng liêm chính thiết tha. Giờ chính tôi cũng được biên tập thì tôi càng cảm kích các chủ bút của những nhà báo này, những người không chấp nhận bị đe dọa và sẵn sàng chịu rủi ro để bảo vệ các nguyên tắc nghề báo của họ.

Lòng biết ơn sâu sắc nhất của tôi xin dành cho Sarah Harrison.

Và trái tim tôi thuộc về gia đình tôi, rộng mở và cận kề - ba tôi, Lon, má tôi, Wendy, và người chị tài giỏi của tôi, Jessica.

Cách duy nhất tôi có thể kết thúc cuốn sách này là cách mà tôi đã bắt đầu: bằng một lời đề tặng cho Lindsay, tình yêu của em đã tạo nên cuộc sống trong cảnh lưu vong.

$_0O_0$

Notes

[←1]

Nguyên tác “Big Masheens” - ý tác giả chỉ việc mình nói theo giọng miền Nam, máy móc là Machine, thay vì Masheen. (BTV)

Table of Contents

- Giới thiệu
- Acknowledgement
- Lời tựa
- Phần MỘT
  - 1. Nhìn qua cửa sổ
  - 2. Bức tường vô hình
  - 3. Cậu bé ở Beltway
  - 4. Người Mỹ lên mạng
  - 5. Hack - Phá bỏ áp đặt
  - 6. Không hoàn thành
  - 7. 11 tháng Chín
  - 8. 12 tháng Chín
  - 9. Quân trường
  - 10. Lý lịch và tình yêu
- Phần HAI
  - 11. Hệ thống
  - 12. Homo Contractus - Chủng loại người mới
  - 13. Truyền bá
  - 14. Bá tước trên đỉnh đồi
  - 15. Geneva
  - 16. Tokyo
  - 17. Ngôi nhà trên mây
  - 18. Chán chường
- Phần BA
  - 19. Đường hầm
  - 20. Nhịp tim
  - 21. Tố cáo
  - 22. Quyền lực thứ tư
  - 23. Đọc, ghi, thực thi
  - 24. Mã hóa
  - 25. Đứa trẻ
  - 26. Hồng Kông
  - 27. Moscow

28. Trích nhật ký của Lindsay Mills
29. Tình yêu và lưu vong
Lời cảm tạ